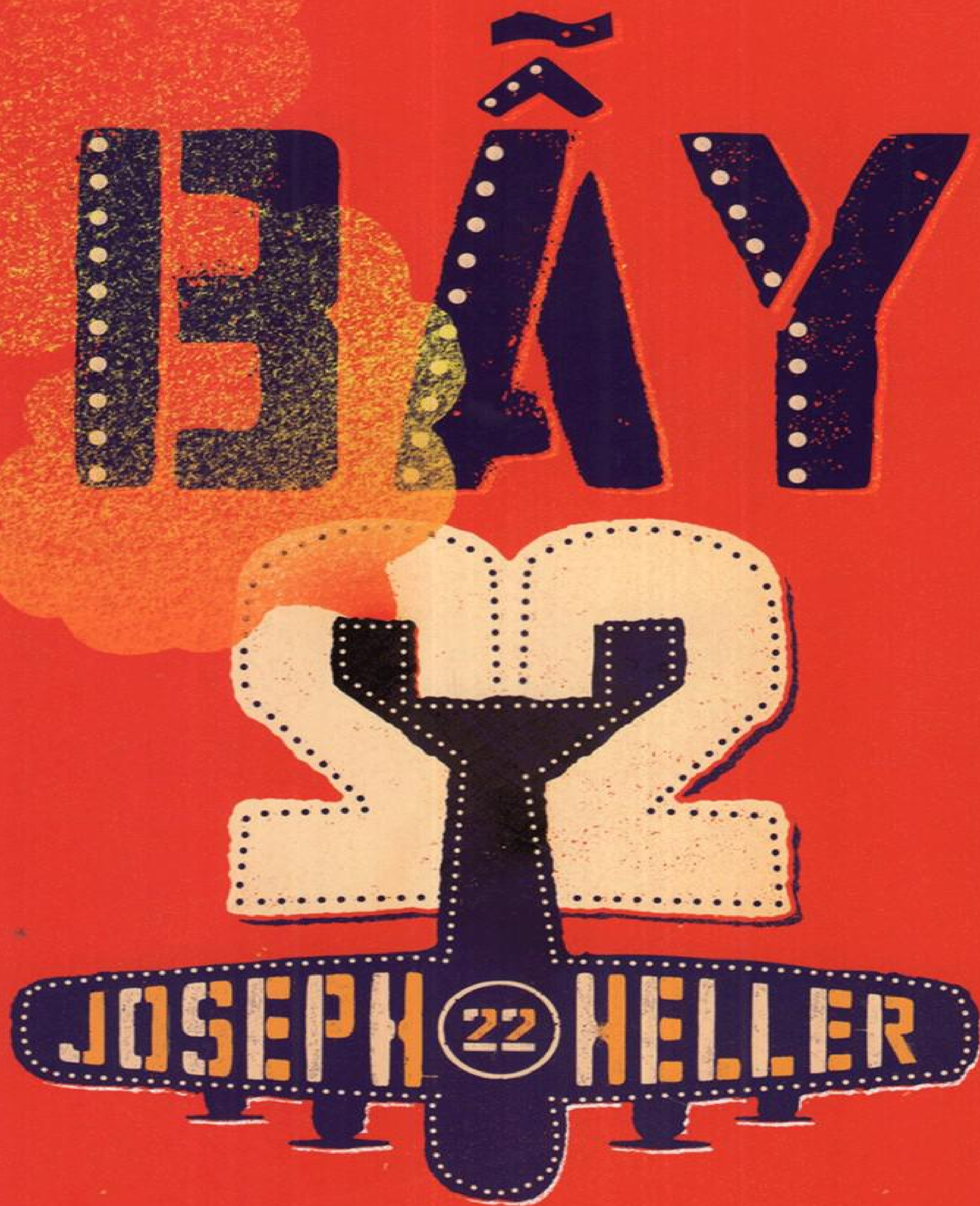

BẪY
22
JOSEPH HELLER
LẠC KHÁNH NGUYÊN DỊCH
nhã nam
NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

BẪY

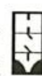
22

JOSEPH HELLER

BẪY 22

LẠC KHÁNH NGUYÊN DỊCH





NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

Dành tặng mẹ và Shirley,

Cùng các con tôi, Erica và Ted

1 GÃ TEXAS

Đó là tình yêu từ cái nhìn đầu tiên.

Ngay lần đầu gặp mặt Yossarian đã si mê cha tuyên úy đến rồ dại.

Yossarian phải nằm viện vì bị đau gan, chỉ kém đau hơn khi bị bệnh vàng da một chút. Các bác sĩ ở đây đau đầu bởi vì đó không thực sự là bệnh vàng da. Nếu nó tiến triển đủ để thành bệnh vàng da thật thì họ đã biết cách chữa. Nếu nó không thành bệnh vàng da mà khỏi dần thì họ đã có thể cho y xuất viện. Nhưng việc nó cứ mãi ngấp nghé bệnh vàng da khiến cho họ rất bối rối.

Sáng nào họ cũng đến giường y, ba người đàn ông nhậm lẹ và nghiêm túc với những cái miệng hiệu suất cao và những cặp mắt hiệu suất thấp, tháp tùng là y tá Duckett nhậm lẹ và nghiêm túc, một trong số nhiều y tá trực phòng không ưa Yossarian. Họ đọc bảng thông số ở đuôi giường và sốt ruột hỏi y về chỗ đau. Có vẻ như họ rất bực khi những câu trả lời của y vẫn hệt như trước.

"Vẫn chưa đại tiện được?" viên đại tá hỏi.

Họ đưa mắt nhìn nhau khi y lắc đầu.

"Cho anh ta thêm một viên thuốc nữa."

Y tá Duckett ghi sổ để sau còn cho y thêm một viên thuốc rồi bốn người bọn họ đi tiếp sang giường bên cạnh. Chẳng y tá nào thích Yossarian. Thực ra thì y đã không còn cảm thấy đau gan nữa, nhưng Yossarian cứ ỉm đi mà các bác sĩ không mảy may nghi ngờ. Họ chỉ nghi y đã đại tiện được mà không nói với ai.

Trong bệnh viện Yossarian có tất cả những gì y muốn. Thức ăn không quá tệ, lại được phục vụ tận giường. Còn được thêm khẩu phần thịt tươi, và đến chiều nóng nực thì y và các bệnh nhân khác còn được uống nước quả lạnh hoặc sữa sô cô la lạnh. Ngoại trừ đám bác sĩ và y tá, không ai quấy rầy y. Mỗi buổi sáng y chỉ mất một chút thời gian để kiểm duyệt thư, nhưng sau đó thì y được tự do nằm ườn cả ngày mà không hề cắn rứt lương tâm. Y thấy rất thoải mái trong bệnh viện, và việc tiếp tục ở lại đây với y là khá dễ dàng bởi vì lúc nào thân nhiệt y cũng ở mức hơn 38 độ. Y thậm chí còn thoải mái hơn cả Dunbar, gã này cứ phải liên tục ngã dập mặt thì mới được phục vụ ăn uống tại giường.

Sau khi hạ quyết tâm sẽ nằm viện đến khi chiến tranh kết thúc, Yossarian viết thư cho tất cả người quen để nói rằng y đang phải nằm viện nhưng không giải thích tại sao. Một ngày kia y nảy ra một ý hay hơn. Y nói với tất cả bọn họ rằng y đang thực thi một nhiệm vụ vô cùng nguy hiểm. “Cần có người xung phong. Đó là một nhiệm vụ rất nguy hiểm nhưng vẫn phải có ai đó đảm nhiệm. Tôi sẽ viết thư kể cho anh nghe ngay khi tôi trở về.” Và kể từ đó y không viết thư nữa.

Tất cả các bệnh nhân là sĩ quan ở đây đều buộc phải kiểm duyệt thư của các bệnh nhân là lính trơn - những người này nằm ở một khu riêng khác. Đó là một công việc đơn điệu, và Yossarian rất thất vọng khi biết rằng cuộc sống của những kẻ đó chỉ hơi thú vị hơn đôi

chút so với cuộc sống của những sĩ quan ở đây. Ngay sau ngày đầu tiên y đã không còn tò mò gì nữa. Để phá vỡ sự đơn điệu, y nghĩ ra các trò chơi. Một hôm y tuyên án tử đối với tất cả các thành phần bổ nghĩa, và trong ngày hôm đó mọi trạng từ và mọi tính từ đã buộc phải ra đi khỏi các lá thư qua tay y. Ngày hôm sau y lại tuyên chiến với đám mạo từ. Hôm sau nữa, sức sáng tạo đã được nâng lên tầm cao mới khi y bôi đen đi tất cả, chỉ để lại những mạo từ: *"cái"*, *"con"*, và *"chiếc"*. Y cảm thấy như thế sẽ tạo ra thêm sức căng nội tuyến mãnh liệt, và trong hầu hết trường hợp sẽ tạo ra một thông điệp mang tính phổ quát hơn nhiều. Không lâu sau đó y trục xuất các phần chào hỏi và chữ ký, giữ nguyên phần còn lại. Lần khác thì y bôi đen đi tất cả chỉ để lại câu chào "Mary thân yêu" ở một lá thư, và ở dưới y viết thêm, "Anh khát khao em đến nát tan. R.O. Shipman, Cha tuyên úy, Quân đội Mỹ." R.O. Shipman là tên của cha tuyên úy trong đơn vị của y.

Khi đã thủ đủ trò với lá thư, y chuyển sang tấn công tên và địa chỉ trên phong bì, xóa sạch số nhà và tên phố, tiêu diệt toàn bộ tên thành phố chỉ bằng mấy cú lắc cổ tay cứ như thể y là Thượng đế. Bẫy-22 quy định rằng tất cả các thư được kiểm duyệt đều phải có tên người kiểm duyệt. Hầu hết các lá thư y không đọc chút nào. Trên các lá thư mà y không hề đọc chút nào thì y viết tên mình. Trên những lá thư y có đọc thì y viết "Washington Irving"(1). Khi chán thì sửa thành "Irving Washington". Màn kiểm duyệt phong bì này đã gây ra một số hậu quả nghiêm trọng, gây ra một làn sóng lo âu trên tầng chỉ huy quân sự cấp cao, một làn sóng đã xô một nhân viên C.I.D(2). trong vai bệnh nhân dạt trở lại phòng bệnh. Tất cả mọi người đều biết gã là người của C.I.D. bởi vì gã cứ liên tục hỏi về một sĩ quan có cái tên Irving hoặc Washington và bởi vì ngay sau ngày đầu tiên

gã đã không kiểm duyệt thư nữa. Gã cho rằng việc này quá đơn điệu.

Phòng điều trị lần này thật tốt, một trong những phòng tốt nhất mà y và Dunbar từng được hưởng. Ở cùng bọn họ là một đại úy lái máy bay chiến đấu hai mươi tư tuổi lưa thưa ria vàng từng bị trúng đạn rơi xuống biển Adriatic giữa mùa đông mà thậm chí không hề bị cảm lạnh. Giờ thì đã là mùa hè, viên đại úy này không hề bị bắn rơi, nhưng gã vẫn bảo mình mắc bệnh cúm. Bên phải Yossarian, vẫn đắm đuối nằm sấp trên giường là một đại úy có bệnh sốt rét trong máu và bị muỗi đốt ở mông. Bên kia lối đi là Dunbar, và cạnh Dunbar là một tay đại úy pháo binh, giờ thì Yossarian đã không còn chơi cờ với gã nữa. Tay đại úy này chơi cờ khá tốt và những ván cờ luôn rất hay. Yossarian không chơi cờ với gã nữa bởi vì những ván cờ này hay tới mức trở nên ngớ ngẩn. Tiếp theo là một gã người Texas có học với vẻ bên ngoài giống như một kẻ màu mè huênh hoang, gã cảm thấy, theo đường lối ái quốc, rằng những người có tiền - những người tử tế - cần phải có nhiều quyền biểu quyết hơn những kẻ phiêu bạt, gái điếm, tội phạm, bọn sa đọa, vô thần và không tử tế - những kẻ không có tiền.

Hôm đó khi Yossarian đang giải phóng nhịp điệu cho các lá thư thì người ta chuyển gã Texas đó đến. Hôm ấy vẫn là một ngày yên tĩnh, nóng bức và bình yên như bao ngày. Cái nóng ép mạnh lên mái nhà, bóp nghẹt mọi tiếng động. Dunbar nằm ngửa bất động, mắt trợn trừng nhìn lên trần nhà như mắt búp bê. Gã đang nỗ lực tăng tuổi thọ của mình. Gã làm việc đó bằng cách nuôi dưỡng sự buồn chán. Dunbar nỗ lực tăng tuổi thọ của mình đến mức Yossarian tưởng như gã đã chết. Người ta đặt gã Texas trên một giường giữa

phòng và chẳng mấy chốc gã đã chia sẻ quan điểm của mình về mọi thứ.

Dunbar ngồi bật dậy. “Nghĩ ra rồi,” gã hào hứng reo lên. “Thiếu một cái gì đó - tôi đã luôn cảm thấy thiếu thiếu một cái gì đó - và giờ thì tôi đã biết đó là cái gì rồi.” Gã đấm nắm tay vào lòng bàn tay. “Không có lòng yêu nước,” gã dõng dạc tuyên bố.

“Anh nói đúng,” Yossarian gào lên đáp lại. “Anh đúng, anh đúng, anh đúng. Miếng xúc xích, đội bóng chày Brooklyn Dodgers. Chiếc bánh táo mẹ làm. Mọi người chiến đấu đều là vì chúng. Nhưng ai sẽ chiến đấu vì những người tử tế? Ai sẽ đấu tranh đòi nhiều quyền biểu quyết hơn cho những người tử tế? Không có lòng yêu tổ quốc, đúng thế đấy. Và cũng chả có tình yêu quê hương.”

Tay chuẩn úy ở bên trái Yossarian chẳng hề bị ấn tượng. “Ai thèm quan tâm chứ?” gã mệt mỏi hỏi và trở mình quay mặt đi để ngủ.

Gã Texas hóa ra lại là một kẻ tốt bụng, hào phóng và dễ thương. Ba ngày sau không còn ai có thể chịu đựng được gã.

Gã đã gây ra những cơn run rẩy vì bực tức ào ạt trên những cột sống mong manh, và tất cả đều bỏ chạy khỏi gã - tất cả ngoại trừ một binh sĩ trắng xóa, anh ta chẳng có lựa chọn nào khác. Binh sĩ trắng xóa được bó kín từ đầu đến chân trong băng gạc và bột thạch cao. Anh ta có hai cẳng chân vô dụng và hai cánh tay vô dụng. Anh ta bị tuồn vào viện buổi đêm và mọi người ở đây không biết gì cho đến sáng hôm sau khi thức dậy nhìn thấy cặp giò kỳ quái đang bị treo lủng lẳng, hai cánh tay kỳ quái đang neo lại trên cao, vuông góc với thân mình, cả tứ chi bị giữ chặt trên không một cách kỳ quái nhờ những quả tạ chì ủ ê treo bên trên anh ta. Được khâu vào lớp băng trên hõm cả hai khuỷu tay là hai mấu như hai cặp môi có khóa kéo,

qua đó anh ta được truyền vào người thứ dịch trong suốt từ một chiếc bình trong suốt. Một ống kẽm lặng lẽ mọc lên từ khối thạch cao ở háng được nối với một ống cao su mảnh để vận chuyển chất thải từ thận đi, nhỏ nó vào một cái bình trong suốt nút chặt trên sàn. Khi chiếc bình trên sàn đã đầy và chiếc bình ở trên đã cạn thì chúng được thay rất nhanh sao cho dịch liên tục chảy vào trong người anh ta. Tất cả những gì mà bọn họ thực sự nhìn thấy ở binh sĩ trắng xóa này chỉ là một lỗ đen sờn rách trên vị trí của miệng.

Binh sĩ trắng xóa được bố trí nằm cạnh gã Texas, và gã Texas ngồi trên mép giường mình mà nói chuyện với anh ta suốt cả buổi sáng, buổi chiều và buổi tối bằng chất giọng Texas lè nhè mềm mỏng và đầy cảm thông. Gã Texas không mảy may bận tâm việc chẳng có ai đáp lời gã.

Nhiệt độ cơ thể của bệnh nhân được đo hai lần một ngày. Mỗi ngày vào sáng sớm và vào chiều muộn, y tá Cramer lại bước vào phòng với một chiếc bình đầy nhiệt kế rồi chật vật đi từng dãy giường, xuôi hết một dãy rồi ngược lại ở dãy tiếp theo, phát cho mỗi bệnh nhân một chiếc. Với binh sĩ trắng xóa kia thì cô nhét nhiệt kế vào cái lỗ ở miệng, tựa nó vào mép dưới cho khỏi rơi ra. Khi đi được một vòng và quay lại bệnh nhân ở giường đầu tiên, cô thu nhiệt kế về và ghi lại nhiệt độ, sau đó đi tới giường tiếp theo, cứ thế cho đến khi hết cả phòng. Vào một buổi chiều khi cô đã đi hết vòng đầu tiên để phát nhiệt kế và đến chỗ binh sĩ trắng xóa lần hai để đọc nhiệt độ thì cô phát hiện ra anh ta đã chết.

“Kẻ giết người,” Dunbar thì thầm nói.

Gã Texas ngẩng lên nhìn, miệng cười gượng.

“Đồ sát nhân,” Yossarian nói.

“Các anh nói gì vậy?” gã Texas lo lắng hỏi.

“Anh đã giết anh ta,” Dunbar nói.

“Anh đã sát hại anh ta,” Yossarian nói.

Gã Texas co rúm lại. “Các anh điên rồi. Tôi thậm chí còn không chạm vào anh ta.”

“Anh đã giết anh ta,” Dunbar nói.

“Tôi nghe người ta nói anh đã sát hại anh ta,” Yossarian nói.

“Anh giết anh ta bởi vì anh ta là dân da đen,” Dunbar nói.

“Các anh điên rồi,” gã Texas thốt lên. “Bọn da đen đâu có được phép vào đây. Có khu riêng dành cho chúng.”

“Tên hạ sĩ đã lén đưa anh ta vào đây,” Dunbar nói.

“Một hạ sĩ cộng sản,” Yossarian nói.

“Và anh biết điều đó.”

Tay chuẩn úy ở bên trái Yossarian có vẻ chẳng quan tâm gì đến vụ binh sĩ trắng xóa. Thật ra gã chẳng quan tâm đến bất cứ chuyện gì và nếu không phải để tỏ lòng bực bội thì sẽ không bao giờ mở miệng.

Hôm trước ngày Yossarian gặp cha tuyên úy, một chiếc lò sưởi đã phát nổ trong nhà ăn tập thể làm cháy luôn một bên nhà bếp. Hơi nóng dữ dội phụt ra khắp cả khu. Thậm chí ở trong phòng bệnh của Yossarian, cách đó gần ba trăm thước, người ta vẫn có thể nghe thấy tiếng gầm gào của ngọn lửa và những tiếng nổ lách tách đanh tai của gỗ cháy. Khói bay qua những ô cửa sổ ánh cam. Sau khoảng mười lăm phút thì những xe cứu hỏa từ sân bay mới tới. Trong suốt nửa giờ hoảng loạn tình hình rất nguy hiểm. Sau đó thì lính cứu hỏa

mới bắt đầu giành được thế chủ động. Bỗng có tiếng ù ù của một đoàn máy bay ném bom đang trở về, lính cứu hỏa vội cuộn vòi rồng lại và nhanh chóng quay về phi trường phòng khi có chiếc máy bay nào đâm vào đâu mà bốc cháy. Những chiếc máy bay đã hạ cánh an toàn. Ngay khi những chiếc cuối cùng hạ cánh, những người lính cứu hỏa liền quay đầu xe cứu hỏa và phi ngược trở lại đồi để chữa cháy cho bệnh viện. Khi họ về đến nơi thì đám cháy đã tắt. Nó đã tự tắt ngóm, không còn dù chỉ là một đốm than hồng để mà tưới nước lên, và đám lính cứu hỏa đầy thất vọng chẳng còn việc gì làm ngoài ngồi uống cà phê nhạt và tán tỉnh các nữ y tá.

Cha tuyên úy đến đây một ngày sau vụ hỏa hoạn. Yossarian đang bận cắt bỏ tất cả mọi thứ, chỉ để lại những từ lãng mạn trong các bức thư, thì cha tuyên úy đến ngồi ở một chiếc ghế đặt giữa hai giường và hỏi thăm sức khỏe y. Gã ngồi nghiêng về một phía nên tất cả những gì Yossarian nhìn thấy chỉ là một quân hàm đại úy đính trên ve áo. Yossarian không biết đó là ai và cứ thế cho rằng đó là một bác sĩ hoặc một kẻ điên nữa.

"Ồ vâng rất khỏe," y đáp lời. "Tôi hơi đau gan và không phải là anh chàng khỏe mạnh nhất phòng, chắc vậy, nhưng nhìn chung cũng phải thừa nhận rằng tôi cảm thấy khá ổn."

"Vậy thì tốt," cha tuyên úy nói.

"Vâng," Yossarian nói. "Vâng, vậy thì tốt."

"Tôi cũng muốn tới đây sớm hơn," cha tuyên úy nói, "nhưng tôi không được khỏe lắm."

"Tệ thật," Yossarian nói.

"Chỉ nhức đầu sổ mũi thôi," cha tuyên úy nhanh chóng bổ sung.

“Tôi thì bị sốt lên tới ba tám độ,” Yossarian cũng bổ sung nhanh không kém.

“Tệ thật,” cha tuyên úy nói.

“Vâng,” Yossarian gật đầu. “Vâng, tệ thật.”

Cha tuyên úy bồn chồn. “Tôi có thể giúp gì anh không?” ngập ngừng một lát rồi gã cũng nói.

“Không, không.” Yossarian thở dài. “Tôi nghĩ là các bác sĩ ở đây đều đã cố gắng hết mức con người có thể rồi.”

“Không, không.” Cha tuyên úy thoáng đỏ mặt. “Ý tôi không phải vậy. Chẳng hạn như thuốc lá… sách… hay đồ chơi.”

“Không, không,” Yossarian nói. “Xin cảm ơn. Tôi nghĩ là tôi đã có tất cả những gì cần thiết - tất cả trừ một thân thể khỏe mạnh.”

“Vậy thì tệ thật.”

“Vâng,” Yossarian nói. “Vâng, vậy thì tệ thật.”

Cha tuyên úy lại ngọ nguậy. Gã liếc ngang liếc dọc vài lần, nhìn lên trần nhà rồi lại nhìn xuống sàn. Sau đó thở một hơi thật dài.

“Trung úy Nately muốn gửi lời hỏi thăm anh,” gã nói.

Yossarian rất chán khi biết rằng họ có bạn bè chung. Cuối cùng thì dường như họ có nền tảng để bắt đầu trò chuyện. “Anh có biết trung úy Nately à?” y hỏi với vẻ tiếc nuối.

“Vâng, tôi biết khá rõ trung úy Nately.”

“Cậu ta hơi dở hơi, nhỉ?”

Nụ cười của cha tuyên úy trở nên thẹn thùng. “Tôi e là tôi không thể nói được. Tôi không nghĩ mình lại biết rõ về cậu ấy tới mức đó.”

“Về chuyện này thì anh có thể tin lời tôi,” Yossarian nói. “Cậu ta ngớ ngẩn hết mức.”

Cha tuyên úy kéo trĩu khoảnh khắc im lặng tiếp theo đó xuống rồi đột ngột đập tan nó bằng câu hỏi. “Anh là đại úy Yossarian phải không?”

“Nately có một khởi đầu rất tệ. Ấy là cậu ta lại xuất thân từ một gia đình tốt.”

“Làm ơn thứ lỗi cho tôi,” cha tuyên úy e dè hỏi lại. “Rất có thể tôi đã nhầm lẫn. Anh có phải là đại úy Yossarian?”

“Vâng,” đại úy Yossarian thừa nhận. “Tôi là đại úy Yossarian.”

“Thuộc phi đoàn 256?”

“Thuộc phi đoàn chiến đấu 256,” Yossarian đáp lời. “Tôi không biết liệu có đại úy Yossarian nào khác không. Như tôi được biết thì tôi là đại úy Yossarian duy nhất, nhưng đó chỉ là trong phạm vi những gì tôi biết.”

“Tôi hiểu,” cha tuyên úy buồn rầu nói.

“Tức là phi đoàn chiến đấu hai mũ tám,” Yossarian chỉ ra, “nếu như anh muốn viết một bài thơ tượng trưng về phi đoàn của chúng tôi.”

“Không,” cha tuyên úy lầm bầm. “Tôi không định viết một bài thơ tượng trưng về phi đoàn của anh.”

Yossarian đột ngột ngồi thẳng dậy khi y nhìn thấy một chữ thập bạc nhỏ xíu ở ve áo bên kia của cha tuyên úy. Y kinh ngạc cực độ, bởi vì trước đó y chưa bao giờ được nói chuyện với ai làm cha tuyên úy.

“Anh là cha tuyên úy quân đội à,” y reo lên phấn khích. “Tôi không biết anh là cha tuyên úy đấy.”

“Ồ, vâng,” cha tuyên úy trả lời. “Anh không biết tôi là cha tuyên úy thật à?”

“Ồ, không. Tôi không biết anh là cha tuyên úy.” Yossarian chăm chú nhìn gã với nụ cười rộng ngoác và mê mẩn. “Tôi chưa từng gặp một ai làm cha tuyên úy.”

Cha tuyên úy lại đỏ mặt nhìn xuống đôi bàn tay mình. Đó là một anh chàng mảnh khảnh có lẽ ba mươi hai tuổi với mái tóc nâu nhạt và cặp mắt nâu nhút nhát. Gương mặt nhỏ nhắn và hơi nhợt nhạt. Một ổ vết mụn ngây thơ nằm dưới gò mỗi bên má. Yossarian thấy muốn giúp đỡ gã.

“Liệu tôi có giúp gì anh được không?” cha tuyên úy hỏi.

Yossarian lắc đầu, vẫn toét miệng cười. “Không, tôi rất tiếc. Tôi đã có tất cả những gì cần thiết và tôi rất thoải mái. Thực ra tôi thậm chí còn không có bệnh.”

“Vậy thì tốt.” Ngay khi vừa thốt ra những từ này, cha tuyên úy đã lập tức cảm thấy hối tiếc, gã ấn vội các khớp ngón tay nắm chặt vào miệng cùng một tiếng bật cười hoảng hốt, nhưng Yossarian vẫn im lặng và làm cho gã thất vọng. “Tôi còn phải đi thăm mấy người nữa trong nhóm,” rốt cuộc gã cáo lỗi. “Tôi sẽ lại tới gặp anh, có thể là ngày mai.”

“Nhớ đến nhé,” Yossarian nói.

“Tôi sẽ chỉ tới nếu anh muốn,” cha tuyên úy nói, bẽn lẽn cúi đầu. “Tôi nhận thấy mình đã làm cho nhiều người ở đây khó chịu.”

Mặt Yossarian bừng lên vẻ yêu thương. “Tôi muốn anh đến,” y nói. “Anh sẽ không làm tôi thấy khó chịu.”

Cha tuyên úy rạng rỡ đầy vẻ biết ơn rồi đưa mắt ngó xuống một mẩu giấy gã vẫn giấu trong tay suốt nãy giờ. Gã đếm số giường, môi mấp máy, rồi gã ngập ngừng tập trung chú ý vào Dunbar.

“Cho phép tôi hỏi,” gã khẽ thì thào, “đó có phải là trung úy Dunbar không?”

“Vâng,” Yossarian trả lời rõ to, “đó là trung úy Dunbar.”

“Cảm ơn anh,” cha tuyên úy thì thào. “Cảm ơn anh rất nhiều. Tôi phải thăm anh ấy. Tôi phải thăm tất cả mọi người trong bệnh viện này.”

“Kể cả những kẻ ở phòng khác à?” Yossarian hỏi.

“Kể cả những người ở phòng khác.”

“Hãy cẩn thận với những kẻ ở phòng khác nhé Cha,” Yossarian cảnh báo. “Đó là chỗ những ca thần kinh. Bọn họ toàn những kẻ điên.”

“Không cần phải gọi tôi là Cha,” cha tuyên úy nói. “Tôi là tu sĩ theo dòng Anabaptist.”

“Chuyện về những phòng khác là rất nghiêm túc đó,” Yossarian dứt khoát khẳng định. “Quân cảnh sẽ không bảo vệ được anh đâu, bởi vì họ chính là những kẻ điên nhất. Tôi có thể đi cùng anh, nhưng tôi sợ đến chết mất. Bệnh điên vốn dễ lây lan. Đây là phòng duy nhất trong bệnh viện không bị điên. Tất cả mọi người đều bị điên ngoại trừ chúng tôi. Về mặt này mà nói thì đây có lẽ là phòng bệnh duy nhất không có người điên trên cả thế giới này.”

Cha tuyên úy đứng dậy rất nhanh và lách khỏi giường bệnh của Yossarian, gật đầu cười xòa và hứa sẽ hành động cẩn trọng. “Giờ tôi phải đến thăm trung úy Dunbar đây,” gã nói. Nhưng gã vẫn nán lại, đầy vẻ ăn năn. “Trung úy Dunbar thì thế nào nhỉ?” cuối cùng gã hỏi.

“Rất tốt,” Yossarian trấn an gã. “Một ông hoàng đích thực. Một trong số những người tốt nhất và ít tận tụy nhất trên toàn thế giới.”

“Ý tôi không phải vậy,” cha tuyên úy trả lời, rồi lại thì thào. “Anh ấy bệnh có nặng lắm không?”

“Không, anh ta không bệnh lắm đâu. Thực ra thì anh ta chẳng có bệnh gì cả.”

“Vậy thì tốt.” Cha tuyên úy thở phào nhẹ nhõm.

“Vâng,” Yossarian nói. “Vâng, vậy thì tốt.”

“Một cha tuyên úy,” Dunbar nói sau khi cha tuyên úy đến hỏi thăm gã và rời đi. “Anh có thấy không? Một cha tuyên úy.”

“Gã cũng dễ thương nhỉ?” Yossarian nói. “Có lẽ họ nên bầu cho gã ba phiếu.”

“Họ là ai vậy?” Dunbar ngờ vực hỏi.

Trên một giường bệnh trong góc nhỏ dành riêng ở cuối phòng, luôn làm việc không ngừng nghỉ phía sau lớp gỗ dán màu xanh lá, là một đại tá nghiêm nghị trung tuổi ngày nào cũng được một phụ nữ dịu dàng khuôn mặt xinh đẹp tóc xoăn vàng nhạt tới thăm nom, không phải là y tá, không phải là nữ quân nhân, cũng không thuộc hội Chữ thập đỏ nhưng vẫn đều đặn có mặt tại bệnh viện ở Pianosa mỗi chiều trong những bộ váy áo mùa hè màu phấn nhạt xinh xắn rất lịch sự cùng đôi giày da trắng bít mũi gót hơi cao bên dưới đôi tất

nylon với đường may đương nhiên là rất thẳng. Viên đại tá thuộc binh chủng Thông tin, và suốt ngày đêm gã luôn bận rộn truyền đi các thông điệp nhớp nháp từ bên trong cơ thể vào các miếng gạc hình vuông, cẩn thận niêm phong chúng lại và đưa vào trong một cái thùng trắng có nắp đặt trên bàn cạnh giường. Viên đại tá rất điển trai. Gã có khuôn miệng sâu hoắm, gò má sâu hoắm, đôi mắt buồn và sâu hoắm như phủ đầy nấm sương. Mặt gã màu bạc ảm đạm. Gã ho rất khẽ khàng, thận trọng, rồi chấm nhẹ những miếng gạc vào môi với vẻ chán ghét đã trở thành phản xạ tự nhiên.

Viên đại tá chìm trong một vòng xoáy các chuyên gia vẫn đang chuyên tâm tìm cách xác định xem bệnh của gã là gì. Họ chiếu đèn vào mắt gã để xem gã còn nhìn được không, chọc kim vào dây thần kinh để xem gã có còn cảm giác không. Có chuyên gia tiết niệu lo cho nước tiểu của gã, có chuyên gia bạch huyết học cho bạch huyết của gã, có chuyên gia nội tiết cho nội tiết tố của gã, có chuyên gia tâm lý học cho tâm lý của gã, có chuyên gia da liễu cho da của gã; có chuyên gia bệnh học để theo dõi cảm xúc của gã, có chuyên gia tế bào học cho mụn cóc của gã, và có cả một chuyên gia hải dương học hói đầu và mô phạm đến từ khoa Động vật học trường Harvard, từng bị phũ phàng tống vào Quân y do một lỗi ở cực dương của một máy tính IBM, để cố gắng thảo luận về *Moby Dick* với viên đại tá suốt các phiên điều trị của mình.

Viên đại tá đã được săm soi rất kỹ. Không có bộ phận nào trong người gã mà chưa bị dùng thuốc và động tới, bị lau chùi và nạo vét, bị sờ mó và chụp ảnh, bị cắt bỏ, tước đoạt và thay thế. Gọn ghẽ, mảnh mai và đứng thẳng, người phụ nữ thường xuyên vuốt ve gã mỗi khi cô ngồi xuống bên giường, và mỗi lần cô mỉm cười đều là một mẫu mực của vẻ buồn bã trang nghiêm. Viên đại tá rất cao, gầy

và hơi gù. Mỗi khi đứng dậy để đi, gã thậm chí còn chúi về phía trước nhiều hơn, biến cơ thể gã thành hình một cái hố sâu, đặt chân rất thận trọng, nhích về phía trước từng phân tính từ đầu gối xuống. Dưới cặp mắt gã là những quầng thâm tím. Người phụ nữ nói rất khẽ, khẽ hơn cả tiếng ho của gã, và chưa ai trong phòng này nghe thấy tiếng cô bao giờ.

Trong vòng chưa tới mười ngày, gã Texas đã dọn sạch phòng bệnh. Viên đại úy pháo binh bỏ chạy đầu tiên, sau đó cuộc di tản bắt đầu. Dunbar, Yossarian và tay đại úy lái máy bay chiến đấu, tất cả cùng chuồn trong một buổi sáng. Dunbar không còn bị chóng mặt nữa, còn tay đại úy phi công đã xì hết mức mũi. Yossarian nói với các bác sĩ rằng y đã hết đau gan. Đơn giản thế đấy. Đến cả tay chuẩn úy cũng chạy. Trong vòng chưa tới mười ngày, gã Texas đã khiến cho tất cả mọi người trong phòng quay lại chiến trường - tất cả mọi người trừ gã C.I.D., gã này đã lây cúm từ tay đại úy phi công rồi biến chứng thành viêm phổi.

2 CLEVINGER

Tuy nhiên xét ở khía cạnh khác thì gã C.I.D. cũng khá may mắn, bởi vì bên ngoài bệnh viện chiến tranh vẫn tiếp diễn. Những người lính phát điên rồi được trao thưởng mề đay. Khắp nơi trên thế giới, các gã trai ở cả hai bên chiến tuyến đang ngã xuống cho cái mà người ta bảo họ là tổ quốc, và dường như chẳng ai thèm bận tâm, ít nhất là chẳng ai trong số những gã trai đang ngã xuống ấy. Không thấy có dấu hiệu kết thúc nào trong tầm mắt. Kết thúc duy nhất thấy được là ở trong tầm mắt của Yossarian: y đã có thể ở trong bệnh viện đến tận ngày phán quyết nếu không có gã Texas yêu nước với xương hàm hình phễu, nụ cười ngớ ngẩn nhàu nhĩ bất khả hủy hoại ngoác ra vĩnh viễn ngang mặt tiền khuôn mặt như vành của một chiếc mũ đen mười-ga lông[3] ấy. Gã Texas muốn tất cả mọi người trong phòng được vui vẻ ngoại trừ Yossarian và Dunbar. Gã quả thật rất bệnh.

Nhưng Yossarian không thể vui vẻ được, mặc dù đấy chính là điều gã Texas muốn, bởi vì những gì đang xảy ra bên ngoài bệnh viện chả có gì vui thú cả. Điều duy nhất đang diễn ra là chiến tranh, và chẳng có ai để ý đến chuyện này ngoài Yossarian và Dunbar. Và khi Yossarian cố gắng nhắc mọi người về điều này thì họ đuổi y đi và cho rằng y bị điên. Ngay cả Clevinger, một kẻ lẽ ra phải biết rõ hơn,

thậm chí đã bảo Yossarian rằng y bị điên trong lần nói chuyện gần đây nhất, ngay trước khi Yossarian chuồn vào viện.

Clevinger đã trừng mắt nhìn y, phẫn nộ và điên tiết, bấu chặt bàn bằng cả hai tay, quát, “Anh điên rồi!”

“Clevinger, anh muốn gì ở mọi người?” tiếng Dunbar mệt mỏi trả lời, âm lượng chỉ vừa đủ để không bị át đi bởi tiếng ồn trong câu lạc bộ dành cho sĩ quan.

“Tôi không đùa đâu,” Clevinger khẳng định.

“Họ đang cố giết tôi,” Yossarian bình tĩnh nói với gã.

“Không có ai cố tìm cách giết anh cả,” Clevinger ré lên.

“Vậy thì tại sao họ cứ bắn vào tôi?” Yossarian hỏi.

“Họ bắn vào *tất cả mọi người* mà,” Clevinger trả lời. “Họ đang cố giết tất cả mọi người.”

“Vậy thì có khác gì đâu?”

Clevinger đã toan bỏ đi, tức giận nhỏm hẳn người ra khỏi chiếc ghế đang ngồi, đôi mắt long lên, đôi môi run rẩy tái nhợt. Cứ mỗi khi phải tranh cãi với ai về những nguyên tắc mà gã tin tưởng nhiệt thành thì cuối cùng gã đều trở nên như vậy, hổn hển dữ dội đớp lấy không khí, và chớp mắt liên tục để nuốt lại những giọt nước mắt kết tội cay đắng chực trào. Có rất nhiều nguyên tắc mà Clevinger tin tưởng nhiệt thành như vậy. Gã bị điên.

“Họ là những ai?” gã hỏi. “Anh nghĩ ai, nói cụ thể đi, đang muốn giết anh?”

“Tất cả bọn họ,” Yossarian trả lời.

“Tất cả bọn nào?”

“Thế anh nghĩ là bọn nào?”

“Tôi không biết.”

“Vậy thì làm sao anh biết họ không muốn giết tôi?”

“Bởi vì…” Clevinger ấp úng, rồi bất lực không nói nữa.

Clevinger thực lòng nghĩ mình đúng, nhưng Yossarian có bằng chứng, bởi vì những người lạ mà y chẳng quen biết gì luôn dùng súng bắn vào y mỗi lần y bay lên trời ném bom xuống đầu họ, và chuyện này chẳng buồn cười chút nào. Và nếu như thế đã không buồn cười, thì còn có rất nhiều thứ khác còn không buồn cười hơn. Không có gì buồn cười khi phải sống như một thằng ma cà bông trong một túp lều ở Pianosa, đằng sau là những dãy núi lừng lững và phía trước là mặt biển xanh ngắt tới mức có thể nuốt chửng một người trong chớp mắt rồi ba ngày sau trả lại anh ta, cả vốn lẫn lãi, người trương phềnh lên, tím bầm và thối rữa, nước chảy ra từ hai lỗ mũi lạnh ngắt.

Căn lều y ở nhìn thẳng vào bức tường rừng thưa và nhợt nhạt phía trước, ngăn cách phi đoàn của y với phi đoàn của Dunbar. Dọc theo bìa rừng là một con hào đường tàu bỏ hoang giờ đang đặt các đường ống xăng dầu hàng không dẫn thẳng tới các xe tải chở nhiên liệu ở sân bay. Nhờ có Orr, bạn cùng lều với y, nơi đó trở thành căn lều sang trọng nhất của phi đoàn. Mỗi lần Yossarian trở về từ một trong những kỳ nghỉ ở bệnh viện hoặc ở Rome, y đều ngạc nhiên trước một thứ tiện nghi nào đó mà Orr đã xây lắp thêm trong khi y đi vắng: vòi nước, bếp củi, nền xi măng. Yossarian đã chọn địa điểm, rồi y và Orr đã cùng nhau dựng lều. Orr, một gã tí hon nhăn nhở với phù hiệu phi công và mái tóc nâu dày lượn sóng chẻ ngôi giữa, là người cung cấp kiến thức, trong khi Yossarian, cao hơn, khỏe hơn,

to hơn và nhanh hơn, làm hầu hết những việc tay chân. Chỉ có bọn họ sống ở đó, mặc dù căn lều này có thể chứa được tới sáu người. Khi mùa hè đến, Orr cuộn các tấm bạt che một bên lều lên để đón một làn hơi chẳng bao giờ thành gió vào cuốn đi bầu không khí nóng như nung bên trong.

Ngay sát lều của Yossarian là Havermeyer, một gã thích ăn kẹo lạc và sống một mình trong cái lều dành cho hai người, ở đó tối tối gã bắn những con chuột đồng nhỏ xíu bằng những viên đạn khổng lồ từ khẩu .45 chôm được từ xác chết trong lều của Yossarian. Phía bên kia lều của Havermeyer là McWatt, người giờ đây không còn phải ở chung với Clevinger nữa bởi vì gã này vẫn chưa trở về từ ngày Yossarian xuất viện. McWatt hiện chung lều với Nately, cậu này đang ở Rome để tán tỉnh một cô gái điếm mà cậu đã yêu say đắm nhưng cô ta lại đang chán nghề và chán luôn cả cậu. McWatt bị điên. Gã là phi công và thường đưa máy bay xuống thấp nhất có thể, sát vào lều của Yossarian nhiều lần nhất có thể, chỉ để xem gã có thể khiến y sợ hãi đến mức nào, và rất thích khuấy động bằng một tiếng rồ máy hoang dại ngay sát bên trên bè gỗ bập bềnh trên những thùng dầu rỗng bên ngoài doi cát của bãi biển trắng tinh nơi đám lính bọn họ hay ra tắm truồng. Sống chung lều với một gã điên như vậy quả là không dễ, nhưng Nately không quan tâm. Nately cũng điên không kém, và cứ rảnh ngày nào thì lại đến làm việc ở câu lạc bộ sĩ quan mà Yossarian đã không tham gia xây dựng.

Thực ra thì có rất nhiều câu lạc bộ sĩ quan mà Yossarian không tham gia xây dựng, nhưng y rất tự hào về câu lạc bộ ở Pianosa. Nó là một tượng đài vững chãi và phức tạp tôn vinh sức mạnh lòng quyết tâm của y. Yossarian chưa từng đến đó giúp chút nào cho đến khi nó xây xong; sau đấy thì y mới tới thường xuyên, rất hài lòng với

một tòa nhà rộng lớn, đường bệ, với bảng hiệu rất dài. Đó quả là một công trình hoành tráng, và lần nào Yossarian ngây ra nhìn nó tim y cũng rộn ràng với cảm giác mãn nguyện phi thường rồi nhớ ra rằng chẳng có phần công sức nào từng đổ vào xây nó là của y hết.

Lần gần đây nhất y và Clevinger gọi nhau là đồ điên, có tất cả bốn người đang ngồi chung một bàn trong câu lạc bộ sĩ quan. Họ ngồi ở phía cuối, gần bàn chơi trò đổ súc sắc mà lúc nào Appleby cũng xoay xở giành được phần thắng. Appleby chơi đổ súc sắc cũng giỏi như chơi bóng bàn, và gã chơi bóng bàn cũng giỏi như mọi trò khác. Bất cứ việc gì Appleby làm, gã đều làm tốt. Appleby là một gã trai tóc vàng đến từ Iowa, tin vào Chúa, tình mẹ và lối sống Mỹ mà thậm chí chưa từng nghĩ về những điều này. Bất cứ ai biết Appleby đều thích gã ta.

"Tôi ghét thằng khốn đó," Yossarian càu nhàu.

Vụ cãi nhau với Clevinger đã bắt đầu từ trước đó vài phút, khi Yossarian không thể tìm được khẩu súng máy. Đó là một buổi tối bận rộn. Quầy bar đông khách, bàn súc sắc đông người, bàn bóng bàn cũng đông. Những người Yossarian muốn lia cho một tràng súng máy thì đang bận đứng ở quầy bar hát những bài sến sẩm mà chẳng có ai phát ngấy ngoài y. Thay vì bắn bọn họ bằng súng máy, y giậm mạnh gót chân lên quả bóng vừa lăn tới từ vợt của một trong hai gã sĩ quan đang chơi bóng bàn ở gần đấy.

"Đúng là Yossarian," hai gã sĩ quan phá lên cười, lắc đầu, và lấy quả bóng khác từ trong chiếc hộp đặt trên giá.

"Đúng là Yossarian," Yossarian đáp lại họ.

"Yossarian, thôi," Nately thận trọng thì thầm.

"Các anh thấy chưa?" Clevinger hỏi.

Hai gã sĩ quan lại cười khi nghe thấy Yossarian nhại bọn họ. "Đúng là Yossarian," họ nói to hơn.

"Đúng là Yossarian," Yossarian nói vọng lại.

"Yossarian, thôi đi," Nately năn nỉ.

"Các anh thấy chưa?" Clevinger hỏi. "Anh ta mắc chứng thích gây hấn chống đối xã hội đấy."

"Ôi, câm đi," Dunbar bảo Clevinger. Dunbar thích Clevinger vì Clevinger làm cho gã tức giận và khiến cho thời gian trôi chậm lại.

"Appleby thậm chí còn không ở đây," Clevinger đắc thắng chỉ ra cho Yossarian thấy.

"Ai nói gì về Appleby vậy?" Yossarian muốn biết.

"Đại tá Cathcart cũng không ở đây."

"Ai nói gì về đại tá Cathcart?"

"Thế anh ghét thằng khốn nào?"

"Thằng khốn nào đang ở đây?"

"Tôi sẽ không tranh cãi với anh nữa," Clevinger quyết định. "Anh không biết anh ghét ai."

"Bất cứ ai muốn đầu độc tôi," Yossarian bảo.

"Đâu có ai muốn đầu độc anh."

"Họ đã bỏ thuốc độc vào thức ăn của tôi hai lần, không phải sao? Không phải là họ đã bỏ thuốc độc vào thức ăn của tôi hồi trận Ferrara và Trận Vây Thành Bologna Vĩ Đại đó sao?"

“Họ bỏ thuốc độc vào thức ăn của *tất cả mọi người*,” Clevinger giải thích.

“*Thế* thì có khác gì?”

“Và đó thậm chí còn không phải là thuốc độc!” Clevinger nóng nảy thét lên, nhấn giọng mạnh hơn vì gã mỗi lúc một thêm bối rối.

Theo trí nhớ của Yossarian thì y đã kiên nhẫn mỉm cười giải thích với Clevinger, rằng có ai đó luôn ấp ủ dự định giết y. Có những người quan tâm tới y, có những người không quan tâm, và có những người không căm thù y và những người nhất định phải tóm được y. Họ căm ghét y bởi vì y thuộc dòng giống Assyria. Nhưng họ không thể động tới y được, y nói với Clevinger như vậy, bởi vì y có tinh thần khỏe mạnh trong một thể xác trong sạch, và khỏe như một con bò vậy. Họ không để động tới y bởi vì y là Tarzan, Mandrake, Flash Gordon. Y là Bill Shakespeare. Y là Cain, Ulysses, là Người Hà Lan Bay; y là Lot ở xứ Sodom, là Deirdre xứ Sorrows, là Sweeney giữa bầy chim sơn ca ở trong rừng. Y là thành phần Z-247 kỳ diệu. Y thật là…

“Điên quá đi mất!” Clevinger rít lên ngắt lời y. “Anh đích thị là thế đấy! Điên!”

“… vĩ đại. Tôi thực sự là chiến binh cừ khôi nhất, đích thực, dữ dội, trung thực với cái thiện, mạnh mẽ với ba nắm đấm. Tôi là một *siu nhưn* của cái thiện.”

“Siêu nhân ư?” Clevinger hét lên. “Siêu nhân?”

“*Siu nhưn*,” Yossarian nhắc lại.

“Này các anh, bỏ trò này đi,” Nately bối rối cầu xin. “Mọi người đang nhìn chúng ta kìa.”

“Anh điên rồi,” Clevinger gào lên dữ dội, mắt đã ầng ậng ước. “Anh đúng là bị mặc cảm Jehovah[4] rồi.”

“Tôi nghĩ tất cả mọi người đều là Nathaniel.”

Clevinger đang chuẩn bị đưa ra một bài diễn thuyết hùng hồn thì bị ngắt giữa chừng, tò mò hỏi. “Nathaniel là ai?”

“Nathaniel nào?” Yossarian ngây thơ hỏi lại.

Clevinger nhẹ nhàng lách khỏi bẫy. “Anh nghĩ tất cả mọi người đều là Jehovah. Anh chẳng hờn gì Raskolnikov[5]…”

“Ai?”

“… đúng thế, Raskolnikov, kẻ…”

“Raskolnikov!”

“… kẻ - ý tôi là - kẻ cho rằng anh ta có thể biện minh cho việc anh ta giết một bà già…”

“Chẳng hơn gì?”

“… phải, biện minh, đúng đấy - bằng một cái rìu! Và tôi có thể chứng minh điều đó cho anh thấy!” Vừa điên cuồng hớp lấy không khí, Clevinger vừa liệt kê ra các triệu chứng của Yossarian: một niềm tin vô lý rằng tất cả mọi người quanh y đều bị điên, nỗi bức xúc muốn giết sạch người lạ bằng súng máy, thói xuyên tạc quá khứ, mối nghi ngờ không có cơ sở rằng mọi người căm ghét y và có âm mưu giết y.

Nhưng Yossarian biết rằng y đúng, bởi vì, như y đã giải thích cho Clevinger, theo như y biết thì y chưa bao giờ sai. Y nhìn vào đâu cũng thấy chỗ đó điên, và tất cả những gì mà một quý ông trẻ tuổi đầy hiểu biết như y có thể làm là giữ vững quan điểm của mình giữa

ngần ấy điên khùng. Đó là một việc rất cấp bách, bởi y biết mình đang trong hiểm họa.

Yossarian thận trọng quan sát tất cả những người mà y thấy kể từ khi xuất viện trở về với phi đoàn. Milo cũng đã đi vắng, đến Smyrna để thu hoạch quả vả. Nhà ăn tập thể vẫn hoạt động trơn tru khi không có Milo. Yossarian đã hưởng ứng đầy khao khát cái hương thơm hăng hắc của thịt cừu được tẩm ướp từ lúc vẫn còn ở trong thùng chiếc xe cứu thương đang xóc nẩy phi trên con đường ngoằn ngoèo trông như một dây nịt quần bị đứt nối bệnh viện với phi đoàn. Bữa trưa có món thịt nướng, một khúc thịt xiên khổng lồ thơm phức xèo xèo như một con quỷ trên lớp than sau khi được ướp trong suốt bảy mươi hai giờ theo công thức bí mật mà Milo đã chôm được từ tay một gã lái buôn gù ở Cận Đông, thịt sẽ được ăn với cơm Iran và ngọn măng tây Parmesan, món tráng miệng sẽ là anh đào và sau đó là những ly cà phê mới pha còn bốc hơi nghi ngút cùng Benedictine và rượu mạnh. Bữa ăn được chia thành những suất ăn khổng lồ đặt trên khăn trải bàn hoa, được phục vụ bởi các bồi bàn chuyên nghiệp người Ý mà thiếu tá …de Coverley đã bắt cóc từ đất liền đem tới giao cho Milo.

Yossarian ngồi ních thức ăn cho tới khi có cảm giác như muốn nổ tung vì no và rồi rút vào một trạng thái ngẩn ngơ mãn nguyện, miệng vẫn còn nhẫy nước mỡ sót lại. Chưa sĩ quan nào trong phi đoàn từng ăn uống ở nơi nào khác mà được ngon lành như ở nhà ăn của Milo, và trong một thoáng Yossarian đã băn khoăn rằng có khi không phải tất cả đều xứng đáng. Nhưng sau đó y ợ hơi và nhớ ra rằng họ đang cố giết y, y bèn chạy như điên ra khỏi nhà ăn và tìm đến bác sĩ Daneeka để xin giải ngũ và trở về nhà. Y thấy bác sĩ Daneeka dưới nắng trời, đang ngồi trên ghế đẩu cao bên ngoài lều của ông.

“Năm mươi nhiệm vụ,” bác sĩ Daneeka bảo y, và lắc đầu.

“Đại tá muốn phải hoàn thành năm mươi nhiệm vụ.”

“Nhưng tôi mới chỉ bay được bốn mươi bốn!”

Bác sĩ Daneeka không nhúc nhích. Ông là một người buồn bã, trông giống như một con chim, với khuôn mặt hình thìa và những nét thon gọn, nuột nà của một con chuột được chăm chút.

“Năm mươi nhiệm vụ,” ông nhắc lại, và vẫn lắc đầu. “Đại tá muốn phải hoàn thành năm mươi nhiệm vụ.”

3 HAVERMEYER

Thực ra thì khi Yossarian trở về từ bệnh viện, trong lều của y không có ai ngoài Orr và một xác chết. Xác chết trong lều của Yossarian là một tai họa, và Yossarian không thích người đó mặc dù chưa nhìn thấy anh ta bao giờ. Việc có xác chết nằm ở đó suốt ngày đã khiến cho Yossarian tức giận tới mức y phải đến bàn trực nhiều lần để than phiền với trung sĩ Towser, gã này thậm chí còn không chịu thừa nhận rằng xác chết đó có tồn tại, nên dĩ nhiên là giờ Yossarian không còn đến đó than phiền nữa. Việc khiếu nại trực tiếp lên thiếu tá Major còn tuyệt vọng hơn, gã này là chỉ huy của phi đoàn, dài ngoẵng và xương xẩu, nhìn hơi giống Henry Fonda khi đang bị trầm cảm, thường nhảy luôn ra khỏi cửa sổ phòng làm việc mỗi khi Yossarian hung hăng bước qua trung sĩ Towser để tới nói với gã về chuyện đó. Xác chết trong lều của Yossarian quả là không dễ sống chung. Xác chết đó thậm chí còn làm phiền cả Orr, một người cũng không dễ sống chung chút nào, cũng là người mà vào ngày Yossarian trở về đang hàn nối vòi dẫn gas vào lò sưởi mà gã đã khởi công từ khi Yossarian còn nằm viện.

"Anh đang làm gì vậy?" Yossarian cảnh giác hỏi khi bước vào trong lều, mặc dù y đã biết ngay đó là gì rồi.

"Ở đây bị rò rồi," Orr nói. "Tôi đang cố chữa."

“Làm ơn dừng lại đi,” Yossarian nói. “Anh đang làm tôi căng thẳng đấy.”

“Hồi còn bé,” Orr đáp lời, “tôi thường đi loanh quanh cả ngày, táo dại ngậm trong má. Mỗi quả một bên.”

Yossarian, đang lấy đồ vệ sinh cá nhân ra khỏi chiếc túi vải bố quân dụng, bèn gạt luôn cái túi sang một bên mà cảnh giác suy nghĩ. Một phút trôi qua. “Tại sao?” cuối cùng y buộc phải cất tiếng hỏi.

Orr đắc thắng cười khúc khích. “Bởi vì táo tốt hơn hạt dẻ,” gã trả lời.

Orr đang quỳ trên sàn. Gã không ngơi tay, tháo cái vòi, cẩn thận trải tất cả những chi tiết nhỏ xíu ra, đếm số lượng và kỹ lưỡng nghiên cứu từng thứ một như thể chưa từng thấy thứ gì như thế, sau đó lắp tất cả lại hoàn chỉnh, rồi lại tháo ra, cứ như thế mãi mà vẫn không hề mất đi kiên nhẫn và thích thú, không có dấu hiệu mệt mỏi, không có vẻ gì sẽ kết thúc. Yossarian quan sát gã sửa chữa, và cảm thấy chắc chắn là mình sẽ buộc phải tàn nhẫn mà giết gã ngay nếu như gã không ngừng lại. Đôi mắt y di chuyển về phía con dao săn được người chết treo ở trên thanh mắc màn vào ngày đến. Con dao được treo bên cạnh bao súng da rỗng của người chết, khẩu súng trong đó đã bị Havermeyer ăn trộm.

“Khi tôi không thể kiếm được táo dại,” Orr tiếp tục kể, “tôi sẽ dùng hạt dẻ. Hạt dẻ này có cùng kích cỡ với táo dại và thực ra thì có hình dáng đẹp hơn, mặc dù hình dáng chả quan trọng gì.”

“Tại sao anh lại đi lang thang với những quả táo trong má?” Yossarian hỏi lại. “Tôi muốn hỏi điều đó đấy.”

“Bởi vì chúng có hình dáng đẹp hơn hạt dẻ,” Orr trả lời. “Tôi chả vừa nói với anh rồi còn gì.”

“Tại sao,” Yossarian trìu mến chửi gã, “đồ chó đẻ tà ác, giỏi cơ khí, bị ruồng bỏ kia, sao anh lại đi lang thang với *một thứ gì đấy* trong má kia chứ?”

“Không,” Orr nói, “không phải một thứ *bất kỳ* gì đấy. Tôi đi lang thang với táo dại ngậm trong má. Khi không kiếm được táo dại thì tôi sẽ dùng hạt dẻ. Ở trong má tôi.”

Orr cười hinh hích. Yossarian quyết định sẽ ngậm miệng không nói nữa. Orr chờ đợi. Yossarian đợi còn lâu hơn.

“Mỗi quả ở một bên má,” Orr nói.

“Tại sao?”

Orr chộp lấy. “Tại sao gì cơ?”

Yossarian lắc đầu, mỉm cười và từ chối không nói gì cả.

“Có một điều khá thú vị về chiếc van này,” Orr nói to.

“Điều gì vậy?” Yossarian hỏi.

“Bởi vì tôi muốn…”

Yossarian biết ngay. “Ôi Chúa ơi! Tại sao anh lại muốn…”

“… đôi má hình quả táo.”

“… đôi má hình quả táo?” Yossarian hỏi.

“Tôi muốn có má quả táo,” Orr nhắc lại. “Ngay từ khi còn nhỏ tôi đã muốn một ngày nào đó mình sẽ có má quả táo, và tôi đã quyết định sẽ tập luyện cho tới khi có má quả táo thật, và có Chúa chứng giám, tôi đã thực sự tập luyện vất vả, và đây là cách mà tôi đã làm:

để táo dại vào trong má cả ngày." Gã lại cười hinh hích. "Mỗi bên một quả."

"Tại sao anh lại muốn có má quả táo?"

"Không phải tôi muốn có má quả táo," Orr nói. "Tôi muốn có má thật *bự*. Tôi không quan tâm lắm đến màu sắc, nhưng tôi muốn chúng phải to. Việc tôi tập luyện thế này cũng giống như một trong mấy gã điên ta đã đọc trên báo, những kẻ cả ngày đi bóp những quả bóng cao su chỉ để cho khỏe tay. Thực ra thì tôi cũng *là* một trong mấy gã điên đó. Tôi cũng vẫn thường đi lang thang cả ngày với bóng cao su trong tay."

"Tại sao?"

"Tại sao gì cơ?"

"Tại sao anh lại đi lang thang cả ngày với những quả bóng cao su trong tay?"

"Bởi vì bóng cao su…" Orr nói.

"… thì tốt hơn quả táo dại?"

Orr gật đầu cười khẩy. "Tôi làm vậy để giữ thể diện trong trường hợp có ai đó bắt gặp tôi đang đi lang thang với những quả táo dại trong má. Với những quả bóng cao su trong tay, tôi có thể chối rằng không có quả táo dại nào trong má. Mỗi lần có ai đó hỏi tại sao tôi lại đi lang thang với táo dại trong má thì tôi chỉ việc mở lòng bàn tay ra và chỉ cho họ biết rằng tôi đi lang thang với những quả bóng cao su, chứ không phải là với những quả táo dại, và chúng đang nằm trong tay tôi, chứ không phải là trong má. Đó là một câu chuyện hay. Nhưng tôi chẳng thể biết được liệu giải thích như thế có được hay

không, bởi vì không dễ gì khiến cho người khác có thể hiểu được anh đang nói gì khi đang có hai quả táo dại trong má.”

Đến đây thì Yossarian cảm thấy khó mà hiểu nổi nữa, và một lần nữa y lại tự hỏi liệu có phải Orr đang nói chuyện với y trong khi đầu lưỡi đang nằm trong một bên má quả táo của gã.

Yossarian quyết định sẽ không thốt ra một từ nào nữa. Sẽ vô ích thôi. Y biết Orr, và y biết sẽ chẳng có cơ hội chết tiệt nào để y có thể tìm được ở gã lý do gã muốn có má bự. Chẳng ích gì hơn lần Yossarian hỏi gã sao buổi sáng hôm đó ở Rome cô điếm của Nately lại cứ cầm giày nện vào đầu gã trong hành lang chật chội bên ngoài cửa phòng đang mở toang của em gái cô ta. Cô ta cao và lực lưỡng, tóc dài, mạch máu xanh rừng rực chằng chịt chi chít ở những chỗ thớ thịt mềm và mỏng nhất trên làn da mềm mại màu ca cao, và cô ta liên tục chửi thề và ré lên và bật thật cao lên không trung trên đôi chân trần để có thể nện quả gót giày nhọn hoắt trúng đỉnh đầu gã. Cả hai đều trần truồng, và họ đã gây náo động tới mức lôi được cả cái nhà thổ đó ra ngoài hành lang xem, mỗi đôi đứng ở một cửa, tất cả đều khỏa thân ngoại trừ một bà già đeo tạp dề mặc áo len miệng đang lầm bầm quở trách và một lão già phóng đãng quang quác bình phẩm suốt vụ việc với một vẻ hân hoan bề trên đầy thèm khát. Cô gái cứ ré lên thì Orr lại cười. Mỗi lần cô ta tiếp đất cùng gót giày bổ xuống đầu Orr thì gã lại cười to hơn, khiến cô nàng điên tiết thêm mà lại bay lên cao hơn nữa để có thể phang mạnh hơn nữa vào cái đầu bù xù của gã, cặp vú khổng lồ lại được dịp tung bay như cờ căng gió, đôi mông và cặp giò khỏe mạnh lùi tiến nhịp nhàng, tất cả như một mỏ quặng phì nhiêu kinh dị. Cô nàng cứ ré lên và Orr cứ cười hinh hích cho tới lúc cô ta thét lên và hạ đo ván gã bằng một cú nện ra trò ngay chỗ thái dương, khiến gã thôi hinh hích và phải lập

tức nhập viện trên cáng với một lỗ thủng trên đầu, có điều cái lỗ không sâu lắm và chỉ gây choáng một chút nên Orr chỉ được nghỉ không phải ra trận có mười hai ngày.

Không ai có thể hiểu được điều gì đã xảy ra, ngay cả lão già quang quác và bà già lầm bầm kia, những người ở vị trí có thể thấy được tất cả những gì đã xảy ra trong cái nhà thổ khổng lồ bất tận với vô số phòng ngủ đối diện nhau qua những hành lang chật hẹp tỏa đi theo các hướng đối diện từ phòng khách buông mành chỉ có một ngọn đèn ấy. Mỗi lần gặp lại Orr sau đó cô ta đều vén váy lên quần lót vải co dãn trắng và, vừa tục tĩu chế nhạo, vừa chĩa cái bụng rắn chắc, tròn xoe vào gã, khinh miệt chửi rủa gã và rồi phá lên cười khùng khục khi nhìn thấy gã hinh hích cười sợ hãi nấp sau lưng Yossarian. Gã đã làm gì, hay đã cố gắng làm gì, hay định làm gì nhưng thất bại ở đằng sau cánh cửa đóng kín của căn phòng em gái cô điếm của Nately, tất cả vẫn là bí mật. Cô nàng không kể cho ai biết, dù là cô điếm của Nately, bất cứ cô điếm nào khác, hay Nately và Yossarian. Orr có thể sẽ nói, nhưng Yossarian đã quyết định sẽ không thốt ra một lời nào nữa.

"Anh có muốn biết tại sao tôi lại muốn có má bự không?" Orr hỏi.

Yossarian vẫn ngậm chặt miệng.

"Anh có nhớ không?" Orr nói, "lần ở Rome cô nàng ghét anh đó cứ nện gót giày lên đầu tôi ấy? Anh có muốn biết tại sao cô ta đánh tôi không?"

Quả là không thể tưởng tượng được gã đã làm gì khiến cô nàng giận tới mức phải nện vào đầu gã tới tấp trong suốt mười lăm, hai mươi phút, tuy vẫn chưa giận tới mức túm lấy chân gã xốc ngược lên mà dộng đầu gã vào đâu đấy cho lòi óc ra. Cô nàng dĩ nhiên là

đủ cao, còn Orr dĩ nhiên là đủ thấp. Orr có bộ răng thỏ và cặp mắt lồi phù hợp với đôi má bự, gã thậm chí còn nhỏ hơn cả thằng nhóc Huple, một kẻ kém may mắn khi sống ở phía bên kia đường ray, trong một cái lều ở khu hành chính nơi Hungry Joe gào thét hằng đêm trong giấc ngủ.

Khu hành chính nơi Hungry Joe đã dựng lều sai chỗ nằm ở trung tâm của phi đoàn, giữa một bên là hào đường tàu, với những đường ray hoen gỉ, và một bên là mặt đường nghiêng rải nhựa màu đen. Mấy gã có thể chăn được gái dọc theo con đường này nếu biết cách hứa hẹn sẽ đưa gái tới chỗ gái muốn, những cô gái đẫy đà, trẻ trung, quê kệch, miệng cười toe toét khoe hàm răng thiếu, mấy gã có thể lái xe chở họ tạt khỏi con đường rồi cùng nằm trên cỏ dại. Yossarian cũng làm vậy bất cứ khi nào có thể, mặc dù không thường xuyên như Hungry Joe, kẻ có thể lấy được chiếc xe Jeep nhưng lại không biết lái, vẫn năn nỉ y hãy thử. Dãy lều cho đám lính trơn trong phi đoàn nằm ở bên kia con đường, dọc theo bãi chiếu phim ngoài trời nơi ngày ngày mua vui cho đám người đang sắp chết, nơi các đội quân ngu ngốc vẫn choảng nhau suốt đêm trên một màn hình có thể gấp lại được, cũng là nơi chiều hôm đó một đoàn văn công U.S.O.[6] đã đến.

Các đoàn văn công U.S.O. do tướng P.P. Peckem điều đến, ông đã chuyển trụ sở của mình lên tận Rome và chẳng còn việc gì khác để làm trong khi lên kế hoạch chống lại tướng Dreedle. Peckem là một tướng cực kỳ coi trọng sự ngăn nắp. Ông ta là một vị tướng rất nhanh nhẹn, tinh tế và tỉ mỉ, biết cả chu vi của xích đạo, và luôn luôn viết "tăng cường" mỗi khi ý của ông là "tăng". Ông là một cái gai, và không ai biết điều này rõ hơn tướng Dreedle, ông này vừa bị chọc giận bởi một mệnh lệnh gần đây của tướng Peckem yêu cầu tất cả

các lều trong vùng chiến sự thuộc Địa Trung Hải phải được dựng thành hàng song song với nhau, sao cho tất cả cửa ra vào đều phải kiêu hãnh hướng về Đài Tưởng niệm Washington. Đối với tướng Dreedle, người luôn mặc quân phục chiến đấu, thì điều này có vẻ như quá ư nhảm nhí. Hơn nữa, việc các lều dưới trướng tướng Dreedle được dựng như thế nào chẳng liên quan khỉ gì tới tướng Peckem. Vậy nên sau đó đã xảy ra một cuộc tranh cãi sôi động về mặt pháp chế giữa hai ông tướng này và kết quả cuối cùng được xử nghiêng về phía tướng Dreedle nhờ Wintergreen, một cựu binh nhất, gã bưu tín viên trong trụ sở quân đoàn Không lực Hai mươi bảy. Wintergreen quyết định kết quả bằng cách quẳng tất cả thư từ do tướng Peckem gửi vào thùng rác. Gã thấy chúng quá dài dòng. Trong khi đó, quan điểm của tướng Dreedle được thể hiện một cách ít văn vẻ hơn lại làm hài lòng cựu binh nhất Wintergreen và được mau chóng chuyển đi theo đúng quy định. Tướng Dreedle chiến thắng vì không có đối thủ.

Để giành lại địa vị đã mất, tướng Peckem bắt đầu điều đến các đoàn văn công U.S.O. với số lượng lớn chưa từng thấy và đích thân giao cho đại tá Cargill trách nhiệm phải tạo ra đủ nhuệ khí cho binh lính.

Nhưng chẳng có chút nhuệ khí nào trong liên đoàn của Yossarian. Trong liên đoàn của Yossarian chỉ có ngày một nhiều hơn cả sĩ quan lẫn lính trơn nghiêm trang tìm gặp trung sĩ Towser nhiều lần trong một ngày chỉ để hỏi xem đã có giấy cho phép họ về nhà chưa. Đó là những người đã bay đủ năm mươi nhiệm vụ. Những người như vậy giờ đã nhiều hơn so với lúc Yossarian phải nhập viện, và họ vẫn chờ đợi. Họ lo lắng và họ cắn móng tay. Họ rất kỳ cục, như là những gã trai trẻ vô dụng đang bị trầm cảm. Họ đi

ngang, như bọn cua. Họ đợi có giấy cho phép họ ra khỏi trụ sở quân đoàn Không lực Hai mươi bảy ở Ý về nhà, và trong lúc chờ đợi họ không biết làm gì ngoài lo lắng và cắn móng tay và nghiêm trang tìm gặp trung sĩ Towser chỉ để hỏi xem giấy đã về chưa.

Họ đang phải chạy đua với thời gian và họ biết điều đó, bởi vì kinh nghiệm cay đắng cho họ biết rằng đại tá Cathcart có thể lại tăng số lượng nhiệm vụ phải hoàn thành lên bất cứ lúc nào. Họ chẳng thể làm gì ngoài chờ đợi. Chỉ Hungry Joe là có việc để làm mỗi khi xong một nhiệm vụ. Gã la hét trong ác mộng và giành chiến thắng khi choảng nhau với con mèo của Huple. Hungry Joe cầm máy ảnh lên hàng ghế đầu để chụp tất cả các buổi biểu diễn của U.S.O. và luôn cố chụp từ dưới lên một cô ca sĩ tóc vàng với hai quả bưởi bự trong bộ đầm kim sa lúc nào cũng như sẵn sàng bật tung. Những bức ảnh chưa bao giờ được công bố.

Đại tá Cargill, chuyên viên thu xếp rắc rối giúp tướng Peckem, là một gã đàn ông to khỏe. Trước chiến tranh gã từng là một trưởng phòng marketing nhanh nhảu, bốp chát và hung hãn. Gã là một trưởng phòng marketing rất tồi. Đại tá Cargill làm marketing tồi đến mức gã được rất nhiều công ty săn đuổi vì họ muốn thua lỗ để trốn thuế. Khắp thế giới văn minh, từ khu Battery Park cho tới phố Fulton, gã được biết đến là một người đáng tin cậy trong việc giảm thuế nhanh chóng. Gã trở nên rất có giá, bởi vì thất bại đến chẳng dễ chút nào. Gã phải bắt đầu làm từ trên đỉnh, rồi đi xuống, và với những người bạn đầy cảm thông ở Washington, thì việc mất tiền là chuyện không hề đơn giản. Phải mất nhiều tháng làm việc vất vả và cẩn thận lên kế hoạch sai. Một người đặt sai chỗ, tổ chức sai, tính toán sai, bỏ sót tất cả mọi yếu tố và mở toang tất cả các lỗ hổng, thế rồi ngay khi ta nghĩ mình đã làm xong việc thì chính phủ lại cho ta cả

một cái hồ hay một khu rừng hoặc một mỏ dầu và phá hỏng bét nỗ lực thua lỗ. Nhưng ngay cả với hoàn cảnh bất lợi như vậy thì ta vẫn luôn có thể tin cậy đại tá Cargill trong việc đưa những doanh nghiệp ăn nên làm ra nhất xuống hố. Đó là năng khiếu bẩm sinh của gã chứ không phải vay mượn từ ai hết.

"Hỡi anh em," đại tá Cargill bắt đầu nói tại phi đoàn của Yossarian, cẩn thận ngừng lời lại một lúc rồi mới nói tiếp. "Các anh là những sĩ quan Mỹ. Không có sĩ quan quân đội nước nào khác trên thế giới có thể tuyên bố được như vậy. Hãy nghĩ về điều này."

Trung sĩ Knight suy nghĩ và lịch sự thông báo với đại tá Cargill rằng gã đang nói chuyện với lính trơn, còn các sĩ quan đang đợi gã ở phía bên kia phi đoàn. Đại tá Cargill lập tức cảm ơn Knight và bước đi, mặt bừng lên tự mãn. Gã rất tự hào vì hai mươi chín tháng tại ngũ đã không làm thui chột năng khiếu làm hỏng việc của mình.

"Hỡi anh em," gã lại bắt đầu nói như vậy với các sĩ quan, cẩn thận dừng lại một chút. "Các anh là những sĩ quan Mỹ. Không có sĩ quan quân đội nước nào khác trên thế giới có thể tuyên bố như vậy. Hãy nghĩ về điều này." Gã đợi một lúc để cho họ có thời gian suy nghĩ. "Những người này là khách của các anh!" đột nhiên gã quát lên. "Họ đã đi hơn ba nghìn dặm để tới đây tiêu khiển cho các anh. Họ sẽ cảm thấy như thế nào nếu như không có ai đến xem? Tinh thần của họ sẽ ra sao? Này, các anh ạ, chuyện này cũng chả ảnh hưởng quái gì tới tôi. Nhưng hãy nhìn cô gái đang muốn chơi phong cầm cho các anh ngày hôm nay đã đủ lớn để làm mẹ. Các anh sẽ cảm thấy ra sao nếu mẹ của các anh đi cả nghìn dặm để chơi phong cầm cho những đội quân không muốn xem bà biểu diễn? Liệu đứa trẻ có mẹ ở độ tuổi của cô gái chơi phong cầm kia sẽ nghĩ gì khi nó

lớn lên và biết được chuyện này? Tất cả chúng ta đều biết câu trả lời. Nào, các anh, đừng hiểu lầm tôi. Tất cả chuyện này đều là tự nguyện, tất nhiên rồi. Tôi hẳn là viên đại tá kém hào hứng nhất trần đời với việc ra lệnh cho các anh đến xem và thưởng thức buổi biểu diễn của U.S.O. đó, nhưng tôi muốn tất cả các anh, người nào không bị ốm nặng tới mức phải nằm viện, phải đến buổi biểu diễn U.S.O. ngay lập tức và thưởng thức nó, *đây là một mệnh lệnh*!"

Yossarian thực sự thấy đã ốm nặng tới mức có thể quay trở lại bệnh viện, và cảm thấy càng ốm thêm sau khi hoàn thành thêm ba nhiệm vụ bay nữa mà bác sĩ Daneeka vẫn buồn bã lắc đầu và từ chối cho y giải nhiệm.

"Anh nghĩ là chỉ mình anh gặp rắc rối?" bác sĩ Daneeka bi ai quở trách y. "Còn tôi thì sao? Suốt tám năm học nghề y tôi đã ăn lạc qua ngày. Hết lạc, tôi đã phải sống nhờ thức ăn cho gà trong phòng làm việc của mình cho đến khi dựng lên được một phòng khám tươm tất với tiền kiếm được chỉ vừa đủ bù chi phí. Sau đó, ngay vào lúc phòng khám bắt đầu có lời thì họ bắt tôi nhập ngũ. Tôi chẳng thể hiểu được anh đang than phiền về chuyện gì nữa."

Bác sĩ Daneeka là bạn của Yossarian và không thể làm được gì trong phận sự của ông để giúp đỡ y được. Yossarian chăm chú lắng nghe khi bác sĩ Daneeka kể cho y nghe về đại tá Cathcart ở liên đoàn, người muốn lên cấp tướng, về tướng Dreedle ở không đoàn và nữ y tá của tướng Dreedle, về tất cả các tướng khác ở trụ sở chỉ huy Không lực Hai mươi bảy, những người từng khăng khăng rằng chỉ cần xong bốn mươi nhiệm vụ là sẽ hoàn thành nhiệm kỳ bay.

"Tại sao anh không cười lên và tận hưởng cuộc sống?" ông rầu rĩ khuyên bảo Yossarian. "Hãy như Havermeyer ấy."

Yossarian giật mình khi nghe lời khuyên này. Havermeyer là phi công cắt bom trưởng không bao giờ chọn cách tránh khỏi mục tiêu ngay cả khi có nguy hiểm và do vậy đã làm tăng nguy cơ bị bắn rơi cho tất cả những người bay cùng đội hình với gã.

"Havermeyer, thế quái nào mà anh chẳng bao giờ biết bay tránh đi khi có nguy hiểm vậy hả?" thường thì bọn họ sẽ giận dữ chất vấn gã sau mỗi chuyến bay.

"Này, các anh hãy để cho đại úy Havermeyer yên," thường thì đại tá Cathcart sẽ ra lệnh. "Anh ta là người cắt bom khủng nhất mà chúng ta có đấy."

Havermeyer cười toét miệng, gật đầu và cố giải thích với mọi người về cách gã dùng dao đi săn để khía đạn thường thành đạn nở[(7)] rồi bắn chuột đồng ngay trong lều mình tối tối. Havermeyer là tay cắt bom khủng nhất mà bọn họ có, nhưng gã luôn giữ nguyên cao độ và bay thẳng từ điểm xuất phát tới mục tiêu, thậm chí còn bay quá mục tiêu một quãng xa nữa cho đến khi gã nhìn thấy những quả bom chạm đất và phát nổ thành một cú phụt chớp nhoáng màu cam đột ngột lóe lên bên dưới màn khói mịt mù, những mảnh vụn cuồng nộ phun lên thành những đợt sóng khổng lồ cuồn cuộn màu đen và xám. Havermeyer đã khiến cho những gã trai người trần mắt thịt trong sáu chiếc máy bay sợ đến đờ người, ngồi yên bất động như lũ vịt chờ thịt khi gã cứ chăm chú dõi theo những quả bom rơi qua cái mũi đeo kính phi công và cho những tay súng Đức bên dưới đủ thời gian cần thiết để ngắm và kéo cò, giật dây, bấm nút hay bất kỳ việc của khỉ ma toi nào mà họ vẫn thường làm mỗi khi họ muốn giết những người không quen biết.

Havermeyer là phi công cắt bom trưởng không bao giờ trượt mục tiêu. Yossarian cũng là phi công cắt bom trưởng nhưng đã bị giáng cấp bởi vì y không còn quan tâm đến việc có thả bom trúng mục tiêu hay không. Y đã lựa chọn giữa sống mãi mãi hoặc chết khi tấn công, và nhiệm vụ duy nhất của y mỗi khi cất cánh là làm sao để hạ cánh mà còn sống.

Mọi người rất thích được bay sau Yossarian, y bay tới mục tiêu theo đủ mọi hướng, đủ mọi độ cao, tăng tốc khi tới gần, thăng thiên, bổ nhào, xoáy và lượn rất nhanh và lắt léo tới mức điều duy nhất mà năm phi công trong cùng tổ bay với y có thể làm chỉ là theo đúng đội hình với y, chỉ giữ nguyên độ cao trong khoảng hai đến ba giây để thả bom rồi lại phóng đi trong tiếng rú của động cơ, và ngoặt tay lái xé trời bay đi mỗi khi gặp phải những hàng rào súng phòng không kinh tởm, nhanh tới mức chẳng mấy chốc cả sáu máy bay đã tóe ra khắp bầu trời như những lời cầu nguyện, mỗi chiếc là một miếng mồi ngon cho chiến đấu cơ của Đức, với Yossarian thì như vậy cũng chẳng sao vì giờ Đức cũng chẳng còn chiến đấu cơ nữa, và y cũng không muốn có chiếc nào bị nổ gần y, nếu điều đó xảy ra. Chỉ khi đã bỏ xa mọi *Sturm und Drang*[8] lại phía sau thì y mới mệt mỏi chỉnh lại chiếc mũ chống đạn cho ngay ngắn trên cái đầu đang vã mồ hôi và thôi không gào lên để chỉ đường cho McWatt đang lái nữa, vào một thời điểm như thế thì gã này chả còn thắc mắc gì ngoài việc bom đã rơi ở đâu.

“Hết bom trong khoang rồi đấy,” trung sĩ Knight ở ghế sau trả lời.

“Ta đã đánh trúng cây cầu đó chưa?” McWatt hỏi.

“Tôi không nhìn rõ, thưa sếp, lúc trước ngồi ở ghế sau tôi cứ bị xóc nẩy lên nẩy xuống nên chẳng thấy được gì. Giờ thì khói lại mù

mịt khắp nơi nên tôi cũng không thấy nốt.”

“Này, Aarfy, bom có rơi trúng mục tiêu không?”

“Mục tiêu nào cơ?” đại úy Aardvaark, tay hoa tiêu mũm mĩm hút tẩu của Yossarian nói, nhìn vào đống bản đồ hổ lốn mà gã đã vẽ ở bên cạnh Yossarian phía đầu máy bay. “Tôi nghĩ là chúng ta chưa tới mục tiêu đâu. Ta tới mục tiêu chưa vậy?”

“Yossarian, bom có rơi trúng mục tiêu không?”

“Bom nào cơ?” Yossarian trả lời, điều duy nhất y quan tâm là hỏa lực phòng không.

“Giời ơi,” McWatt véo von, “cái của khỉ gì thế này.”

Yossarian cóc thèm quan tâm xem liệu y có đánh trúng mục tiêu hay không, miễn là Havermeyer hay một trong số những người cắt bom trưởng khác đã đánh trúng, và họ sẽ không phải quay lại chỗ đó. Thỉnh thoảng lại có người nổi nóng với Havermeyer và đấm gã.

“Tôi đã bảo các anh hãy để cho đại úy Havermeyer được yên thân,” đại tá Cathcart giận dữ cảnh cáo tất cả bọn họ. “Tôi đã nói rằng anh ta là tay cắt bom khủng nhất mà chúng ta có, phải không?”

Havermeyer lại toét miệng cười khi có sự can thiệp của viên đại tá và nhét thêm một mẩu kẹo lạc nữa vào miệng.

Havermeyer đã trở nên rất thiện nghệ trong nghề bắn chuột đồng giữa đêm tối với khẩu súng gã chôm được từ xác chết trong lều Yossarian. Mồi của gã là một thanh kẹo và gã sẽ hình dung trước cảnh tượng đó ở trong bóng tối khi ngồi đợi chuột tới cắn rỉa, một ngón của bàn tay kia móc vào một vòng dây nối từ khung màn tới một chuỗi các bóng đèn điện ở phía trên. Sợi dây căng như dây đàn banjo, và chỉ một cú kéo nhẹ cũng bật điện sáng và làm lóa mắt con

mồi đang run rẩy. Havermeyer sẽ hớn hở cười như nắc nẻ khi quan sát loài động vật có vú tí hon này đông cứng lại và đảo cặp mắt kinh hãi nhìn quanh, hoảng loạn tìm kẻ xâm nhập. Havermeyer sẽ đợi đúng đến khi cặp mắt đó nhìn vào mắt gã thì sẽ phá lên cười to đồng thời kéo cò súng, cơ thể lông lá ấy liền bắn tung tóe lên khắp lều sau một cú va đập cực mạnh và gửi trả linh hồn nhút nhát ấy cho Đấng Sáng Thế của nó.

Một lần vào đêm khuya, một cú bắn chuột của Havermeyer đã khiến Hungry Joe chân trần lao về phía gã, rít lên quát tháo đoạn trút hết đạn từ khẩu .45 của mình vào lều của Havermeyer trên đường lao xuống một bên con hào, leo lên từ bên kia, rồi trong chớp mắt mất hút vào một trong những rãnh sâu đã xuất hiện như có phép lạ bên cạnh mỗi lều ngay buổi sáng sau khi Milo Minderbinder đánh bom cả phi đoàn. Lúc đó là ngay trước bình minh trong Trận Vây Thành Bologna Vĩ Đại, khi những người chết cụt lưỡi tràn ngập bóng đêm như những bóng ma sống và Hungry Joe gần như đã mất trí bởi vì gã đã hoàn thành nhiệm vụ mà chưa được xếp lịch để bay tiếp. Khi mọi người bốc được gã lên khỏi đáy cái rãnh ẩm thấp, Hungry Joe đang lảm nhảm những câu rời rạc, gã lảm nhảm về rắn, chuột và nhện. Mọi người chiếu đèn xuống để kiểm tra. Không thấy gì cả ngoài vài phân nước mưa ứ đọng.

“Các anh thấy chưa?” Havermeyer reo lên. “Tôi đã bảo rồi mà. Tôi đã bảo các anh là gã bị điên, phải không?”

4 BÁC SĨ DANEEKA

Hungry Joe bị điên, không ai biết điều ấy rõ bằng Yossarian, và y đã làm mọi cách để giúp đỡ gã. Có điều Hungry Joe không chịu nghe Yossarian. Hungry Joe không chịu vì gã nghĩ rằng Yossarian mới bị điên.

"Tại sao anh ta phải nghe lời anh?" bác sĩ Daneeka chất vấn Yossarian mà không thèm ngẩng mặt lên.

"Bởi vì anh ta đang gặp rắc rối."

Bác sĩ Daneeka khịt mũi đầy vẻ khinh miệt. "Anh ta nghĩ anh ta gặp rắc rối ư? Còn tôi thì sao?" Bác sĩ Daneeka tiếp tục nói rất chậm, cười khẩy buồn bã. "Ôi, tôi không than phiền gì cả. Tôi biết là đang có chiến tranh. Tôi biết là sẽ có rất nhiều người phải chịu khổ để chúng ta chiến thắng. Nhưng sao tôi lại phải là một người trong số đó? Sao không gọi tòng quân luôn mấy lão bác sĩ già cứ ông ổng trước công chúng về sự hy sinh to lớn mà những người làm y tế luôn sẵn sàng chấp nhận? Tôi đâu có muốn hy sinh gì. Tôi muốn kiếm tiền."

Bác sĩ Daneeka là một người rất gọn gàng, sạch sẽ, với quan điểm rằng hờn dỗi chính là thú tiêu khiển. Ông có làn da sậm cùng khuôn mặt nhỏ, thông thái, ủ dột với hai bọng u sầu bên dưới mắt. Ông suốt ngày lo lắng về sức khỏe của mình và gần như ngày nào

cũng đến lều y tế bắt một trong hai người lính ở đó đo thân nhiệt cho. Hai gã này giúp việc cho ông nhưng họ làm việc tốt tới mức gần như ông không phải động chân động tay gì cả ngoài việc ngồi phơi nắng trong tình trạng nghẹt mũi và suy nghĩ xem điều gì khiến cho mọi người quá lo lắng đến vậy. Tên của hai gã này là Gus và Wes, và họ đã thành công trong việc đưa y tế lên thành một ngành khoa học chính xác. Tất cả những ai báo ốm với thân nhiệt trên 39 độ đều được nhanh chóng đưa tới bệnh viện. Tất cả những ai, trừ Yossarian, báo ốm với thân nhiệt dưới 39 độ đều được bôi dung dịch thuốc tím gentian vào lợi và ngón chân, và được phát cho một viên thuốc nhuận tràng để vứt vào bụi rậm. Tất cả những ai báo ốm với thân nhiệt đúng 39 độ sẽ được đề nghị quay lại đó sau một tiếng để đo lại thân nhiệt. Yossarian, với thân nhiệt hơn 38 độ, thì có thể nhập viện bất cứ khi nào y muốn bởi vì y không sợ bọn họ.

Tất cả mọi người đều hài lòng với hệ thống này, đặc biệt là bác sĩ Daneeka, bởi nhờ vậy ông có đủ thời giờ tùy thích để quan sát thiếu tá …de Coverley quăng những chiếc móng ngựa trong sân ném móng ngựa của riêng mình, mắt đeo miếng bịt trong suốt được bác sĩ Daneeka thiết kế cho từ một dải phim celluloid lấy trộm từ cửa sổ căn phòng ngăn nắp của thiếu tá Major nhiều tháng trước khi thiếu tá …de Coverley trở về từ Rome với giác mạc bị thương sau khi thuê hai căn hộ ở đó cho sĩ quan và lính sử dụng trong kỳ nghỉ phép. Hằng ngày, thời điểm duy nhất bác sĩ Daneeka bước vào lều y tế là khi ông bắt đầu cảm thấy mình ngày một ốm yếu và ghé qua đó để Gus và Wes kiểm tra. Họ chẳng thể phát hiện được vấn đề gì. Nhiệt độ cơ thể của ông luôn là 36 độ, một mức nhiệt độ hoàn toàn bình thường đối với họ, miễn là ông không phản đối. Nhưng bác sĩ Daneeka phản đối. Ông bắt đầu không còn tin ở Gus và Wes nữa,

và ông đã nghĩ đến việc chuyển cả hai người bọn họ về bên quản lý xe cộ và thay họ bằng ai đó *có khả năng* phát hiện ra vấn đề.

Bản thân bác sĩ Daneeka đã rất quen với một cơ số các vấn đề khủng khiếp. Ngoài sức khỏe của chính mình, ông còn lo lắng về Thái Bình Dương và giờ bay. Sức khỏe là thứ mà không ai có thể tự tin được sau một khoảng thời gian đủ dài. Thái Bình Dương là một vũng nước được bao bọc tứ phía bởi chứng phù voi và nhiều thứ bệnh đáng kinh sợ khác và nếu như ông làm mất lòng đại tá Cathcart bằng việc cho phép Yossarian nghỉ bay thì ông rất có thể sẽ thấy mình bỗng nhiên được chuyển tới đó. Còn thời gian bay là khoảng thời gian mà ông phải ở trên máy bay mỗi tháng để có được tiền trợ cấp bay. Bác sĩ Daneeka căm ghét các chuyến bay. Ông cảm thấy như bị ngồi tù khi ở trong một chiếc máy bay. Trong máy bay, quả thực không có chỗ quái nào để đi, ngoài tới một phần khác của chính chiếc máy bay đó. Người ta đã nói với bác sĩ Daneeka rằng những người thích leo lên máy bay thực ra là có khát vọng trong tiềm thức được trở lại tử cung. Yossarian đã nói với ông điều này, và y cũng giúp Dan Daneeka lấy được tiền trợ cấp bay hằng tháng mà không phải quay lại tử cung. Yossarian thuyết phục McWatt ghi tên bác sĩ Daneeka vào sổ nhật ký bay tập hoặc bay đi nghỉ ở Rome.

“Anh biết đó,” bác sĩ Daneeka nịnh bợ, nháy mắt ranh mãnh đầy ẩn ý. “Tại sao phải mạo hiểm khi tôi không bị ép buộc?”

“Đồng ý,” Yossarian gật đầu.

“Việc tôi có mặt trên máy bay hay không cũng chẳng tạo ra sự khác biệt đối với bất cứ ai cả, có phải không?”

“Không có khác biệt gì cả.”

“Chắc chắn rồi, ý của tôi là thế này,” bác sĩ Daneeka nói. “Thế giới này muốn vận hành được cũng cần phải có một ít chất bôi trơn chứ. Đôi bên cùng có lợi mà. Anh hiểu ý tôi chứ? Nếu anh gãi lưng cho tôi thì tôi cũng gãi lưng cho anh.”

Yossarian bèn hiểu luôn ý này.

“Ý của tôi không phải là vậy,” bác sĩ Daneeka nói, khi Yossarian bắt đầu gãi lưng cho ông. “Tôi đang nói về sự hợp tác. Về giúp đỡ. Nếu anh giúp đỡ tôi thì tôi cũng sẽ giúp đỡ anh. Hiểu chưa?”

“Hãy giúp đỡ tôi đi,” Yossarian yêu cầu.

“Không đời nào,” bác sĩ Daneeka đáp.

Có vẻ gì đó vừa đáng sợ vừa mong manh ở bác sĩ Daneeka khi ông chán nản ngồi bên ngoài lều của mình để tắm nắng thường xuyên hết mức có thể, mặc chiếc quần kaki mùa hè và áo sơ mi cộc tay mùa hè đã bị tẩy nhiều tới mức gần như biến thành màu xám tẻ nhạt sau quá trình giặt giũ mà ngày nào ông cũng bắt nó phải hứng chịu. Ông giống một người từng bị đông cứng lại vì sợ hãi và từ đó không bao giờ hoàn toàn tan ra được nữa. Ông ngồi đó rúc vào chính mình, đầu gục xuống gần như khuất sau đôi vai gầy, đôi bàn tay rám nắng với những móng tay lấp lánh ánh bạc đang xoa xoa trên mặt ngoài hai cánh tay trần đang khoanh lại như thể ông đang bị lạnh. Thực sự thì, ông là một người ấm áp và giàu lòng trắc ẩn tới mức không bao giờ ngừng thương thân.

“Tại sao lại là tôi?” đó là câu mà ông thường xuyên than vãn, và đó cũng là một câu hỏi hay.

Yossarian biết đó là một câu hỏi hay bởi vì Yossarian là người sưu tầm các câu hỏi hay và sử dụng chúng để ngắt quãng các buổi

học mà một thời Clevinger từng tiến hành hai tối mỗi tuần trong lều quân báo của đại úy Black với một viên hạ sĩ đeo kính mà ai nấy đều biết là một kẻ phản động. Đại úy Black biết gã là một kẻ phản động bởi vì gã đeo kính và sử dụng những từ như *thuốc chữa bách bệnh, xã hội không tưởng,* và bởi vì gã phản đối Adolf Hitler, kẻ đã hoàn thành xuất sắc việc chống lại những hoạt động không có người Mỹ tham gia ở nước Đức. Yossarian tham gia các buổi học này bởi vì y muốn biết được tại sao có nhiều người đến thế đang nỗ lực đến thế để giết y. Cũng có khá nhiều người quan tâm, và có nhiều câu hỏi hay khi Clevinger và viên hạ sĩ phản động kết thúc buổi học và mắc phải sai lầm khi hỏi xem mọi người có câu hỏi nào không.

"Tây Ban Nha là ai?"

"Tại sao lại Hitler?"

"Khi nào thì hợp lý?"

"Cái lão còng mặt nhợt mà tôi từng gọi là bố ấy ở đâu khi cái đu quay bị hỏng?"

"Biện pháp cuối cùng ở Munich là thế nào?"

"Hô hô beriberi[9]."

và

"Cái con kẹc!"

tất cả vang lên liên tiếp, và sau đó đến lượt Yossarian với câu hỏi không có câu trả lời:

"Những Snowden của muôn năm cũ giờ đâu?"

Câu hỏi đó khiến mọi người phiền lòng, bởi vì Snowden đã chết trên bầu trời Avignon khi Dobbs phát điên ngay trên không và giật

lấy cần điều khiển từ tay Huple.

Viên hạ sĩ giả ngơ. “Cái gì cơ?” gã hỏi.

“Những Snowden của muôn năm cũ giờ đâu?”

“Tôi e là tôi không hiểu ý anh.”

“*Où sont les Neigedens d’antan?*”[10] Yossarian nói lại để gã dễ hiểu hơn.

“*Parlez en anglais*[11], lạy Chúa,” viên hạ sĩ nói. “*Je ne parle pas francais*[12].”

“Tôi cũng không biết,” Yossarian trả lời, y đã sẵn sàng sử dụng tất cả từ ngữ trên thế giới này để truy hỏi gã nếu có thể, nhưng Clevinger xen vào, trông tái nhợt và gầy nhom, thở không ra hơi, một màn nước mắt ướt át đã lấp lánh phủ lấy đôi mắt thiếu ăn của gã.

Trụ sở liên đoàn đã được báo động, bởi vì không thể biết được mọi người sẽ phát hiện ra những gì một khi họ được phép tự do đặt câu hỏi. Đại tá Cathcart điều trung tá Korn tới chấm dứt vụ này, và trung tá Korn đã thành công với một quy định về việc đặt câu hỏi. Quy định của trung tá Korn thật là một kiệt tác, trung tá Korn đã giải thích như vậy khi báo cáo tình hình cho đại tá Cathcart. Theo quy định của trung tá Korn, chỉ những người chưa bao giờ đặt câu hỏi thì mới được phép hỏi. Chẳng mấy chốc, chỉ có những người chưa từng đặt câu hỏi mới tham dự buổi học, và những buổi học này đã bị ngừng hết lại, bởi vì Clevinger, viên hạ sĩ và trung tá Korn nhất trí rằng không thể và không cần phải giáo dục những người không bao giờ đặt câu hỏi.

Đại tá Cathcart và trung tá Korn sống và làm việc ở tòa nhà trụ sở của liên đoàn, cùng với tất cả những người khác cùng biên chế, trừ cha tuyên úy. Tòa nhà trụ sở liên đoàn là một khối kiến trúc khổng lồ, lộng gió và cổ xưa xây từ đá bột đỏ và những ống nước kêu ầm ĩ. Đằng sau tòa nhà là một trường bắn đĩa bay rất hiện đại được đại tá Cathcart xây dựng làm chỗ giải trí dành riêng cho các sĩ quan trong đơn vị, nhưng giờ thì, nhờ ơn tướng Dreedle, tất cả các sĩ quan và lính chiến, đều phải tới chơi ở đó ít nhất tám tiếng một tháng.

Yossarian cũng bắn đĩa, nhưng chưa lần nào trúng. Appleby bắn đĩa, và chưa bắn trượt phát nào. Yossarian bắn đĩa cũng kém như đánh bạc. Y chưa từng thắng bạc bao giờ. Kể cả có gian lận thì y cũng không thắng nổi, vì những người chơi cùng y còn giỏi gian lận hơn y. Có hai điều đáng thất vọng mà y chấp nhận về bản thân: y sẽ không bao giờ trở thành một xạ thủ bắn đĩa, và y sẽ không bao giờ kiếm được tiền.

“Phải có đầu óc thì mới không kiếm được tiền,” đại tá Cargill viết như vậy ở một trong các thông báo nội bộ sặc mùi thuyết pháp ký tên Peckem mà gã vẫn thường chuẩn bị để phân phát cho mọi người. “Ngày nay, bất cứ kẻ ngốc nào cũng có thể kiếm được tiền và hầu hết bọn họ đều kiếm được tiền. Thế những người xuất sắc và có đầu óc thì sao? Thử chỉ ra, chẳng hạn như, một nhà thơ có thể kiếm tiền xem nào.”

“T.S. Eliot,” cựu binh nhất Wintergreen lên tiếng từ phòng phân loại thư ở trụ sở quân đoàn Không lực Hai mươi bảy, rồi dập điện thoại ngay mà không nói tên mình.

Đại tá Cargill ở Rome kinh ngạc.

“Ai đấy?” tướng Peckem hỏi.

“Tôi không biết,” đại tá Cargill trả lời.

“Anh ta muốn gì?”

“Tôi không biết.”

“Chậc, thế anh ta đã nói gì?”

“ ‘T.S. Eliot,’ ” đại tá Cargill báo cáo.

“Là gì vậy?”

“ ‘T.S. Eliot,’ ” đại tá Cargill lặp lại.

“Chỉ ‘T.S. gì gì đó’ thôi sao?”

“Vâng thưa sếp. Đó là tất cả những gì mà anh ta nói. Chỉ là ‘T.S. Eliot.’ ”

“Tôi tự hỏi như vậy có nghĩa gì,” tướng Peckem suy tư.

Đại tá Cargill cũng tự hỏi như vậy.

“T.S. Eliot,” tướng Peckem trầm ngâm.

“T.S. Eliot,” đại tá Cargill cũng lặp lại với vẻ băn khoăn rầu rĩ.

Một lúc sau, tướng Peckem đứng dậy với một nụ cười ngọt ngào và nhân từ. Gương mặt của ông toát lên vẻ sắc sảo và thạo đời. Cặp mắt ông long lên độc ác. “Bảo ai đó nối máy với tướng Dreedle cho tôi đi,” ông ra lệnh cho đại tá Cargill. “Đừng để cho ông ta biết ai gọi.”

Đại tá Cargill đưa điện thoại cho ông.

“T.S. Eliot,” tướng Peckem nói, đoạn dập máy luôn.

“Ai đó?” đại tá Moodus hỏi.

Tướng Dreedle, ở Corsica, không đáp lời. Đại tá Moodus là con rể của tướng Dreedle, và tướng Dreedle, theo sự nài nỉ của vợ và đi ngược lại với óc đánh giá khôn ngoan hơn của mình, đã đưa chàng rể vào quân đội. Tướng Dreedle nhìn đại tá Moodus chằm chằm đầy căm ghét. Chỉ cần nhìn thấy thằng con rể thôi ông đã ghét cay ghét đắng, nhưng tay này lại là trợ lý của ông và do vậy luôn có mặt bên cạnh ông. Ông đã phản đối con gái mình cưới đại tá Moodus bởi vì ông ghét dự đám cưới. Khoác lên một vẻ mặt cau có suy tư đầy vẻ hăm dọa, tướng Dreedle đi tới chiếc gương dài đặt trong phòng làm việc và nhìn chằm chằm vào hình ảnh phản chiếu chắc nịch của mình trong đó. Ông có mái tóc hoa râm, vầng trán rộng cùng chùm lông màu xám thép bên trên cặp mắt và quai hàm lỗ mãng thù địch. Ông chậm chạp nghiền ngẫm về thông điệp bí ẩn mà ông mới nhận được. Dần dần mặt ông dãn ra vì có một ý tưởng mới, ông liếm môi với vẻ thích thú đầy xấu xa.

"Nối máy với Peckem đi," ông nói với đại tá Moodus. "Đừng để cho tên khốn đó biết ai gọi."

"Ai đó?" đại tá Cargill hỏi từ Rome.

"Vẫn người đó," tướng Peckem đáp lời với vẻ hoảng hốt rõ rệt. "Giờ thì anh ta đang bám theo tôi rồi."

"Anh ta muốn gì?"

"Tôi không biết."

"Anh ta nói gì?"

"Vẫn thế."

"Vẫn 'T.S. Eliot'?"

“Đúng rồi, ‘T.S. Eliot’. Đó là tất cả những gì anh ta nói.” Tướng Peckem nhen lên một ý nghĩ đầy hy vọng. “Có lẽ đó là mật mã mới hoặc cái gì đó, chẳng hạn như kiểu cờ hiệu mỗi ngày. Sao anh không cử người tới phòng thông tin liên lạc xem liệu đó có phải là mật mã mới hay cái gì đó không, hay là mã cờ hiệu cho mỗi ngày?”

Phòng thông tin liên lạc trả lời rằng T.S. Eliot không phải là mật mã mới hay mã cờ hiệu mới.

Đại tá Cargill lại có một ý mới. “Có khi tôi phải gọi điện lên trụ sở quân đoàn Không lực Hai mươi bảy để hỏi xem họ có biết gì không. Ở đó có một nhân viên là Wintergreen mà tôi khá thân. Anh ta là người đã mật báo cho tôi rằng cách hành văn của chúng ta quá dài dòng.”

Cựu binh nhất Wintergreen nói với Cargill rằng ở trụ sở quân đoàn Không lực Hai mươi bảy không có hồ sơ nào nhắc đến T.S. Eliot.

“Anh thấy dạo này cách hành văn của chúng tôi thế nào rồi?” đại tá Cargill quyết định hỏi luôn vụ này nhân lúc đang nói chuyện với cựu binh nhất Wintergreen qua điện thoại. “Tốt hơn rất nhiều rồi, phải không?”

“Vẫn khá dài dòng,” cựu binh nhất Wintergreen đáp lời.

“Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu như tướng Dreedle là người đứng đằng sau vụ này,” tướng Peckem cuối cùng cũng thừa nhận. “Anh có nhớ ông ta đã làm gì với trường bắn đĩa bay không?”

Tướng Dreedle đã mở cửa trường bắn đĩa bay của đại tá Cathcart cho mọi sĩ quan và lính chiến. Tướng Dreedle muốn người của mình dành thời gian ở trường bắn đĩa bay nhiều hết mức mà cơ

sở vật chất và lịch bay cho phép. Bắn đĩa bay tám tiếng một tháng có tác dụng huấn luyện rất tốt. Huấn luyện mọi người bắn đĩa bay.

Dunbar rất thích bắn đĩa bay bởi vì gã căm ghét từng phút làm việc đó và bởi vì thời gian trôi rất chậm. Gã đã tính được rằng một giờ ở trường bắn đĩa bay với những người như Havermeyer và Appleby có thể dài như mười một lần mười bảy năm.

“Tôi nghĩ anh điên rồi,” đó là cách mà Clevinger phản ứng trước phát hiện của Dunbar.

“Ai muốn biết chứ?” Dunbar trả lời.

“Tôi nói thật đó,” Clevinger tiếp tục nói.

“Ai thèm quan tâm chứ?” Dunbar trả lời.

“Tôi quan tâm lắm đấy. Tôi thậm chí còn nghĩ xa tới mức thừa nhận rằng đời có vẻ như dài hơn n…”

“… *thực sự* dài hơn n…”

“… thực sự dài hơn… *Thực sự* sao? Thôi được rồi, thực sự dài hơn nếu như nó có những khoảng thời gian chán nản và bực dọc, b…”

“Biết nhanh tới mức nào không?” Dunbar đột nhiên nói.

“Hả?”

“Chúng nó đi nhanh đến mức nào ấy,” Dunbar giải thích.

“Ai cơ?”

“Năm tháng.”

“Năm tháng.”

“Năm tháng,” Dunbar nói. “Năm tháng, năm tháng, năm tháng.”

“Clevinger, sao anh không để Dunbar yên đi?” Yossarian cắt ngang. “Anh không thấy việc này gây ra thiệt hại như thế nào à?”

“Không sao đâu,” Dunbar cao thượng nói. “Tôi có cả vài thập kỷ để dành cho chuyện này cơ. Anh có biết một năm là bao lâu khi nó trôi đi không?”

“Cả anh cũng câm miệng lại đi,” Yossarian bảo Orr, gã đã bắt đầu cười rinh rích.

“Tôi vừa nghĩ về cô gái đó,” Orr nói. “Cô gái ở Sicily. Cô gái ở Sicily với cái đầu hói.”

“Anh nên câm miệng lại được rồi đấy,” Yossarian cảnh cáo.

“Đó là lỗi của anh,” Dunbar nói với Yossarian. “Tại sao anh lại không cho Orr cười rinh rích nếu như anh ta muốn làm điều đó? Như vậy còn tốt hơn việc phải nghe anh ta nói.”

“Được rồi. Cứ việc làm tới đi, cứ rinh rích mà cười đi nếu anh muốn.”

“Anh có biết một năm là bao lâu khi nó trôi đi không?” Dunbar lặp lại câu hỏi với Clevinger. “Lâu chừng này này.” Gã búng ngón tay. “Một giây trước anh còn đang bước vào đại học, phổi căng tràn dưỡng khí. Hôm nay thì anh đã là một lão già.”

“Già?” Clevinger ngạc nhiên hỏi. “Anh nói gì vậy?”

“Già.”

“Tôi không già.”

“Anh cách cái chết chỉ vài phân mỗi lần anh bay ra trận. Ở tuổi này anh còn có thể già hơn thế chút nào nữa không? Cách đây nửa phút anh mới vừa bước vào trung học, và chuyện cởi được một

chiếc xu chiêng cũng ngang với lên được Thiên Đường. Chỉ một phần năm giây trước anh còn là một đứa trẻ với kỳ nghỉ hè mười tuần dài như cả trăm nghìn năm mà khi kết thúc anh vẫn thấy là quá sớm. Vèo cái! Chúng đều trôi đi quá nhanh. Vậy thì vì lý do chết tiệt nào mà anh lại muốn thời gian trôi chậm lại?" Dunbar gần như nổi khùng lên khi kết thúc bài diễn văn.

"Chậc, có thể đúng là vậy," Clevinger hạ giọng miễn cưỡng chấp nhận. "Có lẽ đời mà muốn có vẻ dài thì thật sự cần phải bị lấp đầy bởi những hoàn cảnh khó chịu. Nhưng nếu mà như vậy thì liệu có ai muốn?"

"Tôi muốn," Dunbar nói.

"Tại sao?" Clevinger hỏi.

"Ngoài ra thì còn gì nữa đâu?"

5 THƯỢNG SĨ WHITE HALFOAT

Bác sĩ Daneeka sống ở một căn lều xám xịt bẩn thỉu cùng thượng sĩ White Halfoat, người mà ông vừa sợ vừa khinh.

"Tôi có thể chụp ảnh gan của gã," bác sĩ Daneeka gầm gừ.

"Chụp gan của tôi ấy," Yossarian gợi ý.

"Gan của anh chẳng làm sao cả."

"Chứng tỏ ông chẳng biết gì," Yossarian chộp lấy cơ hội và nói cho bác sĩ Daneeka về cơn đau phiền phức từng làm khó cả y tá Duckett, y tá Cramer và tất cả bác sĩ trong bệnh viện bởi vì nó không trở thành bệnh vàng da mà cũng chẳng chịu biến đi.

Bác sĩ Daneeka không quan tâm. "Anh nghĩ anh gặp rắc rối?" ông vặn. "Thế còn tôi thì sao? Lẽ ra anh phải ở trong phòng khám của tôi cái hôm bọn mới cưới ấy bước vào."

"Bọn mới cưới nào?"

"Bọn mới cưới đã bước vào phòng khám của tôi hôm đó ấy. Tôi chưa kể anh nghe về họ à? Cô dâu dễ thương lắm."

Phòng khám của bác sĩ Daneeka cũng dễ thương. Ông đã trang trí phòng chờ bằng bể cá vàng và một trong những bộ nội thất loại

rẻ tiền tốt nhất. Ông mua trả góp bất cứ thứ gì có thể, kể cả con cá vàng. Phần còn lại, ông thu tiền từ những người bà con tham lam muốn đổi lấy cổ phần lợi nhuận. Phòng khám của ông ở Staten Island trong một tòa nhà không có lối thoát hiểm dành cho hai gia đình chỉ cách bến phà bốn khối nhà và cách một siêu thị, ba thẩm mỹ viện và hai cửa hàng thuốc lậu có một khối nhà về phía Nam. Nó nằm ở góc phố, nhưng chả ích gì. Dân số ở đây khá thấp và mọi người ở đây đều bám chặt với các bác sĩ mà họ đã quen khám nhiều năm. Các hóa đơn cần thanh toán nhanh chóng chất thành đống, và chẳng mấy chốc ông phải đối mặt với việc mất đi thiết bị y tế quý giá nhất: chiếc máy tính của ông đã bị thế chấp, sau đó là chiếc máy chữ. Con cá vàng chết. May thay, đúng vào lúc mọi thứ tối tăm nhất thì chiến tranh nổ ra.

“Đó là món quà của Chúa,” bác sĩ Daneeka trang trọng thú nhận. “Hầu hết các bác sĩ khác đều sớm phải nhập ngũ, và mọi việc khởi sắc chỉ sau một đêm. Vị trí góc phố trở nên hữu dụng, và chẳng mấy chốc tôi đã thấy mình phải xử lý nhiều bệnh nhân đến mức tôi chẳng thể xử lý cho tử tế. Tôi đã đòi hai cửa hàng thuốc ở đó tăng mức tiền lại quả. Các thẩm mỹ viện có thể phục vụ tốt cho hai tới ba ca nạo thai một tuần. Mọi thứ đang không thể tốt hơn được nữa thì hãy xem điều gì đã xảy ra. Họ điều hẳn một thằng cha từ ban tuyển quân tới kiểm tra nhanh sức khỏe tôi. Tôi ở mức 4-F. Tôi đã tự kiểm tra sức khỏe cho bản thân khá kỹ và phát hiện ra rằng tôi không đủ sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ quân sự. Anh sẽ cho lời của tôi như vậy là đủ, phải không, vì tôi là một bác sĩ được cả hội y khoa hạt lẫn BBB[13] địa phương đánh giá tốt? Nhưng không, như vậy là không đủ, và họ điều thằng cha đó đến chỉ để xem có đúng là tôi bị cụt một chân tới tận hông và đang liệt giường vô dụng vì chứng viêm-thấp

khớp nan y hay không. Yossarian, chúng ta đang sống trong một thời đại không có niềm tin và những giá trị tinh thần xuống cấp. Đó là một điều khủng khiếp," bác sĩ Daneeka nói bằng giọng run run vì bức xúc cao độ. "Thật khủng khiếp khi ngay cả lời của một bác sĩ có chứng chỉ hành nghề cũng bị nghi ngờ bởi chính tổ quốc mà anh ta yêu."

Bác sĩ Daneeka đã bị gọi nhập ngũ và chuyển tới Pianosa với vai trò bác sĩ phẫu thuật trên máy bay mặc dù ông sợ bay chết khiếp.

"Tôi không cần phải tìm kiếm rắc rối ở trên máy bay," ông nhận xét, chớp cặp mắt cận thị ti hí màu nâu vẻ tổn thương. "Nó sẽ tự tìm đến tôi. Như cô trinh nữ không thể có con mà tôi đã kể cho anh nghe ấy."

"Trinh nữ nào cơ?" Yossarian hỏi. "Tôi tưởng ông kể cho tôi về bọn mới cưới nào đó."

"Là trinh nữ mà tôi kể cho anh. Họ chỉ là một cặp trẻ con, họ đã cưới được, chậc, khoảng hơn một năm tính đến thời điểm họ bước vào phòng khám của tôi mà không hẹn trước. Giá mà anh nhìn thấy cô nàng nhỉ. Cô ấy quả là ngọt ngào, trẻ và đẹp. Cô ấy thậm chí còn đỏ mặt khi tôi hỏi về chu kỳ kinh nguyệt. Tôi không nghĩ là có lúc nào tôi lại ngừng mê cô ấy. Cô ấy có một cơ thể như mơ và đeo một chiếc dây chuyền với mặt hình Thánh Anthony rủ xuống bên trong bộ ngực đẹp nhất mà tôi từng được thấy. 'Quả là một cám dỗ khủng khiếp đối với Thánh Anthony,' tôi đùa, chỉ để cho cô ấy thấy thoải mái hơn, anh biết đấy. 'Thánh Anthony ư?' chồng cô ấy nói. 'Thánh Anthony là ai?' 'Hỏi vợ anh đi,' tôi bảo anh ta. 'Cô ấy có thể nói cho anh biết Thánh Anthony là ai.' 'Thánh Anthony là ai?' anh ta hỏi cô bé. 'Ai cơ?' cô gái muốn biết. "Thánh Anthony,' anh ta nói cho cô.

‘Thánh Anthony ư?’ cô nói. ‘Thánh Anthony là ai?’ Khi tôi kiểm tra cô gái kỹ hơn ở trong phòng khám riêng thì tôi phát hiện ra cô ấy vẫn còn trinh. Tôi nói chuyện riêng với chồng cô gái trong lúc cô ấy kéo áo nịt eo lên trở lại và cài nó vào tất chân. ‘Tối nào mà chẳng,’ anh ta khoác lác. Một gã tài lanh, anh biết đấy. ‘Tôi không bao giờ nghỉ đêm nào,’ anh ta khoác lác. Ý của anh ta đúng là như vậy thật. ‘Tôi thậm chí còn đưa nó vào cô ấy trước mỗi bữa sáng cô ấy nấu cho tôi trước khi đi làm,’ anh ta tiếp tục khoác lác. Chỉ có thể có một lời giải thích. Tôi kéo cả hai người lại để diễn cho họ biết thế nào là giao hợp bằng những hình nộm cao su tôi có trong phòng khám. Tôi có trong phòng khám những hình nộm cao su với đầy đủ bộ phận sinh dục của cả hai giới mà tôi khóa trong một phòng riêng để tránh tai tiếng. Ý tôi là tôi đã từng có chúng. Giờ thì tôi không còn có chúng nữa, thậm chí còn không có cả phòng khám. Điều duy nhất mà tôi có bây giờ là thân nhiệt thấp đã bắt đầu khiến tôi trở nên lo lắng. Hai thằng nhóc làm việc cho tôi ở lều y tế đều chẳng đáng một xu với vai trò của người chẩn bệnh. Tất cả những gì bọn nó biết làm là than phiền. Chúng nghĩ chúng gặp rắc rối ư? Thế tôi thì sao? Lẽ ra chúng nên ở trong phòng khám của tôi vào ngày hai đứa mới cưới đó nhìn tôi như thể tôi đang nói cho chúng biết điều chưa ai từng nghe thấy. Anh sẽ chẳng bao giờ gặp được ai tỏ vẻ quan tâm tới vậy. ‘Ý của ông là như này?’ anh ta hỏi tôi, và tự cho các hình nộm làm việc với nhau một lúc. Anh thấy đấy, tôi biết có một vài loại người chỉ cần làm thế thôi cũng đủ mê mẩn. ‘Đúng rồi đấy,’ tôi bảo anh ta. ‘Giờ thì anh về nhà và thử làm việc đó theo cách tôi vừa chỉ một vài tháng xem sao, được không?’ ‘OK,’ họ nói và trả tiền mặt cho tôi mà không đôi co gì hết. ‘Chúc các bạn vui vẻ,’ tôi nói với họ như vậy và họ cảm ơn tôi rồi cùng nhau ra về. Chàng trai vòng tay

ôm eo cô gái như thể anh ta sốt ruột không đợi được tới khi về nhà để đưa nó vào cô tiếp. Vài ngày sau, anh ta quay lại một mình và nói với y tá của tôi rằng anh ta phải gặp tôi ngay lập tức. Ngay khi chỉ còn chúng tôi với nhau, anh ta liền đấm cho tôi một phát ngay mũi.”

“Anh ta làm gì cơ?”

“Anh ta gọi tôi là đồ tài lanh và đấm vào mũi tôi. ‘Ông nghĩ ông là ai, tài lanh quá hả?’ anh ta nói rồi nện tôi ngã ngửa thẳng cẳng. Rầm! Đúng thế đấy. Tôi không đùa đâu.”

“Tôi biết ông không đùa rồi,” Yossarian nói. “Nhưng sao anh ta lại làm thế?”

“Làm sao tôi biết được tại sao anh ta lại làm thế?” bác sĩ Daneeka giận dữ phản pháo.

“Có thể có liên quan đến Thánh Anthony chăng?”

Bác sĩ Daneeka ngây ra nhìn Yossarian. “Thánh Anthony ư?” ông kinh ngạc hỏi. “Thánh Anthony là ai?”

“Làm sao tôi biết được?” thượng sĩ White Halfoat trả lời, tay ôm chai whisky loạng choạng đi vào trong lều rồi ngồi chen vào giữa hai người với vẻ gây gổ.

Bác sĩ Daneeka đứng dậy mà không nói một lời, đem ghế tựa ra ngoài lều, lưng còng xuống vì một khối bất công giờ đã thành gánh nặng vĩnh cửu. Ông không chịu đựng được sự có mặt của gã bạn chung lều này.

Thượng sĩ White Halfoat nghĩ ông điên. “Tôi không hiểu thằng cha này có vấn đề gì,” gã nhận xét bằng giọng chỉ trích. “Ông ta không có đầu óc, vấn đề của ông ta chỉ có thế. Nếu có chút đầu óc thì ông ta sẽ cầm lấy xẻng mà đào đất. Ngay tại đây ở trong lều này,

ông ta có thể đào, ngay dưới giường xếp của tôi. Ông ta có thể thấy dầu ngay lập tức. Ông ta không biết là có thằng lính trơn đã đào được dầu chỉ bằng một cái xẻng ngay ở nước Mỹ sao? Ông ta không biết chuyện đã xảy ra với thằng nhóc đó sao - tên của thằng ranh chết tiệt thò lò mũi xanh ở Colorado ấy là gì nhỉ?"

"Wintergreen."

"Wintergreen."

"Ông ấy sợ," Yossarian giải thích.

"Ồ không. Không phải Wintergreen đấy chứ." Thượng sĩ White Halfoat lắc đầu với vẻ thán phục không giấu giếm. "Thằng chó đẻ tài lanh thối tha đó không bao giờ sợ ai hết."

"Bác sĩ Daneeka đang sợ. Đó là vấn đề của ông ấy."

"Ông ta sợ gì?"

"Ông ấy sợ anh," Yossarian nói. "Ông ấy sợ anh sẽ chết vì viêm phổi."

"Ông ta *nên* sợ," thượng sĩ White Halfoat nói. Một tiếng cười trầm, sâu khùng khục xuyên qua lồng ngực đồ sộ của gã. "Tôi cũng sẽ sợ, nếu bị. Anh cứ chờ mà xem."

Thượng sĩ White Halfoat là một người da đỏ đẹp trai, da ngăm đen đến từ Oklahoma với gương mặt nặng nề xương xẩu cùng mái tóc đen bù xù, mang một nửa dòng máu Creek[14] vùng Enid, người đã, vì một vài lý do huyền bí riêng tư nào đó, quyết sẽ chết vì bệnh viêm phổi. Gã là một người da đỏ dữ dằn, thù hận, vỡ mộng vốn rất ghét bọn ngoại lai với những cái tên như Cathcart, Korn, Black và Havermeyer, và ước sao tất cả bọn họ hãy cuốn gói về nơi mà tổ tiên đê tiện của bọn họ đã xuất thân.

“Anh không thể tin được đâu, Yossarian,” gã trầm ngâm nói, cố tình cao giọng để trêu ngươi bác sĩ Daneeka, “nhưng đây đã từng là một đất nước khá tốt để sống trước khi họ làm cho nó hư hỏng bằng sự sùng đạo trời đánh thánh vật của họ.”

Thượng sĩ White Halfoat ra trận để trả thù người da trắng. Gã gần như không biết đọc biết viết, và gã đã được phân làm sĩ quan trợ lý quân báo cho đại úy Black.

“Làm sao tôi có thể học đọc học viết được?” Thượng sĩ White Halfoat hỏi với vẻ thù địch vờ vịt, lại cao giọng để bác sĩ Daneeka nghe thấy. “Bất cứ chỗ nào chúng tôi dựng lều, họ đều đào ở đó một cái giếng. Mỗi lần họ đào một cái giếng, họ lại gặp được dầu. Và mỗi lần họ gặp được dầu, họ lại bắt chúng tôi thu dọn lều và chuyển đi chỗ khác. Chúng tôi là những que dò mạch bằng người. Cả gia đình tôi có mối liên hệ tự nhiên với các mỏ dầu lửa, thế là chẳng mấy chốc tất cả các công ty dầu lửa trên thế giới đều điều các kỹ thuật viên tới để đuổi theo chúng tôi khắp mọi nơi. Chúng tôi liên tục di chuyển. Thật là một cách đặc sắc để nuôi dạy trẻ con ấy nhỉ, tôi có thể nói với anh như vậy. Tôi không nghĩ là tôi dừng lại ở đâu đó quá một tuần.”

Ký ức đầu tiên của gã là ký ức của một nhà địa chất…

“Mỗi khi có một White Halfoat nữa được sinh ra,” gã tiếp tục nói, “thị trường chứng khoán lại tăng mạnh. Chẳng mấy chốc tất cả các đoàn khoan dầu đều đi theo chúng tôi khắp nơi, mang theo toàn bộ thiết bị của họ để chiếm ưu thế với các đoàn khác. Các công ty bắt đầu sáp nhập để có thể giảm số người đi theo chúng tôi. Nhưng đám đông đi sau lưng chúng tôi vẫn ngày một phình ra. Chúng tôi chẳng bao giờ có được một giấc ngủ ngon. Khi chúng tôi dừng thì

họ cũng dừng. Khi chúng tôi đi thì họ cũng đi, cùng các xe chở thức ăn, xe ủi, giàn khoan, máy phát điện. Chúng tôi chính là sự phát đạt biết đi, và chúng tôi bắt đầu nhận được lời mời từ một số khách sạn xịn nhất chỉ vì các cơ hội làm ăn mà chúng tôi sẽ kéo theo khi đến nơi nào đó. Một số lời mời khá hào phóng, nhưng chúng tôi không thể chấp nhận bởi vì chúng tôi là những thổ dân da đỏ và tất cả các khách sạn xịn có mời chúng tôi đều không nhận khách là thổ dân da đỏ. Phân biệt chủng tộc quả là một điều khủng khiếp, Yossarian ạ. Thực sự là vậy. Thật khủng khiếp khi đối xử với một thổ dân da đỏ tử tế, trung thành như với một thằng mọi đen, Do Thái, lũ Ý lợn hay bọn nhà quê nói tiếng Tây Ban Nha," thượng sĩ White Halfoat chậm rãi gật gù kết án.

"Thế rồi, Yossarian này, điều đó cuối cùng cũng xảy ra - sự bắt đầu của kết thúc. Họ bắt đầu bám theo chúng tôi từ phía trước. Họ sẽ cố đoán xem chúng tôi sẽ đi đâu tiếp và sẽ bắt đầu khoan trước khi chúng tôi tới đó, điều đó khiến cho chúng tôi không thể dừng lại. Ngay khi chúng tôi trải chăn ra, họ đã đá luôn chúng tôi ra khỏi chỗ đó. Họ luôn tin tưởng chúng tôi. Họ thậm chí còn không đợi tới lúc thấy dầu mới đá chúng tôi đi. Chúng tôi mệt mỏi tới mức gần như chẳng để ý cái ngày mà thời của chúng tôi đã hết. Một buổi sáng chúng tôi ngủ dậy thấy vây kín quanh mình toàn những người đi tìm dầu đang đợi chúng tôi đi về phía họ để họ có thể đá chúng tôi đi. Bất cứ chỗ nào anh nhìn tới đều có một người đi tìm dầu lấp ló, phục sẵn như chính dân da đỏ lúc chuẩn bị tấn công. Đó là dấu chấm hết. Chúng tôi không thể ở chỗ chúng tôi đã đứng bởi vì chúng tôi vừa bị đá khỏi đó. Và cũng không có chỗ nào cho chúng tôi đi. Quân đội đã cứu vớt tôi. Thật may là chiến tranh đã xảy ra

đúng lúc, rồi ban tuyển quân đã chọn tôi và đưa tôi tới Lowery Field ở Colorado. Tôi là người duy nhất sống sót."

Yossarian biết gã đang nói dối, nhưng không ngắt lời khi thượng sĩ White Halfoat tiếp tục thao thao rằng gã không có tin tức gì về cha mẹ mình kể từ đó. Dù sao thì điều đó cũng chẳng mấy khiến gã phiền lòng, gã cũng chỉ biết họ là cha mẹ của gã vì họ nói thế, mà họ đã nói dối gã về quá nhiều chuyện khác, nên rất có thể họ cũng nói dối nốt về chuyện đó. Gã còn thân thuộc hơn với số phận của một bộ lạc của những người anh em họ, họ đã lang thang về phương Bắc trong một lần nghi binh và tình cờ lạc sang Canada. Khi cố trở về thì họ bị chặn lại ở biên giới bởi các quan chức xuất nhập cảnh Mỹ. Họ không thể quay về bởi vì họ là người da đỏ.

Đó là một chuyện cười kinh khủng, nhưng bác sĩ Daneeka không cười cho đến khi Yossarian quay lại sau khi xong một nhiệm vụ nữa và lại năn nỉ ông, dù không có chút hy vọng thành công, cho mình nghỉ bay. Bác sĩ Daneeka cười khẩy một cái và chẳng mấy chốc lại chìm vào những vấn đề của bản thân ông, bao gồm cả thượng sĩ White Halfoat, kẻ mà suốt buổi sáng hôm đó đã thách ông đấu vật kiểu thổ dân da đỏ, và Yossarian, kẻ đã quyết định ngay và luôn rằng y sẽ phát điên.

"Anh đang phí thời gian vô ích đấy," bác sĩ Daneeka buộc phải nói với y.

"Ông không thể cho một kẻ điên nghỉ bay à?"

"Ồ, chắc chắn là có chứ. Tôi phải làm việc đó. Có quy định là tôi phải cho bất cứ ai điên nghỉ bay."

"Vậy thì tại sao ông không cho tôi nghỉ bay? Tôi điên mà. Hỏi Clevinger thì biết."

“Clevinger? Clevinger *đang* ở đâu? Anh tìm Clevinger đi rồi tôi sẽ hỏi anh ta.”

“Thế thì hỏi bất cứ ai khác đi cũng được. Họ sẽ nói với ông rằng tôi điên tới mức nào.”

“Bọn họ đều điên mà.”

“Thế sao ông không cho họ nghỉ bay đi?”

“Tại sao họ không đòi tôi cho nghỉ bay?”

“Bởi vì họ điên, đó là lý do.”

“Tất nhiên là họ điên rồi,” bác sĩ Daneeka đáp. “Tôi vừa nói với anh rằng họ điên, có phải không? Và ta không thể để cho người điên quyết định xem liệu anh có điên hay không, đúng không?”

Yossarian nghiêm trang nhìn ông và cố thử một cách tiếp cận khác. “Orr có điên không?”

“Tất nhiên là anh ta điên rồi,” bác sĩ Daneeka nói.

“Ông có thể cho anh ta nghỉ bay được không?”

“Tất nhiên là tôi có thể. Nhưng đầu tiên anh ta phải có yêu cầu với tôi đã. Trong quy định có điều đó.”

“Vậy thì tại sao anh ta lại không yêu cầu?”

“Bởi vì anh ta điên,” bác sĩ Daneeka nói. “Chắc chắn là anh ta điên thì mới tiếp tục bay ra trận sau bao lần suýt chết như vậy. Tất nhiên là tôi có thể cho Orr nghỉ bay. Nhưng đầu tiên anh ta phải yêu cầu.”

“Đó là tất cả những gì anh ta cần phải làm để được nghỉ bay sao?”

“Đó là tất cả. Cứ để cho anh ta yêu cầu tôi cái đã.”

“Rồi sau đó ông sẽ cho anh ta nghỉ bay?” Yossarian hỏi.

“Không. Sau đó tôi vẫn không thể cho anh ta nghỉ bay được.”

“Ý ông là có một cái bẫy à?”

“Tất nhiên là có bẫy,” bác sĩ Daneeka đáp. “Bẫy-22. Bất cứ ai muốn ngừng ra trận đều không thực sự điên.”

Chỉ có một cái bẫy và đó là Bẫy-22, nó chỉ ra rằng việc lo lắng cho sự an toàn của bản thân khi đối mặt với những hiểm nguy có thực và ngay trước mắt là sự vận hành của một bộ óc sáng suốt có lý trí. Orr bị điên và có thể được nghỉ bay. Tất cả những gì gã cần làm là đưa ra yêu cầu; và ngay khi gã làm việc đó thì gã không còn điên nữa và sẽ phải tiếp tục bay ra trận. Orr sẽ phát điên nếu phải bay ra trận nữa và sẽ không điên nếu gã không phải bay, nhưng nếu gã không điên thì gã phải bay ra trận. Nếu gã bay thì gã điên và nhờ thế mới không phải bay; nhưng nếu gã không muốn bay thì gã không điên và vì vậy gã phải bay. Yossarian cảm động sâu sắc trước sự đơn giản tuyệt đối của Bẫy-22 và buông ra một cú huýt sáo đầy kính nể.

“Quả là một cái bẫy ra trò, cái Bẫy-22 đó,” y nhận xét.

“Xịn nhất hiện có,” bác sĩ Daneeka đồng ý.

Yossarian nhìn thấy nó rất rõ trong toàn bộ sự hợp lý quay cuồng của nó. Có một sự chính xác súc tích vừa phong nhã vừa gây choáng váng trong các cặp mệnh đề hoàn hảo, giống như nghệ thuật hiện đại đích thực, và đôi lúc Yossarian cũng không thực sự chắc là mình đã nhìn thấy nó, cũng giống như khi y không thực sự chắc về nghệ thuật hiện đại đích thực hay về những con ruồi mà Orr

nhìn thấy trong mắt Appleby. Y chỉ biết dựa vào lời của Orr để tin là có ruồi ở trong mắt Appleby.

“Ồ, chúng đang ở đó, khỏe mạnh cả,” Orr khẳng định với Yossarian về chuyện lũ ruồi trong mắt Appleby sau khi Yossarian với Appleby đấm nhau ở câu lạc bộ sĩ quan, “mặc dù có lẽ anh ta thậm chí còn không biết điều đó. Đó là lý do anh ta không thể nhìn nhận sự việc đúng với bản chất của chúng.”

“Làm sao mà anh ta lại không biết được?” Yossarian chất vấn.

“Bởi vì anh ta có ruồi ở trong mắt,” Orr giải thích với vẻ kiên nhẫn cường điệu. “Làm sao anh ta thấy được có ruồi ở trong mắt mình nếu như anh ta có ruồi ở trong mắt?”

Điều đó có lý chẳng kém bất cứ điều gì khác, và Yossarian đã sẵn lòng tin Orr chừng nào chưa chứng minh được điều ngược lại, bởi vì Orr xuất thân từ vùng hoang vu bên ngoài thành phố New York nên sẽ hiểu biết về cuộc sống hoang dã rõ hơn Yossarian nhiều, và bởi vì Orr, không như mẹ, cha, anh, chị, em, cô, dì, chú, bác, anh chị em dâu rể, thầy cô giáo, lãnh tụ tinh thần, nhà lập pháp, hàng xóm và tờ báo của Yossarian, chưa từng nói dối y một điều gì quan trọng. Yossarian một mình nghiền ngẫm tri thức mới về Appleby này suốt một, hai ngày gì đó và rồi quyết định, như một hành động thiện chí, chuyển lời thông báo cho chính Appleby.

“Appleby, anh có ruồi ở trong mắt,” y thì thầm đầy thiện ý khi họ đi lướt qua nhau ở cửa lều quân trang vào ngày phải đi đưa sữa[15] tới Parma theo lộ trình đã định sẵn hằng tuần.

“Gì cơ?” Appleby gắt lên, rơi vào bối rối vì Yossarian lại nói chuyện với gã.

“Anh có ruồi ở trong mắt,” Yossarian lặp lại. “Có lẽ đấy là lý do tại sao anh không nhìn thấy chúng.”

Appleby lùi xa Yossarian với vẻ hoang mang đầy ghê tởm và chìm trong im lặng cho đến khi gã ở trong xe Jeep với Havermeyer đi dọc con đường dài và thẳng tới phòng tác chiến, tại đó thiếu tá Danby, sĩ quan tác chiến hay sốt ruột của phi đoàn, đang đợi để đưa các chỉ dẫn tác chiến sơ bộ cho các phi công trưởng, những người cắt bom và các hoa tiêu. Appleby nói thật nhỏ sao cho lái xe và đại úy Black, người đang nằm dài nhắm tịt mắt ở ghế trước, không thể nghe lỏm được.

“Havermeyer,” gã ngập ngừng hỏi. “Tôi có ruồi ở trong mắt không?”

Havermeyer nháy mắt chế nhạo. “Cái lẹo[16] ấy hả?”

“Không, con ruồi.”

Havermeyer lại chớp mắt. “Ruồi?”

“Ở trong mắt tôi.”

“Anh điên rồi,” Havermeyer nói.

“Không, tôi không điên. Yossarian mới điên. Nào nói cho tôi biết có ruồi ở trong mắt tôi hay không ngay đi. Nói đi. Tôi có thể chịu được.”

Havermeyer bỏ thêm một miếng kẹo lạc vào miệng và nhòm sát vào mắt Appleby.

“Không thấy gì cả,” gã tuyên bố.

Appleby thở phào nhẹ nhõm. Havermeyer bị dính đầy kẹo lạc trên môi, cằm và má.

“Mặt anh dính đầy kẹo lạc kìa,” Appleby nhắc gã.

“Tôi thà có kẹo lạc trên mặt còn hơn có ruồi trong mắt,” Havermeyer trả đũa.

Xe tải chở các sĩ quan của năm chiếc máy bay còn lại trong mỗi tổ bay đã tới chờ nghe buổi chỉ dẫn tác chiến chung sẽ diễn ra sau đó khoảng ba mươi phút. Mỗi tổ có ba lính không được nghe tác chiến mà được đưa thẳng đến sân bay tới những máy bay khác nhau được bố trí bay vào ngày hôm đó, họ đợi ở đó cùng với các nhân viên mặt đất cho tới khi các sĩ quan bay cùng bước ra khỏi cửa hậu lúc lắc của những chiếc xe tải chở họ, đó là lúc phải leo lên máy bay mà khởi sự. Mấy cái động cơ cáu kỉnh trở mình trên bãi đỗ hình kẹo que, đầu tiên không chịu, sau đó ì ì kêu tại chỗ một lúc, và rồi những chiếc máy bay mới ì ạch lết đi, mũi thảm hại hướng về phía trước bên trên mặt đất sỏi đá như những con vật mù mắt ngu dốt què cụt cho đến khi chúng chạy đà vào đường băng và nhanh chóng cất cánh, nối đuôi nhau, lượn vút lên cao trong tiếng máy gầm, chầm chậm chao cánh rồi xếp lại thành một đội hình phía trên các ngọn cây lốm đốm, bay vòng quanh sân bay với tốc độ không đổi cho đến khi các đội hình sáu máy bay có mặt đầy đủ thì lượn qua mặt nước xanh màu trời trong chặng đầu tiên của hành trình bay tới mục tiêu ở phía Bắc nước Ý hoặc Pháp. Các máy bay nâng dần độ cao, và trước khi tới không phận địch đã đạt tới mức trên hai nghìn bảy trăm mét. Một trong những điều đáng ngạc nhiên luôn là cảm giác êm đềm và yên tĩnh tuyệt đối, chỉ bị phá vỡ bởi loạt đạn bắn thử từ súng máy, bởi những nhận xét ngắn ngủn, không ngữ điệu qua hệ thống điện đàm nội bộ, và, cuối cùng, là bởi lời tuyên bố trang nghiêm của người cắt bom trong mỗi máy bay rằng họ đã tới đúng vị trí và chuẩn

bị đối mặt với mục tiêu. Luôn có nắng, luôn có cảm giác dấp dính vướng trong họng vì không khí loãng.

Những chiếc B-25 mà họ lái đều là những máy bay chắc chắn, đáng tin cậy, màu xanh đục với cánh lái kép, động cơ đôi và sải cánh rộng. Lỗi duy nhất của chúng, từ chỗ Yossarian ngồi với tư cách là người cắt bom, là lối trườn quá hẹp ngăn giữa chỗ của người cắt bom ở phần mũi máy bay bọc kính plexi với cửa thoát hiểm gần nhất. Lối trườn là một đường ống vuông hẹp lạnh lẽo khoét vào bên dưới buồng điều khiển bay, và một gã to con như Yossarian sẽ phải rất vất vả mới có thể ép thân trườn qua được. Một gã hoa tiêu mập mạp, mặt tròn với cặp mắt lươn và một cái tẩu như Aarfy cũng sẽ gặp rắc rối, và Yossarian thường phải đuổi gã ra khỏi khoang mũi máy bay khi họ tới gần mục tiêu, lúc chỉ còn cách vài phút nữa. Khi ấy luôn có một khoảng thời gian căng thẳng, một khoảng thời gian chờ đợi chẳng có gì để nghe và chẳng có gì để thấy và chẳng có gì để làm ngoài chờ đợi trong lúc các khẩu súng phòng không bên dưới ngắm bắn và nếu có thể thì sẵn sàng hạ cả bọn gục thẳng cẳng mà đi vào giấc ngủ vĩnh hằng.

Lối trườn là con đường sống dẫn Yossarian ra khỏi một chiếc máy bay sắp rơi, nhưng Yossarian chửi bới nó với sự thù địch sôi sục, rủa xả coi nó là một vật cản được ý trời đặt ở đó như một phần của âm mưu hủy diệt y. Có đủ chỗ để làm thêm một cửa thoát hiểm nữa ở ngay phần mũi máy bay nhưng không hề có cửa thoát hiểm nào ở đó. Thay vào đó là một lối trườn, và kể từ vụ lộn xộn trong trận Avignon, y đã trở nên căm ghét từng xăng ti mét của lối trườn ấy, bởi vì nó luôn quẳng vào mặt y hàng đống giây đồng hồ ngăn cách y với dù của mình, chiếc dù này quá cồng kềnh y không thể mang theo lên tận mũi máy bay được, rồi sau đó lại quẳng thêm ra

cả đống giây đồng hồ nữa ngăn cách y với cửa thoát hiểm trên sàn nằm ở khoảng giữa đuôi của buồng điều khiển được thiết kế nâng lên và chân của tay súng không thấy mặt ngồi trong tháp súng cao phía trên. Sau khi đuổi Aarfy khỏi phần mũi máy bay, Yossarian lại khát khao được ở chỗ gã đang ở; Yossarian muốn được co ro ngồi cuộn tròn trên sàn ngay trên cửa thoát hiểm, bên trong sự che chở của một bộ giáp chống đạn dự trữ mà nếu được thì y rất sẵn lòng mang theo, dù đã ở đúng vị trí trên người, một tay ghì chặt sợi dây mở dù màu đỏ, tay kia bấu chặt chốt mở cửa thoát hiểm sao cho y có thể bị hất thẳng ra không khí về phía mặt đất ngay khi nghe thấy tiếng rít chết chóc hủy diệt đầu tiên cất lên. Trong tình huống xấu nhất thì y muốn ở đó thay vì mắc kẹt ở mũi máy bay như một con cá vàng chơ vơ chết tiệt trong một bể cá vàng chơ vơ chết tiệt trong khi những tầng đạn phòng không đen sì thối tha chết tiệt tóe ra và ầm ầm và cuồn cuộn khắp xung quanh, ở trên và ở dưới y, một vẻ gớm ghiếc dâng cao, nổ lạch tạch, đan chéo nhau, nổ đùng đoàng, như ảo ảnh, như vũ trụ, rung chuyển, lật nhào, làm run rẩy, gây náo động, đâm xuyên qua và đe dọa sẽ xóa sổ tất cả bọn họ chỉ trong một sát na bằng một quầng lửa khổng lồ bùng cháy.

Aarfy không giúp được gì cho Yossarian với tư cách một hoa tiêu hay bất cứ vai trò nào khác, nên lần nào Yossarian cũng kịch liệt đuổi gã ra khỏi khoang mũi để bọn họ khỏi cản đường nhau nếu như bỗng nhiên họ phải trườn đi giành lấy sự an toàn cho bản thân. Khi Yossarian đã đuổi được gã trở lại khoang lái, Aarfy đã được tự do ngồi co rúm lại trên sàn, ở chỗ Yossarian khao khát được ngồi đó mà co rúm, nhưng thay vì thế Aarfy chỉ hiên ngang đứng thẳng, hai cánh tay lực lưỡng thoải mái tựa lên ghế phi công chính và phi công phụ, tay cầm tẩu thuốc và niềm nở tiếp chuyện McWatt và với bất cứ

ai làm phi công phụ, tay chỉ trỏ vào đủ thứ vặt vãnh thú vị trên bầu trời mà hai tay phi công kia quá bận bịu không thèm để ý. McWatt quá bận điều khiển máy bay theo những chỉ dẫn đinh tai nhức óc của Yossarian khi Yossarian cho máy bay trút vội bom rồi gào thét đòi cả bọn quất ngựa truy phong ngay giữa những cột đạn khát máu nổ tung tóe bằng những lệnh cộc lốc, chát chúa và thô tục gửi tới McWatt giống như những tiếng ú ớ của Hungry Joe trong những cơn ác mộng thống khổ thê thảm giữa đêm. Aarfy sẽ trầm ngâm rít tẩu trong suốt khoảng thời gian đụng độ hoảng loạn đó, đăm đắm nhìn cuộc chiến với vẻ tò mò trầm tĩnh qua cửa sổ chỗ McWatt ngồi như thể nó chỉ là một chút náo động xa xăm chẳng thể nào ảnh hưởng gì đến gã. Aarfy là một thành viên tận tụy của hội sinh viên rất thích các hoạt động cổ vũ và họp lớp và lại không có đầu óc nên chẳng biết sợ là gì. Yossarian thì lại có đầu óc nên biết sợ, và điều duy nhất ngăn y rời vị trí hứng đạn mà chui trở lại vào lối trườn như một con chuột hèn nhát là vì y không sẵn lòng trao nhiệm vụ điều khiển quá trình tẩu thoát khỏi mục tiêu cho bất cứ ai khác. Không có bất cứ ai trên thế giới này mà y có thể trao cho trọng trách vinh quang tới vậy. Không có ai khác mà y quen biết mà lại hèn nhát được như y. Trong nhóm Yossarian là người giỏi tẩu thoát nhất, nhưng y không hiểu tại sao.

Không có một quy trình cụ thể nào cho việc tẩu thoát. Tất cả những gì y cần là nỗi sợ, và cái đó thì Yossarian có rất nhiều, nhiều hơn cả Orr và Hungry Joe, hơn cả Dunbar, kẻ đã sớm chấp nhận rằng một ngày nào đó gã sẽ phải chết. Yossarian thì không chấp nhận điều đó và y điên cuồng chạy trốn để giữ lấy mạng sống của mình trong mỗi trận đánh, ngay tại khoảnh khắc trút xong bom, rống lên với McWatt "*Mạnh nữa lên, mạnh, mạnh, mạnh, đồ chết tiệt,*

mạnh nữa lên!" và căm ghét McWatt đến hằn học trong suốt khoảng thời gian đó cứ như thể McWatt là người chịu trách nhiệm cho việc bọn họ phải ở tít trên đó và sắp bị giết sạch bởi toàn những người dưng, và cả bọn còn lại đều mặc xác máy điện đàm; chỉ trừ trong vụ lộn xộn đáng tiếc hồi trận Avignon khi Dobbs phát điên giữa trời và khóc nức lên cầu xin được giúp đỡ.

"Cứu anh ta với, cứu anh ta với," Dobbs nức nở. "Cứu anh ta với, cứu anh ta với."

"Cứu ai? Cứu ai?" Yossarian hỏi khi cắm lại tai nghe vào hệ thống điện đàm nội bộ, sau khi nó bị bật tung ra lúc Dobbs giật cần lái khỏi tay Huple, đột ngột quăng tất cả bọn họ vào một cú bổ nhào inh óc, tê liệt, kinh hoàng, dán chặt đỉnh đầu Yossarian lên trần máy bay trong tuyệt vọng, và Huple đã kịp cứu họ khi giành lại cần lái từ tay Dobbs và gần như cũng đột ngột như vậy đưa máy bay thăng bằng trở lại ngay giữa lớp đạn phòng không chói tai bắn tới tấp mà họ chỉ vừa mới thoát được trước đó một khoảnh khắc. *Ôi Chúa ơi! Ôi Chúa ơi, ôi Chúa ơi!* Yossarian cầu khẩn không nên lời trong khi đỉnh đầu vẫn dán trên trần mũi máy bay, thân lủng lẳng, không sao cựa quậy.

"Người cắt bom, người cắt bom," Dobbs thét lên trả lời khi Yossarian nói. "Anh ta không trả lời, anh ta không trả lời. Hãy giúp người cắt bom, hãy giúp người cắt bom."

"Tôi là người cắt bom," Yossarian hét lên. "Tôi là người cắt bom. Tôi không sao. Tôi không sao."

"Vậy thì cứu anh ta đi, cứu anh ta đi," Dobbs cầu xin. "Cứu anh ta với, cứu anh ta với."

Và Snowden đang nằm hấp hối ở phía sau.

6 HUNGRY JOE

Hungry Joe đã bay đủ năm mươi nhiệm vụ, nhưng như vậy cũng chẳng ích gì. Gã đã gói hành lý nhưng vẫn tiếp tục phải chờ để được về nhà. Đêm đêm gã có những ác mộng kỳ quái, chói tai khiến cho tất cả mọi người trong phi đoàn tỉnh giấc, trừ Huple, một phi công mười lăm tuổi, cu cậu đã nói dối tuổi để được nhập ngũ và sống chung với con mèo của mình ở cùng lều với Hungry Joe. Huple là người thính ngủ, nhưng cậu ta cứ khăng khăng là chưa từng nghe tiếng thét nào của Hungry Joe. Hungry Joe đang bị ốm.

"Vậy thì đã làm sao?" bác sĩ Daneeka bực bội làu nhàu. "Tôi nói anh hay, tôi đây đã từng thành đạt đấy. Tôi đang đút túi ngon ơ năm mươi nghìn đô một năm, gần như tất cả số đó đều không phải trả thuế, bởi vì khách hàng phải trả cho tôi tiền mặt. Tôi có hiệp hội thương mại mạnh nhất thế giới làm chỗ dựa. Thế rồi hãy xem chuyện gì đã xảy ra. Ngay khi tôi có thể bắt đầu đem tiền đi giấu thì họ sản xuất ra chủ nghĩa phát xít và làm nổ ra cuộc chiến đủ lớn tới mức ảnh hưởng tới cả tôi. Tôi thấy thật nực cười khi nghe chuyện một kẻ nào đó như Hungry Joe gào hét như điên vào mỗi tối. Thực sự nực cười. *Anh ta* bị ốm ư? Anh ta có biết tôi cảm thấy gì không?"

Hungry Joe thì đã tự chìm quá sâu vào trong những tai ương của bản thân nên không thể quan tâm xem bác sĩ Daneeka cảm thấy gì.

Tiếng ồn chẳng hạn. Tiếng ồn nhỏ làm gã phát điên và gã lại khàn khàn rống lên với Aarfy vì tiếng rít ẩm ướt khi gã này hút tẩu, với Orr vì tiếng hàn, với McWatt vì tiếng lật đánh choách mỗi lần gã chia bài poker hay blackjack, với Dobbs vì tội cứ để răng va vào nhau lập cập trong lúc hậu đậu đi loanh quanh và va quệt vào đủ thứ. Hungry Joe là một khối cáu kỉnh di động luôn sục sôi và xơ xác. Tiếng đồng hồ đeo tay tích tắc trong phòng vắng cũng là một sự tra tấn kinh khủng đối với bộ não mong manh của gã.

“Nghe này, nhóc,” gã cộc cằn giải thích cho Huple vào một buổi tối muộn, “nếu cậu muốn sống trong căn lều này thì cậu cần phải làm như tôi. Cứ đêm đến cậu phải lấy một đôi tất len bao kín đồng hồ đeo tay lại rồi cất nó vào đáy hòm đặt ở phía bên kia phòng.”

Huple vênh mặt thách thức, tỏ ý cho Hungry Joe biết là cậu ta không dễ bị bắt nạt và rồi làm chính xác như những gì Hungry Joe bảo cậu ta lúc trước.

Hungry Joe là một gã khốn khổ hay hốt hoảng, hốc hác với khuôn mặt không thịt chỉ có xương và da xám xịt và những mạch máu nổi lên rần rật ngoằn ngoèo dưới da trong những hố thâm đen dưới mắt như những phần bị cắt lìa của một con rắn. Đó là một gương mặt tan hoang lồi lõm, ám đầy muội lo âu như một cái mỏ bị bỏ hoang. Hungry Joe ăn ngấu nghiến, liên tục gặm đầu ngón tay, nói lắp bắp, hay bị nghẹn thở, hay ngứa, hay đổ mồ hôi, hay chảy dớt dãi, và hay nhảy từ chỗ này qua chỗ khác như điên với một chiếc máy ảnh phức tạp màu đen mà gã luôn mang theo để cố chụp hình các cô gái khỏa thân. Không bao giờ có ảnh. Gã luôn quên bỏ phim vào máy, hoặc quên bật đèn, hoặc quên bỏ nắp ống kính ra. Cũng không dễ

để thuyết phục các cô gái khỏa thân đứng chụp ảnh, nhưng Hungry Joe có mánh lới của riêng gã.

"Tôi nhân vật lớn," gã thường hét to lên. "Tôi nhiếp ảnh gia lớn của tạp chí *Life*. Có ảnh lớn trên trang bìa lớn. *Si*[17]*, si, si!* Minh tinh Hollywood. Nhiều *dinero*[18]. Nhiều ly dị. Nhiều phang và phịch suốt cả ngày."

Hiếm phụ nữ nào cưỡng lại được lời phỉnh nịnh xảo trá đến vậy, và các cô gái điếm sẽ nhảy cẫng lên háo hức và sẵn lòng thể hiện bất cứ tư thế tuyệt vời nào mà gã yêu cầu. Hungry Joe chết vì phụ nữ. Phản ứng của gã đối với họ với tư cách các sinh vật mang tính dục là một kiểu thờ phụng và sùng bái điên cuồng. Họ là biểu hiện đáng yêu, khiến người ta thỏa mãn, khiến người ta phát điên của điều huyền diệu, là nguồn đem lại khoái lạc quá mạnh mẽ không sao đong đếm, quá mãnh liệt không sao chịu đựng, và quá thanh tao không thể để cho bị lợi dụng bởi một gã đàn ông đê tiện và không xứng đáng. Gã chỉ có thể hiểu sự hiện diện khỏa thân của họ trong tay gã là một sơ suất của vũ trụ và nó nhất định sẽ được điều chỉnh lại nhanh chóng, nên gã luôn bị dồn vào thế phải tận dụng xác thịt của họ bằng bất cứ cách nào có thể trong một hoặc hai khoảnh khắc mà gã nghĩ là mình có trước khi Ai Đó phát hiện ra và xua chúng đi. Gã không bao giờ quyết được nên nện họ hay là chụp ảnh họ, bởi vì gã đã nhận ra không thể làm được cả hai việc đó cùng một lúc. Thực ra, gã còn nhận ra rằng làm được một trong hai việc đó thôi cũng gần như là không thể, bởi vì năng lực thể hiện của gã lúc nào cũng bị cạnh tranh bởi nhu cầu cưỡng bách trăm lần như một thúc gã phải nhanh lên. Những bức ảnh chẳng bao giờ xuất hiện và Hungry Joe cũng chẳng bao giờ được "cho vào". Điều kỳ cục là

trước khi nhập ngũ Hungry Joe thực sự từng là một nhiếp ảnh gia của tạp chí *Life*.

Giờ thì gã là một người hùng, người hùng vĩ đại nhất mà Không lực có, Yossarian nghĩ vậy, bởi vì gã đã có nhiều nhiệm kỳ bay chiến đấu hơn bất cứ người hùng nào mà Không lực có. Gã đã bay tới sáu nhiệm kỳ. Hungry Joe hoàn thành nhiệm kỳ bay chiến đấu đầu tiên từ thời chỉ cần hoàn thành hai mươi lăm nhiệm vụ là đủ để cho gã gói đồ, viết thư báo tin vui về nhà và bắt đầu hài hước giục giã trung sĩ Towser đòi lệnh điều động gã về lại nước Mỹ. Trong khi chờ đợi, ngày nào gã cũng nhịp chân diễu loanh quanh chỗ cửa lều chỉ huy, ồn ào buông lời khiếm nhã với bất cứ ai đi qua và bỡn cợt gọi trung sĩ Towser là đồ chó đẻ bần tiện mỗi khi trung sĩ Towser thò đầu ra khỏi phòng trực.

Hungry Joe hoàn thành hai mươi lăm nhiệm vụ bay đầu tiên ngay trong tuần diễn ra trận Salerno[19], lúc đó Yossarian đang nằm viện vì cú bùng phát bệnh lậu mà y đã dính phải trong một nhiệm vụ ở tầm thấp trên người một nữ quân nhân trong bụi rậm trên đường tiếp tế cho Marrakech. Yossarian đã cố gắng hết sức để bắt kịp với Hungry Joe và suýt đã đạt được, bay sáu nhiệm vụ trong sáu ngày, nhưng nhiệm vụ thứ hai mươi ba lại là bay tới Arezzo, tại đó đại tá Nevers đã tử trận đúng vào lúc y đã ở gần cơ hội được trở về nhà hơn bao giờ hết. Ngay hôm sau đại tá Cathcart đã xuất hiện, tràn đầy kiêu hãnh trong bộ quân phục mới và kỷ niệm sự kiện mình được đảm nhiệm chức chỉ huy bằng cách nâng số nhiệm vụ cần thiết từ hai mươi lăm lên tới ba mươi. Hungry Joe dỡ hành lý ra, viết lại thư báo tin mừng về nhà. Gã không còn hài hước giục trung sĩ Towser nữa. Gã bắt đầu ghét trung sĩ Towser, cay nghiệt đổ mọi thứ lên đầu tay này, mặc dù gã biết rằng trung sĩ Towser chả dính dáng gì tới việc

đại tá Cathcart xuất hiện và cũng chả dính dáng gì tới sự chậm trễ của các lệnh điều động đã có thể đã cứu gã từ bảy ngày trước và thêm năm lần kể từ đó.

Hungry Joe không thể chịu đựng nỗi căng thẳng của việc phải chờ đợi lệnh điều động thêm nữa và sụm xuống suy nhược ngay sau mỗi khi hoàn thành thêm một nhiệm kỳ bay. Mỗi lần được nghỉ ra trận, gã lại tổ chức một bữa tiệc lớn cho số ít bạn bè gã có. Gã đập vỡ những chai rượu bourbon gã đã xoay xở mua được trong các chuyến bay tuần tra kéo dài bốn ngày hằng tuần bằng máy bay đưa thư, rồi phá lên cười, hát hò, nhịp chân nhảy nhót và hò hét trong một bữa liên hoan cuồng khích say xỉn cho đến khi gã không thể giữ cho mình tỉnh táo mà yên bình chìm vào giấc ngủ. Ngay khi Yossarian, Nately và Dunbar đặt gã xuống giường thì gã bắt đầu gào thét. Đến sáng, gã bước ra khỏi lều với bộ dạng hốc hác phờ phạc, sợ hãi và mặc cảm tội lỗi, chỉ còn cái vỏ của một tòa người đã mục ruỗng đang run rẩy ngấp nghé bờ vực sụp đổ hoàn toàn.

Đêm nào ở phi đoàn Hungry Joe cũng gặp ác mộng vào đúng một giờ chính xác tuyệt trần, trong suốt khoảng thời gian thử thách thống khổ khi gã không phải bay ra trận và lại thêm một lần nữa chờ đợi cái lệnh không bao giờ tới cho phép gã về nhà. Những chàng trai nhạy cảm ở phi đoàn như Dobbs và đại úy Flume đã bị những cơn ác mộng rú rít của Hungry Joe quấy rầy sâu sắc tới mức họ cũng bắt đầu có những cơn ác mộng rú rít riêng, và những lời tục tĩu chói tai mà họ ném vào không trung hằng đêm từ chỗ ở của mỗi người trong phi đoàn vang lên dội vào nhau trong bóng đêm đầy lãng mạn như tiếng kêu tìm bạn của bầy chim hót với đầu óc bẩn thỉu. Trung tá Korn đã hành động dứt khoát để ngăn chặn cái mà với gã có vẻ như là khởi đầu của cả một xu hướng không lành mạnh ở

phi đoàn của thiếu tá Major. Giải pháp gã đưa ra là cho Hungry Joe lái máy bay đưa thư mỗi tuần một lần, loại tay này ra khỏi phi đoàn bốn đêm, và phương thuốc này, giống như tất cả các phương thuốc khác của trung tá Korn, đều thành công.

Mỗi lần đại tá Cathcart tăng số nhiệm vụ lên và đưa Hungry Joe quay lại chiến trường thì các cơn ác mộng biến mất và Hungry Joe ổn định trong tình trạng kinh hoàng bình thường với một nụ cười khuây khỏa. Yossarian đọc gương mặt teo tóp của Hungry Joe như đọc tít báo. Sẽ là ổn nếu như trông Hungry Joe rất tệ và sẽ là tệ nếu như trông Hungry rất ổn. Tập hợp các phản ứng ngược của Hungry Joe là một hiện tượng thú vị đối với tất cả mọi người, ngoại trừ Hungry Joe, gã cứng cổ chối bỏ toàn bộ điều đó.

“Ai mơ?” gã trả lời như vậy khi Yossarian hỏi gã mơ thấy gì.

“Joe, tại sao anh không tới gặp bác sĩ Daneeka?” Yossarian khuyên.

“Tại sao tôi lại phải gặp bác sĩ Daneeka? Tôi đâu có ốm.”

“Thế còn các cơn ác mộng của anh thì sao?”

“Tôi đâu có gặp ác mộng,” Hungry Joe bốc phét.

“Có thể ông ấy sẽ giúp được anh.”

“Ác mộng thì có làm sao,” Hungry Joe trả lời. “Ai chả gặp ác mộng.”

Yossarian nghĩ thế là đã bắt thóp được gã. “Hằng đêm ư?” y hỏi.

“Tại sao hằng đêm lại không được?” Hungry Joe gay gắt.

Và đột nhiên mọi sự trở nên hợp lý. Thực sự thì tại sao lại *không* thể hằng đêm kia chứ? Gào thét đau đớn hằng đêm thì cũng hợp lý

thôi. Như thế còn hợp lý hơn Appleby, kẻ nhiệt thành ủng hộ các loại quy định, kẻ sau khi giận không còn nói chuyện với Yossarian nữa vẫn nhất định yêu cầu Kraft yêu cầu Yossarian phải uống mấy viên Atabrine[20] ấy ngay trên chuyến bay đầu tiên của bọn họ ra nước ngoài. Hungry Joe có lý hơn cả Kraft nữa, cậu này đã chết, đường đột bị đẩy tới diệt vong trên bầu trời Ferrara do một động cơ phát nổ sau khi Yossarian đưa đội bay gồm sáu máy bay quay lại mục tiêu một lần nữa. Đội bay đã đánh trượt cây cầu ở Ferrara bảy ngày liên tiếp với máy ngắm có thể giúp thả bom trúng một thùng dưa từ độ cao hơn mười hai nghìn mét, và cả một tuần tròn đã trôi qua kể từ khi đại tá Cathcart xung phong rằng quân của gã sẽ phá hủy được cây cầu ấy trong vòng hai mươi bốn giờ. Kraft là một cậu bé gầy gò, vô hại từ Pennsylvania đến, cậu chỉ mong được mọi người yêu quý nhưng lại buộc phải thất vọng ngay cả với một ước vọng khiêm nhường và nhỏ mọn nhường ấy. Thay vì được yêu quý, cậu bé lại bị chết, một mẩu cháy sém rỉ máu trên một giàn thiêu man rợ chưa ai từng biết tới vào những khoảnh khắc khủng khiếp cuối cùng khi chiếc máy bay chỉ còn một bên cánh lao thẳng xuống đất. Cậu đã sống vô tội trong một khoảng thời gian ngắn và rồi rơi xuống bốc cháy trên bầu trời Ferrara vào ngày thứ bảy, trong lúc Chúa đang nghỉ ngơi, khi McWatt quay lại và Yossarian hướng dẫn gã hướng về mục tiêu để ném bom lần thứ hai bởi vì Aarfy đang bối rối còn Yossarian thì đã không thể cắt bom ngay từ lần đầu.

"Tôi e rằng chúng ta sẽ phải quay lại đó thêm một lần nữa, phải không?" McWatt ủ rũ nói qua hệ thống điện đàm nội bộ.

"Tôi e là vậy," Yossarian nói.

"Thật sao?" McWatt nói.

“Thật.”

“Ồ, hay đấy,” McWatt véo von, “chết tiệt.”

Vậy là họ đã quay trở lại trong khi các máy bay thuộc các đội bay khác đã lượn vòng ra xa an toàn và tất cả các súng phòng không thuộc sư đoàn Hermann Goering ở dưới chỉ còn bận xả đạn vào mỗi mình họ.

Đại tá Cathcart có lòng dũng cảm và gã chưa bao giờ chần chừ khi xung phong đưa quân của mình tới bất cứ mục tiêu nào. Không có mục tiêu nào là quá nguy hiểm đối với liên đoàn của gã, cũng như không có cú đánh nào là khó đối với Appleby ở trên bàn bóng bàn. Appleby là một phi công giỏi và là một tay vợt bóng bàn siêu phàm có ruồi ở trong mắt không bao giờ bị thua một điểm nào. Hai mươi mốt lần giao bóng là tất cả những gì Appleby cần để làm cho đối thủ phải hổ thẹn. Trình độ chơi bóng bàn của gã đã trở thành huyền thoại, và Appleby thắng tất cả các ván mà gã chơi cho tới cái đêm Orr, đã ngà ngà say vì gin pha nước ép, quăng vợt vỡ trán Appleby sau khi Appleby giáng trả lại tất cả năm lần giao bóng đầu tiên của Orr. Orr nhảy lên bàn sau cú quăng vợt và lao tới bờ bên kia bằng một cú bật tổng lực với cả hai chân phi thẳng vào mặt Appleby. Mọi thứ trở nên hỗn loạn. Phải mất gần một phút Appleby mới kéo được mình ra khỏi tay và chân Orr, chới với cố đưa chân chạm đất tìm đường thoát, trong khi Orr một tay túm lấy ngực áo gã nhấc bổng lên còn tay kia nắm lại thành quả đấm sẵn sàng đập chết gã, đúng lúc đó thì Yossarian bước tới và tách Orr ra khỏi Appleby. Đó là một buổi tối đầy bất ngờ đối với Appleby, bởi vì gã cũng to khỏe như Yossarian, và gã đã lấy hết sức mà nhảy xổ vào Yossarian với cái nắm đấm đã khiến thượng sĩ White Halfoat thấy kích thích tới

mức quay lại đấm luôn một phát vào mũi đại tá Moodus, việc này lại khiến cho tướng Dreedle cảm kích tới mức phải bảo đại tá Cathcart ném cha tuyên úy ra khỏi câu lạc bộ sĩ quan và ra lệnh cho thượng sĩ White Halfoat chuyển vào sống trong lều của bác sĩ Daneeka để được bác sĩ chăm sóc 24/24 và giữ được sức khỏe tốt để có thể lại đập vỡ mũi đại tá Moodus mỗi khi tướng Dreedle có yêu cầu. Thỉnh thoảng tướng Dreedle có những chuyến công tác đặc biệt từ trụ sở không đoàn cùng với đại tá Moodus và y tá của ông ta chỉ để cho thượng sĩ White Halfoat đập vỡ mũi thằng con rể.

Thượng sĩ White Halfoat thích ở lại sống trong toa xe với đại úy Flume hơn, đó là một sĩ quan phụ trách tuyên truyền kín tiếng và hay sợ bóng sợ gió của phi đoàn, hôm nào gã cũng dành gần như cả buổi tối để tráng rửa những tấm hình được chụp vào ban ngày để gửi kèm các thông cáo báo chí. Đại úy Flume dành hết thời gian có thể mỗi buổi tối để làm việc trong phòng tối, và rồi sau đó sẽ nằm xuống giường xếp, ngón tay ngoắc lại cầu may và một cái chân thỏ đeo vòng quanh cổ[21] và cố hết sức để thức. Gã sống trong nỗi sợ hãi cực độ trước thượng sĩ White Halfoat. Đại úy Flume luôn bị ám ảnh bởi ý nghĩ rằng thượng sĩ White Halfoat sẽ rón rén bước tới giường xếp của gã một đêm nào đó khi gã đang ngủ say và sẽ cắt toang cổ họng gã suốt từ tai này sang tới tai kia. Đại úy Flume có được ý nghĩ này từ chính thượng sĩ White Halfoat, bởi vì gã này thực sự đã rón rén bước tới giường xếp của Flume vào một đêm khi gã đang ngủ lơ mơ mà trang trọng thì thào rằng sẽ có đêm, khi gã, đại úy Flume, ngủ say thì gã kia, thượng sĩ White Halfoat, sẽ cắt toang cổ họng gã đại úy suốt từ tai bên này sang tới tận tai bên kia. Đại úy Flume tê cứng cả người, cặp mắt gã bừng mở trợn lên nhìn

thẳng vào mắt thượng sĩ White Halfoat, đang lấp lánh say xỉn chỉ cách mắt gã vài phân.

“Tại sao?” cuối cùng thì đại úy Flume cũng gom đủ sức rền rĩ hỏi.

“Tại sao lại không?” đó là câu trả lời của thượng sĩ White Halfoat.

Sau lần đó, đêm nào đại úy Flume cũng cố ép mình thức được càng lâu càng tốt. Gã nhận được sự trợ giúp tuyệt vời từ các cơn ác mộng của Hungry Joe. Sau khi chăm chú lắng nghe những tiếng hú hét điên dại của Hungry Joe hết đêm này qua đêm khác, đại úy Flume trở nên căm ghét gã và bắt đầu ước ao giá mà một đêm nào đó thượng sĩ White Halfoat sẽ rón rén tới giường xếp của Hungry Joe mà cắt toang cổ họng gã suốt từ tai này sang tận tai bên kia. Thực ra thì đại úy Flume ngủ say như chết hầu hết các đêm và chỉ đơn giản *mơ* rằng gã đang thức. Những giấc mơ là mình đang thức đó thuyết phục đến nỗi mỗi buổi sáng tỉnh dậy gã đều kiệt sức toàn tập, phải lập tức lăn ra ngủ lại.

Thượng sĩ White Halfoat đã trở nên gần như say đắm đại úy Flume kể từ sau cú biến hình ngoạn mục ấy. Đại úy Flume bước vào giường đêm hôm đó với tư cách là một người hướng ngoại sôi nổi và sáng hôm sau tỉnh dậy đã trở thành một kẻ hướng nội trầm tư, và thượng sĩ White Halfoat hãnh diện coi đại úy Flume mới này là sáng tạo riêng của gã. Gã chưa từng có ý định cắt toang cổ họng đại úy Flume từ tai bên này sang tận tai bên kia. Đe dọa như vậy chỉ đơn giản là một trò đùa, giống như bị chết vì viêm phổi, như đập vỡ mũi đại tá Moodus hay thách bác sĩ Daneeka đấu vật kiểu thổ dân da đỏ. Tất cả những gì thượng sĩ White Halfoat muốn làm khi gã ngật ngưỡng say bước về lều mỗi đêm là được ngủ ngay lập tức, nhưng Hungry Joe đã khiến cho điều đó trở nên không thể. Những cơn ác

mộng của Hungry Joe đã đem lại cho thượng sĩ White Halfoat cảm giác bất an, và gã thường ước sao có ai đó lẻn vào lều của Hungry Joe, nhấc con mèo của Huple ra khỏi mặt gã mà cắt toang cổ họng gã từ tai này tới tận tai bên kia, để cho tất cả mọi người ở phi đoàn ngoại trừ đại úy Flume có được giấc ngủ ngon.

Mặc dù thượng sĩ White Halfoat vẫn đập vỡ mũi đại tá Moodus để chiều lòng tướng Dreedle, gã vẫn bị hắt hủi. Cũng bị hắt hủi là thiếu tá Major, phi đoàn trưởng, kẻ đã phát hiện ra *điều đó* cùng lúc với khi phát hiện ra rằng mình đã thành phi đoàn trưởng từ miệng đại tá Cathcart, người đã ầm ầm lao đến phi đoàn trên chiếc xe Jeep như bị phê thuốc một ngày sau khi thiếu tá Duluth bị giết trên bầu trời Perugia. Đại tá Cathcart rầm rầm dừng kít chiếc xe lại chỉ vài phân trước hào đường tàu ngăn mũi xe của gã với sân bóng rổ méo mó, nơi mà cuối cùng thiếu tá Major đã bị đẩy ra bởi những cú đá, cú xô, những hòn đá và những quả đấm từ những người suýt nữa thì đã trở thành bạn mình.

"Anh là chỉ huy mới của phi đoàn này," đại tá Cathcart rống lên qua hào hướng về phía gã. "Nhưng đừng có nghĩ rằng điều này có ý nghĩa gì, bởi vì nó chẳng có nghĩa lý gì cả. Tất cả chỉ có nghĩa rằng anh là phi đoàn trưởng mới."

Rồi đại tá Cathcart rồ máy phóng xe đi cũng đột ngột như khi gã đến, quay ngoắt đầu chiếc xe Jeep, bánh xe quay tít dữ dội gửi tới thiếu tá Major một chùm đá dăm tạt thẳng vào mặt. Thiếu tá Major bất động trước tin đó. Gã đứng đó không nói nên lời, cao lênh khênh và trông ngây ngốc, với quả bóng rổ trầy xước nằm trong bàn tay dài trong lúc những hạt giống của sự oán giận mà đại tá Cathcart vừa chớp nhoáng gieo xuống bén rễ vào những người lính quanh

gã, những người đã chơi bóng rổ với gã và đã cho gã tiến tới mức gần như trở thành bạn bè với họ, trước đây chưa từng có ai đối xử với gã được tới mức đó. Lòng trắng trong cặp mắt tròn của gã lớn dần và đục lại khi gã chật vật mở miệng đầy tha thiết mà thất bại trước nỗi cô đơn quen thuộc không gì lay chuyển nổi đang trôi tới vây quanh gã như một màn sương mù ngột ngạt.

Cũng giống như tất cả các sĩ quan khác ở trụ sở liên đoàn, trừ thiếu tá Danby, đại tá Cathcart cũng thấm nhuần tinh thần dân chủ: gã tin rằng tất cả mọi người sinh ra đều bình đẳng, và do đó gã dành cho tất cả mọi người bên ngoài trụ sở liên đoàn một mối khinh bỉ hăng hái ngang nhau. Tuy vậy, gã vẫn tin tưởng quân của gã. Như vẫn thường bảo họ trong phòng tác chiến, gã tin rằng họ bay được nhiều hơn bất cứ đơn vị nào khác ít nhất mười nhiệm vụ và rằng bất cứ ai không chia sẻ sự tín nhiệm mà gã đã đặt vào họ đều có thể biến đi cho khuất mắt. Mặc dù vậy, cách duy nhất để họ có thể biến đi cho khuất mắt, như Yossarian biết được khi y bay tới thăm cựu binh nhất Wintergreen, là bay thêm mười nhiệm vụ so với tiêu chuẩn.

“Tôi vẫn không hiểu,” Yossarian phản đối. “Bác sĩ Daneeka đúng hay sai?”

“Ông ấy nói bao nhiêu?”

“Bốn mươi.”

“Daneeka nói đúng sự thật đấy,” cựu binh nhất Wintergreen thừa nhận. “Bốn mươi là toàn bộ số lượng nhiệm vụ anh cần hoàn thành theo tiêu chuẩn của Không lực Hai mươi bảy.”

Yossarian vui sướng hẳn lên. “Sau đó thì tôi có thể về nhà, phải không? Tôi đã bay được bốn mươi tám nhiệm vụ rồi.”

“Không, anh không thể về nhà,” cựu binh nhất Wintergreen chỉnh lại. “Anh điên rồi hay sao?”

“Tại sao lại không?”

“Bẫy-22.”

“Bẫy-22 ư?” Yossarian sững sờ. “Bẫy-22 thì có liên quan quái gì ở đây?”

“Bẫy-22,” bác sĩ Daneeka kiên nhẫn trả lời, khi Hungry Joe chở Yossarian quay lại Pianosa, “nói rằng anh luôn phải làm theo lệnh của sĩ quan chỉ huy.”

“Nhưng Không lực Hai mươi bảy nói rằng tôi có thể về nhà sau bốn mươi nhiệm vụ.”

“Nhưng họ không nói rằng anh *phải* về nhà. Và có quy định rằng anh phải tuân theo mọi mệnh lệnh. Đó chính là cái bẫy. Ngay cả nếu đại tá bất tuân lệnh của quân đoàn Không lực Hai mươi bảy mà bắt anh bay thêm thì anh vẫn phải bay, nếu không thì anh sẽ bị kết tội bất tuân lệnh ông ta. Khi đó quân đoàn Không lực Hai mươi bảy sẽ nhảy vào xử lý anh.”

Yossarian sụp xuống vì thất vọng. “Vậy thì tôi thực sự phải bay tới năm mươi nhiệm vụ, phải không?” y buồn bã nói.

“Năm mươi lăm,” bác sĩ Daneeka sửa lại.

“Sao lại năm mươi lăm?”

“Giờ thì đại tá muốn tất cả các anh bay năm mươi lăm nhiệm vụ.”

Hungry Joe thở phào nhẹ nhõm khi nghe bác sĩ Daneeka nói ra điều này và gã toét miệng cười. Yossarian túm lấy cổ Hungry Joe

bắt gã chở cả hai người bọn họ trở lại chỗ cựu binh nhất Wintergreen lập tức.

“Họ có thể làm gì tôi,” y thấp giọng hỏi nhỏ, “nếu tôi từ chối bay?”

“Có lẽ chúng tôi sẽ xử bắn anh,” cựu binh nhất Wintergreen trả lời.

“*Chúng tôi* ư?” Yossarian thét lên kinh ngạc. “Ý của anh là sao cơ, tại sao lại *chúng tôi*? Anh ở phía bọn họ từ khi nào vậy?”

“Nếu anh bị xử bắn, anh muốn tôi ở bên nào đây?” cựu binh nhất Wintergreen vặn lại.

Yossarian nhăn mặt. Đại tá Cathcart đã lại nâng số lượng nhiệm vụ cho y thêm một lần nữa.

7 MCWATT

Thông thường phi công lái máy bay của Yossarian là McWatt, người hay mặc bộ pyjama sạch sẽ đỏ chóe cạo râu ở bên ngoài lều của gã mỗi buổi sáng, và là một trong những thứ kỳ cục, mỉa mai và khó hiểu ở quanh Yossarian. McWatt có lẽ là chiến binh điên cuồng nhất trong đám bọn họ, bởi vì gã hoàn toàn tỉnh táo thế mà lại không thấy chiến tranh có gì phiền phức. Gã là một tâm hồn trẻ trung với cặp giò ngắn, bờ vai rộng, luôn miệng huýt sáo những giai điệu giật cục và hay lật bài đánh choách lúc chia bài chơi blackjack hoặc poker cho đến khi cuối cùng dưới tác động tích tụ của chúng Hungry Joe bị nghiền nát thành nỗi tuyệt vọng run rẩy mà bắt đầu quát tháo đòi gã đừng có làm như thế nữa.

“Đồ chó đẻ, anh chỉ làm vậy để cho tôi khó chịu chứ gì,” Hungry Joe điên tiết gào ầm lên, trong khi Yossarian giữ chặt một tay gã vỗ về. “Đó là lý do duy nhất nó làm vậy, bởi vì nó thích nghe tôi thét lên - đồ chó đẻ quỷ tha ma bắt!”

McWatt chun cái mũi nhỏ bé nhiều tàn nhang tỏ vẻ hối lỗi và thề sẽ không đập bài nữa, nhưng lúc nào cũng quên. McWatt đi đôi dép xốp dùng trong phòng ngủ, mặc bộ pyjama đỏ và ngủ giữa những tấm ga giường màu mè mới là, giống như tấm mà Milo đã giúp gã lấy lại một nửa từ tên trộm nhăn nhở hảo ngọt mà chẳng mất đến một quả chà là rút hạt nào trong số quả Milo mượn của Yossarian.

McWatt ấn tượng sâu sắc với Milo, kẻ mà, trước sự thích thú của Snark, hạ sĩ quan cấp dưỡng, đang mua trứng với giá bảy xu một quả rồi bán với giá năm xu. Nhưng McWatt chẳng bao giờ ấn tượng với Milo nhiều bằng Milo ấn tượng trước bức thư mà Yossarian đã nhận được về lá gan của y do bác sĩ Daneeka viết.

"Cái gì đây?" Milo kêu lên cảnh giác, khi thấy một thùng các tông sóng to đùng đầy những gói quả sấy và lon nước quả và đồ tráng miệng mà hai người lao động người Ý, những người do thiếu tá … de Coverley bắt cóc về để phục vụ nhà ăn sắp đem tới lều của Yossarian.

"Đây là đại úy Yossarian, thưa sếp," hạ sĩ Snark nói, nhếch miệng cười tự mãn. Hạ sĩ Snark là một gã trí thức tinh tướng luôn cảm thấy mình đi trước thời đại hai mươi năm và không thích phải nấu nướng phục vụ quần chúng. "Anh ta có một lá thư từ bác sĩ Daneeka nói rằng anh ta được phép tùy thích ăn bao nhiêu hoa quả và nước hoa quả cũng được."

"Cái gì đây?" Yossarian kêu lên, còn Milo thì mặt tái nhợt và bắt đầu lảo đảo.

"Đây là trung úy Milo Minderbinder, thưa sếp," hạ sĩ Snark vừa nói vừa nháy mắt rỉa rói. "Một trong những phi công mới của chúng ta. Anh ta đã trở thành sĩ quan cấp dưỡng trong khi anh đang nằm viện."

"Cái gì đây?" McWatt kêu lên vào cuối buổi chiều hôm đó khi Milo đưa cho gã một nửa tấm ga giường.

"Đó là một nửa tấm ga giường đã bị lấy trộm khỏi lều của anh vào sáng nay," Milo giải thích với vẻ tự mãn căng thẳng, bộ ria màu gỉ

sắt của gã giật giật liên hồi. “Tôi cá là anh cũng không biết rằng nó đã bị trộm mất.”

“Tại sao lại có người muốn trộm một nửa tấm ga giường nhỉ?” Yossarian hỏi.

Milo càng căng thẳng hơn. “Anh không hiểu rồi,” gã phản đối.

Và Yossarian cũng không hiểu tại sao Milo lại cần phải dành quá nhiều tâm sức cho bức thư do bác sĩ Daneeka viết đến vậy, bức thư đó viết rất rõ ràng, đi thẳng vào vấn đề. “Cho Yossarian hoa quả sấy và nước hoa quả, bao nhiêu cũng được tùy theo ý anh ta,” bác sĩ Daneeka đã viết như thế. “Anh ta nói rằng anh ta có vấn đề về gan.”

“Một bức thư như thế này,” Milo chán nản lầm bầm nói, “có thể hại chết bất cứ sĩ quan cấp dưỡng nào trên thế giới này.” Milo đã tới lều của Yossarian chỉ để đọc lại bức thư một lần nữa, nhằng nhẵng đi theo thùng đồ ăn đã mất của gã khắp phi đoàn như một kẻ đi đưa ma. “Anh muốn bao nhiêu thì tôi sẽ phải đưa cho anh chừng ấy. Tại sao vậy, bức thư thậm chí còn không nói là anh phải tự ăn tất cả thứ đó.”

“Và đó là một điều may mắn,” Yossarian bảo gã, “bởi vì tôi không bao giờ ăn miếng nào. Tôi có vấn đề về gan.”

“Ồ vâng, tôi quên mất,” Milo nói, giọng hạ thấp xuống đầy vẻ tôn kính. “Có tệ lắm không?”

“Vừa đủ tệ,” Yossarian vui vẻ trả lời.

“Tôi biết,” Milo nói. “Thế có nghĩa là gì?”

“Ý tôi là không thể nào tốt hơn mức ấy…”

“Tôi không hiểu.”

“… mà không bị tệ đi. Giờ thì anh biết rồi chứ?”

“Vâng, giờ thì tôi biết thế. Nhưng tôi vẫn không hiểu.”

“Chậc, thôi đừng để tâm đến nó làm gì. Cứ để đó cho tôi. Anh thấy đấy, tôi thực ra không có vấn đề gì về gan cả. Tôi chỉ có những triệu chứng. Tôi mắc hội chứng Garnett-Fleischaker.”

“Tôi biết,” Milo nói. “Thế hội chứng Garnett-Fleischaker là gì vậy?”

“Một vấn đề về gan.”

“Tôi biết,” Milo nói, và bắt đầu mệt mỏi đưa tay lên day day cặp lông mày đen với vẻ mặt biểu hiện nỗi đau đớn nội tâm, nhưng vẫn đang đợi để cảm giác khó chịu nhức nhối mà gã đang phải trải qua biến mất. “Như thế thì,” cuối cùng gã cũng nói tiếp, “chắc là anh sẽ phải rất cẩn thận khi ăn uống, có phải không?”

“Đúng là rất cẩn thận,” Yossarian bảo gã. “Một kiểu hội chứng Garnett-Fleischaker ra trò quả là không dễ có, và tôi không muốn hủy hoại nó. Đó là lý do tại sao tôi không ăn chút hoa quả nào.”

“Giờ thì tôi đã thực sự biết rồi,” Milo nói. “Ăn hoa quả có hại đến gan của anh hả?”

“Không, hoa quả tốt cho gan của tôi. Đó là lý do tôi không bao giờ ăn hoa quả.”

“Thế thì anh phải làm gì với chúng?” Milo chất vấn, một cách bền bỉ gã nặng nề lê qua những bối rối chất chồng để tống khứ được câu hỏi đang bỏng rát trên môi gã. “Anh có bán chúng đi không?”

“Tôi đem đi cho.”

“Cho ai?” Milo ré lên, bằng giọng vỡ òa vì thất vọng.

“Cho bất cứ ai muốn,” Yossarian hét lên đáp trả.

Milo buông ra một tiếng rên dài sầu thảm và lảo đảo lùi lại, những hột mồ hôi chợt xuất hiện khắp bộ mặt nhợt nhạt của gã. Gã lơ đãng giật giật bộ ria tội nghiệp, cả người gã run lên.

"Tôi cho Dunbar nhiều lắm," Yossarian tiếp tục.

"Dunbar ư?" Milo điếng người lặp lại.

"Ừ, Dunbar có thể ăn bao nhiêu hoa quả tùy thích và việc ấy sẽ chẳng giúp gã một chút xíu nào. Tôi cứ để cái thùng ở ngoài cho ai thích thì đều có thể tới ăn. Aarfy đến đây để ăn mận khô bởi vì gã bảo chả bao giờ được ăn đủ mận khô ở nhà ăn. Nếu anh có thời gian thì nên để ý chuyện đó hơn bởi vì chẳng vui vẻ gì khi có Aarfy ở quanh đây. Cứ khi nào sắp hết đồ ăn thì tôi lại bảo hạ sĩ Snark cung cấp thêm. Nately luôn lấy theo rất nhiều hoa quả khi tới Rome. Cậu ta phải lòng một cô điếm ở đó, cô ta căm thù tôi và không thích cậu ta một chút nào. Cô ta có một đứa em gái không bao giờ cho bọn họ ở riêng trên giường, và họ sống trong một căn hộ với một lão già, một bà già, và một đám các cô gái với cặp giò xinh đẹp mỡ màng luôn đùa giỡn quanh đó. Nately đem cho họ cả hộp đầy mỗi khi cậu ta đi."

"Cậu ta có bán cho họ không?"

"Không, cậu ta *đem cho* họ."

Milo cau mày bất bình. "Ồ, thế thì cậu ta quả là hào phóng," gã nhận xét không chút nhiệt tình.

"Ừ, rất hào phóng," Yossarian đồng ý.

"Và như vậy chắc là hoàn toàn hợp pháp," Milo nói, "bởi vì sau khi tôi mang đồ ăn tới thì nó là của anh. Với tình trạng khó khăn như này, tôi đoán chừng bọn họ chắc là rất vui khi nhận được chúng."

“Ừ, vui lắm,” Yossarian quả quyết. “Hai cô gái đã đem tất cả đi bán ngoài chợ đen và dùng tiền đó để mua nữ trang giả bóng lộn và nước hoa rẻ tiền.”

Milo tỉnh cả người. “Nữ trang giả!” gã la lên. “Tôi không biết chuyện đó. Họ trả bao nhiêu cho nước hoa rẻ tiền?”

“Lão già lấy phần của mình để mua rượu whisky mới chưng cất và ảnh con heo. Lão phóng đãng lắm.”

“Một kẻ phóng đãng ư?”

“Anh sẽ ngạc nhiên đấy.”

“Thị trường ảnh con heo ở Rome có ra gì không nhỉ?” Milo hỏi.

“Anh sẽ ngạc nhiên đấy. Hãy lấy Aarfy làm ví dụ. Một khi đã quen biết gã, anh sẽ chẳng bao giờ nghi ngờ, phải không?”

“Rằng gã ấy là một kẻ phóng đãng ư?”

“Không, rằng gã là hoa tiêu. Anh biết đại úy Aardvaark chứ? Gã chính là kẻ đã thân mật tới bắt chuyện với anh vào ngày đầu tiên anh đến phi đoàn này và nói, ‘Aardvaark là tên tôi, và hoa tiêu là trò của tôi.’ Gã ngậm một tẩu thuốc và có lẽ đã hỏi anh học trường đại học nào. Anh có biết gã không?”

Milo chẳng hề để ý đến lời y nói. “Cho tôi làm cùng anh đi,” gã buột miệng cầu xin.

Yossarian từ chối, mặc dù y không chút nghi ngờ rằng một khi Yossarian đã trưng thu được hoa quả từ nhà ăn nhờ lá thư của bác sĩ Daneeka thì hàng xe hoa quả ấy *hẳn sẽ* là của họ, thuộc quyền họ tùy ý bố trí theo bất cứ cách nào họ thấy hợp. Milo tiu nghỉu, nhưng từ lúc đó gã tin tưởng Yossarian tới mức sẵn sàng chia sẻ mọi bí

mật ngoại trừ một bí mật, khôn khéo lấy lý do rằng người nào không bòn rút từ đất nước mà gã yêu thì sẽ không bao giờ lấy cắp đồ của bất cứ ai. Milo tin tưởng và chia sẻ với Yossarian mọi bí mật, trừ vị trí của những cái hố nơi gã bắt đầu chôn tiền trên đồi từ khi gã trở về từ Smyrna với máy bay chất đầy quả sung và biết được từ Yossarian rằng gã C.I.D. đã tới bệnh viện. Với Milo, người đã khờ khạo tới mức xung phong làm sĩ quan cấp dưỡng, thì vị trí sĩ quan cấp dưỡng là trách nhiệm thiêng liêng.

"Tôi thậm chí đã không nhận ra rằng chúng tôi đã không cung cấp đủ mận khô cho mọi người," gã đã thú nhận như vậy trong ngày đầu tiên ấy. "Chắc là bởi vì tôi vừa mới đến, tôi sẽ chuyển câu hỏi này tới bếp trưởng của mình."

Yossarian sắc sảo nhìn. "Bếp trưởng nào?" y chất vấn. "Anh làm gì có bếp trưởng."

"Hạ sĩ Snark," Milo giải thích, đưa mắt nhìn đi chỗ khác với vẻ tội lỗi. "Anh ta là đầu bếp duy nhất tôi có, do vậy anh ta đúng là bếp trưởng của tôi, mặc dù tôi đã hy vọng có thể chuyển được anh ta sang làm những việc hành chính. Hạ sĩ Snark có khuynh hướng sáng tạo hơi thái quá, tôi cảm thấy thế. Anh ta cứ nghĩ rằng hạ sĩ cấp dưỡng là một gì đó có chất nghệ sĩ và thường xuyên than phiền về việc phải bán rẻ tài năng của mình. Mà đâu có ai bắt anh ta phải làm chứ! À nhân đây, anh có tình cờ biết được tại sao anh ta bị hạ cấp xuống thành binh nhì và giờ mới là hạ sĩ không?"

"Biết," Yossarian nói. "Anh ta đã đầu độc cả phi đoàn."

Milo lại tái mặt. "Anh ta đã làm *gì* cơ?"

"Anh ta đã tán hàng trăm bánh xà phòng quân đội rồi trộn lẫn vào khoai lang chỉ để chứng tỏ rằng mọi người chỉ có khẩu vị như bọn

mọi và không phân biệt được ngon dở. Mọi người trong phi đoàn đều ốm sạch. Mọi nhiệm vụ đều bị hủy bỏ."

"Ôi!" Milo kêu lên, cặp môi mỏng mím lại tỏ vẻ bất bình. "Và rồi chắc anh ta đã nhận ra rằng *anh ta* đã rất sai, có phải không?"

"Ngược lại thì có," Yossarian sửa lại. "Anh ta đã nhận ra rằng anh ta đã rất đúng. Chúng tôi đến xúc về ăn cả đĩa đầy, còn ầm ĩ đòi thêm. Tất cả chúng tôi đều biết rằng mình đã bị ốm, nhưng tất cả đều không biết rằng mình đã bị đầu độc."

Milo khịt mũi khiếp đảm tới hai lần, như một con thỏ nâu bờm xờm. "Trong trường hợp đó, dĩ nhiên là tôi muốn anh ta chuyển sang làm việc hành chính. Tôi không muốn có bất cứ điều gì kiểu như thế xảy ra khi tôi quản lý. Anh biết đấy," gã thành khẩn tâm sự, "điều tôi muốn làm là cho những người ở phi đoàn này ăn những bữa ngon nhất thế giới. Đó thực sự là một điều đáng để hướng tới, phải không? Nếu một sĩ quan cấp dưỡng có bất cứ mục đích nào thấp hơn thì theo tôi, anh ta không có đủ tư cách để làm một sĩ quan cấp dưỡng. Anh có đồng ý không?"

Yossarian từ từ quay sang để chăm chú nhìn Milo đầy vẻ soi mói và nghi ngờ. Y thấy một gương mặt đơn giản, chân thành không thể là của kẻ xảo quyệt hay thủ đoạn, một gương mặt chất phác, trung thực với cặp mắt to lác xệch, mái tóc màu gỉ sắt, lông mày đen và một hàng ria màu nâu đỏ khốn khổ. Milo có cái mũi dài và gầy, với lỗ mũi ẩm ướt luôn khụt khịt lệch hẳn về bên phải, luôn chĩa ra xa khỏi cái hướng mà phần còn lại của người gã đang hướng tới. Đó là gương mặt của một người đàn ông chính trực cứng rắn, một người không có khả năng cố tình vi phạm những nguyên tắc đạo đức nền tảng cho đức hạnh nào ngoài tự biến mình thành một kẻ ti tiện đáng

khinh. Một trong những nguyên tắc đạo đức này là chuyện bán chác sẽ không bao giờ bị coi là tội nếu cái giá được mọi người chấp nhận. Gã có thể bất thình lình bộc phát ra những cơn phẫn nộ chính đáng, và gã đã rất phẫn nộ khi biết rằng có một tay C.I.D. đang ở quanh đó muốn tìm gặp mình.

“Gã không tìm anh đâu,” Yossarian nói, cố xoa dịu Milo. “Gã tìm ai đó ở bệnh viện, kẻ kiểm duyệt nào đó ký tên Washington Irving.”

“Tôi chưa từng ký tên Washington Irving dưới bất cứ lá thư nào,” Milo tuyên bố.

“Tất nhiên là chưa rồi.”

“Nhưng đó chỉ là một mẹo để bẫy tôi thú nhận rằng tôi đang kiếm tiền từ chợ đen.” Milo giật mạnh vào đoạn bù xù của bộ ria màu gỉ sắt. “Tôi không thích những gã như vậy. Luôn rình mò chúng ta. Tại sao chính phủ lại không bắt cựu binh nhất Wintergreen nhỉ, nếu như chính phủ còn muốn làm điều tốt? Anh ta chẳng hề tôn trọng luật lệ và liên tục chơi trò giảm giá.”

Bộ ria của Milo thật khốn khổ bởi vì hai nửa của nó chẳng bao giờ khớp với nhau. Chúng cũng giống như hai con mắt lác của Milo, chúng chẳng bao giờ cùng một lúc nhìn về cùng một thứ được. Milo có thể nhìn thấy nhiều thứ hơn hầu hết mọi người nhưng gã không nhìn rõ bất cứ thứ gì. Trái ngược với phản ứng của gã trước tin tức về gã C.I.D., gã đã rất bình tĩnh và dũng cảm khi nghe Yossarian báo rằng đại tá Cathcart đã tăng số nhiệm vụ phải bay lên năm mươi lăm.

“Đang có chiến tranh,” gã nói. “Và than phiền về số nhiệm vụ phải bay chẳng có ích gì cả. Nếu đại tá nói rằng chúng ta phải bay năm mươi lăm nhiệm vụ, thì chúng ta sẽ phải bay đúng như thế.”

“Ồ, tôi thì sẽ không phải bay hết số đó đâu,” Yossarian thề. “Tôi sẽ đến gặp thiếu tá Major.”

“Làm sao gặp được. Thiếu tá Maior không bao giờ gặp ai.”

“Thế thì tôi sẽ quay lại bệnh viện.”

“Anh vừa xuất viện mười ngày trước,” Milo nhắc đầy trách móc. “Anh không thể cứ mãi chạy vào bệnh viện mỗi khi có điều gì đó không ưng ý. Không, điều tốt nhất là ra trận. Đó là nhiệm vụ của chúng ta.”

Milo là người có nguyên tắc cứng nhắc tới mức thậm chí không cho phép gã mượn tạm một gói chà là bỏ hạt từ nhà ăn vào ngày chiếc ga giường của McWatt bị đánh cắp, bởi vì tất cả thức ăn tại nhà ăn vẫn là tài sản của chính phủ.

“Nhưng tôi có thể mượn anh,” gã giải thích với Yossarian, “bởi vì tất cả hoa quả này đều là của anh ngay khi anh nhận được chúng từ tay tôi nhờ lá thư của bác sĩ Daneeka. Anh có thể làm bất cứ điều gì tùy thích, thậm chí cả việc bán nó đi để kiếm lời khẳm thay vì tặng không nó cho mọi người. Anh có muốn chúng ta cùng làm việc đó không?”

“Không.”

Milo bỏ cuộc. “Thế thì hãy cho tôi mượn một gói chà là bỏ hạt,” gã yêu cầu. “Tôi sẽ trả lại nó cho anh. Tôi thề là sẽ trả, và sẽ có thêm một chút cho anh.”

Milo đã chứng tỏ là gã giữ lời khi đưa cho Yossarian một phần tư tấm ga giường màu vàng của McWatt khi gã trả lại gói chà là chưa bóc cùng gã trộm hảo ngọt nhăn nhở cười đã chôm tấm ga giường từ lều của McWatt. Mảnh ga giường đó giờ đã thuộc về Yossarian. Y

đã nhận được nó khi ngủ trưa, mặc dù y không hiểu. Cả McWatt cũng không hiểu.

“Cái gì đây?” McWatt kêu lên, trân trân không hiểu nhìn vào nửa tấm ga giường đã bị xé.

“Đó là một nửa tấm ga giường bị chôm đi khỏi lều của anh vào sáng nay,” Milo giải thích. “Tôi cá là anh thậm chí còn không biết là nó bị mất.”

“Tại sao lại có người muốn chôm một nửa tấm ga giường?” Yossarian hỏi.

Milo trở nên bối rối. “Anh không hiểu đâu,” gã phản đối. “Hắn ta đã lấy trộm toàn bộ tấm ga giường, và tôi đã lấy lại được nó cùng với gói chà là bỏ hạt mà anh đã đầu tư. Đó là lý do tại sao một phần tư tấm ga giường là của anh. Anh đã sinh lời đáng kể từ khoản đầu tư của mình, nhất là vì anh đã lấy lại được toàn bộ số chà là bỏ hạt mà anh đã đưa cho tôi.” Tiếp theo Milo tự giới thiệu mình với McWatt. “Một nửa tấm ga giường là của anh bởi vì từ đầu thì cả tấm ga là của anh, tôi thực sự không hiểu anh đang than phiền về cái gì nữa, bởi vì lẽ ra anh sẽ không có mẩu ga nào nếu như đại úy Yossarian và tôi không thay mặt anh can thiệp.”

“Ai đang than phiền cơ?” McWatt la lên. “Tôi chỉ cố nghĩ xem mình có thể làm được gì với một nửa tấm ga giường.”

“Có thể làm rất nhiều việc với một nửa tấm ga giường.” Milo trấn an gã. “Một phần tư tấm ga giường thì tôi để dành cho bản thân như một phần thưởng cho doanh nghiệp, công việc, và sáng kiến của mình. Đó không phải là cho bản thân tôi, anh hiểu không, mà là cho xanh đi ca. Đó là điều anh có thể làm với nửa tấm ga giường. Anh có thể đầu tư vào xanh đi ca và xem nó tăng trưởng thôi.”

“Xanh đi ca nào cơ?”

“Cái xanh đi ca mà tôi muốn một ngày nào đó sẽ thành lập để tôi có thể cung cấp đủ thức ăn mà các anh đáng được hưởng.”

“Anh muốn thành lập một xanh đi ca?”

“Phải, tôi muốn. À mà không, một cái chợ. Anh có biết một cái chợ là gì không?”

“Đó là một nơi anh có thể mua đồ, phải không?”

“Và bán đồ nữa,” Milo bổ sung.

“Và bán đồ nữa.”

“Cả đời tôi luôn muốn có một cái chợ. Anh có thể làm rất nhiều thứ nếu như anh có một cái chợ. Nhưng trước hết anh cần phải có một cái chợ.”

“Anh muốn có một cái chợ?”

“Và tất cả mọi người đều có phần.”

Yossarian vẫn không hiểu, bởi vì đó là chuyện làm ăn, và chuyện làm ăn thì luôn khiến cho y nhức đầu không hiểu gì cả.

“Hãy để tôi cố giải thích lại xem sao,” Milo đề nghị với vẻ mệt mỏi và cáu kỉnh ngày càng tăng, giơ ngón tay cái đầy đe dọa về phía tên trộm hảo ngọt, miệng vẫn nhăn nhở cười đang đứng cạnh. “Tôi biết hắn ta thèm chà là hơn tấm ga giường. Bởi vì hắn không hiểu một từ tiếng Anh nào nên tôi đã thực hiện toàn bộ giao dịch này bằng tiếng Anh.”

“Tại sao anh không đơn giản là đập vào đầu hắn ta một phát rồi lấy lại tấm ga?” Yossarian hỏi.

Môi mím chặt lại đầy kiêu hãnh, Milo lắc đầu. “Như vậy thì thật không phải,” gã đanh thép gắt gỏng. “Bạo lực là sai, hai điều sai không thể tạo thành một điều đúng. Theo cách của tôi thì tốt hơn nhiều. Khi tôi giơ chà là ra trước mặt hắn và chìa tay ra lấy tấm ga giường, hắn có lẽ đã nghĩ rằng tôi đề nghị giao dịch với hắn.”

“Khi đó anh đang làm gì?”

“Thực ra đúng là tôi đã đề nghị giao dịch, nhưng bởi vì hắn không hiểu tiếng Anh, nên tôi luôn có thể chối bỏ điều đó.”

“Nếu hắn ta trở nên giận dữ và muốn có chà là thì sao?”

“Ôi, khi đó thì ta chỉ việc nện vào đầu hắn rồi lấy lại tất cả thôi,” Milo trả lời không chút do dự. Gã hết nhìn Yossarian lại nhìn sang McWatt và ngược lại. “Tôi thực sự không hiểu mọi người đang than phiền cái gì nữa. Tất cả chúng ta đều tốt hơn trước rất nhiều. Tất cả mọi người đều vui vẻ ngoại trừ tên trộm này, và chẳng có lý gì lại phải lo cho hắn, bởi vì hắn thậm chí còn không nói được ngôn ngữ của chúng ta và xứng đáng với bất cứ cái gì hắn ta nhận được. Các anh không hiểu à?”

Nhưng Yossarian vẫn không hiểu, kể cả lý do làm sao mà Milo có thể mua trứng ở Malta với giá bảy xu một quả và bán kiếm lời ở Pianosa với giá năm xu.

8 TRUNG ÚY SCHEISSKOPF

Ngay cả Clevinger cũng không hiểu Milo làm được việc đó như thế nào, mà Clevinger thì biết tuốt. Clevinger biết tất cả mọi thứ về cuộc chiến này ngoại trừ lý do tại sao Yossarian lại phải chết trong khi hạ sĩ Snark lại được sống, hoặc tại sao hạ sĩ Snark lại phải chết trong khi Yossarian được sống. Đây là một cuộc chiến nhơ nhuốc và gớm ghiếc, và Yossarian có thể sống mà không cần có nó - có khi còn sống mãi. Chỉ một phần nhỏ trong số đồng hương của y chịu bỏ mạng để giành chiến thắng, và y không có tham vọng được như bọn họ. Chết hay không chết, đó chính là câu hỏi, và Clevinger trở nên yếu ớt hẳn mỗi khi cố trả lời câu hỏi ấy. Lịch sử không đòi Yossarian phải sớm ra đi, công lý có thể đạt được mà không cần việc đó, sự tiến bộ không xoay quanh nó, chiến thắng không phụ thuộc vào nó. Con người rồi ai cũng sẽ chết, đó là điều tất yếu; nhưng ai sẽ chết lại phụ thuộc vào từng hoàn cảnh, và Yossarian sẵn sàng làm nạn nhân của bất cứ cái gì, ngoại trừ hoàn cảnh. Nhưng đó là chiến tranh. Điều duy nhất mà y thấy có lợi là chiến tranh đã trả lương cao và đã giải phóng trẻ em khỏi vòng ảnh hưởng nguy hại của cha mẹ.

Clevinger biết nhiều như vậy bởi vì Clevinger là một thiên tài với trái tim đập dồn và bộ mặt tái nhợt. Gã là một kẻ thông thái lênh

khênh, lóng ngóng, bồn chồn, mắt đờ đẫn. Hồi còn là sinh viên Harvard, gã đã gần như giành được học bổng ở tất cả mọi thứ, và lý do duy nhất gã chưa giành được học bổng ở tất cả mọi thứ là vì gã quá bận rộn với việc ký các bản kiến nghị, tuyên truyền các kiến nghị và phản bác các kiến nghị, gia nhập các nhóm thảo luận và từ bỏ các nhóm thảo luận, tham dự các đại hội thanh niên, cản trở các đại hội thanh niên khác và tổ chức các ủy ban sinh viên để bảo vệ các giảng viên đã bị đuổi việc. Tất cả mọi người đều đồng ý là Clevinger sẽ tiến xa trong giới học thuật. Nói tóm lại, Clevinger là một trong những người có rất nhiều trí thông minh nhưng lại chẳng khôn, ai cũng biết điều đó, nếu không thì cũng sớm phát hiện ra thôi.

Nói ngắn gọn, gã là một thằng đần. Với Yossarian thì gã trông như một trong những hình người vẫn treo khắp các bảo tàng hiện đại với hai mắt nằm ở cùng một bên mặt. Đó là một ảo ảnh, tất nhiên rồi, được tạo bởi cái sở thích chết gí ở một mặt của vấn đề và không hề nhìn thấy mặt bên kia của Clevinger. Về chính trị mà nói, gã là một nhà nhân đạo không biết phân biệt tả hữu, và bị kẹt khốn khổ ở giữa. Gã thường xuyên bảo vệ những người bạn Cộng sản của mình trước những người bạn cánh hữu, và bảo vệ những người bạn cánh hữu trước những người bạn Cộng sản, còn gã thì bị cả hai nhóm ghét nên họ chẳng bao giờ bảo vệ gã trước bất cứ ai bởi vì họ nghĩ gã là một thằng đần.

Gã là một thằng đần rất nghiêm túc, rất chân thành và rất tận tâm. Không thể đi xem phim cùng gã mà sau đó không bị lôi vào một cuộc tranh luận về lòng thương cảm, Aristotle, những vấn đề mang tính phổ quát, những thông điệp và những bổn phận của điện ảnh với tư cách một hình thức nghệ thuật trong một xã hội vật chất. Những cô gái gã đưa tới nhà hát phải chờ cho đến giờ giải lao đầu

tiên mới biết được từ gã rằng họ đang xem một vở kịch hay hay dở, và sau đó biết ngay lập tức. Gã là một người đầy lý tưởng đấu tranh sẽ nhiệt thành chiến đấu chống lại niềm tin mù quáng về chủng tộc bằng cách ngất đi khi nó xuất hiện. Gã biết tất cả mọi thứ về văn học ngoại trừ việc làm thế nào để thưởng thức nó.

Yossarian đã cố giúp gã. "Đừng làm một thằng đần nữa," y khuyên Clevinger khi cả hai còn là học viên trường sĩ quan ở Santa Ana, California.

"Tôi sẽ nói với ông ta," Clevinger nằng nặc nói, khi hai người bọn họ đang ngồi cao trên khu khán đài sân diễu binh quan sát trung úy Scheisskopf giận dữ đi tới đi lui như một ông vua Lear không râu.

"Tại sao lại là tôi?" trung úy Scheisskopf rên lên.

"Ngồi im đi, đồ ngu," Yossarian lên giọng khuyên bảo Clevinger.

"Anh không biết anh đang nói gì đâu," Clevinger phản đối.

"Tôi biết đủ để ngồi im, đồ ngu."

Trung úy Scheisskopf hết vò đầu bứt tóc lại nghiến răng kèn kẹt. Đôi má như cao su giật lên từng chặp vì đau khổ. Vấn đề của gã là phải làm sao cho một phi đoàn toàn những học viên không quân thiếu nhuệ khí phải bước thật đều và thật hùng dũng trong cuộc thi diễu binh vào mỗi buổi chiều Chủ nhật. Họ thiếu nhuệ khí bởi vì họ không muốn diễu binh vào mỗi buổi chiều Chủ nhật và bởi vì trung úy Scheisskopf chỉ định ai được thăng cấp thành sĩ quan học viên[22] chứ không để cho bọn họ tự bầu lấy.

"Tôi *muốn* ai đó nói với tôi," trung úy Scheisskopf van nài, chỉ thiếu điều quỳ xuống cầu xin tất cả bọn họ. "Nếu như tôi có *chút* lỗi lầm gì thì tôi cũng *muốn* được ai đó cho tôi biết."

“Ông ấy *muốn* ai đó nói cho ông ấy biết kìa,” Clevinger nói.

“Ông ấy muốn tất cả mọi người phải đứng im, đồ ngu,” Yossarian trả lời.

“Anh không nghe thấy ông ấy nói à?” Clevinger cãi.

“Tôi có nghe thấy,” Yossarian đáp lời. “Tôi nghe thấy ông ấy nói rất to và rất rõ rằng ông ấy muốn tất cả chúng ta phải câm miệng lại nếu như chúng ta biết điều gì tốt cho mình.”

“Tôi sẽ không trừng phạt các anh đâu,” trung úy Scheisskopf thề.

“Ông ấy nói là ông ấy sẽ không trừng phạt tôi,” Clevinger nói.

“Ông ấy sẽ thiến anh,” Yossarian nói.

“Tôi thề là tôi sẽ không trừng phạt các anh,” trung úy Scheisskopf nói. “Tôi sẽ rất biết ơn người đã nói cho tôi sự thật.”

“Ông ấy sẽ căm thù anh,” Yossarian nói. “Căm thù anh cho tới ngày ông ấy chết.”

Trung úy Scheisskopf là người đã tốt nghiệp chương trình đào tạo sĩ quan chỉ huy, gã rất vui vì chiến tranh đã nổ ra, bởi vì nó đã đem tới cho gã cơ hội được mặc quân phục sĩ quan mỗi ngày và hô “các anh” bằng giọng quân đội cụt lủn với đám trẻ bị rơi vào tay gã ta đều đặn tám tuần một lượt trước khi bị đưa vào lò giết mổ. Gã là trung úy Scheisskopf giàu tham vọng và không biết đùa, người nghiêm chỉnh đương đầu với những trách nhiệm của mình và chỉ cười khi sĩ quan kình địch nào đấy ở Căn cứ Không quân Santa Ana nhiễm phải một căn bệnh kinh niên. Gã có thị lực kém, lại còn bị xoang mãn tính, điều này đã khiến cho chiến tranh trở nên đặc biệt thú vị đối với gã, bởi vì gã sẽ nằm ngoài mối nguy bị điều ra chiến

trường. Điểm tốt nhất ở gã là có một cô vợ và điểm tốt nhất ở vợ gã là có một cô bạn gái tên Dori Duz, cô nàng luôn sẵn sàng ngủ với bất cứ ai khi có thể và có một bộ quân phục nữ mà vợ của trung úy Scheisskopf dịp cuối tuần nào cũng mặc vào rồi cởi ra cho bất cứ học viên nào ở phi đoàn của chồng muốn chui vào trong cô ta.

Dori Duz là một cô nàng phóng đãng nhỏ bé hoạt bát sính màu xanh đồng và vàng, thích nhất là được làm tình trong kho dụng cụ, bốt điện thoại, nhà thay quần áo, và ở trạm xe buýt. Có rất ít chỗ mà cô chưa từng thử, nhưng những chỗ cô sẽ không thử thì còn ít hơn. Cô không biết xấu hổ, rất mảnh mai, mười chín tuổi và rất hung hăng. Cô hủy hoại cái tôi với số lượng lớn và khiến cho sáng dậy lũ đàn ông lại tự ghét bản thân vì cái cách cô đánh giá họ, lợi dụng họ rồi vứt bỏ họ. Yossarian yêu cô. Cô là một bộ mông tuyệt trần chỉ đánh giá y ở mức “tạm được”. Y yêu cảm giác những thớ cơ đàn hồi dưới da cô ở bất cứ chỗ nào y chạm đến vào lần duy nhất cô chịu để y làm thế. Yossarian yêu Dori Duz nhiều tới mức y không thể không nồng nhiệt nhào xuống cô vợ của trung úy Scheisskopf mỗi tuần một lần để trả thù trung úy Scheisskopf vì cái cách mà trung úy Scheisskopf trả thù Clevinger.

Vợ trung úy Scheisskopf đang trả thù trung úy Scheisskopf vì một số tội không thể nào quên được mà cô không nhớ là gì nữa. Cô là một cô gái đẫy đà, hồng hào, chậm chạp, đọc những cuốn sách hay và liên tục nhắc Yossarian đừng có trưởng giả như thế nữa với chữ “trưởng giả” phát âm thiếu chữ g. Bên cạnh cô không bao giờ thiếu một cuốn sách hay, ngay cả khi cô đang nằm ở giường không có gì trên người ngoại trừ thẻ quân nhân của Yossarian và Dori Duz. Cô làm Yossarian chán, nhưng y cũng yêu cô. Cô tốt nghiệp ngành toán

trường Kinh doanh Wharton nhưng tháng nào cũng không thể đếm tới ngày hai mươi tám mà không gặp rắc rối.

“Anh yêu ơi, mình lại sắp có em bé rồi,” tháng nào cô cũng bảo Yossarian.

“Em ấm mẹ nó đầu rồi,” y sẽ đáp.

“Em nói thật đấy, cưng à,” cô khăng khăng.

“Anh cũng vậy.”

“Anh yêu ơi, mình lại sắp có em bé rồi,” cô lại nói với chồng mình.

“Tôi không có thời gian,” trung úy Scheisskopf cáu kỉnh càu nhàu. “Cô không biết là đang có diễu binh à?”

Trung úy Scheisskopf quan tâm sâu sắc tới việc giành chiến thắng ở các cuộc diễu binh và quan tâm tới việc đưa Clevinger ra xử trước Ban Hành động vì nghi gã âm mưu ủng hộ việc lật đổ các sĩ quan học viên được trung úy Scheisskopf bổ nhiệm. Clevinger là kẻ chuyên gây rắc rối và hay ra vẻ biết tuốt. Trung úy Scheisskopf biết rằng Clevinger có thể sẽ gây ra nhiều rắc rối hơn nữa nếu không được giám sát. Ngày hôm qua, đó là chuyện sĩ quan học viên; ngày mai có thể sẽ là chuyện thế giới. Clevinger có đầu óc, và trung úy Scheisskopf đã để ý thấy rằng những người có đầu óc có khuynh hướng thỉnh thoảng sẽ trở nên rất thông minh. Những người như thế rất nguy hiểm, và thậm chí cả những sĩ quan học viên mà Clevinger đã giúp đỡ đều sẵn sàng đối chứng chống lại gã. Vụ Clevinger đã rõ rành rành. Điều duy nhất còn thiếu là tội để kết án gã.

Đó không thể là tội gì liên quan tới diễu binh được, bởi vì Clevinger cũng coi trọng diễu binh như bản thân trung úy

Scheisskopf. Vào đầu giờ chiều Chủ nhật hằng tuần, các học viên bắt đầu tập hợp để chuẩn bị cho cuộc diễu binh, lần sờ xếp hàng, mỗi hàng mười hai người bên ngoài doanh trại. Miệng rên rỉ vì tàn tích của buổi trác táng thâu đêm thứ Bảy, họ ủ rũ đều bước đến vị trí của mình trên sân, đứng im tại đó dưới trời nắng nóng suốt một hoặc hai tiếng đồng hồ cùng với những người đến từ sáu mươi hay bảy mươi phi đoàn học viên khác cho đến khi đủ người gục xuống rồi thì mới được thôi. Ngoài rìa sân là một dãy xe cứu thương cùng các đội khiêng cáng chuyên nghiệp đeo điện đàm. Trên nóc các xe cứu thương là các giám sát viên cầm ống nhòm. Một nhân viên chuyên kiểm đếm ghi lại số lượng người đã gục. Giám sát toàn bộ hoạt động này là một sĩ quan quân y có năng khiếu kế toán, có nhiệm vụ duyệt những nhịp tim đã đo và rà soát lại số lượng do nhân viên kiểm đếm kia cung cấp. Ngay khi các xe cứu thương nhận đủ người bất tỉnh, viên sĩ quan quân y sẽ ra hiệu để nhạc trưởng cho tấu nhạc kết thúc buổi diễu binh. Nối đuôi nhau, các phi đoàn đều bước tiến về phía trước, tới khu khán đài thì làm một cú quay đầu nặng nề rồi lại bước đều bước đi xuống cuối sân trở về doanh trại.

Mỗi phi đoàn sẽ được chấm điểm khi đi qua khán đài, tại đó có một viên đại tá mặt sưng húp với bộ ria rậm ngồi cùng những sĩ quan khác. Phi đoàn xuất sắc nhất của mỗi không đoàn sẽ giành được một lá cờ đuôi nheo màu vàng gắn vào một cái cán hoàn toàn vô giá trị. Phi đoàn xuất sắc nhất trong toàn bộ căn cứ sẽ giành được một lá cờ đuôi nheo màu đỏ gắn trên một cán dài hơn thậm chí còn kém giá trị hơn, bởi vì cán cờ nặng hơn nên sẽ phiền toái hơn nhiều nếu phải kéo lê nó theo suốt tuần cho tới khi một phi đoàn khác giành được nó vào Chủ nhật tuần tiếp theo. Với Yossarian, ý

tưởng lấy cờ làm giải thưởng thật ngớ ngẩn. Không kèm theo tí tiền nào, cũng không được ưu tiên gì. Cũng như mấy cái huy chương Olympic và cúp tennis, tất cả chỉ để thể hiện rằng người sở hữu chúng đã giỏi hơn mọi người khác trong việc làm một chuyện chẳng có ích gì với bất cứ ai.

Chính các cuộc diễu binh cũng ngớ ngẩn không kém. Yossarian ghét diễu binh. Các cuộc diễu binh đều gợi đến chiến tranh. Y ghét phải nghe về chúng, ghét nhìn thấy chúng, và ghét phải chịu cảnh tắc đường vì chúng. Y ghét bị ép phải tham gia chúng. Nguyên cái việc làm một học viên không quân đã đủ tệ lắm rồi, không cần phải làm ra vẻ lính chiến dưới trời nắng đến rộp da mỗi chiều Chủ nhật nữa. Làm một học viên không quân là quá tệ rồi bởi vì giờ thì hiển nhiên là chiến tranh sẽ không kết thúc trước khi y học xong. Đó là lý do duy nhất mà hồi đó y đã xung phong đi học khóa đào tạo sĩ quan. Là một người lính đủ tiêu chuẩn học khóa huấn luyện sĩ quan không quân, y sẽ có nhiều tuần trời chờ đợi thì mới được phân lớp, thêm nhiều tuần trời nữa mới trở thành người cắt bom, rồi nhiều tuần trời bay thử nữa trước khi sẵn sàng tham gia các nhiệm vụ ở nước ngoài. Hồi đó người ta không thể hiểu được tại sao chiến tranh lại kéo dài đến vậy, bởi vì Chúa đã ở cùng phía với y, người ta nói với y như vậy, và Chúa, người ta cũng nói với y như thế, có thể làm bất cứ điều gì người muốn. Nhưng chiến tranh còn lâu mới kết thúc, mà khóa đào tạo của y đã kết thúc đến nơi rồi.

Trung úy Scheisskopf luôn khao khát đến tuyệt vọng được chiến thắng trong các lần diễu binh, và gã đã ngồi cả đêm trăn trở nghĩ cách trong khi cô vợ nằm khêu gợi đợi chồng ở trên giường đọc Krafft-Ebing[23], lướt qua các trang đến những đoạn yêu thích. Gã đọc sách về diễu binh. Gã lấy sô cô la làm lính, điều khiển các hộp

sô cô la cho đến khi chúng tan chảy ra trên tay gã, sau đó lại xếp đám cao bồi nhựa thành hàng mười hai người một, số cao bồi nhựa này gã đã mua qua đường bưu điện dưới một cái tên giả rồi cất kỹ khóa chặt để không ai nhìn thấy vào ban ngày. Những bài tập vẽ giải phẫu cơ thể người của Leonardo[24] quả là vô cùng quý giá. Một buổi tối khi cảm thấy cần có một người mẫu sống, gã bèn điều vợ đi kiểu diễu binh quanh phòng.

“Trần truồng nha?” cô hỏi đầy hy vọng.

Trung úy Scheisskopf cáu tiết đập tay lên mắt. Nỗi thất vọng của đời trung úy Scheisskopf là lấy phải một người đàn bà không sao nhìn quá được những ham muốn tình dục bẩn thỉu của bản thân mà thấy cuộc đấu tranh khốc liệt để đạt tới điều bất khả mà một người đàn ông cao quý cần phải anh dũng tham gia.

“Tại sao anh chẳng bao giờ dùng roi quất em?” một đêm cô phụng phịu hờn dỗi.

“Bởi vì tôi không có thời gian,” gã gắt gỏng. “Tôi không có thời gian. Cô không biết là đang có diễu binh à?”

Và đúng là gã không có thời gian thật. Đã là Chủ nhật rồi, chỉ còn bảy ngày để chuẩn bị cho buổi diễu binh tiếp theo. Gã không hiểu thời giờ đi đâu mất. Về chót trong ba lần diễu binh liên tiếp khiến trung úy Scheisskopf mang tiếng xấu, và gã đang tìm hiểu mọi cách để cải thiện tình hình, kể cả việc phải đóng đinh mười hai người mỗi hàng lên một thanh rầm dài bằng gỗ sồi khô hai nhân bốn[25] cho thẳng hàng. Kế hoạch này không khả thi, bởi vì sẽ không thể rẽ một góc chín mươi độ mà không có khớp xoay bằng hợp kim nickel gắn vào eo lưng mỗi người, mà trung úy Scheisskopf không lạc quan chút nào về việc kiếm được nhiều khớp xoay hợp kim nickel đến vậy

từ bên hậu cần và cũng không lạc quan chút nào về việc tranh thủ được sự hợp tác từ các bác sĩ phẫu thuật ở bệnh viện.

Một tuần sau khi trung úy Scheisskopf nghe theo gợi ý của Clevinger để cho mọi người tự bầu sĩ quan học viên, phi đoàn đã giành được cờ đuôi nheo vàng. Trung úy Scheisskopf phấn khởi trước thành tựu bất ngờ của mình tới mức đã tặng cho cô vợ một cú phang suýt vỡ đầu bằng cán cờ khi cô nàng cố lôi gã lên giường để ăn mừng chiến thắng bằng cách biểu lộ sự khinh miệt của họ trước tập tục tình dục của tầng lớp trung lưu nghèo trong các xã hội văn minh phương Tây. Tuần tiếp theo, phi đoàn giành được cờ đỏ, và trung úy Scheisskopf đã tột cùng phấn khích. Và một tuần sau đó, phi đoàn của gã đã làm nên lịch sử khi giành được cờ đỏ hai tuần liên tiếp! Giờ thì trung úy Scheisskopf đã đủ tự tin vào sức mạnh sẽ làm nên bất ngờ lớn cho gã. Trung úy Scheisskopf đã phát hiện ra từ những nghiên cứu diện rộng của mình rằng tay của người diễu binh, thay vì thoải mái vung theo mốt thời đó, không bao giờ được cách xa đùi quá 7,62 xăng ti mét, cũng có nghĩa là tay gần như không được vung một chút nào.

Trung úy Scheisskopf chuẩn bị rất tỉ mỉ và bí mật. Tất cả học viên trong phi đoàn của gã đều phải thề giữ bí mật và tập vào giữa đêm ở trên sân. Họ tập diễu binh giữa đêm đen như mực và thường xuyên va vào nhau, nhưng họ không hoảng loạn và họ đã học được cách đi đều bước mà không vung tay. Ban đầu trung úy Scheisskopf đã tính chuyện nhờ một người bạn ở cửa hàng đồ sắt chôn các chốt hợp kim nickel vào xương đùi mỗi người rồi nối với cổ tay bằng một đoạn dây đồng dài đúng 7,62 xăng ti mét, nhưng không có thời gian - không bao giờ có đủ thời gian - mà cũng khó kiếm được dây đồng tốt vào thời chiến. Gã cũng nhớ rằng nếu mọi người bị đóng chốt

như thế thì sẽ khó mà ngã xuống đúng cách ở buổi lễ ngất xỉu đầy ấn tượng diễn ra trước khi diễu binh và rằng việc không thể ngã xuống đúng cách cũng sẽ ảnh hưởng tới điểm số của cả đơn vị.

Và suốt cả tuần gã cứ cười như nắc nẻ, cố giấu niềm vui trong câu lạc bộ sĩ quan. Bạn bè gã đã bắt đầu có nhiều đồn đoán.

“Không hiểu tên đầu đất đó sắp sửa làm gì,” trung úy Engle nói.

Trung úy Scheisskopf trả lời với một nụ cười hiểu biết trước những câu hỏi của đồng nghiệp. “Rồi Chủ nhật các anh sẽ thấy,” gã hứa. “Rồi các anh sẽ thấy.”

Trung úy Scheisskopf tiết lộ bí mật trọng đại của gã vào ngày Chủ nhật đó với tất cả sự tự tin của một ông bầu giàu kinh nghiệm. Gã không nói gì trong khi các phi đoàn khác lờ dờ lướt qua khán đài với kiểu lộn xộn như mọi khi. Gã cũng không tỏ dấu hiệu gì ngay cả khi hàng đầu tiên trong phi đoàn của mình xuất hiện với đội hình không-vung-tay và những hơi thở hổn hển đầy báo động đã rít lên từ khắp các sĩ quan đồng nghiệp đang kinh ngạc. Ngay cả sau đó gã cũng kìm nén được, cho đến khi viên đại tá phì nộn ria rậm quyết liệt ào tới trước mặt gã với bộ mặt tím tái, và chỉ đến lúc đó gã mới đưa ra lời giải thích đã khiến gã thành bất tử.

“Nhìn xem, thưa đại tá,” gã tuyên bố. “Không có tay.”

Với những người xem đang đờ ra vì tôn sùng, gã đã phân phối những bản sao có công chứng về quy định mơ hồ của cuộc thi mà nhờ nó gã đã giành được một chiến thắng không thể nào quên. Đây là những thời khắc đẹp nhất trong đời trung úy Scheisskopf. Tất nhiên là gã đã giành chiến thắng, chiến thắng tuyệt đối, và đã vĩnh viễn sở hữu cờ đuôi nheo đỏ, đồng thời cũng chấm dứt luôn các cuộc diễu binh vào Chủ nhật, bởi vì cờ đuôi nheo đỏ trong thời chiến

cũng khó kiếm ngang với dây đồng. Trung úy Scheisskopf đã được thăng cấp lên thượng úy ngay tại chỗ và bắt đầu sự nghiệp thăng tiến rất nhanh của mình. Chẳng có mấy người lại không ca ngợi gã như một thiên tài quân sự đích thực vì phát kiến quan trọng ấy.

“Trung úy Scheisskopf đó,” trung úy Travers nhận xét. “Anh ta là một thiên tài quân sự.”

“Ừ, đúng vậy,” trung úy Engle đồng tình. “Thật tiếc là gã khờ đó lại không chịu quất roi lên người vợ gã.”

“Tôi thấy chẳng liên quan gì cả,” trung úy Travers điềm tĩnh trả lời. “Trung úy Bemis cũng quất roi lên vợ mỗi lần họ làm tình, mà lúc điều binh anh ta cũng đâu có đáng một xu.”

“Tôi đang nói về chơi roi ,” trung úy Engle cãi. “Ai thèm để ý mẹ gì đến diễu binh?”

Thực ra chẳng có ai ngoài trung úy Scheisskopf thực sự để ý mẹ gì đến diễu binh, viên đại tá phì nộn rậm ria kia lại càng không, gã là chủ tịch Ban Hành động và bắt đầu rống lên với Clevinger ngay khi Clevinger rón rén bước vào phòng để cam đoan rằng mình vô tội trước những lời cáo buộc của trung úy Scheisskopf. Viên đại tá đấm xuống bàn nên bị đau tay, và trở nên càng điên tiết với Clevinger tới mức lại đấm xuống bàn mạnh hơn nữa, và lại làm tay đau hơn nữa. Trung úy Scheisskopf lườm Clevinger, môi mím chặt, và vô cùng xấu hổ trước ấn tượng xấu mà Clevinger đã gây ra.

“Sáu mươi ngày nữa anh sẽ phải đấu với Billy Petrolle[26],” viên đại tá rậm ria rống lên. “Thế mà anh nghĩ rằng đó là một trò đùa ngu ngốc.”

“Tôi đâu có nghĩ đó là trò đùa, thưa sếp,” Clevinger đáp lời.

“Không được ngắt lời.”

“Vâng thưa sếp.”

“Và khi không ngắt lời thì phải nói ‘thưa sếp’,” thiếu tá Metcalf ra lệnh.

“Vâng, thưa sếp.”

“Không phải là anh vừa mới được ra lệnh không được ngắt lời sao?” thiếu tá Metcalf lạnh lùng chất vấn.

“Nhưng tôi không ngắt lời, thưa sếp,” Clevinger phản đối.

“Phải. Và anh cũng không nói ‘thưa sếp’. Hãy thêm cái này vào những cáo buộc chống lại anh ta,” thiếu tá Metcalf hướng dẫn viên hạ sĩ đang tốc ký. “Không nói ‘thưa sếp’ với các sĩ quan cấp trên khi không ngắt lời họ.”

“Metcalf,” viên đại tá nói, “anh đần bỏ mẹ ra. Anh có biết điều đó không?”

Thiếu tá Metcalf khó nhọc nuốt nước bọt. “Vâng, thưa sếp.”

“Vậy thì câm mẹ nó mồm lại. Anh toàn nói vớ vẩn.”

Có tất cả ba người trong Ban Hành động, viên đại tá phì nộn rậm ria, trung úy Scheisskopf và thiếu tá Metcalf, tay này đang cố học cách nhìn chằm chằm nghiêm khắc. Với tư cách là một thành viên trong Ban Hành động, trung úy Scheisskopf là một trong những thẩm phán có vai trò cầm cân nảy mực trong vụ tố cáo Clevinger do công tố đưa ra. Trung úy Scheisskopf cũng là công tố viên. Clevinger có một sĩ quan bào chữa cho mình. Sĩ quan bào chữa cho anh ta là trung úy Scheisskopf.

Toàn bộ chuyện này thật rối rắm đối với Clevinger, gã bắt đầu run bần bật kinh hoàng khi viên đại tá đứng bật dậy như một ngọn núi lửa khổng lồ phun trào và dọa sẽ xé tan cái xác thối tha, hèn nhát của gã ra thành từng mảnh. Có một hôm gã đã vấp chân khi đi đều bước lên lớp; hôm khác thì gã lại bị chính thức kết tội "phá hàng khi đang đứng trong đội hình, tấn công ác ý, có hành vi bừa bãi, phạm tội vặt, phản quốc, khiêu khích, ra vẻ thông minh, nghe nhạc cổ điển, vân vân và vân vân". Nói một cách ngắn gọn, bọn họ đã truy tố gã tất cả những tội họ có thể nghĩ ra, và gã đang đứng đó đầy khiếp đảm trước viên đại tá phì nộn, tay này lại rống lên rằng sáu mươi ngày nữa gã sẽ phải đấu với Billy Petrolle và đòi được biết xem gã muốn được phơi bụng theo kiểu quái gì và gã có muốn bị chuyển tới đảo Solomon để chôn xác chết hay không. Clevinger nhã nhặn đáp lời rằng gã không muốn như thế; gã là một thằng đần, thà chính mình làm xác chết còn hơn phải đi chôn xác. Viên đại tá ngồi xuống và dựa lưng vào ghế, đột nhiên trở nên điềm tĩnh và kín đáo, lại còn lịch thiệp dễ mến.

"Ý anh là gì nhỉ," gã chậm rãi hỏi, "khi anh bảo là chúng tôi không thể trừng phạt anh?"

"Khi nào cơ, thưa sếp?"

"Tôi hỏi. Anh trả lời."

"Vâng, thưa sếp. Tôi…"

"Anh tưởng chúng tôi đem anh tới đây để anh hỏi rồi tôi trả lời chắc?"

"Không, thưa sếp. Tôi…"

"Bọn tôi đem anh tới đây để làm gì?"

“Để trả lời câu hỏi.”

“Đúng mẹ nó rồi,” viên đại tá lại rống lên. “Giờ thì hãy trả lời vài câu hỏi trước khi tôi kịp bẻ gãy cái cổ chết tiệt của anh. Ý của anh là quái gì vậy, đồ con hoang, khi anh bảo bọn tôi không thể trừng phạt anh?”

“Tôi không nghĩ là tôi đã từng nói câu đó, thưa sếp.”

“Nói to lên xem nào? Tôi không nghe thấy gì cả.”

“Vâng, thưa sếp. Tôi…”

“Anh nói to lên đi. Đại tá không nghe thấy gì cả.”

“Vâng, thưa sếp. Tôi…”

“Metcalf.”

“Dạ, thưa sếp?”

“Không phải tôi đã nói với anh rằng hãy câm cái miệng ngu đần của anh lại sao?”

“Vâng, thưa sếp.”

“Vậy thì hãy câm cái miệng ngu đần của anh lại khi tôi bảo anh hãy câm cái miệng ngu đần lại. Anh hiểu chưa? Nói to lên đi. Tôi không nghe thấy gì cả?”

“Vâng, thưa sếp. Tôi…”

“Metcalf, có phải tôi đang giẫm lên chân anh không?”

“Không thưa sếp. Chắc đó là chân trung úy Scheisskopf.”

“Đó không phải là chân tôi,” trung úy Scheisskopf nói.

“Vậy thì có thể là chân tôi,” thiếu tá Metcalf nói.

“Dịch nó ra đi.”

“Vâng, thưa sếp. Nhưng sếp phải dịch chân ra trước, thưa đại tá. Nó đang ở trên chân tôi.”

“Có phải anh đang bảo tôi phải dịch chân ra không?”

“Không, thưa sếp. Ồ không, thưa sếp.”

“Thế thì hãy dịch chân ra và hãy câm cái miệng ngu đần của anh lại. Nói to lên được không? Tôi vẫn không nghe thấy gì!”

“Vâng thưa sếp. Tôi nói rằng tôi đã không nói rằng sếp không thể trừng phạt tôi.”

“Anh đang nói cái quái gì vậy?”

“Tôi đang trả lời câu hỏi của sếp, thưa sếp.”

“Câu hỏi nào?”

“ ‘Ý của anh là quái gì vậy, đồ con hoang, khi anh bảo bọn tôi không thể trừng phạt anh?’ ” viên hạ sĩ nói, miệng đọc từ cuốn sổ tốc ký của gã.

“Được rồi,” viên đại tá nói. “Thế thì ý của anh là cái quái gì vậy?”

“Tôi đã không nói rằng sếp không thể trừng phạt tôi, thưa sếp.”

“Khi nào?” viên đại tá hỏi.

“Cái gì khi nào cơ, thưa sếp?”

“Giờ thì anh lại ra câu hỏi với tôi.”

“Tôi xin lỗi, thưa sếp. Tôi e rằng tôi không hiểu câu hỏi của sếp.”

“Khi nào anh không nói rằng chúng ta không thể trừng phạt anh? Anh không hiểu câu hỏi của tôi à?”

“Không, thưa sếp. Tôi không hiểu.”

“Anh vừa nói với bọn tôi điều đó xong. Giờ thì hãy trả lời câu hỏi của tôi.”

“Nhưng làm sao tôi có thể trả lời được?”

“Lại thêm một câu hỏi mà anh dành cho tôi.”

“Tôi xin lỗi, thưa sếp. Nhưng tôi không biết trả lời như thế nào. Tôi chưa bao giờ nói rằng sếp không thể trừng phạt tôi.”

“Giờ thì anh bảo với chúng tôi rằng anh đã nói điều đó. Tôi đang hỏi anh xem khi nào anh không nói nó cơ mà.”

Clevinger hít một hơi thật sâu. “Tôi luôn không nói rằng sếp không thể trừng phạt tôi, thưa sếp.”

“Thế tốt hơn nhiều, thưa anh Clevinger, mặc dù đó là lời nói dối trắng trợn. Đêm qua ở nhà xí. Không phải anh đã thì thầm rằng chúng tôi không thể trừng phạt anh với thằng chó đẻ bẩn thỉu mà chúng tôi không thích ấy à? Tên của gã ta là gì?”

“Yossarian, thưa sếp,” trung úy Scheisskopf nói.

“Đúng, Yossarian. Đúng rồi. Yossarian. Yossarian ư? Tên của gã thật đấy à? Yossarian ư? Tên quái gì mà lại là Yossarian?”

Trung úy Scheisskopf đã có trên tay giấy tờ xác thực. “Đó đúng là tên của Yossarian, thưa sếp,” gã giải thích.

“Ừ, cứ cho là vậy đi. Không phải anh đã thì thầm với Yossarian rằng chúng tôi không thể trừng phạt anh à?”

“Ồ không, thưa sếp. Tôi đã thì thầm với anh ta rằng sếp sẽ không thể kết tội tôi…”

“Tôi có thể ngu dốt,” viên đại tá ngắt lời, “nhưng tôi không thấy có sự khác biệt gì cả. Chắc là tôi rất ngu dốt, bởi vì tôi không thấy có sự khác biệt gì cả.”

“C…”

“Anh là một thằng chó đẻ hay ba hoa, có phải không? Đâu có ai yêu cầu anh phải làm rõ nhưng anh lại cố làm rõ. Tôi đang đưa ra một khẳng định, chứ không phải một thông tin cần được làm rõ. Anh là một thằng chó đẻ hay ba hoa, có phải không?”

“Không, thưa sếp.”

“Không, thưa sếp ư? Có phải anh nói tôi là một kẻ nói dối chết tiệt?”

“Ồ, không, thưa sếp.”

“Vậy thì anh là một thằng chó đẻ hay ba hoa, có phải không?”

“Không, thưa sếp.”

“Anh có phải một thằng chó đẻ hay ba hoa không?”

“Không, thưa sếp.”

“Chết tiệt, anh đang cố cãi tôi phỏng? Tôi sẵn sàng cá hai xu thối tha rằng tôi sẽ nhảy lên chiếc bàn to mập này và xé tan cái xác thối tha, hèn nhát của anh ra thành từng mảnh.”

“Làm đi! Làm luôn đi!” thiếu tá Metcalf reo lên.

“Metcalf, anh là đồ chó đẻ thối tha. Không phải tôi đã nói với anh rằng hãy câm cái miệng thối tha, hèn nhát và ngu đần của anh lại à?”

“Vâng, thưa sếp. Tôi xin lỗi, thưa sếp.”

“Vậy thì hãy làm điều đó đi.”

“Tôi chỉ đang cố học hỏi, thưa sếp. Cách duy nhất để học hỏi là cố.”

“Ai nói vậy?”

“Tất cả mọi người đều nói vậy, thưa sếp. Thậm chí trung úy Scheisskopf cũng nói vậy.”

“Anh có nói vậy không?”

“Vâng, thưa sếp,” trung úy Scheisskopf nói. “Nhưng tất cả mọi người đều nói vậy.”

“Ồ, Metcalf, vậy hãy cố ngậm cái miệng ngu đần của anh lại, và có thể đó là cách để anh học hỏi. Giờ thì, chúng ta đang ở đâu nhỉ? Đọc lại dòng cuối cùng cho tôi xem nào.”

“ ‘Đọc lại dòng cuối cùng cho tôi xem nào,’ ” viên hạ sĩ tốc ký đọc lại.

“Không phải câu gần nhất tôi nói, đồ ngu!” viên đại tá hét toáng lên. “Của người khác ấy.”

“ ‘Đọc lại dòng cuối cùng cho tôi xem nào,’ ” viên hạ sĩ đọc lại.

“Đó lại là câu cuối của tôi mà!” viên đại tá la lên, mặt tím tái vì điên tiết.

“Ồ, không, thưa sếp,” viên hạ sĩ đính chính. “Đó là câu cuối của tôi. Tôi đã đọc nó cho sếp nghe ngay lúc trước. Sếp không nhớ à, thưa sếp? Chỉ một khoảnh khắc trước đây thôi.”

“Ôi Chúa ơi! Đọc lại cho tôi dòng cuối cùng của anh ta ấy, đồ ngu. À mà này, tên anh là cái quái gì vậy?”

“Popinjay, thưa sếp.”

“Được, anh sẽ là người tiếp theo, Popinjay. Ngay sau khi phiên tòa xử anh ta kết thúc thì phiên tòa xử anh sẽ bắt đầu. Có hiểu không?”

“Dạ hiểu, thưa sếp. Tôi sẽ bị kết tội gì vậy?”

“Thế thì có quái gì khác đâu? Anh không nghe anh ta hỏi tôi cái gì à? Rồi anh sẽ biết, Popinjay - ngay khi chúng ta kết thúc vụ Clevinger thì anh sẽ biết. Học viên Clevinger, anh đã - anh là học viên Clevinger, chứ không phải Popinjay, có phải không?”

“Vâng, thưa sếp.”

“Tốt. Anh đã…”

“Tôi mới là Popinjay, thưa sếp.”

“Popinjay, có phải cha anh là triệu phú hoặc thượng nghị sĩ không?”

“Không, thưa sếp.”

“Vậy tốt. Thế cha anh làm gì?”

“Ông ấy đã chết, thưa sếp.”

“Vậy thì rất tốt. Anh thực sự đang gặp trở ngại đó, Popinjay. Có thật Popinjay là tên của anh không? Tên quái gì mà lại là Popinjay vậy? Tôi không thích nó.”

“Đó là tên của Popinjay, thưa sếp,” trung úy Scheisskopf giải thích.

“Được rồi, tôi không thích nó, Popinjay, và tôi mong sớm được xé cái xác thối tha, hèn nhát của anh ra thành từng mảnh. Học viên

Clevinger, anh làm ơn lặp lại những cái quái gì mà anh đã thì thầm hoặc đã không thì thầm với Yossarian vào đêm khuya hôm trước ở nhà xí, có được không?”

“Vâng, thưa sếp. Tôi đã nói rằng sếp không thể kết tội tôi…”

“Chúng ta sẽ bắt đầu từ đây. Chính xác thì ý của anh là gì, học viên Clevinger, khi anh nói rằng chúng tôi không thể kết tội anh?”

“Tôi đã không nói rằng sếp không thể kết tội tôi, thưa sếp.”

“Khi nào?”

“Cái gì khi nào cơ, thưa sếp?”

“Chết tiệt, anh lại đang chơi tôi nữa phải không?”

“Không, thưa sếp. Tôi xin lỗi, thưa sếp.”

“Vậy thì trả lời câu hỏi đi. Anh đã không nói rằng chúng tôi không thể kết tội anh lúc nào?”

“Đêm khuya hôm qua ở trong chuồng xí, thưa sếp.”

“Có phải đó là lần duy nhất anh không nói như vậy?”

“Không, thưa sếp. Tôi luôn luôn không nói rằng ông không thể kết tội tôi, thưa sếp. Điều tôi đã nói với Yossarian là…”

“Không ai hỏi anh về những gì anh đã nói với Yossarian. Chúng tôi đang hỏi anh về những gì anh đã không nói với anh ta. Chúng tôi không mảy may quan tâm đến những gì anh đã nói với Yossarian. Rõ chưa?”

“Vâng rõ rồi, thưa sếp.”

“Vậy thì chúng ta tiếp tục nhé. Anh đã nói gì với Yossarian?”

"Tôi đã nói với anh ta, thưa sếp, rằng ông không thể kết tội tôi theo những gì công tố viên đưa ra mà vẫn trung thành với nguyên tắc của…"

"Của cái gì? Anh nói lầm bầm thế."

"Đừng có lầm bầm nữa."

"Vâng, thưa sếp."

"Và khi lầm bầm thì hãy lầm bầm cả 'thưa sếp'."

"Metcalf, đồ con hoang!"

"Vâng, thưa sếp," Clevinger lầm bầm. "Của công lý, thưa sếp. Rằng ông không thể kết…"

"Công lý ư?" viên đại tá sửng sốt. "Công lý là gì vậy?"

"Công lý, thưa sếp…"

"Đó không phải là công lý," viên đại tá nhếch mép cười khinh bỉ, và lại nện nắm tay béo bự xuống bàn. "Đó là Karl Marx. Tôi sẽ bảo anh công lý là gì. Công lý là một cái đầu gối trong ruột từ trên sàn nhà nằm trên cằm giữa đêm khuya lén lút với con dao giương lên cao hạ xuống trên một cuốn tạp chí về một con tàu chiến đang bị hàng bao cát chặn lại trong bóng tối mà không cảnh báo lấy một lời. Siết cổ. Công lý là thứ vô nghĩa như thế đấy, khi mà tất cả chúng ta đều cần phải đủ khỏe và đủ dữ để đấu với Billy Petrolle. Từ dưới hông. Có hiểu không?"

"Không, thưa sếp."

"Đừng có thưa sếp với tôi!"

"Vâng, thưa sếp."

“Và phải nói ‘thưa sếp’ khi anh không nói,” thiếu tá Metcalf ra lệnh.

Clevinger có tội, tất nhiên rồi, nếu không thì gã đã không bị buộc tội, và bởi vì cách duy nhất để chứng minh điều đó là phải kết tội gã, đó là một nhiệm vụ mà người yêu nước nào cũng phải làm. Gã bị phạt phải đi bộ năm mươi bảy lượt. Popinjay cũng bị nhốt để họ dạy cho một bài học, và thiếu tá Metcalf bị điều tới đảo Solomon để chôn xác. Mỗi lượt trừng phạt Clevinger là năm mươi phút cuối tuần lượn qua lượn lại trước tòa nhà của nguyên soái hiệu trưởng với một đống súng trường đã tháo đạn ở trên vai.

Mọi thứ đều rất khó hiểu đối với Clevinger. Có rất nhiều điều kỳ lạ đã xảy ra, nhưng điều kỳ lạ nhất, với Clevinger, là sự thù ghét, sự thù ghét tàn bạo, không giấu giếm, không gì lay chuyển nổi của các thành viên Ban Hành động, phủ lên biểu cảm không khoan nhượng của họ một bề mặt cứng rắn, hận thù, lóe lên trong những cặp mắt ti hí của họ như những viên than hồng không sao dập tắt. Clevinger choáng váng trước phát hiện đó. Nếu có thể thì có khi họ đã đem gã đi hành hình không xét xử. Họ là ba người đàn ông đã trưởng thành, còn gã chỉ là một cậu bé, vậy mà họ đã thù ghét gã, đã muốn gã chết. Họ đã thù ghét gã từ trước khi gã đến, đã thù ghét gã khi gã ở đó, đã thù ghét gã sau khi gã rời đi, luôn đem theo lòng thù ghét gã như một kho báu được giấu kỹ sau khi họ giải tán và trở về với nỗi cô đơn của riêng họ.

Yossarian đã cố hết sức mình để cảnh báo gã vào đêm hôm trước. “Anh không có cơ hội nào cả, nhóc ạ,” y đã rầu rĩ bảo gã. “Họ căm thù người Do Thái.”

“Nhưng tôi đâu phải người Do Thái,” Clevinger trả lời.

“Như vậy cũng sẽ chẳng ăn thua gì đâu,” Yossarian nói chắc nịch, và Yossarian đã đúng. “Họ căm thù tất cả mọi người.”

Clevinger rúm người tránh khỏi lòng thù ghét của họ như tránh một tia sáng chói lòa. Ba người thù ghét gã nói cùng thứ tiếng với gã, mặc cùng loại quân phục như gã, nhưng gã thấy bộ mặt không chút tình cảm của họ đã đóng cứng lại thành những đường nét tù túng, hèn hạ của sự thù địch và gã hiểu ra ngay lập tức rằng không đâu trên thế giới này, dù trong xe tăng hay máy bay hay tàu ngầm phát xít, trong boong ke sau súng máy hay súng cối hay sau súng phun lửa, thậm chí cả trong số tất cả đám thiện xạ của sư đoàn phòng không Hermann Goering hay trong số những kẻ mũ ni che tai đáng ghê tởm ở tất cả các quán bia ở Munich và ở tất cả những nơi khác, lại có ba người nào thù ghét gã hơn thế.

9 THIẾU TÁ MAJOR MAJOR MAJOR

Từ thuở lọt lòng đời thiếu tá Major Major Major[27] đã gặp lắm khó khăn.

Giống như Minniver Cheevy, gã đã ra đời quá trễ - chính xác là trễ ba mươi sáu giờ, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe mẹ gã, một phụ nữ hiền lành, ốm yếu, sau khi đau đẻ vật vã mất một ngày rưỡi đã không còn chút sức lực nào để tranh cãi về tên của đứa bé mới sinh. Ở trong hành lang bệnh viện, chồng của bà thẳng tiến với vẻ mặt nghiêm trang đầy quyết tâm của người biết mình sắp làm gì. Cha của thiếu tá Major cao lêu khêu, gầy hốc hác, đi đôi giày nặng trịch và vận com lê vải len màu đen. Ông điền vào giấy chứng sinh không chút ngập ngừng, không biểu lộ chút cảm xúc nào khi chuyển tờ giấy đã điền cho y tá. Cô y tá cầm lấy mà không nhận xét gì, rồi lẹp kẹp đi mất. Ông nhìn theo, tự hỏi không biết cô đang mặc đồ lót gì.

Trở lại buồng sản khoa, ông thấy vợ mình đang nằm xụi lơ dưới chăn như một cọng rau già bị sấy khô, nhăn nheo, khô héo và trắng bệch, các cơ bắp yếu ớt hoàn toàn bất động. Giường của bà nằm ở cuối buồng, gần một ô cửa bị nứt bám đầy bụi bẩn. Nước mưa rơi xuống tung tóe, trời đất ảm đạm và lạnh lẽo. Ở những chỗ khác trong bệnh viện, những người nhợt nhạt với cặp môi tím ngắt đang

chết dần chết mòn. Người đàn ông đứng thẳng ở bên cạnh giường và chằm chằm nhìn xuống người đàn bà một lúc lâu.

"Tôi đã đặt tên thằng bé là Caleb," cuối cùng ông nhẹ nhàng thông báo cho bà. "Đúng như nguyện vọng của bà." người đàn bà không trả lời, và người đàn ông từ từ mỉm cười. Ông đã lên kế hoạch hoàn hảo, vì vợ ông đã ngủ và không thể biết được rằng ông đã nói dối bà trong lúc bà đang nằm trên giường bệnh ở buồng sản khoa tồi tàn của bệnh viện hạt.

Sự khởi đầu đơn sơ này đã nảy sinh ra tay phi đoàn trưởng bất lực giờ đang dành hầu hết thời gian làm việc trong ngày ở Pianosa để ký mạo tên Washington Irving vào các công văn. Thiếu tá Major cần cù ký bằng tay trái để tránh bị nhận dạng, dùng chính thẩm quyền của gã để ngăn ngừa mọi chuyến thăm đường đột và ngụy trang bằng bộ ria giả và cặp kính râm để thêm phần đảm bảo không bị bất cứ ai phát hiện ra dù có tình cờ nhìn qua lớp cửa sổ nhựa tồi tàn từng bị trộm xẻo mất một miếng. Giữa hai thấp điểm của đời gã - sự ra đời và sự thăng tiến trong binh nghiệp - là ba mươi mốt năm buồn thảm của cô đơn và tuyệt vọng.

Thiếu tá Major đã được sinh ra quá trễ và quá tầm thường. Một số người được sinh ra tầm thường, một số người giành được tầm thường, và một số người bị tầm thường dộng vào đầu. Thiếu tá Major rơi vào cả ba trường hợp đó. Thậm chí giữa những người kém nổi bật đủ đường thì gã vẫn không tránh khỏi nổi bật lên là người kém nổi bật nhất so với tất cả những người còn lại, và những người gặp gã luôn ấn tượng trước sự kém ấn tượng của gã.

Thiếu tá Major dính phải ba đòn ngay từ khi mới chào đời - mẹ gã, cha gã và Henry Fonda, người có vẻ ngoài giống hệt gã từ khi

mới sinh. Từ rất lâu trước khi biết thắc mắc xem Henry Fonda là ai, gã đã thấy bản thân mình trở thành đề tài của những sự so sánh không chút thiện cảm ở bất cứ nơi nào gã đến. Những kẻ xa lạ hoàn toàn cũng tự cho phép họ phản đối gã, và kết quả là gã đã sớm rơi vào nỗi sợ đầy tội lỗi là sợ con người và thôi thúc quỵ lụy muốn được xin lỗi xã hội bởi vì gã *không* phải là Henry Fonda. Không dễ gì khi phải sống mà lại giống một thứ như Henry Fonda, nhưng gã chưa từng, dù chỉ một lần, nghĩ đến việc bỏ cuộc, vì gã đã kế thừa gien kiên cường của người cha, một người đàn ông gầy lêu nghêu rất có khiếu hài hước.

Cha của thiếu tá Major là một người nghiêm túc kính Chúa luôn tưởng nói dối về tuổi của mình là một trò đùa thông minh. Ông là một nông dân tay chân dài ngoẵng, một người theo chủ nghĩa cá nhân khắc khổ luôn tuân thủ luật pháp, kính Chúa, yêu tự do, quan niệm rằng việc liên bang trợ cấp cho bất cứ ai ngoài nông dân cũng chính là mầm mống của chủ nghĩa xã hội. Ông ủng hộ sự tiết kiệm, chăm chỉ lao động và chê trách đám phụ nữ phóng đãng luôn từ chối ông. Đặc sản của ông là cỏ linh lăng, và ông kiếm được bộn tiền từ việc không trồng một bụi nào. Chính phủ trả ông khá tiền cho mỗi bụi cỏ linh lăng mà ông không trồng. Ông càng không trồng nhiều bụi cỏ linh lăng thì chính phủ càng cho ông nhiều tiền, và ông đã tiêu hết từng xu tiền chính đáng mà ông kiếm được vào những mảnh đất mới để tăng số lượng cỏ linh lăng mà ông không trồng. Cha của thiếu tá Major làm việc không ngơi nghỉ để không trồng cỏ linh lăng. Vào những tối đông dài, ông ở trong nhà và không sửa chữa nông cụ, và đến chính ngọ ông mới nhảy khỏi giường chỉ để đảm bảo rằng việc đồng áng không được thực hiện. Ông đã khôn ngoan đầu tư vào đất và chẳng mấy chốc đã thành người không

trồng cỏ linh lăng nhiều nhất trong quận. Hàng xóm tìm đến ông để xin lời khuyên về mọi việc, vì ông kiếm được rất nhiều tiền và do vậy hắn phải là người thông thái. “Gieo nhân nào, gặt quả nấy,” ông đưa ra lời khuyên cho trăm người như một, và tất cả đều nói, “Amen.”

Cha của thiếu tá Major là một người ủng hộ công khai và nhiệt thành việc chính phủ tiết kiệm chi tiêu, miễn là nó không ảnh hưởng đến nghĩa vụ thiêng liêng của chính phủ là trả cho nông dân càng nhiều tiền càng tốt, cho tất cả cỏ linh lăng họ đã sản xuất mà không ai cần đến hoặc cho việc không sản xuất tí cỏ linh lăng nào. Ông là một người kiêu hãnh và tự lập, luôn phản đối chế độ bảo hiểm thất nghiệp và không ngần ngại than vãn, rên rỉ, vòi vĩnh và bóp nặn bất cứ ai hết mức có thể. Ông là một người mộ đạo sẵn sàng thuyết giáo ở bất cứ đâu.

“Chúa ban cho nông dân chúng ta đôi tay khỏe mạnh để ta vơ vét được càng nhiều càng tốt bằng cả hai tay,” ông hăng say thuyết pháp trên thềm tòa thị chính hoặc trước cửa siêu thị A&P khi ông đợi cô thu ngân trẻ cáu kỉnh miệng nhai kẹo cao su đang bị ông theo đuổi bước ra ngoài và ném cho ông một cái nhìn chán ghét. “Nếu Chúa không muốn chúng ta lấy thả cửa,” ông rao giảng, “Người đã chẳng cho chúng ta đôi tay ngon lành để làm điều đó.” Và mọi người sẽ rì rầm, “Amen.”

Cha của thiếu tá Major có niềm tin của một tín đồ Calvin vào định mệnh và nhận thức một cách rành mạch rằng bất hạnh của tất cả mọi người trừ ông đều là ý Chúa. Ông hút thuốc và uống whisky, ông rất hóm hỉnh và rất giỏi khơi gợi những cuộc nói chuyện trí thức, đặc biệt là những cuộc nói chuyện của chính ông khi ông nói dối tuổi của mình hoặc kể cái câu chuyện hay ho đó về Chúa và sự khó

khăn của vợ ông khi sinh ra thiếu tá Major. Cái câu chuyện về Chúa và về vụ sinh khó của vợ ông hay ho là ở chỗ Chúa chỉ mất có sáu ngày để tạo ra thế giới, trong khi vợ ông phải đau đẻ đến một ngày rưỡi mới tạo ra thiếu tá Major. Một người kém bản lĩnh hơn có lẽ đã dao động vào ngày hôm đó ở hành lang bệnh viện, một người yếu đuối hơn có lẽ đã thỏa hiệp với những lựa chọn tên tuyệt vời khác như Drum Major, Minor Major, Sergeant Major, hoặc C. Sharp Major[28], nhưng cha của thiếu tá Major đã đợi cơ hội này mười bốn năm, và ông ta không phải là người lãng phí cơ hội. Cha của thiếu tá Major có một câu nói đùa hóm hỉnh về cơ hội. "Cơ hội chỉ gõ cửa một lần trong đời," ông bảo. Cha của thiếu tá Major luôn lặp đi lặp lại câu đùa hóm hỉnh này mỗi khi có cơ hội.

Sinh ra với một nét tương đồng bệnh hoạn với Henry Fonda là điều đầu tiên trong một chuỗi dài những trò chơi khăm của số phận đã biến thiếu tá Major thành một nạn nhân khốn khổ trong suốt cuộc đời thiếu niềm vui của gã. Sinh ra với cái tên Major Major Major là điều thứ hai. Việc gã mang cái tên Major Major Major là một bí mật chỉ có cha gã biết. Chỉ đến khi thiếu tá Major đăng ký vào mẫu giáo thì tên thật của gã mới bị phát hiện, và hệ quả của việc này thật là thảm họa. Tin này đã giết chết mẹ gã, bà đã không còn muốn sống nữa, cứ thế yếu dần rồi chết. Cha gã chẳng hề lấy thế làm buồn, ông đã quyết định cưới cô gái cáu kỉnh ở A&P nếu cần thiết, đằng nào thì trước đó ông cũng đã chẳng mấy lạc quan về cơ hội tống khứ được bà đi mà không phải trả tiền cho bà hoặc đánh đập bà.

Bản thân thiếu tá Major chỉ chịu hậu quả bớt khắc nghiệt hơn tí chút. Thật là tàn nhẫn và choáng váng khi gã, ở độ tuổi non nớt ấy, phải nhận ra rằng gã không phải, như gã vẫn luôn tưởng, là Caleb Major, mà thay vào đó là một thằng cha lạ hoắc với cái tên Major

Major Major mà gã không chút quen biết và cũng chưa có ai nghe đến bao giờ. Những đứa bạn chơi cùng đều đã tránh xa gã và không bao giờ trở lại, chúng có thiên hướng không tin người lạ, đặc biệt là kẻ đã lừa chúng bằng cách giả làm một người khác mà chúng đã biết từ lâu. Chẳng ai muốn dính dáng gì đến gã cả. Gã đâm ra hay đánh rơi đồ và vấp ngã. Gã luôn rất xấu hổ và luôn tràn đầy hy vọng trong lần đầu gặp gỡ ai đó, và rồi gã luôn phải thất vọng. Bởi vì gã luôn quá cần có bạn nên gã không bao giờ kiếm được bạn cho mình. Thời niên thiếu, thiếu tá Major là một cậu bé cao lớn, kỳ lạ và mơ màng với cặp mắt mong manh và miệng rất thanh nhã với nụ cười ngập ngừng, dò dẫm chưa kịp nở hết ra đã ngay lập tức sụp xuống thành nỗi đau mỗi khi bị cự tuyệt.

Gã rất lễ phép với bậc cha chú, những kẻ luôn ghét gã. Bậc cha chú bảo sao gã làm vậy. Họ bảo gã phải nhìn rồi mới nhảy, và gã luôn nhìn rồi mới nhảy. Họ bảo gã việc hôm nay chớ để ngày mai, và gã không bao giờ để điều đó xảy ra. Họ bảo gã thờ cha kính mẹ, và gã luôn thờ cha kính mẹ. Họ bảo gã không được giết người, và gã không giết người, cho đến khi nhập ngũ. Tại đó họ bảo gã giết, và gã giết. Gã luôn chìa má bên kia cho mọi người tát trong mọi trường hợp, và gã luôn đối xử với mọi người đúng như những gì gã muốn mọi người đối xử với mình. Khi gã làm từ thiện thì tay trái của gã không bao giờ biết tay phải đang làm gì. Gã chưa từng báng bổ Chúa, phạm tội ngoại tình hoặc thèm muốn mông của gã hàng xóm. Thực ra, gã rất yêu quý hàng xóm của mình và thậm chí còn chưa bao giờ đứng ra làm chứng gian chống lại gã. Những bậc cha chú của thiếu tá Major ghét gã bởi vì gã là một kẻ rõ rành rành không giống họ.

Bởi vì chẳng có gì khác tốt hơn để làm cho tốt nên gã học hành rất tốt. Tại trường đại học của bang, gã học hành nghiêm túc tới mức những kẻ đồng tính nghi gã là Cộng sản còn lũ Cộng sản lại nghi gã là đồng tính. Gã theo học ngành lịch sử Anh, điều này là một sai lầm.

“Lịch sử *Anh*” viên thượng nghị đức cao vọng trọng của bang rống lên đầy phẫn nộ. “Lịch sử Mỹ thì làm sao hả? Lịch sử Mỹ cũng hay chẳng kém lịch sử nước nào trên thế giới.”

Thiếu tá Major lập tức chuyển sang học văn học Mỹ, nhưng ngay trước đó FBI đã có hồ sơ về gã. Có sáu người và một con chó sục Scotland sống trong một nông trại hẻo lánh mà thiếu tá Major gọi là nhà, và hóa ra năm người trong số đó và con chó sục Scotland là nhân viên FBI. Họ đã sớm có đủ thông tin vi phạm của thiếu tá Major tới mức họ có thể muốn làm gì với gã tùy thích. Tuy nhiên, điều duy nhất họ có thể nghĩ ra là đưa gã nhập ngũ làm lính trơn và thăng gã lên Thiếu tá bốn ngày sau đó, sự kiện này đã khiến cho các dân biểu rỗi việc chạy tới chạy lui trên đường phố Washington D.C. và hô khẩu hiệu, “Ai đã thăng cấp cho thiếu tá Major? Ai đã thăng cấp cho thiếu tá Major?”

Thực ra thì thiếu tá Major được thăng cấp bởi một cái máy IBM có khiếu hài hước sắc sảo gần bằng cha gã. Khi chiến tranh nổ ra, gã vẫn còn ngoan ngoãn và dễ bảo. Họ bảo gã nhập ngũ, thế là gã nhập ngũ. Họ bảo gã đăng ký khóa đào tạo sĩ quan không quân, thế là gã đăng ký khóa đào tạo sĩ quan không quân, và ngay đêm hôm sau, gã đã thấy mình đang đứng chân trần ở trên lớp bùn lạnh như băng vào ba giờ sáng trước một viên trung sĩ khắc nghiệt và hiếu chiến đến từ miền Tây Nam nước Mỹ, người tuyên bố rằng anh ta

có thể đánh vãi cứt bất cứ ai trong đơn vị và sẵn sàng chứng tỏ điều đó. Trước đó mấy phút tất cả lính mới trong phi đoàn vừa mới bị đám lính gác của viên trung sĩ ấy đánh thức để tập trung ở trước lều điều hành. Mưa vẫn rơi như trút xuống thiếu tá Major. Họ xếp thành hàng trong những bộ thường phục mà họ đem theo mình khi nhập ngũ ba ngày trước. Những người nấn ná lại để đi giày và tất đều bị đuổi về dãy lều lạnh lẽo, ẩm ướt và tối tăm của họ để bỏ chúng ra, và tất cả bọn họ đều đứng chân trần ở trong bùn khi viên trung sĩ đưa cặp mắt sắt đá nhìn lên mặt họ và bảo với họ rằng anh ta có thể đánh cho bất cứ ai trong đơn vị của mình phọt phân. Không ai dám phản đối.

Vụ thăng cấp lên thiếu tá đầy bất ngờ của thiếu tá Major vào ngày hôm sau đã đẩy viên trung sĩ hiếu chiến xuống vực thẳm không đáy, bởi vì anh ta không thể khoác lác rằng mình có thể đánh bất cứ ai trong đơn vị phọt phân được nữa. Anh ta ủ rũ như vua Saul trong lều của mình hàng giờ liền, không tiếp bất cứ ai, trong khi đội lính gác ưu tú toàn các hạ sĩ của anh ta đứng đó nhìn đầy chán nản. Đến ba giờ sáng thì anh ta đã tìm được giải pháp, và thiếu tá Major cùng tất cả những lính mới khác lại bị đánh thức thô bạo và phải tập trung với chân trần trong mưa phùn ở trước lều điều hành, tại đó viên trung sĩ đã đợi sẵn, hai tay siết lại thành nắm đấm vênh váo chống nạnh, hăm hở muốn nói đến mức gần như chẳng thể chờ nổi họ tập hợp đông đủ.

“Tôi và thiếu tá Major,” anh ta huênh hoang, vẫn với giọng khắc nghiệt, cộc cằn đêm trước, “có thể đánh phọt phân bất cứ ai trong đơn vị này.”

Các sĩ quan trong căn cứ sau đó cũng đã có hành động trước vấn đề thiếu tá Major vào cùng ngày hôm đó. Họ phải ứng xử ra sao với một thiếu tá như thiếu tá Major? Bất kính với cá nhân gã tức là bất kính với tất cả sĩ quan có cùng cấp bậc hoặc thấp hơn. Mặt khác, việc phải đối xử lịch sự với gã lại là điều không thể tưởng tượng nổi. Thật may là thiếu tá Major đã đăng ký tham gia khóa đào tạo sĩ quan không quân. Lệnh thuyên chuyển gã đi đã được gửi đến phòng in ấn vào buổi chiều muộn, và tới ba giờ sáng thiếu tá Major lại bị đánh thức thô bạo, bị chúc tụng thuận buồm xuôi gió bởi viên trung sĩ rồi bị đặt lên một chiếc máy bay để bay thẳng về phía Tây.

Mặt trung úy Scheisskopf trắng bệch như một tờ giấy khi thiếu tá Major trình diện ở California với đôi chân trần dính đầy bùn ở ngón. Thiếu tá Major tưởng gã lại bị đánh thức thô bạo là để đứng trên chân trần trong bùn nên đã bỏ giày và tất ở lại lều. Bộ thường phục gã mặc khi trình diện để nhận nhiệm vụ với trung úy Scheisskopf đã trở nên nhàu nát và bẩn thỉu. Trung úy Scheisskopf, lúc ấy vẫn chưa nổi tiếng trong món diễu binh, đã run bắn người lên khi mường tượng ra cảnh thiếu tá Major chân đất diễu hành trong phi đoàn của gã vào Chủ nhật tới.

“Hãy nhanh chóng nhập viện,” gã lúng búng nói khi đã bình tĩnh trở lại, “và bảo họ rằng anh bị ốm. Ở đó cho tới khi trợ cấp, quân phục được chuyển đến và anh có tiền mua quần áo. Và vài đôi giày. Mua lấy vài đôi giày.”

“Vâng, thưa sếp.”

“Tôi không nghĩ là anh phải gọi tôi là ‘sếp’, thưa sếp,” trung úy Scheisskopf chỉ ra vấn đề. “Anh có quân hàm cao hơn tôi.”

“Vâng, thưa sếp. Tôi có thể có quân hàm cao hơn sếp, thưa sếp, nhưng sếp vẫn là sĩ quan chỉ huy của tôi.”

“Vâng, thưa sếp, đúng thế,” trung úy Scheisskopf đồng ý. “Anh có thể có quân hàm cao hơn tôi, thưa sếp, nhưng tôi vẫn là sĩ quan chỉ huy của anh. Vậy thì anh nên làm những gì mà tôi đã bảo, thưa sếp, nếu không thì anh sẽ gặp rắc rối. Hãy ở lại đó cho đến khi có tiền trợ cấp mua quân phục và đủ tiền để mua vài bộ quân phục.”

“Vâng, thưa sếp.”

“Và vài đôi giày, thưa sếp. Hãy mua giày ngay khi có thể, thưa sếp.”

“Vâng, thưa sếp. Tôi sẽ mua, thưa sếp.”

“Cảm ơn anh, thưa sếp.”

Cuộc đời ở trường sĩ quan của thiếu tá Major cũng không khác gì cuộc đời của gã từ trước đến giờ. Bất cứ ai ở cùng gã đều muốn gã ở cùng với người khác. Các ông thầy ưu ái gã trong mọi môn học để có thể nhanh chóng đẩy gã đi và thoát khỏi gã. Vèo một cái gã đã được đeo phù hiệu phi công và đã được ra nước ngoài, tại đó mọi thứ đột ngột được cải thiện. Trong suốt đời mình, thiếu tá Major chỉ mong muốn một điều duy nhất, đó là được chấp nhận, và ở Pianosa, gã cuối cùng cũng đã được chấp nhận, nhưng chỉ trong một khoảng thời gian ngắn. Quân hàm không có ý nghĩa nhiều ngoài mặt trận, tại đó, mối quan hệ giữa sĩ quan và lính thoải mái và thân mật hơn nhiều. Những người gã thậm chí không biết tên cũng chào hỏi và còn rủ gã đi bơi hoặc chơi bóng rổ. Những giờ viên mãn nhất của gã là ở những trận bóng rổ kéo dài cả ngày mà với họ thắng thua chả có ý nghĩa mẹ gì. Chẳng ai tính điểm, và số người chơi có

thể dao động từ một cho tới ba mươi lăm. Thiếu tá Major chưa từng chơi bóng rổ hay bất cứ trò chơi nào, nhưng chiều cao khủng long của gã cùng với lòng nhiệt tình vô bờ bến đã bù đắp được sự vụng về bẩm sinh và sự thiếu kinh nghiệm của gã. Thiếu tá Major đã tìm được hạnh phúc đích thực tại đó, trên sân bóng rổ nghiêng với đám sĩ quan và lính suýt đã là bạn gã. Không có người thắng đồng nghĩa với việc không có kẻ thua, và thiếu tá Major tận hưởng từng khoảnh khắc nô đùa nhảy nhót cho tới ngày đại tá Cathcart rú xe Jeep phóng đến sau khi thiếu tá Duluth vừa thiệt mạng và khiến gã không bao giờ được tận hưởng thú chơi bóng rổ ở đó nữa.

“Anh là phi đoàn trưởng mới,” đại tá Cathcart thô lỗ gào lên từ bên kia đường ray. “Nhưng đừng nghĩ rằng điều đó có nghĩa lý gì, bởi vì nó chẳng có nghĩa lý gì cả. Nó chỉ có nghĩa là anh là phi đoàn trưởng mới.”

Đại tá Cathcart đã từ lâu nung nấu lòng căm ghét khôn nguôi với thiếu tá Major. Một viên thiếu tá dư thừa dưới trướng gã cũng có nghĩa là một sơ đồ nhân sự bừa bộn và sẽ là kho đạn cho bọn ở Sở Chỉ huy Không lực Hai mươi bảy, những kẻ mà đại tá Cathcart tin chắc là kẻ thù và đối thủ của gã, tha hồ bắn phá gã. Đại tá Cathcart đã luôn cầu mong một điều may mắn kiểu như cái chết của thiếu tá Duluth. Gã cực kỳ khó chịu khi có thừa một thiếu tá; và giờ thì gã đã có chỗ cho một thiếu tá. Gã bổ nhiệm thiếu tá Major làm phi đoàn trưởng rồi rồ máy phóng đi cũng đột ngột như khi đến.

Với thiếu tá Major, việc đó đã kết thúc cuộc chơi của gã. Mặt gã đỏ lên vì bối rối, và gã đứng chết trân trong cơn ngỡ ngàng khi mây đen lại quần tụ trên đầu gã lần nữa. Khi quay sang các đồng đội, gã gặp phải một bức tường những gương mặt tò mò, nghi ngờ đang soi

mói nhìn gã với vẻ thù địch ai oán và khó hiểu. Gã run rẩy vì xấu hổ. Khi mọi người tiếp tục chơi thì đã chẳng còn vui vẻ gì nữa. Mỗi khi gã rê bóng, chẳng có ai cản phá gã; mỗi khi gã gọi bóng, bất cứ ai đang cầm bóng đều chuyền cho gã; mỗi khi gã ném trượt rổ, không một ai xông vào cướp bóng. Tiếng nói duy nhất trên sân là tiếng của gã. Hôm sau cũng vậy, và sang ngày tiếp theo, gã không đến nữa.

Như đã ngầm ám hiệu cho nhau, mọi người ở phi đoàn đều không nói chuyện với gã nữa, và bắt đầu soi gã. Gã ngượng ngập bước đi giữa đời, mặt cúi gằm và đôi má đỏ bừng, đến đâu gã cũng trở thành đối tượng của sự khinh miệt, đố kỵ, nghi ngờ, oán giận và những lời ám chỉ hiểm ác. Những người trước đây không để ý đến sự giống nhau giữa gã và Henry Fonda thì bây giờ lại không ngớt mồm bàn tán về điều đó, thậm chí có những người đã ám chỉ độc địa rằng thiếu tá Major được thăng chức lên phi đoàn trưởng *vì* gã giống Henry Fonda. Đại úy Black, người vẫn thèm khát vị trí này, khăng khăng cho rằng thiếu tá Major thực ra chính là Henry Fonda, nhưng nhát chết không dám thừa nhận.

Thiếu tá Major loạng choạng bước đi trong hoang mang từ thảm họa này tới thảm họa khác. Không thèm hỏi ý kiến gã, trung sĩ Towser đã cho chuyển đồ của gã sang toa xe rộng rãi mà thiếu tá Duluth đã từng ở một mình, và khi thiếu tá Major hổn hển chạy xồng xộc vào phòng cần vụ để thông báo mất trộm thì cậu hạ sĩ trẻ ở đó đã làm gã sợ vãi linh hồn khi đứng bật dậy và hét “Nghiêm!” ngay khi gã xuất hiện. Thiếu tá Major cũng rập gót đứng nghiêm như mọi người trong phòng, tự hỏi không biết có thượng cấp nào vừa đi vào sau gã. Vài phút trôi đi trong im lặng tuyệt đối, và có lẽ tất cả bọn họ sẽ cứ đứng nghiêm ở đó cho đến ngày tận thế nếu thiếu tá Danby

không từ liên đoàn ghé qua chúc mừng thiếu tá Major hai mươi phút sau đó, và cho mọi người được nghỉ.

Tình hình thậm chí còn thảm thương hơn ở nhà ăn, nơi Milo, cơ mặt rung rung vì mỉm cười, đang đợi để hãnh diện đưa gã tới một bàn nhỏ được thu xếp ở phía trước, trên phủ một tấm khăn ren và trang trí một bó hoa nhỏ thơm ngát cắm trong chiếc lọ thủy tinh mài màu hồng. Thiếu tá Major kinh hoàng chùn bước, nhưng gã không đủ táo tợn để cưỡng lại khi tất cả mọi người đều đang nhìn. Ngay cả Havermeyer cũng ngẩng đầu lên khỏi đĩa thức ăn, và há hốc quai hàm nặng nề, thiếu quyết đoán ra để nhìn gã. Thiếu tá Major ngoan ngoãn phục tùng sự níu kéo của Milo và ngồi rúm ró trong hổ thẹn ở chiếc bàn dành riêng cho gã trong suốt bữa ăn. Thức ăn hóa thành rơm trong miệng gã, nhưng gã thà nuốt hết từng miếng một đầy mồm còn hơn làm phật lòng bất cứ ai tham gia chuẩn bị bữa ăn. Khi ngồi một mình với Milo sau đó, thiếu tá Major lần đầu tiên thấy ý chí phản kháng sục sôi trong mình và nói rằng gã thích được tiếp tục ngồi ăn cùng các sĩ quan khác. Milo bảo gã rằng như vậy không được.

"Tôi chẳng thấy có gì là không được cả," thiếu tá Major tranh luận. "Trước đây có làm sao đâu."

"Trước đây sếp đâu có là phi đoàn trưởng."

"Thiếu tá Duluth cũng là phi đoàn trưởng và anh ấy luôn ăn cùng bàn với tất cả mọi người."

"Với thiếu tá Duluth thì khác, thưa sếp."

"Với thiếu tá Duluth thì khác như thế nào?"

"Giá mà sếp đừng hỏi tôi điều này, thưa sếp," Milo nói.

“Có phải vì trông tôi giống Henry Fonda?” thiếu tá Major lấy hết can đảm chất vấn.

“Một số người bảo sếp chính là Henry Fonda,” Milo trả lời.

“Hừ, tôi không phải là Henry Fonda,” thiếu tá Major kêu lên, giọng run lên vì cáu kỉnh. “Và tôi chả giống gã tí nào sất. Mà cho dù tôi có giống Henry Fonda đi nữa, thì có khác gì?”

“Chẳng có gì khác cả. Đó chính là điều mà tôi đang cố giải thích với sếp đấy, thưa sếp. Chỉ đơn giản là với sếp thì không giống như với thiếu tá Duluth.”

Và đúng là không giống, bởi vì khi thiếu tá Major, vào bữa ăn tiếp theo, từ quầy thức ăn bước đến ngồi với mọi người ở dãy bàn thông thường, gã bị đông cứng giữa đường khi gặp phải một bức tường thù địch không thể xuyên thủng do những gương mặt dựng lên, và gã chết điếng ở đó, khay thức ăn rung bần bật trên tay cho đến khi Milo lẳng lặng lướt tới giải cứu và đưa gã ngoan ngoãn quay về bàn riêng. Sau vụ đó, thiếu tá Major đã bỏ cuộc và luôn ăn một mình tại bàn riêng, quay lưng lại mọi người. Gã tin chắc rằng họ căm ghét mình vì giờ đây ở cương vị phi đoàn trưởng gã dường như đã trở nên quá tôn quý để ngồi ăn cùng họ. Không ai nói một câu nào trong nhà ăn khi có mặt thiếu tá Major. Gã ý thức được rằng các sĩ quan khác cố tránh ăn cùng giờ với gã, và tất cả đều thở phào nhẹ nhõm khi gã không đến ăn nữa và chuyển sang dùng bữa trong phòng.

Thiếu tá Major bắt đầu ký mạo tên Washington Irving vào các công văn một ngày sau khi gã C.I.D. đầu tiên xuất hiện để tra khảo gã về ai đó ở bệnh viện đang làm điều đó, và gã đã vay mượn luôn ý tưởng này. Gã đang chán và bất mãn với vị trí mới của mình. Gã bị đưa lên làm phi đoàn trưởng nhưng không biết phải làm gì ở cương

vị phi đoàn trưởng, trừ phi tất cả những gì gã cần làm là giả mạo tên Washington Irving lên các công văn và lắng nghe âm thanh hết keng lại bịch nhát gừng khi những chiếc móng ngựa của thiếu tá …de Coverley rơi xuống đất bên ngoài cửa sổ văn phòng nhỏ của gã, phía sau lều cần vụ. Gã không ngừng bị dằn vặt bởi cảm giác rằng có những nhiệm vụ quan trọng gã chưa hoàn thành, và gã chờ đợi trong vô vọng cái ngày những nhiệm vụ đó xuất hiện. Gã hiếm khi ra ngoài trừ phi thực sự cần thiết, vì gã không thể quen với việc bị mọi người nhìn chòng chọc. Thỉnh thoảng sự đơn điệu bị phá vỡ bởi một vài sĩ quan hoặc lính được trung sĩ Towser điều tới xin ý kiến gã về một số vấn đề mà gã không giải quyết được và lại điều về gặp trung sĩ Towser để thu xếp sao cho hợp lý. Bất cứ điều gì gã lẽ ra phải hoàn thành trên cương vị phi đoàn trưởng lại được hoàn thành mà không có chút đóng góp nào từ gã. Gã trở nên ngày càng ủ rũ và chán nản. Đôi khi gã nghiêm túc nghĩ đến việc giãi bày tất cả những phiền muộn của mình với cha tuyên úy, nhưng dường như cha tuyên úy cũng đang gánh chịu quá nhiều đau khổ của bản thân tới mức thiếu tá Major phải rút lui để khỏi làm cha cố quân đội này khổ thêm. Ngoài ra, gã cũng không biết chắc cha tuyên úy có phải là để dành cho các phi đoàn trưởng hay không nữa.

Gã cũng chưa bao giờ biết chắc về thiếu tá …de Coverley, người, khi không phải ra ngoài thuê nhà hay bắt cóc lao động nước ngoài, chẳng có gì cấp bách hơn để làm ngoài việc ném móng ngựa. Thiếu tá Major thường lắng nghe rất chăm chú tiếng móng ngựa nhẹ nhàng rơi xuống đất hoặc mắc vào những cọc thép nhỏ cắm trên mặt đất. Gã nhìn trộm thiếu tá …de Coverley hàng giờ và lấy làm kinh ngạc khi một người oai phong đến vậy lại chẳng có việc gì quan trọng hơn để làm. Nhiều khi gã cũng thèm ra chơi cùng thiếu tá …de

Coverley, nhưng ném móng ngựa cả ngày xem ra cũng chán như việc ký tên “Major Major Major” vào công văn, và diện mạo của thiếu tá …de Coverley lại đáng sợ đến nỗi thiếu tá Major chỉ dám kính nhi viễn chi.

Thiếu tá Major băn khoăn không hiểu gã là gì của thiếu tá …de Coverley và thiếu tá …de Coverley là gì của gã. Gã biết thiếu tá …de Coverley là sĩ quan điều hành của mình, nhưng gã không biết như vậy nghĩa là gì, và gã không thể xác định được mình đã may mắn có được một cấp trên nhân hậu hay đen đủi gặp phải một cấp dưới chểnh mảng. Gã không muốn hỏi trung sĩ Towser, người mà gã thầm sợ, và cũng chẳng có ai khác để hỏi, thiếu tá …de Coverley thì lại càng không. Rất ít người dám tiếp cận thiếu tá …de Coverley vì bất cứ chuyện gì và sĩ quan duy nhất dại dột tới mức ném một chiếc móng ngựa của gã ngay hôm sau đã mắc chứng phát ban Pianosa nghiêm trọng tới mức Gus hay Wes hay thậm chí bác sĩ Daneeka cũng chưa từng gặp hay nghe thấy bao giờ. Mọi người đều quả quyết rằng bệnh tật mà viên sĩ quan đáng thương đó mắc phải là sự trừng phạt của thiếu tá …de Coverley, dù không ai biết điều đó xảy ra như thế nào.

Hầu hết công văn gửi tới bàn làm việc của thiếu tá Major đều chẳng liên quan gì tới gã. Đại đa số đề cập đến những nội dung trao đổi từ trước đó mà thiếu tá Major chưa từng nhìn thấy hoặc nghe đến. Không cần phải tra cứu lại chúng làm gì, vì các chỉ thị bao giờ cũng là đừng để ý tới chúng nữa. Do vậy, chỉ trong một phút đầy năng suất, gã có thể ký duyệt hai mươi công văn riêng rẽ, cái nào cũng yêu cầu gã tuyệt đối không cần quan tâm đến tất cả những cái còn lại. Văn phòng của tướng Peckem từ đất liền gửi ra những bản tin hằng ngày dài dòng văn tự với tiêu đề là những câu châm ngôn

vui vẻ kiểu như “Đời người có một gang tay. Ai hay ngủ ngày thì được nửa gang” và “Nhà sạch thì mát bát sạch ngon cơm”.

Những bản tin của tướng Peckem về thói lười biếng và sự sạch sẽ khiến thiếu tá Major cảm thấy mình như một kẻ đại lười đáng kinh tởm, và gã luôn vứt chúng đi càng nhanh càng tốt. Thứ duy nhất khiến gã quan tâm là những công văn thỉnh thoảng mới xuất hiện, đề cập tới một viên thiếu úy đen đủi bị giết trong trận Orvieto chỉ chưa đầy hai giờ sau khi tới Pianosa, chủ nhân của những gói đồ chưa kịp mở hết vẫn đang nằm trong lều của Yossarian. Vì viên thiếu úy đen đủi ấy đã tới lều điều hành báo cáo nhận nhiệm vụ thay vì tới lều cần vụ, trung sĩ Towser đã quyết định cách an toàn nhất là báo cáo với cấp trên rằng anh ta chưa từng đến báo cáo nhận nhiệm vụ ở phi đoàn này, và những công văn hiếm hoi liên quan tới anh ta là để giải quyết vấn đề anh ta đã tan biến giữa không trung, mà đó, xét theo một cách nào đấy, đúng là điều đã xảy ra. Về lâu về dài, thiếu tá Major rất biết ơn mớ công văn đã đến bàn làm việc của gã, bởi vì ngồi cả ngày trong phòng để ký công văn còn sướng hơn nhiều ngồi cả ngày trong phòng mà chả có gì để ký. Chúng mang đến cho gã công ăn việc làm.

Kết cục tất yếu là, tất cả công văn mà gã ký, sau từ hai đến mười ngày, đều quay trở lại với thêm một trang mới để gã ký vào. Chúng luôn dày hơn trước nhiều, vì giữa trang gã đã ký lần trước và trang để ký lần này là những trang có chữ ký mới nhất của tất cả các sĩ quan khác ở rải rác nhiều nơi cùng có nhiệm vụ ký vào công văn đó. Thiếu tá Major phát chán khi thấy một nội dung trao đổi đơn giản đã phình ra thành một tập văn bản khổng lồ. Dù gã có ký bao nhiêu lần thì nó luôn trở lại đòi thêm một chữ ký nữa, và gã bắt đầu thấy tuyệt vọng vì không bao giờ thoát được những công văn đó. Một ngày kia

- sau cái ngày gã C.I.D. đến - thiếu tá Major đã ký tên Washington Irving vào một trong những công văn đó thay vì tên gã, chỉ để xem cảm giác thế nào. Gã thấy thích. Gã thích tới mức, cả chiều hôm đó, gã đã làm vậy với tất cả những công văn còn lại. Đó là hành động bột phát của một cơn bốc đồng và nổi loạn mà sau đó gã biết mình có thể bị trừng phạt nặng nề. Sáng hôm sau gã đến văn phòng trong nỗi thấp thỏm và đợi xem điều gì sẽ xảy ra. Không có gì xảy ra hết.

Gã đã phạm tội, và điều đó thật tuyệt, bởi vì không có công văn nào được ký tên Washington Irving quay về hết! Tình hình, cuối cùng, cũng đã cải thiện, và thiếu tá Major đắm chìm trong sự nghiệp mới với niềm khoái trá vô hạn. Có lẽ ký tên Washington Irving vào công văn chẳng có gì đáng để gọi là một sự nghiệp, nhưng nó còn ít đơn điệu hơn việc ký tên “Major Major Major”. Khi Washington Irving trở nên đơn điệu thì gã đảo thứ tự và ký Irving Washington cho đến khi nó cũng trở nên đơn điệu. Và gã đã làm được một việc gì đó, vì không có tài liệu nào được ký một trong những cái tên đó quay trở lại.

Thứ quay trở lại hóa ra lại là gã C.I.D. thứ hai, giả dạng một phi công. Mọi người đều biết gã là C.I.D. vì chính gã đã thổ lộ với họ và yêu cầu họ không được tiết lộ thân phận của gã với bất kỳ ai trong số những người mà gã đã tiết lộ rằng gã là C.I.D.

“Anh là người duy nhất trong phi đoàn này biết tôi là C.I.D.,” gã tiết lộ với thiếu tá Major, “và nhất thiết phải giữ bí mật để công việc của tôi đảm bảo hiệu quả. Anh hiểu chứ?”

“Trung sĩ Towser cũng biết.”

“Phải, tôi biết. Tôi phải cho anh ta biết để được vào đây gặp anh. Nhưng tôi biết rằng, anh ta sẽ không hé răng trong bất kỳ tình huống

nào."

"Anh ta đã nói với tôi," thiếu tá Major nói. "Anh ta bảo rằng có một C.I.D. ở ngoài đang chờ gặp tôi."

"Thằng con hoang! Tôi sẽ cho kiểm tra an ninh với nó. Nếu là anh tôi sẽ không để bất kỳ tài liệu tối mật nào ở đây. Ít nhất là cho đến khi tôi hoàn thành báo cáo."

"Tôi không nhận được tài liệu tối mật nào cả," thiếu tá Major nói.

"Đó chính là thứ tôi muốn nói. Hãy khóa chúng trong tủ để trung sĩ Towser không thể động đến chúng."

"Trung sĩ Towser là người duy nhất giữ chìa khóa tủ."

"Tôi e rằng ta đang lãng phí thời gian," gã C.I.D. thứ hai gay gắt nói. Gã là một người mau mắn, mập lùn, luôn căng thẳng, động tác nhanh nhẹn và dứt khoát. Gã lấy ra một số tài liệu photo từ chiếc phong bì khổ lớn màu đỏ mà gã giấu một cách lộ liễu dưới bộ jacket phi công bằng da vẽ lòe loẹt hình những chiếc phi cơ đang bay xuyên làn đạn phòng không màu cam và những dãy bom nhỏ xíu tượng trưng cho năm mươi lăm lượt bay. "Anh đã thấy thứ này bao giờ chưa?"

Thiếu tá Major hờ hững nhìn bản sao những bức thư cá nhân gửi đi từ bệnh viện mà trên đó sĩ quan kiểm duyệt đã viết "Washington Irving" hoặc "Irving Washington".

"Không."

"Thế còn cái này?"

Thiếu tá Major nhìn đến bản sao những công văn đề gửi cho gã mà gã đã ký cũng bằng những cái tên ấy.

"Không."

"Có phải người ký những cái tên này ở phi đoàn của anh?"

"Tên nào? Ở đây có hai tên."

"Cả hai. Chúng tôi cho rằng Washington Irving và Irving Washington chỉ là một người và gã đã sử dụng tên giả nhằm đánh lạc hướng chúng tôi. Điều này thường xuyên xảy ra, anh biết đấy."

"Tôi không nghĩ là ở phi đoàn của tôi có ai có tên như thế."

Vẻ thất vọng lướt qua trên mặt gã C.I.D. thứ hai. "Kẻ này thông minh hơn chúng tôi tưởng nhiều," gã nhận định. "Gã dùng cái tên thứ ba và giả làm một người khác. Và tôi nghĩ… phải, tôi nghĩ tôi đã biết cái tên thứ ba là gì. Với vẻ kích động và phấn khích, gã giơ ra một bản sao khác cho thiếu tá Major xem. "Cái này thì sao hả?"

Thiếu tá Major cúi người ra trước và thấy một bản sao của bức thư mà Yossarian đã bôi đen sạch sẽ trừ cái tên Mary và viết lên đó, "Anh khát khao em đến nát tan. R.O. Shipman, Cha tuyên úy, Quân đội Mỹ." Thiếu tá Major lắc đầu.

"Tôi chưa từng thấy nó."

"Anh có biết R.O. Shipman là ai không?"

"Đó là cha tuyên úy của liên đoàn."

"Vậy là hai năm rõ mười," gã C.I.D. thứ hai nói. "Washington Irving là cha tuyên úy của liên đoàn."

Thiếu tá Major giật mình cảnh giác. "R.O. Shipman mới là cha tuyên úy của liên đoàn," gã sửa lại.

"Anh chắc không?"

"Chắc."

"Tại sao cha tuyên úy của liên đoàn lại viết cái này vào đây?"

"Có thể ai khác đã viết và mạo danh anh ta."

"Sao lại có người muốn mạo danh anh ta làm gì?"

"Để tránh không bị phát hiện."

"Có thể anh đúng," gã C.I.D. thứ hai kết luận sau một thoáng ngần ngừ, và môi mím chặt lại. "Có lẽ ta đã đụng phải một băng nhóm, có hai tên đồng lõa với nhau và tình cờ có tên ngược nhau. Phải, nhất định là như vậy. Một kẻ ở phi đoàn này, một kẻ ở bệnh viện và một kẻ ở chỗ cha tuyên úy. Như vậy tổng cộng có ba tên, phải không? Anh chắc một trăm phần trăm rằng anh chưa từng thấy bất cứ công văn nào như này chứ?"

"Nếu thấy thì tôi đã ký rồi."

"Ký tên ai?" gã C.I.D. thứ hai xảo quyệt hỏi. "Tên anh hay Washington Irving?"

"Tên tôi chứ," thiếu tá Major bảo gã. "Tôi thậm chí còn không biết đến cái tên Washington Irving."

Gã C.I.D. thứ hai nở nụ cười.

"Thiếu tá này, tôi mừng là anh vô tội. Như vậy nghĩa là ta sẽ có thể cộng tác cùng nhau, và tôi sẽ cần càng nhiều trợ thủ càng tốt. Đâu đó trên chiến trường châu Âu này có một kẻ nhúng tay vào thư túi gửi cho anh. Đó có thể là ai được nhỉ, anh có chút manh mối gì không?"

"Không."

“À, tôi đoán ra rồi,” gã C.I.D. nói, rướn người ra trước và thì thầm. “Thằng con hoang Towser đó. Không thì vì sao gã lại rêu rao về tôi? Giờ anh hãy đề cao cảnh giác và báo tôi biết ngay khi thấy bất cứ ai nhắc tới Washington Irving. Tôi sẽ cho kiểm tra an ninh cha tuyên úy và tất cả mọi người quanh đây.”

Ngay khi gã vừa biến mất, gã C.I.D. đầu tiên nhảy vào văn phòng của thiếu tá Major qua cửa sổ và hỏi gã C.I.D. thứ hai là ai. Thiếu tá Major gần như không nhận ra gã.

“Gã là C.I.D.,” thiếu tá Major bảo gã.

“C.I.D. cái đếch gì,” gã C.I.D. đầu tiên nói. “Ở đây tôi mới là C.I.D.”

Thiếu tá Major gần như không nhận ra gã vì gã khoác áo choàng tắm bằng nhung đỏ bạc phếch thủng cả hai nách, pyjama vải flannel mềm, và đi đôi dép trong nhà một bên bị há mõm. Thiếu tá Major nhớ ra đây là trang phục trong bệnh viện. Gã đã lên khoảng mười ký và có vẻ rất khỏe khoắn.

“Tôi đang ốm quá,” gã than vãn. “Tôi bị nhiễm cảm ở bệnh viện từ một gã phi công lái máy bay chiến đấu và sau đó lại đổ bệnh viêm phổi nặng.”

“Tôi rất tiếc,” thiếu tá Major nói.

“Đúng là chó cắn áo rách,” gã C.I.D. sụt sùi. “Tôi không cần anh thông cảm. Tôi chỉ muốn anh biết tôi đã trải qua những gì. Tôi xuống đây để cảnh báo anh rằng dường như gã Washington Irving ấy đã chuyển địa bàn hoạt động từ bệnh viện đến phi đoàn của anh. Anh chưa từng nghe ai ở đây nói đến Washington Irving chứ hả?”

"Thực ra là có," thiếu tá Major trả lời. "Chính là cái tay vừa ở đây. Gã ta nói về Washington Irving."

"Là gã à?" gã C.I.D. đầu tiên mừng rỡ reo lên. "Đây có thể chính là điều ta cần để phá toang vụ án này! Anh hãy giám sát chặt chẽ gã hai mươi bốn giờ một ngày trong khi tôi phi về bệnh viện viết thư xin ý kiến thượng cấp." Gã C.I.D. nhảy qua cửa sổ phòng làm việc của thiếu tá Major và biến mất.

Một phút sau, tấm rèm ngăn phòng làm việc của thiếu tá Major và phòng cần vụ mở toang, và gã C.I.D. thứ hai quay lại, thở hồng hộc vì vội. Gã vừa hổn hển vừa thét, "Tôi vừa thấy một kẻ mặc pyjama đỏ nhảy khỏi cửa sổ phòng anh rồi chạy lên đường cái! Anh không thấy gã à?"

"Gã vừa ở đây nói chuyện với tôi," thiếu tá Major trả lời.

"Tôi nghĩ vụ này hết sức đáng ngờ, một kẻ nhảy khỏi cửa sổ trong bộ pyjama màu đỏ." Gã hăm hở rảo bước quanh căn phòng nhỏ. "Lúc đầu tôi cứ nghĩ là anh, ba chân bốn cẳng chạy tới Mexico. Nhưng giờ tôi biết là không phải. Gã không nói gì về Washington Irving à?"

"Thực ra thì," thiếu tá Major đáp, "gã có nói."

"Có à?" gã C.I.D. thứ hai reo lên. "Vậy thì tốt rồi! Đây có thể chính là điều ta cần để phá toang vụ án này! Anh có biết ta có thể tìm được gã ở đâu không?"

"Ở bệnh viện. Gã đang ốm nặng lắm."

"Quá tuyệt!" gã C.I.D. thứ hai reo lên. "Tôi sẽ bám theo gã đến đó ngay. Nếu có thể giấu kín được thân phận là tốt nhất. Tôi sẽ giải

thích tình hình với lều quân y để họ gửi tôi đến đó trong vai bệnh nhân.”

“Họ sẽ không cho tôi nhập viện trừ phi tôi bị ốm,” gã báo lại cho thiếu tá Major biết. “Thực ra, tôi cũng khá là bệnh rồi. Tôi đã định đi kiểm tra y tế và đây là một cơ hội tốt. Tôi sẽ quay lại lều quân y và bảo họ rằng tôi bị ốm, và thế là tôi sẽ được nhập viện.”

“Nhìn xem họ đã làm gì tôi này,” gã quay về chỗ thiếu tá Major với nướu răng màu tím. Gã rơi vào một cơn bi phẫn khôn nguôi. Tay gã cầm giày và tất, các ngón chân của gã cũng bị bôi thuốc tím Gentian. “Đã ai nghe nói đến C.I.D. có nướu răng màu tím chưa?” gã rền rĩ.

Gã rời phòng cần vụ với mái đầu cúi gằm, lộn cổ xuống một cái hào và ngã gãy mũi. Thân nhiệt gã vẫn bình thường nhưng Gus và Wes đã đặc cách cho gã nhập viện và cho xe cứu thương chở gã đi.

Thiếu tá Major đã nói dối, và kết quả rất tốt. Gã không thật sự ngạc nhiên khi thấy kết quả rất tốt, bởi vì gã để ý thấy những người nói dối, xét trên tổng thể, tháo vát hơn, tham vọng hơn và thành công hơn những người không nói dối. Nếu gã mà nói sự thật cho gã C.I.D. thứ hai thì có lẽ gã đã gặp rắc rối rồi. Thay vì vậy gã đã nói dối và được thoải mái tiếp tục công việc của mình.

Gã trở nên thận trọng hơn sau chuyến thăm của gã C.I.D. thứ hai. Gã ký tất cả bằng tay trái và chỉ ký khi nào đeo cặp kính râm và bộ ria giả gã từng mong sẽ giúp mình được chơi bóng rổ trở lại mà không thành. Để cho thêm phần an toàn, gã đã vui vẻ chuyển từ Washington Irving sang John Milton. John Milton rất ngắn gọn và dễ dùng. Giống như Washington Irving, cái tên này có thể đảo ngược với hiệu ứng tốt khi gã cảm thấy đơn điệu. hơn nữa, nó giúp thiếu tá

Major tăng gấp đôi năng suất, bởi vì John Milton ngắn hơn nhiều so với tên gã hoặc tên Washington Irving, do đó tốn rất ít thời gian để ký. John Milton còn phát huy hiệu quả ở một khía cạnh khác. Đó là John Milton rất linh hoạt, và thiếu tá Major nhanh chóng thấy mình chèn chữ ký này vào những mẫu hội thoại mà gã tưởng tượng ra. Thành thử, những lời phê duyệt điển hình trên các công văn sẽ là, "John Milton là kẻ bạo dâm" hoặc "Anh có thấy Milton không, John?" Một chữ ký mà gã đặc biệt tự hào là: "Có ai ở trong John không, Milton?" John Milton mở ra những viễn cảnh mới tràn ngập những câu chữ ý nhị, không bao giờ cạn, hứa hẹn vĩnh viễn đẩy lui sự đơn điệu. Thiếu tá Major trở lại với Washington Irving khi John Milton trở nên đơn điệu.

Thiếu tá Major đã mua cặp kính râm và bộ ria giả ở Rome trong nỗ lực tuyệt vọng cuối cùng để cứu vớt bản thân khỏi vũng lầy của sự suy sụp tinh thần mà gã đang từ từ lún sâu vào. Đầu tiên là nỗi sỉ nhục khủng khiếp của Cuộc Đại Vận Động Tuyên Thệ Trung Thành, khi chẳng ai trong số ba bốn mươi người đang tranh nhau phân phát những lời thề trung thành chịu cho gã ký tên. Sau đó, ngay khi vụ này qua đi thì xảy ra chuyện máy bay của Clevinger biến mất đầy bí hiểm trong không trung cùng toàn bộ phi hành đoàn, và mọi tội lỗi về tai họa kỳ quái ấy lại trút cả lên đầu gã vì gã chưa từng ký một lời thề trung thành nào cả.

Cặp kính râm có gọng rất to màu đỏ tía. Bộ ria giả là của một tay chơi đàn dạo ăn mặc lòe loẹt, và một hôm, gã đã đeo cả hai tới sân bóng rổ khi thấy không thể chịu đựng nỗi cô đơn thêm nữa. Gã làm ra vẻ tự nhiên hoạt bát khi thong dong bước vào sân và thầm cầu nguyện không có ai nhận ra gã. Những người khác giả vờ không nhận ra gã, và gã bắt đầu tận hưởng cuộc vui. Vừa tự chúc mừng

bản thân về mưu mẹo ngây ngô của mình xong thì một đối thủ xô rất mạnh làm gã khuỵu xuống. Ngay sau đó, lại một cú huých mạnh khác, và gã chợt hiểu kỳ thực họ đã nhận ra mình và đang lợi dụng sự cải trang của gã để cho phép mình huých cùi chỏ, ngáng và giã gã. Họ không hề muốn gã tham gia. Và khi gã vừa nhận ra điều đó, các đồng đội của gã đã kết hợp một cách đầy bản năng với đội bạn thành một đám đông hú hét và khát máu từ bốn phía xông vào gã với những lời chửi rủa thô tục và nắm đấm vung lên. Họ đánh gã ngã xuống, đá vào gã khi gã nằm dưới đất, lại tấn công khi gã mù quáng gắng gượng đứng lên. Gã lấy tay che mặt và không thấy gì hết. Tất cả điên cuồng đổ xô vào quật gã, đá gã, móc mắt gã, giày xéo gã. Gã bị đánh túi bụi lăn lóc ra mép hào đường sắt và bị đẩy trượt cắm đầu xuống hào. Dưới đáy hào, gã đứng dậy được, lập cập trèo lên bờ bên kia và loạng choạng bước đi dưới cơn mưa la ó và sỏi đá mà họ ném theo gã cho đến khi gã lảo đảo nấp vào sau lều cần vụ. Mối quan tâm tột bậc của gã trong suốt cuộc tấn công là làm sao giữ được kính râm và bộ ria giả để còn tiếp tục giả vờ là một người khác và tránh được tình huống đáng sợ là buộc phải đối mặt với họ trong vai trò thượng cấp.

Quay lại phòng làm việc, gã òa khóc; và khi khóc xong, gã đi rửa sạch máu khỏi miệng và mũi, kỳ hết đất cát ở những vết trầy xước trên má và trán, rồi gọi trung sĩ Towser vào.

“Từ giờ trở đi,” gã nói, “tôi không muốn bất cứ ai đến gặp tôi khi tôi đang ở đây. Rõ chưa?”

“Vâng, thưa sếp,” trung sĩ Towser nói. “Có tính cả tôi không ạ?”

“Có.”

“Tôi hiểu. Còn gì nữa không ạ?”

“Không.”

“Vậy tôi phải nói gì với những người tới gặp sếp khi sếp đang ở đây?”

“Nói rằng tôi đang ở đây và bảo họ chờ.”

“Vâng, thưa sếp. Chờ bao lâu ạ?”

“Đến khi tôi đi khỏi.”

“Và sau đó tôi phải làm gì với họ?”

“Tôi không quan tâm.”

“Tôi có được cho họ vào gặp sếp sau khi sếp đi khỏi không?”

“Được.”

“Nhưng khi đó sếp sẽ không còn ở đây nữa, phải không ạ?”

“Phải.”

“Vâng, thưa sếp. Còn gì nữa không ạ?”

“Không.”

“Vâng, thưa sếp.”

“Từ giờ trở đi,” thiếu tá Major nói với người lính đứng tuổi có nhiệm vụ chăm nom toa xe của gã. “Tôi không muốn anh vào đây khi tôi có mặt để hỏi xem tôi có gì cần anh làm không. Rõ chưa?”

“Vâng, thưa sếp,” bác cần vụ nói. “Khi nào tôi nên vào để xem có việc gì sếp cần tôi làm không?”

“Khi tôi vắng mặt.”

“Vâng thưa sếp. Và tôi phải làm gì ạ?”

“Bất cứ gì tôi bảo.”

“Nhưng sếp sẽ không có mặt để bảo tôi, phải không ạ?”

“Phải.”

“Thế thì tôi phải làm gì?”

“Bất cứ việc gì cần làm.”

“Vâng thưa sếp.”

“Chỉ có vậy thôi,” thiếu tá Major nói.

“Vâng, thưa sếp,” bác cần vụ nói. “Có vậy thôi ạ?”

“Không,” thiếu tá Major nói. “Cũng đừng vào dọn dẹp. Đừng vào làm bất cứ việc gì trừ phi anh chắc chắn rằng tôi không có mặt.”

“Vâng thưa sếp. Nhưng làm sao tôi chắc được?”

“Nếu không chắc, anh cứ coi như tôi đang ở đây và đi chỗ khác đến khi nào chắc. Rõ chưa?”

“Vâng, thưa sếp.”

“Tôi rất tiếc phải nói với anh như này, nhưng việc này là cần thiết. Tạm biệt.”

“Tạm biệt sếp.”

“Và cảm ơn anh. Vì tất cả.”

“Vâng, thưa sếp.”

“Từ giờ trở đi,” thiếu tá Major bảo Milo Minderbinder, “tôi sẽ không đến nhà ăn nữa. Anh hãy cho người mang thức ăn đến toa xe cho tôi.”

“Tôi nghĩ đó là một ý hay, thưa sếp,” Milo trả lời. “Như vậy tôi sẽ có thể phục vụ sếp những món đặc biệt mà người khác không thể

nào biết được. Tôi tin chắc sếp sẽ thích. Đại tá Cathcart lần nào cũng thích.”

“Tôi không cần món đặc biệt gì sất. Tôi muốn đúng những món anh nấu cho các sĩ quan khác. Chỉ cần dặn người đem đồ ăn đến gõ cửa một lần rồi để khay thức ăn trên bậc cửa. Rõ chưa?”

“Vâng, thưa sếp,” Milo nói. “Rõ lắm rồi ạ. Tôi có giấu vài con tôm hùm Maine để chiêu đãi sếp tối nay với salad Roquefort hảo hạng và hai bánh éclair đông lạnh vừa từ Paris tuồn đến hôm qua cùng với một nhân vật quan trọng của phong trào du kích Pháp. Mở đầu như vậy có được không ạ?”

“Không.”

“Vâng, thưa sếp. Tôi hiểu.”

Tối hôm đó Milo chiêu đãi gã tôm hùm Maine nướng với salad Roquefort hảo hạng và hai chiếc bánh éclair đông lạnh. Thiếu tá Major lấy làm khó chịu. Tuy nhiên, nếu gã trả lại thì nó sẽ vào thùng rác hoặc mồm ai đó, mà tôm hùm nướng vốn là điểm yếu của thiếu tá Major. Gã ăn trong cảm giác tội lỗi. Hôm sau bữa trưa có rùa Maryland và nguyên một chai Dom Pérignon 1937, và thiếu tá Major nốc hết chẳng nghĩ ngợi gì.

Sau Milo, chỉ còn lại những người ở phòng cần vụ, và thiếu tá Major tránh họ bằng cách ra vào qua ô cửa sổ nhựa ố bẩn ở văn phòng của gã. Ô cửa sổ không có chốt, thấp, rộng, và dễ nhảy qua từ cả hai phía. Gã giải quyết đoạn đường giữa lều cần vụ với toa xe của mình bằng cách phóng vọt qua góc lều khi không ai để ý, nhảy xuống đường ray rồi thấp đầu chạy thẳng đến khi có sự che chở của khu rừng. Đến ngang chỗ toa xe, gã leo lên khỏi hào và ngoằn ngoèo phóng về nhà xuyên qua những bụi cây rậm rạp. Người duy

nhất từng đụng đầu gã ở đây là đại úy Flume. Tay này, hốc hác như hồn ma, đã làm gã chết khiếp vào một buổi chiều tối khi đột ngột xuất hiện từ một bụi mâm xôi để tố cáo rằng thượng sĩ White Halfoat dọa rạch toang cổ họng Flume đến tận mang tai.

"Anh mà còn làm tôi hết hồn lần nữa," thiếu tá Major bảo gã, "thì *chính tôi* sẽ rạch toang cổ họng anh đến tận mang tai."

Đại úy Flume há hốc miệng và biến ngay vào bụi mâm xôi, và thiếu tá Major không bao giờ bắt gặp gã ta nữa.

Khi nhìn lại những thành quả đạt được, thiếu tá Major rất hài lòng. Giữa vài héc ta trên đất khách, với hơn hai trăm con người chen chúc, gã đã thành công trong việc trở thành một kẻ ẩn dật. Với một chút sáng tạo và tầm nhìn, gã đã biến việc nói chuyện với gã trở thành bất khả đối với bất kỳ ai trong phi đoàn. Gã nhận ra rằng với mọi người như thế thực ra lại rất ổn, vì cũng chẳng có ai muốn nói chuyện với gã. Và hóa ra là chẳng có ai thật, ngoài gã điên Yossarian, kẻ đã phi thân quật ngã gã khi gã lẩn mình dưới hào đường tàu chạy về để ăn trưa.

Kẻ trong phi đoàn mà thiếu tá Major không muốn bị phi thân quật ngã nhất là Yossarian. Ở Yossarian có gì đó bất hảo thuộc về bản chất, y suốt ngày lèm bèm một cách trơ trẽn về cái xác thậm chí không tồn tại trong lều của y, lại còn cởi hết quần áo sau trận Avignon và cứ thế tồng ngồng đi lại cho đến hôm tướng Dreedle bước xuống gắn huân chương cho y vì hành động anh hùng trong trận Ferrara và phát hiện ra y đứng trần truồng trong hàng. Không ai trên đời có quyền dọn đống đồ đạc bừa bộn của người chết khỏi lều của Yossarian. Thiếu tá Major đã đánh mất thẩm quyền ấy khi cho phép trung sĩ Towser báo cáo lên trên rằng viên trung úy bị giết trong

trận Orvieto chưa đầy hai giờ sau khi tới phi đoàn chưa từng đặt chân tới phi đoàn. Người duy nhất có quyền dọn đồ của anh ta ra khỏi lều của Yossarian, theo thiếu tá Major, chính là Yossarian, mà Yossarian, theo thiếu tá Major, không có quyền làm vậy.

Thiếu tá Major gầm gừ sau khi Yossarian phi thân quật ngã gã, và cố giãy giụa để đứng lên. Yossarian không để gã làm vậy.

"Đại úy Yossarian," Yossarian nói, "xin phép được báo cáo thiếu tá ngay lập tức về một việc mang tính sống còn."

"Cho tôi dậy đã," thiếu tá Major cáu kỉnh ra lệnh. "Tôi không thể chào lại anh khi đang nằm đè lên tay mình."

Yossarian buông gã ra. Họ từ từ đứng dậy. Yossarian chào lần nữa và nhắc lại lời thỉnh cầu.

"Vào phòng làm việc của tôi đi," thiếu tá Major nói. "Tôi không nghĩ đây là chỗ phù hợp nhất để nói chuyện."

"Vâng, thưa sếp," Yossarian trả lời.

Họ giũ đá dăm khỏi quần áo và căng thẳng im lặng bước đi về cửa phòng cần vụ.

"Cho tôi một hai phút để bôi thuốc đỏ vào những vết xước này. Rồi anh bảo trung sĩ Towser cho anh vào."

"Vâng, thưa sếp."

Thiếu tá Major đường hoàng sải bước tới cuối phòng cần vụ mà không hề liếc nhìn bất kỳ thư ký hay nhân viên đánh máy nào đang làm việc tại bàn hoặc tủ tài liệu. Gã để cho tấm rèm dẫn vào phòng làm việc của mình buông xuống sau lưng. Ngay khi còn một mình trong phòng, gã lao thẳng đến cửa sổ để nhảy ra ngoài phóng đi. Gã

gặp Yossarian chắn đường. Yossarian đang đứng đợi ở tư thế nghiêm và lại giơ tay chào.

“Đại úy Yossarian xin phép được báo cáo thiếu tá ngay lập tức về một việc mang tính sống còn,” gã nhắc lại đầy quả quyết.

“Yêu cầu bị từ chối,” thiếu tá Major bật lại.

“Tôi không chấp nhận.”

Thiếu tá Major nhượng bộ. “Được rồi,” gã yếu ớt đầu hàng.

“Tôi sẽ nói chuyện với anh. Tạt vào văn phòng tôi đi.”

“Mời sếp đi trước.”

Họ tạt vào phòng. Thiếu tá Major ngồi xuống, còn Yossarian đi lại trước bàn làm việc của gã và bảo rằng y không muốn thực hiện cuộc oanh kích nào nữa. Mình làm được gì đây? Thiếu tá Major tự hỏi bản thân. Tất cả những gì gã có thể làm là phục tùng chỉ đạo của trung tá Korn và hy vọng ở điều tốt đẹp nhất.

“Sao lại không?” gã hỏi.

“Tôi sợ.”

“Không có gì đáng xấu hổ cả,” thiếu tá Major ân cần khuyên bảo. “Tất cả chúng ta đều sợ.”

“Tôi không xấu hổ,” Yossarian nói. “Tôi chỉ sợ.”

“Chỉ có người không bình thường mới không bao giờ thấy sợ. Ngay cả những người can đảm nhất cũng từng trải qua cảm giác sợ hãi. Một trong những nhiệm vụ lớn lao nhất chúng ta phải đối mặt khi ra trận là vượt qua nỗi sợ.”

“Ồ, thôi nào, thiếu tá. Ta có thể bỏ qua mấy thứ rởm đời ấy được không?”

Thiếu tá Major bẽn lẽn nhìn xuống và vặn vẹo ngón tay. “Anh muốn tôi nói gì với anh bây giờ?”

“Rằng tôi đã làm đủ số nhiệm vụ và có thể về nhà.”

“Anh đã bay bao nhiêu lượt rồi?”

“Năm mươi mốt.”

“Anh chỉ cần bay bốn lượt nữa là đủ.”

“Ông ta sẽ tăng lên. Mỗi lần tôi sắp đủ ông ta lại tăng lên.”

“Biết đâu lần này thì không.”

“Đã bao giờ ông ta cho ai về đâu. Ông ta cứ giữ họ lại chờ lệnh luân chuyển, đến khi các phi hành đoàn thiếu người, ông ta liền tăng số lượt bay lên và quẳng tất cả trở lại chiến trường. Ông ta đã luôn làm vậy từ khi tới đây.”

“Anh không được đổ lỗi cho đại tá Cathcart vì lệnh luân chuyển đến chậm,” thiếu tá Major khuyên. “Trách nhiệm của Không lực Hai mươi bảy là phải giải quyết các lệnh điều động ngay khi nhận được.”

“Đại tá vẫn có thể đòi người thay thế và cho chúng tôi về nhà khi lệnh luân chuyển được phê chuẩn. Mà theo tôi biết Không lực Hai mươi bảy chỉ yêu cầu bốn mươi nhiệm vụ và vụ năm mươi lăm lượt này chỉ là ý riêng của đại tá.”

“Tôi không biết gì về chuyện đó cả,” thiếu tá Major trả lời. “Đại tá Cathcart là sĩ quan chỉ huy của ta và ta phải tuân lệnh đại tá. Tại sao anh không bay thêm nốt bốn lượt nữa xem thế nào?”

“Tôi không muốn.”

Ta có thể làm gì đây? Thiếu tá Major tự hỏi mình lần nữa. Ta có thể làm gì với một kẻ dám nhìn thẳng vào mắt ta và nói rằng y thà chết còn hơn bỏ mạng trên chiến trường, một kẻ chín chắn và thông minh ít nhất cũng bằng ta mà ta phải giả vờ là không bằng? Ta có thể nói gì với y?

"Giả sử cho anh chọn và anh sẽ chỉ phải đi đưa sữa," thiếu tá Major nói. "Như vậy anh có thể bay bốn lượt mà không phải mạo hiểm chút nào."

"Tôi không muốn đi đưa sữa. Tôi không muốn tham chiến nữa."

"Anh muốn thấy tổ quốc mình thua trận sao?" thiếu tá Major hỏi.

"Chúng ta sẽ không thua. Chúng ta có nhiều quân hơn, nhiều tiền hơn, nhiều của cải hơn. Có mười triệu người lính có thể thay thế tôi. Có những kẻ đang thí mạng trong khi rất nhiều kẻ khác đang hái ra tiền và chơi bời thỏa thích. Cứ mặc cho thằng khác đi chết."

"Nhưng nếu phe ta ai cũng nghĩ vậy thì sao?"

"Thì tôi chắc chắn sẽ là thằng đại ngu khi nghĩ khác đi, phải không?"

Ta có thể nói gì với gã này được đây? Thiếu tá Major day dứt. Một điều gã không thể nói là gã chẳng thể làm được gì cả. Nói rằng gã chẳng thể làm được gì cả tức là ngụ ý rằng gã sẽ làm một điều gì đó nếu có thể và ám chỉ rằng chính sách của trung tá Korn có sự bất công. Trung tá Korn đã hết sức rạch rời về điều đó. Gã không bao giờ được phép nói rằng gã chẳng thể làm được gì cả.

"Tôi rất tiếc," gã nói. "Nhưng tôi chẳng thể làm được gì cả."

10 WINTERGREEN

Clevinger đã chết. Đó là thiếu sót cơ bản trong triết lý sống của gã. Mười tám máy bay hạ độ cao qua một đám mây trắng xóa ngoài khơi Elba vào một buổi chiều trên đường về sau chuyến đưa sữa hằng tuần tới Parma; chỉ có mười bảy chiếc thoát ra khỏi đám mây đó. Không tìm thấy chút dấu vết nào của chiếc còn lại, dù ở trên trời hay dưới mặt nước phẳng lặng màu ngọc bích. Không một mảnh vụn. Các máy bay trực thăng đã lượn vòng quanh đám mây trắng cho đến tận lúc mặt trời lặn. Đến đêm thì đám mây bị thổi đi, và đến sáng thì không còn Clevinger nữa.

Vụ biến mất đó quả là kinh hoàng, chắc chắn cũng kinh hoàng như Âm Mưu Vĩ Đại ở Lowery Field, khi tất cả sáu mươi tư người trong một doanh trại đã biến mất đúng vào ngày lĩnh lương và không bao giờ còn được nghe đến nữa. Trước khi Clevinger bị bắt cóc khỏi sự tồn tại một cách tài tình như thế, Yossarian đã cho rằng mấy gã đó đơn giản là đã đồng lòng quyết định cùng nghỉ không phép một hôm. Thực ra, y đã rất phấn khích trước vụ này, có vẻ như một vụ bỏ trốn tập thể khỏi bổn phận thiêng liêng, tới mức y đã hân hoan chạy ra ngoài báo tin cho cựu binh nhất Wintergreen.

“Thế chuyện đó có gì mà hứng thú đến vậy?” cựu binh nhất Wintergreen nhếch mép cười khinh bỉ, gác chiếc giày quân đội bẩn thỉu lên cái thuổng và cáu kỉnh uể oải ngả lưng vào thành của một

trong những chiếc hố vuông sâu mà đào chúng là chuyên môn quân sự của gã.

Cựu binh nhất Wintergreen là một gã ma lanh nhỏ thó thích sự mâu thuẫn. Lần nào trốn đi nghỉ không phép thì gã lại bị tóm và bị phạt phải đào rồi lấp những hố sâu, dài và rộng đều mét tám trong một khoảng thời gian tòa quy định. Mỗi khi hoàn thành án phạt, gã sẽ lại trốn đi nghỉ không phép. Cựu binh nhất Wintergreen chấp nhận vai trò đào và lấp hố với lòng tận tụy không oán than của một người yêu nước đích thực.

“Sống thế này cũng đâu có tệ,” gã nhận xét đầy vẻ triết lý. “Và chắc là phải có ai đó làm việc này chứ.”

Một mặt, gã đã đủ khôn để hiểu rằng trong thời chiến thì đào hố ở Colorado không phải là một nhiệm vụ gì tệ lắm. Bởi vì nhu cầu về hố cũng không lớn lắm nên gã có thể đào và lấp với một tốc độ thư thái, và hiếm khi gã làm quá sức. Nhưng mặt khác cứ bị ra tòa án binh thì gã lại bị giáng cấp xuống thành binh bét. Gã tiếc đứt ruột về chuyện bị giáng cấp này.

“Làm binh nhất quả là rất thú vị,” gã tha thiết hồi tưởng. “Tôi từng có một chức danh - anh biết ý tôi rồi đấy - và tôi từng ở trong những nhóm người xuất sắc nhất.” Mặt gã tối sầm lại đầy vẻ cam chịu. “Nhưng giờ thì tất cả đều đã không còn nữa,” gã nói. “Lần tiếp theo tôi vượt rào thì sẽ chỉ còn dưới tư cách của một thằng binh bét, và tôi biết là sẽ không còn được như trước nữa.” Đào hố thì chẳng có tương lai gì. “Nghề này thậm chí còn chẳng ổn định. Cứ thi hành án phạt xong là tôi lại mất việc. Sau đó muốn có lại việc ấy thì tôi lại phải vượt rào. Và thậm chí tôi còn không thể làm như thế mãi được. Có một cái bẫy. Bẫy-22. Tôi mà vượt rào lần nữa thì sẽ bị giam trong

quân lao. Tôi không biết tôi sẽ thành ra cái gì. Không cẩn thận thì có khi tôi còn bị điều ra nước ngoài.” Gã không muốn cứ phải đào hố suốt đời, mặc dù chừng nào còn đang có chiến tranh thì gã cũng không phản đối và coi đó là một phần đóng góp cho chiến thắng. “Đó là vấn đề nghĩa vụ,” gã nhận xét, “mỗi người chúng ta đều có nhiệm vụ riêng phải thực hiện. Nhiệm vụ của tôi là liên tục đào hố, và tôi đã làm tốt tới mức tôi vừa được đề nghị được trao huân chương Hạnh Kiểm Tốt. Nhiệm vụ của anh là lang chạ quanh trường sĩ quan và hy vọng chiến tranh sẽ kết thúc trước khi anh tốt nghiệp. Nhiệm vụ của những người lính ở ngoài chiến trường là chiến thắng, và tôi chỉ mong họ làm nhiệm vụ của họ cũng tốt như tôi đang làm nhiệm vụ của tôi đây. Sẽ là không công bằng nếu như tôi phải ra nước ngoài và thực hiện nhiệm vụ của họ, có phải không?”

Một ngày kia, cựu binh nhất Wintergreen đục vỡ một đường ống nước khi đang đào hố và suýt chết đuối trước khi được câu lên trong trạng thái gần như bất tỉnh. Có tin đồn rằng đó chính là dầu, và thượng sĩ White Halfoat đã bị tống cổ khỏi căn cứ. Chẳng mấy chốc tất cả những ai kiếm được xẻng đều xông ra đào như điên để tìm dầu. Đất bụi bay tứ tung; cảnh tượng đó gần như giống hệt buổi sáng ở Pianosa bảy tháng sau đó sau đêm Milo ném bom cả phi đoàn với tất cả máy bay mà gã tích trữ được trong xanh đi ca M&M của mình, cũng như sân bay, kho đạn và gara sửa chữa máy bay, và tất cả những người còn sống sót đều đổ ra ngoài dùng cuốc chim bổ xuống mặt đất rắn chắc để đào hố trú ẩn, phủ lên đó những miếng giáp được chôm từ kho đựng đồ sửa chữa ở sân bay và những vuông vải bạt chống nước tả tơi vốn là tấm che cửa sổ lều chôm được của nhau. Thượng sĩ White Halfoat bị điều đi khỏi Colorado

ngay khi có tin đồn đầu tiên về dầu và cuối cùng đã nghỉ chân ở Pianosa với tư cách là người đến thay cho trung úy Coombs, tay này đã ra trận với tư cách là khách mời chỉ để xem chiến trường thế nào và đã chết trên bầu trời Ferrara trong cùng máy bay với Kraft. Lần nào nhớ đến Kraft, Yossarian cũng cảm thấy tội lỗi, tội lỗi là bởi vì Kraft đã bị giết khi Yossarian yêu cầu quay lại lần thứ hai để ném bom, và tội lỗi là bởi vì Kraft đã phải bối rối đầy vô tội trong Cuộc Nổi Dậy Atabrine Huy Hoàng khởi đầu ở Puerto Rico trong giai đoạn đầu của chuyến bay đầu tiên của bọn họ ra nước ngoài và kết thúc ở Pianosa mười ngày sau đó với việc Appleby nghiêm trang sải bước vào phòng cần vụ để báo cáo về việc Yossarian từ chối uống thuốc Atabrine. Viên trung sĩ ở đó đã mời gã ngồi xuống.

"Cảm ơn anh, trung sĩ, tôi nghĩ là tôi sẽ ngồi," Appleby nói. "Tôi sẽ phải đợi khoảng bao lâu nữa? Tôi vẫn còn rất nhiều việc phải làm trong ngày hôm nay để sáng mai tôi có thể hoàn toàn sẵn sàng và khỏe mạnh để ra chiến trường ngay khi cần."

"Gì cơ sếp?"

"Cái gì cơ, trung sĩ?"

"Câu hỏi của sếp là gì?"

"Tôi sẽ phải đợi khoảng bao lâu nữa thì mới có thể vào gặp thiếu tá được?"

"Chỉ cần đợi đến khi ông ấy đi ra ngoài ăn trưa là được," trung sĩ Towser đáp lời. "Sau đó thì anh có thể vào ngay."

"Nhưng ông ấy sẽ không còn ở đó nữa, có phải không?"

"Phải, thưa sếp. Thiếu tá Major sẽ không quay lại phòng làm việc của mình cho đến sau bữa trưa."

“Tôi hiểu rồi,” Appleby quyết định một cách đầy băn khoăn. “Thế chắc là tôi nên quay lại sau bữa trưa thì hơn.”

Appleby bối rối ra khỏi phòng cần vụ. Vừa bước ra ngoài, gã nghĩ là gã đã nhìn thấy một sĩ quan cao, đen trông hơi giống Henry Fonda vừa nhảy ra khỏi cửa sổ lều cần vụ và lỉnh đi mất hút sau góc lều. Appleby dừng khựng lại nheo mắt. Một mối ngờ vực đầy lo âu tấn công gã. Gã tự hỏi liệu có phải gã đã phát bệnh sốt rét rồi không, hoặc tệ hơn, là đã phát bệnh vì Atabrine quá liều. Appleby đã uống Atabrine gấp bốn lần liều kê đơn vì gã muốn trở thành phi công giỏi gấp bốn lần những phi công khác. Mắt gã vẫn còn nhắm tịt khi trung sĩ Towser vỗ nhẹ lên vai và bảo với gã rằng gã có thể vào nếu muốn bởi vì thiếu tá Major vừa đi ra ngoài rồi. Lòng tự tin của Appleby đã quay trở lại.

“Cảm ơn anh, trung sĩ. Ông ấy sẽ sớm quay về chứ?”

“Ông ấy sẽ quay về ngay sau bữa trưa. Khi đó anh sẽ phải đi ra ngoài ngay lập tức và đợi ở ngoài cửa cho đến khi ông ấy rời đi ăn bữa tối. Thiếu tá Major không gặp bất cứ ai ở trong phòng làm việc khi ông ấy đang có mặt ở đó.”

“Trung sĩ, anh vừa nói gì vậy?”

“Tôi nói rằng thiếu tá Major không gặp bất cứ ai trong phòng làm việc khi ông ấy đang có mặt ở đó.”

Appleby trừng mắt nhìn trung sĩ Towser và thử lại lần nữa với vẻ nghiêm túc. “Trung sĩ này, có phải anh đang cố lừa tôi bởi vì tôi mới đến phi đoàn này còn anh đã ở đây lâu rồi không?”

“Ồ không thưa sếp,” viên trung sĩ kính cẩn trả lời. “Đó là chỉ thị được giao cho tôi. Anh có thể hỏi thiếu tá Major khi anh gặp ông ấy.”

“Đó chính là điều tôi định làm, trung sĩ. Khi nào tôi có thể gặp được ông ấy?”

“Không bao giờ.”

Mặt đỏ tía tai vì bẽ bàng, Appleby viết báo cáo về Yossarian và những viên thuốc Atabrine lên một tờ giấy mà trung sĩ đã đưa cho, rồi nhanh chóng rời đi, tự nhủ rằng hình như Yossarian không phải là kẻ duy nhất ở đây mặc quân phục sĩ quan mà lại bị điên.

Đến khi đại tá Cathcart tăng số nhiệm vụ lên năm mươi lăm thì trung sĩ Towser đã bắt đầu ngờ rằng hình như tất cả những ai mặc quân phục sĩ quan ở đây đều bị điên. Trung sĩ Towser là một gã gầy gò xương xẩu tóc vàng nhạt tới mức gần như không màu, má hóp và răng to như kẹo dẻo trắng. Gã là người điều hành cả phi đoàn này và chẳng vui vẻ gì khi phải làm việc đó. Những người như Hungry Joe quắc mắt nhìn gã đầy căm thù buộc tội, và Appleby bắt gã phải gánh chịu sự đối xử thô lỗ thù địch khi giờ gã đã vững chắc trở thành một phi công giỏi và một tay vợt bóng bàn chưa thua ai điểm nào. Trung sĩ Towser điều hành cả phi đoàn này bởi vì không có ai khác điều hành nó. Gã cũng chẳng quan tâm đến chiến tranh hay việc thăng tiến. Gã chỉ quan tâm đến những con bọ cánh cứng và đồ gỗ Hepplewhite.

Từ lúc nào không biết, trung sĩ Towser đã rơi vào thói quen nghĩ về người chết ở trong lều của Yossarian theo đúng lối nghĩ của Yossarian - một xác chết ở trong lều của Yossarian. Thực ra thì không phải là như vậy. Anh ta chỉ đơn giản là một phi công thay thế đã bị giết ngoài chiến trường trước khi chính thức trình diện nhận nhiệm vụ. Anh ta đã dừng lại ở lều điều hành để hỏi đường tới lều cần vụ và đã bị điều ra chiến trường ngay khi đó bởi vì đã có quá

nhiều người bay đủ ba mươi lăm nhiệm vụ theo tiêu chuẩn ngày đó tới mức đại úy Piltchard và đại úy Wren không gom được đủ người cho các phi hành đoàn theo quy định của liên đoàn bay. Bởi vì anh ta chưa bao giờ chính thức gia nhập phi đoàn, nên anh ta cũng không bao giờ có thể chính thức rời đi, và trung sĩ Towser có cảm giác rằng những thư tín có liên quan tới gã trai xấu số đó sẽ mãi mãi bị đẩy qua đẩy lại như vậy.

Tên anh ta là Mudd. Đối với trung sĩ Towser, người luôn có ác cảm với bạo lực và sự lãng phí, thì không có gì phí phạm hơn việc đưa Mudd bay suốt một chặng đường dài qua đại dương chỉ để bị nổ tung thành từng mảnh trên bầu trời Orvieto chưa đầy hai giờ sau khi anh ta tới phi đoàn. Không ai nhớ được anh ta là ai và trông anh ta như thế nào, đại úy Piltchard và đại úy Wren thì lại càng không, hai gã này chỉ nhớ được rằng có một sĩ quan mới đã xuất hiện ở lều điều hành vừa đúng lúc để bị giết và cả hai đều đỏ ửng mặt bối rối mỗi khi câu chuyện về xác chết trong lều của Yossarian được nhắc lại. Những người duy nhất có thể đã thấy Mudd, những người trên cùng máy bay đó, đều đã bị nổ tan xác cùng với anh ta.

Yossarian, trái lại, biết chính xác Mudd là ai. Mudd là một người lính xa lạ đã không có một cơ hội nào cả, bởi vì đó là điều duy nhất mà mọi người biết về tất cả những người lính xa lạ - họ đều không có một cơ hội nào cả. Họ phải chết. Và người chết này thực sự xa lạ, mặc dù đồ đạc của anh ta vẫn nằm nguyên một đống ở trên giường xếp trong lều của Yossarian, gần như không thay đổi gì kể từ khi anh ta vứt chúng lại đó ba tháng trước vào cái ngày anh ta đến mà không bao giờ được ghi nhận là đã đến - tất cả đều dính đầy chết chóc chỉ chưa đầy hai giờ sau đó, cũng giống như tất cả đều dính đầy chết chóc sau đó một tuần trong Trận Vây Thành Bologna

Vĩ Đại khi mùi thối rữa của cái chết giăng ướt nhẹp trong không khí cùng lớp sương mù mùi lưu huỳnh và thế là tất cả những ai theo lịch bay ra trận đó đều đã ngấm đẫm.

Không thể trốn được trận Bologna một khi đại tá Cathcart đã xung phong điều liên đoàn bay của mình tới đánh những kho đạn dược mà những máy bay ném bom hạng nặng ở lục địa Ý đã không thể phá hủy được vì chúng phải bay rất cao ở trên. Mỗi ngày chờ đợi đều đào sâu hơn ý thức về việc họ sắp phải bay trận ấy và đào sâu hơn nỗi u sầu. Niềm tin mãnh liệt và dai dẳng rằng cái chết sắp đến đã đều đặn phát tán cùng những trận mưa không ngớt, độc địa ngấm vào bộ dạng ốm yếu của từng người như vết ăn mòn của một căn bệnh đang len lỏi. Tất cả mọi người đều bốc mùi formaldehyde. Không có chỗ nào để cầu cứu, ngay lều quân y cũng không, bởi vì trung tá Korn đã ra lệnh đóng cửa lều quân y để không ai có thể báo ốm như khi tất cả bọn họ báo ốm vào một ngày không mưa vì mắc phải một thứ dịch tả bí hiểm nào đấy khiến họ lại phải hoãn bay thêm một lần. Khi các vụ báo ốm bị đình chỉ và cửa lều quân y bị đóng đinh khóa chặt, bác sĩ Daneeka đã tranh thủ những lúc tạnh mưa để ngồi chênh vênh trên chiếc ghế đẩu cao, lặng lẽ thấm thía cơn bùng phát lạnh lẽo của nỗi sợ hãi với một thái độ trung lập não nề, ngủ gật như một chú diều mốc u sầu dưới một bảng hiệu viết tay báo điềm gở do đại úy Black dán đùa vào cánh cửa đã đóng của lều quân y nhưng bác sĩ Daneeka cứ để đó bởi vì nó không phải là một trò đùa. Tấm bảng được đóng khung bằng phấn màu đen và có nội dung: “ĐÓNG CỬA CHO ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO SAU. GIA ĐÌNH CÓ NGƯỜI CHẾT.”

Nỗi sợ hãi tràn ngập khắp nơi, đến tận phi đoàn của Dunbar, Dunbar thò đầu vào hóng qua cửa lều quân y giữa một buổi chiều

nhập nhoạng và kính cẩn nói với hình thù mờ ảo là bác sĩ Stubbs đang ngồi trong bóng tối đặc quánh bên trong trước một chai whisky và một bình thủy tinh đựng đầy nước lọc tinh khiết.

"Ông ổn chứ?" gã hỏi đầy vẻ quan tâm lo lắng.

"Kinh khủng," bác sĩ Stubbs trả lời.

"Ông đang làm gì ở đây vậy?"

"Đang ngồi."

"Tôi cứ tưởng là không có ai báo ốm nữa."

"Đúng vậy."

"Thế thì sao ông vẫn ngồi đây?"

"Tôi có thể ngồi được ở đâu nữa? Không lẽ lại ở câu lạc bộ sĩ quan chết tiệt cùng với đại tá Cathcart và trung tá Korn? Anh có biết tôi đang làm gì ở đây không?"

"Đang ngồi."

"Ở phi đoàn này, ý tôi là vậy. Không phải ở trong lều. Đừng có mà tài lanh. Anh có thể hiểu được một bác sĩ thì phải làm gì ở phi đoàn này không?"

"Ở các phi đoàn khác thì họ cần phải đóng chặt cửa lều quân y lại," Dunbar nhận xét.

"Nếu có bất cứ ai bị ốm bước qua cửa này thì tôi sẽ cho anh ta ở lại mặt đất," bác sĩ Stubbs thề. "Tôi đếch thèm quan tâm xem bọn họ nói gì nữa."

"Ông không thể cho bất cứ ai ở lại mặt đất," Dunbar nhắc. "Ông không biết có lệnh à?"

“Tôi sẽ tiêm một phát cho anh ta đo ván rồi cho anh ta nghỉ bay luôn.” Bác sĩ Stubbs phá lên cười nhạo báng khi nghĩ về triển vọng đó. “Họ nghĩ họ có thể ra lệnh xóa sổ chuyện báo ốm mà được à. Bọn khốn nạn. Ồ, lại tiếp tục này.” Mưa lại tiếp tục rơi, đầu tiên là xuống cây cối, sau thì xuống những vũng bùn, rồi, nhẹ nhàng, như những tiếng thì thầm an ủi, lên nóc lều. “Cái gì cũng ướt nhẹp,” bác sĩ Stubbs nhận xét đầy ghê tởm. “Ngay cả hố tiêu và hố tiểu cũng tắc để phản đối. Cả thế giới khốn nạn này đang bốc mùi như một nhà mồ.”

Sự im lặng dường như không đáy khi ông dứt lời. Đêm xuống. Cảm giác cô độc mênh mông.

“Ông bật đèn lên đi,” Dunbar gợi ý.

“Không có đèn. Tôi không muốn bật máy phát điện. Tôi từng rất hào hứng với việc cứu mạng người. Giờ tôi tự hỏi điều đó thì có nghĩa lý quái gì đây, bởi vì đằng nào tất cả bọn họ chẳng phải chết.”

“Ồ, có nghĩa lý chứ, có mà,” Dunbar vỗ về ông.

“Có ư? Nghĩa lý gì vậy?”

“Nghĩa lý ở đây là ông phải cố giữ cho bọn họ đừng chết càng lâu càng tốt.”

“Ừ, nhưng vậy có nghĩa lý gì, bởi vì đằng nào tất cả bọn họ chẳng phải chết?”

“Bí quyết là đừng có nghĩ về điều đó.”

“Vứt béng cái bí quyết đó đi. Thế nghĩa lý là cái quái gì vậy?” Dunbar lặng im trầm ngâm một lúc. “Bố ai mà biết được?” Dunbar không biết. Bologna đáng ra phải khiến cho Dunbar vui vẻ mới đúng,

bởi vì ở đây phút thì chần chừ trôi đi còn giờ thì lê thê như thế kỷ. Nhưng thay vì thế, nó lại hành hạ gã, bởi vì gã biết mình sắp bị giết.

"Anh muốn có thêm codeine thật à?" bác sĩ Stubbs hỏi.

"Đó là cho Yossarian bạn tôi. Anh ta chắc chắn mình sẽ bị giết."

"Yossarian ư? Yossarian là thằng quái quỷ nào vậy? Mà tên kiểu quái gì mà lại là Yossarian? Có phải anh ta là thằng cha say khướt và gây sự với trung tá Korn ở câu lạc bộ sĩ quan bữa trước không?"

"Đúng rồi. Anh ta là giống Assyria."

"Hóa ra là thằng khốn điên khùng ấy."

"Anh ta không điên lắm đâu," Dunbar nói. "Anh ta thề sẽ không bay tới Bologna."

"Tôi cũng có ý đó," bác sĩ Stubbs đáp. "Tên khốn điên khùng đó có lẽ là kẻ tỉnh táo duy nhất còn sót lại."

11 ĐẠI ÚY BLACK

Họa sĩ Kolodny biết tin sau khi nhận một cú điện thoại từ liên đoàn và gã đã choáng váng tới mức phải rón rén đi qua lều quân báo đến chỗ đại úy Black đang gà gật thượng cả hai cẳng chân khẳng khiu lên bàn mà choáng váng thì thào báo tin.

Mặt đại úy Black bừng sáng ngay lập tức. “Bologna ư?” gã sung sướng reo lên. “Ôi quỷ tha ma bắt tôi đi.” Gã phá lên cười. “Bologna hử?” Gã lại cười to và lắc đầu ngạc nhiên khoan khoái. “Trời ạ! Tôi nóng lòng muốn thấy mặt mấy tên chết tiệt đó khi biết mình sẽ phải tới Bologna quá. Ha, ha, ha!”

Đó là trận cười thỏa thuê đầu tiên mà đại úy Black có được kể từ ngày bị thiếu tá Major vượt tài láu cá để giành mất chức phi đoàn trưởng, gã bèn phấn khởi lờ đờ vươn vai và nghiêm ngắn vào vị trí sau bàn để có thể tận hưởng hết niềm vui sướng khi đám cắt bom tới nhận bản đồ tác chiến.

“Đúng rồi đó, đồ chết tiệt ạ, là Bologna,” gã lặp lại câu nói này tới bất cứ người cắt bom nào còn ngờ vực thắc mắc xem liệu có đúng là họ sắp phải bay tới Bologna không. “Ha! Ha! Ha! Ngậm bồ hòn đi thôi, đồ chết tiệt ơi. Lần này thì các anh sắp được nếm mùi thật rồi.”

Đại úy Black theo chân từng người ra ngoài cho tới tận người cuối cùng để khoái trá quan sát hiệu ứng của tin này lên bọn họ, cả sĩ quan lẫn lính trơn, mũ sắt, dù, áo giáp đầy đủ, tập hợp quanh bốn chiếc xe tải đang nổ máy chờ ở khu trung tâm doanh trại. Gã là một kẻ muộn phiền cao, gầy, luôn đi cùng vẻ lờ phờ bực dọc. Cứ ba, bốn ngày gã lại cạo khuôn mặt choắt tái nhợt của mình một lần, và gần như lúc nào trông gã cũng như đang nuôi một bộ ria màu hung trên bờ môi trên mỏng dính. Quang cảnh bên ngoài đã không khiến gã thất vọng. Nỗi khiếp sợ phủ bóng tối lên mọi nét mặt, và đại úy Black khoan khoái ngáp, dụi chút ngái ngủ cuối cùng ra khỏi mắt và phá lên cười hả hê mỗi lần gã bảo ai đó ngậm bồ hòn đi.

Bologna hóa ra lại là sự kiện đáng tưởng thưởng nhất trong đời đại úy Black kể từ khi thiếu tá Duluth bị giết trên bầu trời Perugia và suýt thì gã đã được chọn làm người thay thế vị trí của Duluth. Khi tin về cái chết của thiếu tá Duluth được điện báo về, đại úy Black đã đáp lại với niềm vui sướng dâng trào. Mặc dù trước đó chưa từng nghĩ về khả năng này, nhưng đại úy Black ngay lập tức hiểu ra rằng gã là người kế cận hợp lý nhất để thay thế thiếu tá Duluth cho chức phi đoàn trưởng. Cần phải nói rằng, gã là sĩ quan quân báo của phi đoàn, điều này có nghĩa rằng gã thông minh nhất phi đoàn[29]. Đúng là gã đã không trực tiếp tham chiến như thiếu tá Duluth hay như tất cả các phi đoàn trưởng khác theo thông lệ; nhưng đây cũng chính là một ưu điểm quan trọng của gã, do cuộc sống của gã không gặp nguy hiểm nên gã có thể đảm đương nhiệm vụ này mãi mãi, miễn là đất nước cần. Càng suy nghĩ đại úy Black càng cảm thấy dường như chuyện gã được kế nhiệm là không thể tránh khỏi. Vấn đề chỉ còn là nhanh chóng buông vài lời đúng đắn tới đúng chỗ. Gã đã vội vàng quay trở lại phòng làm việc của mình để vạch ra kế hoạch

hành động. Vào lại tư thế quen thuộc trên chiếc ghế xoay, chân gác lên bàn và nhắm mắt lại, gã bắt đầu tưởng tượng xem mọi thứ sẽ đẹp đẽ ra sao khi gã trở thành phi đoàn trưởng.

Trong khi đại úy Black còn đang tưởng tượng, đại tá Cathcart đã hành động, và đại úy Black đã phải lặng đi vì kinh ngạc trước tốc độ, gã kết luận, mà thiếu tá Major đã vượt mặt gã. Nỗi thất vọng lớn lao khi nghe tin bổ nhiệm thiếu tá Major làm phi đoàn trưởng bèn được tô điểm thêm bằng sự cay cú mà gã chẳng buồn che giấu. Khi các sĩ quan quản lý đồng sự biểu lộ sự kinh ngạc trước việc đại tá Cathcart bổ nhiệm thiếu tá Major, đại úy Black liền thẽ thọt rằng có gì đó sai trái đang diễn ra; đến khi họ bàn tán về việc lập trường chính trị của thiếu tá Major có vẻ hơi giống với Henry Fonda, đại úy Black liền khẳng định thiếu tá Major chính là Henry Fonda; và khi họ nhận xét rằng thiếu tá Major có vẻ hơi lập dị thì đại úy Black đã tuyên bố rằng Major chính là một tên cộng sản.

“Bọn họ đã chiếm được tất cả mọi thứ,” gã tuyên bố loạn lên. “Được thôi, nếu muốn thì các anh cứ việc đứng tránh qua một bên và mặc cho bọn họ hoành hành, nhưng tôi thì không. Tôi sẽ xử lý chuyện này. Từ giờ trở đi tôi sẽ bắt bất kỳ kẻ chết tiệt nào đến lều quân báo của tôi đều phải ký một lời thề trung thành. Nhưng tôi sẽ không cho tên khốn thiếu tá Major đó được ký ngay cả khi gã muốn.”

Gần như chỉ trong một đêm, Cuộc Thánh Chiến Lời Thề Trung Thành Vinh Quang đã nở hoa rực rỡ, và đại úy Black sung sướng vô ngần khi phát hiện ra chính gã là ngọn giáo đi đầu. Gã đã thực sự phát minh ra điều gì đó có ý nghĩa. Tất cả lính trơn và sĩ quan mỗi khi ra trận đều phải tới lều quân báo ký một lời thề trung thành thì mới được cấp cho túi bản đồ, phải ký lời thề thứ hai để có được bộ

áo giáp chống đạn và dù, và phải ký lời thề thứ ba thì mới được trung úy Balkington, sĩ quan chỉ huy đội xe, cho phép lên xe đi từ phi đoàn tới sân bay. Mỗi lần có việc thì họ lại phải ký một lời thề trung thành. Họ phải ký lời thề trung thành để được lĩnh lương từ sĩ quan tài vụ, để được cấp quân dụng, để được cắt tóc bởi thợ cắt người Ý. Đối với đại úy Black, mọi viên sĩ quan ủng hộ Cuộc Thánh Chiến Lời Thề Trung Thành Vinh Quang của gã đều là một đối thủ, và gã dành cả hai mươi bốn giờ mỗi ngày để lập mưu, lên kế hoạch sao cho luôn có thể đi trước đối thủ một bước. Lòng tận tụy với tổ quốc của gã không chịu đứng sau bất cứ ai. Khi những sĩ quan khác đã nghe theo lời thúc giục của gã và lập ra những lời thề trung thành mới của riêng họ, thì gã lại làm tốt hơn nữa bằng cách bắt tất cả những kẻ khốn kiếp ló mặt tới lều quân báo phải ký hai lời thề trung thành, sau đó là ba, rồi bốn; sau đó gã lại đưa ra cam kết trung kiên, sau đó là bài “The Star-Spangled Banner”(30), một đoạn, hai đoạn, ba đoạn, bốn đoạn. Mỗi khi vượt lên trước những đối thủ của mình, đại úy Black đều miệt thị bọn họ vì đã không theo kịp tấm gương mà gã đã nêu. Mỗi khi họ noi gương gã, thì gã lại rụt vòi lo âu và vò đầu bứt óc tìm cho ra chiến thuật mới giúp gã lại có thể khinh miệt bọn họ.

Không hiểu đầu cua tai nheo như thế nào, đám lính chiến trong phi đoàn đã phát hiện ra rằng họ bị thống trị bởi đám người hành chính vốn được bổ nhiệm để phục vụ họ. Họ bị đàn áp, xúc phạm, quấy rối và sai khiến suốt cả ngày, hết người này đến người khác. Khi họ lên tiếng phản đối thì đại úy Black đáp lại rằng ai trung thành thì sẽ không ngại ký những lời thề trung thành mà họ phải ký. Đối với những người chất vấn về hiệu quả của những lời thề trung thành, gã đáp lại rằng ai thực sự trung thành với tổ quốc thì dù gã có bắt phải thề trung thành bao nhiêu lần họ cũng sẽ cảm thấy thật tự

hào mà thề. Và với những ai đặt câu hỏi về tính đạo lý, gã đáp lại rằng "The Star-Spangled Banner" là bản nhạc hay nhất từng được sáng tác. Một người càng ký nhiều lời thề trung thành thì anh ta càng trung thành; đối với đại úy Black, chuyện chỉ đơn giản như vậy, và gã đã bắt hạ sĩ Kolodny mỗi ngày ký hàng trăm lời thề dưới tên gã, do vậy gã luôn có thể chứng minh với mọi người rằng gã trung thành hơn họ.

"Điều quan trọng là bắt họ thề mãi như vậy," gã giải thích. "Họ có thực lòng hay không, không quan trọng. Đó là lý do người ta đã bắt trẻ em thề trung thành ngay cả trước khi chúng biết 'thề' và 'trung thành' có nghĩa là gì."

Đối với đại úy Piltchard và đại úy Wren, Cuộc Thánh Chiến Lời Thề Trung Thành Vinh Quang chỉ là trò nhảm nhí vinh quang, bởi vì nó đã khiến việc tổ chức nhân sự cho mỗi nhiệm vụ chiến đấu trở nên rối rắm. Khắp nơi trong phi đoàn, mọi người bị trói buộc vào những việc như ký, thề và hát, khiến cho mỗi nhiệm vụ lại mất thêm hàng giờ nữa mới thực sự tiến hành được. Không thể thực hiện được những trận đánh khẩn cấp, nhưng cả đại úy Piltchard lẫn đại úy Wren đều quá nhát không dám kêu một tiếng nào chống lại đại úy Black, người đang hằng ngày tỉ mỉ thực thi học thuyết "Liên tục Xác nhận lại" mà gã đã tạo ra, một học thuyết được thiết kế để tóm sạch bất cứ ai đã trở nên bất trung kể từ lần gần nhất họ ký lời thề trung thành một ngày trước đó. Chính đại úy Black là người đã tới khuyên đại úy Piltchard và đại úy Wren khi họ kể lể về tình thế gay go bối rối này. Gã đã đi cùng một phái đoàn và thẳng thừng khuyên họ bắt mỗi người phải ký một lời thề trung thành trước khi cho phép họ bay ra trận.

“Tất nhiên đó là quyền của các anh,” đại úy Black nói. “Không có ai cố gây sức ép lên các anh cả. Nhưng tất cả những người khác đều bắt lính ký những lời thề trung thành, và FBI sẽ thấy hay ho lắm đấy nếu chỉ có hai anh là không quan tâm đến tổ quốc đủ để bắt lính ký lời thề trung thành. Nếu các anh muốn có tiếng xấu thì đó cũng là việc của các anh chứ chẳng phải của ai khác. Chúng tôi chỉ cố giúp đỡ các anh mà thôi.”

Milo không bị thuyết phục và kiên quyết từ chối yêu cầu không cung cấp thức ăn cho thiếu tá Major, kể cả thiếu tá Major có là một gã cộng sản đi chăng nữa, điều mà Milo cũng thầm nghi ngờ. Về bản chất Milo luôn chống lại mọi cải cách có nguy cơ phá vỡ tiến trình bình thường của mọi sự. Milo giữ vững đạo lý của mình và kiên quyết từ chối tham gia vào Cuộc Thánh Chiến Lời Thề Trung Thành Vinh Quang cho đến khi đại úy Black gọi Milo lên gặp phái đoàn và yêu cầu Milo tham gia.

“Bảo vệ tổ quốc là nhiệm vụ của *tất cả mọi người*,” đại úy Black đáp lại lời phản đối của Milo. “Và toàn bộ chương trình này là tự nguyện, Milo - anh đừng quên điều này. Binh lính không cần phải ký vào lời thề trung thành của Piltchard và Wren nếu như không muốn. Nhưng nếu họ không ký thì chúng tôi muốn anh phải bỏ đói họ đến chết. Giống như là Bẫy-22 vậy. Anh có hiểu không? Anh không chống lại Bẫy-22 chứ, phải không?”

Bác sĩ Daneeka thì rất cứng rắn.

“Điều gì đã khiến anh tin chắc rằng thiếu tá Major là một tay cộng sản?”

“Ông chưa bao giờ nghe thấy anh ta chối bỏ điều này cho đến khi chúng ta kết tội anh ta, phải không? Và ông không thấy anh ta ký bất

cứ lời thề trung thành nào."

"Anh có để cho anh ta ký lời thề trung thành nào đâu."

"Tất nhiên là không rồi," đại úy Black giải thích. "Điều đó sẽ đi ngược với mục đích chính của cuộc thánh chiến của chúng ta. Này, ông không cần phải hợp tác với chúng tôi nếu như ông không muốn. Nhưng việc mà toàn thể chúng tôi đang bỏ công ra làm sẽ còn có nghĩa lý gì nếu như ông lại khám bệnh cho thiếu tá Major ngay khi Milo bắt đầu bỏ đói anh ta cho tới chết? Tôi chỉ băn khoăn không biết liên đoàn sẽ nghĩ gì về người đã hủy hoại toàn bộ chương trình an ninh của chúng ta. Rất có thể là họ sẽ chuyển ông tới Thái Bình Dương."

Bác sĩ Daneeka nhanh chóng đầu hàng. "Tôi sẽ bảo Gus và Wes làm bất cứ việc gì anh yêu cầu."

Ở trên liên đoàn, đại tá Cathcart đã bắt đầu tự hỏi xem điều gì đang diễn ra.

"Thằng ngốc Black với trò yêu nước của gã đấy," trung tá Korn báo cáo kèm theo. "Tôi nghĩ anh nên hợp tác với gã một chút, bởi vì chính anh là người đã bổ nhiệm thiếu tá Major làm phi đoàn trưởng."

"Đó là ý tưởng của anh," đại tá Cathcart giận dỗi buộc tội lại. "Lẽ ra tôi đã không nên để mình bị anh dẫn dụ vào tình thế đó."

"Nhưng đó cũng là một ý tưởng rất hay mà," trung tá Korn vặn lại, "bởi vì nó đã kết liễu một gã thiếu tá vô dụng đã liên tục gây tiếng xấu cho anh với vai trò một người quản lý. Đừng lo, vụ này có lẽ sẽ kết thúc sớm. Điều tốt nhất nên làm bây giờ là gửi cho đại úy Black một lá thư thể hiện sự ủng hộ tuyệt đối và hy vọng anh ta sẽ chết trước khi gây ra quá nhiều thiệt hại." Trung tá Korn chợt nảy ra một ý

nghĩ kỳ quái. “Tôi tự hỏi! Anh không nghĩ rằng gã khờ đó sẽ cố lôi thiếu tá Major ra khỏi ổ đấy chứ, phải không?”

“Việc tiếp theo mà chúng ta sẽ làm là đưa gã thiếu tá Major chết tiệt đó ra khỏi ổ,” đại úy Black quyết định. “Tôi cũng muốn đẩy vợ con gã vào rừng nữa. Nhưng chúng ta không thể làm vậy được. Gã không có vợ con. Do vậy chúng ta sẽ chỉ làm những việc mà chúng ta có thể và lôi cổ gã ra khỏi toa xe của gã. Ai là người quản lý những cái lều?”

“Chính là gã.”

“Các anh thấy không?” đại úy Black hét lên. “Bọn chúng đã chiếm được *mọi thứ*! Hừ, tôi sẽ không chấp nhận như vậy đâu. Tôi sẽ đưa vấn đề này ra trước thiếu tá …de Coverley nếu cần. Tôi sẽ bảo Milo nói với ông ấy về vụ này ngay khi ông ấy trở về từ Rome.”

Đại úy Black có niềm tin vô bờ vào sự thông thái, sức mạnh và sự công bằng của thiếu tá …de Coverley, dù rằng trước đó gã chưa từng nói chuyện với - de Coverley một lần nào và tận giờ vẫn thấy mình không đủ dũng khí để làm việc đó. Gã giao cho Milo thay mặt mình để nói chuyện với thiếu tá …de Coverley và sốt ruột đi ra đi vào trong lúc đợi viên sĩ quan thừa hành cao lớn kia trở về. Cũng như tất cả mọi người khác trong phi đoàn, gã sống trong nỗi sợ hãi và tôn sùng viên thiếu tá oai nghiêm tóc bạc với gương mặt khắc khổ mang phong thái của Chúa trời này. Cuối cùng thì - de Coverley cũng trở về từ Rome với một bên mắt bị thương nằm dưới miếng che bằng nhựa và ông ta, chỉ bằng một đòn, đã đập tan tành toàn bộ Cuộc Thánh Chiến Vinh Quang của gã.

Vào ngày thiếu tá …de Coverley trở về, Milo đã cẩn thận không nói gì khi ông ta bước vào nhà ăn với vẻ nghiêm trang khắc khổ dữ

dằn và thấy mình bị chắn đường bởi một bức tường các sĩ quan đang xếp hàng để ký lời thề trung thành. Ở phía cuối của quầy đồ ăn, một nhóm người đến sớm đang thề trung thành dưới cờ, một tay đỡ khay thức ăn chênh vênh, để được phép ngồi ở bàn ăn. Tại các bàn ăn, các nhóm còn đến sớm hơn nữa đang hát bài “The Star-Spangled Banner” để được phép sử dụng muối, hạt tiêu và nước tương cà chua tại đó. Tiếng ồn từ từ lắng xuống khi thiếu tá …de Coverley dừng lại ở cửa với cái nhíu mày khó hiểu và không hài lòng, như thể đang phải chứng kiến một cảnh quái đản. Ông bắt đầu tiến về phía trước theo một đường thẳng, và bức tường sĩ quan phía trước ông tách đôi ra như biển Đỏ[31]. Không thèm liếc trái liếc phải, ông sải bước mạnh mẽ tới quầy đồ hấp và, bằng giọng nói rõ ràng, mạnh mẽ, thô ráp vì tuổi tác và trầm vang nhờ địa vị và quyền lực già nua, ông nói:

“Cho tôi ăn.”

Thay vì cho ăn, hạ sĩ Snark lại đưa thiếu tá …de Coverley một lời thề trung thành để ông ký. Thiếu tá …de Coverley gạt đi, bực bội kinh khủng khi nhận ra nó là gì, vẻ khinh bỉ dữ tợn lóe lên chói lóa trong mắt ông và gương mặt già nua to bự chảng của ông tối sầm lại trong cơn giận dữ khủng khiếp.

“Tôi nói: cho tôi ăn,” ông lớn tiếng ra lệnh bằng thứ giọng khàn đầy điềm gở ầm ầm xuyên qua khu lều lặng phắc như những tràng sấm nổ vọng lại từ đằng xa.

Mặt hạ sĩ Snark tái mét và người bắt đầu run rẩy. Gã liếc nhìn về phía Milo năn nỉ xin chỉ thị. Vài giây kinh khủng trôi qua trong im lặng. Thế rồi Milo gật đầu.

“Cho ông ấy ăn đi,” Milo nói.

Hạ sĩ Snark bắt đầu cho thiếu tá …de Coverley ăn. Thiếu tá đi ra khỏi quầy với chiếc khay đầy thức ăn và đột nhiên đứng lại. Ông thấy các nhóm sĩ quan khác đang nhìn ông lặng câm cầu cứu, và với sự hung hăng chính nghĩa, ông gầm lên:

"Cho tất cả mọi người ăn đi!"

"Cho *tất cả mọi người* ăn đi!" Milo nhẹ nhõm hân hoan nhắc lại, và thế là Cuộc Thánh Chiến Lời Thề Trung Thành Vinh Quang đã đi đến hồi kết.

Cú đâm sau lưng từ một kẻ có địa vị cao mà đại úy Black luôn tin tưởng sẽ ủng hộ mình này đã khiến gã vỡ mộng sâu sắc. Thiếu tá …de Coverley đã làm cho gã thất vọng.

"Ôi, chuyện đó với tôi chẳng hề hấn gì," gã đã vui vẻ đáp lời bất cứ ai đến an ủi. "Chúng ta đã hoàn thành nhiệm vụ của mình. Mục đích của ta là khiến cho tất cả những ai mà ta không thích phải sợ hãi và cảnh báo mọi người về sự nguy hiểm của thiếu tá Major, và hiển nhiên là chúng ta đã làm tốt việc này. Bởi vì đằng nào thì ta cũng không định cho hắn ký vào bất cứ lời thề trung thành nào, cho nên thực sự thì việc ta có những lời thề đó hay không cũng chẳng quan trọng."

Giờ khi thấy tất cả những người trong phi đoàn mà gã không thích lại sợ hãi trong suốt Trận Vây Thành Bologna Vĩ Đại kinh hoàng và bất tận này, đại úy Black lại hồi tưởng đầy hoài niệm về những ngày xưa tươi đẹp của Cuộc Thánh Chiến Lời Thề Trung Thành Vinh Quang mà gã đã một thời từng được làm người quan trọng thực sự, và thậm chí ngay cả những kẻ như Milo Minderbinder, bác sĩ Daneeka, Piltchard và Wren đều đã từng run rẩy khi gã tiến lại và phủ phục dưới chân gã. Để chứng tỏ cho những kẻ mới tới

rằng gã từng được là người quan trọng thật sự thì gã vẫn còn giữ bức thư khen ngợi của đại tá Cathcart.

12 BOLOGNA

Thực ra thì không phải đại úy Black mà chính trung sĩ Knight mới là người châm ngòi cho nỗi hoảng loạn đưa đám của vụ Bologna, cậu này đã lặng lẽ lỉnh khỏi xe tải chở quân đi lấy thêm hai bộ áo giáp chống đạn ngay khi biết được mục tiêu tấn công, báo hiệu cho khởi đầu của một cuộc chạy đua dữ dội trở lại lều cung cấp dù mà sau đó đã biến thành một vụ tranh cướp hỗn loạn cho đến khi toàn bộ số áo giáp dự phòng đều biến mất.

"Này, có chuyện gì vậy?" Kid Sampson hồi hộp hỏi. "Bologna không đến mức khốc liệt như vậy chứ, phải không?"

Nately, đang ngồi thừ ra ở trên sàn xe tải, hai bàn tay ôm lấy khuôn mặt trẻ trung u ám, không trả lời.

Chính là tại trung sĩ Knight và một loạt những lần trì hoãn phũ phàng, bởi vì ngay ngày đầu tiên khi họ leo lên máy bay, thì một chiếc xe Jeep lại tới đưa tin ở Bologna đang mưa nên trận đánh sẽ bị hoãn. Lúc họ về lại phi đoàn thì ở Pianosa cũng đang mưa, nên họ đã có cả ngày còn lại để trân trối nhìn tuyến ném bom[32] trên bản đồ dưới mái lều quân báo uy nghi và đờ đẫn suy tưởng về cái thực tế rằng chẳng có lối thoát nào cho mình hết. Bằng chứng cho điều ấy nằm ngay trên đó, dưới dạng một dải băng hẹp màu đỏ đính ngang qua lục địa Ý: các lực lượng mặt đất tại Ý bị găm chặt ở khoảng cách không thể vượt nổi là bốn mươi hai dặm phía Nam

mục tiêu ném bom và không thể nào chiếm được thành phố này kịp thời. Không gì có thể cứu những gã trai ở Pianosa khỏi nhiệm vụ Bologna. Bọn họ đã bị sập bẫy.

Hy vọng duy nhất của họ là trời sẽ mưa mãi, và như thế tức là không có hy vọng nào cả bởi họ biết rằng sẽ đến lúc tạnh mưa. Khi mưa tạnh ở Pianosa thì ở Bologna lại mưa. Khi tạnh mưa ở Bologna thì lại bắt đầu mưa lại ở Pianosa. Nếu không có tí mưa nào thì sẽ có những hiện tượng kỳ quái không giải thích nổi như dịch tiêu chảy hoặc tuyến ném bom tự di chuyển. Trong sáu ngày đầu tiên đã có tới bốn lần họ phải tập hợp, nghe chỉ dẫn tác chiến để rồi lại bị về chỗ cũ. Một lần họ thậm chí đã cất cánh, đã vào đội hình xong xuôi thì lại bị đài chỉ huy triệu tập trở lại mặt đất. Trời càng mưa thì họ càng khổ sở. Càng khổ sở thì họ lại càng cầu mong sao cho trời tiếp tục mưa. Suốt cả đêm, các gã trai nhìn lên bầu trời và buồn bã khi trông thấy nhiều sao. Suốt cả ngày, họ nhìn vào tuyến ném bom trên một tấm bản đồ nước Ý khổ lớn xộc xệch đặt trên cái giá ba chân mà hễ có gió là lại bị thổi lật úp và cứ trời mưa là lại phải lôi vào dưới mái lều quân báo uy nghi. Tuyến ném bom là một dải lụa satin mỏng màu đỏ thắm dùng để mô tả vị trí tiên phong nhất của các lực lượng mặt đất thuộc phe Đồng minh tại mỗi vùng trong lục địa Ý.

Vào buổi sáng sau vụ Hungry Joe vật lộn với con mèo của Huple, ở cả hai nơi mưa bỗng ngừng rơi. Đường băng bắt đầu khô. Phải mất tròn hai mươi bốn giờ nữa mặt đất mới cứng trở lại, nhưng bầu trời đã không một gợn mây. Nỗi oán giận ấp ủ trong mỗi người nở ra thành căm ghét. Đầu tiên họ ghét đám lính bộ binh trên lục địa bởi vì bọn họ đã thất bại trong việc đánh chiếm Bologna. Sau đó họ bắt đầu ghét chính tuyến ném bom. Trong hàng giờ họ trừng mắt nhìn chằm chằm dải băng đỏ trên bản đồ và căm ghét nó bởi vì nó sẽ

không di chuyển lên đủ cao để bao trọn luôn thành phố này. Khi đêm xuống, họ tụ tập lại trong bóng tối với những chiếc đèn pin, tiếp tục lễ cầu kinh ma quái với tuyến ném bom trong lời khẩn cầu ủ ê như thể họ có thể di chuyển dải băng đó lên trên bằng sức mạnh tập thể của những lời cầu nguyện sầu thảm.

“Tôi thật không thể tin nổi,” Clevinger cảm thán với Yossarian bằng giọng lên bổng xuống trầm vừa đẫm vẻ phản đối vừa đầy kinh ngạc. “Điều đó đi ngược hoàn toàn với tín điều nguyên thủy. Họ đang đảo lộn nguyên nhân và kết quả. Vụ này cũng vớ vẩn chả khác gì mấy trò gõ lên gỗ hay bắt tréo ngón tay[33]. Họ thực sự tin rằng chúng ta có thể không phải bay ra trận ngày mai nếu như có ai đó rón rén đi đến chiếc bản đồ vào giữa đêm và dịch tuyến ném bom đó ra khỏi Bologna. Anh có thể tưởng tượng nổi không? Anh và tôi chắc chắn là những người có lý trí cuối cùng còn sót lại.”

Đến giữa đêm, Yossarian gõ tay lên gỗ, bắt tréo ngón tay, và rón rén đi ra khỏi lều của mình để nâng đường vẽ tuyến ném bom lên trên ra khỏi Bologna.

Hạ sĩ Kolodny rón rén lẻn vào lều của đại úy Black sáng sớm hôm sau, chui vào bên trong màn và nhẹ nhàng lắc mảnh xương vai nhớp nháp mà gã sờ thấy cho đến khi đại úy Black mở mắt.

“Anh đánh thức tôi làm cái gì thế?” đại úy Black rên rỉ.

“Họ đã chiếm được Bologna rồi, thưa sếp,” hạ sĩ Kolodny nói. “Tôi nghĩ là sếp muốn biết được tin này. Như vậy thì nhiệm vụ có bị hủy không?”

Đại úy Black vận sức ngồi thẳng dậy và bắt đầu thành thục gãi cặp giò dài khẳng khiu của mình. Loáng cái gã đã mặc đồ vào và chui ra ngoài lều, mắt nheo, bực bội và râu ria lởm chởm. Trời trong

và ấm. Gã hờ hững ngó bản đồ. Chắc chắn rồi, họ đã chiếm được Bologna. Ở trong lều quân báo, hạ sĩ Kolodny đã bắt đầu gỡ bỏ bản đồ Bologna. Đại úy Black ngồi xuống với một cái ngáp rõ to, nhấc chân đặt lên mặt bàn, và gọi điện thoại cho trung tá Korn.

"Anh đánh thức tôi làm gì thế?" trung tá Korn rên rỉ.

"Họ đã chiếm được Bologna đêm qua, thưa sếp. Liệu nhiệm vụ này có bị hủy không?"

"Anh nói gì cơ, Black?" trung tá Korn gầm lên. "Tại sao phải hủy nhiệm vụ này?"

"Bởi vì họ đã chiếm được Bologna, thưa sếp. Nhiệm vụ này không bị hủy sao?"

"Tất nhiên là hủy rồi. Chả lẽ giờ quân ta lại đi tự đánh bom quân mình?"

"Anh đánh thức tôi làm gì thế?" đại tá Cathcart rên rỉ với trung tá Korn.

"Họ chiếm được Bologna rồi," trung tá Korn nói. "Tôi nghĩ là anh muốn biết tin này."

"Ai đã chiếm Bologna?"

"Chúng ta."

Đại tá Cathcart mừng hết biết, bởi vì gã đã thoát được cam kết ngớ ngẩn là ném bom Bologna mà không làm hoen ố danh tiếng về lòng dũng cảm đã có được khi xung phong đưa quân của mình đi làm việc đó. Tướng Dreedle cũng hài lòng với việc giành được Bologna, mặc dù ông vẫn giận đại tá Moodus vì đã đánh thức ông dậy để thông báo chuyện đó. Quân đoàn cũng hài lòng và quyết

định trao tặng huân chương cho sĩ quan nào chiếm được thành phố này. Không có sĩ quan nào chiếm thành phố này cả, do vậy thay vào đó họ đã trao huân chương cho tướng Peckem, bởi vì tướng Peckem là sĩ quan duy nhất có đủ tham vọng để đòi lấy huân chương đó.

Ngay khi tướng Peckem nhận được huân chương, ông bắt đầu đòi được giao nhiều trọng trách. Quan điểm của tướng Peckem là tất cả các đơn vị chiến đấu trong quân đoàn đều phải đặt dưới quyền kiểm soát của Lực lượng Đặc biệt do chính tướng Peckem là chỉ huy trưởng. Nếu việc ném bom quân địch không phải là một nhiệm vụ đặc biệt, ông thường lớn tiếng nói, với một nụ cười tuẫn đạo chừng mực ngọt ngào vốn luôn là Đồng minh trung thành của ông trong mọi cuộc tranh cãi, thì ông không thể không tự hỏi liệu còn cái gì trên quả đất này có thể gọi là nhiệm vụ đặc biệt nữa. Với vẻ tiếc nuối nhã nhặn, ông đã từ chối đảm nhiệm một vị trí chiến đấu dưới quyền tướng Dreedle.

“Bay ra trận *cho* tướng Dreedle không hẳn là những gì tôi nghĩ tới,” ông từ tốn giải thích cùng một tiếng cười hòa nhã. “Tôi nghĩ nhiều hơn tới khía cạnh *thay thế* vị trí của tướng Dreedle, hay thậm chí về một vị trí *cao* hơn tướng Dreedle nơi tôi có thể thực hành cùng lúc giám sát thêm thật nhiều tướng *khác* nữa. Các anh thấy đấy, những năng lực đáng giá nhất của tôi đều nằm trong lĩnh vực quản lý. Tôi có khả năng tuyệt vời khiến cho những người khác nhau phải đồng thuận.”

“Ông ta có khả năng tuyệt vời khiến cho nhiều người khác nhau phải đồng thuận rằng ông ta là đồ khốn,” đại tá Cargill tâm sự riêng với cựu binh nhất Wintergreen với hy vọng rằng cựu binh nhất

Wintergreen sẽ lan truyền nó đi khắp trụ sở quân đoàn Không lực Hai mươi bảy. “Nếu có ai xứng đáng với vị trí chiến đấu này thì đó chính là tôi. Thậm chí chính tôi là người đã đề xuất ra ý tưởng chúng ta xin nhận huân chương đó.”

“Ông thực muốn ra trận sao?” cựu binh nhất Wintergreen chất vấn.

“Ra trận?” đại tá Cargill kinh hoàng nói. “Ôi không - anh hiểu nhầm tôi rồi. Tất nhiên là thực ra thì tôi cũng không *ngại* phải ra trận, nhưng năng lực tốt nhất của tôi nằm trong lĩnh vực quản lý. Tôi cũng có khả năng tuyệt vời khiến cho những người khác nhau phải đồng thuận.”

“Ông ta cũng có khả năng tuyệt vời khiến cho những người khác nhau phải đồng ý rằng ông ta là đồ khốn,” cựu binh nhất Wintergreen phá lên cười khi tâm sự với Yossarian, sau khi gã tới Pianosa để tìm hiểu sự thật về Milo và về bông Ai Cập. “Nếu có ai xứng đáng được thăng cấp thì đó phải là tôi.” Thực ra thì gã đã lên được tới chức cựu hạ sĩ, thăng vượt cấp sau khi được chuyển tới trụ sở quân đoàn Không lực Hai mươi bảy với vai trò bưu tín viên và ngay sau đó đã bị hạ cấp xuống thành binh nhì vì đã đưa ra những lời so sánh đáng ghê tởm, và để bị nghe thấy, về những sĩ quan cấp trên của mình. Cái hương vị mê đắm của thành công ban đầu đã tiếp thêm tinh thần cho gã và đốt lên ngọn lửa tham vọng đạt được những thành quả cao quý hơn. “Anh muốn mua bật lửa Zippo không?” gã hỏi Yossarian. “Đồ chôm thẳng từ bên hậu cần đó.”

“Milo có biết anh đang bán bật lửa không đấy?”

“Đâu phải việc của gã? Không phải là giờ Milo cũng đang có mấy cái bật lửa đó à?”

“Thì dĩ nhiên là có,” Yossarian nói. “Nhưng bật lửa của gã đâu phải là đồ ăn cắp.”

“Đó là anh nghĩ vậy thôi,” cựu binh nhất Wintergreen đáp cùng một tiếng khịt mũi cộc lốc. “Bật lửa của tôi bán giá một đô một chiếc. Bật lửa của gã đấy bán bao nhiêu?”

“Một đô một xu.”

Cựu binh nhất Wintergreen cười khẩy đắc thắng. “Lần nào tôi cũng thắng,” gã hả hê nói. “Thế còn đống bông Ai Cập gã đang ôm thì sao? Gã mua bao nhiêu?”

“Tất cả.”

“Trên toàn thế giới này ư? Ôi, quỷ tha ma bắt tôi đi!” cựu binh nhất Wintergreen ré lên với niềm hân hoan độc ác. “Quả là một thằng đần! Anh đã ở Cairo cùng gã. Tại sao anh lại để cho gã làm việc đó?”

“Tôi ư?” Yossarian nhún vai trả lời. “Tôi đâu có ảnh hưởng gì với gã. Chính là tại mấy cái máy điện báo đánh chữ có trong tất cả những nhà hàng xịn ở đó. Milo trước đây chưa từng nhìn thấy một chiếc máy biết in giá hàng, và giá bông Ai Cập tình cờ hiện ra ngay khi anh ta nhờ tiếp viên trưởng nhà hàng giải thích về cách hoạt động của máy. ‘Bông Ai Cập ư?’ Milo nói với vẻ mặt đặc trưng của mình. ‘Bông Ai Cập bán giá bao nhiêu vậy?’ Điều tiếp theo tôi biết là gã đã mua cả vụ bông chết tiệt. Và giờ thì gã chẳng thể đẩy đi đâu được.”

“Tay này không có trí tưởng tượng gì cả. Tôi có thể tẩu tán rất nhiều cái đống này ở ngoài chợ đen nếu gã chịu hợp tác với tôi.”

“Milo biết chợ đen rồi. Ở đó không có nhu cầu mua bông đâu.”

“Nhưng có nhu cầu về đồ dùng y tế. Tôi có thể quấn bông quanh tăm gỗ, hay biến chúng thành những miếng gạc vô trùng rồi đem rao bán lẻ. Gã có thể bán cho tôi với giá hời không nhỉ?”

“Giá nào thì gã cũng không bán cho anh đâu,” Yossarian trả lời. “Gã khá là cay cú vì anh lao vào cạnh tranh với gã. Thực ra thì gã cay cú với bất cứ ai bị dính tiêu chảy vào cuối tuần trước và gây ra tiếng xấu cho nhà ăn của gã. Này, anh có thể giúp chúng tôi đấy.” Yossarian đột nhiên níu lấy tay Wintergreen.

“Anh không thể bịa ra vài mệnh lệnh chính thức từ chiếc máy in ronéo của anh và giúp cho chúng tôi thoát khỏi vụ Bologna được à?”

Cựu binh nhất Wintergreen từ từ gỡ mình ra khỏi y với vẻ khinh miệt. “Tất nhiên là tôi có thể,” gã kiêu hãnh giải thích. “Nhưng tôi sẽ không bao giờ làm một việc như vậy, kể cả trong mơ.”

“Tại sao không?”

“Bởi vì đó là việc của các anh. Tất cả chúng ta đều có công việc của mình. Việc của tôi là tẩu tán số bật lửa Zippo này sao cho có lời tối đa và mua về một ít bông từ chỗ Milo. Việc của anh là ném bom kho đạn ở Bologna.”

“Nhưng tôi sẽ bị giết ở Bologna,” Yossarian van nài. “Tất cả chúng ta cũng sẽ bị giết.”

“Nếu vậy thì anh sẽ phải bị giết,” cựu binh nhất Wintergreen đáp. “Tại sao anh không thể tin vào số mệnh như tôi đây? Nếu số phận của tôi là tẩu tán những chiếc bật lửa này sao cho có lời và mua rẻ của Milo một ít bông Ai Cập thì tôi sẽ làm như thế. Và nếu số phận của anh là bị giết ở trên bầu trời Bologna thì anh sẽ bị giết, vì vậy anh nên đơn giản là ra trận và chết như một người đàn ông. Tôi

ghét phải nói điều này, Yossarian à, nhưng anh đang biến thành một kẻ suốt ngày than vãn đấy."

Clevinger cũng đồng ý với cựu binh nhất Wintergreen rằng việc của Yossarian là bị giết trên bầu trời Bologna và giận tím mặt lên án khi Yossarian thú nhận rằng chính y đã dịch chuyển tuyến ném bom và khiến cho nhiệm vụ này bị hủy bỏ.

"Tại sao lại không?" Yossarian vặc lại, càng lúc cãi càng kịch liệt vì y cũng ngờ là mình đã sai. "Không lẽ tôi phải bị bắn tan xác chỉ vì gã đại tá kia muốn lên chức tướng?"

"Thế còn tất cả những người ở lục địa thì sao?" Clevinger chất vấn với cảm xúc mãnh liệt không kém. "Không lẽ họ phải bị bắn tan xác chỉ vì anh không muốn bay? Họ có quyền nhận được hỗ trợ từ không quân!"

"Nhưng không nhất thiết phải là từ tôi. Xem này, họ đâu có quan tâm ai đã hạ được các kho đạn ấy. Lý do duy nhất khiến cho chúng ta phải bay là bởi vì thằng khốn Cathcart xung phong đẩy chúng ta ra trận."

"Ôi, tôi biết tất cả những điều này," Clevinger quả quyết nói, gương mặt hốc hác trở nên trắng bệch, và cặp mắt nâu linh lợi tràn ngập sự chân thành. "Nhưng thực tế là những kho đạn kia vẫn đang ở đó. Anh cũng biết quá rõ rằng tôi cũng ghét đại tá Cathcart không kém gì anh." Clevinger ngừng lại một chút để nhấn mạnh, miệng gã run lên, rồi gã đấm nhẹ vào chiếc túi ngủ. "Nhưng nhiệm vụ của chúng ta không phải là quyết định xem mục tiêu nào cần bị tiêu diệt hay ai sẽ là người tiêu diệt chúng hay…"

"Hay ai sẽ là người bị giết trong khi làm việc đó? Và tại sao?"

“Phải, cả chuyện đó nữa. Chúng ta không có quyền chất vấn…”

“Anh điên rồi!”

“… không có quyền chất vấn…”

“Anh muốn nói là tôi không có quyền gì đối với việc mình bị giết như thế nào và tại sao, và quyền đó thuộc về đại tá Cathcart thật đấy à? Anh nghĩ như vậy thật đấy à?”

“Đúng, tôi thật sự nghĩ vậy đó,” Clevinger khăng khăng nói, nhưng có vẻ vẫn không chắc chắn lắm. “Có những người được giao phó trách nhiệm giành thắng lợi trong cuộc chiến, bọn họ ở vị trí phù hợp hơn chúng ta để quyết định xem mục tiêu nào cần bị ném bom.”

“Chúng ta đang nói về hai thứ hoàn toàn khác nhau,” Yossarian trả lời với vẻ mệt mỏi cường điệu. “Anh đang nói về mối quan hệ giữa quân đoàn đối với những người lính, còn tôi thì nói về mối quan hệ giữa tôi và đại tá Cathcart. Anh nói về việc giành thắng lợi trong cuộc chiến, còn tôi thì nói về việc giành thắng lợi và còn sống.”

“Chính xác,” Clevinger tự mãn bật lại. “Thế theo anh cái gì quan trọng hơn?”

“Đối với ai cơ?” Yossarian phản pháo. “Mở mắt ra đi, Clevinger. Đối với những người đã chết thì việc ai giành chiến thắng trong cuộc chiến này còn có khác biệt quái gì chứ.”

Clevinger ngồi thừ ra một lúc như thể vừa bị ăn tát. “Xin chúc mừng!” gã cay đắng thốt lên, hai bờ môi mím chặt thành một đường mỏng dính tái nhợt không một giọt máu. “Tôi không thể nghĩ ra được một thái độ nào có lợi cho kẻ thù đến vậy.”

“Kẻ thù,” Yossarian vặn lại cho chính xác, “là bất cứ ai khiến cho anh bị giết, bất kể người đó thuộc chiến tuyến nào và như thế bao gồm cả đại tá Cathcart. Và anh đừng bao giờ quên điều đó, bởi vì anh càng nhớ kỹ nó thì anh sẽ càng sống lâu.”

Nhưng Clevinger đã quên, và bây giờ thì gã đã chết. Còn khi đó, vì Clevinger đã quá buồn bực vì chuyện này đến nỗi Yossarian không dám nói với gã rằng y cũng chính là kẻ phải chịu trách nhiệm cho dịch tiêu chảy cũng góp phần làm trì hoãn nhiệm vụ này. Milo thậm chí còn buồn bực hơn khi nghĩ tới khả năng lại có kẻ đã đầu độc phi đoàn, và gã bức xúc lao tới gặp Yossarian nhờ giúp đỡ.

“Làm ơn tìm hiểu xem có phải hạ sĩ Snark lại trộn xà phòng giặt vào trong khoai lang nữa không,” gã lén lút đề nghị. “Hạ sĩ Snark tin anh và sẽ nói sự thật nếu anh hứa với cậu ta rằng anh sẽ không nói cho ai khác biết. Ngay khi cậu ta nói, thì hãy tới kể tôi nghe.”

“Tất nhiên là tôi đã nhét xà phòng giặt vào khoai tây,” hạ sĩ Snark thú nhận với Yossarian. “Đó là những gì anh muốn tôi làm, phải không? Xà phòng giặt là cách tốt nhất.”

“Cậu ta thề với Chúa rằng cậu ta không dính líu gì tới vụ này,” Yossarian báo lại với Milo.

Milo bĩu môi đầy vẻ nghi ngờ. “Dunbar nói rằng không có Chúa.”

Không còn hy vọng nào nữa. Vào khoảng giữa tuần thứ hai, tất cả mọi người trong phi đoàn đều trông giống như Hungry Joe, người không có lịch bay và luôn gào thét kinh hoàng trong giấc ngủ. Gã là người duy nhất có thể ngủ được. Suốt đêm, các gã trai đi xuyên qua bóng tối ngoài lều của mình như những hồn ma không lưỡi với những điếu thuốc trên môi. Ban ngày thì họ trân trối nhìn tuyến ném

bom trong vô vọng, nhìn vào những nhóm người ủ rũ, hay vào hình ảnh bác sĩ Daneeka bất động ngồi trước cánh cửa đóng ở lều quân y, ngay dưới tấm bảng ghi bằng chữ viết tay đầy chết chóc. Họ bắt đầu bịa ra những chuyện cười rầu rĩ chẳng hài hước chút nào và truyền đi những tin đồn kinh khủng về những hủy diệt đang chờ đón họ ở Bologna.

Một đêm, Yossarian say khướt lẻn tới chỗ trung tá Korn ở câu lạc bộ sĩ quan để nói đùa với gã về khẩu Lepage mới mà quân Đức vừa chuyển tới.

“Súng Lepage nào cơ?” trung tá Korn tò mò chất vấn.

“Khẩu Lepage bắn keo ba-trăm-bốn-mươi-tư mi li mét ấy,” Yossarian trả lời. “Nó sẽ khiến cả một đội bay dính chặt lại với nhau ngay giữa không trung.”

Trung tá Korn giật cùi chỏ ra khỏi những ngón tay bám chặt của Yossarian như thể vừa bất ngờ bị lăng nhục. “Buông ta ra, đồ ngu!” gã thét lên giận dữ, đoạn trừng mắt lên nhìn tán thưởng khi Nately nhảy tới phía sau Yossarian lôi y đi. “Gã điên đó là ai vậy?”

Đại tá Cathcart cười nắc nẻ. “Đó là gã mà anh đã ép tôi phải trao huân chương sau vụ Ferrara đấy. Anh đã ép tôi phải thăng chức gã thành đại úy, nhớ không? Quả đáng đời anh.”

Nately nhẹ cân hơn Yossarian nên rất chật vật cậu mới đưa được tấm thân bồ tượng của y sang bên kia phòng tới một bàn trống. “Anh điên à?” Nately liên tục rít lên lo lắng. “Đó là trung tá Korn. Anh điên à?”

Yossarian muốn uống thêm một ly nữa và hứa sẽ im lặng rời đi nếu Nately đem tới cho y một ly. Sau đó y lại ép Nately đem thêm

hai ly nữa. Khi Nately cuối cùng dỗ được y đi ra tới cửa thì đại úy Black xồng xộc từ ngoài lao vào, dộng mạnh đôi giày nhớp nháp xuống nền gỗ khiến nước tràn xuống từ những chỗ gie ra trên người gã ào ào như từ mái nhà cất cao.

“Này, lũ chết tiệt các anh sắp tiêu rồi đấy!” gã hồ hởi thông báo, nhảy tránh ra xa khỏi vũng nước đang hình thành dưới chân gã. “Tôi vừa nhận được cú điện thoại từ trung tá Korn. Các anh có biết điều gì sẽ đợi chúng ta ở Bologna không? Ha ha! Bọn chúng có khẩu bắn keo Lepage mới đấy. Nó sẽ khiến cả đội bay dính lại với nhau trên không trung.”

“Ôi Chúa ơi, đó là sự thật!” Yossarian ré lên và kinh hoàng gục vào Nately.

“Làm gì có Chúa,” Dunbar bình tĩnh trả lời, loạng choạng đi tới.

“Này, giúp tôi một tay đỡ cái gã này với, được không? Tôi cần đưa anh ta quay lại lều.”

“Ai cơ?”

“Tôi. Giời ạ, nhìn trời mưa kia kìa.”

“Chúng ta phải kiếm một cái xe.”

“Chôm xe của đại úy Black đi,” Yossarian nói. “Tôi luôn làm thế.”

“Ta không thể chôm xe của bất cứ ai. Chỉ tại mỗi lần muốn xe anh lại chôm luôn chiếc gần nhất nên giờ chẳng ai còn quên khóa điện hết.”

“Nhảy lên đi,” thượng sĩ White Halfoat nói, say xỉn lái một con Jeep ngụy trang tới. Gã chờ bọn họ chen chúc ngồi hết vào trong, đoạn đột ngột rồ ga phóng vọt đi khiến cả bọn ngã ngửa về phía

sau. Gã rống cười trước những lời chửi mắng. Gã lái thẳng về phía trước khi ra khỏi bãi đỗ xe và tông thẳng vào bờ tường ở phía bên kia đường. Những người còn lại trong xe đổ xô về phía trước thành một đống vô dụng và lại tiếp tục nguyền rủa gã. “Tôi quên không rẽ,” gã giải thích.

“Cẩn thận chút đi, được không?” Nately nhắc. “Anh nên bật đèn pha lên.”

Thượng sĩ White Halfoat lùi lại, rẽ rồi tăng tốc tối đa phi lên đường. Bánh xe rít lên kin kít trên mặt đường rải nhựa đen.

“Đừng nhanh thế chứ,” Nately nài nỉ.

“Anh nên đưa tôi tới phi đoàn của anh trước để tôi có thể giúp đặt anh ta lên giường. Sau đó các anh có thể đưa tôi về phi đoàn của tôi.”

“Anh là thằng bỏ mẹ nào vậy?”

“Dunbar.”

“Này, bật đèn pha lên,” Nately hét to. “Và nhìn đường đi chứ!”

“Đèn bật rồi. Không phải Yossarian đang ở trong chiếc xe này à? Đó là lý do duy nhất tôi cho lũ khốn bọn anh lên xe.” Thượng sĩ White Halfoat quay cả người lại trân trối nhìn ghế sau.

“Nhìn đường đi chứ!”

“Yossarian? Có Yossarian ở đây không?”

“Tôi đây, thượng sĩ. Về thôi. Điều gì khiến anh tin chắc vậy? Anh chưa bao giờ trả lời câu hỏi của tôi.”

“Đấy, tôi đã bảo các anh là anh ta ở đây mà.”

“Câu hỏi gì cơ?”

“Câu gì đó mà chúng ta đã nói với nhau.”

“Nó có quan trọng không?”

“Tôi không nhớ nó có quan trọng hay không. Cầu Chúa cho tôi biết được điều đó.”

“Làm gì có Chúa.”

“Chúng ta đã nói chuyện với nhau về điều này đó.” Yossarian reo lên. “Điều gì khiến anh luôn tin chắc đến vậy?”

“Này, anh có chắc là đã bật đèn pha rồi không đấy?” Nately gào lên.

“Đèn bật rồi, bật rồi. Cậu ta còn muốn gì ở tôi nữa? Nhìn từ dưới đó lên thấy tối là vì đống nước mưa trên kính chắn gió này đấy.”

“Mưa thật đẹp, thật đẹp.”

“Tôi hy vọng trời sẽ mưa mãi không ngừng. Mưa ơi, mưa ơi, hãy điiii…”

“… đi đi. Rồi trở lại… ai…”

“… vào hôm kh…”

“… ác nha. Bé Yo-Yo muốn…”

“… chơi. Trên…”

“… bãi cỏ, trong…”

Thượng sĩ White Halfoat lại quên rẽ và cho xe chạy tuốt lên đỉnh một con đê dốc. Xe trôi ngược trở lại, lật nghiêng và nhẹ nhàng đáp xuống bùn.

Cảm giác im lặng thật đáng sợ.

“Mọi người không sao cả chứ?” thượng sĩ White Halfoat thì thào hỏi. Không có ai bị thương, và gã thở phào nhẹ nhõm. “Các anh biết đấy, vấn đề của tôi là ở đấy,” gã than thở. “Ở chỗ tôi không bao giờ nghe lời một ai cả. Ai đó cứ bảo tôi bật đèn pha lên, nhưng tôi cứ phải không chịu cơ.”

“Tôi đã liên tục bảo anh bật đèn pha lên.”

“Tôi biết, tôi biết. Và tôi đã không nghe, phải không? Giá mà tôi có gì để uống nhỉ. Mà tôi có đồ uống thật đấy. Nhìn này. Nó chưa bị vỡ.”

“Mưa đang lọt vào,” Nately để ý thấy. “Tôi đang bị ướt đây này.”

Thượng sĩ White Halfoat mở một chai whisky làm từ lúa mạch đen, uống và quăng cho mọi người. Ai nấy đều uống dù đang nằm chất đống lên nhau, ngoại trừ Nately cứ mải mò mẫm tìm tay nắm cửa mãi không được. Chai rượu rơi bộp xuống đầu và rượu chảy xuống tận cổ. Cậu bé bắt đầu vật vã trong tuyệt vọng.

“Này, chúng ta cần phải ra khỏi đây!” cậu khóc lóc. “Ta sắp chết đuối cả nút đây này.”

“Có ai ở đó không?” Clevinger hỏi đầy vẻ lo lắng, ánh đèn pin rọi từ trên xuống.

“Clevinger!” họ gào lên, và cố kéo gã vào qua cửa sổ khi gã cúi xuống tìm cách giúp đỡ.

“Nhìn bọn họ kìa!” Clevinger phẫn nộ kêu lên với McWatt, kẻ đang nhăn nhở cười sau tay lái chiếc xe của ban tham mưu. “Nằm la liệt như một lũ thú vật say khướt. Cả cậu nữa đấy hả, Nately?

Cậu phải tự thấy xấu hổ đi! Nào - giúp tôi đưa họ ra khỏi đây trước khi họ chết sạch vì viêm phổi đi.”

“Các anh này, nghe thì cũng không phải là ý tồi lắm đâu,” thượng sĩ White Halfoat trầm ngâm. “Tôi nghĩ là tôi thích chết vì viêm phổi.”

“Tại sao?”

“Tại sao lại không?” thượng sĩ White Halfoat trả lời, và lại nằm xuống đống bùn đầy mãn nguyện cùng chai rượu âu yếm trong vòng tay.

“Ôi, giờ thì xem anh ta đang làm gì này!” Clevinger gào lên tức tối. “Liệu các anh có thể tự đứng lên và đi vào trong xe để tất cả chúng ta có thể trở về phi đoàn được không?”

“Chúng ta không thể trở về hết được. Ai đó phải ở lại để giúp tay thượng sĩ với cái xe mà anh ta đã lấy khỏi bãi đỗ này.”

Thượng sĩ White Halfoat đã ngồi vào trong xe của ban tham mưu, cười khoái trá và đầy vẻ tự hào. “Đó là xe của đại úy Black,” gã hớn hở nói cho mọi người biết. “Tôi trộm nó khỏi tay gã ở câu lạc bộ sĩ quan bằng bộ chìa khóa dự phòng mà gã cứ tưởng là bị mất vào sáng nay.”

“Ôi, quỷ tha ma bắt tôi đi. Do vậy cần phải uống.”

“Anh chưa uống đủ rượu sao?” Clevinger gắt gỏng ngay lúc McWatt nổ máy. “Nhìn cái thân anh xem. Có chết vì rượu hay là chết vì đuối nước thì anh cũng mặc xác, phải không?”

“Miễn là không bị chết vì bay.”

“Này, mở nó ra, mở nó ra,” thượng sĩ White Halfoat giục McWatt. “Và tắt đèn pha đi. Đó là cách duy nhất.”

“Bác sĩ Daneeka đã đúng,” Clevinger tiếp tục. “Người ta đúng là không đủ hiểu biết để mà liệu lo thân. Tôi thực sự ghê tởm tất cả bọn anh.”

“OK, lắm mồm quá, ra khỏi xe đi,” thượng sĩ White Halfoat ra lệnh. “Tất cả ra khỏi xe ngay, ngoại trừ Yossarian. Mà Yossarian đâu rồi nhỉ?”

“Tránh xa tôi ra.” Yossarian phá lên cười và đẩy gã ra. “Người anh toàn bùn là bùn.”

Clevinger hướng về Nately. “Cậu khiến tôi thực sự kinh ngạc đấy. Cậu có biết cậu bốc mùi như thế nào không? Thay vì đưa anh ta thoát khỏi rắc rối thì cậu cũng lại say khướt như anh ta. Hình như anh ta lại đụng độ lần nữa với Appleby?” Cặp mắt Clevinger mở to hết cỡ đầy cảnh giác khi nghe thấy Yossarian khúc khích cười. “Anh ta đâu có đụng độ với Appleby nữa, có phải không?”

“Lần này thì không,” Dunbar nói.

“Không, lần này thì không. Lần này tôi còn làm tốt hơn nữa kia.”

“Lần này anh ta đụng phải trung tá Korn.”

“Không phải vậy chứ!” Clevinger thở gấp.

“Đúng vậy à?” thượng sĩ White Halfoat reo lên vui sướng. “Vậy càng cần phải uống.”

“Nhưng điều đó thật kinh khủng!” Clevinger tuyên bố đầy nghiêm trọng. “Cả quả đất này không còn ai hay sao mà anh lại chọn trung tá Korn? Mà này, đèn pha bị làm sao vậy? Tại sao xung quanh tối mù thế này?”

“Tôi đã tắt chúng đi,” McWatt trả lời. “Anh biết không, thượng sĩ White Halfoat nói đúng. Tắt đèn pha đi thì tốt hơn nhiều.”

“Anh điên à?” Clevinger thét lên, và nhào người về phía trước để bật đèn pha. Gã quay lại về phía Yossarian như sắp phát điên. “Anh có thấy việc anh đang làm không? Anh đã khiến cho tất cả bọn họ bây giờ cũng như anh! Giả sử trời hết mưa và chúng ta sẽ phải bay tới Bologna vào ngày mai. Các anh đều sẽ rất khỏe đấy nhỉ!”

“Trời sẽ chẳng bao giờ tạnh mưa đâu. Không thưa ngài, mưa kiểu này thì có thể sẽ mưa mãi.”

“Trời tạnh mưa rồi đây!” ai đó nói, và cả xe chìm trong im lặng.

“Lũ khốn các anh thật đáng thương,” một lúc sau thượng sĩ White Halfoat bèn thì thầm thương cảm.

“Trời đã tạnh hẳn thật rồi chứ?” Yossarian nhu mì hỏi.

McWatt tắt cần gạt nước mưa đi để kiểm tra. Mưa đã tạnh. Mây đã tan dần. Trăng hiện rõ sau lớp sương mỏng màu nâu.

“Thôi xong,” McWatt nức nở. “Chết tiệt!”

“Các bạn đừng lo,” thượng sĩ White Halfoat nói. “Đường băng ngày mai vẫn sẽ còn mềm lắm chưa dùng được đâu. Rất có thể là trời sẽ lại mưa tiếp trước khi nó kịp khô hẳn.”

“Đồ mất dạy bẩn thỉu hôi hám trời đánh thánh vật,” tiếng Hungry Joe hét lên vọng ra từ lều của gã khi xe họ về tới phi đoàn.

“Chúa ơi, tối nay anh ta đã về rồi ư? Tôi tưởng anh ta vẫn ở Rome với máy bay đưa thư.”

“Ôi! Ô Ô Ôi! Ô Ô Ôi!” Hungry Joe lại hét lên.

Thượng sĩ White Halfoat rùng mình. “Tay đó làm cho tôi sợ vãi cả ra,” gã cáu kỉnh thì thầm thú nhận. “Này, chuyện gì đã xảy đến với đại úy Flume vậy?”

“Có một gã nọ cũng khiến cho tôi sợ vãi cả ra. Tôi thấy gã đấy ở trong rừng tuần trước, đang ăn quả mọng dại. Gã giờ không còn ngủ trong thùng xe nữa. Trông gã cứ như quỷ.”

“Hungry Joe cứ sợ gã sẽ phải thay vào vị trí của ai đó nghỉ ốm, mặc dù chẳng có ai nghỉ ốm cả. Anh có nhìn thấy gã vào đêm gã cố giết Havermeyer và rơi vào hào của Yossarian không?”

“Ôi!” Hungry Joe lại hét lên. “Ôi! Ô Ô Ôi! Ô Ô Ôi!”

“Thật hạnh phúc khi không có Flume ở trong nhà ăn nữa. Không còn phải nghe ‘Đưa muối đây ngay và luôn, Walt’.”

“Hoặc ‘Đưa bơ đây cho tôi trét, Fred.’ ”

“Hoặc ‘Rót đây một ít, Pete.’ ”

“Tránh ra, tránh ra,” Hungry Joe thét lên. “Tao đã nói là tránh ra, tránh ra, đồ mất dạy bẩn thỉu hôi hám trời đánh thánh vật.”

“Ít nhất là chúng ta biết được gã đang mơ về cái gì,” Dunbar nhăn nhó quan sát. “Gã mơ về đồ mất dạy bẩn thỉu hôi hám trời đánh thánh vật.”

Đêm đó Hungry Joe mơ thấy con mèo của Huple đang nằm ngủ ở trên mặt, khiến gã chết ngạt, và khi gã tỉnh dậy thì con mèo của Huple đúng là đang ngủ trên mặt gã thật. Nỗi thống khổ thật là kinh khủng, tiếng hú hét khủng khiếp của gã rít lên như xé toang đêm trăng, rung lên trong sức ảnh hưởng của chính nó suốt vài giây tiếp

theo như một chấn động hủy diệt. Sau đó là lặng im tê dại, và rồi một loạt tiếng động hỗn loạn vang ra từ bên trong lều gã ta.

Yossarian là một trong những người đầu tiên có mặt ở đó. Khi y lao vào qua cửa thì Hungry Joe đã rút súng ra và đang vật lộn giằng tay ra khỏi Huple để bắn con mèo, còn con mèo thì cứ phun phì phì và điên cuồng đánh lạc hướng để gã không bắn được Huple. Cả hai gã đều đang mặc quần lót quân đội. Bóng đèn sáng rỡ trên cao lắc qua lắc lại như điên trên cái dây điện lỏng lẻo, và những bóng đen cứ chập chờn chao đảo nhấp nhô hỗn loạn, khiến cho cả lều như đang quay cuồng. Theo bản năng Yossarian với tay tìm chỗ bám, rồi tung mình về phía trước trong một cú bổ nhào xuất sắc đã đè bẹp cả ba tay tham chiến xuống đất. Y đứng dậy khỏi cuộc loạn đả, mỗi tay túm cổ một tên - cổ Hungry Joe và cổ con mèo. Hungry Joe và con mèo nhìn nhau căm hận. Con mèo phun phì phì độc địa vào Hungry Joe, còn Hungry Joe thì cố đập nó một cú kinh hồn.

“Một trận đánh công bằng,” Yossarian tuyên bố, và tất cả những người bị tiếng gào thét kinh hoàng kia kéo đến bắt đầu hò reo vui sướng trong nỗi nhẹ nhõm mênh mông tuôn trào. “Chúng ta sẽ có một trận đánh công bằng,” y chính thức giải thích cho Hungry Joe và con mèo sau khi đã mang cả hai ra ngoài, hai tay vẫn túm chặt gáy bọn này. “Nắm đấm, răng và vuốt. Nhưng không được dùng súng.” Y nhắc nhở Hungry Joe. “Và không được phun phì phì,” y nghiêm khắc nhắc nhở con mèo. “Khi tôi buông cả hai ra thì vào vị trí. Thoát khỏi tay tôi là quay lại đánh ngay nhé. Bắt đầu!”

Có cả một đám đông khổng lồ phù phiếm đang khát khao được tiêu khiển, nhưng con mèo bất chợt sợ hãi đúng vào lúc Yossarian buông tay ra, và nó nhục nhã chạy trốn khỏi Hungry Joe như một

con chó. Hungry Joe được tuyên bố là người thắng cuộc. Gã khệnh khạng bước đi hạnh phúc với nụ cười kiêu hãnh của một nhà vô địch, mái đầu teo tóp ngẩng cao, bộ ngực gầy gò vươn ra phía trước. Hungry Joe quay về giường ngủ trong niềm vui chiến thắng và lại mơ thấy con mèo của Huple đang ngủ ở trên mặt, khiến gã ngạt thở.

13 THIẾU TÁ …DE COVERLEY

Việc thay đổi tuyến ném bom trên bản đồ không lừa được quân Đức, nhưng lại lừa được thiếu tá …de Coverley, ông đã gói đồ vào túi vải bố, trưng dụng một máy bay và, với cảm giác là Florence cũng đã bị quân Đồng minh chiếm, ông tự bay tới thành phố đó để thuê hai căn hộ cho các sĩ quan và binh lính trong phi đoàn tới ở khi nào được nghỉ. Tới tận lúc Yossarian nhảy ra khỏi cửa phòng thiếu tá Major và tự hỏi nên cầu cứu ai nữa, ông vẫn chưa về.

Thiếu tá …de Coverley là một ông già đường bệ, uy nghi, nghiêm nghị với cái đầu khổng lồ như đầu sư tử và bộ tóc trắng hoang dã kinh hoàng như một cơn bão tuyết cuồng nộ quanh khuôn mặt lạnh lùng gia trưởng. Nhiệm vụ của ông trong tư cách sĩ quan điều hành của phi đoàn, như bác sĩ Daneeka và thiếu tá Major phỏng đoán, bao gồm toàn bộ việc ném móng ngựa, bắt cóc người lao động Ý và thuê căn hộ cho binh lính và sĩ quan sử dụng trong kỳ nghỉ, và ông xuất sắc cả ba lĩnh vực này.

Mỗi khi có một thành phố như Naples, Rome hay Florence sắp bị rơi vào tay quân Đồng minh, thiếu tá …de Coverley lại đóng đồ vào chiếc túi vải bố của mình, trưng dụng một máy bay và một phi công, rồi sau đó bay đi, hoàn thành tất cả những công việc trên mà không

cần nói một từ nào cả, chỉ bằng khả năng trấn áp tuyệt đối của một gương mặt nghiêm khắc, độc đoán và cử chỉ dứt khoát của cái ngón tay nhăn nhúm. Khoảng một tới hai ngày sau khi thành phố ấy thất thủ, ông sẽ trở về với chiến tích là thuê được hai căn hộ rộng rãi và sang trọng tại đó, một cho sĩ quan, chiếc kia cho lính, cả hai căn hộ đều có đội ngũ đầu bếp và những người phục vụ giỏi nghề, vui tính. Sau đó vài ngày, báo chí khắp nơi trên thế giới sẽ đăng hình những người lính Mỹ đầu tiên mở đường vào thành phố đã tan hoang trong khói bụi và đổ nát. Đương nhiên thiếu tá …de Coverley sẽ là một trong số ấy, ngồi thẳng tưng như một chiếc que thông nòng súng trên chiếc xe Jeep mà ông đã chiếm được ở đâu đó, không thèm liếc sang trái hay phải một li trong lúc lửa pháo bùng lên ngay sát mái đầu bất khả chiến bại của ông và những cậu lính bộ binh ẻo lả với súng carbine lố nhố chạy dọc vỉa hè dưới bóng những tòa nhà đang cháy hoặc chết ngay trên ngưỡng cửa. Ông dường như bất khả hủy diệt khi ngồi đó giữa hiểm nguy, ngũ quan quả quyết khuôn thành chính vẻ mặt hung dữ, vương giả, chính đáng và gớm guốc mà tất cả lính phi đoàn đều nhận ra và tôn sùng.

Đối với tình báo Đức, thiếu tá …de Coverley là một bí ẩn bực bội; không một ai trong hàng trăm tù binh Mỹ có thể đưa ra bất cứ thông tin cụ thể nào về viên sĩ quan già tóc trắng với vầng trán dô uy lực và đôi mắt sáng quắc mạnh mẽ dường như luôn là mũi nhọn dẫn đầu mọi cuộc tấn công quan trọng một cách đầy gan dạ và thành công. Đối với những quan chức Mỹ, danh tính của ông cũng gây đau đầu không kém; cả một trung đoàn gồm các C.I.D. xuất sắc từng bị đẩy ra tiền tuyến để tìm hiểu xem ông là ai, trong lúc một tiểu đoàn các sĩ quan quan hệ công chúng được lệnh phải trực chờ tin 24/24

để đưa hình ảnh của ông tới công chúng ngay khoảnh khắc xác định được.

Ở Rome, thiếu tá …de Coverley đã thành công hơn bao giờ hết trong việc thuê căn hộ. Đối với các sĩ quan, những người đi theo nhóm bốn hoặc năm người, có một phòng đôi khổng lồ dành cho mỗi nhóm ở trong một tòa nhà đá trắng mới xây, với ba phòng tắm thênh thang tường ốp gạch lung linh màu lam ngọc và cả một cô hầu phòng mảnh mai tên Michaela luôn cười khúc khích và giữ cho căn hộ luôn sạch bong gọn ghẽ. Ông bà chủ nhà khúm núm sống ở đầu cầu thang phía dưới. Ở đầu cầu thang phía trên là nơi ở của một bá tước phu nhân tóc đen giàu có xinh đẹp cùng cô con dâu tóc đen giàu có xinh đẹp, cả hai người bọn họ đều chỉ ưng mỗi Nately, trong khi cậu lại quá nhút nhát không dám ham muốn họ, và Aarfy, trong khi gã này lại quá đứng đắn đã không tiếp nhận họ lại còn thuyết phục họ đừng ngủ với ai ngoài chồng mình, những ông chồng này thì đã quyết định ở hẳn lại miền Bắc để làm ăn.

“Bọn họ thực sự là những đứa trẻ ngoan,” Aarfy chân thành tiết lộ với Yossarian, kẻ cứ liên tục mơ mộng tới cảnh hai tấm thân nữ giới trắng sữa của cả hai đứa trẻ ngoan ngoãn tóc đen giàu có xinh đẹp này duỗi dài lõa lồ khêu gợi trên giường bên y.

Những người lính đến Rome theo các nhóm mười hai người hoặc đông hơn với thói quen ăn thùng uống vại cùng những chiếc thùng nặng đầy đồ hộp cho đám đàn bà ở đây nấu rồi phục vụ họ tại phòng ăn căn hộ riêng của bọn họ trên tầng sáu một tòa nhà gạch đỏ với một chiếc thang máy kẽo kẹt. Ở chỗ của lính luôn có nhiều chuyện hơn. Đầu tiên, luôn có nhiều lính hơn, và có nhiều phụ nữ hơn tham gia nấu nướng, phục vụ, quét và lau nhà, và cuối cùng,

luôn có những cô gái trẻ, gợi tình, ngốc nghếch và vui vẻ mà Yossarian đã tìm thấy và đem tới đó, cả những cô mà những gã lính thiếu ngủ trở về Pianosa sau bảy ngày ăn chơi tráng táng đã đem tới và để lại ở đó cho bất cứ ai thèm muốn họ. Những cô gái có thể ăn và ở đó bao nhiêu lâu tùy thích. Đổi lại thì họ chỉ cần phải ngủ với bất cứ ai có yêu cầu, điều này làm cho mọi thứ dường như trở nên hoàn hảo đối với tất cả bọn họ.

Cứ khoảng bốn ngày một lần, Hungry Joe lại ập đến như một kẻ khốn khổ, cộc cằn, hoang dại và điên cuồng, nếu như gã không may lại tiếp tục hoàn thành các nhiệm vụ bay chiến đấu và chuyển sang lái máy bay đưa thư. Hầu hết những lần như vậy, gã đều ngủ ở căn hộ dành cho lính trơn. Không ai biết chắc được thiếu tá …de Coverley đã thuê bao nhiêu phòng, ngay cả bà mập mặc coóc xê đen ở tầng một cũng không biết mặc dù bà ta chính là người cho ông thuê. Họ chiếm toàn bộ tầng trên cùng, và Yossarian biết bọn họ đã mở rộng ra chiếm cả tầng năm nữa, bởi vì chính tại căn phòng của Snowden ở tầng năm, y đã tìm được cô hầu phòng mặc xi líp màu vàng chanh với cây chổi lau nhà một ngày sau trận Bologna, sau khi Hungry Joe phát hiện ra y ở trên giường với Luciana trong căn hộ dành cho sĩ quan cùng buổi sáng hôm đó và chạy đi tìm chiếc máy ảnh như một kẻ lên cơn nghiện.

Cô hầu phòng mặc xi líp màu vàng chanh là một cô béo vui vẻ và tốt bụng ở độ tuổi ba mươi với cặp giò mềm và quả mông núng nính trong chiếc xi líp màu vàng chanh mà cô luôn sẵn lòng cởi ra cho bất cứ gã đàn ông nào thèm muốn cô. Cô có khuôn mặt to để mộc và là người phụ nữ đức hạnh nhất còn sống: cô ngủ với tất cả mọi người, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, màu da hay xuất thân, cô hiến mình cho xã hội như một hành động thể hiện lòng hiếu khách, không

trì hoãn dù chỉ một khoảnh khắc để vứt bỏ quần áo, chổi hay cây lau nhà mà cô đang cầm lúc bị anh nào tóm lấy. Sự quyến rũ của cô xuất phát chính từ sự dễ dãi này; giống như núi Everest, cô cứ ở đó, và đàn ông cứ việc leo lên cô mỗi khi họ thấy ham muốn thúc giục. Yossarian yêu cô hầu xi líp vàng chanh này bởi cô dường như là người phụ nữ duy nhất còn sót lại mà y có thể làm tình mà không phải lòng. Ngay cả cô hói ở Sicily cũng gợi lên trong y cảm giác thương xót, dịu dàng và tiếc nuối rất mãnh liệt.

Bất chấp hàng loạt hiểm nguy vây quanh thiếu tá …de Coverley mỗi lần ông đi thuê nhà, lần duy nhất ông bị thương, mỉa mai thay, lại là khi ông đang dẫn đoàn quân chiến thắng vào thành Rome đã bỏ ngỏ, khi ông bị thương ở mắt do một bông hoa phi thẳng vào ông từ cự ly gần bởi một lão già tiều tụy và độc địa, kẻ mà, như chính Satan, sau đó đã nhảy bổ lên xe của thiếu tá …de Coverley trong niềm hân hoan hiểm độc, thô bạo và khinh bỉ túm lấy mái đầu trắng đáng kính của ông mà hôn lên hai bên má ông đầy chế nhạo bằng cái miệng phả hơi chua loét của rượu vang, pho mát và tỏi, trước khi nhảy xuống trở lại vào đám đông đón mừng cùng một tiếng cười trống rỗng, khô khan đầy đả kích. Thiếu tá …de Coverley, một người Sparta trong nghịch cảnh, đã không nhăn mặt dù chỉ một lần trong suốt thử thách ghê tởm này. Chỉ đến lúc trở về Pianosa sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ ở Rome thì ông mới đến gặp bác sĩ để điều trị vết thương ấy.

Ông quyết làm người nhìn đời bằng hai mắt nên đã đặc biệt yêu cầu bác sĩ Daneeka làm cho miếng bịt mắt trong suốt để ông có thể tiếp tục quăng móng ngựa, bắt cóc người lao động Ý và thuê nhà với thị lực không suy giảm. Đối với những người trong phi đoàn, thiếu tá …de Coverley là một tượng đài khổng lồ, mặc dù chẳng bao

giờ họ dám nói với ông điều này. Người đầu tiên dám nói với ông là Milo Minderbinder, anh này tiến đến chỗ ông ném móng ngựa cùng một quả trứng luộc kỹ vào tuần thứ hai ở phi đoàn và giơ nó cao lên cho thiếu tá …de Coverley nhìn rõ. Thiếu tá …de Coverley thẳng người lên kinh ngạc trước cách tiếp cận trơ trẽn của Milo và tập trung sức mạnh giáng lên gã toàn bộ cơn thịnh nộ của nét mặt bão táp với vầng trán dô gồ ghề thô ráp và sống mũi khoằm bự chảng cheo leo chìa ra khỏi mặt ông hùng hổ như một gã hậu vệ bóng bầu dục khổng lồ. Milo vẫn đứng yên tại chỗ, náu mình sau quả trứng luộc kỹ huơ huơ che trước mặt như một cái bùa thiêng. Dần dần giông tố cũng lắng xuống, và hiểm nguy qua đi.

“Cái gì đấy?” thiếu tá …de Coverley cuối cùng cũng hỏi.

“Một quả trứng,” Milo trả lời.

“Trứng gì vậy?” thiếu tá …de Coverley hỏi.

“Một quả trứng được luộc kỹ,” Milo trả lời.

“Quả trứng luộc kỹ kiểu gì vậy?” thiếu tá …de Coverley hỏi.

“Một quả trứng tươi đã được luộc kỹ,” Milo trả lời.

“Quả trứng tươi kiếm ở đâu ra vậy?” thiếu tá …de Coverley hỏi.

“Kiếm từ một con gà,” Milo trả lời.

“Con gà ở đâu?” thiếu tá …de Coverley hỏi.

“Con gà ở Malta,” Milo trả lời.

“Có bao nhiêu gà ở Malta?”

“Có đủ gà để đẻ trứng tươi cho toàn bộ số sĩ quan trong phi đoàn với giá năm xu một quả do ngân sách nhà ăn trả,” Milo trả lời.

“Tôi luôn rất yếu mềm trước những quả trứng tươi,” thiếu tá …de Coverley thú nhận.

“Nếu ai đó cho tôi tùy ý sử dụng một chiếc máy bay của phi đoàn, tôi sẽ bay ra đó mỗi tuần một lần và đem về tất cả số trứng gà tươi mà ta cần,” Milo trả lời. “Vả lại Malta cũng không quá xa.”

“Malta không quá xa đâu,” thiếu tá …de Coverley nhận xét. “Anh có thể bay tới đó mỗi tuần một lần bằng máy bay của phi đoàn và đem về tất cả số trứng tươi mà chúng ta cần.”

“Vâng,” Milo đồng ý. “Tôi nghĩ là tôi có thể làm được nếu như có ai đó muốn và cho tôi tùy ý sử dụng một chiếc máy bay.”

“Tôi thích ăn trứng gà tươi rán,” thiếu tá …de Coverley nhớ lại. “Rán bơ tươi.”

“Tôi có thể tìm được tất cả số bơ tươi mà chúng ta cần ở Sicily với giá hai mươi lăm xu một pound[34],” Milo trả lời. “Hai mươi lăm xu cho một pound bơ tươi là giá hời. Ngân sách nhà ăn cũng đủ tiền cho ta mua bơ, và chúng ta còn có thể bán một ít cho các phi đoàn khác lấy lãi và bù lại được gần hết số tiền mà chúng ta đã bỏ ra.”

“Tên của anh là gì, con trai?” thiếu tá …de Coverley hỏi.

“Tên tôi là Milo Minderbinder, thưa sếp. Tôi hai mươi bảy tuổi.”

“Anh là một sĩ quan cấp dưỡng tốt, Milo.”

“Tôi không phải là một sĩ quan cấp dưỡng, thưa ngài.”

“Anh là một sĩ quan cấp dưỡng tốt, Milo.”

“Xin cảm ơn ngài. Tôi sẽ làm tất cả trong khả năng của mình để là một sĩ quan cấp dưỡng tốt.”

“Chúa sẽ phù hộ anh, con trai. Cho anh một cái móng ngựa này.”

“Xin cảm ơn ngài. Tôi sẽ làm gì với nó đây?”

“Ném nó.”

“Ném đi?”

“Ném vào cái móc ở kia. Sau đó nhặt nó lên và ném vào cái móc này. Đó là một trò chơi, hiểu không? Anh sẽ có lại cái móng ngựa.”

“Vâng, thưa ngài. Tôi hiểu ạ. Những chiếc móng ngựa này bán với giá bao nhiêu vậy?”

Mùi một quả trứng tươi xèo xèo trong một vũng bơ tươi đã bay đi khá xa theo những ngọn gió Địa Trung Hải và đưa tướng Dreedle rầm rập trở lại trong cơn thèm ăn khủng khiếp, đi cùng với ông là cô y tá, cô này đi cùng ông khắp nơi, và con rể của ông, đại tá Moodus. Đầu tiên, tướng Dreedle ăn ngấu nghiến toàn bộ bữa cơm của mình ở nhà ăn của Milo. Sau đó ông ra lệnh cho ba phi đoàn khác trong liên đoàn dưới quyền đại tá Cathcart giao quyền quản lý nhà ăn cho Milo và mỗi phi đoàn trao cho gã một chiếc máy bay cùng với một viên phi công để gã có thể mua trứng tươi và bơ tươi cho họ. Những chiếc máy bay của Milo đi tới đi lui cả bảy ngày một tuần khi tất cả các sĩ quan trong bốn phi đoàn bắt đầu mê mải ăn ngấu nghiến món trứng tươi mãi không chán. Tướng Dreedle ngấu nghiến những quả trứng tươi cho bữa sáng, bữa trưa và bữa tối - giữa những bữa ăn ông còn ngấu nghiến nhiều trứng tươi hơn - cho đến khi Milo tìm được nơi có nhiều thịt bê tươi, thịt bò, thịt vịt, sườn cừu non, mũ nấm, súp lơ xanh, đuôi tôm hùm đá Nam Phi, tôm, đùi lợn muối, bánh pudding, nho, kem, dâu, và a ti sô. Có ba liên đoàn khác ở trong không đoàn chiến đấu của tướng Dreedle, mỗi liên đoàn đều ganh tị và gửi máy bay của họ đến Malta mua trứng tươi, nhưng đều phát hiện ra rằng trứng tươi ở đó bán với giá bảy xu một quả. Do họ

có thể mua được từ Milo với giá năm xu một quả, nên sẽ là hợp lý hơn rất nhiều khi giao những nhà ăn của họ cho xanh đi ca của gã, và giao cho gã máy bay cũng như phi công để chuyên chở tất cả những thức ăn ngon khác mà gã cũng hứa sẽ cung cấp cho họ.

Tất cả mọi người đều phấn khởi trước những sự kiện mới này, hơn hết thảy là đại tá Cathcart, gã nghĩ rằng mình đã có thêm một chiến công. Gã luôn vui vẻ chào đón Milo mỗi khi họ gặp nhau và trong lúc tỏ ra hào phóng, gã đã ngẫu hứng đề nghị thăng cấp cho thiếu tá Major. Lời đề nghị này đã bị từ chối ngay lập tức tại trụ sở quân đoàn Không lực Hai mươi bảy do cựu binh nhất Wintergreen, tay này đã nguệch ngoạc viết một lời nhắc nhở cộc cằn, không có chữ ký rằng quân đội chỉ có một thiếu tá Major Major Major và rằng họ sẽ không chịu mất đi điều đó bằng việc thăng cấp cho anh ta chỉ để cho đại tá Cathcart hài lòng. Đại tá Cathcart bị sốc vì lời khiển trách lỗ mãng và giận cá chém thớt bằng một hành động khá gay gắt. Gã đổ lỗi cho thiếu tá Major về thất bại này và quyết định giáng cấp Major thành trung úy vào cùng ngày hôm đó.

“Có lẽ họ sẽ không cho phép anh làm điều đó đâu,” trung tá Korn nhận xét với một nụ cười cảm thông, gã đang thích thú theo dõi toàn bộ câu chuyện. “Bởi cùng một lý do mà họ đã không cho phép anh thăng cấp cho anh ta. Ngoài ra, chắc chắn trông anh sẽ càng ngớ ngẩn nếu anh giáng cấp anh ta xuống trung úy ngay sau khi cố thăng cấp anh ta lên ngang chức tôi.”

Đại tá Cathcart cảm thấy bị bao vây từ mọi phía. Gã đã thành công hơn nhiều trong vụ kiếm lấy một tấm huân chương cho Yossarian sau khi Ferrara sụp đổ, khi cây cầu bắc qua sông Po vẫn đứng vững không bị phá hỏng bảy ngày sau khi đại tá Cathcart xung

phong đưa quân đi ném bom nó. Tổng cộng có tới chín chuyến bay mà quân của gã đã thực hiện trong vòng sáu ngày, và cây cầu vẫn không bị phá cho tới chuyến bay thứ mười vào ngày thứ bảy, khi Yossarian giết chết Kraft và những người trên cùng máy bay với y bằng việc đưa cả đoàn bay gồm sáu chiếc lượn lại mục tiêu thêm một lần nữa. Yossarian rất cẩn thận trong lần ném bom thứ hai bởi vì hồi đó y rất dũng cảm. Y vùi đầu vào máy ngắm cho đến khi toàn bộ bom được thả xuống; khi y nhìn lên, bên trong máy bay thấy đều đẫm một màu cam kỳ dị. Lúc đầu y còn tưởng máy bay của chính mình đang bốc cháy. Sau đó y nhìn thấy chiếc máy bay khác với bộ động cơ bị bốc cháy ở ngay phía trên và y đã hét lên qua điện đàm nội bộ ra lệnh cho McWatt rẽ trái ngay. Một giây sau đó cánh máy bay của Kraft bị rụng ra. Chiếc máy bay bất hạnh ngùn ngụt rơi xuống, đầu tiên là phần thân, sau đó là chiếc cánh vẫn đang quay tít, trong lúc một trận mưa rào những mảnh kim loại nhỏ nhảy nhót lách tách trên nóc máy bay của Yossarian và những tiếng đạn phòng không *bùm chéo! bùm chéo! bùm chéo!* vẫn liên tục vang lên khắp nơi xung quanh y.

Trở lại mặt đất, mọi con mắt đều nhìn chằm chằm dõi theo khi y bước đi trong cảm giác chán ngán ủ ê tới gặp đại úy Black bên ngoài mái hiên xanh của phòng chỉ dẫn để báo cáo và biết được rằng đại tá Cathcart và trung tá Korn đều đang đợi gặp y ở trong. Thiếu tá Danby đứng chặn cửa, xua tất cả mọi người ra xa với bộ mặt tái mét. Yossarian chân tay rã rời vì kiệt sức và chỉ muốn cởi bỏ bộ quần áo đang dính chặt vào người. Y bước vào phòng chỉ dẫn với những cảm xúc lẫn lộn, chưa biết nên cảm thấy thế nào về Kraft và những người khác, bởi vì tất cả bọn họ đều đã chết ở một nơi rất xa trong đớn đau riêng tư câm lặng vào lúc y cũng mắc kẹt trong

cùng cảnh tiến thoái lưỡng nan gớm guốc và dằn vặt của nhiệm vụ kiêm kiếp đọa đày.

Mặt khác, sự kiện này cũng khiến cho đại tá Cathcart hoàn toàn tuyệt vọng. “Hai lần ư?” gã hỏi.

“Vì nếu thả ngay lần đầu tiên thì tôi hẳn đã hụt mục tiêu,” Yossarian nhẹ nhàng đáp, mặt cúi gằm xuống.

Tiếng họ nói vọng suốt căn nhà gỗ dài và hẹp.

“Nhưng những hai lần?” đại tá Cathcart hỏi lại, hoàn toàn không tin nổi.

“Vì nếu thả ngay lần đầu tiên thì tôi hẳn đã hụt mục tiêu,” Yossarian lặp lại.

“Nhưng Kraft hẳn đã còn sống.”

“Và cây cầu hẳn vẫn còn đó.”

“Một phi công được đào tạo có trách nhiệm phải thả bom ngay trong lần đầu tiên,” đại tá Cathcart nhắc cho y nhớ. “Cả năm người cắt bom kia đều đã thả hết bom trong lần đầu tiên.”

“Và đều không trúng mục tiêu,” Yossarian nói. “Nếu tôi cũng vậy thì có lẽ chúng ta lẽ ra đã phải quay lại đó.”

“Nhưng rất có thể anh sẽ thả trúng mục tiêu ngay lần đầu tiên.”

“Và cũng rất có thể tôi thả trượt.”

“Nhưng rất có thể sẽ không có tổn thất nào cả.”

“Và rất có thể sẽ có nhiều mất mát hơn, khi cây cầu vẫn còn đó. Tôi tưởng sếp muốn phá hủy cây cầu?”

“Đừng cãi,” đại tá Cathcart nói. “Tất cả chúng ta đều gặp quá đủ rắc rối rồi.”

“Tôi đâu có cãi sếp.”

“Anh đang cãi đấy. Ngay cả câu này cũng là một câu cãi.”

“Vâng thưa sếp. Tôi xin lỗi.”

Đại tá Cathcart điên cuồng bẻ đốt ngón tay. Trung tá Korn, một người chắc nịch, da sậm, ủy mị và bụng phệ đang ngồi hoàn toàn thư giãn trên một ghế hàng đầu, bàn tay đan lại thoải mái đặt trên cái đầu hói ngăm đen. Đôi mắt đằng sau cặp kính trần lấp lánh lộ vẻ thích thú.

“Chúng ta đang cố gắng để có thể khách quan hoàn toàn trong vụ này,” gã khều đại tá Cathcart.

“Chúng ta đang cố gắng để có thể khách quan hoàn toàn trong vụ này,” đại tá Cathcart sôi nổi nói với Yossarian trong niềm cảm hứng bất chợt. “Không phải là tôi ủy mị hay gì đâu. Tôi cóc thèm quan tâm đến mạng người hay chiếc máy bay. Chỉ có điều chuyện có vẻ quá ngớ ngẩn trên bản báo cáo. Làm thế nào để có thể che đậy được một thứ như này trong báo cáo?”

“Tại sao sếp không tặng thưởng cho tôi một huân chương?” Yossarian rụt rè gợi ý.

“Vì đã bay đi bay lại tới hai lần?”

“Sếp cũng đã cho Hungry Joe một huân chương khi anh ta mắc lỗi làm mất một chiếc máy bay.”

Đại tá Cathcart buồn bã cười khẩy. “Chúng tôi không đưa anh ra tòa án binh thì đã là rất may mắn cho anh rồi.”

“Nhưng tôi đã phá được cây cầu trong lần thứ hai,” Yossarian phản đối. “Tôi tưởng sếp muốn phá hủy nó.”

“Ôi, tôi đâu có biết tôi muốn gì,” đại tá Cathcart kêu lên bực tức. “Chậc, dĩ nhiên là tôi muốn phá hủy cây cầu. Nó đã gây cho tôi biết bao phiền toái kể từ khi tôi quyết định đưa các anh tới đó. Nhưng tại sao anh lại không thể làm được điều đó trong lần đầu tiên?”

“Tôi không có đủ thời gian. Hoa tiêu của tôi không chắc là chúng tôi đã tới đúng thành phố chưa.”

“Đúng thành phố ư?” đại tá Cathcart kinh ngạc. “Có phải giờ thì anh đang cố đổ trách nhiệm lên đầu Aarfy?”

“Không thưa sếp. Lỗi của tôi là đã để cho anh ta làm tôi mất tập trung. Tất cả những gì tôi muốn nói là tôi không phải là không thể mắc sai lầm.”

“Không ai là không thể sai,” đại tá Cathcart gay gắt nói, và rồi nói tiếp một cách đầy mơ hồ sau khi đã suy nghĩ thêm:

“Cũng không có ai là không thể thiếu được.”

Không có lời phản đối nào cả. Trung tá Korn uể oải vươn vai. “Chúng ta cần phải có một quyết định,” gã chăm chú nhìn về phía đại tá Cathcart.

“Chúng ta cần phải có một quyết định,” đại tá Cathcart nói với Yossarian. “Và tất cả chuyện đó là lỗi của anh. Tại sao anh lại vòng đi vòng lại hai lần? Tại sao anh không thể thả bom vào lần đầu tiên như tất cả những người khác?”

“Vì nếu thả ngay lần đầu tiên thì tôi hẳn đã hụt mục tiêu.”

"Dường như là chúng ta đang vòng đi vòng lại hai lần," trung tá Korn ngắt lời, bật cười một tiếng.

"Nhưng chúng ta sẽ làm gì đây?" đại tá Cathcart kêu lên tuyệt vọng. "Mọi người đang chờ bên ngoài kia kìa."

"Sao anh không tặng thưởng cho anh ta một huân chương nhỉ?" trung tá Korn đề xuất.

"Vì đã vòng đi vòng lại hai lần ư? Chúng ta có thể cho anh ta huân chương vì cái gì được đây?"

"Vì đã vòng đi vòng lại hai lần," trung tá Korn trả lời với một nụ cười trầm ngâm và thỏa mãn. "Rốt cuộc thì theo tôi phải rất dũng cảm mới dám vòng lại mục tiêu đó lần thứ hai mà không có máy bay nào hỗ trợ để phân tán bớt đạn phòng không. Và anh ta đúng là đã ném bom trúng cây cầu. Anh biết đấy, đó có thể là câu trả lời - hãy ca ngợi những gì đáng ra chúng ta phải xấu hổ. Dùng mẹo này thì không bao giờ thất bại cả."

"Anh nghĩ mọi chuyện sẽ ổn chứ?"

"Vụ này tôi chắc đấy. Và để chắc thêm nữa thì ta hãy thăng cấp cho anh ta lên hàm đại úy luôn đi."

"Anh không nghĩ như vậy là hơi quá lố sao?"

"Không, tôi không nghĩ vậy. Cứ chơi chắc thì hơn. Và cấp đại úy thì cũng chẳng khác gì mấy."

"Được thôi," đại tá Cathcart quyết định. "Chúng tôi sẽ trao cho anh huân chương vì đã đủ dũng cảm để bay quanh mục tiêu hai vòng. Và chúng tôi cũng sẽ phong anh làm đại úy."

Trung tá Korn với tay cầm mũ lên.

“Hãy cười như khi bước ra sân khấu,” gã nói đùa và vòng tay khoác lên vai Yossarian khi bọn họ bước ra ngoài cửa.

14 KID SAMPSON

Đến trận bologna, Yossarian đã đủ dũng cảm để không dám bay vòng quanh mục tiêu dù chỉ một lần, và cuối cùng, khi nhận ra mình đang lơ lửng trên không trong khoang đầu máy bay do Kid Sampson lái, y đã bấm nút điện đàm nội bộ và hỏi:

"Này, máy bay sao thế?"

Kid Sampson ré lên một tiếng. "Máy bay làm sao hả? Có chuyện gì vậy?"

Tiếng kêu của Kid Sampson khiến Yossarian hóa đá. "Có vấn đề gì không?" y hoảng hốt hét lên. "Chúng ta có phải nhảy dù không?"

"Tôi không biết!" Kid Sampson đau khổ đáp, than vãn trong khích động. "Ai đó nói là chúng ta phải nhảy dù ra! À mà ai vậy? Ai đó?"

"Yossarian ở khoang mũi đây! Yossarian ở khoang mũi. Tôi có nghe anh nói có chuyện gì đó. Không phải anh nói là có gì đó trục trặc à?"

"Tôi lại tưởng anh nói có gì trục trặc. Mọi thứ có vẻ như vẫn ổn. Mọi thứ vẫn ổn."

Tim Yossarian chùng xuống. Có cái gì rất không ổn nếu như tất cả mọi thứ đều ổn và họ không có lý do để quay lại. Y ủ rũ ngập

ngừng.

“Tôi không nghe thấy anh nói gì cả,” y nói.

“Tôi nói là tất cả mọi thứ đều ổn.”

Ánh mặt trời trắng lóa trên mặt nước màu xanh gốm bên dưới và trên những gờ sáng lóe của những chiếc máy bay khác. Yossarian nắm lấy những sợi dây màu nối tới hệ thống điện đàm nội bộ và rứt chúng ra.

“Tôi vẫn không nghe thấy anh nói gì cả.”

Y không nghe thấy gì cả. Rồi y từ tốn cầm lấy túi đựng bản đồ, ba bộ áo giáp và trườn về khoang giữa. Nately đang ngồi chặt trong chiếc ghế dành cho lái phụ, liếc mắt nhìn khi y đứng lên boong đằng sau Kid Sampson. Cậu mỉm cười với Yossarian, trông cậu nhợt nhạt, mong manh, rất trẻ, và rụt rè giữa một đống tai nghe, mũ, mic, áo giáp chống đạn và dù. Yossarian ghé sát vào tai Kid Sampson.

“Tôi vẫn không nghe anh nói gì cả,” y hét lên át cả tiếng động cơ.

Kid Sampson quay lại nhìn y kinh ngạc. Kid Sampson có gương mặt nhọn và hài hước với cặp lông mày xếch và bộ ria mảnh màu vàng.

“Gì cơ?” gã ngoái lại nói.

“Tôi vẫn không nghe thấy anh nói gì cả,” Yossarian lặp lại.

“Anh phải nói to lên,” Kid Sampson nói. “Tôi vẫn không nghe thấy gì.”

“Tôi nói là tôi vẫn không nghe thấy anh nói gì cả!” Yossarian gào lên.

“Không thể chịu nổi nữa,” Kid Sampson gào lên. “Tôi đang gào to hết mức có thể.”

“Tôi không thể nghe anh nói qua điện đàm nội bộ,” Yossarian rống lên trong tuyệt vọng. “Anh phải quay lại.”

“Điện đàm nội bộ ư?” Kid Sampson ngạc nhiên hỏi.

“Quay lại,” Yossarian nói, “trước khi tôi bẻ đầu anh.”

Kid Sampson nhìn về phía Nately mong có sự trợ giúp tinh thần, trong khi cậu này lại đang nhìn chằm chằm về phía khác. Quân hàm của Yossarian cao hơn cả hai người này. Kid Sampson ngần ngừ thêm một lúc rồi hăm hở đầu hàng bằng một tiếng reo của người chiến thắng.

“Với tôi thì tốt thôi,” gã vui vẻ tuyên bố, và bắt đầu liên tục huýt sáo. “Vâng thưa sê… ếp, thế thì rất tốt với Kid Sampson già cả này.” Gã lại huýt sáo và hét lên trên điện đàm nội bộ, “Giờ thì hãy nghe đây, hỡi những con chim bạc má bé nhỏ. Đô đốc Kid Sampson đang nói đây. Đô đốc Kid Sampson đang kêu quang quác, người là niềm tự hào của hải quân Nữ hoàng. Vâng thưa sê… ếp. Chúng ta đang quay về, hỡi những cậu bé, là lá la, *chúng ta đang quay về*!”

Nately vứt vèo luôn cả mũ và tai nghe đi đầy phấn khích, và cậu bắt đầu sung sướng lắc qua lắc lại trên ghế. Trung sĩ Knight tụt thẳng xuống từ ụ súng ở trên và bắt đầu thụi vào lưng tất cả bọn họ trong hân hoan cuồng nhiệt. Kid Sampson quay ngược máy bay lại thoát ra khỏi đội hình theo một vòng cung rộng và mềm mại, sau đó phi thẳng về sân bay. Khi Yossarian cắm lại điện đàm, hai tay súng ở khoang sau của máy bay đang hát bài “La Cucaracha”.

Khi về tới sân bay, bữa tiệc trên đột ngột xẹp xuống. Thay vào đó là im lặng và buồn bã, và Yossarian trở nên tỉnh táo và e dè khi xuống máy bay và ngồi lên một chiếc xe Jeep đã đợi sẵn ở đó. Không ai nói một câu gì trên đường về với những dãy núi, biển và những cánh rừng lặng lẽ mênh mông che phủ. Cảm giác cô độc vẫn tiếp diễn khi họ đi đến cuối đường và dừng lại ở phi đoàn. Yossarian là người cuối cùng ra khỏi xe. Một phút sau, chỉ có Yossarian và một ngọn gió nhẹ thổi hơi ấm là khuấy động bầu không khí tĩnh lặng đến rợn người đang treo trên đầu những túp lều vắng. Cả phi đoàn nằm đó trong vô cảm, không một bóng người, chỉ có bác sĩ Daneeka như một con gà đang ngồi run rẩy trong đau khổ bên ngoài lều quân y khép cửa, cái mũi đặc nghẹt cứ liên tục chọc, một cách khát khao và vô vọng, vào dòng ánh nắng mờ hơi nước đang chảy xuống quanh ông. Yossarian biết bác sĩ Daneeka sẽ không đi bơi với y. Bác sĩ Daneeka sẽ không bao giờ đi bơi nữa; ở mực nước sâu vài phân thôi người ta cũng có thể ngất đi hoặc bị một cú tắc động mạch vành mà chết đuối, rồi bị những dòng chảy ngầm cuốn ra khơi, hoặc bị tổn thương do nhiễm khuẩn hay viêm não mô cầu vì nhiễm lạnh hoặc vì quá sức. Sự nguy hiểm của Bologna đối với những người khác đã cho bác sĩ Daneeka càng thêm thấm thía về sự an toàn của ông. Giờ thì vào ban đêm ông đã nghe thấy cả tiếng kẻ trộm.

Mặc dù có cây oải hương đang âu sầu che khuất cửa lều tác chiến, Yossarian vẫn thấy bóng thượng sĩ White Halfoat, người luôn cần mẫn biển thủ rượu whisky, đang giả mạo chữ ký của những người không uống rượu và nhanh chóng rót tất cả rượu mà gã dùng để đầu độc mình vào những cái chai để có thể lấy được càng nhiều càng tốt trước khi đại úy Black nhớ ra và lười nhác đi vội đến đó để chôm nốt phần còn lại.

Chiếc xe Jeep nhẹ nhàng nổ máy lại. Kid Sampson, Nately cùng những người khác đã bon bon ra xa như một cơn lốc khẽ khàng và nhanh chóng bị nuốt vào khoảng không gian màu vàng tĩnh lặng ngọt ngào đầy giả dối. Chiếc xe Jeep khục khặc một tiếng rồi mất hút. Yossarian còn lại một mình trong khoảng thời gian tạm lắng buồn tẻ, nguyên sơ sau cơn bão mà ở đó tất cả những gì màu xanh đều trông như đen, và tất cả những gì còn lại đều nhuốm màu vàng mủ. Xa xa, gió thổi lá bay xào xạc. Y thấy bất an, sợ hãi và buồn ngủ. Sự kiệt quệ cáu đầy trong hốc mắt y. Y mệt mỏi lết vào lều quân trang, trong đó có một chiếc bàn gỗ dài mặt nhẵn, một mối hồ nghi dấy lên trong y như một con chó cái lải nhải đang dễ dàng khoét sâu vào lương tâm vốn tưởng như hoàn toàn trong sạch. Y bỏ bộ áo giáp và dù ở đó, trở lại đi qua xe nước tới lều quân báo để nộp lại túi bản đồ cho đại úy Black, tay này ngồi gà gật trên ghế với cặp chân tong teo dài lêu nghêu gác lên bàn và chất vấn y với vẻ tò mò đầy dửng dưng rằng tại sao máy bay của Yossarian lại quay về. Yossarian lờ đi. Y đặt bản đồ xuống bàn và ra khỏi đó.

Trở về lều của mình, y rúm người chuồi ra khỏi đống dây dù và sau đó là bộ quần áo. Orr đang ở Rome, chiều nay cũng đến hạn gã phải về đây sau kỳ nghỉ phép mà gã đã giành được nhờ vụ hạ cánh khẩn cấp xuống biển ngoài khơi Genoa. Nately, hẳn đã đang xếp đồ để tới thế chỗ gã, xúc động nghẹn ngào khi thấy mình vẫn còn sống và rõ ràng là rất sốt ruột được tiếp tục phi vụ tán tỉnh vô ích và khổ đau với cô gái điếm của cậu ở Rome. Khi Yossarian cởi đồ xong, y ngồi lên giường xếp để nghỉ. Y cảm thấy dễ chịu hơn nhiều ngay từ khi trần truồng. Y chưa bao giờ thấy thoải mái khi mặc quần áo. Một lúc sau, y mặc vào người một chiếc quần đùi sạch và xỏ giày mô ca đi ra bãi biển, chiếc khăn tắm vải kaki màu vắt trên vai.

Đường đi từ phi đoàn đưa y vòng qua một ụ súng bí hiểm trong rừng; hai trong số ba lính gác ở đó đang nằm ngủ trên những chiếc túi cát xếp vòng tròn, tay thứ ba thì đang ăn một quả lựu tím, nhồm nhoàm ngoạm đầy mồm từng miếng lớn rồi nhổ xơ vào bụi cây. Gã cứ cắn một miếng là nước quả màu đỏ lại ứa khỏi miệng gã. Yossarian tiếp tục cuốc bộ vào rừng, thỉnh thoảng lại âu yếm vuốt ve cái bụng trần đang ngứa ngáy như thể muốn chắc rằng mọi thứ vẫn đang ở đó. Y cậy một ít ghét ra khỏi rốn. Đột nhiên dọc theo hai bên đường đi, y thấy hàng mớ cây nấm mới mọc ra sau cơn mưa đang thọc những ngón tay nổi u cục lên khỏi mặt đất sền sệt như những cuống thịt chết, sinh sôi thành một cảnh hoại tử tràn lan nhìn đâu cũng thấy, đến độ cơ hồ chúng đang nảy nở ngay trước mắt y. Có hàng nghìn cây nhung nhúc tới tận những bụi cây thấp đằng xa ngút tầm mắt y, và có vẻ như còn đang liên tục phình ra và nhân lên khi y quan sát chúng. Y vội vã rời khỏi đó trong cảm giác rùng mình sợ hãi đầy ma quái, và không dám chậm lại cho đến khi đất nhão dưới chân biến thành cát khô và lũ nấm đã bị bỏ lại sau lưng. Y nơm nóp liếc nhìn lại phía sau, nửa như muốn thấy những thứ ẻo lả trắng bệch kia đang mù quáng bò trên mặt đất đuổi theo y hoặc uốn éo như rắn trườn lên qua những ngọn cây dưới dạng một khối biến hình quằn quại không sao kiểm soát được.

Bãi biển vắng tanh. Chỉ có tiếng rì rào, ầm ào vang vọng của nước, tiếng thở thì thầm của đám cỏ cao và bụi thấp phía sau lưng y, tiếng rền rĩ thờ ơ của những ngọn sóng lầm lũi trong mờ. Sóng biển ở đây luôn nhỏ, nước trong và mát. Yossarian bỏ đồ lại trên cát và di chuyển qua những ngọn sóng cao tới đầu gối ra chỗ ngập cả người. Ở phía bờ biển bên kia, một dải đất tối gập ghềnh cuộn mình nằm gọn trong sương mù, gần như mất hút. Y uể oải bơi ra bè gỗ,

dừng lại ở đó một chút, rồi lại uể oải bơi về khoảng nước mà chân y có thể đứng trên đáy cát. Y ngụp đầu xuống mặt nước xanh lục nhiều lần cho đến khi y cảm thấy sạch và tỉnh táo, rồi duỗi người nằm úp mặt xuống cát mà ngủ cho đến khi những chiếc máy bay trở về từ Bologna đang lơ lửng trên đầu và tiếng ầm ầm của động cơ chúng tích lũy thành một tiếng gầm rung chuyển mặt đất ập tới phá tan giấc kê vàng của y.

Y chớp mắt tỉnh dậy với cảm giác hơi đau đầu và mở mắt ra để thấy một thế giới đang sục sôi hỗn loạn trong lúc mọi thứ vẫn đang rất trật tự. Y há hốc miệng kinh ngạc tột độ trước cảnh tượng ngoạn mục gồm mười hai chiếc máy bay đang bình tĩnh tổ chức thành đội hình. Khung cảnh này kỳ lạ quá không thể tin được. Không có chiếc máy bay nào bị văng ra phía trước vì trúng thương, không có chiếc nào bị tụt lại phía sau vì trúng đạn. Không một lưỡi lửa tai họa nhả khói trên bầu trời. Không thiếu chiếc nào ngoại trừ chiếc của y. Trong một khoảnh khắc, y như tê liệt trong cảm giác điên rồ. Rồi y hiểu ra, và suýt khóc nấc lên trước sự trớ trêu của số phận. Lời giải thích thật đơn giản: họ vẫn phải bay tới Bologna nhưng mây đã che kín mục tiêu khiến cho máy bay không thể ném bom.

Y đã nhầm. Trời đã chẳng có chút mây. Bologna đã bị ném bom. Bologna chỉ là một vụ đi đưa sữa. Không có súng phòng không ở đó.

15 PILTCHARD VÀ WREN

Đại úy Piltchard và đại úy Wren là những sĩ quan tác chiến hiền lành của phi đoàn, cả hai đều là những người hòa nhã, nhẹ nhàng với chiều cao khiêm tốn, thích bay chiến đấu và không cầu xin gì từ cuộc đời này cũng như từ đại tá Cathcart ngoài cơ hội được tiếp tục bay ra trận. Họ đã bay hàng trăm trận và muốn được bay thêm hàng trăm trận nữa. Họ xung phong bay tất cả các trận. Đối với họ chiến tranh là điều tuyệt vời nhất từng xảy ra; và họ cứ sợ nó sẽ không bao giờ xảy ra nữa. Họ thực hiện nhiệm vụ của mình khiêm tốn và trầm lặng, hầu như không chút nhặng xị, và cố gắng hết sức không gây thù kết oán với ai. Họ nhanh chóng mỉm cười với bất cứ ai đi ngang qua. Khi nói chuyện, họ chỉ lầm bầm. Họ giảo hoạt, vui vẻ, khúm núm, và chỉ thực sự thoải mái khi chỉ có riêng họ với nhau, họ chưa từng nhìn thẳng vào mắt ai, kể cả mắt Yossarian ở buổi họp ngoài trời khi họ công khai trách móc y vì đã bắt Kid Sampson quay lại trong trận Bologna.

"Các anh," đại úy Piltchard nói, gã có mái tóc đen khá thưa và nụ cười gượng gạo. "Khi các anh quay lại, làm ơn hãy đảm bảo rằng đó là vì một lý do quan trọng, được chứ hả. Đừng vì một lý do vớ vẩn… như kiểu hệ thống điện đàm nội bộ hỏng hay gì đấy tương tự thế. Được không? Đại úy Wren sẽ nói thêm với các anh về chuyện này."

“Đại úy Piltchard nói đúng đấy, các anh ạ,” đại úy Wren nói. “Và đó cũng là tất cả những gì tôi muốn nói với các anh về chuyện này. Chậc, rốt cuộc hôm nay chúng ta cũng đã tới được Bologna, và chúng ta đã thấy trận này chỉ là một màn đưa sữa. Tất cả chúng ta đều hơi hồi hộp, tôi đoán vậy, và đều không đánh phá được nhiều. Chậc, nghe này. Đại tá Cathcart đã xin phép cho chúng ta quay lại. Để ngày mai chúng ta sẽ cho những kho đạn kia ra bã. Nào, các anh thấy sao?”

Và để chứng tỏ cho Yossarian rằng họ không thù hận gì y, họ đã phân y làm người cắt bom trưởng cùng với McWatt ở đội bay đầu tiên khi trở lại Bologna ngày hôm sau. Y đã bay tới mục tiêu như Havermeyer, và tự tin không tháo chạy một chút nào, và bất chợt ăn nhiều đạn đến vãi linh hồn!

Súng phòng không hạng nặng có ở khắp mọi nơi! Y đã bị ru ngủ, bị dụ dỗ và sập bẫy, và y chẳng thể làm gì ngoài việc ngồi đó như một thằng ngu nhìn những luồng đen sì xấu xí phụt lên để giết y. Từ bây giờ tới lúc bom thả xong y chẳng thể làm gì ngoài cứ nhìn lại vào máy ngắm, nơi hai đường vuông góc trong ống ngắm dính chặt trên mục tiêu ở chính xác chỗ y dự tính, giao điểm nằm hoàn hảo sâu trong sân của dãy nhà kho ngụy trang nằm trước tòa nhà đầu tiên. Người y đều đặn rung lên khi máy bay lết về phía trước. Y nghe thấy tiếng *bùm bùm bùm bùm* trống rỗng của đạn phòng không dộng khắp quanh mình, loạt bốn tiếng này chồng lên loạt bốn tiếng khác, rồi tiếng đoàng! chói tai buốt óc của một quả đạn pháo đơn bất ngờ nổ rất gần y! Đầu y như nổ tung với hàng nghìn xung động trái ngược khi y cầu nguyện mong sớm thả bom xong. Y muốn nức nở khóc. Tiếng động cơ rì rì đều đặn như một con ruồi béo lười biếng. Cuối cùng thì những chỉ số trên máy ngắm đã khớp, theo sau là lần

lượt những quả bom 500 pound nối đuôi nhau rơi xuống. Máy bay tròng trành vui vẻ bay lên khi trút bớt được gánh nặng. Yossarian xoay người khỏi máy ngắm để nhìn đồng hồ bên trái. Khi kim chạm số không thì y đóng cửa khoang bom lại và, qua điện đàm nội bộ, y hét to hết mức có thể:

"Rẽ phải ngay lập tức!"

McWatt phản ứng ngay tức thì. Cùng với tiếng động cơ rú lộng óc, gã lật nghiêng máy bay về một bên và không thương tiếc quay ngoắt đi để tránh luồng đạn phòng không đôi mà Yossarian phát hiện ra đang phóng về phía họ. Sau đó Yossarian bắt McWatt nâng độ cao, nâng lên mãi cho đến khi cuối cùng họ đã thoát tới được bầu trời bình yên màu xanh kim cương với nắng rực rỡ tinh khiết ở khắp mọi nơi và bỏ lại đằng xa những dải khói trắng dài mỏng mảnh. Gió mơn man các ô cửa kính, và y hân hoan thư giãn cho đến khi họ lại tăng tốc và ra lệnh cho McWatt rẽ trái và lao xuống trở lại, một chút tự hào thoáng qua khi thấy những chùm đạn phòng không nhiều như nấm nhảy vọt lên phát nổ cao phía trên đầu y và phía sau bên trên vai phải y, ngay tại chỗ mà nếu như y không rẽ trái và bổ nhào xuống thì đã lãnh trọn. Y lại hét lạc cả giọng bắt McWatt đưa máy bay trở lại thăng bằng rồi lại thúc gã lao lên cao và quay đầu trở lại vào một mảnh trời xanh tả tơi trong vắt đúng vào lúc những quả bom mà y ném xuống bắt đầu nổ. Quả đầu tiên rơi vào sân, đúng nơi y đã ngắm, sau đó những quả còn lại từ máy bay y cũng như những máy bay khác cùng đội cũng nổ tung trên mặt đất thành những chớp sáng màu cam khắp trên nóc các tòa nhà, chúng lập tức sụp xuống trong một trận sóng khổng lồ cuồn cuộn khói tím, xám và đen hỗn loạn tràn về mọi hướng, trong lòng trận sóng ấy rung

chuyển dữ dội như thể vừa trúng phải những tia sét dữ dội màu đỏ, trắng và vàng.

“Chà, xem kìa,” Aarfy thốt lên kinh ngạc ngay bên cạnh Yossarian, khuôn mặt tròn bầu bĩnh ánh lên vẻ mê say rạng rỡ. “Chắc chắn phải có một kho đạn ở đó.”

Yossarian đã quên bẵng Aarfy. “Ra khỏi đây!” y hét lên.

“Ra khỏi khoang mũi ngay!”

Aarfy mỉm cười lịch sự và chỉ tay xuống dưới mục tiêu với vẻ hào phóng mời Yossarian xem. Yossarian bắt đầu tát gã liên tục và điên cuồng xua gã quay lại cửa lối trườn.

“Về ngay!” y gào lên điên dại. “Về khoang của anh ngay!”

Aarfy nhún vai đầy thân ái. “Tôi không nghe thấy anh nói gì cả,” gã giải thích.

Yossarian túm chặt lấy dây buộc dù của gã và đẩy gã quay lại lối trườn đúng lúc máy bay bị chấn động một cú chói óc khiến cho xương y như vỡ rạn và tim như ngừng đập. Y biết ngay là tất cả bọn họ sẽ chết.

“Vọt lên!” y hét vào điện đàm ra lệnh cho McWatt khi thấy ra gã vẫn còn sống. “*Lên đi, đồ chết tiệt! Lên, lên, lên, lên!*”

Máy bay đột ngột phóng vọt lên trong một cú nâng độ cao chớp nhoáng và căng thẳng, cho đến khi y lại gào lên với McWatt đòi đưa máy bay thăng bằng trở lại và bẻ lái bắt nó gầm lên quay ngoắt không thương tiếc một góc bốn mươi lăm độ làm ruột gan lộn tùng phèo và y bị treo lơ lửng bất động giữa không trung cho đến khi y lại bắt McWatt đưa máy bay thăng bằng trở lại đủ lâu để ném y trở lại về bên phải, sau đó rít lên bổ nhào xuống. Y tăng tốc xuyên qua

những đốm bất tận khói đen ma quái, một vệt đen bay phất phới trên lớp kính thủy tinh trơn nhẵn của mũi máy bay như một làn hơi nước quỷ quái, ẩm ướt, ám muội phảng phất bên má y. Tim y đang nện thình thịch trong kinh hoàng khi y cứ văng lên văng xuống liên tục xuyên qua những loạt đạn phòng không không mắt vãi tua tủa lên trời như muốn giết y, đoạn chùng xuống như ngưng hẳn. Mồ hôi túa ra từ cổ y như những dòng nước lũ, trào xuống ngực rồi xuống thắt lưng, cảm giác như dầu nhớt ấm. Y mơ hồ nhận ra trong một khoảnh khắc rằng những chiếc máy bay khác trong đội bay của y không còn ở đó nữa, và rồi y chỉ còn nhận biết được mỗi bản thân. Cổ họng y đau như vừa bị chém toang vì y đã phải gào hết sức mỗi khi ra lệnh cho McWatt. Động cơ rống lên inh ỏi, tru tréo, quằn quại mỗi lần McWatt chuyển hướng. Và ở xa xa phía trước, hàng chùm đạn phòng không vẫn tràn ngập bầu trời, được bắn lên từ những khẩu đội pháo mới đang thọc nòng lên cao xoay tròn căn độ cao tàn ác chờ y bay vào tầm súng.

Máy bay lại bất chợt bị va chạm mạnh cùng với một tiếng nổ to đinh tai nhức óc khiến cho nó gần như bị lật ngược, và khoang mũi ngay lập tức ngập đầy những đám mây khói xanh lam. Có gì đó đang bốc cháy! Yossarian lao đi chạy trốn và đâm bổ vào Aarfy, gã này đã quẹt một que diêm và điềm tĩnh châm lửa cho tẩu thuốc. Yossarian há hốc miệng, choáng váng và bối rối tột độ nhìn chằm chằm vào gã hoa tiêu mặt tròn đang nhăn nhở cười. Y chợt nhận ra rằng trong hai người bọn họ nhất định phải có một người điên.

“Chúa ơi!” y gào lên với Aarfy trong sự kinh ngạc đau đớn. “Cút khỏi buồng lái ngay! Anh điên à? Ra ngoài đi!”

“Gì cơ?” Aarfy nói.

“Đi ra!” Yossarian cuồng loạn thét lên, và bắt đầu đấm Aarfy bằng cả hai tay để xua gã ra. “Ra!”

“Tôi vẫn không nghe thấy anh nói gì cả,” Aarfy ngơ ngác đáp với vẻ hòa nhã và bối rối đầy trách móc. “Anh phải nói to lên chút nữa.”

“Ra khỏi khoang mũi!” Yossarian tuyệt vọng rít lên. “Họ đang cố giết chúng ta! Không hiểu à? Họ đang cố giết chúng ta!”

“Tôi phải bay theo hướng nào đây, mẹ kiếp!” McWatt điên tiết ré lên trên hệ thống điện đàm đau khổ. “Tôi sẽ phải bay theo hướng nào?”

“Rẽ trái! Trái, đồ chó đẻ bẩn thỉu trời đánh thánh vật! *Rẽ trái ngay!*”

Aarfy bò lên sát sau lưng Yossarian và chọc mạnh thân cái tẩu vào sườn y. Yossarian bắn thẳng lên trần ré lên như ngựa hí, đoạn xoay ngược người lại, khuỵu gối, mặt trắng bệch như một tờ giấy và run lên vì giận. Aarfy nháy mắt động viên và giơ ngón cái về phía McWatt bĩu môi đầy vẻ hài hước.

“Cái gì vừa ăn thịt *chàng* vậy?” gã hỏi rồi phá lên cười.

Một cảm giác méo mó kỳ quái ập đến với Yossarian. “Có ra khỏi đây không?” y ré lên van nài rồi lấy hết sức bình sinh xô Aarfy ngã nhào. “Anh điếc à hay là bị làm sao? Quay trở lại vị trí!” Rồi y quay về phía McWatt thét lên, “Xuống! Xuống!”

Một lần nữa họ lại chìm xuống hàng rào hằng hà sa số đạn pháo phòng không đang nổ ầm ầm như muốn nghiến nát họ, đúng lúc đó Aarfy lại rón rén bò tới đằng sau Yossarian và lại chọc mạnh vào sườn y. Yossarian lại hoảng hốt nhảy dựng lên vẫn với tiếng thét như ngựa hí.

“Tôi vẫn không nghe thấy anh nói gì cả,” Aarfy nói.

“Tao bảo là mày cút *khỏi đây* ngay!” Yossarian hét to và òa khóc. Y bắt đầu vận hết sức đấm vào người Aarfy bằng cả hai tay. “Tránh *xa* tao ra! Tránh *xa* ra!”

Đấm Aarfy như đấm bao tải vậy. Không có chống cự, không có chút phản ứng nào từ cục thịt nhão vô cảm đó, một lúc sau Yossarian hết hứng và tuyệt vọng buông tay vì kiệt sức. Y chìm trong cảm giác nhục nhã vì bất lực và đã sẵn sàng khóc sướt mướt vì thương thân đến nơi.

“Anh nói gì cơ?” Aarfy hỏi.

“Tránh xa tôi ra,” Yossarian trả lời, đổi giọng năn nỉ. “Quay về chỗ của anh đi.”

“Tôi vẫn không nghe thấy anh nói gì cả.”

“Thôi bỏ đi,” Yossarian rền rĩ, “thôi bỏ đi. Cứ để tôi yên là được.”

“Thôi bỏ cái gì đi cơ?”

Yossarian bắt đầu tự đấm vào trán. Túm lấy ngực áo Aarfy và chân gồng lên để tạo thêm lực, y kéo gã ra đuôi khoang mũi và ném gã như ném một cái túi núc ních cồng kềnh xuống cửa lối trườn. Một quả đạn nổ tung đánh rầm như một cái tát kỳ diệu ngay bên tai y khi y lồm cồm trở lại phía trước, và chút trí thông minh chưa bị hủy hoại hiện còn nằm sâu thẳm trong y tự hỏi có thật là nó đã không giết sạch tất cả bọn họ hay không. Rồi họ lại vọt lên. Động cơ lại rú lên như thể đang đau đớn, và không khí bên trong máy bay trở nên cay sè mùi máy móc và hôi hám mùi xăng dầu. Điều tiếp theo y biết: đó là tuyết đang rơi!

Hàng nghìn mẩu giấy trắng nhỏ xíu đang rơi như những bông tuyết bên trong máy bay, xoay quanh đầu y dày đặc tới mức bám cả vào lông mi khi y kinh ngạc chớp mắt và phất phới trên lỗ mũi và cặp môi y mỗi khi y hít thở. Khi y hoang mang quay người nhìn quanh, Aarfy kiêu hãnh toét miệng cười đến tận mang tai như một thứ không phải là người và giơ một tấm bản đồ giấy rách nát cho Yossarian xem. Một mảnh đạn lớn đã xé toang sàn đi lên qua mớ bản đồ lộn xộn của Aarfy rồi lại xé trần xuyên ra ngoài chỉ cách đầu họ vài phân. Niềm vui của Aarfy thật vô bờ bến.

"Nhìn cái này đi được không?" gã thì thầm, hai ngón tay ngắn tủn vẫy vẫy trêu chọc trước mặt Yossarian qua lỗ thủng trên một cái bản đồ. "Nhìn cái này đi được không?"

Yossarian chết lặng trước vẻ mãn nguyện vô ngần của gã. Aarfy như con yêu tinh kỳ quái trong một giấc mơ, không thể làm nó bị thương và không thể lẩn trốn khỏi nó, còn Yossarian thì kinh sợ gã vì một loạt những lý do phức tạp mà y chưa phân tích được cũng vì sợ quá. Gió thổi qua lỗ hổng lởm chởm ở trên sàn khiến cho vô số mẩu giấy bay vòng tròn như những mảnh thạch cao tuyết hoa nhẹ như giấy và góp phần tạo nên một cảm giác phi thực bóng nhoáng và đẫm nước. Mọi thứ dường như đều kỳ lạ, quá lòe loẹt và lố bịch. Đầu y rần rật vì tiếng hò hét cứ khoan liên tục vào hai lỗ tai y. McWatt đang điên cuồng lảm nhảm cầu xin y chỉ đường. Yossarian tiếp tục đau đớn chằm chằm nhìn như bị thôi miên vào hình dáng Aarfy tròn ung ủng đang tươi cười với y thật thanh thản và trống rỗng qua những dòng xoáy giấy trắng và kết luận gã đúng là một thằng điên nặng đúng lúc tám chùm đạn phòng không nổ tung liên tiếp ngang tầm mắt y về phía tay phải, sau đó là tám chùm nữa, tám

chùm nữa, chùm cuối cùng lệch về phía bên trái tới mức gần như đang ở ngay trước mặt y.

“Rẽ trái ngay!” y lại rống lên với McWatt trong khi Aarfy vẫn tiếp tục cười toe, và McWatt lập tức ngoặt sang bên trái, nhưng đạn cũng quay ngoặt sang trái cùng với họ, và bám rất sát, Yossarian lại rống lên. “Tôi đã nói sang trái nữa, nữa, nữa nữa, chết tiệt, nữa đi!”

McWatt bẻ chiếc máy bay sang trái mạnh thêm nữa, và bất chợt, thật là thần kỳ, họ đã nằm ngoài tầm đạn. Đạn đã ngừng theo. Súng phòng không cũng không nã vào họ nữa. Bọn họ đã sống.

Phía sau y, người ta đang chết dần. Trải dài hàng dặm theo một đường cong quằn quại, khốn khổ, đọa đày, các đội bay khác đang tiếp tục cùng hành trình hiểm nguy vừa qua của y ở trên đầu mục tiêu, len lỏi thật nhanh qua hàng đám căng phình những cú phát nổ cả cũ lẫn mới của đạn phòng không như những đàn chuột chạy đua qua phân của chính chúng. Một chiếc máy bay bốc cháy, loạng choạng rời khỏi đội hình một mình, bùng lên kỳ vĩ như một ngôi sao đỏ máu quái dị. Trước mắt Yossarian, chiếc máy bay cháy trôi nghiêng về một bên và bắt đầu từ từ lao xuống đất theo đường xoắn ốc rộng, cuốn theo là lửa và khói. Có những chiếc dù bật ra, một, hai, ba… bốn, rồi sau đó máy bay xoay tròn tít mù và rơi thẳng xuống đất, quằn quại trong giàn thiêu của nó như một miếng giấy lụa màu. Cả đội bay của một phi đoàn khác cũng đã bị bắn tan tành.

Yossarian thở dài ảm đạm, y đã xong việc ngày hôm nay. Y bơ phờ và nhớp nháp. Động cơ ngâm nga ngọt ngào khi McWatt bay chậm lại đợi cho tất cả những chiếc máy bay còn lại trong đội bắt kịp. Cảm giác tĩnh tại bất ngờ dường như lạ lùng và giả tạo, hơi quỷ

quyệt. Yossarian tháo dây áo giáp và bỏ mũ ra. Y lại thở dài, bồn chồn không yên, nhắm mắt lại và cố thư giãn.

“Orr đang ở đâu?” ai đó hỏi y qua hệ thống điện đàm nội bộ.

Yossarian bật dậy với một tiếng kêu thất thanh lo lắng và đưa ra lời giải thích duy nhất hợp lý cho toàn bộ hiện tượng bí hiểm của đạn phòng không ở Bologna: Orr! Y chồm người lên trước nhìn qua ống ngắm để tìm dấu vết của Orr bên dưới, tay này như một thỏi nam châm hút đạn, và hiển nhiên đã lập tức thu hút toàn bộ số đội pháo của Sư đoàn Hermann Goering tới Bologna từ mọi chốn khỉ ho cò gáy mà cho tới trước đó một ngày, khi Orr vẫn còn đang ở Rome, chúng vẫn đang yên vị. Aarfy chợt nhảy xổ về trước, xô cả vành mũ giáp sắc lẹm vào sống mũi Yossarian. Yossarian chửi gã thậm tệ, đau ứa nước mắt.

“Gã kia kìa,” Aarfy rầu rĩ khua môi múa mép, đột ngột chỉ tay xuống một xe cỏ khô và hai con ngựa đang đứng ở trước chuồng ngựa một nông trại đá xám. “Tan thành từng mảnh. Tôi đoán chừng bọn họ tiêu cả rồi.”

Yossarian lại chửi Aarfy và tiếp tục tập trung tìm kiếm, trầm lại trong một nỗi sợ hãi đầy cảm thương cho gã ở chung lều hoạt bát với chiếc răng thỏ kỳ quái, kẻ đã đập vỡ trán Appleby bằng vợt bóng bàn và kẻ đang một lần nữa khiến cho Yossarian sợ đến lạnh người. Cuối cùng thì Yossarian cũng đã phát hiện ra chiếc máy bay hai động cơ, bánh lái đôi, khi nó ra khỏi nền xanh lục của những cánh rừng và bay trên những cánh đồng vàng. Một trong những cánh quạt bám đầy lông chim và nằm bất động, nhưng chiếc máy bay vẫn duy trì được độ cao và đi đúng hướng. Yossarian chợt thì thầm tạ ơn

Chúa rồi cáu kỉnh nháy đèn báo hiệu cho Orr trong một tràng quát tháo vừa oán giận vừa nhẹ nhõm.

“Thằng khốn!” y bắt đầu. “Thằng chó đẻ, con chuột cống răng thỏ, đầu xoăn, má bự, mặt đỏ trời đánh thánh vật!” Yossarian lắp bắp.

“Gì cơ?”

“Thằng khốn chó đẻ, điên khùng, nhăn nhở, răng thỏ, nhỏ thó, mắt lồi, má quả táo, mông sệ!”

“Cái gì?”

“Thôi bỏ đi!”

“Tôi vẫn không nghe thấy anh nói gì cả,” Aarfy đáp.

Yossarian từ từ quay người lại đối mặt với Aarfy. “Mày là đồ ngu,” y bắt đầu nói.

“Tôi ấy hả?”

“Đồ thùng rỗng, ục ịch, dễ dãi, ngây ngô, tự mãn…”

Aarfy vẫn bình thản. Gã bình tĩnh quẹt một que diêm và ầm ĩ rít tẩu thuốc với vẻ nhân từ, cao thượng. Gã mỉm cười xã giao và mở miệng ra toan nói. Yossarian lấy tay bịt miệng Aarfy lại và yếu ớt đẩy gã đi. Y nhắm mắt lại và giả vờ như đang ngủ suốt chặng bay về lại phi trường để không phải nghe hoặc nhìn thấy Aarfy nữa.

Tại phòng chỉ dẫn, Yossarian viết báo cáo gửi lại đại úy Black rồi lẩm bẩm chờ đợi cùng với tất cả những người khác cho đến khi chiếc máy bay của Orr cuối cùng đã bình bịch bay về trong tầm mắt của mọi người, một động cơ tốt đã gan góc giữ cho gã không rơi. Ai nấy đều nín thở. Bánh máy bay của Orr không chịu hạ xuống. Yossarian ở lại cho tới khi Orr nhào xuống đất an toàn, rồi ngay sau

đó y nhảy lên chiếc xe Jeep đầu tiên có khóa ở ổ cắm và phi về lều của mình để điên cuồng xếp đồ đi nghỉ phép khẩn cấp ở Rome, nơi y đã tìm thấy Luciana và vết sẹo vô hình của cô vào tối hôm đó.

16 LUCIANA

Y gặp Luciana đang ngồi một mình bên một cái bàn tại hộp đêm dành cho sĩ quan quân Đồng minh, thiếu tá Anzac say xỉn là người đã đưa cô tới đó và đủ ngu ngốc bỏ cô lại để tham gia hội hát hò thô tục ở quầy bar.

“Được thôi, tôi sẽ nhảy với anh,” cô nói, trước cả khi Yossarian mở miệng. “Nhưng tôi sẽ không cho phép anh ngủ với tôi.”

“Ai đã hỏi cô đâu?” Yossarian hỏi cô.

“Anh không muốn ngủ với tôi ư?” cô kêu lên kinh ngạc.

“Tôi không muốn nhảy với cô.”

Cô túm lấy tay Yossarian kéo y ra sàn nhảy. Cô nhảy còn kém cả y, nhưng cô tưng tưng nhảy khắp sàn theo điệu nhạc giật cục giả tạo kia với sự thoải mái và vui sướng hơn hết thảy những gì y từng thấy cho đến khi y cảm thấy cặp giò của mình ngủ gật đến nơi vì buồn chán và kéo giật cô ra khỏi sàn nhảy tới chỗ cái bàn có một cô gái mà lẽ ra giờ này đang làm tình với y, cô ta vẫn ngồi ở đó ngà ngà say, một tay choàng qua cổ Aarfy, chiếc áo vải satin màu cam xộc xệch mở cúc tụt xuống buông hững hờ bên dưới chiếc áo lót ren ngồn ngộn màu trắng trong lúc cô đang nói chuyện sex thô tục với Huple, Orr, Kid Sampson và Hungry Joe. Y vừa mò tới được chỗ bọn họ thì Luciana bất ngờ xô mạnh y một phát, khiến cả hai người

ra xa khỏi bàn, thế là họ vẫn ở riêng với nhau. Luciana là một cô gái cao lớn, mỡ màng với mái tóc dài và khuôn mặt xinh đẹp, đẫy đà, vui vẻ và thích đong đưa.

“Được rồi,” cô nói, “tôi sẽ cho phép anh mời tôi ăn tối. Nhưng tôi sẽ không cho phép anh ngủ với tôi.”

“Ai đã hỏi cô đâu?” Yossarian ngạc nhiên hỏi.

“Anh không muốn ngủ với tôi ư?”

“Tôi không muốn mời cô ăn tối.”

Cô kéo y ra khỏi hộp đêm để ra ngoài phố, qua một dãy bậc thang để xuống một nhà hàng chợ đen toàn những cô gái sống động, líu lo và hấp dẫn dường như đã quen biết nhau cả, đi cùng họ là mấy gã sĩ quan quân đội trông có vẻ ngượng ngập đến từ nhiều nước khác nhau. Đồ ăn ở đó khá tinh tế và đắt tiền, ngập lối đi là dòng chảy nườm nượp các ông chủ lắm tiền và vui vẻ, tất cả đều béo lùn và hói. Bên trong nhà hàng huyên náo, bừng tỏa những làn sóng vui vẻ và ấm cúng ngập tràn.

Yossarian thấy kích thích kinh khủng trước vẻ khoái hoạt thô lỗ của Luciana khi cô lờ tịt y đi để dọn sạch bữa tối bằng cả hai tay. Cô ăn như ngựa cho đến khi đĩa thức ăn cuối cùng sạch trơn, rồi cô đặt bộ dao dĩa bạc xuống với dấu hiệu kết thúc, lười nhác ngả người dựa vào ghế với vẻ mơ màng, lặc lè của một kẻ phàm ăn đã được no nê. Cô thở một hơi dài, mỉm cười thỏa mãn và say đắm nhìn y thân thương.

“OK, Joe,” cô thì thào, cặp mắt đen lấp lánh vẻ biết ơn và buồn ngủ. “Giờ thì tôi sẽ cho phép anh ngủ với tôi.”

“Tên tôi là Yossarian.”

“OK, Yossarian,” cô trả lời và khẽ bật cười hối lỗi. “Giờ thì tôi sẽ cho phép anh ngủ với tôi.”

“Ai đã hỏi cô đâu?” Yossarian hỏi.

Luciana kinh ngạc. “Anh không muốn ngủ với tôi ư?”

Yossarian gật đầu dứt khoát, cười phá lên, đoạn thọc tay xuống dưới váy cô. Cô gái giật mình đột ngột tỉnh táo trở lại. Cô giật chân ra khỏi y ngay lập tức, nguẩy mông sang hướng khác. Mặt đỏ ửng đầy cảnh giác và bối rối, cô kéo váy xuống trước một cơ số các cú liếc xéo nghiêm nghị đến từ khắp nhà hàng.

“Giờ thì tôi sẽ cho phép anh ngủ với tôi,” cô cẩn thận giải thích với vẻ xá tội cho y. “Nhưng không phải bây giờ.”

“Tôi hiểu. Khi chúng ta trở về phòng tôi.”

Cô gái lắc đầu, nhìn y đầy nghi ngại, khư khư giữ đầu gối khép chặt. “Không, giờ thì tôi phải về nhà với mẹ, bởi vì mẹ tôi không thích tôi nhảy với lính và để cho họ đưa tôi đi ăn tối, và mẹ sẽ rất giận nếu tôi không trở về nhà ngay bây giờ. Nhưng tôi sẽ cho phép anh viết địa chỉ của anh cho tôi. Sáng mai tôi sẽ tới phòng anh để nắc mấy cái trước khi đi làm ở văn phòng của người Pháp. *Capisci*(35)?”

“Cứt!” Yossarian kêu lên đầy giận dữ và thất vọng.

“*Cosa vuol dire* cứt?”(36) Luciana ngơ ngác hỏi.

Yossarian phá lên cười. Cuối cùng thì y cũng trả lời cô bằng giọng hài hước đầy cảm thông. “Nó có nghĩa là bây giờ tôi muốn hộ tống cô đi tới bất cứ nơi khỉ nào cần tới để sau đó tôi có thể quay về hộp đêm trước khi Aarfy bỏ đi với cô nàng mơn mởn tuyệt cú mèo

của gã mà không cho tôi có cơ hội hỏi han xem cô ta có cô dì hay bạn bè nào cũng giống như cô ta không.”

“Đi chứ?”

“*Subito, subito,*”[37] y dịu dàng trêu cô. “Mẹ đang chờ. Nhớ không?”

“*Si, si*[38]. Mẹ.”

Yossarian để cô gái kéo y đi khắp đêm xuân thành Rome dịu ngọt ấy suốt gần một dặm cho đến khi họ tới một bến xe buýt lộn xộn inh ỏi tiếng còi, chói lóa ánh đèn vàng, đỏ và vang vọng tiếng lăng mạ gầm gừ của đám tài xế xe buýt râu ria lồm xồm đang phun ra hàng tràng những lời chửi rủa ghê tởm, dựng tóc gáy vào mặt nhau, vào mặt hành khách và vào cả những tốp người đi bộ lơ đãng chắn đường xe, những người này lờ đi cho đến khi bị xe buýt xô vào và bắt đầu gào lên chửi lại. Luciana biến mất vào một trong những chiếc xe bé tị màu xanh lục, còn Yossarian thì vội vàng quay trở lại với hộp đêm và cô nàng tóc vàng nhạt có cặp mắt lờ đờ mặc áo satin màu cam bung cúc. Dường như nàng ta đang mê tít Aarfy, nhưng vừa chạy y vừa tha thiết cầu mong có được bà cô khêu gợi của nàng, hoặc là một cô bạn gái khêu gợi, cô em gái, em họ, hay mẹ của nàng, miễn là cũng dâm đãng và sa đọa như nàng. Cô nàng này lẽ ra đã rất hợp với Yossarian, một phụ nữ nhếch nhác bẩn thỉu, trác táng, thô lỗ, tục tĩu, không có đạo đức và ngon lành mà y đã thèm muốn và thần tượng suốt mấy tháng qua. Nàng đúng là một của quý mà y đã kiếm được. Nàng tự trả tiền đồ uống của mình, nàng có một chiếc xe hơi, một căn hộ, và chiếc nhẫn chạm đá màu hồng cá hồi đã khiến cho Hungry Joe mất trí hoàn toàn với hình chạm khắc tuyệt đẹp một cậu bé trần truồng và một cô bé ở trên

mỏm đá. Hungry Joe thở phì phì và nhảy cỡn lên và cào chân xuống nền nhà trong cơn thèm thuồng nhỏ dãi và khát khao van vỉ, nhưng cô nàng vẫn không chịu bán chiếc nhẫn, mặc dù gã đã đề nghị trả giá bằng tất cả tiền bọn họ đang có trong túi cộng thêm cả chiếc máy ảnh màu đen phức tạp của mình. Cô nàng không quan tâm đến tiền hay máy ảnh. Nàng chỉ muốn được thông dâm.

Lúc Yossarian về đến nơi thì cô nàng đã không còn ở đó. Bọn họ đã đi sạch, y bỏ ra ngoài luôn và bước qua những con phố vắng tối tăm trong cảm giác bị bỏ rơi bâng khuâng buồn bã. Thường thì Yossarian không cảm thấy cô đơn khi ở một mình, nhưng giờ thì y cô đơn trong nỗi ghen tị đầy thấm thía với Aarfy, y biết giờ này gã đang ở trên giường với một cô nàng rất hợp với Yossarian, cô nàng luôn sẵn sàng vui vẻ với y bất cứ khi nào y muốn, *nếu* y muốn, cùng với một trong hai hay cả hai người đàn bà mảnh mai, xinh đẹp, quý phái đang sống ở căn hộ trên gác luôn khiến cho mọi tưởng tượng tình dục của y đơm hoa kết trái bất cứ khi nào y có chúng, nữ bá tước tóc đen giàu có xinh đẹp với cặp môi đỏ mọng ướt át run run và cô con dâu tóc đen giàu có xinh đẹp của bà. Yossarian thấy yêu đến phát điên tất cả bọn họ trên đường y trở về căn hộ dành cho sĩ quan, y yêu Luciana, yêu cô nàng khát tình trong chiếc áo satin mở cúc, yêu bà nữ bá tước xinh đẹp giàu có và cô con dâu xinh đẹp giàu có, cả hai người đó chẳng bao giờ cho phép y chạm vào người hay thậm chí chỉ tán tỉnh thôi cũng không. Họ như những con mèo chỉ mê mẩn Nately, họ thụ động chiều theo Aarfy, nhưng họ nghĩ Yossarian bị điên và rụt tránh y với vẻ khinh miệt khó chịu mỗi khi y có lời đề nghị khiếm nhã hoặc cố sờ mó họ khi họ đi qua trên cầu thang. Họ đều là những sinh vật tuyệt diệu với cái lưỡi mềm, trắng và nhọn, miệng như quả mận tròn ấm áp, hơi ngọt và dính, đã hơi

nẫu ra. Họ có đẳng cấp; Yossarian không rõ là đẳng cấp gì, nhưng y biết rằng họ có còn y thì không, và rằng họ cũng biết điều đó. Y vừa đi vừa hình dung ra loại đồ lót họ mặc trên những chỗ ấy yêu kiều của phụ nữ, tưởng tượng ra chất vải mỏng manh, trơn mềm, bó sát với màu đen tuyền hoặc lộng lẫy nhẹ nhàng màu trắng nhạt viền đăng ten hoa ướp hương khêu gợi của da thịt được mơn trớn và mùi muối tắm thơm phức bốc lên như một đám mây từ những cặp vú màu trắng xanh của họ. Y lại ước ao được ở chỗ Aarfy, được làm tình một cách dâm đãng, thô bạo và vui thú với một con đĩ say mèm ướt át không thèm để ý đến y và cũng sẽ chẳng bao giờ nghĩ tới y lần nữa.

Nhưng Aarfy đã ở trong căn hộ khi Yossarian về, và Yossarian há hốc mồm nhìn gã với cùng cảm giác kinh ngạc khủng khiếp mà y đã trải qua vào buổi sáng hôm đó trên bầu trời Bologna khi thấy sự hiện diện ác ý và bí hiểm và bất khả loại bỏ của gã trong khoang mũi máy bay.

“Anh đang làm gì ở đây?” y hỏi.

“Đúng rồi, hãy hỏi gã đi!” Hungry Joe kêu lên giận dữ. “Bắt gã phun ra với anh xem gã đang làm gì ở đây!”

Với một tiếng rên dài kịch tính, Kid Sampson dùng ngón cái và ngón trỏ làm thành hình một khẩu súng lục và tự bắn vào đầu mình. Huple đang nhai kẹo cao su và lặng lẽ quan sát với vẻ non nớt, trống rỗng trên gương mặt mười lăm tuổi của mình. Aarfy vừa đi đi lại lại vừa thư thái gõ gõ nõ tẩu thuốc lên lòng bàn tay với vẻ tự mãn no nê, dường như đang rất sung sướng khi đã khuấy động được bầu không khí trong phòng lên tới mức như vậy.

“Không phải là anh đã về nhà cô ta sao?” Yossarian chất vấn.

“Ồ, tất nhiên rồi, tôi đã về nhà với cô ta,” Aarfy trả lời. “Anh không nghĩ là tôi sẽ để mặc cô ta tìm đường về nhà một mình đấy chứ?”

“Cô ta không cho anh ở lại à?”

“Ồ, được rồi, cô ta muốn tôi ở lại.” Aarfy cười khùng khục.

“Các anh không phải lo cho Aarfy già cả tốt bụng này. Nhưng tôi không muốn lợi dụng một cô bé dễ thương như vậy chỉ vì cô ta đã uống quá nhiều. Các anh nghĩ tôi là giống gì vậy?”

“Có ai nói là lợi dụng cô ta đâu?” Yossarian sỉ vả gã trong cơn sửng sốt. “Tất cả những gì cô ta muốn là được lên giường với ai đó. Cả tối nay cô ta chỉ lải nhải mỗi chuyện đó.”

“Đó là bởi vì cô ta hơi bối rối,” Aarfy giải thích. “Nhưng tôi đã nói chuyện với cô ta một chút và thực sự đã cho cô ta chút trí khôn.”

“Anh đúng là đồ chó chết!” Yossarian kêu lên, rồi mệt mỏi ngồi phịch xuống cạnh Kid Sampson trên đi văng. “Thế quái nào mà anh lại không chuyển cô ta cho bọn tôi nếu như anh đã không muốn ngủ với cô ta?”

“Anh thấy không?” Hungry Joe hỏi. “Gã có cái gì đó không ổn!”

Yossarian gật đầu và tò mò nhìn Aarfy. “Aarfy, nói tôi nghe xem nào. Anh chưa từng quất bất cứ ai trong bọn họ, phải không?”

Aarfy lại khùng khục cười với vẻ thích thú tự phụ. “Ồ dĩ nhiên, tôi nện bọn họ rồi. Đừng lo cho tôi. Nhưng với gái ngoan thì không. Tôi biết loại gái nào để nện, loại gái nào thì không, và tôi không bao giờ nện gái ngoan. Trường hợp này là một cô bé dễ thương lắm. Anh có thể thấy là gia đình cô ta có tiền đấy. Ôi, tôi thậm chí còn khiến cho cô ta ném cái nhẫn đang đeo ra khỏi cửa sổ ô tô.”

Hungry Joe nhảy dựng lên và rít lên trong đau đớn tột cùng. “Anh đã làm gì?” gã gào lên. “Anh đã làm gì?” Gã bắt đầu đấm mạnh bằng cả hai tay vào vai và cánh tay Aarfy, gần như phát khóc. “Tôi phải giết anh vì những gì anh đã làm, đồ khốn. Thật tội lỗi, gã đúng là cái ngữ ấy đấy. Đầu óc gã thật bẩn thỉu, phải không? Có phải gã có đầu óc bẩn thỉu không?”

“Đồ bẩn thỉu nhất,” Yossarian đồng ý.

“Mấy người các anh đang nói gì vậy?” Aarfy hỏi với vẻ bối rối rất chân thật. “Đau, thôi đi mà, Joe,” gã cầu xin, miệng cười hơi khó chịu. “Làm ơn đừng đấm tôi nữa, được không?”

Nhưng Hungry Joe không ngừng đấm cho tới khi Yossarian lôi gã ra và tống gã về phòng ngủ. Yossarian lờ đờ đi về phòng mình, cởi đồ và ngủ. Một thoáng sau thì trời sáng và ai đó đang lay y.

“Đánh thức tôi làm gì thế?” y rên rỉ.

Đó là Michaela, một người giúp việc mảnh mai, tính tình vui vẻ và khuôn mặt vàng vọt chất phác, cô đang đánh thức y dậy vì đang có khách đợi y ngoài cửa. *Luciana!* Không thể tin được. Và chỉ còn cô ở trong phòng với y sau khi Michaela rời đi, trông cô đáng yêu, khỏe mạnh và đẹp như tượng tạc, ngùn ngụt và sóng sánh một sức sống yêu thương mãnh liệt ngay cả khi chỉ đứng một chỗ và cau mặt nhìn y giận dữ. Cô đứng đó như một bức tượng thiếu nữ khổng lồ với đôi chân như hai cột trụ đứng sừng sững trên đôi giày đế xuồng trắng, mặc chiếc đầm xanh xinh đẹp và vung vẩy cái túi xách da màu trắng, to và bẹt mà cô đã dùng để phang vào mặt y khi y nhảy ra khỏi giường để vồ lấy cô. Yossarian loạng choạng lùi lại ngoài tầm chiếc túi, hoang mang ôm chặt lấy bên má đang đau nhói.

“Đồ con lợn!” Cô hằn học phỉ nhổ y, cánh mũi cô phập phồng vẻ khinh bỉ hung dữ. “*Vive com’ un animale!*”[39]

Với một câu chửi thề hung dữ, gầm gừ từ trong họng, đầy vẻ khinh miệt và kinh tởm, cô sải bước sang phía bên kia phòng, mở toang ba ô cửa sổ lớn, cho dòng ánh nắng rực rỡ và bầu không khí mát mẻ trong lành tràn vào như một liều thuốc tăng lực. Cô đặt túi xách lên một chiếc ghế và bắt đầu dọn dẹp phòng, nhặt đồ của y đang nằm rơi vãi trên sàn và trên mặt bàn ghế, ném tất, khăn mùi soa và quần lót của y vào một ngăn kéo trống trong tủ com mốt, treo áo sơ mi và quần vào tủ đứng.

Yossarian chạy khỏi phòng ngủ để tới phòng tắm đánh răng. Y rửa tay, rửa mặt và chải tóc. Khi y chạy về, phòng đã gọn gàng và Luciana gần như đã cởi xong quần áo. Cô có vẻ như đang thư giãn. Cô để hoa tai lên trên nóc tủ com mốt và bước nhẹ trên chân trần tới giường, trên người chỉ còn cái áo lót tơ nhân tạo màu hồng phủ ngang hông. Cô cẩn thận đưa mắt nhìn quanh phòng kiểm tra xem có bỏ sót gì chưa dọn không, rồi kéo chiếc khăn phủ giường lên, khoan khoái duỗi người nằm lên giường như một con mèo. Cô vẫy tay tha thiết mời gọi y, với một tiếng cười khàn.

“Giờ,” cô thì thầm tuyên bố trong lúc háo hức ôm chặt lấy y bằng cả hai tay. “Giờ thì tôi sẽ cho phép anh ngủ với tôi.”

Cô kể y nghe mấy chuyện bịa về kỳ nghỉ cuối tuần trên giường duy nhất với anh chồng chưa cưới giờ đã chết ở trong quân đội Ý, rồi hóa ra tất cả những chuyện bịa đó đều có thật, bởi vì cô đã hét lên, *“finito!”* gần như ngay khi y bắt đầu và thắc mắc tại sao y lại không dừng lại, cho đến khi y finito[40] và giải thích cho cô.

Y châm thuốc cho cả y và cô. Cô mê mẩn làn da rám nắng bao phủ cơ thể y. Y cứ nghĩ về chiếc áo lót màu hồng mà cô không chịu cởi ra. Nó được cắt may như một chiếc áo lót nam, với hai dây nhỏ vòng qua vai, và che đi vết sẹo vô hình ở sau lưng mà cô không muốn cho y xem sau khi y đã ép được cô phải khai ra nó. Người cô cứng đờ như thép khi y di ngón tay qua các đường cong từ bả vai cô xuống tận chỗ xương cụt. Y nhăn mặt khi biết về nhiều đêm khổ sở của cô trong bệnh viện, phải dùng thuốc hay bị đau, giữa mùi nồng nặc bao phủ của ê te, phân và thuốc tẩy uế, của thịt da người thối rữa giữa những bộ đồng phục trắng, những đôi giày đế cao su, ánh đèn đêm kỳ quái lờ mờ chiếu trên các hành lang cho tới khi trời sáng. Cô đã bị thương trong một trận không kích vào thành phố.

"*Dove?*"(41) y nín thở hỏi.

"Napoli."

"Quân Đức à?"

"*Americani.*"(42)

Tim y rạn nứt, và y đã phải lòng cô. Y tự hỏi liệu cô có chịu cưới y.

"*Tu sei pazzo*,"(43) cô nói với y trong tiếng cười vui vẻ.

"Tại sao anh lại điên?" y hỏi.

"*Perchè non posso sposare.*"(44)

"Tại sao em lại không thể lấy chồng?"

"Bởi vì em không còn trinh trắng," cô trả lời.

"Chuyện đó thì liên quan gì?"

“Ai sẽ cưới em đây? Không ai muốn cưới một cô gái không còn trinh trắng.”

“Anh. Anh sẽ cưới em.”

“*Ma non posso sposarti.*”[45]

“Tại sao em lại không thể lấy anh?”

“*Perchè sei pazzo.*”[46]

Yossarian nhăn trán lại với một niềm thích thú kỳ quặc. “Em sẽ không lấy anh bởi vì anh điên, và em nói rằng anh điên bởi vì anh muốn cưới em? Có phải không?”

“*Si.*”

“*Tu sei pazz!*”[47] y cao giọng nói với cô.

“*Perchè?*”[48] cô căm phẫn hét lên với y, bộ ngực tròn trịa khổng lồ nhấp nhô đằng sau lớp áo lót màu hồng khi cô ngồi dậy trên giường hổn hển thở vì tức giận. “Tại sao em lại điên?”

“Bởi vì em không muốn lấy anh.”

“*Stupido!*”[49] cô hét lên và vui vẻ vỗ bồm bộp vào ngực anh. “*Non posso sposarti! Non capisci? Non posso sposarti.*”[50]

“Ồ chắc chắn rồi, anh hiểu. Thế tại sao em không thể lấy anh?”

“*Perchè sei pazzo*!”

“Thế tại sao anh lại điên?”

“*Perchè vuoi sposarmi.*”[51]

“Bởi vì anh muốn cưới em. *Carina, ti amo*,”[52] y giải thích, rồi nhẹ nhàng kéo cô nằm xuống gối. “*Ti amo molto.*”[53]

“*Tu sei pazzo,*” cô thì thầm đáp, thấy vui.

“*Perchè?*”

“Bởi vì anh nói là anh yêu em. Làm sao anh có thể yêu được một người con gái đã không còn trinh trắng?”

“Bởi vì anh không thể cưới em.”

Cô bật dậy một lần nữa sầm sầm giận dữ. “Tại sao anh lại không thể cưới em?” cô gặng hỏi, sẵn sàng tát y cái nữa nếu câu trả lời không vừa ý. “Chỉ vì em không còn trinh thôi hả?”

“Không, không, em yêu. Bởi vì em điên.”

Cô nhìn y chằm chằm đầy oán giận một lúc lâu rồi hất hàm cười ầm lên vẻ tán thưởng. Đoạn cô nhìn y với vẻ chấp thuận, da thịt mềm mại nhạy cảm và mỡ màng trên gương mặt sẫm màu của cô trở nên sẫm màu hơn nữa và mộng mị bừng nở nhờ dòng máu căng tràn tới làm đẹp cho nó. Mắt cô mơ màng. Y dụi tắt cả thuốc của y lẫn của cô, và họ vừa không nói không rằng quay sang hôn nhau nghiến ngấu thì Hungry Joe bỗng thơ thẩn đi vào phòng mà không gõ cửa chỉ để hỏi xem Yossarian có muốn cùng gã ra ngoài kiếm gái không. Hungry Joe khựng lại ngay khi nhìn thấy họ và phi vội ra khỏi phòng. Yossarian phi ra khỏi giường còn nhanh hơn thế và bắt đầu hét lên bảo Luciana mặc quần áo vào. Cô gái chết lặng đi vì bất ngờ. Y cầm tay cô lôi ra khỏi giường và quẳng cô về phía quần áo, rồi lao ra mong kịp sập cửa vì lúc đấy Hungry Joe đã chạy lại với chiếc máy ảnh. Hungry Joe vẫn kịp thò chân chặn cửa và không chịu rút nó ra.

“Cho tôi vào đi mà!” gã khẩn khoản, vặn vẹo và quằn quại như một thằng điên. “Cho tôi vào đi!” Gã ngừng một chút để nhìn vào

mặt Yossarian qua khe cửa với một nụ cười mà hẳn gã cho là quyến rũ. “Tôi không phải là Hungry Joe đâu,” gã sốt sắng giải thích. “Tôi là nhiếp ảnh gia lớn của tạp chí *Life*. Có ảnh lớn trên trang bìa lớn. Tôi sẽ biến anh thành minh tinh Hollywood, Yossarian. Nhiều *dinero*. Nhiều ly dị. Nhiều phang và phịch suốt cả ngày. *Si, si, si!*”

Hungry Joe vừa lùi lại một chút toan chụp ảnh Luciana đang mặc đồ thì Yossarian sập được cửa luôn. Hungry Joe điên cuồng tấn công tấm chắn kiên cố bằng gỗ này, liên tục lùi lại để tập trung sức lực rồi lại điên cuồng phi người về phía trước. Yossarian tranh thủ mặc quần áo trong khoảng thời gian giữa những đợt tấn công. Luciana đã mặc xong chiếc váy mùa hè màu xanh trắng và lúc này đang giữ phần chân váy cuộn lại trên eo để mặc quần. Một làn sóng đau khổ ập tới khi y thấy cô như đang biến mất mãi mãi vào trong chiếc quần lót. Y vươn người ra tóm lấy cô và cầm bắp chân cô kéo lại gần y. Cô nhảy về phía trước và gắn chặt người vào y. Yossarian lãng mạn hôn lên tai cô, lên cặp mắt đã nhắm của cô và đưa tay xoa lên đùi cô. Cô bắt đầu rên rỉ đầy khêu gợi thì Hungry Joe quăng cả tấm thân gầy gò vào cửa trong lần tấn công tuyệt vọng cuối cùng và khiến cả hai bọn họ suýt bổ chửng. Yossarian đẩy cô ra.

“*Vite! Vite!*” y gắt gỏng. “Mặc đồ vào đi!”

“Anh đang nói tiếng quái gì vậy?” cô muốn biết.

“Nhanh! Nhanh! Em không hiểu tiếng Anh à? Mặc đồ vào đi, nhanh lên!”

“*Stupido!*” cô càu nhàu. “*Vite* là tiếng Pháp, không phải tiếng Ý. *Subito, subito!* Đó mới là ý của anh. *Subito!*”

“*Si, si.* Đó là ý của anh. *Subito, subito!*”

“*Si, si,*” cô gật đầu trả lời, và chạy đi lấy giày và hoa tai.

Hungry Joe đã tạm dừng cuộc tấn công lại để chụp ảnh qua khe cửa. Yossarian có thể nghe được tiếng màn trập của máy. Khi cả y và Luciana đã mặc đồ xong xuôi, Yossarian đợi tới lúc Hungry Joe tiếp tục xông vào thì y bất ngờ mở cửa. Hungry Joe ngã sóng soài vào phòng như một con ếch vụng về. Yossarian nhanh nhẹn nhảy tránh gã ra, dẫn theo Luciana phía sau chạy qua phòng ra ngoài hành lang. Họ chạy ầm ầm xuống gác, hổn hển phá lên cười, vui vẻ cụng đầu vào nhau mỗi khi dừng lại nghỉ lấy sức. Khi gần tới chân cầu thang thì họ gặp Nately đang đi lên và không cười nữa. Nately trông rất u sầu, bẩn thỉu và khổ sở. Cà vạt của cậu ta xoắn tít lên, còn áo sơ mi nhàu nát, hai tay đút túi. Trông cậu đầy vẻ hổ thẹn và tuyệt vọng.

“Có chuyện gì vậy, cậu bé?” Yossarian thương hại hỏi.

“Tôi lại cháy túi rồi,” Nately trả lời với một nụ cười thảm hại, đờ đẫn. “Tôi sẽ làm gì đây?”

Yossarian không biết chuyện. Nately đã dành cả ba mươi hai giờ với giá hai mươi đô la một giờ với cô gái điếm mà cậu ngưỡng mộ nhưng lại luôn thờ ơ với cậu. Và cậu đã tiêu sạch tiền lương và cả tiền trợ cấp cậu nhận được hằng tháng từ người cha giàu có và hào phóng. Điều đó có nghĩa là cậu không thể ở với cô thêm được nữa. Cô sẽ không cho phép cậu đi cạnh cô mỗi khi cô rảo bước trên vỉa hè để mồi chài những gã lính khác, và cô đã giận dữ vô cùng khi phát hiện ra cậu đang bám đuôi cô từ xa. Cậu được phép đến căn hộ của cô tùy thích, nhưng không có gì đảm bảo rằng cô sẽ ở đó. Và cô sẽ không cho cậu một chút gì cả trừ phi cậu trả tiền. Cô không có hứng thú với sex. Nately muốn được đảm bảo rằng cô sẽ không lên

giường với những kẻ vô lại hay với những người cậu quen biết. Đại úy Black luôn quyết tâm mua dâm cô mỗi khi đến Rome, chỉ để hành hạ Nately khi nói cho cậu biết rằng gã vừa ngủ với người tình của cậu, và để quan sát Nately đang tự gặm nhấm lá gan của mình khi gã kể về những trò nhục nhã mà gã đã ép buộc cô phải làm.

Vẻ sầu muộn của Nately đã khiến Luciana động lòng, nhưng cô lại phá lên cười khi cùng Yossarian bước ra ngoài con phố ngập nắng và nghe tiếng Hungry Joe từ cửa sổ van nài họ quay về và cởi quần áo ra, bởi vì gã thực sự là một nhiếp ảnh gia của tạp chí *Life*. Luciana vui vẻ chạy đi trên đôi giày trắng đế xuồng, kéo Yossarian đuổi theo với bầu nhiệt huyết ngây thơ và tươi trẻ mà cô đã thể hiện trên sàn nhảy đêm hôm trước và trong mọi khoảnh khắc sau đó. Yossarian bắt kịp và vòng tay qua hông sóng bước bên cô cho đến khi họ tới góc phố và cô tách ra khỏi y. Cô chỉnh lại tóc qua chiếc gương lấy từ túi xách và bôi son lên môi.

“Sao anh không bảo em viết tên em và địa chỉ lên một mẩu giấy để khi nào đến Rome anh lại có thể tìm gặp em nhỉ?” cô gợi ý.

“Sao em không để anh viết tên em và địa chỉ lên một mẩu giấy nhỉ?” y nhất trí.

“Tại sao ấy à?” cô hỏi lại đầy vẻ hiếu chiến, miệng cô đột ngột nhếch lên thành nụ cười khinh bỉ và mắt cô lóe lên giận dữ. “Để cho anh có thể xé nó ra thành từng mảnh ngay khi em rời đi?”

“Ai lại xé cơ chứ?” Yossarian bối rối phản đối. “Em đang nói cái quái gì vậy?”

“Anh,” cô khăng khăng. “Anh sẽ xé nó ra thành từng mảnh ngay lúc em đi, và anh sẽ vênh váo bỏ đi vì đã có một cô gái cao ráo, trẻ

và đẹp như em, Luciana, đã cho phép anh ngủ với cô ấy mà không đòi tiền."

"Em muốn bao nhiêu tiền vậy?" y hỏi cô.

"*Stupido!*" cô khích động hét lên. "Em không đòi anh tiền!" Cô giậm chân và nhấc tay lên với điệu bộ dữ dội tới mức Yossarian sợ rằng cô sẽ lại lấy túi phang vào mặt y lần nữa. Nhưng thay vào đó cô viết tên, địa chỉ vào một mảnh giấy và giúi vào tay y. "Đây," cô mỉa mai chế giễu y, cắn chặt môi lại để trấn áp một cơn run vi tế. "Đừng quên. Đừng quên xé nó ra thành từng mảnh nhỏ ngay khi em đi."

Rồi cô bình thản mỉm cười, nắm chặt tay y, và thì thầm đầy vẻ nuối tiếc "*Addio,*"[(54)] cô áp người vào y một chốc lát rồi đứng thẳng dậy và cất những bước duyên dáng và đường hoàng.

Ngay phút cô đi, Yossarian đã xé vụn mảnh giấy và đi theo hướng ngược lại, cảm thấy rất vênh váo bởi vì một cô gái trẻ đẹp như Luciana đã ngủ với y mà không đòi tiền. Y rất hài lòng với bản thân cho đến tận khi ngẩng lên trong phòng ăn của tòa nhà Chữ thập đỏ và thấy mình đang ăn sáng với hàng tá hàng tá binh sĩ mặc đủ các thể loại quân phục hoành tráng, và rồi ngay lập tức xung quanh y toàn là hình ảnh Luciana đang cởi đồ ra và mặc đồ vào, vuốt ve và chửi mắng y dữ dội trong chiếc áo lót tơ nhân tạo màu hồng mà cô đã mặc khi lên giường với y và không chịu cởi ra. Yossarian phát nghẹn lúc ăn bánh mì nướng với trứng khi nhận ra lỗi lầm to lớn của y vì đã xé đôi tay, đôi chân trần trẻ trung tràn đầy sức sống, dài và mềm mại của cô ra thành những mảnh giấy vụn nhỏ xíu một cách trâng tráo và đã tự mãn đá cô từ trên vỉa hè xuống rãnh. Chưa gì y đã nhớ cô kinh khủng. Có quá nhiều người vô diện mặc đồng phục đang ăn nói đinh tai nhức óc trong phòng ăn cùng với y. Y chợt cảm

thấy một khát khao khẩn thiết lại được ở riêng với cô lần nữa, và y nhảy phắt ra khỏi bàn ăn, chạy ra ngoài rồi chạy dọc trên phố về phía căn hộ để tìm những mẩu vụn giấy dưới rãnh, nhưng tất cả đều đã bị quét đi bởi vòi nước của công nhân dọn vệ sinh.

Y đã không thể tìm lại cô tại hộp đêm dành cho sĩ quan Đồng minh vào tối hôm đó, hay trong cảnh hỗn loạn hưởng thụ, hào nhoáng, ngột ngạt ở nhà hàng chợ đen với những khay gỗ khổng lồ tràn đầy những món ăn sang trọng cùng bầy thiếu nữ xinh tươi luôn miệng líu lo. Y thậm chí còn không thể tìm được nhà hàng đó. Khi đi ngủ một mình, y lại bị dính đạn trên bầu trời Bologna trong một giấc mơ, với Aarfy liếc nhìn y dâm dật, bám chặt vào vai y một cách đáng ghê tởm trong máy bay. Sáng dậy y chạy đi tìm Luciana ở tất cả mọi công ty Pháp mà y có thể tìm thấy, nhưng không ai hiểu y nói gì, và rồi y lại chạy đi trong sợ hãi, bồn chồn, quẫn trí và rối bời tới mức y chỉ biết tiếp tục chạy tới đâu đó trong hoảng loạn, tới căn hộ dành cho lính mà tìm cô hầu phòng béo lùn mặc quần lót màu vàng chanh, khi y tìm thấy cô thì cô đang quét bụi ở trong phòng của Snowden trên tầng năm trong chiếc áo vệ sinh màu nâu xám và một chiếc váy màu tối. Hồi đó Snowden vẫn còn sống, và Yossarian biết được đó là phòng của Snowden nhờ dòng tên màu trắng in trên chiếc túi len thô xanh dương mà y giẫm phải khi đang lao tới cô trong một cơn điên của nỗi tuyệt vọng mới mẻ. Cô tóm được cổ tay y giữ y khỏi ngã bởi y đang loạng choạng lao về phía cô đầy khao khát rồi vừa ngửa người quăng mình xuống chiếc giường phía sau vừa kéo y nằm lên người cô và niềm nở ôm lấy y trong vòng tay mềm nhão đầy an ủi, cây lau sàn vẫn giương cao trong tay cô như một ngọn cờ trong lúc gương mặt to bè, dâm đãng dễ chịu của cô nhìn y âu yếm với một nụ cười của tình bạn không man trá. Có tiếng

cao su bật tanh tách khi cô tụt chiếc quần lót màu vàng chanh xuống dưới chân cả hai bọn họ mà không phải làm phiền tới y.

Y giúi tiền vào tay cô khi họ xong. Cô ôm chầm lấy y đầy biết ơn. Y ôm cô. Cô ôm lại y và lại kéo y nằm lên người cô trên giường một lần nữa. Y lại giúi thêm tiền vào tay cô khi xong xuôi và chạy nhanh ra khỏi phòng trước khi cô ôm chầm lấy y đầy biết ơn một lần nữa. Trở về căn hộ của mình, y quẳng hết đồ cá nhân vào một chỗ nhanh hết mức có thể, để lại cho Nately toàn bộ số tiền y có, và chạy về Pianosa trên một chiếc máy bay hậu cần để xin lỗi Hungry Joe vì đã sập cửa nhốt gã ngoài phòng ngủ. Lời xin lỗi thật không cần thiết, bởi vì lúc gặp lại Hungry Joe đang rất hưng phấn. Gã cười toe toét đến tận mang tai, và Yossarian phát ốm khi vừa nhìn thấy gã như vậy bởi vì y hiểu ngay lập tức sự hưng phấn đó có nghĩa là gì.

“Bốn mươi nhiệm vụ,” Hungry Joe thông báo ngay lập tức với một giọng ngân nga đầy nhẹ nhõm và hân hoan. “Đại tá đã lại tăng số lượng lên.”

Yossarian sững sờ. “Nhưng tôi đã bay được ba mươi hai, quỷ tha ma bắt! Lẽ ra chỉ cần bay thêm ba nữa là tôi đã xong.”

Hungry Joe thờ ơ nhún vai. “Đại tá muốn bốn mươi,” gã lặp lại.

Yossarian xô gã tránh đường và chạy thẳng tới bệnh viện.

17 BINH SĨ TRẮNG XÓA

Yossarian chạy thẳng vào bệnh viện, quyết ở đó cả đời còn hơn phải bay thêm một lần nào nữa ngoài ba mươi hai nhiệm vụ mà y đã xong. Mười ngày sau y thay đổi ý định và xuất viện, chịu bay thêm sáu nhiệm vụ nữa, thì tay đại tá bèn nâng con số lên mức bốn mươi lăm và một lần nữa Yossarian lại chạy thẳng vào bệnh viện, quyết sẽ ở đó cả đời còn hơn phải bay thêm một lần nào nữa.

Yossarian có thể chạy vào viện bất cứ khi nào y muốn nhờ gan và mắt của y; đám bác sĩ không thể chữa được gan cho y mà cũng không thể nhìn thẳng vào mắt y mỗi khi y bảo họ y bị bệnh gan. Y có thể thư giãn ở trong bệnh viện, miễn là đừng có ai mắc bệnh quá nặng nằm cùng phòng. Hệ thống miễn dịch của y đủ mạnh để chống chọi được trường hợp ai đó bị bệnh sốt rét hay bệnh cúm mà gần như không cảm thấy khó chịu. Y có thể vượt qua những lần cắt amiđan của những người khác mà không mắc phải hội chứng trầm cảm sau giải phẫu, thậm chí còn có thể chịu được chứng thoát vị và bệnh trĩ của họ chỉ với một chút buồn nôn và kinh sợ. Nhưng đó là tất cả những gì y có thể trải qua mà không phát ốm lên. Nếu hơn nữa thì y đành vọt lẹ. Y có thể thư giãn ở trong bệnh viện, bởi vì ở đó không có ai muốn y làm gì. Trong bệnh viện người ta chỉ trông

đợi y làm mỗi một việc là chết đi hoặc khỏe lên, và bởi vì ngay từ đầu sức khỏe y đã hoàn toàn ổn nên việc khỏe lại là quá dễ dàng.

Ở trong bệnh viện thì tốt hơn so với ở trên bầu trời Bologna hay Avignon với Huple và Dobbs lái còn Snowden thì chết ở đằng sau.

Thường thì Yossarian thấy có ít người bệnh trong bệnh viện hơn ở ngoài, và nếu có thì bệnh cũng không nặng bằng ở ngoài. Tỉ lệ người chết trong bệnh viện cũng thấp hơn rất nhiều so với bên ngoài, một tỉ lệ tử vong lành mạnh hơn rất nhiều. Hiếm có người chết không cần thiết. Mọi người ở trong bệnh viện biết nhiều hơn về cái chết, và cái chết cũng xảy ra gọn gàng và trật tự hơn rất nhiều. Họ không thể chiến thắng Thần Chết trong bệnh viện, nhưng chắc chắn là họ đã bắt Thần Chết cư xử cho tử tế. Họ đã dạy cho Thần Chết cách hành xử. Họ không thể ngăn Thần Chết vào, nhưng khi mụ ở trong bệnh viện, thì mụ sẽ phải hành xử như một tiểu thư. Trong bệnh viện người ta chịu thua Thần Chết với vẻ tinh tế và gu thẩm mỹ. Không một chút phô trương thô lỗ, xấu xí như cái chết vẫn phổ biến ở bên ngoài bệnh viện. Họ không nổ banh xác giữa không trung như Kraft hay như gã đã chết trong lều Yossarian, hay chết cóng giữa mùa hè đổ lửa như Snowden sau khi trút cho Yossarian bí mật của cậu ta ở khoang đuôi máy bay.

“Tôi lạnh,” Snowden hồi ấy khóc thút thít. “Tôi lạnh.”

“Ngoan nào, ngoan nào, không sao đâu,” Yossarian gắng vỗ về cậu ta. “Không sao đâu.”

Ở bệnh viện họ không mất tích kỳ cục trong một đám mây như Clevinger. Họ không nổ tan xác thành máu và thịt bắn tung tóe. Họ không chết đuối hay bị sét đánh chết, không bị máy móc xé tung hay bị đá lở nghiền nát. Họ không bị trói chặt rồi bắn chết, bị hiếp rồi bóp

chết, bị đâm chết trong quán rượu, bị cha mẹ hay con cái cầm rìu bổ chết hay chết bất đắc kỳ tử bởi một hành động nào đó khác của Chúa. Không có ai chết ngạt. Người ta chỉ chảy máu đến chết như những quý ông trong phòng mổ hoặc qua đời không lời trăng trối ở phòng tiếp oxy. Không có nạn đói hay lũ lụt. Trẻ em không bị ngạt thở trong nôi, trong thùng trữ lạnh hoặc ngã nhào dưới bánh xe tải. Không ai bị đánh cho tới chết. Người ta không bật ga rồi đút đầu vào lò, không lao vào tàu điện ngầm, không nhảy xuống đánh xoẹt! khỏi những cửa sổ phòng khách sạn như những hòn chì chết chóc, gia tốc năm mét trên giây rồi tiếp đất cùng một tiếng pẹp! gớm guốc trên vỉa hè và chết một cách kinh tởm ở đó, giữa chốn công cộng, như một bao gai đầy kem dâu, lông lá, máu me, những ngón chân hồng vẹo vọ.

Sau khi xem xét mọi khía cạnh, thường thì Yossarian thích bệnh viện hơn, mặc dù nó cũng có khuyết điểm. Sự giúp đỡ thường mang tính nghĩa vụ, các quy tắc một khi đã được lưu ý thì sẽ rất ngặt nghèo, và công việc quản lý ở đây thì chủ yếu là để quấy rầy người khác. Vì khả năng xuất hiện người ốm bệnh trong bệnh viện là rất cao, nên y không thể lúc nào cũng trông mong được ở cùng phòng với một đám người trẻ trung sống động được, đã thế các trò giải trí ở bệnh viện thì không phải lúc nào cũng hay ho. Y buộc phải thừa nhận rằng các bệnh viện đã thay đổi theo chiều hướng xấu đi một cách ổn định trong lúc cuộc chiến tiếp diễn và chiến trường lại gần hơn, sự xuống cấp trong chất lượng của các vị khách trở nên rõ nét nhất ở vùng chiến sự nơi hậu quả của tình cảnh chiến tranh lan tràn có khả năng đập vào mắt ta ngay lập tức. Càng vào sâu trong chiến trận người ta càng ốm bệnh nhiều hơn, cho đến khi cuối cùng lần trước ở trong bệnh viện đã xuất hiện cả một binh sĩ trắng xóa, anh

ta không thể nào bệnh hơn được nữa trừ phi bị chết, và rồi anh ta cũng sớm chết đi.

Binh sĩ trắng xóa được hình thành hoàn toàn từ gạc, thạch cao và một chiếc nhiệt kế, và chiếc nhiệt kế chỉ là một vật trang trí được y tá Cramer và y tá Duckett đặt thăng bằng trong một lỗ đen trống hoác giữa lớp băng trên miệng anh ta mỗi sáng sớm và chiều muộn cho đến buổi chiều hôm đó khi y tá Cramer đọc nhiệt kế và phát hiện ra rằng anh ta đã chết. Giờ khi Yossarian nghĩ lại, dường như chính y tá Cramer chứ không phải gã Texas lắm mồm kia đã giết binh sĩ trắng xóa; nếu như cô ta không đọc nhiệt kế và không thông báo kết quả thì binh sĩ trắng xóa kia rất có thể vẫn nằm đó còn sống hệt mọi khi, từ đầu đến chân được đóng trong thạch cao và gạc, với hai cẳng chân kỳ quái cứng đờ bị nâng lên từ hông và hai cánh tay kỳ quái treo lên vuông góc với nhau, cả tứ chi đồ sộ đều đang bó bột, tứ chi đều kỳ quái, vô dụng, bị nâng lên không trung nhờ những dây cáp căng và những khối chì dài kỳ quặc ủ ê treo phía bên trên người. Sống khi phải nằm kiểu đó cũng chẳng ra gì mấy, nhưng đó là tất cả cuộc sống mà anh ta có, và quyết định chấm dứt cuộc sống đó, theo Yossarian, khó lòng thuộc thẩm quyền của y tá Cramer.

Binh sĩ trắng xóa giống như một cuộn băng gạc chưa tời với một cái lỗ, hoặc như một khối đá vỡ trên bến cảng với một ống kẽm cong queo thòi ra. Các bệnh nhân khác trong phòng, tất cả trừ gã Texas, đều rụt khỏi anh ta với vẻ tránh né dịu dàng ngay từ khi họ trông thấy anh ta vào buổi sáng sau cái đêm người ta tuồn anh ta vào phòng. Họ nghiêm trang tụ tập lại ở đầu kia của phòng, tán chuyện về anh ta bằng giọng thì thầm đầy xúc phạm và ác ý, phản đối sự có mặt của anh ta, coi đó là một sự áp đặt đáng kinh tởm, họ dữ dằn căm phẫn anh ta vì một sự thật đáng buồn nôn mà anh ta

chính là một minh họa sáng rỡ. Họ có chung một lỗi lo sợ khủng khiếp là anh ta sẽ kêu rên.

“Nếu gã bắt đầu rên lên thật thì tôi chả biết phải làm sao nữa,” một phi công máy bay chiến đấu trẻ bảnh bao với bộ ria vàng u sầu than thở. “Điều đó có nghĩa là đêm gã cũng sẽ rên, vì gã đâu có biết được giờ giấc.”

Không hề có một âm thanh nào phát ra từ binh sĩ trắng xóa suốt thời gian anh ta ở đó. Cái lỗ tròn xơ xác trên miệng anh ta sâu hoắm, đen ngòm và chẳng cho thấy dấu hiệu nào của môi, răng, vòm miệng hay lưỡi. Người duy nhất đến đủ gần để nhìn là gã Texas lịch sự, kẻ đã đến gần anh ta một ngày mấy lần liền để tán gẫu về việc người giàu phải có nhiều quyền bầu cử hơn, lần nào gã cũng mở lời bằng một câu chào bất di bất dịch: “Thấy thế nào, anh bạn? Anh tới đây bằng cách nào?” Những người khác trong phòng thì tránh cả hai người này, khoác áo choàng mặc nhà vải nhưng kẻ màu hạt dẻ được phát hay bộ pyjama vải flannel cũ sờn, âu sầu tự hỏi binh sĩ trắng xóa này là ai, tại sao anh ta ở đó và thực sự thì bên trong anh ta có gì.

“Anh ta ổn cả, tôi đảm bảo đấy,” gã Texas thông báo đầy vẻ khích lệ sau mỗi chuyến viếng thăm.

“Sâu thẳm bên trong anh ta là một người bình thường. Giờ anh ta đang thấy hơi ngại ngùng và bất an một chút vì ở đây anh ta không quen ai và không thể nói. Sao tất cả các anh không tới gặp anh ta và tự giới thiệu bản thân nhỉ? Anh ta sẽ không làm hại các anh đâu.”

“Anh đang nói cái quái gì đấy?” Dunbar quát. “Liệu anh ta có biết được anh đang nói gì không?”

“Tất nhiên là anh ta hiểu những gì tôi nói. Anh ta đâu có ngu. Anh ta chẳng làm sao cả.”

“Anh ta có thể nghe thấy anh nói gì không?”

“Ừ thì tôi không biết liệu anh ta có thể nghe thấy tôi nói hay không, nhưng tôi chắc chắn là anh ta hiểu những gì tôi nói.”

“Cái lỗ ở trên miệng anh ta đã bao giờ động đậy chưa?”

“Này, anh hỏi kiểu điên rồ gì vậy?” gã Texas khó chịu hỏi lại.

“Làm sao anh có thể biết được anh ta đang thở nếu như cái lỗ đó chẳng bao giờ động đậy?”

“Làm sao anh biết được đó là một người đàn ông?”

“Trên mắt anh ta có lớp đệm nào không, bên dưới lớp băng phủ kín mặt ấy?”

“Anh ta đã bao giờ ngúc ngoắc ngón chân hay động đậy đầu ngón tay chưa?”

Gã Texas lùi lại với vẻ bối rối ngày càng tăng. “Này, các anh hỏi kiểu điên rồ gì vậy? Bọn anh chắc đều đã điên hết cả rồi hay sao ấy. Sao các anh không bước lại gần anh ta mà làm quen? Anh ta thực sự là người tốt đấy, tôi xin đảm bảo với các anh.”

Binh sĩ trắng xóa trông giống một xác ướp được nhồi bông và khử trùng nhiều hơn là một anh chàng tốt bụng nào đó. Y tá Duckett và y tá Cramer có nhiệm vụ giữ cho anh ta luôn sạch sẽ gọn gàng. Họ thường xuyên chà lớp băng của anh ta bằng một cái chổi quét bụi và cọ lớp bột bó trên tay, chân, vai, ngực và xương chậu anh ta bằng nước xà phòng. Bằng một miếng cọ sắt tròn, họ đánh cho ống dẫn bằng kẽm xin xỉn mọc ra từ đống xi măng chỗ háng anh ta trở

nên bóng loáng. Bằng những chiếc khăn lau bát ẩm, họ đã lau sạch bụi nhiều lần mỗi ngày cho những chiếc ống cao su đen thanh mảnh đi vào và đi ra khỏi người anh ta, tới hai chiếc bình lớn nút kín, một chiếc treo trên cột cạnh giường anh ta, liên tục nhỏ chất lỏng vào cánh tay anh ta qua một khe nhỏ giữa lớp băng, trong khi chiếc kia, nằm ở một góc khuất trên sàn nhà, lại lấy đi chất lỏng qua ống kẽm mọc lên từ háng. Cả hai cô y tá trẻ trung đều không ngừng nghỉ đánh bóng những chiếc bình thủy tinh này. Họ tự hào về công việc của mình. Trong hai cô y tá thì Cramer là người tỏ ra quan tâm lo lắng nhiều hơn, một cô gái cân đối, xinh đẹp, thờ ơ với dục tình, với một gương mặt hoàn hảo nhưng chẳng quyến rũ tẹo nào. Y tá Cramer có cái mũi xinh xắn và làn da tươi sáng rạng rỡ điểm xuyết những chùm tàn nhang đáng yêu mà Yossarian ghét cay ghét đắng. Cô cảm thông sâu sắc với binh sĩ trắng xóa. Cặp mắt đức hạnh, màu xanh nhạt, to như cái chén của cô thỉnh thoảng lại bất ngờ ngập tràn những giọt nước mắt thủy quái và chúng đã khiến cho Yossarian nổi điên.

“Làm thế quái nào mà cô biết được rằng anh ta đang ở đó?” anh hỏi cô.

“Anh đừng có nói với tôi theo kiểu đó!” cô phẫn nộ đáp.

“Thôi được rồi, vậy làm sao cô biết? Cô thậm chí còn không biết liệu đó có thực sự là anh ta hay không.”

“Ai cơ?”

“Người được cho là đang ở trong đám băng đó. Rất có thể là cô đang khóc thương cho một ai khác. Thậm chí làm sao cô biết được anh ta có còn sống nữa hay không?”

“Sao anh lại nói những điều kinh khủng vậy?!” y tá Cramer la lên. “Thôi, anh về giường và thôi đùa cợt về anh ấy ngay đi.”

“Tôi đâu có đùa. Bất cứ ai cũng có thể ở trong đó. Với tất cả những gì chúng tôi biết thì thậm chí rất có thể đó là Mudd.”

“Anh nói cái gì vậy?” y tá Cramer run giọng cầu xin.

“Có thể đó là chỗ của một người đã chết.”

“Người đã chết nào?”

“Có một người đã chết trong lều của tôi mà không ai có thể tống ra ngoài được. Tên của anh ta là Mudd.”

Mặt y tá Cramer tái dại và cô tuyệt vọng quay sang Dunbar cầu cứu. “Bảo anh ta đừng có nói những điều như vậy nữa đi,” cô cầu khẩn.

“Có thể trong đó không có ai,” Dunbar gợi ý đầy thiện chí.

“Có thể họ chỉ đưa vào đây đống băng để đùa.”

Cô lùi xa khỏi Dunbar đầy vẻ cảnh giác. “Anh điên rồi,” cô khóc và đưa mắt nhìn quanh van nài. “Cả hai anh đều điên rồi.”

Sau đó y tá Duckett xuất hiện và đuổi tất cả về giường trong lúc y tá Cramer thay hai chiếc bình cho binh sĩ trắng xóa. Thay bình cho binh sĩ này không khó khăn gì, vì chất lỏng trong suốt đó cứ nhỏ vào bên trong người anh ta liên tục mà hầu như không bị thất thoát: khi chiếc bình nhỏ chất lỏng vào trong khuỷu tay anh ta vừa hết thì cũng là lúc chiếc bình ở trên sàn nhà vừa đầy, hai chiếc bình được tháo rời ra và đảo vị trí cho nhau rất nhanh sao cho nước có thể tiếp tục chảy vào bên trong người anh ta ngay lập tức. Việc thay bình đúng là không gây khó khăn gì cho bất cứ ai ngoại trừ những người quan

sát họ thực hiện công việc này hàng giờ và trở nên tuyệt vọng trước những thao tác trên.

“Tại sao họ không nối thẳng hai chiếc bình với nhau và kết liễu cái gã ở giữa?” viên đại úy pháo binh mà Yossarian không chơi cờ cùng nữa cất tiếng hỏi. “Họ cần anh ta làm quái gì nhỉ?”

“Tôi tự hỏi anh ta đã làm gì mà đến nỗi phải chịu cảnh này,” tay chuẩn úy mắc bệnh sốt rét và bị muỗi đốt mông than thở sau khi y tá Cramer đọc nhiệt kế và phát hiện ra rằng binh sĩ trắng xóa đã chết.

“Anh ta đã ra trận,” gã phi công lái máy bay chiến đấu với bộ ria vàng phỏng đoán.

“Tất cả chúng ta đều đã ra trận,” Dunbar phản bác.

“Tôi cũng có ý đó đấy,” tay chuẩn úy mắc bệnh sốt rét tiếp tục nói. “Tại sao lại là anh ta? Dường như hệ thống thưởng phạt này chẳng có chút logic nào cả. Xem những gì đã xảy ra với tôi thì biết. Giá như tôi mắc bệnh giang mai hoặc bệnh lậu vì năm phút đam mê ở trên bãi biển chứ không phải vết muỗi đốt chết tiệt ở mông này thì tôi còn có thể thấy chút công bằng. Nhưng sốt rét? Sốt rét ư? Có bao giờ sốt rét lại là hậu quả của gian dâm kia chứ?” tay chuẩn úy lắc đầu lặng đi vì kinh ngạc.

“Còn tôi thì sao?” Yossarian nói. “Một đêm nọ tôi đi ra khỏi lều của mình ở Marrakech để mua một thanh kẹo và thế là mắc luôn bệnh lậu của anh khi một nàng nữ quân nhân tôi chưa gặp bao giờ huýt sáo gọi tôi vào trong bụi. Tất cả những gì tôi muốn là một thanh kẹo, nhưng liệu ai có thể từ chối được chuyện đó?”

“Có vẻ như giống bệnh lậu của tôi, được rồi,” tay chuẩn úy đồng ý. “Nhưng tôi vẫn dính phải bệnh sốt rét của ai đó. Chỉ một lần này

thôi tôi muốn nói rõ hết mấy chuyện kiểu này, mỗi người nhận được đúng như những gì họ đáng được nhận. Điều đó có thể sẽ đem lại cho tôi thêm chút tự tin khi sống trong vũ trụ này."

"Tôi có được ba trăm ngàn đô của người khác," gã đại úy phi công trẻ tuổi bảnh bao lái máy bay chiến đấu với bộ ria vàng thú nhận. "Đẻ ra tính tôi đã ham chơi. Tôi đã gian lận trong suốt thời gian học ở trường dự bị và cả lên đại học, và gần như tất cả những gì tôi làm chỉ là ngủ với mấy em xinh xinh cứ tưởng tôi sẽ là một người chồng tốt. Tôi không có tham vọng gì cả. Điều duy nhất tôi muốn làm sau chiến tranh là cưới một cô gái có nhiều tiền hơn tôi và ngủ với nhiều em xinh hơn nữa. Ba trăm ngàn đô đó tôi có được là nhờ một người ông để lại cho, ông đã kiếm bộn nhờ buôn bán xuyên quốc gia. Tôi biết là tôi không đáng được hưởng số tiền ấy, nhưng nếu trả lại thì ngu quá. Tôi tự hỏi số tiền đó thực sự thuộc về ai."

"Có thể là nó thuộc về cha của tôi," Dunbar đoán. "Cả đời ông ấy làm việc vất vả nhưng không bao giờ có đủ tiền để cho chị em tôi đi học đại học. Nhưng giờ thì ông ấy chết rồi, do vậy anh có thể giữ số tiền đó lại cũng không sao."

"Rồi, nếu chúng ta có thể tìm ra ai đã truyền bệnh sốt rét cho tôi nữa thì tất cả đã xong. Không phải là tôi thù ghét gì bệnh sốt rét. Sốt rét cũng giúp tôi cáo ốm trốn nhiệm vụ như bất cứ bệnh gì khác thôi. Chỉ là tôi cảm thấy có sự bất công đang tồn tại ở đây. Tại sao tôi lại bị lây bệnh sốt rét của ai đó trong khi anh lại mắc bệnh lậu từ tôi?"

"Tôi còn phải chịu nhiều thứ chứ không chỉ có bệnh lậu của anh," Yossarian bảo gã. "Tôi còn phải liên tục bay ra trận cho đến khi người ta giết tôi."

“Như vậy thì còn tệ hơn. Công lý trong chuyện này nằm ở đâu vậy?”

“Tôi có một người bạn tên là Clevinger, cách đây hai tuần rưỡi anh ta vẫn còn thấy ở đó rất nhiều công lý.”

“Đó là loại công lý cao cấp nhất,” Clevinger hai tuần rưỡi trước từng hả hê, vỗ tay ngoác miệng cười vui vẻ. “Tôi không thể không nghĩ đến vở *Hippolytus* của Euripdes. Sự phóng túng của Theseus có lẽ là nguyên nhân gây nên chủ nghĩa khổ hạnh ở đứa con, điều này đã dẫn tới bi kịch làm hủy hoại tất cả bọn họ. Ít nhất thì vụ việc với nàng nữ quân nhân kia đã dạy cho anh một bài học về sự xấu xa của tình dục phóng đãng.”

“Vụ đó đã dạy tôi một bài học về tác hại của kẹo.”

“Anh không nhận ra rằng anh không hoàn toàn vô tội trong vụ rắc rối này của mình à?” Clevinger tiếp tục nói với vẻ thích thú không giấu giếm. “Nếu như hồi ở châu Phi anh không nằm viện mười ngày vì mắc bệnh qua đường sinh dục thì có lẽ anh đã kịp hoàn thành chỉ tiêu hai mươi lăm trận để được về nước trước khi đại tá Nevers bị giết và đại tá Cathcart lên thay.”

“Còn anh thì sao?” Yossarian đáp lời. “Anh không mắc bệnh lậu ở Marrakech nhưng anh vẫn gặp rắc rối như tôi.”

“Tôi không biết,” Clevinger thú nhận, với một chút quan tâm và nhạo báng. “Tôi e là mình đã làm một việc gì đó rất tệ.”

“Anh có thực sự tin vào điều đó không?”

Clevinger phá lên cười. “Không, tất nhiên là không rồi. Tôi chỉ muốn đùa anh một chút thôi.”

Có quá nhiều mối hiểm nguy mà Yossarian phải bận tâm. Chẳng hạn như có những người như Hitler, Mussolini và Tojo, tất cả bọn họ đều muốn giết y. Có trung úy Scheisskopf với chứng cuồng món diễu binh, và có một viên đại tá béo ú rậm ria với chứng cuồng trò khen thưởng kỷ luật, và bọn họ cũng muốn giết y. Có Appleby, Havermeyer, Black và Korn. Có y tá Cramer và y tá Duckett y gần như chắc chắn rằng họ đều muốn y chết, cả gã Texas và tên C.I.D. nữa, y đều không mảy may nghi ngờ rằng họ cũng muốn vậy. Có cả những gã bồi trong bar, những gã thợ nề và những người soát vé xe buýt ở khắp nơi trên thế giới đều muốn y chết, có những ông bà chủ nhà và những người thuê nhà, bọn phản bội và dân yêu nước, những kẻ vẫn hành quyết người khác mà không qua xét xử, những kẻ hút máu kẻ khác và bè lũ tay sai, tất cả bọn họ đều nhảy xổ ra để đòi mạng y. Đó chính là bí mật mà Snowden đã tiết lộ cho y trong trận Avignon - bọn họ tới để tóm cổ y; và Snowden đã huỵch toẹt bí mật ấy ra khắp khoang đuôi máy bay.

Có những tuyến bạch huyết có thể làm y kiệt sức. Có những quả thận, vỏ dây thần kinh và những hồng cầu. Có những khối u não. Có bệnh Hodgkin, bệnh máu trắng, bệnh xơ cứng cột bên teo cơ[55]. Có những cánh đồng đỏ ối màu mỡ những biểu mô thu hút và nuông chiều tế bào ung thư. Có những căn bệnh về da, về xương, bệnh phổi, bệnh dạ dày, bệnh tim, máu và mạch máu. Có bệnh đầu, bệnh cổ, bệnh ngực, bệnh tinh hoàn, bệnh háng. Thậm chí còn có bệnh về chân. Có hàng tỉ tế bào cơ thể tận tụy oxy hóa suốt ngày đêm như những con thú lầm lì làm công việc phức tạp của chúng là giữ y sống và khỏe mạnh, nhưng mỗi tế bào đều là một kẻ phản bội kiêm kẻ thù tiềm năng. Có nhiều thứ bệnh tật đến nỗi ngay cả việc

thường xuyên nghĩ đến chúng như Yossarian và Hungry Joe thôi cũng đòi hỏi phải có một bộ óc bệnh hoạn đích thực chứ không vừa.

Hungry Joe tập hợp danh sách các bệnh hiểm nghèo và sắp xếp chúng theo thứ tự bảng chữ cái sao cho có thể điểm mặt chỉ tên ngay bất cứ bệnh nào khiến gã lo lắng. Gã trở nên rất khổ sở mỗi khi đặt sai chỗ hoặc không thể cho vào danh sách một bệnh nào đó, mỗi lần như vậy gã đều sợ đến toát mồ hôi và chạy vội tới chỗ bác sĩ Daneeka để cầu cứu.

“Cho gã khối u Ewing ấy,” Yossarian gợi ý cho bác sĩ Daneeka khi ông này tìm đến nhờ y giúp giải quyết giùm Hungry Joe, “và sau đó là một khối u hắc tố. Hungry Joe thích những bệnh dai dẳng, nhưng bạo bệnh thì gã còn thích hơn.”

Bác sĩ Daneeka chưa từng nghe tới cả hai bệnh trên. “Làm sao anh có thể cập nhật được nhiều bệnh như thế?” ông hỏi, với mối quan tâm cao độ đậm chất nghề nghiệp.

“Tôi biết tới chúng lúc nằm viện nghiên cứu tạp chí *Reader’s Digest.*”

Yossarian có quá nhiều bệnh vặt để lo nghĩ tới mức đôi khi y cân nhắc tới việc chuyển tới bệnh viện ở luôn và dành cả quãng đời còn lại của mình nằm dài trong lều thở oxy có đội chuyên gia và y tá ngồi một phía bên giường 24/24 đợi xem có gì xấu xảy ra và ít nhất một bác sĩ phẫu thuật cầm dao trỏ vào một bác sĩ khác, sẵn sàng nhảy xổ tới rạch đánh xoẹt ngay khi cần. Chứng phình mạch chẳng hạn; liệu có cách nào khác để bọn họ có thể giúp bảo vệ y kịp thời chống lại một cơn phình động mạch chủ? Yossarian cảm thấy ở trong bệnh viện an toàn hơn rất nhiều so với ở bên ngoài, mặc dù y ghê tởm bác sĩ phẫu thuật cùng con dao mổ của ông ta cũng nhiều như ghê

tởm bất cứ ai khác. Y có thể mở mồm kêu la trong bệnh viện và người ta ít nhất cũng sẽ chạy tới cố giúp đỡ y; còn ở bên ngoài thì nếu y mở mồm kêu la về tất cả những gì y cho là đáng để mọi người kêu la thì họ sẽ tống y vào tù; hoặc là vào viện. Một trong những điều mà y muốn kêu la là về con dao mổ của tay bác sĩ phẫu thuật gần như chắc đang đợi y và tất cả những ai đã sống đủ lâu để chết. Y thường tự hỏi làm thế nào y có thể nhận ra được cơn rùng mình, cơn bốc hỏa, cơn đau nhói, cú ợ hơi, cái hắt hơi, vết đổi màu, cơn hôn mê, lần mất tiếng, sự mất cân bằng hoặc cú đãng trí đầu tiên báo hiệu sự bắt đầu không thể tránh khỏi của một kết cục không thể tránh khỏi.

Y cũng lo rằng bác sĩ Daneeka vẫn sẽ từ chối giúp đỡ khi y lại tới gặp ông sau vụ nhảy ra khỏi phòng làm việc của thiếu tá Major, và y đã đúng.

“Anh nghĩ là chỉ anh phải lo sợ thôi sao?” bác sĩ Daneeka hỏi, ông nhấc mái đầu mong manh đen không tì vết đang gục xuống ngực lên để cáu kỉnh nhìn chằm chằm vào Yossarian một lúc qua cặp mắt buồn thảm. “Còn tôi thì sao? Y thuật quý giá của tôi đang bị mục ruỗng ra ở đây trên hòn đảo chết tiệt này trong khi các bác sĩ khác đang vớ bở. Anh tưởng tôi thích ngồi đây từ chối giúp anh hết ngày này qua ngày khác lắm đấy à? Nếu từ chối giúp anh ở Mỹ hoặc nơi nào đấy như Rome thì tôi sẽ không ngại đến thế đâu. Nhưng nói không với anh ở đây cũng chẳng dễ dàng gì hơn.”

“Vậy thì đừng từ chối nữa. Cho tôi nghỉ bay luôn đi.”

“Tôi không thể làm được,” bác sĩ Daneeka lầm bầm. “Anh muốn bắt tôi nói đến bao nhiêu lần nữa đây?”

“Ông có thể mà. Thiếu tá Major đã nói với tôi rằng ông là người duy nhất trong phi đoàn này có thể cho tôi ở lại mặt đất.”

Bác sĩ Daneeka kinh ngạc. “Thiếu tá Major nói với anh cái gì cơ? Khi nào?”

“Khi tôi chặn được anh ta ở ngoài hào đường tàu.”

“Thiếu tá Major đã nói với anh như vậy ư? Ở ngoài hào?”

“Anh ta đã nói với tôi ở trong phòng làm việc của mình sau khi chúng tôi ra khỏi hào và nhảy trở lại phòng. Anh ta nói với tôi rằng không được nói bất cứ ai rằng anh ta nói vậy với tôi, vậy nên ông đừng có bắt đầu bô bô cái miệng lên đấy.”

“Ôi cái kẻ lừa dối bẩn thỉu mưu mẹo này!” bác sĩ Daneeka rền rĩ. “Đáng ra anh ta không nên nói vậy với bất cứ ai chứ. Anh ta có nói với anh làm thế nào để tôi cho anh nghỉ bay không?”

“Chỉ cần điền vào một mẩu giấy ở đó nói rằng tôi sắp bị suy sụp thần kinh rồi chuyển nó tới liên đoàn. Bác sĩ Stubbs toàn cho người ở phi đoàn của ông ta nghỉ bay đấy thôi, tại sao ông lại không thể làm được điều đó?”

“Thế điều gì đã xảy ra với mấy anh lính đó sau khi Stubbs cho họ ở lại mặt đất?” bác sĩ Daneeka phản bác với một cái nhếch mép. “Ngay sau đó họ lại phải bay ra trận, đúng không? Rồi ông ta thấy mình gặp rắc rối. Đương nhiên là tôi có thể cho anh nghỉ bay bằng cách viết giấy nói rằng anh không đủ sức khỏe. Nhưng có một cái bẫy ở đây đấy.”

“Bẫy-22?”

“Đúng. Nếu tôi cho anh nghỉ bay, thì liên đoàn sẽ phải phê duyệt hành động của tôi, mà liên đoàn sẽ không làm việc đó. Họ sẽ lập tức đưa anh trở lại chiến trường, và sau đó thì tôi sẽ ở đâu? Rất có thể là đang trên đường tới Thái Bình Dương. Không, xin cảm ơn. Tôi sẽ không mạo hiểm để giúp anh đâu.”

“Không đáng để thử một lần à?” Yossarian cãi lại. “Pianosa thì có gì hay?”

“Pianosa quả là kinh khủng. Nhưng nó vẫn còn hơn Thái Bình Dương. Tôi không phản đối khi bị điều đi một chỗ nào đó văn minh mà ở đó tôi vẫn có thể thỉnh thoảng kiếm được một hai đồng nhờ nạo phá thai. Nhưng tất cả những gì có ở Thái Bình Dương là rừng rú và mùa mưa, tôi sẽ chết rục ở đó mất thôi.”

“Ở đây thì ông cũng đang chết mục mà.”

Bác sĩ Daneeka quắc mắt lên giận dữ. “Thật vậy sao? Ồ, ít nhất thì tôi cũng sẽ sống sót sau cuộc chiến này, như thế còn hơn anh rất nhiều.”

“Đó chính là những gì tôi đang cố nói với ông, trời ạ! Tôi đang xin ông cứu mạng tôi.”

“Nhiệm vụ của tôi không phải là cứu mạng người,” bác sĩ Daneeka rầu rĩ bắt bẻ.

“Thế nhiệm vụ của ông là gì?”

“Tôi đâu có biết nhiệm vụ của mình là gì. Tất cả những gì họ nói với tôi là hãy giữ đạo đức nghề nghiệp và không bao giờ được đưa ra lời chứng chống lại đồng nghiệp khác. Nghe này. Anh tưởng chỉ mình anh đang bị nguy hiểm tính mạng à? Tôi thì sao chứ? Hai đứa

lang băm giúp việc cho tôi ở trong lều quân y kia đến giờ vẫn chưa tìm ra được bệnh cho tôi.”

“Rất có thể đó là khối u Ewing đấy,” Yossarian lẩm bẩm châm biếm.

“Anh nghĩ vậy thật à?” bác sĩ Daneeka hoảng sợ thốt lên.

“Ồ tôi không biết đâu,” Yossarian sốt ruột trả lời. “Tôi chỉ biết rằng tôi sẽ không bay thêm một lần nào nữa. Họ không thể bắn tôi được, phải không? Tôi đã bay được tổng cộng năm mươi mốt nhiệm vụ.”

“Tại sao anh không bay ít nhất năm mươi lăm nhiệm vụ rồi mới phản kháng?” bác sĩ Daneeka khuyên. “Suốt ngày than phiền như này thì anh sẽ chẳng bao giờ hoàn thành được một nhiệm kỳ bay nào.”

“Làm thế quái nào tôi có thể hoàn thành được? Cứ sắp đạt định mức thì đại tá lại tăng số nhiệm vụ phải hoàn thành lên.”

“Anh sẽ chẳng bao giờ hoàn thành được định mức của mình bởi vì anh toàn chạy vào bệnh viện hoặc trốn đi Rome. Anh sẽ có thể có được một vị thế thương lượng vững chắc hơn nhiều nếu như anh bay được năm mươi lăm trận rồi mới từ chối bay. Khi đó thì có thể tôi sẽ xem làm được gì giúp anh không.”

“Ông hứa chứ?”

“Tôi hứa.”

“Ông hứa gì vậy?”

“Tôi hứa là tôi sẽ nghĩ tới việc làm gì đó để giúp đỡ nếu như anh hoàn thành được năm mươi lăm nhiệm vụ và nếu anh khiến cho McWatt lại ghi tên tôi vào nhật ký bay để tôi có thể kiếm thêm tiền

mà không phải lên máy bay. Tôi sợ máy bay. Anh có đọc tin về vụ đâm máy bay ở Idaho ba tuần trước không? Sáu người chết. Khủng khiếp quá. Tôi không biết tại sao họ lại muốn tôi phải có được bốn giờ bay mỗi tháng thì họ mới trả tiền bay. Không lẽ tôi chưa có đủ thứ để lo lắng hay sao mà lại bắt tôi phải lo sẽ bị chết trong một vụ đâm máy bay nữa?"

"Tôi cũng lo máy bay đâm vào đâu đó," Yossarian nói. "Ông không phải là người duy nhất."

"Ờ, nhưng tôi cũng khá lo về khối u Ewing đó," bác sĩ Daneeka ông ổng nói. "Anh có nghĩ đó là lý do tại sao mũi tôi suốt ngày bị ngạt và tại sao tôi luôn cảm thấy lạnh không? Xem mạch tôi mà xem."

Yossarian cũng lo lắng về u Ewing và u hắc tố. Tai họa luôn ẩn nấp ở khắp mọi nơi, nhiều tới mức không thể đếm. Khi nghĩ về những căn bệnh và những tai nạn tiềm tàng có thể xảy ra, y vui mừng ngạc nhiên vì y đã xoay xở sống sót khỏe mạnh được tới tận lúc này. Đó quả là một điều thần kỳ. Mỗi ngày y đều đối mặt với một nhiệm vụ nguy hiểm chống lại cái chết. Và y đã chống chọi được tận hai mươi tám năm.

18 GÃ LÍNH NHÌN MỌI THỨ ĐỀU HÓA THÀNH HAI

Yossarian có được sức khỏe tốt là nhờ tập thể dục, không khí trong lành, làm việc nhóm tốt và tinh thần thể thao cao; và vì muốn trốn khỏi tất cả những thứ đó mà y đã phát hiện ra bệnh viện. Khi viên sĩ quan giáo dục thể chất ở Lowery Field ra lệnh cho cả bọn giải tán để đi tập thể dục vào một buổi chiều, thì Yossarian, khi đó đang là binh nhất, đã tới phòng khám báo cáo về một thứ bệnh mà y nói là cơn đau ở phần thân bên phải.

“Biến đi,” bác sĩ trực ở đó nói, ông ta đang bận giải ô chữ.

“Chúng ta không thể bảo anh ta biến đi được,” một hạ sĩ nói. “Có chỉ thị mới về những than phiền có liên quan tới phần bụng. Chúng ta phải giữ họ lại theo dõi trong vòng năm ngày bởi vì đã có rất nhiều người chết sau khi chúng ta bảo họ biến đi.”

“Được rồi,” bác sĩ cằn nhằn. “Thế cứ giữ anh ta lại để theo dõi trong vòng năm ngày, rồi sau đó bảo anh ta biến đi.”

Họ lấy quần áo của Yossarian cất đi và đưa y vào một phòng bệnh, y rất vui bởi vì ở đó không có ai ngáy. Buổi sáng, một bác sĩ thực tập trẻ người Anh tốt bụng đã tới hỏi han về gan của y.

“Tôi nghĩ vấn đề là ở ruột thừa,” Yossarian bảo gã.

“Ruột thừa thì chẳng ích gì đâu,” gã người Anh tuyên bố với vẻ chắc chắn tự mãn. “Nếu ruột thừa của anh không ổn, chúng tôi có thể lấy nó ra và đưa anh trở lại với nhiệm vụ của mình gần như ngay lập tức. Nhưng nếu như anh tới đây kêu ca về gan thì anh có thể hành chúng tôi nhiều tuần liền. Lá gan, như anh biết đấy, là một bí ẩn xấu xí bự chảng đối với chúng tôi. Nếu anh từng ăn gan thì anh sẽ hiểu ý tôi. Ngày nay chúng tôi đảm bảo gần như chắc chắn rằng gan có tồn tại và rằng chúng tôi nắm khá vững về nhiệm vụ của nó mỗi khi nó làm đúng nhiệm vụ của mình. Ngoài chuyện đó ra thì chúng tôi khá là mù tịt. Rốt cuộc thì gan là gì đây? Cha của tôi chẳng hạn, ông ấy đã chết vì ung thư gan mà không hề đau ốm một ngày nào trong đời cho đến lúc căn bệnh đó giết chết ông. Chưa từng cảm thấy một cơn đau nào cả. Trong một chừng mực nào đó thì điều này lại quá dở, bởi vì tôi ghét cha mình. Vì thèm khát mẹ tôi, anh biết đấy.”

“Một bác sĩ quân y Anh thì có việc gì để làm ở đây cơ chứ?” Yossarian hỏi.

Viên sĩ quan này phá lên cười. “Chuyện đó thì tôi sẽ nói hết với anh khi tôi gặp anh vào sáng mai. Giờ thì hãy ném túi chườm đá lạnh ngớ ngẩn kia đi trước khi anh chết vì viêm phổi.”

Yossarian không bao giờ gặp lại gã. Đó là một trong những điều thú vị về những bác sĩ ở bệnh viện đó; y không bao được gặp ai tới hai lần. Họ đến rồi đi và đơn giản là biến mất. Thế chỗ cho gã thực tập người Anh vào ngày hôm sau là một nhóm bác sĩ mà y chưa gặp bao giờ, họ hỏi y về ruột thừa.

“Ruột thừa của tôi chẳng làm sao cả,” Yossarian thông báo. “Hôm qua bác sĩ nói rằng đó do gan tôi.”

“Có thể vấn đề là ở gan của anh ta,” viên sĩ quan tóc bạc đáp lời. “Huyết đồ của anh ta thế nào?”

“Anh ta chưa làm huyết đồ.”

“Vậy làm luôn đi. Chúng ta không thể mạo hiểm với một bệnh nhân trong tình trạng như anh ta được. Chúng ta cần phải giữ mình an toàn trong trường hợp anh ta chết.” Ông ta ghi chú gì đó vào bìa kẹp hồ sơ đang cầm rồi bảo Yossarian: “Trong lúc đó, cứ giữ túi chườm đá trên người nhé. Điều này rất quan trọng.”

“Tôi không có túi chườm đá.”

“Ồ, vậy thì hãy lấy một túi. Chắc chắn phải có một túi chườm đá ở đâu đấy quanh đây. Và hãy cho ai đó biết nếu như đau tới mức không chịu được.”

Hết hạn mười ngày, một nhóm bác sĩ mới tới gặp Yossarian với tin xấu: y đang trong tình trạng sức khỏe hoàn hảo và phải xuất viện. Y đã được cứu đúng lúc bởi một bệnh nhân ở bên kia lối đi, gã này bắt đầu nhìn mọi thứ đều hóa thành hai. Thình lình, gã ta đứng lên trên giường và hét toáng lên.

“Tôi nhìn tất cả mọi thứ đều hóa thành hai.”

Một y tá ré lên và một hộ lý ngất xỉu. Bác sĩ từ tứ phía túa đến đem theo kim tiêm, đèn, ống, búa cao su và những chạc kim loại. Họ đẩy tới đủ thứ thiết bị phức tạp gắn bánh xe. Bệnh nhân này cũng chẳng biểu hiện gì nhiều để mà xem xét lâu, vậy nên các chuyên gia đang xếp hàng ở chỗ gã đều cố chen lên với vẻ nóng nảy và cắm cảu giục những đồng nghiệp phía trước nhanh lên cho người khác

còn có cơ hội. Một viên đại tá trán rộng đeo kính gọng sừng nhanh chóng đi đến chẩn đoán.

“Đó là bệnh viêm màng não,” ông ta lớn tiếng trịnh trọng nói, xua tay bảo những người khác lùi lại. “Mặc dù Chúa cũng biết chẳng có một nguyên nhân khỉ gió nào để nghĩ như vậy hết.”

“Thế thì tại sao lại chọn bệnh viêm màng não?” một thiếu tá chất vấn cùng tiếng cười cầu tài. “Tại sao lại không phải là, chẳng hạn như, viêm thận cấp?”

“Bởi vì tôi là chuyên gia viêm màng não, chứ không phải là chuyên gia viêm thận cấp,” viên đại tá sửng cồ. “Và tôi sẽ không xuôi tay mà nhả anh ta ra cho bất cứ con gà chuyên gia thận nào trong bọn anh đâu. Tôi là người đầu tiên có mặt ở đây đấy.”

Cuối cùng thì tất cả các bác sĩ cũng đồng thuận được. Họ nhất trí rằng họ không biết có chuyện gì xảy ra với gã lính nhìn mọi thứ đều hóa hai kia, và họ đẩy gã tới một phòng ở ngoài hành lang và cách ly tất cả những người khác cùng phòng với gã suốt mười bốn ngày.

Lễ Tạ ơn đến và đi yên bình trong lúc Yossarian vẫn được nằm viện. Thứ tồi tệ duy nhất trong dịp lễ này là món gà tây cho bữa tối, và ngay cả món đó cũng khá ngon. Đó là lễ Tạ ơn chừng mực nhất mà y đã từng có, và y đã long trọng thề sẽ tận hưởng tất các lễ Tạ ơn trong tương lai dưới mái ấm ẩn dật của bệnh viện. Y đã phá bỏ lời thề thiêng liêng ấy vào ngay năm sau, khi dành cả kỳ nghỉ lễ trong một phòng khách sạn để chuyện trò đậm chất trí thức với vợ của trung úy Scheisskopf, hôm ấy cô đã đeo thẻ quân nhân của Dori Duz và lên mặt đạo đức dạy dỗ Yossarian một trận vì hoài nghi và vô cảm trước lễ Tạ ơn, mặc dù cô cũng không tin Chúa chẳng khác gì y.

“Có lẽ em cũng vô thần nhiều như anh,” cô hợm hĩnh tự biện. “Nhưng ngay cả em cũng cho rằng tất cả chúng ta đều có rất nhiều thứ để tạ ơn và không nên xấu hổ khi thể hiện ra điều đó.”

“Hãy chỉ ra một thứ anh cần phải tạ ơn đi,” Yossarian thờ ơ thách thức.

“Ừ thì…” vợ trung úy Scheisskopf trầm ngâm và ngừng một thoáng để băn khoăn suy tưởng. “Em.”

“Ồ, thôi đi nào,” y chế giễu.

Cô nàng nhướng mày ngạc nhiên. “Anh không thấy biết ơn vì có được em à?” cô hỏi. Cô cau mày dằn dỗi, lòng kiêu hãnh của cô bị tổn thương. “Em đâu có nhất thiết phải ăn ở với anh, anh biết đấy,” cô bảo y với vẻ nghiêm trang lạnh lùng. “Chồng em có cả một phi đoàn đầy những học viên sĩ quan không quân sẽ luôn mừng quýnh nếu được ngủ với vợ sĩ quan chỉ huy của họ chỉ vì như vậy sẽ thêm phần kích thích.”

Yossarian quyết định đổi chủ đề. “Em đang thay đổi chủ đề câu chuyện đấy,” y nhận xét đầy lịch duyệt. “Anh cá là em cứ kể được một thứ đáng để tạ ơn thì anh sẽ chỉ ra được hai thứ khác gây đau khổ.”

“Hãy biết ơn vì đã có được em đi,” cô khăng khăng.

“Anh có mà, em yêu. Nhưng anh cũng tốt đẹp bỏ mẹ ra và anh đau khổ vì không có được Dori Duz thêm một lần nữa. Hay là hàng trăm cô gái và đàn bà khác mà anh sẽ gặp và sẽ ham muốn trong cuộc đời ngắn ngủi của mình, mà sẽ không thể ngủ với họ dù chỉ một lần.”

“Hãy tạ ơn vì anh đang khỏe mạnh.”

“Hãy cay đắng vì em sẽ không mãi được như thế.”

“Hãy vui mừng vì thậm chí anh vẫn còn sống.”

“Hãy giận dữ vì em sẽ chết.”

“Mọi thứ rất có thể đã tồi tệ hơn nhiều,” cô ré lên.

“Chúng đều có thể tốt hơn hiện tại một trời một vực,” y sôi nổi trả lời.

“Anh mới chỉ ra được một thứ thôi mà,” cô phản đối. “Anh đã nói là anh sẽ chỉ ra hai.”

“Và đừng nói với anh rằng Chúa luôn làm việc theo những cách bí hiểm ta chưa hiểu hết,” Yossarian tiếp tục nói, bỏ qua sự phản đối của cô. “Chẳng có gì là bí hiểm cả. Chúa không hề làm gì hết. Người chỉ đang chơi. Hoặc không thì Người cũng đã quên béng chúng ta rồi. Chúa mà các người luôn nói đến là cái kiểu như thế đấy - một gã nhà quê vụng về, một tay cục mịch lóng ngóng, cẩu thả, rỗng tuếch, kiêu ngạo, thô lỗ. Chúa tốt ư, em có thể sùng kính một Đấng Tối Cao tới đâu khi mà Người thấy cần phải đưa những hiện tượng kỳ cục như đờm dãi hay sâu răng vào hệ thống sáng thế thần thánh thiêng liêng của Người? Thứ quái gì đã chạy qua tâm trí tục tĩu, xấu xa, lệch lạc của Người khi Người tước đi của người già khả năng kiểm soát hoạt động ruột của chính họ? Tại sao Người lại tạo ra nỗi đau?”

“Nỗi đau ư?” vợ trung úy Scheisskopf đắc thắng chộp ngay lấy từ này. “Đau là một triệu chứng tốt. Đau đớn báo hiệu cho chúng ta biết về các mối nguy hiểm tới thân thể.”

“Vậy ai đã tạo ra các mối nguy hiểm thế?” Yossarian hỏi. Y phá lên cười chua cay. “Ôi, Người nhân từ quá khi đã đem đến nỗi đau

cho chúng ta! Tại sao thay vì thế Người không thể sử dụng một cái chuông, hay là một trong số các đội hợp xướng thiên thần của Người? Hoặc là một hệ thống các ống đèn neon xanh đỏ ngay giữa trán mỗi người ấy. Bất cứ nhà sản xuất máy hát tự động ra hồn nào đều có thể làm được điều đó. Tại sao Người lại không thể?"

"Mọi người trông sẽ rất ngớ ngẩn nếu như họ đi trên đường với những ống đèn neon xanh đỏ ngay giữa trán."

"Thế khi họ quằn quại trong đau đớn hoặc mụ mẫm vì morphinne thì đẹp chắc? Đúng là một gã ngốc bất tử khổng lồ! Tính đến cơ hội và sức mạnh mà Người sở hữu để thực sự làm được việc cho ra hồn, rồi nhìn vào cái đống nhỏ bé lộn xộn xấu xí mà Người đã tạo ra, mới thấy sự yếu kém tột bậc của Người quả là đáng kinh ngạc. Hiển nhiên là Người chưa từng được trả tiền cho công việc của mình. Tại sao ư? Không một dân làm ăn có tự trọng nào lại đi thuê một gã vụng về như Người thậm chí chỉ để làm nhân viên giao hàng!"

Vợ trung úy Scheisskopf tái mét choáng váng và nhìn y chòng chọc lo sợ. "Anh không nên nói về Người như vậy, cưng à," cô trầm giọng nhắc nhở y đầy vẻ khiển trách và thù nghịch. "Người có thể sẽ trừng phạt anh đấy."

"Không phải là Người đã trừng phạt anh quá đủ rồi sao?" Yossarian cay cú bật lại. "Em biết không, chúng ta không được để cho Người phủi tay. Ồ không, đương nhiên là ta không được để cho Người phủi tay sạch trơn dễ dàng sau tất cả những khổ đau mà Người đã gây ra cho chúng ta. Một ngày nào đó anh sẽ bắt Người phải trả giá. Anh biết là khi nào rồi. Ngày Phán Quyết. Phải, đó là

ngày anh sẽ được ở đủ gần để với tay ra tóm lấy cổ gã quê mùa đó và…”

“Thôi ngay! Thôi ngay!” vợ trung úy Scheisskopf đột nhiên hét lên, và bắt đầu tuyệt vọng đấm vào đầu y bằng cả hai tay. “Thôi ngay!”

Yossarian vòng tay che đầu trong lức cô nàng trút hết cơn giận dữ đàn bà của mình, sau đó túm chặt lấy cổ tay cô đầy quyết đoán rồi nhẹ nhàng đẩy cô nằm xuống giường. “Em trở nên khó chịu như vậy là vì thứ chết tiệt gì thế?” y bối rối hỏi cô, giọng thích thú phảng phất chút ăn năn. “Anh tưởng em không tin Chúa?”

“Thì em đâu có tin,” cô sụt sùi, rồi òa lên nức nở. “Nhưng Chúa mà em không tin là một Chúa tốt, một Chúa công bằng, một Chúa nhân từ. Người không phải là vị Chúa ích kỷ và ngu dốt mà anh vừa kết tội.”

Yossarian phá lên cười và buông tay cô ra. “Hãy dành ra thêm chút tự do tôn giáo giữa hai ta đi vậy,” y sốt sắng đề nghị. “Em không tin vào vị Chúa mà em muốn, và anh không tin vào vị Chúa mà anh muốn. Vậy có được không?”

Đó là lễ Tạ ơn phi lý nhất mà y nhớ là đã từng trải qua, và tâm trí y lại mơ tưởng về mười bốn ngày bị cách ly thanh bình trong bệnh viện một năm trước; nhưng ngay cả đoản khúc thơ mộng ấy cũng đã kết thúc trong một nốt nhạc đầy bi kịch: thời gian cách ly kết thúc mà y vẫn khỏe re, và thế là họ lại bảo với y rằng y phải xuất viện và đi chiến đấu. Yossarian ngồi thẳng dậy trên giường khi nghe thấy tin xấu này và hét to lên.

“Tôi nhìn mọi thứ đều hóa thành hai!”

Một vụ hỗn loạn lại nổ ra trong phòng bệnh. Các chuyên gia từ tứ phía chạy bổ tới quây thành một vòng tròn chú mục quanh y, sát tới mức y có thể cảm nhận được hơi thở ẩm ướt từ những cái mũi thuộc đủ kiểu dáng của họ đang khó nhọc phả lên các bộ phận khác nhau trên người y. Họ sục vào mắt và tai y những tia sáng li ti, tấn công cẳng và bàn chân y bằng những chiếc búa cao su và nĩa rung, rút máu từ ven y, giơ lên bất cứ thứ gì tiện trong tầm tay để kiểm tra thị lực của y.

Trưởng nhóm bác sĩ này là một người đàn ông tôn quý rất tận tâm, ông này giơ một ngón tay lên thẳng mặt Yossarian mà hỏi, "Anh nhìn thấy mấy ngón tay?"

"Hai," Yossarian nói.

"Giờ thì anh thấy mấy ngón?" tay bác sĩ lại hỏi, giơ hai ngón tay lên.

"Hai," Yossarian nói.

"Còn giờ thì mấy?" bác sĩ hỏi, không giơ ngón nào lên hết.

"Hai," Yossarian nói.

Gương mặt của bác sĩ bừng sáng nụ cười chiến thắng. "Trời ơi! Anh ta đã nói đúng," ông hân hoan tuyên bố. "Thực sự là anh ta nhìn tất cả mọi thứ đều hóa thành hai."

Họ đưa Yossarian đi trên một cái cáng vào cùng phòng với gã lính nhìn mọi thứ đều một hóa hai và cách ly tất cả những người còn lại ở trong phòng thêm mười bốn ngày nữa.

"Tất cả những gì tôi thấy đều hóa thành hai!" gã lính nhìn mọi thứ hóa hai hét lên khi họ đưa Yossarian vào.

“Tất cả những gì tôi thấy đều hóa thành hai!” Yossarian hét lên cũng to không kém, bí mật nháy mắt với gã một cái.

“Những bức tường! Những bức tường!” gã lính kia lại hét toáng lên. “Đẩy những bức tường kia lùi lại đi!”

“Những bức tường! Những bức tường!” Yossarian hét toáng lên. “Đẩy những bức tường kia lùi lại đi!”

Một trong số các bác sĩ giả vờ đẩy tường lùi lại. “Như thế này đã được chưa?”

Gã lính nhìn mọi thứ hóa hai kia yếu ớt gật đầu và buông mình xuống giường trở lại. Yossarian cũng gật đầu yếu ớt, nhìn gã bạn cùng phòng tài năng với sự nhún nhường và ngưỡng mộ vô biên. Y biết là y đang được hạnh ngộ một bậc thầy. Gã bạn cùng phòng của y hiển nhiên là một người đáng để tìm hiểu và bắt chước. Đêm hôm đó, gã bạn cùng phòng tài năng của y đã chết, và Yossarian quyết định rằng y đã bắt chước gã đủ rồi.

“Mọi thứ tôi nhìn đều hóa thành một rồi!” y vội vàng hét lên.

Một nhóm các chuyên gia mới lập tức tới bên giường y đầy suy tư cùng đầy đủ đồ nghề để kiểm tra xem có thật như vậy không.

“Anh nhìn thấy mấy ngón tay?” trưởng nhóm hỏi, giơ một ngón tay lên.

“Một.”

Ông bác sĩ giơ hai ngón lên. “Giờ thì anh nhìn thấy mấy ngón tay?”

“Một.”

Ông ta giơ mười ngón lên. “Giờ thì mấy?”

"Một."

Tay bác sĩ quay lại nhìn các bác sĩ khác với vẻ kinh ngạc. "Đúng là tất cả những gì anh ta nhìn thấy đều hóa thành một!" ông kêu lên. "Chúng ta đã khiến cho anh ta khỏe lên."

"Và rất đúng lúc nữa," một bác sĩ khác thông báo, sau đó thì chỉ còn lại mình Yossarian và ông này - một người đàn ông cao ráo, ôn nhu với thân hình như một quả ngư lôi, hàng ria nâu không tỉa và một bao thuốc lá trong túi áo mà ông ta cứ lấy ra vô tư hút hết điếu này tới điếu khác trong lúc đứng tựa lưng vào tường. "Có một số người bà con tới đây để thăm anh. Ồ, đừng lo," ông vừa nói vừa cười thành tiếng. "Không phải bà con của anh đâu. Đó là bố, mẹ và em trai của một thằng cha mới chết. Họ đã đi suốt từ New York tới đây để gặp một người lính sắp chết, và anh là trường hợp tiện nhất mà chúng tôi có."

"Ông đang nói cái gì vậy?" Yossarian nghi ngờ hỏi. "Tôi đâu có sắp chết."

"Tất nhiên là anh sắp chết. Tất cả chúng ta đều sắp chết. Không thì theo anh chúng ta còn đang lao về hướng quái nào khác nữa?"

"Họ tới đâu phải để gặp tôi," Yossarian phản đối. "Họ tới để gặp con trai của họ."

"Họ sẽ phải chấp nhận những gì họ có thể có. Theo như chúng tôi được biết thì mọi cu cậu sắp chết đều tốt, hoặc tệ, như nhau. Đối với một nhà khoa học thì tất cả các cu cậu sắp chết đều bình đẳng. Tôi có một đề nghị với anh. Anh để cho họ vào và chăm sóc anh vài phút, còn tôi sẽ không nói với bất cứ ai rằng anh đã nói dối về các triệu chứng bệnh gan của mình."

Yossarian lùi xa khỏi ông ta thêm chút nữa. “Ông biết ư?”

“Tất nhiên là tôi biết. Đừng coi thường bọn tôi như vậy chứ.” Tay bác sĩ tặc lưỡi đầy thân thiện và đốt thêm một điếu thuốc nữa. “Làm sao anh có thể mong mọi người tin rằng anh bị bệnh gan trong khi anh cứ bóp vú các cô y tá bất cứ khi nào có thể? Anh cần phải kiêng sex nếu anh muốn thuyết phục mọi người rằng gan của anh có vấn đề.”

“Quả là một cái giá quá đắt để được sống. Tại sao ông không tố cáo nếu ông biết tôi đang giả bệnh?”

“Việc quái gì mà tôi phải làm chuyện đó?” tay bác sĩ hỏi với một thoáng ngạc nhiên. “Tất cả chúng ta đều sống trong ảo tưởng mà. Tôi luôn sẵn lòng đưa tay ra giúp đồng bọn trên con đường sinh tồn nếu như anh ta cũng sẵn lòng giúp tôi. Những người này đã đi cả một chặng đường dài tới đây, và tôi không muốn làm cho họ thất vọng. Tôi luôn mềm yếu với những người có tuổi.”

“Nhưng họ đến để gặp con trai họ mà.”

“Họ đã tới quá muộn. Có thể họ còn chẳng nhận ra sự khác biệt đâu.”

“Biết đâu họ sẽ khóc.”

“Có thể họ sẽ khóc. Đó là một trong các lý do để họ tới đây mà. Tôi sẽ đứng bên ngoài nghe ngóng và sẽ can thiệp nếu như chuyện bắt đầu trở nên bết bát.”

“Toàn bộ chuyện này nghe hơi điên rồ đấy,” Yossarian trầm ngâm. “Mà, họ muốn chứng kiến con trai họ chết để làm cái gì thế?”

“Điểm đó thì tôi chưa bao giờ có thể hiểu ra được,” tay bác sĩ thú nhận, “nhưng họ cứ luôn muốn như vậy đấy. Chậc, vậy giờ ý anh sao? Tất cả những gì anh phải làm chỉ là nằm ở đó vài phút và chết đi một chút. Đòi hỏi như thế có quá đáng không?”

“Được rồi,” Yossarian nhượng bộ. “Nếu như chỉ có vài phút và ông hứa sẽ đợi ngay ở ngoài.” Y khởi động cho vai diễn. “Này, sao ông không băng kín người tôi lại cho thêm hiệu quả nhỉ?”

“Nghe có vẻ là một ý kiến hay tuyệt đấy,” tay bác sĩ tán thành.

Họ quấn một lố băng quanh người Yossarian. Một nhóm các hộ lý quân y vào lắp các mành cửa màu nâu lên cả hai cửa sổ, đoạn kéo chúng xuống để dìm căn phòng trong bóng tối u buồn. Yossarian gợi ý nên có thêm hoa và tay bác sĩ đã ra lệnh một hộ lý ra ngoài tìm về hai bó hoa nhỏ nhợt nhạt nặng mùi bệnh tật. Khi mọi thứ xong xuôi, họ bắt Yossarian quay lại giường và nằm xuống. Sau đó họ mới cho các vị khách vào phòng.

Những vị khách rụt rè đi vào như thể họ là những kẻ xâm nhập trái phép, rón rén từng bước với vẻ xin lỗi nhu mì, đầu tiên là người cha và mẹ rầu rĩ, tiếp đến là người em, một gã thủy thủ to con với bộ ngực vạm vỡ. Người đàn ông và người phụ nữ thẳng đơ sóng vai bước vào phòng như thể vừa bước ra khỏi một tấm ảnh chụp kiểu cổ vừa quen thuộc vừa bí hiểm treo tường. Họ đều thấp lùn, héo hon và kiêu hãnh. Họ dường như được làm từ sắt và những bộ quần áo cũ, tối màu. Người phụ nữ có một khuôn mặt hình ô van dài ủ ê nâu sậm, với mái tóc đen mỏng ngả bạc rẽ ngôi giữa thẳng tắp rồi chải ngược ra buộc sau gáy đầy khắc khổ, không uốn xoăn, không làm bồng, không trang trí. Khuôn miệng bà buồn bã, ảm đạm, đôi môi kẻ viền mím chặt. Người cha đứng nghiêm cứng đờ và kỳ

cục trong bộ com lê ngực đúp độn vai quá chật với ông. Ông to cao và cường tráng theo một quy mô nhỏ, một bộ ria bạc uốn quăn hoành tráng gắn trên khuôn mặt nhăn nhúm. Mắt ông có nhiều vết chân chim và luôn chảy nước, và ông dễ dàng tạo được vẻ đau đớn buồn thảm khi vụng về đứng đó với đôi bàn tay rắn chắc của dân lao động giữ chặt vành chiếc mũ phớt đen trước ve áo rộng. Nghèo khó và vất vả đã giáng những tàn phá đầy bất công lên cả hai người. Cậu em thì trông như đang kiếm người để choảng nhau. Chiếc mũ tròn vành trắng vểnh lên thách thức, nắm tay siết chặt, và gã gườm gườm nhìn mọi thứ trong phòng với vẻ cau có của một kẻ hung bạo bị tổn thương.

Ba người kẽo kẹt rón rén tiến về phía trước, túm tụm lại gần nhau giống như khi đưa đám và nhích lên từng bước từng bước một, cho đến khi tới được cạnh giường và đứng đó trừng trừng nhìn xuống Yossarian. Một sự im lặng khủng khiếp và khốn khổ đe dọa sẽ kéo dài mãi mãi. Cuối cùng Yossarian chịu không nổi nữa và hắng họng. Rốt cuộc ông già cũng mở miệng.

“Trông nó kinh quá,” ông nói.

“Anh ấy đang bệnh mà ba.”

“Giuseppe,” người mẹ nói, bà đã ngồi xuống một chiếc ghế, những ngón tay nổi gân siết chặt lại trong lòng.

“Tên tôi là Yossarian,” Yossarian nói.

“Tên anh ấy giờ là Yossarian đó má. Yossarian, anh không nhận ra em sao? Em là John, em trai anh nè. Anh không biết em là ai hả?”

“Tất nhiên là anh biết. Em là thằng John em của anh.”

“Anh ấy nhận ra con thật rồi nè! Ba, anh ấy biết con là ai. Yossarian, đây là ba. Anh chào ba đi.”

“Chào ba,” Yossarian nói.

“Chào Giuseppe.”

“Tên anh ấy là Yossarian mà ba.”

“Ta không chịu được tình trạng kinh khủng này của nó,” người cha nói.

“Anh ấy bệnh nặng lắm mà ba. Bác sĩ nói là anh ấy sắp chết.”

“Ta không biết là có nên tin tụi bác sĩ hay không,” người cha nói. “Con cũng biết mấy gã đó là chúa quanh co còn gì.”

“Giuseppe,” bà mẹ lại nói, giọng rất nhẹ, ngập ngừng trong nỗi thống khổ thầm lặng.

“Tên nó là Yossarian mà má nó. Giờ bà chả còn nhớ được cái gì lâu hả. Ở đây họ đối xử với con thế nào, nhóc? Họ đối xử với con tốt chứ?”

“Khá tốt,” Yossarian nói cho ông biết.

“Vậy thì được rồi. Miễn là đừng cho bất cứ ai ở đây bắt nạt nha. Con cũng tốt như bất cứ ai khác ở đây mặc dù con là người Ý. Con cũng có đủ các quyền đó.”

Yossarian nhăn mặt và nhắm mắt lại để không phải nhìn thấy ông em trai tên John. Y bắt đầu cảm thấy phát ốm.

“Này trông nó kinh khủng chưa,” người cha nhận xét.

“Giuseppe,” người mẹ nói.

“Má, tên anh ấy là Yossarian,” ông em sốt ruột ngắt lời mẹ. “Má không nhớ nổi hả?”

“Không sao đâu,” Yossarian ngắt lời gã. “Mẹ có thể gọi anh là Giuseppe nếu muốn.”

“Giuseppe,” bà nói với y.

“Đừng lo nhé Yossarian,” ông em nói. “Mọi thứ rồi sẽ ổn thôi.”

“Đừng lo nhé má,” Yossarian nói. “Mọi thứ rồi sẽ ổn thôi.”

“Anh có linh mục chứ?” ông em muốn biết.

“Ừ,” Yossarian nói dối, lại nhăn mặt.

“Vậy thì được rồi,” ông em quyết định. “Miễn là anh có mọi thứ cần có là được. Cả nhà đã đi suốt từ New York tới đây. Cả nhà đã e rằng sẽ không tới kịp.”

“Tới kịp để làm gì cơ?”

“Tới kịp trước khi anh chết.”

“Như vậy thì có khác gì?”

“Cả nhà không muốn anh chết một mình.”

“Như vậy thì có khác gì?”

“Anh ấy chắc là đang mê sảng rồi,” ông em nói. “Anh ấy cứ nói đi nói lại mãi một câu.”

“Quả là nực cười,” ông già đáp. “Tôi luôn nghĩ tên nó là Giuseppe nhưng giờ lại phát hiện ra nó tên là Yossarian. Quả là nực cười.”

“Má, hãy giúp cho anh ấy thoải mái hơn đi,” ông em thúc giục. “Nói gì đó cho anh ấy vui lên đi.”

"Giuseppe."

"Không phải là Giuseppe. Má. Là Yossarian."

"Như vậy thì có khác gì?" người mẹ trả lời, vẫn với giọng rầu rĩ đó, không buồn nhìn lên. "Nó đang chết."

Cặp mắt sưng phồng của bà bỗng đẫm lệ và bà bắt đầu khóc, người chậm rãi rung rung trên ghế với hai bàn tay nằm trong lòng như hai con ngài chết. Yossarian lo sợ rằng bà có thể sẽ chuyển sang khóc gào. Người cha và ông em cũng bắt đầu khóc. Yossarian chợt nhớ ra lý do tại sao họ khóc, đoạn y cũng bật khóc theo. Một bác sĩ Yossarian chưa từng gặp bước vào phòng và lịch sự nói với các vị khách rằng họ phải rời đi. Người cha trịnh trọng đứng lên chào tạm biệt.

"Giuseppe," ông bắt đầu nói.

"Yossarian," người con chữa lại.

"Yossarian," người cha nói.

"Giuseppe," Yossarian chữa lại.

"Con sẽ sớm chết thôi."

Yossarian lại khóc. Viên bác sĩ ném cho gã một cú lườm từ phía cuối phòng, và Yossarian buộc mình ngừng khóc.

Người cha tiếp tục trang trọng nói, đầu ông cúi xuống. "Khi con nói chuyện với người ở trên đó," ông nói, "ta muốn con nói hộ ta vài điều. Hãy nói với Người rằng chuyện để người ta phải chết khi còn trẻ thật là không phải. Ta nói thật đấy. Hãy bảo với Người rằng nếu người ta phải chết, thì phải là khi đã già. Ta muốn con nói với Người điều đó. Ta không nghĩ Người biết rằng việc này là không phải, bởi

vì Người vốn phải là người tốt, nhưng việc này vẫn tiếp diễn quá lâu, quá lâu rồi. Được không?"

"Và đừng để cho bất cứ ai trên đó bắt nạt anh," ông em khuyên nhủ. "Anh cũng sẽ tốt như bất cứ ai khác ở trên thiên đàng, ngay cả khi anh là người Ý."

"Mặc áo ấm nhé," người mẹ nói, dường như bà đã hiểu.

19 ĐẠI TÁ CATHCART

Đại tá Cathcart là một người đàn ông ba mươi sáu tuổi khôn lỏi, thành đạt, bệ rạc và bất hạnh, có thói đi lê chân và muốn trở thành tướng. Gã vừa sôi nổi vừa buồn chán, vừa điềm đạm vừa dễ thất vọng. Gã vừa tự mãn vừa tự ti, vừa táo bạo trong những thủ đoạn quản lý mà gã dùng để thu hút chú ý của cấp trên, vừa co vòi trong nỗi lo lắng rằng tất cả các thủ đoạn đó rất có thể sẽ gậy ông đập lưng ông. Gã đẹp trai nhưng thiếu hấp dẫn, một kẻ hung hăng, lực lưỡng, tự phụ đang phát phì và bị hành hạ kinh niên bởi những cơn sợ hãi dai dẳng. Đại tá Cathcart tự phụ bởi vì gã là một đại tá tư lệnh chiến trường mới chỉ ba mươi sáu tuổi; nhưng đại tá Cathcart thất vọng bởi vì mặc dù đã ba mươi sáu tuổi mà vẫn chỉ là một viên đại tá tư lệnh chiến trường.

Đại tá Cathcart không thể thẩm thấu được những gì tuyệt đối. Gã chỉ có thể đánh giá được sự tiến bộ của mình trong mối liên hệ với những người khác, và quan điểm của gã về sự thành công là làm được điều gì đó ít nhất ngang ngửa với tất cả những kẻ cùng tuổi, những kẻ đang làm điều đó tốt hơn gã. Việc có hàng nghìn người ở độ tuổi của gã hay già hơn thậm chí còn chưa lên được cấp thiếu tá khiến cho gã tràn ngập niềm vui hào nhoáng về năng lực phi phàm của bản thân; mặt khác, việc có những người bằng tuổi gã hoặc trẻ hơn đã lên cấp tướng đã tiêm nhiễm vào gã niềm đau khổ vật vã

của thất bại và khiến gã gặm mãi ngón tay trong nỗi lo âu không sao khỏa lấp còn mãnh liệt hơn cả Hungry Joe.

Đại tá Cathcart là một gã to con, thô, vai rộng có mái tóc quăn đen cắt sát da đầu ngả bạc ở phần ngọn cùng một đót thuốc lá tinh xảo mà gã mua vào hôm trước cái ngày đến Pianosa để chỉ huy liên đoàn này. Mỗi dịp có thể gã đều trưng cái đót này ra và đã học được cách điều khiển nó một cách khéo léo. Tình cờ gã đã phát hiện ra rằng ẩn sâu bên trong con người gã là năng khiếu hút thuốc bằng đót vô cùng phong phú. Theo như gã biết thì chiếc đót thuốc của gã là duy nhất trên cả mặt trận Địa Trung Hải này, và ý nghĩ đó vừa khiến gã nở mày nở mặt vừa làm gã lo lắng băn khoăn. Gã không mảy may nghi ngờ rằng một người yêu đời và trí thức như tướng Peckem có thể sẽ chấp thuận việc gã hút thuốc bằng đót, mặc dù hai người rất ít khi gặp riêng nhau, điều này xét ở một khía cạnh nào đó lại khá là may mắn, đại tá Cathcart thở phào nhẹ nhõm, bởi vì thực ra rất có thể tướng Peckem lại không chấp thuận cho gã hút thuốc bằng đót. Khi những mối nghi ngại đó tấn công đại tá Cathcart, gã cố kìm cơn nức nở và muốn vứt thứ đồ chết tiệt đó đi, nhưng gã đã kịp kiềm chế được bởi một niềm tin vô bờ bến rằng chiếc đót thuốc đó không bao giờ thất bại trong việc tô điểm cho thể chất nam tính, đậm chất lính chiến được bao phủ trong lớp sơn bóng bẩy của chủ nghĩa anh hùng tinh vi đã khiến gã bừng sáng lên một mức ưu thế chói lóa so với toàn bộ các đại tá khác trong quân đội Mỹ mà gã đang cạnh tranh. Mặc dù, làm sao gã có thể khẳng định chắc chắn được?

Đại tá Cathcart cứ thế không biết mệt mỏi, một chiến thuật gia cần cù, dữ dội, tận tụy luôn tính toán ngày đêm để phụng sự bản thân. Gã là chiếc quan tài đá của chính mình, một nhà ngoại giao

táo bạo và không bao giờ sai lầm luôn nhiếc móc bản thân với vẻ ghê tởm vì tất cả những cơ hội mà gã đã bỏ lỡ và đấm đá bản thân đầy nuối tiếc vì tất cả những lỗi lầm mà gã đã mắc phải. Gã luôn căng thẳng, dễ nổi nóng, chua chát và bảnh chọe. Gã là một kẻ cơ hội anh dũng luôn vồ lấy mọi cơ hội mà trung tá Korn tìm được cho gã và run lên trong tuyệt vọng ngã lòng ngay sau đó khi nghĩ về những hậu quả mà gã có thể gặp phải. Gã tham lam thu thập những tin đồn và trân trọng những câu chuyện phiếm. Gã tin tất cả những gì nghe được đồng thời không có niềm tin vào bất cứ điều gì. Gã luôn cảnh giác nghe ngóng tất cả mọi tín hiệu, đặc biệt nhạy bén với những mối quan hệ và những tình huống không có thật. Gã là kẻ luôn biết rõ mọi vấn đề đồng thời luôn cố gắng một cách tội nghiệp để biết được những gì đang xảy ra. Gã là một tên đầu gấu hay quát tháo dọa nạt không biết sợ gì đồng thời luôn ủ ê khôn nguôi về những ấn tượng kinh khủng bất khả tẩy xóa mà gã biết mình đã gây ra trước những người quan trọng vốn gần như không biết tới sự tồn tại của gã trên đời.

Tất cả mọi người đều làm khổ gã. Đại tá Cathcart xoay xở để sống từng bữa trong một thế giới bất ổn và là cấp số cộng của những vết đen và những mốc son của gã, những chiến thắng hoành tráng tưởng tượng và những thất bại kinh hoàng tưởng tượng. Cứ mỗi giờ gã lại thay đổi trạng thái từ nỗi thống khổ tới niềm hân hoan và ngược lại, nhân lên gấp bội sự vĩ đại của những chiến thắng, và cường điệu tới tột cùng sự nghiêm trọng của thất bại. Chưa ai thấy gã chợp mắt một chút nào vào ban ngày. Nếu có tin báo rằng tướng Dreedle hay tướng Peckem đang cười, đang giận dữ, hoặc có biểu hiện gì khác thì gã sẽ không cho phép mình được nghỉ cho đến khi

tìm được lời giải thích hợp lý và cứ càu nhàu cho đến khi trung tá Korn thuyết phục gã hãy thư giãn và đừng quan trọng hóa vấn đề.

Trung tá Korn là một Đồng minh trung thành không thể thiếu nhưng luôn khiến đại tá Cathcart ngứa mắt. Đại tá Cathcart mãi đội ơn trung tá Korn vì những nước cờ thiên tài mà trung tá Korn đã bày ra rồi sau đó lại điên tiết vì nhận ra rằng rất có thể chúng sẽ không thành. Đại tá Cathcart vừa mang nợ trung tá Korn rất nhiều vừa chẳng thích Korn chút nào cả. Hai người bọn họ rất thân thiết. Đại tá Cathcart ghen tị với trí thông minh của trung tá Korn và thường xuyên tự nhủ rằng Korn vẫn chỉ là trung tá, dù cho già hơn đại tá Cathcart cả chục tuổi và rằng trung tá Korn chỉ tốt nghiệp một trường đại học công. Đại tá Cathcart than khóc cho số phận hẩm hiu của mình khi có một người phụ tá quý giá mà tầm thường như trung tá Korn. Thật là mất giá khi phải phụ thuộc toàn diện đến thế vào một kẻ chỉ tốt nghiệp một trường đại học công. Nếu cứ phải có ai đó không thể thiếu được đối với gã, đại tá Cathcart than thở, thì sao lại không thể là ai đó giàu có và ăn mặc chải chuốt, ai đó dòng dõi hơn, chín chắn hơn trung tá Korn và không coi khát khao lên tướng của đại tá Cathcart là hão huyền như đại tá Cathcart thầm nghi ngờ trung tá Korn luôn thầm nghĩ thế.

Đại tá Cathcart muốn được lên tướng tới mức sẵn lòng thử bất cứ điều gì, kể cả tôn giáo, và gã đã triệu tập cha tuyên úy tới phòng vào cuối một buổi sáng trong cái tuần mà gã đã cho tăng chỉ tiêu lên sáu mươi trận, đoạn chỉ tay cái rụp xuống bàn làm việc vào tờ *The Saturday Evening Post*. Đại tá mặc áo sơ mi kaki cổ áo mở rộng cho thấy cả bóng của đám râu đen lởm chởm in lên làn da cổ trắng nõn, môi dưới mềm xốp trề ra. Gã là người không bao giờ bị rám nắng, gã tránh xa mặt trời hết mức có thể để tránh bị cháy da. Đại tá cao

hơn cha tuyên úy một cái đầu, và to gần gấp đôi, cái vẻ chuyên quyền hống hách quá mức của gã càng khiến cho cha tuyên úy trở nên mong manh, ốm yếu.

“Cha tuyên úy nhìn qua xem,” đại tá Cathcart chỉ đạo, lắp một điếu thuốc vào đót và đường bệ ngồi xuống chiếc ghế xoay đằng sau bàn làm việc. “Rồi cho tôi biết ý kiến của anh.”

Cha tuyên úy tuân lệnh nhìn xuống tờ tạp chí đang mở ra và thấy một bài xã luận về một liên đoàn bay ném bom Mỹ đang hoạt động ở Anh luôn có tuyên úy quân đội cầu nguyện tại phòng tác chiến trước mỗi trận đánh. Cha tuyên úy gần như òa khóc vì vui sướng khi nhận thấy đại tá sẽ không la hét gì gã. Hai người bọn họ gần như đã không nói chuyện với nhau kể từ sau buổi tối lộn xộn hôm đó khi đại tá Cathcart ném gã ra khỏi câu lạc bộ sĩ quan theo lệnh của tướng Dreedle sau khi thượng sĩ White Halfoat đấm vào mũi đại tá Moodus. Ban đầu cha tuyên úy lo rằng đại tá sẽ trả đũa gã vì đã quay lại câu lạc bộ sĩ quan vào tối hôm trước mà không xin phép. Gã đã tới đó với Yossarian và Dunbar sau khi hai gã này bất ngờ đến lều của gã ở bãi đất trống trong rừng để mời gã đi cùng. Mặc dù vẫn e dè đại tá Cathcart nhưng gã thấy việc dũng cảm chống lại sự khó chịu đó còn dễ dàng hơn là từ chối lời mời ân cần của hai người bạn mới, những người mà gã đã gặp tại một trong những lần đến thăm bệnh viện chỉ vài tuần trước đây đồng thời là những kẻ đã miệt mài nỗ lực và thành công trong việc cách ly gã khỏi hằng hà sa số những thăng trầm trong giao tế mà gã gặp phải khi thực thi nhiệm vụ của mình, để gã sống được một cách thân mật nhất có thể với hơn chín trăm sĩ quan và binh sĩ lạ hoắc luôn nghĩ gã là một con vịt kỳ khôi.

Cha tuyên úy dán mắt vào các trang tạp chí. Gã xem mỗi bức ảnh hai lần và chăm chú đọc lời chú thích trong lúc sắp xếp phần trả lời cho câu hỏi của đại tá thành một câu hoàn chỉnh về ngữ pháp, gã đã chỉnh đi chỉnh lại, duyệt đi duyệt lại câu đó trong đầu rất nhiều lần mới gom đủ dũng khí để lên tiếng.

“Tôi cho rằng cầu nguyện trước mỗi trận đánh là một nghi thức rất hợp đạo lý và đáng khen, thưa sếp,” gã rụt rè mở lời, và chờ đợi.

“Ừ,” đại tá nói. “ Nhưng tôi muốn biết rằng theo anh thì có làm được điều đó ở đây không?”

“Vâng thưa sếp,” cha tuyên úy ngập ngừng một lát rồi mới trả lời. “Tôi nghĩ là có thể làm được.”

“Vậy thì chúng ta hãy thử làm xem sao.” Hai bên má bệu trắng như bột của đại tá chợt nhuốm những vệt ửng hồng háo hức. Gã đứng dậy và bắt đầu phấn khích đi đi lại lại. “Xem họ đã làm được bao nhiêu là điều tốt cho những người lính ở Anh này. Đây là ảnh một viên đại tá ở trong tờ *The Saturday Evening Post*, ông ấy đã cử cha tuyên úy tới cho mọi người cầu nguyện trước mỗi trận đánh. Nếu cầu nguyện tốt cho ông ấy thì cũng tốt cho ta. Rất có thể nếu chúng ta cầu nguyện thì họ sẽ cho đăng ảnh tôi lên tờ *The Saturday Evening Post*.”

Đại tá lại ngồi xuống và mỉm cười xa xôi giữa những suy tính bộn bề. Cha tuyên úy không biết nên nói gì tiếp. Với vẻ trầm ngâm in đậm trên khuôn mặt hình chữ nhật nhợt nhạt, gã cho phép ánh mắt mình hạ cánh nơi những giạ đựng cà chua mận đỏ ối đang đứng thành hàng tựa vào tường. Gã giả vờ như đang tập trung suy nghĩ về câu trả lời. Một lúc sau gã nhận ra rằng mình đang nhìn chằm chằm vào hàng hàng dãy dãy giạ cà chua và trở nên tò mò kinh

khủng về vai trò của chúng tại phòng chỉ huy này tới mức gã hoàn toàn quên béng đi vụ cầu nguyện cho đến khi đại tá Cathcart, ân cần và lạc đề, cất tiếng hỏi:

"Cha tuyên úy có muốn mua một ít không? Chúng đã được hái từ ngay nông trại trên đồi của trung tá Korn và tôi. Tôi có thể bán cho anh một thùng với giá buôn."

"Ồ không thưa sếp. Tôi không nghĩ vậy."

"Thế cũng không sao cả," đại tá lập tức trấn an gã. "Anh không phải mua đâu. Milo luôn sẵn lòng chộp lấy tất cả những gì chúng tôi sản xuất được. Số cà chua này mới hái hôm qua thôi. Xem chúng mới chín mọng mà rắn chắc làm sao, như ngực cô gái trẻ."

Cha tuyên úy đỏ mặt, và đại tá ngay lập tức hiểu ra mình đã mắc sai lầm. Gã xấu hổ cúi đầu, gương mặt nặng nề bừng nóng. Những ngón tay trở nên thô kệch và vụng về. Đại tá ghét cay ghét đắng cha tuyên úy chỉ vì đó là cha tuyên úy, kẻ đã biến nhận xét vừa xong của gã thành một câu nói hớ thô lỗ trong khi, nếu ở bất cứ hoàn cảnh nào khác, đại tá biết, câu đó sẽ được coi là thông minh và tinh tế. Gã vật vã cố tìm xem có cách nào khác giải thoát cho cả hai khỏi tình trạng bối rối kinh khủng này. Thế rồi gã nhớ ra rằng cha tuyên úy mới chỉ là đại úy, và gã ngay lập tức ngồi thẳng dậy, thở hổn hển với vẻ như bị sốc và bị xúc phạm. Gò má gã sắt lại vì cuồng nộ trước ý nghĩ mình vừa bị lừa bẽ bàng bởi một kẻ đã gần bằng tuổi gã mà vẫn chỉ là đại úy, và gã chồm người về phía cha tuyên úy như để trả đũa với vẻ đối kháng chết chóc tới mức cha tuyên úy bắt đầu run rẩy. Đại tá trừng phạt gã một cách ác nghiệt bằng một cú lườm kéo dài, tóe lửa, đầy ác ý, căm thù và câm lặng.

“Chúng ta đang nói về chuyện khác,” cuối cùng thì gã cũng cay độc nhắc cho cha tuyên úy biết. “Không phải chúng ta đang nói về bộ ngực rắn chắc, chín mọng của những cô gái trẻ đẹp mà là về một thứ hoàn toàn khác. Chúng ta đang nói về việc thực hiện các nghi thức tôn giáo ở trong phòng tác chiến trước mỗi trận đánh. Liệu có lý do nào khiến chúng ta không thể làm được việc này không?”

“Không, thưa sếp,” cha tuyên úy lúng búng.

“Vậy thì chúng ta sẽ bắt đầu ngay từ nhiệm vụ chiều nay.” Vẻ thù địch của đại tá giảm dần khi nói đến những chi tiết. “Giờ thì tôi muốn anh suy nghĩ thật kỹ về những lời cầu nguyện mà chúng ta sẽ nói. Tôi không muốn cái gì quá nặng nề hay buồn thảm. Tôi muốn anh chọn cái gì nhẹ nhàng và sống động, những gì có thể khiến cho bọn họ ra trận với cảm giác thoải mái. Anh có hiểu ý tôi không? Tôi không muốn những thứ kiểu như Vương quốc của Chúa hay Thung lũng Tử thần. Như vậy thì quá tiêu cực. Sao anh lại làm vẻ mặt rầu rĩ đó thế?”

“Ồ xin lỗi sếp,” cha tuyên úy lắp bắp. “Tự nhiên tôi lại nghĩ về bài thánh ca thứ hai mươi ba ngay lúc sếp nói.”

“Nó như thế nào?”

“Đó chính là cái mà sếp vừa nói. ‘Chúa là người chăn chiên; con…’ ”

“Đó chính là cái mà tôi vừa nói. Bỏ qua đi. Anh còn gì khác không?”

“ ‘Hãy cứu vớt con, hỡi Chúa; bởi vì nước đang tràn về…’ ”

“Không có nước nôi gì cả,” đại tá quyết định, thô lỗ thổi cái đót sau khi gảy đầu điếu thuốc đã hết vào gạt tàn mặt lỗ làm bằng đồng

thau. “Tại sao chúng ta không thử chọn cái gì giàu tính nhạc? Chẳng hạn như cái gì có đàn hạc trên những cây liễu ấy?”

“Bài đó thì lại có những dòng sông Babylon ạ, thưa sếp,” cha tuyên úy đáp. “ ‘… ta ngồi xuống đó, ồ vâng, ta khóc than, khi nhớ về Zion.’ ”

“Zion? Quên nó đi ngay và luôn. Tôi không hiểu sao cái câu như thế lại lọt vào bài đó được. Anh không còn thứ gì hài hước mà tránh xa nước, thung lũng và Chúa ư? Tôi muốn tránh xa hoàn toàn chủ đề tôn giáo nếu có thể.”

Cha tuyên úy đầy vẻ hối lỗi. “Tôi xin lỗi, thưa sếp, nhưng tất cả những lời cầu nguyện mà tôi biết đều khá ảm đạm và có ít nhất một vài ám chỉ tới Chúa.”

“Vậy thì hãy nghĩ ra những lời cầu nguyện mới đi. Bọn họ còn ta thán chưa đủ về số trận tôi bắt họ phải bay hay sao mà cần phải xát thêm muối vào vết thương bằng cách đưa ra những lời cầu khẩn về Chúa hoặc cái chết hay thiên đường. Chúng ta không thể có cách nào khác tích cực hơn được à? Tại sao tất cả chúng ta không thể cầu nguyện cho thứ gì đó tốt lành, như rải được bom sát nhau hơn chẳng hạn? Chúng ta không thể cầu nguyện sao cho có thể rải bom sát nhau hơn được sao?”

“Ồ vâng thưa sếp, tôi nghĩ là được,” cha tuyên úy ngập ngừng trả lời. “Nhưng nếu sếp chỉ muốn có vậy thì thậm chí sếp đâu có cần đến tôi. Sếp có thể tự làm được mà.”

“Tôi biết là tôi có thể,” đại tá chua chát trả lời. “Nhưng anh có biết nhiệm vụ của anh ở đây là gì không? Tôi cũng có thể tự mua đồ ăn cho mình, nhưng đó là nhiệm vụ của Milo, đó là lý do cậu ấy làm điều đó cho tất cả các liên đoàn trong vùng này. Nhiệm vụ của anh

là dẫn dắt chúng ta cầu nguyện, và từ giờ trở đi anh sẽ hướng dẫn mọi người cầu sao cho ta sẽ ném bom được theo hình sát nhau hơn trước mỗi nhiệm vụ. Như vậy đã rõ chưa? Tôi nghĩ điều đó thực sự rất đáng để cầu. Đối với tướng Peckem đó sẽ là một điểm ghi được của mỗi người chúng ta. Tướng Peckem cho rằng khi bom nổ sát cạnh nhau thì ảnh chụp mặt đất từ trên không sẽ đẹp hơn."

"Tướng Peckem ư, thưa sếp?"

"Đúng đó, cha tuyên úy," đại tá đáp lời, cười khùng khục đầy vẻ bề trên khi thấy sự bối rối của cha tuyên úy. "Tôi không muốn tin này lan truyền đi, nhưng có vẻ như rốt cuộc tướng Dreedle cũng đã sắp phải đi và tướng Peckem sẽ được bổ nhiệm để thay thế vị trí ông ấy. Nói thật thì tôi không thấy tiếc vì những gì sắp diễn ra. Tướng Peckem là một người rất tốt, và tôi nghĩ dưới trướng ông ấy thì tất cả chúng ta đều sẽ khá hơn nhiều. Mặt khác, rất có thể chuyện đó sẽ không xảy ra và chúng ta vẫn dưới quyền tướng Dreedle. Nói thật thì tôi cũng không lấy làm tiếc nếu điều đó xảy ra bởi vì tướng Dreedle cũng là một người rất tốt, và tôi nghĩ nếu ở dưới trướng ông ấy thì tất cả chúng ta cũng sẽ khá hơn nhiều. Tôi hy vọng anh sẽ giữ kín chuyện này. Tôi không muốn bất cứ ai trong bọn họ nghĩ rằng tôi đang ủng hộ người kia."

"Vâng thưa sếp."

"Vậy thì tốt," đại tá thốt lên, đoạn vui vẻ đứng dậy. "Nhưng tất cả những chuyện phiếm này sẽ không thể đưa chúng ta lên tờ *The Saturday Evening Post* được, phải không cha tuyên úy? Hãy nghĩ xem chúng ta có thể mở ra cách làm gì mới. À mà này, cha tuyên úy, nhớ không được nói trước một lời nào về chuyện này với trung tá Korn nhé. Hiểu không?"

“Vâng thưa sếp.”

Đại tá Cathcart bắt đầu trầm ngâm đi tới đi lui dọc theo những lối đi hẹp còn lại giữa những giạ cà chua và bộ bàn ghế ở giữa phòng. “Tôi nghĩ là anh sẽ phải ở ngoài phòng tác chiến cho đến khi lên kế hoạch xong, bởi vì đó là những tin mật. Chúng ta sẽ đưa anh vào lúc thiếu tá Danby căn giờ chuẩn cho tất cả các đồng hồ. Vụ giờ giấc chuẩn thì tôi nghĩ chẳng có gì phải bí mật. Chúng ta sẽ dành khoảng một phút rưỡi cho anh. Liệu một phút rưỡi có đủ?”

“Vâng đủ thưa sếp. Nếu không cần phải đuổi những người vô thần ra khỏi phòng và đưa cả lính trơn vào phòng.”

Đại tá Cathcart khựng lại. “Những kẻ vô thần nào cơ?” gã rống lên tự vệ, trong chớp mắt gã đột ngột chuyển thái độ thành một người đức hạnh và phản chiến. “Không có ai vô thần trong đơn vị của tôi! Vô thần là phạm pháp, phải không?”

“Không thưa sếp.”

“Không ư?” đại tá tỏ vẻ ngạc nhiên. “Như vậy thì không Mỹ một chút nào cả, phải không?”

“Tôi không chắc lắm, thưa sếp,” cha tuyên úy đáp lời.

“Ồ, nhưng tôi cho là vậy!” đại tá dõng dạc tuyên bố. “Tôi sẽ không để cho những nghi lễ tôn giáo của chúng ta bị ngắt quãng bởi một lũ vô thần tồi tệ. Bọn họ sẽ không có được bất cứ đặc ân nào từ tôi hết. Bọn họ chỉ được ở nguyên chỗ và tham gia cầu nguyện với tất cả những người còn lại. Thế còn vụ lính trơn là thế nào vậy? Thế quái nào mà chúng lại chui vào vụ này được?”

Cha tuyên úy cảm thấy mặt đỏ lên. “Tôi xin lỗi, thưa sếp. Tôi chỉ nghĩ là sếp muốn tất cả binh lính có mặt, bởi vì họ cũng sẽ cùng ra

trận."

"Ồ, tôi không muốn. Họ cũng có một Chúa và một cha tuyên úy cho riêng họ rồi, phải không?"

"Không thưa sếp."

"Anh nói gì vậy? Ý của anh là họ cũng cầu nguyện chung một Chúa với chúng ta ư?"

"Vâng thưa sếp."

"Và Người cũng lắng nghe."

"Tôi nghĩ là có, thưa sếp."

"Ồ, vậy thì quỷ tha ma bắt tôi đi," đại tá nhận xét, đoạn tự bật cười hô hố đầy thích thú một cách khó hiểu. Tâm trạng gã đột ngột chùng xuống ngay sau đó, và gã lo lắng vò mái tóc xoăn ngắn củn, đen và đang ngả bạc. "Anh có thực sự nghĩ rằng cho lính trơn cùng tham gia buổi cầu nguyện là một ý hay không?" gã hỏi đầy vẻ quan tâm.

"Tôi chỉ nghĩ như vậy thì hợp lý thôi, thưa sếp."

"Tôi vẫn muốn để bọn họ ở bên ngoài," đại tá tâm tư, và bắt đầu điên cuồng vừa bẻ khớp ngón tay vừa đi tới đi lui. "Ồ, xin đừng hiểu lầm tôi, cha tuyên úy ạ. Không phải tôi coi đám lính trơn là bẩn thỉu, tầm thường hay hạ cấp gì đâu. Chỉ là vì chúng ta không có đủ chỗ. Dù cũng phải nói thẳng là tôi cũng không muốn thấy cảnh binh lính và sĩ quan chẳng mấy thân thiện với nhau trong phòng tác chiến. Họ đã phải nhìn mặt nhau quá nhiều lúc phải cùng làm nhiệm vụ rồi, tôi thấy có vẻ như là vậy. Một vài người bạn tốt nhất của tôi cũng là lính trơn, anh cũng hiểu đấy, nhưng tôi cũng chỉ cho phép họ tiếp cận

mình có mức độ thôi. Nào nói thật đi, cha tuyên úy, anh đâu có muốn em gái mình cưới một thằng lính quèn, phải không?”

“Em gái tôi là lính quèn, thưa sếp,” cha tuyên úy đáp.

Đại tá lại khựng lại và liếc cha tuyên úy một cú sắc lẹm để đảm bảo không phải là gã đang bị người kia chòng ghẹo. “Anh nói vậy là ý gì, cha tuyên úy? Anh đang cố tỏ ra hài hước đấy hả?”

“Ôi không thưa sếp,” cha tuyên úy vội giải thích với vẻ khó chịu khổ sở. “Nó mới là thượng sĩ hải quân.”

Đại tá vốn đã chưa bao giờ thích cha tuyên úy và giờ thì gã còn căm ghét và ngờ vực tay này. Gã bỗng thấy một dự cảm sắc lạnh về hiểm nguy và tự hỏi liệu có phải cả cha tuyên úy này cũng đang ủ mưu chống lại gã, liệu có phải vẻ ngoài trầm lặng, mờ nhạt của gã thật ra chỉ là lớp ngụy trang nham hiểm che giấu một tham vọng bùng cháy mà sâu thẳm bên trong là sự xảo quyệt và bất lương. Có vẻ gì đó rất kỳ khôi ở cha tuyên úy và đại tá nhanh chóng nhận ra đó là gì. Cha tuyên úy vẫn đang đứng nghiêm chú ý, bởi vì đại tá đã quên cho gã được nghỉ. Cứ mặc xác gã đứng như thế, đại tá cay cú quyết định, để cho gã biết ai mới là sếp và để bảo vệ đại tá khỏi bị mất giá khi chấp nhận bỏ qua vụ cầu nguyện.

Đại tá Cathcart đi về phía cửa sổ như đang bị thôi miên với ánh nhìn tư lự đờ đẫn buồn rầu. Bọn lính trơn thì lúc nào cũng không thể tin được rồi, gã quả quyết. Gã buồn bã thê lương nhìn xuống trường bắn đĩa bay mà gã đã ra lệnh cho xây để phục vụ đám sĩ quan trong trụ sở liên đoàn, đoạn nhớ lại buổi chiều nhục nhã đó khi tướng Dreedle gay gắt quở trách gã trước mặt cả trung tá Korn lẫn thiếu tá Danby và ra lệnh cho gã phải mở cửa trường bắn cho cả binh lính lẫn sĩ quan chiến trường. Trường bắn đĩa đó quả là một vết đen đối

với gã, đại tá Cathcart buộc lòng kết luận. Gã chắc mẩm rằng tướng Dreedle chẳng bao giờ quên chuyện đó, mặc dù gã cũng chắc mẩm rằng tướng Dreedle thậm chí còn chẳng nhớ nổi nó, điều này quả là bất công, đại tá Cathcart rên xiết, bởi vì chỉ riêng ý tưởng về trường bắn đĩa đáng ra phải là một mốc son của gã, mặc dù nó quả đúng là một vết đen. Đại tá Cathcart bất lực trong việc thẩm định xem chính xác thì gã đã được hay mất đi bao nhiêu điểm sau vụ trường bắn đĩa trời đánh thánh vật ấy và gã thầm ước giá như có trung tá Korn ở trong phòng ngay lúc này để giúp gã đánh giá lại toàn bộ tấn kịch này và xua bớt đi những nỗi sợ trong lòng gã.

Tất cả quả là rất đau đầu, tất cả quả là rất oải. Đại tá Cathcart bỏ đót thuốc ra khỏi miệng và dựng ngược nó lên trong túi áo, và bắt đầu buồn khổ gặm móng cả hai bàn tay. Tất cả mọi người đều chống lại gã, và gã đau đớn đến tận tâm can vì trung tá Korn đã không ở bên gã trong lúc khủng hoảng này để giúp gã quyết định xem nên làm như thế nào với vụ cầu nguyện. Gã gần như không có chút tin tưởng nào đối với cha tuyên úy, tay này mới chỉ là đại úy thôi. “Anh nghĩ,” gã hỏi, “việc không cho lính trơn tham gia có ảnh hưởng gì tới cơ hội thành công của chúng ta không?”

Cha tuyên úy ngập ngừng, lại có cảm giác chông chênh. “Vâng thưa sếp,” rốt cuộc gã cũng trả lời. “Tôi nghĩ là một việc như vậy mà có ảnh hưởng tới cơ hội được Chúa đáp lại những lời cầu nguyện ta sẽ rải được bom theo hình mẫu sát nhau hơn này thì cũng dễ hiểu thôi.”

“Tôi thậm chí còn không nghĩ tới chuyện đó!” đại tá ré lên, hai mắt hấp háy và đẫm lệ như hai vũng nước nhỏ. “Ý của anh là Chúa có

thể sẽ quyết định trừng phạt tôi bằng cách khiến cho chúng ta thả bom rời rạc hết cả?”

“Vâng thưa sếp,” cha tuyên úy nói. “Thật dễ hiểu là Người có thể làm thế.”

“Vậy thì thôi dẹp đi,” đại tá quả quyết trong cơn giận dỗi mà không cần tham khảo ý ai. “Tôi sẽ không tổ chức những buổi cầu nguyện chết tiệt này chỉ để làm cho mọi việc tồi tệ hơn.” với một nụ cười khẩy đầy khinh miệt, gã ngồi xuống sau bàn làm việc, nhét thuốc vào cái đót rỗng để hút, và chìm trong im lặng thai nghén ý tưởng một lúc. “Nghĩ cho kỹ thì,” gã thú nhận, với cả cha tuyên úy và với chính bản thân, “đằng nào việc bắt mọi người cầu nguyện như thế cũng không phải là một ý hay. Các biên tập viên của tờ *The Saturday Evening Post* rất có thể sẽ không hợp tác.”

Đại tá từ bỏ dự án của mình trong tiếc nuối, bởi gã đã nặn ra nó một cách hoàn toàn tự thân và đã hy vọng dùng nó như một minh chứng hùng hồn để mọi người biết được rằng gã không thực sự cần tới trung tá Korn. Nhưng khi nó tiêu tùng thì gã lại vui mừng vì thoát được nó, bởi ngay từ đầu gã đã lo lắng về những hiểm nguy có thể xảy ra do lập kế hoạch mà không hỏi ý kiến trung tá Korn. Gã thở phào một hơi đầy thỏa mãn. Giờ thì gã đã đánh giá bản thân cao hơn rất nhiều vì đã bỏ qua ý tưởng của mình, vì gã đã có một quyết định sáng suốt, và quan trọng nhất là, gã đã đưa ra quyết định sáng suốt này mà không cần hỏi ý kiến trung tá Korn.

“Có việc gì nữa không, thưa sếp?” cha tuyên úy hỏi.

“Không,” đại tá Cathcart nói. “Trừ phi anh có chuyện gì cần nói.”

“Ồ không thưa sếp. Chỉ là…”

Đại tá trợn mắt lên như vừa bị sỉ nhục, chăm chú nhìn cha tuyên úy đầy vẻ nghi ngờ xa lánh. “Chỉ là sao, cha tuyên úy?”

“Thưa sếp,” cha tuyên úy nói, “một vài người rất lo lắng vì sếp đã tăng chỉ tiêu lên mức sáu mươi trận. Họ nhờ tôi nói với sếp về điều đó.”

Đại tá im lặng. Gương mặt cha tuyên úy ửng đỏ tới tận chân tóc trong lúc chờ đợi. Đại tá để cho gã lúng túng như vậy một hồi lâu, nhìn gã không rời mắt, hờ hững, vô cảm.

“Cứ bảo họ rằng đang có chiến tranh,” cuối cùng thì gã lạnh lùng chỉ thị.

“Cảm ơn sếp, tôi sẽ bảo,” cha tuyên úy trả lời với lòng biết ơn dào dạt vì cuối cùng đại tá cũng nói ra một cái gì đó. “Họ đang tự hỏi tại sao sếp lại không trưng dụng người trong đội ngũ thay thế đang đợi ở châu Phi để làm thay bọn họ và cho phép bọn họ được trở về nhà.”

“Đó là vấn đề quản lý,” đại tá nói. “Đó không phải là chuyện của bọn họ.” Gã uể oải chỉ về phía tường. “Anh cứ tự nhiên lấy một quả cà chua đi, cha tuyên úy. Cứ tự nhiên, đó là quà của tôi.”

“Xin cảm ơn sếp. Nhưng thưa sếp…”

“Không có gì đâu. Anh có thích sống ở đó trong rừng không, cha tuyên úy? Mọi thứ đều ổn cả chứ?”

“Vâng thưa sếp.”

“Vậy thì tốt. Nếu cần gì thì cứ liên hệ với chúng tôi nhé.”

“Vâng thưa sếp. Cảm ơn sếp. Nhưng thưa sếp…”

“Cảm ơn vì đã ghé qua, cha tuyên úy. Giờ tôi có chút việc phải làm. Nếu anh nghĩ ra bất cứ cái gì có thể giúp đưa tên chúng ta lên tờ *The Saturday Evening Post* thì nói cho tôi biết nhé.”

“Vâng thưa sếp. Tôi sẽ nói.” Đoạn cha tuyên úy, bằng một nỗ lực phi thường của ý chí, liều mình xông lên sang sảng. “Tôi đặc biệt quan tâm đến trường hợp của một trong số các phi công cắt bom, thưa sếp. Yossarian.”

Đại tá đưa mắt liếc nhanh lên, bắt đầu lờ mờ nhận ra. “Ai cơ?” gã cảnh giác hỏi.

“Yossarian, thưa sếp.”

“Yossarian?”

“Vâng thưa sếp. Yossarian. Anh ta đang trong tình trạng tồi tệ lắm, thưa sếp. Tôi e rằng anh ta sẽ không thể chịu đựng được thêm lâu hơn nữa mà không làm một việc gì đó dại dột.”

“Thật vậy à, cha tuyên úy?”

“Vâng thưa sếp. Tôi e là vậy.”

Đại tá trầm ngâm nghĩ một lúc. “Cứ bảo anh ta là hãy tin ở Chúa,” cuối cùng gã đưa ra lời khuyên.

“Xin cảm ơn sếp,” cha tuyên úy nói. “Tôi sẽ nói.”

20 HẠ SĨ WHITCOMB

Mặt trời buổi sáng cuối tháng Tám nóng và oi, ngoài ban công không một ngọn gió. Cha tuyên úy chậm chạp lê bước. Gã chán nản và trĩu nặng oán trách bản thân khi bước ra không một tiếng động từ phòng làm việc của đại tá trên đôi giày nâu đế cao su mũi cũng cao su. Gã căm ghét bản thân vì cái mà gã coi là sự hèn nhát của mình. Gã đã định tỏ thái độ mạnh mẽ hơn nhiều với đại tá Cathcart về chuyện nâng chỉ tiêu bay lên thành sáu mươi, đã định nói ra với sự dũng cảm, logic và hùng hồn về chủ đề mà gã bắt đầu có cảm giác rất sâu sắc về nó. Thay vì thế gã lại thất bại thảm hại, một lần nữa nghẹn lời khi phải đối diện với một cá tính mạnh mẽ hơn. Đó là một trải nghiệm quen thuộc, nhục nhã, và lòng tự trọng của gã lại tụt xuống đáy.

Gã thậm chí còn nghẹn lời thêm một lần nữa chỉ một giây sau khi ra khỏi cửa khi phát hiện ra thân hình phì nộn tẻ nhạt của trung tá Korn đang ì ạch leo lên cầu thang đá vàng cong, rộng và vội vã tiến về phía gã không cảm xúc từ hạ sảnh khổng lồ đổ nát với những bức tường đá cẩm thạch đen mít toác và sàn tròn lát gạch ố bẩn cũng đầy vết nứt. Cha tuyên úy thậm chí còn sợ trung tá Korn hơn cả đại tá Cathcart. Tay trung tá trung niên, ngăm đen, với cặp kính không gọng lạnh lẽo, và quả đầu hói hình vòm mà gã luôn mân mê bằng những đầu ngón tay xấu xí này ghét cha tuyên úy và thường

xuyên bất lịch sự với gã. Trung tá Korn giữ cha tuyên úy trong trạng thái sợ hãi thường trực bằng miệng lưỡi xỉa xói và đôi mắt mỉa mai láu cá mà cha tuyên úy chưa bao giờ đủ can đảm để nhìn thẳng vào lâu hơn một giây tình cờ. Vậy nên điều không thể tránh khỏi được là, mọi chú ý của cha tuyên úy, khi gã còn mải co rúm lại sợ sệt trước trung tá Korn, chỉ còn tập trung vào cơ hoành của trung tá, nơi đuôi áo sơ mi cuộn lên một đống bên trong chiếc lai quần xệ xuống và phồng lên khắp vùng thắt lưng khiến cho gã trông có vẻ nhếch nhác và thấp hơn nhiều so với chiều cao thực vốn đã khiêm tốn của mình. Trung tá Korn là một gã luộm thuộm, luôn có vẻ khinh khỉnh với làn da bóng dầu và những nếp nhăn hằn sâu chạy gần như thẳng xuống từ cái mũi nằm giữa đôi gò má đen màu trời nhập nhoạng và cả từ cái cằm vuông chẻ. Gương mặt gã khắc khổ, và gã chỉ nhìn qua cha tuyên úy mà không nhận ra khi hai người tiến tới gần nhau trên cầu thang và chuẩn bị lướt qua nhau.

“Xin chào Cha,” gã lạnh te nói mà không thèm nhìn cha tuyên úy. “Dạo này thế nào?”

“Chào buổi sáng, thưa sếp,” cha tuyên úy đáp lời, khôn khéo nhận thức rõ rằng trung tá không mong đợi một lời đáp lại nào nhiều hơn thế.

Trung tá Korn tiếp tục lên cầu thang mà không hề chậm bước, và cha tuyên úy phải cố kiềm lòng mới không nhắc gã thêm một lần nữa rằng gã không phải theo dòng Catholic mà là dòng Anabaptist, và rằng gọi gã là Cha như thế không cần thiết và không chính xác. Giờ thì gã gần như chắc mẩm rằng trung tá Korn đã nhớ chuyện đó rồi và việc gọi gã là Cha với vẻ ngây thơ vô tội đó chỉ là một trong

những cách mà trung tá Korn dùng để chế nhạo vì gã chỉ là một giáo sĩ Anabaptist mà thôi.

Trung tá Korn đột ngột dừng lại khi gần như đã đi lướt qua và quay phắt lại trừng trừng nhìn cha tuyên úy đầy vẻ nghi ngờ. Cha tuyên úy sợ cứng cả người lại.

“Cha đang làm gì với quả cà chua kia thế, cha tuyên úy?” trung tá Korn thô lỗ cật vấn.

Cha tuyên úy kinh ngạc đưa mắt nhìn dọc cánh tay mình xuống quả cà chua mận mà đại tá Cathcart đã mời gã lấy. “Tôi lấy nó từ phòng làm việc của đại tá Cathcart, thưa sếp,” gã khó nhọc trả lời.

“Đại tá có biết rằng Cha lấy nó không?”

“Dạ có thưa sếp. Ông ấy đã đưa nó cho tôi.”

“Ồ, nếu vậy thì được,” trung tá Korn nói, giọng dịu hẳn. Gã mỉm cười lạnh lẽo, lấy ngón cái dúi đống đuôi áo nhăn nhúm trở lại vào trong quần. Mắt gã lấp lánh đầy vẻ láu cá tự mãn đặc trưng. “Đại tá Cathcart muốn gặp Cha vì chuyện gì vậy?” gã bất ngờ hỏi.

Cha tuyên úy cứng lưỡi lại phân vân trong chốc lát. “Tôi không nghĩ là tôi phải…”

“Cầu nguyện xin các biên tập viên của tờ *The Saturday Evening Post* phải không?”

Cha tuyên úy suýt cười. “Vâng thưa sếp.”

Trung tá Korn đang say đắm với trực giác của bản thân. Gã phá lên cười đầy vẻ miệt thị. “Cha biết đấy, tôi đã luôn e rằng ông ta sẽ nghĩ ra trò gì lố bịch khi đọc tờ *The Saturday Evening Post* tuần này.

Tôi hy vọng Cha đã thành công trong việc chỉ cho ông ta biết đó là một ý tưởng tệ như thế nào."

"Ông ấy đã quyết định không làm điều đó nữa, thưa sếp."

"Vậy thì tốt. Tôi rất mừng vì Cha đã thuyết phục được ông ấy rằng các biên tập viên tờ *The Saturday Evening Post* sẽ không đăng hai lần cùng một câu chuyện chỉ để cho công chúng biết đến một gã đại tá vô danh nào đó. Mọi việc ở trong rừng thế nào, thưa Cha? Ngoài đó sống được chứ?"

"Vâng thưa sếp. Mọi thứ đều ổn thỏa."

"Vậy thì tốt. Tôi rất vui khi biết Cha không có gì để phàn nàn. Nếu cần gì thì hãy cho chúng tôi biết nhé. Tất cả chúng tôi đều muốn Cha được thoải mái ngoài đó."

"Xin cảm ơn sếp. Nếu cần gì thì tôi sẽ nói."

Tiếng ồn ngày một nhiều đang vọng ra từ sảnh bên dưới. Đã gần tới giờ ăn trưa, và những người đến sớm nhất đã tràn vào các nhà ăn ở trụ sở liên đoàn, lính trơn và sĩ quan chia ra đi vào các phòng ăn nằm đối diện với nhau ở bên trong sảnh lớn cổ kính hình tròn. Trung tá Korn thôi mỉm cười.

"Cha đã ăn trưa với chúng tôi ở đây khoảng một hai ngày gì đó trước đây, phải không ạ?" gã hỏi đầy ẩn ý.

"Vâng thưa sếp. Đó là ngày hôm kia."

"Tôi cũng nghĩ vậy," trung tá Korn nói, ngừng lại một chút cho ý đồ của mình thấm vào người nghe. "Chậc, chuyện nhỏ ấy mà Cha. Tôi sẽ gặp lại Cha khi nào Cha lại tới lịch ăn ở đây."

"Cảm ơn sếp."

Cha tuyên úy không chắc theo lịch thì hôm nay sẽ phải ăn tại những nhà ăn nào với năm sĩ quan và năm lính trơn nào, bởi vì cơ chế xoay vòng do trung tá Korn tạo ra cho gã khá phức tạp, mà gã lại đã bỏ quên sổ ghi chép ở lều của mình. Cha tuyên úy là sĩ quan duy nhất thuộc trụ sở liên đoàn không sống trong tòa nhà trụ sở đá đỏ hay tại bất cứ công trình thứ yếu nào mọc lên lố nhố rời rạc khắp khu đất. Cha tuyên úy sống tại một khoảnh đất trống trong rừng, nằm chính giữa thẳng hàng với câu lạc bộ sĩ quan và chỗ đóng quân của phi đoàn đầu tiên trong số bốn phi đoàn trải dài từ trụ sở, cách đều mỗi bên khoảng bốn dặm. Cha tuyên úy ở một mình trong một căn lều vuông rộng rãi, kiêm luôn văn phòng. Âm thanh của những buổi tiệc đêm say sưa từ câu lạc bộ sĩ quan vọng tới chỗ gã và thường khiến cho gã mất ngủ mà trằn trọc trên chiếc giường xếp trong cuộc sống lưu đày thụ động, nửa ép buộc nửa tình nguyện này. Gã không thể đánh giá được chính xác hiệu quả của những viên thuốc an thần mà thỉnh thoảng gã vẫn uống để ngủ ngon hơn và cảm thấy tội lỗi về chuyện đó suốt cả mấy ngày sau.

Người duy nhất sống cùng với cha tuyên úy trên khoảnh đất trống trong rừng là hạ sĩ Whitcomb, trợ lý của gã. Hạ sĩ Whitcomb, một kẻ vô thần, là một thuộc cấp bất mãn luôn nghĩ mình có thể làm được tốt hơn nhiều so với những gì cha tuyên úy đang làm và, do vậy, luôn coi bản thân là một nạn nhân của bất bình đẳng xã hội. Tay này sống ở trong một lều riêng, cũng to rộng và vuông vắn như lều của cha tuyên úy. Gã xấc xược và thù địch ra mặt đối với cha tuyên úy ngay khi phát hiện ra rằng cha tuyên úy luôn sẵn lòng bỏ qua những chuyện đó. Ranh giới giữa hai lều trong khoảnh đất trống này không quá bốn, năm bước chân.

Chính trung tá Korn là người đã vạch ra kiểu sống này cho cha tuyên úy. Một lý do hay ho để bắt cha tuyên úy sống ngoài tòa nhà trụ sở liên đoàn là vì trung tá Korn có giả thuyết rằng sống trong lều giống như hầu hết các con chiên sẽ khiến cho cha tuyên úy phải giao tiếp gần gũi với họ hơn. Một lý do khác cũng hay ho không kém là việc cha tuyên úy lúc nào cũng ở trong trụ sở liên đoàn sẽ khiến cho các sĩ quan khác không được thoải mái. Giữ liên lạc với Chúa là một chuyện, và tất cả bọn họ đều ủng hộ điều này; nhưng có người loanh quanh ở bên suốt hai mươi bốn giờ một ngày lại là chuyện khác. Tóm lại thì, như lời trung tá Korn kể lại với thiếu tá Danby, viên sĩ quan điều hành mắt lồi hay bồn chồn của liên đoàn, cha tuyên úy tiếp nhận việc này khá nhẹ nhàng; gã không có mấy việc để làm ngoài lắng nghe những khúc mắc của người khác, chôn người chết, đến thăm những người bệnh phải nằm liệt giường và tổ chức các nghi lễ tôn giáo. Giờ thì cũng chẳng còn nhiều người chết để cho gã chôn nữa, trung tá Korn đã nói vậy, bởi vì gần như đã không còn đối kháng đến từ máy bay chiến đấu Đức và rằng gần chín mươi phần trăm các trường hợp tử vong còn lại, trung tá ước tính, đã bỏ mạng ở bên chiến tuyến địch hoặc biến mất giữa những đám mây, cha tuyên úy chẳng còn gì để chôn trong những trường hợp đó. Các nghi lễ tôn giáo thì dĩ nhiên cũng không có gì nặng nhọc, bởi vì chúng chỉ được thực hiện mỗi tuần một lần ở tòa nhà trụ sở liên đoàn và có rất ít người tham dự.

Thực ra mà nói thì cha tuyên úy đang dần yêu thích cuộc sống tại khoảnh đất trống ở trong rừng. Cả gã và hạ sĩ Whitcomb đều được cung cấp đầy đủ tiện nghi sao cho không ai trong bọn họ có thể kiếm được cớ nào để xin quay trở lại tòa nhà trụ sở liên đoàn. Cha tuyên úy xoay vòng bữa sáng, trưa và tối với các nhóm khác nhau trong

tám nhà ăn của các phi đoàn và cứ năm bữa một lần gã lại tới ăn cùng với lính trơn ở trụ sở liên đoàn, và cứ mười bữa một lần gã ăn cùng với các sĩ quan ở đó. Hồi còn ở quê nhà tại Wisconsin, cha tuyên úy từng rất thích làm vườn, và cứ suy ngẫm về những cành lá thấp tè lởm chởm của đám cây cối còi cọc cùng đám cỏ dại cao ngang hông và những bụi cây rậm rịt gần như đang bao kín quanh mình, trái tim gã lại đong đầy nỗi nhung nhớ huy hoàng về sự màu mỡ sinh sôi và hoa thơm trái ngọt. Khi mùa xuân đến, gã từng mong mỏi được trồng những cây thu hải đường và cúc ngũ sắc thành một luống nhỏ quanh lều nhưng đã phải từ bỏ ý định trên vì e ngại hạ sĩ Whitcomb oán giận. Cha tuyên úy đành tận hưởng cảm giác riêng tư và biệt lập của không gian cỏ cây tươi tốt xung quanh và vẻ mơ màng đậm chất thiền định mà cuộc sống ở đó nuôi dưỡng. So với trước thì có ít người tới gặp gã để than thở về những rắc rối của họ hơn, và gã cũng tự cho phép mình biết ơn một chút vì điều đó. Cha tuyên úy không dễ hòa nhập và không cảm thấy thoải mái khi phải nói chuyện. Gã nhớ vợ và ba đứa con nhỏ, và nàng cũng nhớ gã.

Điều khiến hạ sĩ Whitcomb không hài lòng nhất ở cha tuyên úy, ngoài việc cha tuyên úy tín Chúa ra, chính là sự thiếu chủ động và thiếu năng nổ của gã. Hạ sĩ Whitcomb coi việc có ít người tham dự các nghi lễ tôn giáo là một biểu hiện đáng buồn cho địa vị của bản thân. Đầu óc gã điên cuồng nảy sinh ra các ý tưởng mới táo bạo để làm bừng sáng thế giới tâm linh vĩ đại mà gã mơ chính mình là người thiết kế - những bữa trưa khép kín, những buổi giao lưu tại nhà thờ, những bức thư theo mẫu gửi tới gia đình của những người bị giết hoặc bị thương ngoài chiến trường, sự kiểm duyệt, trò Bingo. Nhưng cha tuyên úy đã cản trở gã. Hạ sĩ Whitcomb phải bực bội hãm mình lại dưới ách kìm kẹp của cha tuyên úy, bởi vì ở bất cứ

đâu gã cũng soi ra chỗ cần cải thiện. Chính những kẻ như cha tuyên úy, gã kết luận, phải chịu trách nhiệm vì đã khiến cho tôn giáo mang tiếng xấu đến vậy và biến cả hai thành những kẻ bị ruồng bỏ như thế này. Không như cha tuyên úy, hạ sĩ Whitcomb ghét cay ghét đắng cuộc sống ẩn dật ở trong rừng. Một trong những điều đầu tiên gã định làm sau khi phế truất cha tuyên úy là chuyển lại vào sống ở trong tòa nhà trụ sở liên đoàn, nơi gã có thể ở ngay trung tâm của mọi thứ.

Khi cha tuyên úy lái xe trở lại khoảnh đất trống sau khi thoát khỏi trung tá Korn, hạ sĩ Whitcomb đang ở ngoài trời oi bức để nói chuyện đầy vẻ mưu đồ với một người đàn ông mập mạp mặc áo choàng tắm nhung màu hạt dẻ ngoài bộ pyjama vải flannel xám. Cha tuyên úy nhận ra chiếc áo choàng và bộ pyjama đó là y phục chính thức của bệnh viện. Không ai trong bọn họ có vẻ gì là đã nhìn thấy gã. Lợi của người lạ mặt kia bị bôi tím ngắt, sau lưng bộ áo choàng tắm nhung kẻ trang trí hình một chiếc B-25 cắm đầu bay xuyên qua những chùm cam rực hỏa lực phòng không còn ở mặt trước là hình sáu hàng bom nhỏ xíu ngay ngắn biểu tượng cho sáu mươi trận mà nó đã tham gia. Cảnh tượng đó có sức thu hút tới mức cha tuyên úy phải dừng lại nhìn trân trối. Hai người bọn họ bèn ngừng trò chuyện và lặng phắc chờ gã đi khỏi. Cha tuyên úy vội vàng chui vào lều. Gã nghe thấy, hoặc tưởng tượng ra mình nghe thấy, tiếng họ cười khúc khích với nhau.

Một lúc sau hạ sĩ Whitcomb bước vào và trịch thượng hỏi, “Thế nào rồi?”

“Không có gì mới cả,” cha tuyên úy đáp, tránh ánh mắt của Whitcomb. “Có ai tới đây gặp tôi không?”

“Có mỗi gã Yossarian dở hơi ấy thôi. Đúng là một kẻ chuyên gây rối, phải không?”

“Tôi không chắc là anh ta có dở hơi không,” cha tuyên úy nhận xét.

“Ồ phải, cứ bênh gã nữa đi,” hạ sĩ Whitcomb nói với giọng tự ái, và giậm chân bước ra ngoài.

Cha tuyên úy không thể tin nổi rằng hạ sĩ Whitcomb lại bị tổn thương và rằng gã đã bỏ đi thật. Nhưng gã vừa nhận ra điều đó thì hạ sĩ Whitcomb lại quay trở vào.

“Anh lúc nào cũng đứng về phía người khác,” hạ sĩ Whitcomb buộc tội. “Anh không bảo vệ người của mình gì cả. Đó là một trong những điểm không ổn ở anh.”

“Tôi đâu có ý đứng về phía anh ta,” cha tuyên úy xin lỗi.

“Tôi chỉ phát biểu ý kiến thôi.”

“Đại tá Cathcart muốn gì vậy?”

“Không có gì quan trọng đâu. Đại tá chỉ muốn thảo luận xem liệu có thể cho cầu nguyện ở phòng tác chiến trước mỗi trận đánh hay không.”

“Được rồi, không muốn cho tôi biết thì thôi,” hạ sĩ ngắt lời và lại bước ra khỏi lều.

Cha tuyên úy cảm thấy thật kinh khủng. Dù gã có ý tứ tới đâu thì dường như gã luôn thành công trong việc làm tổn thương cảm xúc của hạ sĩ Whitcomb. Gã ăn năn nhìn xuống và nhận ra rằng người lính cần vụ mà trung tá Korn ép tới để dọn dẹp lều và trông coi đồ

đạc cho gã một lần nữa lại bỏ bê nhiệm vụ đánh bóng giày cho gã rồi.

Hạ sĩ Whitcomb quay trở lại. “Anh không bao giờ tin tưởng tôi,” gã hùng hổ than vãn. “Anh không tin người của mình. Đó lại là một trong những điểm không ổn nữa của anh.”

“Tôi có tin mà,” cha tuyên úy trấn an gã trong cảm giác tội lỗi. “Tôi rất tin tưởng anh ấy chứ.”

“Thế những lá thư kia thì sao?”

“Không, không phải lúc này,” cha tuyên úy van vỉ, co rúm người lại. “Những lá thư thì không. Làm ơn đừng lôi chuyện đó ra nữa. Tôi sẽ cho anh biết khi nào tôi đổi ý.”

Hạ sĩ Whitcomb lộ vẻ điên tiết. “Vậy sao? Được thôi, anh cứ việc ngồi đó mà lắc đầu trong khi tôi phải làm mọi việc đi. Anh có thấy gã ở ngoài kia với cái đống hình vẽ in lên áo choàng tắm không?”

“Anh ta tới đây để gặp tôi à?”

“Không,” hạ sĩ Whitcomb nói, và lại bước ra.

Bên trong lều nóng và ẩm, cha tuyên úy cảm thấy chính mình đang dần ngấm sũng nước. Gã lắng nghe như một kẻ nghe trộm bất đắc dĩ âm thanh rì rầm nghèn nghẹt, không phân biệt nổi từng tiếng của những giọng nói đang thì thầm ngoài kia. Khi gã ngồi bất động bên chiếc bàn chơi bài bridge ọp ẹp được dùng làm bàn làm việc, môi gã mím chặt, mắt gã nhìn vô định, và gương mặt gã, với nước da nhợt nhạt màu hoàng thổ cũ kỹ, đầy những đám rỗ do mụn để lại, có màu sắc và cấu trúc của một vỏ quả hạnh chưa tách. Gã lục tung ký ức cố tìm chút manh mối cho nguồn cơn của thái độ cay cú mà hạ sĩ Whitcomb cứ nhằm vào gã. Vì một lý do gì đó mà bản thân gã

cũng không thể hiểu thấu, gã đoán chắc rằng mình đã làm một điều gì đó sai trái không thể tha thứ được đối với Whitcomb. Dường như khó có thể tin nổi rằng một cơn giận dữ kéo dài như của hạ sĩ Whitcomb lại có thể bắt nguồn từ việc gã từ chối trò Bingo hay những lá thư theo mẫu gửi tới gia đình những người bị chết ngoài chiến trường. Phải chấp nhận sự vô lý do chính mình nghĩ ra này khiến cha tuyên úy nản lòng. Suốt nhiều tuần liền gã đã dự định sẽ có một buổi nói chuyện chân tình với hạ sĩ Whitcomb nhằm tìm hiểu xem điều gì đã làm phiền lòng tay này, nhưng chưa gì gã đã thấy xấu hổ vì những gì gã có thể phát hiện ra từ buổi nói chuyện đó.

Bên ngoài lều, hạ sĩ Whitcomb đang cười hinh hích. Người kia thì cười khùng khục. Sau vài giây mong manh, cha tuyên úy bỗng thấy râm ran một cảm giác kỳ dị, huyền bí rằng mình từng trải qua tình huống y hệt như thế này một lần nào đó tại một thời điểm nào đó trước đây hoặc ở kiếp trước. Gã gắng sức tóm lấy và nuôi lớn ấn tượng đó để có thể dự đoán, và thậm chí kiểm soát, những gì sắp xảy ra, nhưng nó đã tan đi vô ích, như gã đã dự đoán trước. *Déjà vu*. Cái cảm giác lẫn lộn phảng phất và tái hồi giữa ảo giác và hiện thực vốn là đặc tính của chứng loạn trí nhớ ấy như mê hoặc cha tuyên úy, và gã biết khá nhiều điều về nó. Gã biết, chẳng hạn như, nó được gọi là *paramnesia*, và gã cũng rất thích thú trước các hiện tượng thị giác hệ quả của nó như *jamais vu*, chưa từng thấy, và *presque vu*, gần như đã thấy. Có những khoảnh khắc khủng khiếp bất chợt xảy ra khi các vật thể, khái niệm và thậm chí cả những người mà gã đã từng sống cùng gần như cả đời đột nhiên, một cách không sao giải thích, khoác lên một khía cạnh xa lạ, bất thường mà gã chưa từng thấy bao giờ và điều đó đã biến bọn họ trở nên xa lạ hoàn toàn: *jamais vu*. Và có những lúc khác gã gần như trông thấy

chân lý tuyệt đối trong những ánh chớp sáng lòa của sự thông tỏ gần như đến với gã: *presque vu*. Nhưng đoạn ký ức về một người đàn ông trần truồng giữa lùm cây trong đám tang Snowden đã khiến gã hoang mang triệt để. Đó không phải là *déjà vu*, bởi vì vào lúc chứng kiến chuyện đó gã không hề có cảm giác mình từng nhìn thấy cảnh một người đàn ông trần truồng trong tán cây ở đám tang Snowden bao giờ. Đó cũng không phải là *jamais vu*, không phải một ai đó, hay cái gì đó quen thuộc xuất hiện trong lớp vỏ không quen thuộc. Và dĩ nhiên nó chẳng là *presque vu*, bởi vì gã đã thực sự nhìn thấy anh ta.

Một chiếc xe Jeep khục khạc nổ máy ở ngay bên ngoài rồi gầm lên phóng đi. Liệu có thể nào người đàn ông trần truồng ở đám tang Snowden chỉ là một ảo giác? Hay đó chính là khải huyền đích thực? Cha tuyên úy run rẩy trước ý nghĩ ấy. Gã mong muốn vô cùng được tâm sự chuyện đó với Yossarian, nhưng mỗi lần nghĩ về sự kiện đó gã lại quyết định không nghĩ thêm về nó nữa, mặc dù giờ khi gã thực sự đang nghĩ về nó thì gã lại không chắc là trước đó đã có bao giờ gã thực sự nghĩ về nó chưa.

Hạ sĩ Whitcomb thong dong đi bộ trở về với nụ cười mỉa sáng lóa mới, đoạn xấc xược tựa khuỷu tay vào cây cột giữa lều cha tuyên úy.

“Anh có biết người khoác áo choàng tắm đỏ đó là ai không?” gã hợm hĩnh hỏi. “Đó là một C.I.D. bị vỡ mũi đấy. Gã từ bệnh viện xuống đây vì công chuyện. Gã đang thực hiện một vụ điều tra.”

Cha tuyên úy vội nhướng mày lên đầy vẻ xun xoe, thông cảm. “Tôi mong anh không gặp phải rắc rối gì. Liệu tôi có thể làm gì giúp anh không?”

“Không, tôi không gặp rắc rối nào cả,” hạ sĩ Whitcomb nhăn nhở đáp lời. “Là anh đấy. Họ sẽ trừng trị anh thẳng tay vì đã ký tên Washington Irving lên tất cả những lá thư mà anh đã ký tên Washington Irving. Anh nghĩ sao đây?”

“Tôi đâu có ký tên Washington Irving lên lá thư nào,” cha tuyên úy nói.

“Anh không phải nói dối tôi làm gì,” hạ sĩ Whitcomb trả lời. “Tôi không phải là người anh cần thuyết phục.”

“Nhưng tôi không nói dối.”

“Tôi không quan tâm xem liệu anh có nói dối hay không. Họ sẽ tới bắt anh vì đã chặn lại thư từ của thiếu tá Major nữa. Rất nhiều trong số đó có bí mật quân sự.”

“Thư từ gì cơ?” cha tuyên úy ai oán hỏi trong con giận dữ dâng cao. “Tôi chưa từng nhìn thấy bất cứ thư từ nào của thiếu tá Major.”

“Anh không phải nói dối tôi làm gì,” hạ sĩ Whitcomb trả lời. “Tôi không phải là người anh cần thuyết phục.”

“Nhưng tôi không nói dối,” cha tuyên úy phản đối.

“Tôi không hiểu tại sao anh phải hét lên với tôi như vậy,” hạ sĩ Whitcomb bật lại với vẻ bị tổn thương. Gã đã rời khỏi cột chính của lều và trỏ ngón tay thẳng mặt cha tuyên úy để nhấn mạnh. “Tôi đã đem lại cho anh ân huệ lớn nhất mà anh từng có được trong đời mình, còn anh thì thậm chí không nhận ra điều đó. Mỗi lần gã muốn tố cáo anh với thượng cấp thì có ai đó ở bệnh viện lại kiểm duyệt bỏ đi hết các chi tiết trong báo cáo. Suốt mấy tuần qua gã đã điên cuồng nhét anh vào đấy. Tôi chỉ đánh dấu đã kiểm duyệt vào thư của gã mà thậm chí không buồn đọc. Điều đó sẽ tạo ấn tượng tốt

cho anh ở C.I.D. Điều đó khiến cho họ biết rằng chúng ta không sợ phải công bố toàn bộ sự thật về anh chút nào."

Cha tuyên úy quay cuồng trong mớ bòng bong. "Nhưng anh đâu có quyền kiểm duyệt thư, phải không?"

"Tất nhiên là không," hạ sĩ Whitcomb trả lời. "Chỉ có sĩ quan mới có quyền làm điều đó. Tôi đã kiểm duyệt nó dưới tên của anh."

"Nhưng tôi cũng đâu có quyền kiểm duyệt thư. Hay là có?"

"Vụ đó tôi cũng lo cho anh luôn rồi," hạ sĩ Whitcomb trấn an gã. "Tôi đã ký tên người khác cho anh."

"Đó không phải là mạo danh à?"

"Ồ, vụ này anh cũng không phải lo luôn. Người duy nhất có thể phàn nàn trong một vụ án mạo danh là người bị mạo danh, và tôi đã cẩn thận giúp anh bằng cách chọn tên của người chết. Tôi dùng tên của Washington Irving." Hạ sĩ Whitcomb nheo mắt nhìn sát mặt cha tuyên úy xem có dấu hiệu phản kháng gì không và rồi tự tin lướt tiếp với vẻ mỉa mai kín đáo. "Tôi khá là nhanh trí đấy chứ, phải không?"

"Tôi không biết nữa," cha tuyên úy rền rĩ với giọng run rẩy, liếc sang một bên với khuôn mặt méo xệch kỳ dị vì đớn đau và bất lực. "Tôi e là tôi không hiểu được tất cả những gì anh đang nói với tôi. Sao việc anh ký tên Washington Irving thay vì tên tôi lại tạo ấn tượng tốt về tôi được?"

"Bởi vì họ sẽ tin rằng anh là Washington Irving. Anh không hiểu à? Họ sẽ biết rằng đó là anh."

"Nhưng không phải là chúng ta đang cố xua tan đi hiểu lầm đó sao? Như thế này không phải là đang giúp cho họ chứng minh điều đó à?"

“Tôi mà biết là anh cạn nghĩ về chuyện này như vậy thì tôi đã chả cố giúp anh làm gì,” hạ sĩ Whitcomb căm phẫn tuyên bố, và lại ra khỏi lều. Một giây sau gã trở lại. “Tôi đã đem lại cho anh ân huệ lớn nhất mà anh từng có được trong đời mình, còn anh thì thậm chí không nhận ra điều đó. Anh không biết làm thế nào để tỏ lòng biết ơn. Đó lại là một trong những điểm không ổn nữa ở anh.”

“Tôi rất tiếc,” cha tuyên úy ân hận xin lỗi. “Tôi thực sự rất tiếc. Chỉ là vì tôi đã choáng váng tột độ trước tất cả những gì anh đang nói với tôi, choáng tới mức tôi thậm chí còn không nhận ra là mình đang nói gì. Tôi thật lòng rất biết ơn anh.”

“Vậy thì để cho tôi gửi những lá thư theo mẫu đi nhé?” hạ sĩ Whitcomb ngay lập tức ra yêu sách. “Tôi có thể bắt đầu thảo bản nháp đầu tiên được không?”

Miệng cha tuyên úy há hốc vì kinh ngạc. “Không, không,” gã rên lên. “Không phải lúc này.”

Hạ sĩ Whitcomb nổi điên. “Tôi là người bạn tốt nhất mà anh từng có nhưng anh thậm chí còn không biết,” gã khẳng định quyết liệt và đi ra khỏi lều của cha tuyên úy. Rồi gã lại vào. “Tôi luôn đứng về phía anh mà anh thậm chí còn không nhận ra. Anh không biết là anh đang gặp rắc rối nghiêm trọng tới mức nào à? Gã C.I.D. kia đã phi về bệnh viện để viết một báo cáo mới toanh về vụ anh và quả cà chua kia đấy.”

“Quả cà chua nào cơ?” cha tuyên úy hỏi, chớp mắt.

“Quả cà chua mận mà anh giấu trong tay lúc mới về đây ấy. Nó kia kìa. Giờ anh vẫn còn đang giữ nó trong tay phải kìa!”

Cha tuyên úy nới lỏng ngón tay ra và ngạc nhiên nhận thấy mình vẫn đang giữ quả cà chua mận mà gã nhận được từ phòng làm việc của đại tá Cathcart. Gã nhanh chóng đặt nó xuống bàn. “Quả cà chua này tôi nhận được từ đại tá Cathcart,” gã nói, và kinh ngạc với sự lố bịch trong lời giải thích của mình. “Đại tá cứ ép tôi phải nhận.”

“Anh không phải nói dối tôi làm gì,” hạ sĩ Whitcomb trả lời. “Tôi không quan tâm liệu có phải anh lấy trộm nó của đại tá hay không.”

“Lấy trộm ư?” cha tuyên úy thốt lên kinh hãi. “Tại sao tôi phải lấy trộm một quả cà chua mận kia chứ?”

“Đó cũng chính là điều cả hai chúng tôi đều chịu không thể hiểu nổi,” hạ sĩ Whitcomb nói. “Sau đó gã C.I.D. cho rằng rất có thể anh đã lấy trộm một số tài liệu mật giấu bên trong quả cà chua đó.”

Cha tuyên úy sụm xuống ủ rũ bên dưới khối tuyệt vọng nặng nề như núi. “Tôi không giấu giấy tờ quan trọng gì ở trong đó cả,” gã tuyên bố dõng dạc. “Thậm chí từ đầu tôi đã không muốn có quả cà chua ấy rồi. Này, anh có thể cầm lấy và tự đi mà kiểm tra.”

“Tôi không muốn.”

“Làm ơn hãy đem nó đi,” cha tuyên úy cầu xin gần như không ra tiếng. “Tôi muốn thoát khỏi nó.”

“Tôi không muốn,” hạ sĩ Whitcomb tiếp tục ngắt lời, và làm mặt giận hiên ngang đi ra, cố nén một nụ cười hân hoan vô bờ bến vì đã thiết lập được liên minh đầy quyền lực với gã C.I.D. và đã thành công thêm một lần nữa trong việc thuyết phục cha tuyên úy rằng gã thực sự rất bực mình.

Tội nghiệp Whitcomb, cha tuyên úy thở dài, và tự trách mình vì đã gây nên nỗi muộn phiền nơi người trợ lý. Gã ngồi câm lặng chìm

trong nỗi u sầu buồn tẻ trĩu nặng, mong chờ hạ sĩ Whitcomb quay trở lại. Gã rất thất vọng khi nghe thấy tiếng bước chân lạo xạo hống hách của hạ sĩ Whitcomb nhỏ dần rồi lặng phắc. Gã không biết mình muốn làm gì tiếp nữa. Gã quyết định sẽ ăn một chiếc kẹo Milky Way và một chiếc Baby Ruth lấy trong tủ sắt kèm vài ngụm nước ấm từ bi đông cho qua bữa trưa. Gã cảm thấy như bị bao quanh bởi một làn sương mù choáng ngợp, dày đặc của những tình huống có thể xảy ra mà gã không thấy có chút le lói ánh sáng. Gã hết kinh sợ khi nghĩ tới phản ứng của đại tá Cathcart khi tin cha tuyên úy bị nghi ngờ là Washington Irving đến tai, rồi lại trở nên lo lắng vì cả những gì đại tá Cathcart hiện tại đã nghĩ về gã vì đã đề cập tới chuyện phải bay sáu mươi trận. Có quá nhiều điều bất hạnh trên thế gian này, gã suy tưởng, cúi đầu trầm tư trong những ý nghĩ bi thảm, và gã chẳng thể làm được gì để giúp giảm bớt bất hạnh cho bất cứ ai, nhất là cho chính bản thân gã.

21 TƯỚNG DREEDLE

Đại tá Cathcart thực ra không nghĩ tới cha tuyên úy nữa, mà đang rối bời trong một vấn đề mới tinh và đầy nguy hiểm của riêng gã: *Yossarian!*

Yossarian! Chỉ cần nghe cái tên xấu xí, bỉ ổi đó máu gã đã đông lại và hơi thở gã hổn hển chật vật. Khi cha tuyên úy lần đầu tiên nhắc đến cái tên *Yossarian!* thì nó đã vang vọng vào tận sâu thẳm ký ức gã như một tiếng cồng báo điềm gở. Ngay khi cửa vừa chốt lại, toàn bộ ký ức nhục nhã về một người đàn ông trần truồng đứng xếp hàng đã ùa về đổ ập lên gã dưới dạng một dòng lũ ô nhục và uất nghẹn của những chi tiết nhức nhối. Gã bắt đầu toát mồ hôi và run rẩy. Một sự trùng hợp ngẫu nhiên bất khả và nham hiểm đã phát lộ, một ám chỉ quá hiểm ác chẳng thể là gì khác ngoài những điềm báo gớm ghiếc nhất. Tên của kẻ trần truồng đứng trong hàng hôm đó để nhận huân chương Chữ Thập Bay Xuất sắc từ tướng Dreedle cũng là - *Yossarian!* Và giờ cũng chính một người tên Yossarian đang đe dọa chống lại vụ sáu mươi trận mà gã vừa lệnh cho người trong liên đoàn của mình phải bay. Đại tá Cathcart ủ ê tự hỏi liệu đó có phải cùng một Yossarian không.

Gã khó nhọc đứng lên trong đau khổ vật vã và bắt đầu đi lại trong phòng. Gã có cảm giác như đang ở bên một thứ gì đó rất thần bí. Người đàn ông trần truồng đứng trong hàng, gã buồn bã thừa nhận,

quả đúng là một vết đen đối với gã. Cũng như vụ lộn xộn về tuyến ném bom trước trận Bologna và vụ phải hoãn nhiệm vụ phá hủy cây cầu ở Ferrara đến bảy ngày, mặc dù việc cuối cùng cũng phá được cây cầu ấy, gã vui sướng nhớ lại, đúng là một mốc son của gã, mặc dù việc mất đi một chiếc máy bay ở đó trong lần vòng lại thứ hai, gã chán ngán nhớ lại, là một vết đen, mặc dù gã đã giành thêm được một mốc son nữa nhờ việc thuyết phục được người ta trao huân chương cho chính tay phi công ném bom đã gây ra vết đen cho gã trước đó bằng quyết định quay lại đánh phá mục tiêu những hai lần. Tên của người phi công ném bom đó, gã bất chợt nhớ ra và ngẩn người vì sốc, cũng chính là *Yosarian!* Giờ thì có những *ba!* Cặp mắt tà ác của gã trợn lên vì kinh ngạc và gã cảnh giác quay phắt người lại xem sau lưng có gì đang diễn ra. Một thoáng trước đó không có Yossarian nào trong đời gã; còn giờ chúng đã nhân lên như yêu tinh. Gã cố tự trấn an. Yossarian không phải là một cái tên phổ thông; có lẽ không thực sự có tới ba Yossarian mà chỉ có hai Yossarian, hay thậm chí chỉ có một - nhưng như vậy thì có khác gì! Đại tá vẫn đang kề cận hiểm nguy nghiêm trọng. Trực giác cảnh báo rằng gã đang bị hút tới gần một cực điểm vĩ đại và bí hiểm của vũ trụ, và cả bộ khung cao lớn, xôi thịt của gã chợt ngứa râm ran từ đầu tới chân trước ý nghĩ rằng Yossarian, dù rốt cuộc có là ai đi nữa, cũng đã được số phận an bài là khắc tinh của gã.

Đại tá Cathcart không mê tín, nhưng gã thực lòng tin vào điềm báo, gã ngồi ngay xuống ghế ở sau bàn làm việc và lập tức viết một ghi chú khó hiểu vào sổ tay nhắc việc để nhớ phải điều tra toàn bộ câu chuyện đáng ngờ về Yossarian ngay và luôn. Gã viết để nhắc nhở bản thân bằng những đường bút đậm và dứt khoát, kiên quyết

nhấn mạnh nó bằng một loạt những dấu cảm thán và gạch chân cả thông điệp này những hai lần, như sau:

Yossarian!!! (?)!

Xong xuôi đại tá bèn thả lỏng người lại, cực kỳ hài lòng với bản thân vì đã hành động chớp nhoáng để phản ứng lại cơn khủng hoảng tai ương này. Yossarian - chỉ nhìn cái tên này cũng đủ khiến gã rùng mình. Có quá nhiều từ “s” ở trong đó. Nó phải có nghĩa là lật đổ. Nó giống như bản thân chữ *subversive*[56]. Nó cũng giống như *seditious (nổi loạn)*, và *insidious (quỷ quyệt)*, và giống *socialist (chủ nghĩa xã hội)*, *suspicious (đáng nghi)*, *fascist (phát xít)*, và *communist (cộng sản)*. Đó là một cái tên đáng ghét, xa lạ, vô vị, và chẳng gợi chút tin tưởng nào. Nó không giống chút nào với những cái tên sạch sẽ, mạnh mẽ, trung thực, đặc chất Mỹ như Cathcart, Peckem và Dreedle.

Đại tá Cathcart từ từ đứng dậy và lại bắt đầu thơ thẩn quanh phòng. Gần như vô thức, gã cầm một quả cà chua trong giạ lên và ngoạm lấy một miếng. Gã nhăn mặt ngay lập tức và ném phần còn lại của quả cà chua vào sọt rác. Đại tá đâu có thích cà chua mận, ngay cả khi chúng là của gã, mà những quả này còn không phải là của gã. Chúng đã được thu mua từ nhiều chợ trên khắp Pianosa bởi trung tá Korn dưới nhiều tên khác nhau, chuyển tới nông trại trên đồi của đại tá giữa đêm hôm khuya khoắt, rồi sáng hôm sau đưa tới trụ sở để bán cho Milo, kẻ trả tiền cho đại tá Cathcart và trung tá Korn rất hậu. Đại tá Cathcart thường băn khoăn không biết những gì họ đang làm với những quả cà chua mận này có hợp pháp không, nhưng trung tá Korn đã bảo là hợp pháp, nên gã cố không lo nghĩ về điều đó quá nhiều. Gã cũng không có cách nào để biết được liệu

ngôi nhà trên đồi có hợp pháp, bởi vì trung tá Korn đã thu xếp mọi chuyện. Đại tá Cathcart không biết là liệu gã đang sở hữu ngôi nhà hay chỉ đang thuê nó, không biết chủ trước của nó là ai, và gã đã tốn bao nhiêu tiền hay là không mất một đồng nào cho nó. Trung tá Korn chính là luật sư, và nếu trung tá Korn đã đảm bảo với gã rằng lừa đảo, tống tiền, những thủ thuật moi tiền, tham ô, trốn thuế thu nhập và thủ đoạn đầu cơ chợ đen là hợp pháp, thì đại tá Cathcart cũng chẳng có lý nào lại không đồng ý với trung tá.

Tất cả những gì đại tá Cathcart biết về ngôi nhà trên đồi của gã là gã có một ngôi nhà như vậy và gã căm ghét nó. Gã chưa bao giờ chán tới mức như khi cứ cách tuần lại phải ở đó hai hoặc ba ngày để duy trì ảo tưởng rằng nông trại đá ẩm ướt và lạnh lẽo ở trên đồi ấy là một cung điện vàng của những niềm vui trần tục. Các câu lạc bộ sĩ quan ở khắp nơi luôn rộn ràng với những miêu tả bóng gió về những cuộc chè chén thác loạn và truy hoan trác táng được giữ kín, về những đêm bí hiểm, thân mật mê ly với những cô gái điếm hạng sang, diễn viên điện ảnh, người mẫu và những nữ bá tước người Ý xinh đẹp nhất, đong đưa nhất, khát tình nhất và dễ thỏa mãn nhất. Chẳng có đêm riêng tư khoái lạc, rượu chè bê tha và truy hoan trác táng nào như thế từng xảy ra. Chúng có thể xảy ra nếu như tướng Dreedle hoặc tướng Peckem tỏ ra, dù chỉ một lần, mong muốn được tham gia thác loạn cùng với gã, nhưng cả hai người này đều chưa từng làm vậy, và đại tá tất nhiên là sẽ không lãng phí thời gian và sức lực để làm tình với gái đẹp trừ phi điều đó đem lại chút lợi ích nào đó cho gã.

Đại tá khiếp hãi những đêm lạnh lẽo ẩm ướt cô đơn và những ngày buồn tẻ vô vị của gã ở ngôi nhà nông trại. Gã vui hơn nhiều khi ở trụ sở, ở đó gã có thể trợn mắt hăm dọa bất cứ ai mà gã không

sợ. Tuy nhiên, như trung tá Korn liên tục nhắc nhở, sẽ chẳng vinh quang gì nếu sở hữu một nông trại mà lại chẳng ở đó bao giờ. Mỗi lần lái xe đi về nông trại là gã lại tự thương thân. Gã mang một khẩu súng săn theo xe Jeep và đến nông trại thì chỉ còn biết dành hàng giờ tẻ nhạt để bắn lũ chim và bắn những quả cà chua mận mọc lộn xộn không hàng lối và vì thế quá khó thu hoạch.

Trong số những sĩ quan cấp dưới mà đại tá Cathcart vẫn phải cẩn thận tỏ thái độ kính trọng có thiếu tá …de Coverley, mặc dù đại tá không muốn và không chắc là mình có phải làm vậy không. Thiếu tá …de Coverley là một bí ẩn lớn đối với gã, cũng như đối với thiếu tá Major hay với tất cả những người khác đã từng để ý tới ông ta. Đại tá Cathcart không biết sẽ phải tỏ thái độ kẻ cả hay nhún mình trước thiếu tá …de Coverley. Thiếu tá …de Coverley chỉ là một thiếu tá, mặc dù ông già hơn nhiều so với đại tá Cathcart; đồng thời, có rất nhiều người khác cũng cư xử với thiếu tá …de Coverley với vẻ tôn kính sâu sắc và sợ hãi tới mức đại tá Cathcart linh cảm rằng họ có thể biết một vài chuyện nào đó. Thiếu tá …de Coverley là một thực thể khó hiểu mang điềm gở luôn khiến cho đại tá sống trong áp lực và thậm chí đến cả trung tá Korn cũng e dè. Tất cả mọi người đều sợ ông, và không ai biết tại sao. Thậm chí chẳng có ai biết tên thiếu tá …de Coverley là gì, bởi vì không ai dám hỏi. Đại tá Cathcart biết rằng thiếu tá …de Coverley đang đi vắng và sự vắng mặt ấy khiến cho gã vui mừng cho tới khi trong đầu gã nảy ra ý nghĩ rằng rất có thể thiếu tá …de Coverley đi đâu đó để vạch kế hoạch chống lại gã, và rồi gã lại mong thiếu tá …de Coverley quay lại phi đoàn để gã có thể giám sát ông.

Một lúc sau đại tá Cathcart ê ẩm cả người vì đi tới đi lui quá nhiều. Gã lại ngồi xuống sau bàn làm việc và quyết tâm bắt đầu một

quá trình đánh giá kỹ càng và có hệ thống về toàn bộ tình hình chiến sự. Với vẻ trịnh trọng của một kẻ biết cách giải quyết mọi việc, gã lấy ra một tập giấy trắng khổ lớn, kẻ một đường thẳng dọc ở giữa và gạch một đường nằm ngang ở phía trên để chia trang giấy thành hai cột trống rộng bằng nhau. Gã ngả người trầm ngâm suy nghĩ một lúc. Sau đó gã chồm người lên bàn, và ở đầu cột bên trái, với nét chữ gò bó, kiểu cách, gã viết, "*Vết đen!!!*" Ở đầu cột bên phải, gã viết "*Mốc son!!!!!*" Gã lại ngả người ra sau để ngắm nghía hình vẽ của mình đầy vẻ ngưỡng mộ từ một góc nhìn khách quan. Sau vài giây nghiêm trang cân nhắc, gã chậm rãi liếm đầu bút chì và viết vào cột "*Vết đen!!!",* sau mỗi dòng đều có một khoảng thời gian suy ngẫm rất chăm chú:

Ferrara

Bologna (tuyến ném bom bị di chuyển trên bản đồ)

Trường bắn đĩa

Người đàn ông trần truồng đứng xếp hàng (sau trận Avignon)

Sau đó gã viết thêm:

Ngộ độc thực phẩm (trong trận Bologna)

và

Rền rĩ (bệnh dịch trong phòng tác chiến trận Avignon)

Rồi gã lại viết:

Cha tuyên úy (đêm nào cũng tụ tập ở câu lạc bộ sĩ quan)

Đại tá quyết định sẽ rộng lượng đối với cha tuyên úy mặc dù cũng không thích gã, và ở dưới cột "*Mốc son!!!!!*" đại tá viết:

Cha tuyên úy (đêm nào cũng tụ tập ở câu lạc bộ sĩ quan)

Như vậy hai mục về cha tuyên úy đã dung hòa lẫn nhau. Bên cạnh “*Ferrara*” và “*Người đàn ông trần truồng đứng xếp hàng (sau trận Avignon)*” gã viết:

Yossarian!

Bên cạnh “*Bologna (tuyến ném bom bị di chuyển trên bản đồ)*”, “*Ngộ độc thực phẩm (trong trận Bologna)*”, và “*Rền rĩ (bệnh dịch trong phòng tác chiến trận Avignon)*” gã viết rất đậm và sắc nét:

?

Những mục có dấu “?” là những vụ mà gã muốn điều tra ngay lập tức để xem liệu Yossarian có đóng vai trò gì trong đó hay không.

Bất chợt cánh tay gã run lên, và gã không thể viết thêm một chữ nào nữa. Gã kinh hoàng đứng dậy, cảm giác nhớp nháp và ụ ị, lao vội tới ô cửa sổ đang mở để hớp lấy từng ngụm không khí trong lành. Ánh mắt gã vô tình dừng lại ở trường bắn đĩa, và gã lảo đảo quay đi cùng một tiếng thét khổ đau, cặp mắt hoang dại và kích động của gã điên cuồng quét khắp các bức tường trong phòng như thể ở đó đang tràn ngập Yossarian.

Không ai yêu quý gã. Tướng Dreedle căm ghét gã, dù tướng Peckem thì thích, mặc dù gã không thể biết chắc được, bởi vì đại tá Cargill, dưới sự bảo trợ của tướng Peckem, hiển nhiên cũng có tham vọng riêng và có lẽ đang nói xấu gã với tướng Peckem mỗi dịp có thể. Sĩ quan cấp tá tử tế duy nhất, gã quyết định, ngoài gã ra, là một sĩ quan cấp tá đã chết. Sĩ quan cấp tá duy nhất mà gã tin tưởng là đại tá Moodus, và ngay cả gã ấy cũng có tay trong là ông bố vợ. Milo, tất nhiên, là một mốc son của gã, mặc dù việc cả liên đoàn của gã bị máy bay của Milo ném bom thực sự là một vết đen nghiêm

trọng, dù Milo cuối cùng đã làm lắng chìm mọi phản đối bằng việc tiết lộ lợi nhuận ròng khổng lồ mà xanh đi ca đã thu được khi làm ăn với kẻ thù và thuyết phục tất cả mọi người rằng việc ném bom quân mình và máy bay của mình do đó thực sự rất đáng khen và rất có lợi xét về khía cạnh làm ăn tư nhân. Đại tá cảm thấy không yên tâm về Milo vì các viên đại tá khác cũng đang cố dụ tay này đi. Còn có thượng sĩ White Halfoat Khổng lồ khốn nạn nữa, kẻ mà tay đại úy Black lười biếng khốn nạn cứ tố là thủ phạm trong vụ di chuyển tuyến ném bom trong Trận Vây Thành Bologna Vĩ Đại. Đại tá Cathcart thích thượng sĩ White Halfoat Khổng lồ bởi vì thượng sĩ White Halfoat Khổng lồ luôn đấm vào mũi đại tá Moodus khốn nạn mỗi khi say rượu mà đại tá Moodus lại ở gần. Gã ước gì thượng sĩ White Halfoat Khổng lồ cũng đấm cả vào bản mặt phì nộn của trung tá Korn nữa. Trung tá Korn là một thằng cha khốn nạn lúc nào cũng tự cho mình là thông minh. Ai đó ở trụ sở quân đoàn Không lực Hai mươi bảy luôn đố kỵ và bày mưu hại gã, kẻ ấy đã gửi lại tất cả báo cáo mà gã viết với lời quở trách nghiêm khắc, và trung tá Korn đã đút lót một tay bưu tín viên ranh mãnh tên là Wintergreen để tìm xem kẻ đó là ai. Việc bị mất máy bay trên bầu trời Ferrara khi quay lại lần thứ hai thật là một chuyện không ra gì đối với gã, điều này thì gã phải thừa nhận, cũng như là việc có thêm một chiếc máy bay khác mất hút vào trong mây - *gã thậm chí còn chưa viết* chuyện này ra! Gã cố nhớ lại, đầy mong mỏi thiết tha, xem có phải Yossarian đã biến mất cùng chiếc máy bay đó không, và nhận ra rằng Yossarian không thể biến mất cùng chiếc máy bay đó nếu hiện giờ y vẫn còn lảng vảng quanh đây và đang làm toáng lên về vụ phải bay thêm có năm trận khốn nạn nữa.

Nếu Yossarian đã phản đối như thế thì có thể sáu mươi trận là hơi nhiều thật, đại tá Cathcart lý luận, nhưng rồi gã nhớ ra rằng việc ép buộc quân của mình bay nhiều trận hơn người khác là thành tựu hữu hình nhất mà gã có được. Như trung tá Korn thường nhận xét, chiến tranh đang lê đi chậm chạp khi các sĩ quan chỉ huy chỉ làm tròn nghĩa vụ của mình, và cần phải có một số biện pháp mạnh như bắt liên đoàn của mình bay nhiều trận hơn bất cứ liên đoàn nào khác để làm nổi bật phẩm chất lãnh đạo độc đáo của gã. Hiển nhiên là không có viên tướng nào phản đối việc gã đang làm, mặc dù như gã được biết thì việc đó cũng chẳng gây được ấn tượng với bất cứ ai, điều này lại khiến gã nghĩ rằng có lẽ sáu mươi trận là chưa đủ nhiều và rằng gã cần phải tăng số trận phải bay ngay lập tức lên con số bảy mươi, tám mươi, một trăm, hay thậm chí hai trăm, ba trăm, hoặc sáu nghìn!

Tất nhiên gã sẽ khá hơn nhiều nếu như được dưới quyền một người khéo léo như tướng Peckem chứ không phải dưới quyền một kẻ thô lỗ và thiếu tinh tế như tướng Dreedle, bởi vì tướng Peckem có khả năng nhận thức sâu sắc, trí tuệ, và xuất thân học hành từ Ivy League để trân trọng và quý mến gã đúng như giá trị của gã, mặc dù tướng Peckem chưa từng tỏ thái độ, dù là nhỏ nhất, rằng ông ta có trân trọng hay quý mến gã một chút nào. Đại tá Cathcart đủ mẫn cảm để nhận ra rằng những tín hiệu lồ lộ về việc công nhận năng lực của nhau chưa bao giờ là cần thiết giữa những người tinh tế và tự tin như bản thân gã và tướng Peckem, họ có thể làm ấm lòng nhau từ xa bằng khả năng hiểu nhau thiên bẩm. Họ cùng một giuộc, thế là đủ, và gã biết sẽ cần kín đáo chờ đợi cho đến lúc thời cơ chín muồi, mặc dù lòng tự trọng của đại tá Cathcart cứ dần mục ruỗng khi nhận thấy rằng tướng Peckem chưa bao giờ cố tình tìm gặp

riêng gã và rằng ông cũng chẳng cố gây ấn tượng với gã bằng những câu nói trào phúng và học vấn uyên bác nhiều hơn một chút nào so với bất cứ ai khác xung quanh, thậm chí so với lính cũng không hơn. Hoặc là đại tá Cathcart không lọt mắt tướng Peckem hoặc là tướng Peckem không phải là người lỗi lạc, sáng suốt, trí thức và tân tiến như ông vờ tỏ ra, và tướng Dreedle mới là người nhạy cảm, hấp dẫn, thông minh và tinh tế, và là người mà gã sẽ khá hơn nhiều nếu được dưới quyền, và đột nhiên đại tá Cathcart mất sạch khái niệm về việc gã đang đứng về phía ai, và gã bắt đầu đấm mạnh vào chuông để gọi trung tá Korn chạy về phòng làm việc của gã để trấn an gã rằng tất cả mọi người điều yêu quý gã, rằng Yossarian chỉ là một điều tưởng tượng trong trí tưởng tượng của gã, và rằng gã đang có được những bước tiến tuyệt vời trong chiến dịch huy hoàng và quả cảm mà gã phát động để trở thành một vị tướng.

Thực ra thì đại tá Cathcart chẳng có chút cơ hội lên tướng chết tiệt nào. Trước hết là vì còn có cựu binh nhất Wintergreen, một người cũng muốn lên tướng và luôn bóp méo, phá hủy, từ chối hoặc chuyển sai địa chỉ bất cứ thư tín nào có dính dáng đến và có thể có lợi cho đại tá Cathcart. Một lý do khác là đã có một viên tướng rồi, chính là tướng Dreedle, ông này biết rằng tướng Peckem đang muốn chiếm chỗ ông nhưng không biết làm sao để ngăn chặn.

Tướng Dreedle, chỉ huy không đoàn, là một người đàn ông lỗ mãng, lùn mập, ngực vạm vỡ, tuổi ngoài năm mươi. Mũi ông to bè và đỏ au, mí mắt ông sưng mọng đùn lên bao quanh cặp mắt xám nhỏ xíu như một quầng mỡ hun khói. Ông có một cô y tá và một cậu con rể, và khi nào không nốc quá nhiều rượu thì ông dễ rơi vào những khoảng lặng kéo dài tẻ nhạt. Tướng Dreedle đã lãng phí quá nhiều thời gian trong quân đội để làm tốt công việc của mình, và giờ

thì đã quá muộn. Những liên minh quyền lực mới đã cấu kết với nhau mà không có ông, và ông sẽ chỉ thua khi đấu lại với họ. Trong một vài khoảnh khắc vô ý, khuôn mặt cứng nhắc và ảm đạm của ông lại trượt vào vẻ ủ rũ, đăm chiêu của thất bại và vỡ mộng. Tướng Dreedle uống rất nhiều rượu. Tâm trạng của ông rất thất thường và khó lường. “Chiến tranh là địa ngục,” ông thường tuyên bố, dù đang say hay tỉnh, và ông thực có ý như vậy, mặc dù điều đó không ngăn ông kiếm chác từ nó và không ngăn được ông đem cậu con rể đi làm ăn cùng với mình, mặc dù hai người thường xuyên cãi lộn.

“Thằng khốn đó,” tướng Dreedle hay than phiền về gã con rể bằng cái giọng càu nhàu đầy khinh bỉ với bất cứ ai tình cờ đứng cạnh ông ở quầy bar câu lạc bộ sĩ quan. “Tất cả những gì nó có đều là nhờ tôi cả. Tôi đã tạo ra nó, thằng con hoang khốn nạn ấy! Nó không đủ trí óc để mà tự tiến thân.”

“Ông ấy lúc nào cũng tưởng mình biết tuốt,” đại tá Moodus trả đũa bằng giọng hờn dỗi khi nói với những khán giả của mình ở đầu kia quầy bar. Ông ấy không chịu nổi sự phê bình và ông ấy không chịu nghe ai khuyên.”

“Tất cả những gì nó có thể làm là đưa ra lời khuyên,” tướng Dreedle gay gắt khịt mũi nhận xét. “Nếu không có tôi thì giờ nó vẫn chỉ là một hạ sĩ quèn.”

Đi cùng tướng Dreedle luôn có đại tá Moodus và cô y tá riêng, một quả mông ngon lành đối với tất cả những ai từng để mắt tới. Cô y tá của tướng Dreedle mũm mĩm, thấp và tóc vàng. Cô có cặp má lúm phúng phính, đôi mắt xanh lơ vui vẻ, và mái tóc xoăn bới gọn. Cô mỉm cười với tất cả mọi người và không bao giờ lên tiếng trừ phi có người lên tiếng trước với cô. Ngực cô phì nhiêu và làn da cô

sáng mịn. Cô hấp dẫn khôn cưỡng, và đám đàn ông luôn thận trọng khi đi qua cô. Cô chín mọng, ngọt ngào, dễ bảo và ngu ngốc, cô khiến cho tất cả phát cuồng ngoại trừ tướng Dreedle.

“Các anh nên nhìn lúc cô ấy trần truồng,” tướng Dreedle cười như nắc nẻ trong khi cô y tá đứng mỉm cười đầy tự hào ngay kề vai. “Hồi ở phòng làm việc tại không đoàn, cô ấy có một bộ quân phục lụa màu tím chật tới mức núm vú cứ nổi lên như những quả anh đào. Vải đó Milo kiếm cho tôi. Thậm chí còn không có chỗ cho quần và áo lót nữa. Tôi đã bắt cô ấy mặc bộ này mấy đêm có Moodus ở đó chỉ để cho nó phát điên lên.” Tướng Dreedle cười sằng sặc. “Các anh phải nhìn những gì ẩn dưới lớp áo bờ lu mỗi khi cô ấy cử động cơ. Cô ấy đã khiến cho nó mất trí. Nhưng nếu tôi mà phát hiện ra nó đặt tay lên người cô ấy hay bất cứ phụ nữ nào khác, tôi sẽ ngay lập tức giáng cấp thằng chết tiệt máu dê đó thành binh nhì và đẩy nó xuống làm ở nhà bếp một năm.”

“Ông ta giữ cô ấy lại chỉ để chọc tức tôi,” đại tá Moodus buồn phiền tố cáo ở đầu kia quầy bar. “Hồi ở trụ sở không đoàn, cô ấy có một bộ đồng phục lụa tím chật tới mức núm vú của cô ấy cứ nổi lên như những quả anh đào. Thậm chí còn không có chỗ cho quần và áo lót nữa. Các anh phải nghe thấy tiếng sột soạt mỗi khi cô ấy cử động cơ. Nhưng ngay khi tôi tán tỉnh gạ gẫm cô ấy hay bất cứ cô gái nào khác thì ông ta sẽ giáng cấp tôi xuống thành binh nhì và đẩy tôi xuống làm ở nhà bếp một năm. Cô ấy đã khiến tôi trở nên quẫn trí.”

“Nó vẫn chưa được lên giường với gái lần nào kể từ khi chúng tôi bị điều ra nước ngoài,” tướng Dreedle tiết lộ, cái đầu vuông bè hoa râm rung lên khi ông phá lên cười đầy ác ý với ý tưởng xảo quyệt này. “Đó là một trong những lý do tôi không bao giờ cho nó thoát

khỏi tầm mắt mình, để nó không thể tiếp cận được gái. Các anh có thể tưởng tượng nổi những gì mà đồ con hoang đó phải trải qua không?”

“Tôi vẫn chưa được lên giường với gái lần nào kể từ khi chúng tôi bị điều ra nước ngoài,” đại tá Moodus rên rỉ trong nước mắt. “Các anh có thể tưởng tượng nổi những gì mà tôi đang phải trải qua không?”

Khi bực mình tướng Dreedle có thể trở nên không khoan nhượng với bất cứ ai, chẳng kém khi ông đối xử với đại tá Moodus. Ông không thích giả bộ hay tỏ vẻ tế nhị, và cương lĩnh của ông trong vai trò một quân nhân chuyên nghiệp luôn nhất quán và ngắn ngọn như sau: ông cho rằng đám lính cấp dưới cần phải sẵn lòng hy sinh mạng sống của mình vì lý tưởng, khát vọng và khí chất của cấp trên. Ông chỉ biết đến những sĩ quan và binh lính dưới quyền mình qua phẩm chất quân nhân của họ. Tất cả những gì ông yêu cầu là họ phải làm việc của mình; ngoài chuyện đó thì họ được tự do làm bất cứ cái gì họ muốn. Họ được tự do, như đại tá Cathcart, ép buộc lính dưới quyền phải bay sáu mươi trận nếu muốn, và họ được tự do, như Yossarian, trần truồng đứng xếp hàng nếu muốn, mặc dù quai hàm cứng như đá của tướng Dreedle cũng đã phải há hốc ra khi nhìn thấy cảnh đó và ông đã phải uy nghi sải bước tới tận nơi để kiểm chứng xem có thật đang có một người không mặc gì, chỉ có đôi giày mô ca đứng nghiêm xếp hàng đợi được nhận huân chương từ ông hay không. Tướng Dreedle không thốt nên lời. Đại tá Cathcart suýt ngất xỉu khi phát hiện ra Yossarian thì trung tá Korn tiến tới đằng sau và giữ chặt tay gã lại. Bầu không khí im lặng đến lố bịch. Một luồng gió nóng yên ả lùa từ phía biển vào, và trên đường chính một chiếc xe kéo cũ kỹ chất đầy rơm bẩn đang từ xa lọc xọc tiến lại,

chiếc xe được kéo bởi một con lừa đen và được điều khiển bởi một nông phu đội mũ mềm mặc đồ lao động màu nâu đã sờn bạc không để ý gì đến buổi lễ trang trọng của quân đội đang diễn ra trên khoảng đất nhỏ bên tay phải anh ta.

Cuối cùng tướng Dreedle cũng nói. “Quay trở lại xe,” ông ngoái đầu ra lệnh cho cô y tá đang đi cùng ông xuống chỗ mọi người đứng xếp hàng. Cô y tá mỉm cười đủng đỉnh bước về phía chiếc xe công vụ màu nâu đang đỗ cách đó khoảng hai mươi thước ở rìa khu đất trống hình chữ nhật. Tướng Dreedle đợi trong sự lặng im khổ hạnh cho đến khi nghe thấy tiếng cửa xe sập lại và hỏi, “Đây là ai?”

Đại tá Moodus đọc bảng phân công. “Đây là Yossarian, thưa cha. Anh ta nhận huân chương Chữ Thập Bay Xuất Sắc.”

“Ồ, quỷ tha ma bắt tôi đi,” tướng Dreedle lầm bầm, và gương mặt đỏ như làm từ đá nguyên khối của ông dãn ra đầy vẻ trào phúng. “Tại sao anh lại không mặc quần áo, Yossarian?”

“Tôi không muốn.”

“Anh không muốn nghĩa là sao? Tại cái quái gì mà anh lại không muốn?”

“Tôi chỉ không muốn, thưa sếp.”

“Tại sao anh ta không mặc quần áo?” tướng Dreedle quay sang hỏi đại tá Cathcart.

“Ông ấy đang nói với anh kìa,” trung tá Korn thì thầm vào tai đại tá Cathcart từ phía sau, huých mạnh khuỷu tay vào lưng đại tá Cathcart.

“Tại sao anh ta không mặc quần áo?” đại tá Cathcart quay lại hỏi trung tá Korn với vẻ đau khổ tột cùng, rồi xoa nhẹ lên chỗ mà trung

tá Korn vừa mới huých vào.

“Tại sao anh ta không mặc quần áo?” trung tá Korn quay sang hỏi đại úy Piltchard và đại úy Wren.

“Có một người đã thiệt mạng trong máy bay của anh ta trên bầu trời Avignon tuần trước và máu đã vấy lên khắp người anh ta,” đại úy Wren trả lời. “Anh ta thề sẽ không mặc quân phục nữa.”

“Có một người đã thiệt mạng trong máy bay của anh ta trên bầu trời Avignon tuần trước và máu đã vấy lên khắp người anh ta,” trung tá Korn báo cáo trực tiếp với tướng Dreedle. “Quân phục của anh ta vẫn chưa được giặt xong.”

“Thế những bộ quân phục khác của anh ta đâu?”

“Chúng cũng đang được giặt.”

“Thế còn quần áo lót?” tướng Dreedle hỏi.

“Tất cả quần áo lót của anh ta cũng đang được giặt,” trung tá Korn trả lời.

“Chuyện này nghe vớ vẩn thật,” tướng Dreedle tuyên bố.

“Đúng là rất vớ vẩn, thưa sếp,” Yossarian nói.

“Sếp không phải lo đâu ạ,” đại tá Cathcart hứa hẹn với tướng Dreedle và đưa mắt nhìn Yossarian đầy vẻ hăm dọa. “Cá nhân tôi xin hứa với sếp là sẽ trừng phạt tay này thật nặng.”

“Sao tôi lại phải quan tâm xem anh ta có bị trừng phạt hay không?” tướng Dreedle bực tức và ngạc nhiên đáp. “Anh ta vừa mới giành được một huân chương. Nếu anh ta muốn nhận nó mà không mặc quần áo thì cũng có liên quan quái gì tới anh?”

“Đó cũng chính là những cảm nghĩ của tôi, thưa sếp!” đại tá Cathcart nhại lại đầy nhiệt huyết và lau trán bằng một chiếc khăn mùi soa trắng ẩm. “Nhưng sếp chắc chắn là như vậy chứ, thưa sếp, ngay cả khi xét đến thông báo nội bộ gần đây của tướng Peckem về việc sử dụng quân phục đúng quy định trong vùng chiến sự?”

“Peckem?” gương mặt tướng Dreedle tối sầm lại.

“Vâng vâng thưa sếp,” đại tá Cathcart khúm núm nói. “Tướng Peckem thậm chí còn khuyến cáo rằng chúng ta cần phải đưa lính ra trận trong quân phục trang trọng nhất để họ có thể tạo được ấn tượng tốt với đối phương khi bị bắn hạ.”

“Peckem?” tướng Dreedle lặp lại, mắt nheo lại đầy vẻ khó hiểu. “Tướng Peckem thì liên quan quái gì ở đây?”

Trung tá Korn lại huých mạnh khuỷu tay vào lưng đại tá Cathcart.

“Hoàn toàn không liên quan gì hết, thưa sếp!” đại tá Cathcart đáp gọn ghẽ, nhăn nhó vì đau và rón rén xoa lên chỗ mà trung tá Korn vừa huých khuỷu tay vào. “Và đó cũng chính là lý do tại sao tôi đã quyết định sẽ không làm gì cả cho đến khi có cơ hội được bàn với sếp. Vậy chúng ta sẽ lờ vụ này hoàn toàn phải không sếp?”

Tướng Dreedle phớt lờ gã, khinh miệt quay đi rồi trao cho Yossarian chiếc huân chương đựng trong hộp.

“Hãy đưa cô gái của tôi từ xe trở lại đây,” ông cáu kỉnh ra lệnh cho đại tá Moodus, và đứng một chỗ đợi với vẻ mặt cau có cho đến khi gặp lại cô y tá.

“Hãy truyền lệnh hủy bỏ ngay lập tức quy định mà tôi vừa mới đưa ra rằng mọi người phải đeo cà vạt khi làm nhiệm vụ chiến đấu,” đại tá Cathcart khẩn cấp thì thầm với trung tá Korn qua khóe miệng.

“Tôi đã bảo anh đừng có làm thế rồi mà,” trung tá Korn cười hinh hích. “Nhưng anh cứ không chịu nghe lời tôi cơ.”

“Suỵt!” đại tá Cathcart cảnh cáo. “Chết tiệt thật, Korn, anh đã làm gì với cái lưng của tôi vậy?”

Trung tá Korn lại tiếp tục cười hinh hích.

Cô y tá của tướng Dreedle luôn đi theo tướng Dreedle khắp mọi nơi, thậm chí còn vào cả phòng tác chiến ngay trước trận Avignon, cô vào đó và đứng bên bục phát biểu với nụ cười ngốc nghếch và rực rỡ như một ốc đảo màu mỡ kề bên tướng Dreedle trong bộ đồng phục màu hồng và xanh lá cây. Yossarian nhìn cô và phải lòng cô, trong tuyệt vọng. Tâm trạng y chùng xuống, khiến y chết lặng và lòng y trống trải. Y ngồi đó đờ đẫn nhìn thèm thuồng ướt át vào đôi môi đỏ mọng và đôi má lúm đồng tiền trong lúc nghe thiếu tá Danby tả bằng giọng đều đều đơn điệu tẻ nhạt về hỏa lực phòng không hạng nặng đang chờ họ ở Avignon, và y rên lên trong nỗi tuyệt vọng thăm thẳm trước ý nghĩ rằng rất có thể y sẽ không bao giờ được gặp lại người phụ nữ dễ thương này, người y chưa từng nói chuyện, người mà giờ y đã khổ sở đem lòng yêu. Tim y đập dồn dập và quặn lên trong nỗi buồn đau, sợ hãi và khao khát khi y trân trối nhìn cô; cô quá xinh đẹp. Y tôn thờ cả chỗ đất mà cô đang đứng lên. Y thè cái lưỡi dấp dính ra mà liếm cặp môi khô nẻ và cháy khát của mình, đoạn y rên lên trong đau khổ, lần này đủ to khiến cho những người đang ngồi quanh y trên các hàng ghế gỗ không sơn trong quân phục màu sô cô la và đai dù chần chỉ trắng phải kinh ngạc và dáo dác đảo mắt tìm quanh.

Nately nhanh chóng quay sang y hoảng hốt. “Cái gì vậy?” cậu ta thì thầm. “Có chuyện gì vậy?”

Yossarian không nghe thấy. Y đang phát ốm lên vì thèm khát và mê man trong tiếc nuối. Cô y tá của tướng Dreedle chỉ hơi mũm mĩm một chút, và các giác quan của y đang tắc nghẹn trong ánh vàng rực rỡ của mái tóc cô và cảm giác trên da của những ngón tay ngắn mềm mại mà y chưa từng chạm, trong sự phì nhiêu tròn trịa của bộ ngực tuổi cập kê mà y chưa từng nếm, dưới chiếc áo quân phục màu hồng cổ mở rộng và trong ngã ba cuồn cuộn, chín mọng hình tam giác nằm giữa bụng và hai bắp đùi dưới chiếc quần sĩ quan xanh mướt vải gabadin bó sát. Y đắm đuối ngắm nhìn cô từ đầu cho tới những ngón chân sơn móng. Y không muốn mất cô. "Ôiiiiiiiiiii," y lại tiếp tục rên lên, và lần này cả phòng xôn xao khi nghe thấy tiếng kêu run rẩy, kéo dài ấy. Một làn sóng tá hỏa và bứt rứt ập tới trên đầu đám sĩ quan đứng trên bục, và thậm chí đến cả thiếu tá Danby, người đang đếm số giây để khớp giờ đồng hồ đeo tay cho mọi người, trong thoáng chốc cũng đã bị mất tập trung và suýt phải đếm lại từ đầu. Nately dõi mắt theo ánh nhìn đờ đẫn của Yossarian suốt khán phòng dài dựng khung cho đến khi thấy cô y tá của tướng Dreedle. Mặt cậu tái nhợt vì bối rối khi đoán ra được lý do khiến cho Yossarian trở nên như vậy.

"Thôi đi, được không?" Nately dữ dằn thì thầm cảnh báo.

"Ôiiiiiiiiiii," Yossarian rên lên lần thứ tư, lần này đủ to để cho tất cả mọi người nghe rõ.

"Anh điên à?" Nately rít lên kịch liệt. "Anh sẽ gặp rắc rối mất thôi."

"Ôiiiiiiiiiiii," Dunbar đáp lời Yossarian từ đầu kia phòng.

Nately nhận ngay ra giọng của Dunbar. Tình huống giờ đã vượt ra ngoài tầm kiểm soát, và cậu quay mặt đi với một tiếng rên nhỏ. "Ôi."

“Ôiiiiiiiiiiii,” Dunbar rên lên đáp lời cậu.

“Ôiiiiiiiiiiii,” Nately bực tức rên lên khi nhận ra rằng cậu cũng vừa mới rên.

“Ôiiiiiiiiiiii,” Dunbar lại rên lên đáp lời cậu.

“Ôiiiiiiiiiiii,” một người lạ khác rên lên hòa cùng bọn họ từ một góc khác trong phòng, và Nately dựng hết cả tóc gáy.

Cả Yossarian và Dunbar cùng đáp lời trong khi Nately co rúm lại và cố tìm lấy một cái lỗ để chui vào trốn và kéo Yossarian theo. Lác đác có vài người đang cố nhịn cười. Chút bốc đồng xâm chiếm Nately và cậu đã cố tình rên lên khi xung quanh có vẻ yên tĩnh trở lại. Lại có thêm một tiếng rên mới vang lên đáp lời. Cảm giác bất tuân lệnh quả rất kích thích, và Nately lại cố tình rên lên lần nữa, hướng về phía bên cạnh. Lại có một tiếng rên mới đáp lời cậu. Cả phòng dần sôi lên thành một nhà thương điên không sao ngăn lại được. Một tập hợp huyên náo kỳ quái của đủ các kiểu giọng cất lên. Những bàn chân chen lấn, và đồ đạc bắt đầu rớt xuống từ những ngón tay của mọi người - những chiếc bút chì, máy tính, túi đựng bản đồ, mũ giáp sắt. Những người không rên lên thì đã công khai cười hinh hích, và không thể biết được cuộc nổi dậy bất ngờ của những tiếng rên này sẽ đi đến đâu nếu tướng Dreedle không đích thân đứng ra dẹp loạn, ông hùng dũng bước ra đứng giữa bục, ngay trước mặt thiếu tá Danby, tay này vẫn đang nghiêm túc cúi đầu xuống tập trung vào chiếc đồng hồ đeo tay và nói, “… hai mươi lăm giây… hai mươi… mười lăm…” Bộ mặt to bè, đỏ au và hống hách của tướng Dreedle méo xệch đi vì bối rối, đoạn sắt lại với vẻ quyết tâm ghê gớm.

“Vậy là đủ rồi đấy, các anh,” ông ra lệnh ngắn gọn, mắt ông lóe lên vẻ không bằng lòng, khuôn hàm vuông rắn đanh cương nghị, và thế là xong. “Tôi chỉ huy một đội chiến đấu,” ông lạnh lùng nói, khi cả phòng đã lặng yên tuyệt đối và toàn bộ những người ngồi trên ghế đã ngoan ngoãn co rúm người lại, “và sẽ không được có thêm một tiếng rên nào trong đội này khi tôi đang chỉ huy. Rõ chưa?”

Ai nấy đều đã rõ ngoại trừ thiếu tá Danby, kẻ vẫn đang tập trung nhìn vào chiếc đồng hồ đeo tay và đếm to theo từng giây một “… bốn… ba… hai… một… khớp!” thiếu tá Danby hét to lên, và ngước mắt nhìn lên đắc thắng chỉ để phát hiện ra không có ai lắng nghe gã và gã sẽ phải bắt đầu lại từ đầu. “Ôiii,” gã rên lên trong tuyệt vọng.

“*Cái gì đó?*” tướng Dreedle gầm lên kinh ngạc, và ào tới thiếu tá Danby trong cơn giận kinh hồn, thiếu tá vội lảo đảo lùi lại trong kinh hoàng bối rối và bắt đầu run sợ và toát mồ hôi hột. “*Người này là ai?*”

“Th… thiếu tá Danby, thưa sếp,” đại tá Cathcart lắp bắp. “Sĩ quan tác chiến ạ.”

“Đưa anh ta ra ngoài xử bắn luôn đi,” tướng Dreedle ra lệnh.

“G… gì cơ sếp?”

“Tôi nói là đưa anh ta ra ngoài xử bắn luôn đi. Anh không nghe thấy à?”

“Vâng thưa sếp!” đại tá Cathcart mau lẹ đáp lời, khó nhọc nuốt nước bọt, và quay phắt sang phía tài xế và chuyên gia khí tượng học của mình. “Đưa thiếu tá Danby ra ngoài xử bắn.”

“G… gì cơ sếp?” cả tài xế lẫn chuyên gia khí tượng học cùng lắp bắp.

“Tôi nói là đưa thiếu tá Danby ra ngoài xử bắn,” đại tá Cathcart ngắt lời. “Các anh không nghe thấy à?”

Hai viên trung úy trẻ trì nộn gật đầu đoạn há hốc mồm nhìn nhau trong choáng váng và miễn cưỡng ủy mị, người này chờ người kia khởi sự việc đưa thiếu tá Danby ra ngoài xử bắn. Chưa ai trong bọn họ từng đưa thiếu tá Danby ra ngoài mà bắn cả. Từ hai phía đối diện nhau họ ngờ vực dịch từng bước đến chỗ thiếu tá Danby. Thiếu tá Danby đã trắng bệch ra vì sợ. Chân gã đột nhiên khuỵu xuống chực ngã, hai trung úy trẻ kia vội nhảy bổ đến và chộp lấy hai cánh tay để đỡ gã khỏi đổ gục xuống sàn. Giờ khi họ đã tóm được thiếu tá Danby rồi, những việc còn lại có vẻ đơn giản, nhưng lại không có súng. Thiếu tá Danby bắt đầu khóc. Đại tá Cathcart muốn chạy đến bên vỗ về gã, nhưng lại không muốn tỏ vẻ đàn bà trước mặt tướng Dreedle. Đại tá nhớ ra có Appleby và Havermeyer luôn mang theo khẩu .45 tự động, và gã bắt đầu đưa mắt quét khắp các hàng ghế để tìm họ.

Ngay khi thiếu tá Danby bắt đầu khóc, đại tá Moodus, nãy giờ vẫn đang khổ sở do dự đứng ngoài cuộc, đã không thể kiềm chế được nữa mà rụt rè bước về phía tướng Dreedle với vẻ tang tóc của một kẻ sắp hy sinh bản thân. “Con nghĩ là cha nên khoan đã ạ,” gã ngập ngừng đề xuất. “Con không nghĩ là cha có thể bắn anh ta.”

Tướng Dreedle phẫn nộ khi bị thọc gậy bánh xe. “Kẻ quái nào dám bảo ta không thể thế?” ông hung hăng nạt nộ với giọng nói đủ to để làm rung chuyển cả tòa nhà. Đại tá Moodus, mặt đỏ ửng lên vì bối rối, bèn cúi xuống thì thầm vào tai ông. “Tại cái quái gì mà ta không thể làm như vậy?” tướng Dreedle lại rống lên. Đại tá lại thì thầm thêm một chút nữa. “Ý của anh là ta không thể bắn bất cứ ai ta

muốn?” tướng Dreedle chất vấn trong căm phẫn không khoan nhượng. Ông lại dỏng tai lên chăm chú lắng nghe khi đại tá Moodus tiếp tục thì thầm. “Chuyện đó là thật đấy hả?” ông hỏi, cơn giận dữ đã bị sự tò mò kiềm chế.

“Vâng chưa cha, con e là đúng như vậy.”

“Ta đoán anh đang nghĩ rằng anh rất thông minh, có phải vậy không?” tướng Dreedle bất ngờ tấn công đại tá Moodus.

Đại tá Moodus lại đỏ mặt lên. “Không, thưa cha, không phải…”

“Thôi được, hãy tha cho gã chó đẻ bất tuân lệnh kia,” tướng Dreedle càu nhàu, cay cú quay mặt đi không thèm nhìn thằng con rể và cáu kỉnh quát cả gã tài xế lẫn chuyên gia khí tượng học của đại tá Cathcart. “Nhưng hãy đá gã ta ra khỏi tòa nhà này và không cho gã quay trở lại. Và hãy tiếp tục buổi tác chiến trời đánh thánh vật này đi trước khi cuộc chiến kết thúc. Tôi chưa từng thấy chỗ nào kém cỏi như ở đây.”

Đại tá Cathcart yếu ớt gật đầu với tướng Dreedle và ra hiệu cho người của mình nhanh chóng đẩy thiếu tá Danby ra ngoài tòa nhà. Ngay khi thiếu tá Danby bị đẩy ra ngoài, thì lại không có ai để tiếp tục buổi tác chiến. Ai nấy đều trố mắt nhìn nhau với vẻ ngạc nhiên ngớ ngẩn. Mặt tướng Dreedle tím lại vì giận dữ khi không có ai làm gì cả. Đại tá Cathcart không biết phải làm gì. Ngay khi gã chuẩn bị rên to lên thì trung tá Korn bước ra cứu vớt và nắm quyền kiểm soát tình hình. Đại tá Cathcart thở phào trong cảm giác nhẹ nhõm mênh mang đẫm nước mắt, gần như choáng váng vì biết ơn.

“Nào, các anh, chúng ta khớp đồng hồ thôi,” trung tá Korn nhanh chóng bắt đầu với tác phong chỉ huy sắc sảo, hấp háy mắt nhìn về phía tướng Dreedle. “Chúng ta sẽ khớp đồng hồ một lần và chỉ một

lần duy nhất, và nếu sau một lần không làm được thì tướng Dreedle và tôi sẽ muốn biết lý do tại sao. Vậy đã rõ chưa?” Gã lại đảo mắt về phía tướng Dreedle một lần nữa để chắc chắn rằng cái bẫy đã sập. “Giờ thì vặn đồng hồ của các anh về chín giờ mười tám.”

Trung tá Korn thực hiện việc khớp đồng hồ một cách trơn tru rồi tiếp tục công việc đầy vẻ tự tin. Gã thông báo về tình hình chiến sự trong ngày và bình luận tình hình thời tiết với một vẻ hoạt bát hào nhoáng, cứ sau vài giây lại đánh mắt điệu đàng nhìn tướng Dreedle để rút thêm khích lệ từ ấn tượng xuất sắc mà gã nhận thấy mình đang tạo ra. Tỉa tót và làm dáng cho hình ảnh bản thân thêm bóng chói và dương dương tự đắc oai vệ bước trên bục khi đã lấy được đà, gã nói lại cho mọi người biết về tình hình trong ngày và nhanh chóng chuyển sang những lời cổ vũ đầy sôi nổi về tầm quan trọng của cây cầu ở Avignon đối với cuộc chiến và nghĩa vụ của mỗi người là phải đặt lòng yêu nước lên trên mạng sống. Khi bài diễn văn đầy cảm hứng kết thúc, gã lại tiếp tục cho mọi người biết về tình hình trong ngày thêm một lần nữa, nhấn mạnh về hướng tiếp cận và nói lại về thời tiết. Trung tá Korn có cảm giác đang ở đỉnh cao quyền lực. Gã ở tâm điểm của chú ý.

Đại tá Cathcart mãi mới lờ mờ hiểu ra; và khi đã hiểu thì gã chết lặng. Mặt gã chảy dài thuỗn khi gã đố kỵ quan sát sự bội bạc của trung tá Korn tiếp diễn, và gã gần như sợ hãi khi nghe tướng Dreedle tiến lên đứng cạnh gã, và thì thầm gặng hỏi gã bằng giọng đủ to để cả phòng nghe thấy, “Đó là ai vậy?”

Đại tá Cathcart tái mặt trả lời như có linh tính về điềm gở, rồi tướng Dreedle khum tay che miệng thì thầm một điều khiến cho gương mặt đại tá Cathcart bừng lên niềm hân hoan bất tận. Trung tá

Korn nhìn thấy và run lên vì cảm giác sung sướng chực vỡ òa. Liệu có phải gã vừa được tướng Dreedle thăng lên chức đại tá ngay tại chiến trường? Gã không thể chịu đựng cảnh dằng dai này thêm nữa. Bằng một cử chỉ hoa mỹ điệu nghệ, gã tuyên bố kết thúc cuộc họp tác chiến và quay lại chờ đợi những lời chúc tụng nồng cháy của tướng Dreedle - kẻ chưa gì đã sải những bước dài ra khỏi tòa nhà mà không thèm liếc mắt nhìn lại, cô y tá và đại tá Moodus lẽo đẽo theo sau. Trung tá Korn sửng sốt trước cảnh tượng đáng thất vọng đó, nhưng chỉ trong chốc lát. Mắt trung tá tìm thấy đại tá Cathcart vẫn đang đứng nghiêm toét miệng cười trong mê đắm, và gã hồ hởi chạy ào tới kéo tay.

"Ông ta nói gì về tôi?" gã hồi hộp hỏi trong cuồn cuộn cảm giác tự hào và đợi chờ sung sướng. "Tướng Dreedle nói gì vậy?"

"Ông ấy muốn biết anh là ai."

"Cái đó tôi biết. Tôi biết. Nhưng ông ấy đã nói gì về tôi? Ông ấy đã nói gì?"

"Anh làm cho ông ta ghê tởm."

22 THỊ TRƯỞNG MILO

Đó chính là trận mà Yossarian đã trở nên hèn nhát. Yossarian trở nên hèn nhát trong trận Avignon bởi vì Snowden đã mất dũng khí, và Snowden mất dũng khí bởi vì phi công lái máy bay bữa đó là Huple, thằng nhóc này mới chỉ mười lăm tuổi, và phụ lái là Dobbs, gã này còn tệ hơn, đã thế lại còn muốn Yossarian cùng tham gia mưu sát đại tá Cathcart. Huple là một phi công giỏi, Yossarian biết điều đó, nhưng cậu ta chỉ là một đứa trẻ, và Dobbs cũng không tin tưởng cậu ta một chút nào nên đã không báo trước mà giật lấy cần điều khiển sau khi họ thả xong bom, phát điên ngay giữa trời mà lật ngược máy bay lại khiến nó bổ nhào xuống một cú chí tử, đứng tim, inh óc, hết hồn không sao tả xiết, cú bổ nhào đã giật tai nghe của Yossarian ra khỏi giắc cắm và treo y lơ lửng trong tuyệt vọng, đỉnh đầu dán chặt vào trần khoang mũi.

Ôi Chúa ơi! Yossarian thét không ra tiếng khi y cảm thấy tất cả bọn họ đều đang rơi . *Ôi Chúa ơi! Ôi Chúa ơi! Ôi Chúa ơi! Ôi Chúa ơi!* Y thét lên cầu xin qua cặp môi không thể mở trong lúc chiếc máy bay rơi và y cứ đung đưa trên đỉnh đầu của mình ở trạng thái không trọng lượng như vậy cho đến khi Huple giành lại được cần điều khiển và đưa máy bay thăng bằng trở lại khi đã rớt xuống giữa một vực thẳm toàn đạn phòng không đang phát nổ chằng chịt, hung hiểm, điên rồ, từ đó họ lại phải bay vút lên cao để có cơ chạy thoát.

Gần như ngay khi đó bỗng có một tiếng thịch và một cái lỗ to như quả đấm bự chảng hiện ra ở mặt kính máy bay. Hai má Yossarian nhói rát những mảnh thủy tinh lấp lánh. Không có máu.

"Chuyện gì vậy? Chuyện gì vậy?" y kêu lên, run bần bật khi tai không nghe được tiếng của chính mình. Y sợ phát khiếp cái lặng im trống rỗng của hệ thống điện đàm nội bộ và kinh hãi tới mức gần như không dám động đậy trong lúc chống tay và đầu gối núp mình như một con chuột mắc bẫy và chờ đợi mà không dám thở cho đến khi rốt cuộc cũng phát hiện ra đầu dây hình trụ sáng bóng của bộ tai nghe đang đu đưa trước mắt và cắm nó trở lại bằng những ngón tay lập cập vì run. *Ôi, Chúa ơi!* y cứ thế hét trong kinh hoàng không ngớt khi đạn phòng không cứ quất lên và vãi ra như trấu khắp quanh y. *Ôi, Chúa ơi!*

Khi Yossarian cắm dây lại vào hệ thống điện đàm nội bộ và có thể nghe được tiếng mọi người thì thấy Dobbs đang khóc.

"Cứu anh ta với, cứu anh ta với," Dobbs nức nở. "Cứu anh ta với, cứu anh ta với."

"Cứu ai? Cứu ai?" Yossarian gào lên hỏi lại. "Cứu ai?"

"Người cắt bom, người cắt bom," Dobbs hét. "Anh ta không trả lời. Cứu người cắt bom, cứu người cắt bom."

"Tôi là người cắt bom đây," Yossarian hét đáp. "Tôi là người cắt bom. Tôi không sao. Tôi không sao."

"Thế thì hãy cứu anh ta, cứu anh ta với," Dobbs nức nở. "Cứu anh ta với, cứu anh ta với."

"Cứu ai? Cứu ai?"

“Người phụ trách điện đàm,” Dobbs cầu xin. “Người phụ trách điện đàm.”

“Tôi lạnh,” Snowden yếu ớt rên rỉ qua hệ thống điện đàm nội bộ, rồi sau đó chuyển thành một loạt tiếng be be não nùng đau đớn. “Làm ơn cứu tôi với. Tôi lạnh.”

Yossarian bèn thận trọng bò qua lối trườn, trườn lên qua khoang chứa bom rồi xuống chui vào phần đuôi máy bay nơi Snowden đang nằm trên sàn, bị thương và lạnh cóng giữa tung tóe nắng vàng, bên cạnh một tay súng đang nằm sõng sượt bất tỉnh.

Dobbs là phi công dở nhất thế giới và gã biết điều đó, một thân xác tan nát tả tơi từng là một gã trai trẻ khỏe hùng dũng luôn tìm cách thuyết phục thượng cấp rằng gã không đủ sức để lái máy bay nữa. Không có thượng cấp nào của gã đồng ý, và chính vào ngày số trận phải bay tăng lên thành sáu mươi, Dobbs đã lén lút chui vào lều của Yossarian, trong lúc Orr ra ngoài đi kiếm dây thừng, để tiết lộ về kế hoạch mà gã đã lập ra nhằm mưu sát đại tá Cathcart. Gã cần sự trợ giúp của Yossarian.

“Anh muốn chúng ta thẳng tay giết đại tá sao?” Yossarian phản đối.

“Đúng vậy,” Dobbs đồng ý với nụ cười lạc quan, phấn khởi khi thấy Yossarian nắm tình hình rất nhanh. “Chúng ta sẽ bắn chết hắn bằng khẩu Luger mà tôi đã mua hồi ở Sicily mà không ai biết là tôi có.”

“Tôi không nghĩ mình có thể làm được việc đó đâu,” Yossarian kết luận, sau một hồi im lặng cân nhắc.

Dobbs kinh ngạc. “Tại sao lại không?”

“Nghe này. Không có gì khiến tôi hài lòng hơn là được thấy tên khốn đó bị gãy cổ hoặc bị rơi máy bay chết hoặc bị ai đó bắn chết. Nhưng tôi không nghĩ là tôi có thể giết hắn.”

“Hắn sẽ giết anh,” Dobbs tranh luận. “Thực ra, chính anh là người đã nói với tôi rằng hắn đang giết chúng ta khi bắt chúng ta phải thực hiện lắm nhiệm vụ đến vậy.”

“Nhưng tôi không nghĩ là tôi có thể giết hắn. Hắn cũng có quyền được sống, tôi e là vậy.”

“Hắn không thể có quyền đó khi hắn cứ cố cướp đi quyền được sống của cả anh và tôi. Anh sao vậy?” Dobbs sửng sốt. “Tôi đã nghe anh tranh luận về chuyện này với Clevinger. Giờ thì hãy xem điều gì đã xảy ra với anh ấy. Mất hút luôn vào đám mây đó.”

“Đừng có hét lên như vậy nữa được không?” Yossarian bảo Dobbs nói nhỏ đi.

“Tôi đâu có hét!” Dobbs còn hét to hơn, mặt gã đỏ lên đầy khí thế cách mạng. Mắt và mũi gã chảy nước, môi dưới đỏ au rần rật đẫm nước bọt. “Lúc hắn nâng chỉ tiêu lên sáu mươi thì đã phải có đến gần một trăm người trong liên đoàn này hoàn thành năm mươi lăm nhiệm vụ. Và phải có ít nhất gần một trăm người nữa chỉ cần bay thêm vài trận là đủ năm mươi lăm, như anh. Nếu cứ để hắn tiếp diễn mãi như thế thì hắn sẽ giết sạch mọi người mất. Ta cần phải giết hắn trước.”

Yossarian gật đầu hờ hững, bản thân chẳng tỏ vẻ hứa hẹn gì. “Anh có nghĩ là chúng ta trót lọt được không?”

“Tôi đã tính hết rồi. Tôi…”

“Đừng có hét lên như vậy, vì Chúa!”

“Tôi đâu có hét. Tôi đã…”

“Anh làm on đừng hét lên nữa!”

“Tôi đã tính hết cả rồi,” Dobbs thì thầm, nắm chặt tay vào mép giường xếp của Orr đến mức nổi cả khớp trắng chỉ để giữ cho chúng khỏi vung lên. “Sáng thứ Năm khi hắn trở về từ nông trại trời đánh thánh vật đó ở trên đồi, tôi sẽ đi luồn qua rừng đến chỗ khúc quanh chữ U trên đường và nấp trong bụi rậm. Đến đó hắn sẽ phải lái xe chậm lại, và ở đó tôi cũng có thể quan sát được cả hai phía của con đường để chắc chắn không có ai khác xung quanh. Khi thấy hắn tới, tôi sẽ xô một khúc gỗ lớn ra đường buộc hắn phải dừng xe lại. Sau đó tôi sẽ bước ra khỏi bụi rậm với khẩu Luger trên tay, rồi bắn vào đầu hắn cho đến khi hắn chết thì thôi. Tôi sẽ chôn súng, quay lại qua đường rừng trở về phi đoàn và làm công việc của tôi giống như tất cả những người khác. Liệu có thể xảy ra chuyện gì không?”

Yossarian chú ý lắng nghe từng chi tiết một. “Vậy tôi xuất hiện ở đâu?” y băn khoăn hỏi.

“Tôi sẽ không thể làm được chuyện này nếu như không có anh,” Dobbs giải thích. “Tôi cần anh bảo tôi làm tới đi.”

Yossarian thấy thật khó mà tin. “Tất cả những gì anh muốn tôi làm chỉ có thế thôi à? Chỉ cần bảo anh làm tới?”

“Đó là tất cả những gì tôi cần ở anh,” Dobbs trả lời. “Chỉ cần bảo tôi làm tới đi, và rồi tự tôi sẽ bắn vỡ sọ hắn vào ngày kia.” Giọng gã to dần lên vì xúc động và lại vút lên lần nữa. “Tôi cũng muốn bắn vỡ sọ trung tá Korn nữa, nhân tiện vụ này, mặc dù thiếu tá Danby thì tôi lại muốn tha, nếu như anh đồng ý. Sau đó tôi cũng sẽ hạ sát

Appleby và Havermeyer, và sau khi chúng ta khử xong Appleby và Havermeyer thì tôi muốn giết McWatt.”

“McWatt ư?” Yossarian kêu lên, suýt thì nhảy dựng lên trong kinh hoàng. “McWatt là bạn tôi. Anh muốn gì ở McWatt?”

“Tôi cũng không biết nữa,” Dobbs thú nhận với vẻ ngượng ngùng lúng túng. “Tôi chỉ nghĩ là nếu ta giết Appleby và Havermeyer thì hay là giết McWatt luôn một thể. Anh không muốn giết McWatt à?”

Yossarian nêu rõ quan điểm. “Này, tôi có thể có hứng thú với vụ này đấy nếu như anh đừng có hét lên cho cả đảo này nghe nữa và nếu như anh chỉ giết mỗi đại tá Cathcart. Nhưng nếu anh biến vụ này thành trận tắm máu thì anh có thể quên tôi đi.”

“Được rồi, được rồi,” Dobbs tìm cách xoa dịu y. “Chỉ mình đại tá Cathcart thôi. Tôi có nên làm không? Hãy bảo tôi làm tới đi.”

Yossarian lắc đầu. “Tôi không nghĩ rằng tôi có thể nói anh làm tới được.”

Dobbs phát hoảng. “Tôi sẵn sàng thỏa hiệp mà,” gã vật vã cầu xin. “Anh không cần phải bảo tôi làm tới nữa vậy. Chỉ cần nói rằng đó là một ý hay. Được không? Đó có phải là một ý hay không?”

Yossarian vẫn lắc đầu. “Lẽ ra nó đã có thể là một ý hay nếu như anh cứ làm tới và xử xong vụ này mà không nói với tôi. Giờ thì đã quá muộn rồi. Tôi không nghĩ là tôi có thể nói gì với anh. Hãy cho tôi thêm thời gian. Có thể tôi sẽ đổi ý.”

“Vậy thì sẽ quá muộn mất.”

Yossarian vẫn lắc đầu. Dobbs thất vọng. Gã ngồi đó một lúc ra chiều xấu hổ, sau đó đứng vụt dậy và giậm chân bước đi để cố công, thêm một lần nữa, thuyết phục bác sĩ Daneeka cho phép gã ở

lại mặt đất, hông gã va vào giá rửa mặt của Yossarian khi lảo đảo đi vòng qua mà vẫn vấp phải đường dẫn ga cho cái lò sưởi mà Orr đang lắp đặt. Bác sĩ Daneeka kiên cường trước cuộc tấn công bằng miệng ầm ĩ và chân tay khua khoắng của Dobbs bằng một loạt những cái lắc đầu sốt ruột rồi tống gã tới lều quân y để tả triệu chứng bệnh cho Gus và Wes, đến đó gã chỉ vừa mở miệng thì đã bị hai người này bôi đẫm thuốc tím lên lợi. Họ cũng bôi tím ngón chân gã luôn và khi gã mở miệng lần nữa toan kêu ca thì họ nhồi luôn thuốc xổ vào họng gã, thế rồi họ đuổi gã đi.

Dobbs thậm chí còn trong tình trạng thê thảm hơn cả Hungry Joe, kẻ ít nhất còn có thể bay ra trận được khi đêm ngủ không gặp phải ác mộng. Dobbs thảm gần bằng Orr, kẻ dường như lúc nào cũng hạnh phúc như một chú chim chiền chiện nhỏ bé, nhăn nhở với tiếng cười rúc rích loạn trí và khích động cùng hàm răng thỏ mấp mô run rẩy, kẻ từng được điều đi nghỉ cùng chuyến đi Cairo mua trứng của Milo và Yossarian nhưng Milo đã không mua trứng mà mua bông, lại còn cất cánh bay đi Istanbul ngay rạng sáng với một máy bay đầy ặc tới tận ụ súng toàn những con nhện kỳ quái và những quả chuối đỏ xanh. Orr là một trong những gã lập dị quê kệch nhất mà Yossarian từng gặp, đồng thời cũng là một trong những kẻ hấp dẫn nhất. Gã có khuôn mặt phị thô kệch, cùng đôi mắt màu hổ phách ép mãi mới lộ ra được khỏi hốc mắt như hai nửa viên bi đá màu nâu và bộ tóc dày nhiều màu bồng bềnh đổ dốc xuống từ đỉnh đầu như một mái lều bóng sáp thơm. Hầu như lần nào bay lên Orr cũng bị bắn rơi xuống nước hoặc trúng đạn hỏng động cơ, và gã bắt đầu quấy rầy Yossarian như một gã điên sau khi họ cất cánh bay đi Naples và hạ cánh xuống Sicily để kiếm một thằng nhóc ma cô mười tuổi lắm mưu nhiều mẹo, phì phèo xì gà, cùng hai cô chị mười hai

tuổi còn trinh đang đợi họ trong thành phố, ngay trước cửa khách sạn mà ở đó chỉ có phòng cho mỗi Milo. Yossarian dứt khoát lùi lại đứng tách khỏi Orr, chăm chú nhìn với chút lo lắng xen lẫn hoang mang vào đỉnh Etna chứ không phải đỉnh Vesuvius và tự hỏi họ đang làm gì ở Sicily thay vì ở Naples trong khi Orr vẫn khẩn nài y trong rối rít dâm dục, lắp bắp, hinh hích, để được cùng y theo thằng nhóc ma cô mười tuổi lắm mưu nhiều mẹo đi gặp hai cô chị mười hai tuổi còn trinh của nó, những cô nàng không hẳn còn trinh mà cũng không hẳn là chị nó, và thực ra mới chỉ hai mươi tám xuân xanh.

“Cứ đi với anh ta,” Milo ngắn gọn ra lệnh cho Yossarian.

“Hãy nhớ nhiệm vụ của anh.”

“Được rồi,” Yossarian chịu thua với một tiếng thở dài, nhớ lại nhiệm vụ của mình. “Nhưng ít nhất cũng để tôi cố tìm lấy một phòng khách sạn trước đã, để xong việc tôi có thể có một đêm ngủ ngon.”

“Anh sẽ có được một đêm ngủ ngon với các cô gái,” Milo đáp lời vẫn với đầy ẩn ý như cũ. “Hãy nhớ nhiệm vụ của anh.”

Nhưng họ chẳng ngủ được chút nào, bởi vì Yossarian và Orr đã bị nhồi vào chung một giường đôi cùng hai cô gái điếm mười-hai-mà-thực-ra-là-hai-mươi-tám tuổi hóa ra lại béo phì và nhớp nháp, đã thế lại còn liên tục đánh thức họ dậy cả đêm để đòi đổi người tình. Nhận thức của Yossarian nhanh chóng trở nên mờ nhạt tới mức y không để ý tới chiếc khăn turban màu be mà cô gái béo ú ngủ với y cứ đội cho tận đến sáng hôm sau khi thằng nhóc ma cô mười tuổi lắm mưu nhiều mẹo hút xì gà Cuba giật nó ra trước mặt bàn dân thiên hạ trong một cơn bốc đồng man dã và phơi ra dưới ánh ngày Sicily rực rỡ cái sọ trần trụi méo mó kinh khủng của cô. Đám hàng

xóm đầy thù hận đã cạo trụi tóc cô đến tận sát cái xương sọ sáng bóng bởi vì cô đã ngủ với lính Đức. Cô gái kêu ré lên trong cơn oán giận đậm nữ tính và lạch bạch tức cười đuổi theo thằng nhóc ma cô mười tuổi lắm mưu nhiều mẹo, bộ da đầu ghê tởm, trống trải vừa bị xâm phạm của cô trượt lên trượt xuống một cách lố bịch quanh khuôn mặt đen sạm như cái mụn cóc kỳ cục của cô chẳng khác gì một thứ gớm ghiếc được tẩy trắng. Yossarian chưa từng chứng kiến cái gì trần trụi như thế. Thằng nhóc ma cô đang xoáy chiếc khăn turban quanh ngón tay giương cao như một chiến lợi phẩm, giữ khoảng cách vài phân với những đầu ngón tay cô để dẫn cô chạy nguyên một vòng quanh quảng trường chật ních người đang hú hét cười trêu và chỉ tay vào Yossarian đầy vẻ khinh miệt thì Milo sải bước đi tới với vẻ khẩn trương nghiêm trang và cau có mím môi bất bình trước cảnh tượng khó coi, đồi bại và tầm phào đó. Milo khăng khăng đòi ngay lập tức rời đi Malta.

“Bọn tôi đang buồn ngủ lắm,” Orr than vãn.

“Tại các anh chứ tại ai,” Milo khiển trách cả hai người bọn họ, tự thấy mình có đạo đức. “Nếu tối qua bọn anh chịu ngủ trong phòng khách sạn thay vì với đám gái mất nết này thì có phải đều đã cảm thấy thoải mái như tôi ngày hôm nay rồi không.”

“Chính anh đã bảo bọn tôi đi với họ,” Yossarian phản bác. “Mà chúng tôi còn không có phòng khách sạn. Anh là người duy nhất có phòng.”

“Đó cũng không phải là lỗi của tôi,” Milo ngạo mạn giải thích. “Làm sao tôi biết được rằng tất cả khách hàng đều có mặt ở thành phố này để mua đậu gà?”

“Anh biết,” Yossarian cáo buộc. “Điều đó giải thích tại sao chúng ta lại ở Sicily thay vì ở Naples. Có khi thậm chí anh đã nhồi đầy đậu gà vào cái máy bay chết tiệt này rồi.”

“Suỵt!” Milo nghiêm khắc cảnh cáo, liếc nhìn về phía Orr đầy ẩn ý. “Hãy nhớ nhiệm vụ của anh.”

Khoang đựng bom, phần sau và phần đuôi của máy bay, và hầu hết khoang ụ súng phía trên, tất cả đều được chất đầy những giạ đậu gà khi họ đến phi trường để cất cánh đi Malta.

Nhiệm vụ của Yossarian trong chuyến đi này là đánh lạc hướng Orr để gã này không biết Milo mua trứng ở đâu, mặc dù Orr cũng nằm trong xanh đi ca của Milo và, như mọi thành viên khác của xanh đi ca ấy, Orr cũng có phần. Nhiệm vụ của y thật ngớ ngẩn, Yossarian cảm thấy như vậy, bởi vì ai cũng biết Milo mua trứng ở Malta với giá bảy xu một quả và bán lại cho các nhà ăn trong xanh đi ca với giá năm xu một quả.

“Tôi chỉ không tin tưởng anh ta,” Milo ủ ê nói ở trên máy bay, hất hàm ra sau chỉ Orr, gã này đang cuộn tròn như một sợi dây thừng rối trên những giạ thấp đựng đậu gà, vật vã cố gắng ngủ. “Và tôi muốn mua trứng ngay khi anh ta không ở cạnh để biết được bí quyết làm ăn của tôi. Có còn gì anh không hiểu nữa không?”

Yossarian đang ngồi bên cạnh Milo, ngay ghế lái phụ. “Tôi chỉ không hiểu tại sao anh mua trứng với giá bảy xu một quả ở Malta và bán lại với giá năm xu.”

“Tôi làm vậy để có lời.”

“Nhưng làm sao anh kiếm lời được? Anh mất hai xu cho mỗi quả trứng.”

“Nhưng tôi kiếm lời được ba phẩy hai lăm xu mỗi quả bằng việc bán lại chúng với giá bốn phẩy hai lăm xu mỗi quả cho người ở Malta mà tôi đã mua trứng với giá bảy xu một quả. Tất nhiên là tôi không kiếm được lời. Xanh đi ca mới kiếm được lời. Và tất cả mọi người đều có phần.”

Yossarian đã bắt đầu hơi hiểu ra vấn đề. “Và những người mà anh bán trứng cho với giá bốn phẩy hai lăm xu một quả sẽ kiếm lời hai phẩy bảy lăm xu một quả khi bán lại cho anh với giá bảy xu một quả. Có phải như vậy không? Tại sao anh không bán luôn trứng cho anh và dẹp luôn những người kia đi?”

“Bởi vì tôi cũng chính là người bán trứng cho tôi,” Milo giải thích. “Tôi kiếm lời ba phẩy hai lăm xu một quả khi tôi bán trứng cho tôi và lời hai phẩy bảy lăm xu một quả khi tôi mua lại chúng từ tôi. Tổng lợi nhuận sẽ là sáu xu một quả trứng. Tôi chỉ mất hai xu một quả khi tôi bán chúng cho các nhà ăn với giá năm xu một quả, và đó là cách tôi kiếm lời từ việc mua trứng với giá bảy xu một quả và bán chúng với giá năm xu một quả. Tôi chỉ phải trả một xu một quả khi tôi mua từ chỗ những con gà mái ở Sicily.”

“Ở Malta chứ,” Yossarian chữa lại. “Anh mua trứng ở Malta chứ không phải ở Sicily.”

Milo cười như nắc nẻ với đầy vẻ tự hào. “Tôi không mua trứng ở Malta,” gã thú nhận, hơi có vẻ coi thường và thích thú kín đáo, đó là lần chệch hướng duy nhất khỏi kiểu điềm đạm siêng năng mà Yossarian vẫn luôn thấy gã tỏ ra. “Tôi mua chúng ở Sicily với giá một xu một quả và bí mật chuyển chúng tới Malta với giá bốn xu rưỡi một quả để đẩy giá trứng ở đó lên tới mức bảy xu một quả khi mọi người tới Malta mua trứng.”

“Tại sao mọi người lại tới Malta mua trứng khi mà giá ở đó đắt tới vậy?”

“Bởi vì họ luôn làm như thế.”

“Tại sao họ lại không tìm mua trứng ở Sicily?”

“Bởi vì họ chưa bao giờ làm như thế.”

“Giờ thì tôi thực sự không hiểu. Tại sao anh không bán cho các nhà ăn của anh với giá bảy xu một quả mà lại là năm xu một quả?”

“Bởi vì khi đó các nhà ăn của tôi sẽ không cần có tôi nữa. Tất cả mọi người đều có thể mua được loại trứng bảy-xu-một-quả với giá bảy xu một quả.”

“Tại sao họ lại không bỏ qua anh và mua trứng trực tiếp từ anh ở Malta với giá bốn phẩy bảy lăm xu một quả?”

“Bởi vì tôi sẽ không bán cho họ.”

“Tại sao anh lại không bán cho họ?”

“Bởi vì nếu vậy thì sẽ không có nhiều cơ hội để kiếm lời nữa. Ít nhất theo cách này thì tôi sẽ kiếm được một chút cho riêng mình với vai trò trung gian.”

“Vậy thì anh đúng là có kiếm lời cho riêng mình,” Yossarian tuyên bố.

“Tất nhiên là vậy. Nhưng tất cả đều chuyển cho xanh đi ca. Và tất cả mọi người đều có phần. Anh không hiểu à? Chuyện tôi bán cà chua mận cho đại tá Cathcart cũng giống hệt như vậy đó.”

“Mua chứ,” Yossarian chữa lại. “Anh không bán cà chua mận cho đại tá Cathcart và trung tá Korn. Anh mua cà chua từ bọn họ.”

“Không, tôi bán đấy,” Milo chữa lại lời Yossarian. “Tôi phân phối cà chua mận của mình ở các chợ trên khắp Pianosa dưới một tên giả để cho đại tá Cathcart và trung tá Korn có thể dùng tên giả của họ mà mua lại từ tôi với giá bốn xu một quả và hôm sau lại bán lại cho tôi, dưới danh nghĩa xanh đi ca, với giá năm xu một quả. Họ kiếm lời một xu một quả, tôi kiếm lời ba xu rưỡi một quả, và tất cả mọi người đều có lời.”

“Tất cả mọi người ngoại trừ xanh đi ca,” Yossarian hừ mũi nói. “Xanh đi ca trả năm xu cho một quả cà chua mà anh chỉ chi có nửa xu. Làm thế nào mà xanh đi ca có lời được?”

“Xanh đi ca được lời khi tôi được lời,” Milo giải thích, “bởi vì tất cả mọi người đều có phần. Và xanh đi ca được đại tá Cathcart và trung tá Korn ủng hộ nên họ đã cho tôi bay những chuyến như thế này. Anh sẽ thấy kiếm lời được bao nhiêu sau mười lăm phút nữa khi chúng ta hạ cánh xuống Palermo.”

“Malta chứ,” Yossarian chữa lời. “Chúng ta đang bay tới Malta, không phải Palermo.”

“Không, chúng ta đang bay tới Palermo,” Milo trả lời. “Tôi sẽ phải gặp một nhà xuất khẩu rau diếp ở Palermo trong khoảng một phút để bàn về vụ nấm chuyển đến Bern bị mốc hỏng.”

“Milo, làm sao anh có thể làm như vậy được?” Yossarian bật cười hỏi đầy kinh ngạc và thán phục. “Anh đăng ký một lịch trình bay tới một địa điểm và rồi lại bay đến chỗ khác. Mấy người ngồi trong đài kiểm soát không lưu đó không bao giờ nhặng lên phản đối à?”

“Tất cả bọn họ đều thuộc xanh đi ca,” Milo nói. “Và họ hiểu rằng cái gì tốt cho xanh đi ca thì sẽ tốt cho đất nước, bởi vì đó chính là

những gì làm cho nước Mỹ chúng ta vận hành. Những nhân viên kiểm soát không lưu cũng có phần, và đó là lý do tại sao họ luôn phải làm bất cứ điều gì có thể để giúp cho xanh đi ca.”

“Tôi có phần không?”

“Ai cũng có phần.”

“Orr có phần không?”

“Ai cũng có phần.”

“Thế Hungry Joe thì sao? Anh ta cũng có phần chứ?”

“Ai cũng có phần.”

“Chà, quỷ tha ma bắt tôi đi,” Yossarian suy tư, lần đầu tiên y thấy ấn tượng sâu sắc với ý tưởng “có phần”.

Milo quay về phía y, phảng phất ánh lên vẻ ranh mãnh. “Tôi có một kế hoạch chắc chắn thành công để lừa chính phủ liên bang một khoản sáu nghìn đô. Chúng ta có thể kiếm được mỗi người ba nghìn đô mà không gặp rắc rối gì cả. Anh có hứng thú không?”

“Không.”

Milo nhìn Yossarian mà xúc động sâu sắc. “Đó chính là cái tôi thích ở anh,” gã thốt lên. “Anh rất trung thực! Anh là người duy nhất tôi quen mà tôi có thể thật sự tin tưởng. Đó là lý do tôi muốn anh giúp tôi nhiều hơn. Tôi thực sự thất vọng khi anh chuồn mất cùng với hai con điếm ấy ở Catania hôm qua.”

Yossarian trợn mắt kinh ngạc nhìn Milo. “Milo, chính anh bảo tôi đi cùng với họ. Anh không nhớ à?”

“Đó không phải là lỗi của tôi,” Milo trang trọng trả lời. “Một khi đến thành phố thì tôi luôn phải làm sao đó để thoát khỏi Orr. Nhưng ở

Palermo thì sẽ khác nhiều. Khi chúng ta hạ cánh xuống Palermo, tôi muốn anh và Orr rời đi cùng với các cô gái ngay từ sân bay.”

“Với những cô gái nào?”

“Tôi đã điện đàm trước và đã thu xếp công việc với một thằng bé ma cô bốn tuổi để cung cấp cho anh và Orr hai trinh nữ tám tuổi mang một nửa dòng máu Tây Ban Nha. Thằng bé sẽ đợi sẵn ở sân bay trong một chiếc limousine. Xuống máy bay một cái thì anh hãy đi vào trong xe luôn nhé.”

“Dĩ nhiên là không,” Yossarian nói, lắc đầu. “Nếu phải đi thì tôi chỉ có đi ngủ.”

Milo tím mặt vì phẫn nộ, cái mũi dài mỏng quẹt của gã chấp chới co giật giữa cặp lông mày đen và bộ ria màu nâu cam mọc lệch như ngọn lửa nhợt nhạt mong manh của một cây nến đơn độc. “Yossarian, hãy nhớ nhiệm vụ của anh,” gã nhắc nhở nghiêm trang như cha xứ.

“Quỷ tha ma bắt nhiệm vụ ấy của tôi đi,” Yossarian bất cần bật lại. “Và quỷ tha ma bắt luôn cả xanh đi ca ấy đi nữa, mặc dù tôi cũng có phần ở đó. Tôi không cần trinh nữ tám tuổi nào cả, kể cả họ mang một nửa dòng máu Tây Ban Nha.”

“Tôi không trách anh. Nhưng các trinh nữ tám tuổi này thật ra mới chỉ ba mươi hai. Và họ không thực sự mang một nửa dòng máu Tây Ban Nha mà chỉ một phần ba dòng máu Estonia.”

“Tôi không quan tâm tới bất cứ trinh nữ nào.”

“Và họ thậm chí cũng không phải là trinh nữ đâu mà,” Milo tiếp tục nói đầy vẻ thuyết phục. “Người tôi chọn cho anh đã từng có chồng một thời gian ngắn, chồng cô ta là một thầy giáo già chỉ ngủ

với cô ta vào Chủ nhật, do vậy thực ra thì cô ta vẫn gần như còn gin.”

Nhưng Orr cũng buồn ngủ, nên cả Yossarian và Orr vẫn kè kè ở bên Milo khi họ đi xe vào thành phố Palermo từ sân bay và phát hiện ra rằng ở đó cũng không còn phòng cho hai người bọn họ, và, quan trọng hơn nữa, rằng Milo là thị trưởng.

Buổi đón tiếp kỳ cục đáng ngờ dành cho Milo đã bắt đầu từ ngay sân bay, khi dân lao động ở đó nhận ra gã và ngừng tay để cung kính nhìn gã bằng vẻ mặt tràn đầy hồ hởi và bợ đỡ chừng mực. Tin gã đến đã bay vào thành phố từ trước khi gã đến, và ở ngoại ô này đã chen chúc những công dân chào đón khi họ phóng vào thành phố trên chiếc xe tải không mui bạt. Yossarian và Orr rất bối rối, câm lặng đứng dựa sát vào Milo mong được bảo vệ.

Bên trong thành phố, màn chào đón Milo càng trở nên ồn ã hơn khi chiếc xe tải đi chậm lại và tiến sâu vào trong phố. Các cô bé, cậu bé được thả ra từ trường học, đang đứng xếp hàng trên vỉa hè trong những bộ quần áo mới, vẫy những lá cờ nhỏ xíu trong tay. Yossarian và Orr không thốt lên lời. Đường phố chật ních người vui mừng đón chào, trên đầu họ giương cao những áp phích khổng lồ có in hình Milo. Milo trong những bức hình đó mặc một màu nâu xám cổ cao kiểu nhà nông, nét mặt kiểu người cha già tận tâm của gã thật độ lượng, thông thái, sắc sảo và uy mãnh, đăm đắm phóng tầm mắt nhìn xuống quần chúng như đức Chúa trời với bộ ria mọc lệch và đôi mắt lác xệch. Những người tàn phế giấu mình sau cửa sổ gửi tới gã những nụ hôn gió. Những người bán hàng đeo tạp dề ngây ngất hoan hô từ những ngưỡng cửa hẹp dẫn vào cửa hàng. Kèn tuba thổi inh ỏi. Đâu đó có người ngã xuống và bị giẫm đạp đến chết. Các

cụ bà vừa khóc nức nở vừa quyết liệt chen nhau tới quanh chiếc xe tải đang chậm rì di chuyển để chạm vào vai Milo hay siết được tay gã. Milo chịu đựng những nghi thức đón chào hỗn loạn ấy với vẻ lịch thiệp, nhân từ. Gã vẫy tay chào đáp lễ tất cả mọi người một cách tao nhã, hai tay hào phóng vung ra hàng vốc sô cô la Hershey giấy thiếc như mưa rào xuống đám đông hoan hỉ. Các cậu bé, cô bé tràn đầy sức sống xếp thành hàng, khoác tay nhau nhảy theo sau gã, miệng khản cổ hô vang và mắt đờ đẫn tôn thờ, “Mi-lo! Mi-lo! Mi-lo!”

Giờ thì bí mật đã lộ, Milo tỏ ra thư giãn hơn với Yossarian và Orr và căng tràn một vẻ tự hào bẽn lẽn vô bờ. Má gã đỏ ửng sống động. Milo đã được bầu làm thị trưởng của Palermo - và của cả các thành phố lân cận bao gồm Carini, Monreale, Bagheria, Termini Imerese, Cetali, Mistretta và cả Nicosia nữa - bởi vì gã đã đem rượu Scotch tới Sicily.

Yossarian kinh ngạc. “Dân ở đây thích uống Scotch đến vậy sao?”

“Họ không uống một chút Scotch nào cả,” Milo giải thích, “Scotch quá đắt, trong khi dân ở đây lại quá nghèo.”

“Vậy thì tại sao anh lại cho nhập nó vào Sicily trong khi không có ai uống?”

“Để đẩy giá lên. Tôi sẽ chuyển Scotch từ đây sang Malta để kiếm thêm lời khi tôi bán nó lại cho chính tôi dưới danh nghĩa ai đó khác. Tôi đã tạo ra cả một ngành công nghiệp mới ở đây. Ngày nay Sicily là nơi xuất khẩu Scotch lớn thứ ba thế giới, và đó chính là lý do tại sao họ lại bầu tôi làm thị trưởng.”

“Vậy thì kiếm cho chúng tôi một phòng khách sạn đi nếu anh tài đến vậy?” Orr xấc xược lầm bầm, giọng như líu cả lại vì kiệt sức.

Milo đáp lại với vẻ hối lỗi. “Đó chính là việc mà tôi sắp làm đây,” gã hứa hẹn. “Tôi thật lòng xin lỗi vì đã quên gọi điện đặt phòng trước cho hai anh. Hãy đi cùng tôi về văn phòng và tôi sẽ nói ngay với phó thị trưởng về chuyện này.”

Văn phòng của Milo là một cửa hiệu cắt tóc và phó thị trưởng là một thợ cắt tóc béo lùn với cặp môi xun xoe sùi ra những lời đón chào thân mật dạt dào như đám kem bọt mà gã đang đánh lên để chuẩn bị cạo râu cho Milo.

“Này, Vittorio,” Milo nói trong khi lười biếng ngả lưng vào một trong những chiếc ghế cắt tóc của Vittorio, “trong thời gian tôi đi vắng, mọi việc thế nào?”

“Rất buồn, thưa ngài Milo, rất buồn. Nhưng giờ thì ngài đã trở về, tất cả mọi người bèn vui trở lại.”

“Tôi đang thắc mắc về quy mô của đám đông hôm nay. Tại sao tất cả các khách sạn đều hết chỗ vậy?”

“Bởi vì có quá nhiều người từ các thành phố khác đến đây để đón ngài, thưa ngài Milo. Và bởi vì chúng ta đón rất nhiều khách hàng đến tham dự buổi đấu giá atisô.”

Tay Milo vụt vút lên như một con đại bàng túm lấy chổi cạo râu của Vittorio. “Atisô là cái gì?” gã hỏi.

“Atisô ấy mà, ngài Milo? Atisô là một loại cây ngon lành mọc ở khắp nơi. Nếu đã tới đây thì ngài phải dùng thử một ít atisô mới được, thưa ngài Milo. Chúng tôi trồng những cây atisô ngon nhất thế giới.”

“Thật vậy sao?” Milo nói. “Năm nay giá atisô bán là bao nhiêu?”

“Có vẻ năm nay atisô sẽ được giá. Mất mùa mà.”

“Thật vậy à?” Milo suy tư, rồi biến mất, lướt ra khỏi chiếc ghế nhanh tới mức tấm khăn phủ kẻ sọc thường dùng che người khi cắt tóc vẫn giữ nguyên hình hài gã trong một, hai giây rồi mới xẹp hẳn xuống. Khi Yossarian và Orr đuổi theo ra tới cửa thì Milo đã mất hút.

“Người tiếp theo?” phó thị trưởng của Milo trịch thượng quát lên. “Ai tiếp đây?”

Yossarian và Orr thất thểu đi ra khỏi tiệm cắt tóc. Bị Milo bỏ rơi, họ lang thang lê bước qua những đám đông ồn ào đi tìm chỗ ngủ trong tuyệt vọng. Yossarian kiệt sức. Đầu y rần rật đau nhức âm ỉ và kiệt quệ, và y cáu kỉnh với Orr, không hiểu gã này đã kiếm đâu ra hai quả táo dại và vừa đi vừa ngậm chúng trong mồm cho đến khi bị Yossarian phát hiện và bắt nhè ra. Thế rồi Orr lại nhặt được ở đâu đó hai hạt dẻ và lén bỏ vào miệng cho đến khi Yossarian phát hiện ra và quát tháo bắt nhả hai quả táo dại đó ra ngay. Orr nhăn nhở cười và nói rằng đó không phải là quả táo dại mà là hạt dẻ và rằng chúng không ở trong miệng mà đang ở trong tay, nhưng Yossarian không thể hiểu nổi một từ nào gã nói bởi vì gã đang vừa nói vừa ngậm hạt dẻ nên dù sao đi nữa y cũng bắt gã nhả chúng ra cái đã. Một tia ranh mãnh lóe lên trong mắt Orr. Gã dùng khớp đốt ngón tay day mạnh lên trán, như một kẻ say rượu đờ đẫn, đoạn hinh hích cười dâm đãng.

“Anh còn nhớ cô gái đó không…” Gã tạm ngừng để hinh hích cười tiếp. “Anh còn nhớ cô nàng đã phang giày vào đầu tôi trong căn hộ ở Rome đó không, khi cả hai bọn tôi cùng trần như nhộng ấy?” gã hỏi, ranh mãnh chờ một lúc. Gã chờ cho đến khi Yossarian

thận trọng gật đầu. “Nếu anh để tôi cho lại hạt dẻ vào mồm thì tôi sẽ nói với anh tại sao cô ấy lại đánh tôi. Thỏa thuận vậy được không?”

Yossarian gật đầu, và Orr đã kể cho y toàn bộ câu chuyện dị thường về việc tại sao cô nàng khỏa thân trong căn hộ của cô điếm của Nately lại phang giày lên đầu gã, nhưng Yossarian không thể hiểu nổi một từ nào bởi vì gã đã lại nhét những hạt dẻ đó vào miệng. Yossarian cười rống lên tức tối vì bị lừa, nhưng rốt cuộc thì khi màn đêm buông xuống họ cũng chẳng còn gì khác để làm ngoài việc ăn một bữa tối chán ngắt trong một quán ăn bẩn thỉu và vẫy xe đi nhờ trở lại sân bay, ở đó họ ngủ trên sàn kim loại lạnh ngắt của máy bay, trằn trọc trở mình rên rỉ cho đến khi, chưa đầy hai tiếng sau, đám tài xế xe tải bóp còi inh ỏi tới cùng những thùng atisô, đuổi cả hai xuống đất để chất hàng lên máy bay. Một cơn mưa nặng hạt đổ xuống. Khi những chiếc xe tải rời đi thì Yossarian và Orr đã ướt như chuột lột và chẳng còn cách nào khác là lại cố nhét mình vào trong máy bay và co người lại như hai con cá com run rẩy giữa những góc thùng atisô xóc nẩy khi Milo cất cánh bay tới Naples lúc bình minh để đổi lấy những miếng vỏ quế, đinh hương, quả va ni và quả hồ tiêu để rồi sau đó cùng ngày lại phi vội xuống phía Nam tới Malta, ở đó hóa ra gã chính là trợ lý toàn quyền. Ở Malta cũng không có phòng cho Yossarian và Orr. Milo là Ngài Thiếu tá Milo Minderbinder ở Malta và có một văn phòng khổng lồ ngay trong tòa nhà của vị toàn quyền. Gã có một bàn làm việc bằng gỗ gụ to bự. Trên một khoảng tường gỗ sồi, giữa hai lá cờ Anh quốc chéo nhau, treo một bức ảnh hoành tráng thu hút mọi ánh nhìn của chính Ngài Thiếu tá Milo Minderbinder trong bộ lễ phục của Trung đoàn Bộ binh Hoàng gia xứ Wales. Bộ ria của gã trong bức ảnh này được tỉa gọn và mỏng, cằm chẻ, cặp mắt sắc sảo như gai nhọn. Milo đã được phong tước Hiệp

sĩ, nhậm chức thiếu tá trong Trung đoàn Bộ binh Hoàng gia xứ Wales và được phong làm trợ lý toàn quyền xứ Malta bởi vì gã đã mang ngành buôn trứng tới đây. Gã hào phóng cho phép Yossarian và Orr được ngủ qua đêm trên lớp thảm dày trải trong văn phòng gã, nhưng chỉ một lúc sau gã đã điều một lính gác trong quân phục chiến đấu tới và cầm lưỡi lê gí lưng đuổi họ ra khỏi tòa nhà, họ đành trở lại sân bay trong tình trạng kiệt quệ trên một chiếc taxi với tay tài xế gắt gỏng, đã thế còn tính cước cắt cổ, rồi lại chui vào trong máy bay toan ngủ, lúc này máy bay đã đầy ặc những bao đay thủng đựng hạt ca cao và cà phê mới xay đang rỉ ra một thứ mùi nồng tới mức cả hai phải phi ra ngoài tựa vào bộ phận hạ cánh mà nôn mửa sặc sụa, thế rồi Milo xuất hiện vào sáng hôm sau, được tài xế riêng đưa tới, trông khỏe như vâm, và lập tức lái máy bay đi Oran, ở đó lại không có phòng cho Yossarian và Orr, còn Milo thì là phó vương. Milo có cả một khu nhà rộng rãi xa hoa nằm trong một cung điện màu hồng cá hồi, nhưng Yossarian và Orr không được phép đi cùng vào bên trong bởi vì họ là những kẻ tà đạo. Họ bị đám cảnh vệ người Berber khổng lồ tay cầm mã tấu chặn lại tại cửa rồi đuổi đi. Orr khụt khịt và hắt xì vì nhiễm phải một cơn cảm lạnh khốn khổ. Tấm lưng to bản của Yossarian thì đang bị dúi còng xuống và trở nên đau nhức. Y đã định bẻ cổ Milo, nhưng Milo là phó vương của Oran, và thân thể gã là bất khả xâm phạm. Và hóa ra Milo không những là phó vương của Oran mà còn là quốc vương của Baghdad, lãnh tụ Hồi giáo của Damascus, và là tộc trưởng của Araby. Milo là thần ngũ cốc, thần mưa và thần lúa ở những vùng sâu vùng xa nơi mấy vị thần kiểu này vẫn được những người dân dốt nát và mê tín thờ phụng, và sâu trong những khu rừng rậm châu Phi thì gã lại làm thân bằng việc trở nên khiêm tốn, có thể tìm thấy hình khuôn mặt để

ria của gã được chạm khắc bự chảng cao bên trên những bệ thờ đá nguyên sơ vấy máu người. Bất cứ nơi nào họ đến, gã đều được tôn vinh, hết những lần tung hô chiến thắng này đến những lần khác, từ thành phố này đến thành phố khác, cho đến khi họ quay lại qua Trung Đông một lần nữa, hạ cánh xuống Cairo, nơi Milo đầu cơ mua sạch số bông mà ngoài gã ra không còn ai khác trên đời này muốn mua nữa và việc này đã lập tức khiến gã suýt thì phá sản. Ở Cairo cuối cùng cũng đã có phòng khách sạn cho Yossarian và Orr. Có những chiếc giường êm với những chiếc gối bông mềm và những chiếc chăn sạch, khô ráo. Có những ngăn tủ kèm mắc áo để treo quần áo của họ. Có nước để rửa ráy. Yossarian và Orr ngâm tấm thân hôi hám thô thiển ngập trong bồn tắm nước nóng đến trắng hồng rồi sau đó đi cùng Milo ra ngoài khách sạn để ăn món cocktail tôm và phi lê thăn bò trong một nhà hàng rất sang trọng có cả máy in báo giá cổ phiếu ở ngoài sảnh, Milo còn đang hỏi tay tiếp viên trưởng nhà hàng xem đó là máy gì thì tình cờ nó lại tin tít in ra báo giá mới nhất của bông Ai Cập. Milo chưa từng hình dung ra được lại có một chiếc máy nào đẹp đẽ như chiếc máy in báo giá hàng hóa đó.

“Thật vậy sao?” gã thốt lên khi tiếp viên trưởng giải thích xong. “Thế bông Ai Cập bán với giá bao nhiêu?” Tay tiếp viên trưởng cho gã biết, và Milo bèn mua cả vụ bông.

Nhưng với Yossarian thì bông Ai Cập mà Milo mua vẫn không đáng sợ bằng những nải chuối đỏ còn xanh mà Milo đã phát hiện ra ở khu chợ địa phương trên đường lái xe vào thành phố, và nỗi lo sợ của y đã được chứng minh là có lý khi Milo lay y dậy giữa giấc ngủ sâu vừa sau mười hai giờ và ấn quả chuối đã bóc một nửa về phía y. Yossarian cố nén một tiếng khóc nấc.

“Nếm thử đi này,” Milo giục, cương quyết gí quả chuối vào sát bộ mặt nhăn nhó đang cố lảng tránh của Yossarian.

“Milo, anh là đồ chó đẻ,” Yossarian rên lên, “Tôi cần được ngủ một giấc.”

“Ăn và nói với tôi xem có ngon không đi đã,” Milo kiên nhẫn thuyết phục. “Đừng nói với Orr là tôi đưa nó cho anh. Tôi sẽ đòi anh ta hai đồng bạc một quả.”

Yossarian thúc thủ mà ăn quả chuối và nhắm mắt lại sau khi bảo với Milo rằng nó rất ngon, nhưng Milo lại lay y dậy và đòi y mặc quần áo vào càng nhanh càng tốt, bởi vì họ sẽ rời đi Pianosa ngay lập tức.

“Anh và Orr sẽ phải chuyển chuối lên máy bay ngay bây giờ,” gã giải thích. “Người kia dặn hãy cẩn thận lũ nhện trong lúc các anh vận chuyển các nải chuối.”

“Milo, chúng ta không thể đợi tới sáng được hay sao?” Yossarian nài nỉ. “Tôi cần phải ngủ một chút.”

“Chúng chín rất nhanh,” Milo trả lời, “và chúng ta không được phép để lỡ một phút nào cả. Hãy nghĩ xem mọi người ở phi đoàn sẽ vui như thế nào khi họ được ăn những quả chuối này.”

Nhưng những người ở phi đoàn chẳng bao giờ được nhìn thấy một quả chuối nào cả, bởi vì ở Istanbul bán chuối đang rất có lời, và ở Beirut đang có thể mua được hạt carum giá rẻ, sau khi bán chuối Milo mua hạt carum rồi phi vội đến Bengasi bán, và khi họ hùng hục quay lại Pianosa thì kỳ nghỉ sáu ngày của Orr đã đến hồi kết thúc, chiếc máy bay khi đó đã chứa đầy những quả trứng trắng tốt nhất từ Sicily mà Milo nói là từ Ai Cập và bán chúng cho các nhà ăn của gã

với giá chỉ có bốn xu một quả khiến cho tất cả các sĩ quan chỉ huy trong xanh đi ca phải cầu khẩn gã quay ngay về Cairo để mua thêm những nải chuối đỏ còn xanh để bán ở Thổ Nhĩ Kỳ rồi mua hạt carum đi Bengasi bán vì ở đó đang có nhu cầu cao. Và tất cả mọi người đều có phần.

23 LÃO GIÀ CỦA NATELY

Người duy nhất ở phi đoàn đã thực sự nhìn thấy một quả chuối đỏ của Milo là Aarfy, kẻ đã lấy được hai quả từ người anh em kết nghĩa giàu ảnh hưởng bên hậu cần khi những quả chuối bắt đầu chín và bắt đầu tuồn vào Ý qua các kênh thị trường chợ đen thông thường; gã cũng là kẻ đã ở cùng với Yossarian trong căn hộ dành cho sĩ quan vào buổi tối mà Nately cuối cùng đã tìm lại được cô điếm của cậu ta sau hàng tuần khổ đau tìm kiếm trong vô vọng và đã dụ được cô ta quay lại căn hộ này cùng với hai cô bạn nữa bằng lời hứa cho mỗi cô ba mươi đô.

"Mỗi người ba mươi đô ấy à?" Aarfy từ tốn đánh giá, hết chọc lại vỗ vào từng cô một trong số ba cô gái lực lưỡng này với vẻ sành sỏi bất bình. "Ba mươi đô là quá đắt cho những thứ như thế này. Ngoài ra, cả đời tôi chưa bao giờ phải trả tiền chơi gái."

"Tôi đâu có bắt anh phải trả tiền," Nately nhanh chóng cam kết. "Tôi sẽ trả hết. Tôi chỉ muốn bọn anh hãy đưa hai cô kia đi. Các anh không giúp tôi được sao?"

Aarfy nhếch mép cười tự mãn và lắc cái đầu tròn ủm. "Không ai cần phải trả tiền cho Aarfy quá hay quá tốt này cả. Tôi có thể có mọi

thứ mình muốn vào bất cứ lúc nào tôi muốn. Chỉ có điều bây giờ tôi không có hứng."

"Sao cậu không trả tiền cho cả ba cô và bảo hai cô kia đi?" Yossarian gợi ý.

"Bởi vì nếu vậy thì cô của tôi sẽ giận vì đã bắt cô ấy làm việc vì tiền," Nately đáp cùng ánh nhìn lấm lét về phía cô gái, cô này đang trừng mắt nhìn cậu ta và đã bắt đầu càu nhàu. "Cô ấy nói rằng nếu tôi thực sự thích cô ấy thì tôi cần phải cho cô ấy đi và lên giường với một trong hai cô còn lại."

"Tôi có cách khác hay hơn," Aarfy khoác lác. "Sao ta không giữ cả ba người bọn họ ở đây quá giờ giới nghiêm rồi dọa đuổi họ ra đường cho cảnh sát bắt nếu không chịu đưa hết tiền cho ta? Thậm chí ta còn có thể dọa xô họ ra ngoài cửa sổ."

"Aarfy!" Nately kinh hãi thét lên.

"Tôi chỉ đang cố giúp cậu thôi," Aarfy nói với vẻ ngây thơ vô tội. Aarfy luôn cố giúp Nately bởi vì cha của Nately rất giàu, nổi tiếng và ở vào một vị trí tuyệt diệu để có thể giúp Aarfy sau khi chiến tranh kết thúc. "Giời ạ," gã cáu kỉnh chống chế. "Hồi còn đi học chúng ta chẳng làm trò đó suốt còn gì. Tôi nhớ một lần bọn tôi còn lừa hai nữ sinh cấp ba ngốc nghếch ngoài trường vào ký túc xá của hội nam sinh và bắt tụi nó phải ngủ với bất cứ đứa nào muốn bằng cách dọa sẽ gọi cho bố mẹ chúng và nói rằng bọn chúng đang ngủ với cả lũ bọn tôi. Bọn tôi đã giam chân chúng trên giường suốt hơn mười giờ liền. Bọn tôi thậm chí còn tát vào mặt tụi nó mấy cái khi tụi nó bắt đầu kêu ca. Sau đó bọn tôi lấy hết tiền lẻ và kẹo cao su của tụi nó rồi ném tụi nó ra ngoài. Trời ơi, bọn tôi đã từng rất vui thú trong ký túc xá nam đó," gã mơ màng nhớ lại, đôi má bầu bĩnh bừng lên hơi ấm

hân hoan hồng hào của ký ức đầy tiếc nhớ. “Chúng ta đã từng tẩy chay tất cả mọi người, thậm chí là tẩy chay lẫn nhau.”

Nhưng Aarfy không thể giúp được gì cho Nately lúc này bởi vì cô gái mà Nately phải lòng say đắm đã bắt đầu sưng sỉa chửi mắng cậu ta với độ phẫn uất và đe dọa mỗi lúc một leo thang. May mắn thay, Hungry Joe đã ập vào đúng lúc, và tất cả mọi thứ ổn định lại, ngoại trừ việc Dunbar ngật ngưỡng say rượu đi về một phút sau đó và ôm ngay lấy một trong hai cô gái đang cười rúc rích. Giờ thì có bốn người đàn ông và ba cô gái, và bảy người bọn họ bỏ Aarfy ở lại căn hộ để leo lên một chiếc xe ngựa cho thuê, nhưng chiếc xe cứ chết gí mãi bên lề đường trong lúc các cô gái đòi họ trả tiền trước. Bằng một cử chỉ hoa mỹ ga lăng, Nately đưa cho bọn họ chín mươi đô, sau khi vay Yossarian hai mươi đô, vay Dunbar ba mươi lăm và vay Hungry Joe mười bảy. Sau đó các cô gái mới trở nên thân thiện hơn và nói địa chỉ cho tay xà ích để tay này lọc cọc chở họ đi xuyên qua nửa thành phố tới một khu mà họ chưa từng đến, rồi dừng xe trước một tòa nhà cao, cũ kỹ trên một con phố tối tăm. Các cô gái dẫn họ lên bốn lượt cầu thang gỗ ọp ẹp rất dốc và dài, và dắt họ qua ngưỡng cửa vào căn hộ tuyệt vời và lộng lẫy của họ, nơi đang bừng nở thần kỳ với một dòng chảy bất tận và bung lụa những gái trẻ trần truồng mềm mại và có cả một lão già xấu xí và trụy lạc cứ liên tục chọc tức Nately bằng tiếng cười chua cay và một bà già làu nhàu và đứng đắn mặc áo len xám tro luôn phản đối tất cả những gì đồi bại đang xảy ra ở đó và luôn cố hết sức để thu dọn mọi thứ.

Địa điểm kỳ diệu này là miền đất phì nhiêu, sôi động bất tận của núm vú và rốn đàn bà. Ban đầu chỉ có ba cô gái của bọn họ trong căn phòng khách nâu xỉn sáng lờ mờ nằm ở giao điểm của ba hành lang âm u dẫn về ba hướng khác nhau đến những góc xa khuất của

nhà chứa kỳ lạ và tuyệt diệu này. Các cô gái trút bỏ xiêm y ngay lập tức, thỉnh thoảng ngừng lại một chút để kiêu hãnh trỏ vào những bộ đồ lót lòe loẹt và liên tục bỡn cợt với lão già hom hem phóng đãng tóc bạc trắng dài xác xơ mặc áo sơ mi trắng nhếch nhác mở phanh, kẻ cứ ngồi trên ghế bành xanh mốc ở gần chính giữa phòng mà dâm dật cười khùng khục chào đón Nately cùng bè lũ với sự trịnh trọng vừa vui vẻ vừa mỉa mai. Sau đó bà già khó nhọc lê bước ra để kiếm một cô cho Hungry Joe, cái đầu hay soi mói rũ xuống buồn bã, và trở lại với hai người đẹp ngực khủng, một đã cởi sạch còn cô kia chỉ đang mặc chiếc quần lót trong suốt màu hồng mà trong lúc ngồi xuống cô cũng đã xoay xở cởi nốt ra. Thêm ba cô gái khỏa thân thong thả đi vào từ một hướng khác và ngồi lại tán gẫu, sau đó lại thêm hai cô nữa. Thêm bốn cô gái đi vào phòng tụ lại thành một nhóm lười biếng, mê mải buôn chuyện; ba trong số đó đi chân trần và cô còn lại đang loạng choạng chênh vênh trên một đôi giày nhảy màu bạc không cài quai mà dường như không phải là của cô. Thêm một cô nữa chỉ mặc quần lót xuất hiện và ngồi xuống, nâng tổng số người ở đó lên tới mười một chỉ trong vòng vài phút, tất cả, ngoại trừ cô mặc quần lót, đều không mảnh vải che thân.

Da thịt ườn ra khắp nơi, hầu hết đều nần nẫn, Hungry Joe đến chết mất thôi. Gã bất động đứng đó, cứng đờ trong kinh ngạc khi các cô gái ùa vào và tự nhiên như ruồi. Đoạn gã ré lên một tiếng chói tai và lao đầu phóng về phía cửa phi thẳng về căn hộ dành cho lính để lấy máy ảnh, chỉ bị khựng lại giữa đường bởi một tiếng thét điên cuồng khác từ linh tính kinh khủng lạnh người rằng toàn bộ thiên đường ngoại giáo đáng yêu, khủng khiếp, trù phú và rực rỡ này sẽ vuột khỏi gã vô phương cứu vãn nếu gã để cho nó ra khỏi tầm mắt, dù chỉ trong một sát na. Gã dừng lại ngay trên ngưỡng cửa

và thở phì phò, mạch máu và gân nổi chằng chịt trên mặt và cổ gã, rần rật mãnh liệt. Lão già quan sát gã với niềm vui của kẻ chiến thắng, ngồi trên chiếc ghế bành màu xanh mốc như một vị thần độc địa mê khoái lạc ngự trên ngai, một chiếc chăn chôm được của quân đội Mỹ quấn quanh cặp giò khẳng khiu để xua đi giá lạnh. Lão cười lặng lẽ, cặp mắt sáng quắc trũng sâu ánh lên niềm thích thú dâm đãng pha giễu cợt. Lão đang nốc rượu. Nately ngay lập tức tỏ đầy vẻ thù hằn phẫn nộ với lão già xấu xa, tha hóa và không yêu nước này, kẻ đủ già để khiến cậu nhớ tới cha mình và kẻ cứ nghĩ ra những câu nói đùa bêu riếu nước Mỹ.

"Nước Mỹ," lão nói, "sẽ thua trong cuộc chiến này. Và nước Ý sẽ chiến thắng."

"Mỹ là nước mạnh nhất và giàu nhất trái đất," Nately cho lão hay với nhiệt huyết và phẩm cách cao quý. "Và lính chiến Mỹ không thua kém bất cứ ai."

"Chính xác," lão già thoải mái đồng tình, với vẻ hài hước châm chọc. "Nước Ý, trái lại, là một trong những nước kém giàu nhất quả đất. Còn lính chiến Ý thì chắc là thua kém tất cả. Và đó cũng chính là lý do tại sao đất nước của tôi lại thành công đến vậy trong cuộc chiến này trong khi nước của anh lại kém cỏi đến thế."

Nately sửng sốt phá lên cười hô hố, sau đó mới đỏ mặt hối lỗi vì đã mất lịch sự. "Tôi xin lỗi vì đã cười nhạo ông," cậu chân thành nói, và tiếp tục tranh luận bằng giọng trọng thị chiếu cố. "Nhưng Ý đã bị người Đức chiếm đóng và giờ thì bị chúng tôi chiếm đóng. Ông không cho rằng như thế là rất thành công sao?"

"Dĩ nhiên là tôi nghĩ vậy rồi," lão già vui vẻ thốt lên. "Người Đức đang bị đuổi đi, còn chúng tôi vẫn đang ở đây. Vài năm nữa, các anh

cũng sẽ đi thôi, còn chúng tôi vẫn sẽ ở đây. Anh thấy đấy, Ý thực sự là một nước rất nghèo và yếu, nhưng điều đó lại khiến cho chúng tôi rất mạnh. Lính Ý không còn chết trận nữa. Còn lính Mỹ và lính Đức vẫn đang chết. Tôi gọi đó là cực kỳ thành công đấy. Phải đấy, tôi khá chắc rằng nước Ý trụ lại được sau cuộc chiến này và còn tồn tại rất lâu sau khi đất nước của anh bị hủy diệt cơ."

Nately gần như không tin nổi tai mình nữa. Cậu chưa từng được nghe điều gì báng bổ khủng khiếp đến vậy, và cậu tự hỏi với logic bản năng rằng tại sao cớm vẫn chưa tới túm cổ lão già phản động này lại. "Nước Mỹ sẽ không bị hủy diệt!" cậu nồng nhiệt hét lên.

"Không bao giờ chứ?" lão già nhẹ nhàng khiêu khích.

"À vâng…" Nately yếu ớt đáp.

Lão già bật cười bao dung, kìm nén một niềm vui sâu sắc hơn, mãnh liệt hơn. Lão nhẹ nhàng trêu tức. "La Mã đã bị hủy diệt, Hy Lạp đã bị hủy diệt, Ba Tư đã bị hủy diệt, Tây Ban Nha đã bị hủy diệt. Tất cả các quốc gia vĩ đại đều đã bị hủy diệt. Tại sao nước anh lại không? Anh nghĩ liệu đất nước mình sẽ tồn tại được bao lâu nữa? Mãi mãi sao? Hãy nhớ rằng số phận của chính trái đất này cũng là sẽ bị mặt trời hủy diệt sau khoảng hai mươi lăm triệu năm nữa."

Nately vặn vẹo người lúng túng. "À thì, mãi mãi có nghĩa là rất lâu, tôi nghĩ vậy."

"Một triệu năm hả?" lão già tiếp tục nhạo báng với cảm giác thích thú mãnh liệt và ác độc. "Hay là nửa triệu? Loài ếch đã có từ gần năm trăm triệu năm trước. Liệu anh có thể chắc chắn mà nói rằng nước Mỹ, với tất cả sức mạnh và sự giàu có của nó, với những người lính không hề thua kém ai, với tiêu chuẩn sống cao nhất thế giới, sẽ tồn tại lâu được như… loài ếch?"

Nately muốn đập nát bộ mặt đểu cáng đó. Cậu nhìn quanh tìm kiếm sự giúp đỡ để bảo vệ tương lai đất nước cậu khỏi những lời vu khống độc địa của kẻ tấn công quỷ quyệt và tội lỗi kia. Cậu đã phải thất vọng. Yossarian và Dunbar đang bận rộn trong một góc xa hoan lạc quờ quạng bốn hay năm cô gái tinh nghịch cùng sáu chai rượu vang, còn Hungry Joe thì từ đời nào đã lang thang xuống tận cuối một trong những hành lang thần bí, như một tên bạo chúa khát máu gã dang đôi tay khẳng khiu ra hết cỡ quơ lấy nhiều gái điếm trẻ trung mông to nhất có thể rồi nhồi họ cả vào một chiếc giường đôi.

Nately cảm thấy như đang trải qua một thất bại nhục nhã. Cô gái của cậu đang nằm ườn ra khiếm nhã trên một chiếc sofa bị nhồi bông chặt cứng với vẻ chán nản biếng nhác. Nately cảm thấy mất tự tin trước sự thờ ơ lãnh đạm của cô đối với cậu, trước dáng vẻ buồn ngủ và ì trệ của cô mà cậu vẫn còn nhớ rất rõ, rất ngọt ngào và đau khổ từ lần đầu tiên cô gặp cậu và lờ cậu đi trong trò blackjack ăn tiền rất đông người chơi trong phòng khách của căn hộ dành cho binh lính. Khuôn miệng uể oải của cô trễ nải mở thành hình chữ o tròn trịa, và có Chúa mới biết cặp mắt lờ đờ và bảng lảng của cô đang nhìn vào đâu mà lại lãnh đạm tàn nhẫn đến vậy. Lão già im lặng chờ đợi, quan sát cậu với một nụ cười như đã hiểu hết mọi chuyện, vừa khinh miệt vừa cảm thông. Một cô gái mềm mại, tóc vàng, uốn éo với đôi chân dễ thương và làn da bánh mật đang thoải mái nằm dài dựa lưng lên thành ghế mà lão già đang ngồi và bắt đầu uể oải và khêu gợi mơn trớn khuôn mặt góc cạnh, nhợt nhạt và dâm đãng của lão. Nately muốn nghẹt thở vì giận dữ và thù địch khi chứng kiến một sự phóng đãng đến vậy ở một người đã già như thế. Cậu quay mặt đi, tim chùng xuống và tự hỏi sao mình không thể chỉ đơn giản là chọn lấy cô gái của mình rồi lên giường.

Lão già dơ dáy, tham lam và hiểm ác này khiến Nately nhớ tới người cha của mình bởi vì hai người bọn họ chẳng giống nhau chút nào cả. Cha của Nately là một quý ông phong nhã tóc trắng có lối ăn vận không chê vào đâu được; còn lão già này chỉ là một kẻ vô công rồi nghề cộc cằn thô lỗ. Cha của Nately là một con người đúng mực, điềm đạm và đầy trách nhiệm; còn lão già này lại phóng túng và thay đổi như chong chóng. Cha của Nately kín đáo và cư xử có văn hóa; còn lão già này là một gã quê mùa cục mịch. Cha của Nately tin vào danh dự và có câu trả lời cho mọi thứ; còn lão già này không tin vào điều gì cả và chỉ có toàn câu hỏi mà thôi. Cha của Nately có bộ ria trắng rất đẹp; còn lão già này không có lấy một cọng ria. Cha của Nately - và cha của tất cả những người khác mà Nately từng gặp, đều có phẩm hạnh, thông thái và đáng kính; còn lão già này thì đáng ghê tởm toàn tập, và thế là Nately tiếp tục gieo mình trở lại cuộc tranh luận với lão, quyết tâm bác bỏ cả thứ logic lẫn những ám chỉ rẻ tiền của lão với một vẻ quyết liệt đầy tham vọng hòng thu hút được chú ý và mãi mãi giành được sự ngưỡng mộ của cô gái buồn chán phớt đời mà cậu đã đem lòng yêu say đắm.

“Chặc, thực lòng mà nói thì tôi cũng không biết nước Mỹ sẽ tồn tại được bao lâu nữa,” cậu anh dũng nói tiếp. “Tôi cũng đồ là chúng tôi không thể tồn tại được mãi mãi nếu như ngay cả thế giới này cũng sẽ bị hủy diệt vào một ngày nào đó. Nhưng tôi biết chắc rằng chúng tôi sẽ tồn tại và chiến thắng rất lâu nữa.”

“Là bao lâu nữa?” lão già báng bổ móc mỉa, mắt ánh lên một tia hân hoan hiểm ác. “Thậm chí còn không lâu bằng loài ếch phỏng?”

“Lâu hơn rất nhiều cả ông và tôi,” Nately vụng về buột ra.

“Ồ, thế thôi hả?! Như thế thì cũng chẳng bao lâu nữa đâu, xét đến cái tình hình anh thì đã quá khờ lại còn dũng cảm, còn tôi thì đã là một lão già, quá già.”

“Ông bao nhiêu tuổi rồi?” Nately hỏi, dù không muốn cậu vẫn thấy tò mò và bị lôi cuốn trước lão già.

“Một trăm lẻ bảy.” Lão già vui vẻ cười khùng khục trước vẻ thất vọng của Nately. “Tôi biết là anh cũng không tin vào điều này.”

“Tôi không tin bất cứ điều gì ông nói,” Nately đáp, với một nụ cười cầu tài bẽn lẽn. “Điều duy nhất tôi thật lòng tin là nước Mỹ sẽ thắng cuộc chiến này.”

“Anh đặt cược quá nhiều vào việc *giành chiến thắng* trong chiến tranh đấy,” lão già tội lỗi bẩn thỉu lại móc mỉa. “Bí quyết đích thực nằm ở việc thua trận kìa, ở việc biết được cuộc chiến nào thì có thể để thua. Ý đã thua rất nhiều cuộc chiến trong bao nhiêu thế kỷ qua, nhưng hãy xem chúng tôi đang thể hiện tuyệt vời đến mức nào. Pháp thắng trận nhưng liên tục ở trong tình trạng khủng hoảng. Đức thua trận và trở nên phồn vinh. Hãy nhìn vào lịch sử của chúng tôi thời gian gần đây. Ý thắng một cuộc chiến ở Ethiopia và ngay lập tức vấp phải khó khăn nghiêm trọng. Chiến thắng đã đem lại cho chúng tôi những ảo tưởng điên rồ về quyền lực đến mức chúng tôi đã góp phần gây ra một cuộc thế chiến mà không hề có cơ hội nào để thắng. Nhưng giờ thì chúng tôi đã lại thua, và mọi thứ đang bắt đầu chuyển hướng tốt đẹp hơn, và chắc chắn chúng tôi sẽ lại lên tới đỉnh cao nếu như chúng tôi thành công trong việc bị đánh bại.”

Nately há hốc miệng nhìn lão với vẻ ngớ ngẩn không che giấu. “Giờ thì tôi thực sự không hiểu ông nói gì nữa rồi. Ông nói như một kẻ điên.”

“Nhưng tôi sống như một người tỉnh táo. Tôi từng là phát xít khi Mussolini nắm quyền, và giờ khi ông ta bị lật đổ thì tôi lại chống phát xít. Tôi từng là một người ủng hộ Đức nhiệt thành khi người Đức tới đây để bảo vệ chúng tôi trước quân Mỹ, và giờ khi người Mỹ ở đây để bảo vệ chúng tôi trước quân Đức thì tôi lại ủng hộ Mỹ nhiệt liệt. Tôi có thể đảm bảo với anh, anh bạn trẻ đang choáng váng ạ” - cặp mắt đầy hiểu biết và khinh thị của lão càng rực lên sôi nổi trong khi Nately càng lúc càng mất tinh thần đến không thốt nên lời - “rằng anh và đất nước của anh sẽ không kiếm được ai trung thành với các anh hơn tôi ở trên đất Ý này - nhưng chỉ là khi các anh *vẫn còn* ở trên đất Ý thôi.”

“Nhưng,” Nately thét lên trong hoài nghi, “ông là một kẻ gió chiều nào xoay chiều đấy! Một kẻ xu thời! Một kẻ cơ hội đáng xấu hổ và vô liêm sỉ!”

“Tôi đã một trăm lẻ bảy tuổi,” lão già ngọt ngào nhắc lại cho cậu nhớ.

“Ông không có nguyên tắc sống nào sao?”

“Tất nhiên là không rồi.”

“Không có đạo đức?”

“Ồ, tôi là một người sống rất có đạo đức,” lão già đểu giả quả quyết với vẻ nghiêm túc đầy trào phúng, vuốt ve bờ mông trần của một cô gái tóc đen đẫy đà má lúm xinh đẹp đang nằm dài đầy khêu gợi, tựa lên tay ghế bên kia của lão. Lão nhìn Nately vừa nhăn nhở cười giễu cợt vừa ngồi xuống giữa hai cô gái trần truồng đầy vẻ tự mãn và đường bệ xác xơ, mỗi cánh tay đặt lên người một cô như quốc chủ.

“Không thể nào tin nổi,” Nately hằn học nhận xét, ngoan cố tránh nhìn cảnh tượng đang diễn ra giữa lão già với các cô gái. “Tôi tuyệt đối không thể tin nổi.”

“Nhưng chuyện đó hoàn toàn thật đấy. Khi quân Đức tiến vào thành phố, tôi nhảy trên phố như một vũ nữ ba lê và hét to, ‘*Heil* Hitler!’ đến khàn cả cổ. Tôi thậm chí còn vẫy trên tay lá cờ phát xít nhỏ giật được từ tay một bé gái xinh đẹp khi mẹ nó mải nhìn về phía khác. Khi quân Đức rút khỏi thành phố, tôi lại chạy vội ra đón chào quân Mỹ với một chai brandy tuyệt hảo và một giỏ hoa. Chai rượu là để dành cho tôi, tất nhiên rồi, còn hoa thì dùng để rắc lên đón chào những người lính giải phóng. Có một lão thiếu tá già cứ đứng thẳng đơ và nghiêm nghị trên chiếc xe đầu tiên, tôi đã phi thẳng một bông hồng đỏ vào mắt lão. Một cú tuyệt vời! Giá mà anh thấy được lão đã nhăn nhó ra sao.”

Nately thở dốc và bật dậy kinh ngạc, máu như rút sạch khỏi má. “Thiếu tá …de Coverley!” cậu hét lên.

“Anh biết lão ta à?” lão già hớn hở chất vấn. “Quả là một sự trùng hợp duyên dáng!”

Nately quá sửng sốt đến nỗi thậm chí còn chẳng nghe được lão nói gì. “Vậy ra ông chính là kẻ đã làm thiếu tá …de Coverley bị thương!” cậu thét lên trong phẫn nộ kinh hoàng. “Sao ông có thể làm một việc như thế?”

Lão già xảo quyệt không hề nao núng. “Anh phải nói là làm sao tôi có thể cưỡng được mới đúng chứ. Anh phải trông thấy lão già chán ngắt tự mãn ấy kìa, ngồi đó lạnh te như một đấng toàn năng chính hiệu, đầu thì to bự, rắn đanh, mặt thì trang nghiêm, ngớ ngẩn. Quả là một mục tiêu hấp dẫn! Tôi đã phi một bông hồng Vẻ Đẹp Mỹ

trúng mắt lão. Tôi nghĩ như vậy là phù hợp nhất. Anh không đồng ý à?”

“Việc ông làm thật là tồi tệ!” Nately lớn tiếng mắng mỏ lão già. “Một việc ác độc và tội lỗi! Thiếu tá …de Coverley là sĩ quan điều hành của phi đoàn chúng tôi.”

“Thế cơ à?” lão già lại đùa cợt không chút ăn năn, trầm tư cấu cái cằm nhọn vờ ra vẻ hối lỗi. “Trong trường hợp đó, anh phải công nhận rằng tôi đã rất công bằng đi. Khi quân Đức tiến vào, tôi cũng suýt thì đã đâm chết một tên thiếu úy bằng một cành cây nhung tuyết.”

Nately kinh sợ và hoang mang trước việc lão già đáng ghét này không đủ khả năng nhận ra lão đã xúc phạm cậu tới mức nào. “Ông không nhận ra mình đã làm gì ư?” cậu gắt lên kịch liệt. “Thiếu tá … de Coverley là một người cao quý và tuyệt vời, tất cả mọi người đều ngưỡng mộ ông ấy.”

“Đấy chỉ là một lão già ngốc nghếch, một kẻ đã không còn tư cách để hành động như một thằng nhóc ngốc nghếch. Mà nay lão đâu rồi? Chết rồi à?”

Nately hạ giọng trả lời với vẻ tôn kính u ám. “Không ai biết. Dường như ông ấy đã biến mất.”

“Đấy anh thấy không? Thử tưởng tượng xem một người già như lão ta lại đi mạo hiểm đem chút phần đời ít ỏi còn lại dâng cho cho một thứ ngớ ngẩn như đất nước.”

Nately lại vùng dậy chiến đấu. “Không có gì là ngớ ngẩn khi mạo hiểm mạng sống vì đất nước của mình!” cậu dõng dạc tuyên bố.

“Thật vậy sao?” lão già hỏi. “Đất nước là cái gì? Một đất nước là một mẩu đất được bao quanh bởi các đường biên giới, thường là nhân tạo. Người Anh đang chết cho nước Anh, người Mỹ đang chết cho nước Mỹ, người Đức đang chết cho nước Đức, người Nga đang chết cho nước Nga. Hiện đang có năm mươi hay sáu mươi quốc gia đang tham gia cuộc chiến này. Với một số lượng lớn như thế thì chắc chắn là không thể có chuyện tất cả các quốc gia này đều đáng để người ta chết vì nó.”

“Bất cứ cái gì đáng để người ta sống vì nó,” Nately nói, “thì đều đáng để người ta chết vì nó.”

“Và bất cứ cái gì đáng để người ta chết vì nó,” lão già báng bổ trả lời, “thì tất nhiên là đều đáng để người ta sống vì nó. Anh biết không, anh quả là một gã trai trẻ trong sáng và ngây thơ tới mức tôi gần như thấy tiếc cho anh đấy. Anh bao nhiêu tuổi rồi? Hai mươi lăm? Hai mươi sáu?”

“Mười chín,” Nately nói. “Tháng Một tới tôi sẽ tròn hai mươi.”

“Nếu anh còn sống tới lúc đó.” Lão già lắc đầu, khoác lên mặt, chỉ trong một thoáng, cái cau mày tư lự và sẵn sàng nổi đóa y như của bà già khó tính và cáu kỉnh cùng nhà. “Nếu anh không thật cẩn thận thì người ta sẽ giết chết anh đấy, và giờ theo như tôi thấy thì anh không định sẽ cẩn thận chút nào. Tại sao anh không thử dùng chút trí khôn mà cố sống giống tôi? Rất có thể anh cũng sẽ sống đến một trăm lẻ bảy tuổi.”

“Bởi vì chết đứng còn hơn là sống quỳ,” Nately trả miếng với niềm tin cao quý và chắc thắng. “Tôi đoán ông từng được nghe câu nói đó.”

“Ờ, dĩ nhiên là tôi đã nghe,” lão già xảo trá suy tư, rồi lại mỉm cười. “Nhưng tôi e rằng anh đã nói ngược. Sống đứng còn hơn chết quỳ. Câu đó mới đúng.”

“Ông có chắc không thế?” Nately hỏi lại với vẻ bối rối thực sự. “Nói theo cách của tôi có vẻ hợp lý hơn.”

“Không, cách của tôi mới hợp lý. Hỏi bạn bè anh thì biết.”

Nately quay lại toan hỏi bạn bè thì phát hiện ra bọn họ đều đã đi cả. Cả Yossarian và Dunbar đều đã biến mất. Lão già phá lên cười khoái trá đầy khinh bỉ trước vẻ ngạc nhiên bối rối của Nately. Mặt Nately sa sầm vì xấu hổ. Cậu do dự trong tuyệt vọng mất vài giây, rồi quay người chuồn thẳng vào trong hành lang gần nhất để tìm Yossarian và Dunbar, hy vọng sẽ túm được họ kịp thời và đưa họ trở lại để cứu giúp cậu bằng cái tin về vụ va chạm đáng nhớ giữa lão già và thiếu tá …de Coverley. Tất cả các cửa dọc theo hành lang đều đã đóng kín. Không có tia sáng nào lọt qua khe cửa. Lúc đó cũng đã rất muộn. Nately buồn bã từ bỏ công cuộc tìm kiếm. Chẳng còn gì nữa để cậu làm, rốt cuộc cậu cũng nhận ra, ngoài việc đón lấy cô gái mà cậu yêu và ra đâu đó nằm xuống cùng cô để làm tình với cô thật nhẹ nhàng, lịch sự, rồi cùng cô lên kế hoạch cho tương lai; nhưng khi cậu quay lại phòng khách để tìm thì cô cũng đã đi ngủ rồi, và cậu lại chẳng còn việc gì khác ngoài việc tiếp tục cuộc thảo luận dang dở với lão già đáng ghét kia, mà lão cũng đã đứng lên khỏi chiếc ghế bành với vẻ lễ độ đùa cợt xin phép đi nghỉ đêm, bỏ lại Nately ở đó với hai cô gái mắt đã lờ đờ buồn ngủ không thể nói cho cậu biết cô gái điếm của cậu đang ở phòng nào, và rồi họ cũng bước đi ngủ vài giây sau đó, sau khi cố mồi chài cậu bất thành, bỏ

lại cậu ngủ một mình trong phòng khách, trên chiếc sofa bé tí gồ ghề.

Nately là một cậu ấm nhà giàu nhạy cảm và đẹp trai với mái tóc đen, đôi mắt đáng tin, và cái cổ đau như dần khi cậu tỉnh dậy trên chiếc sofa vào sáng sớm hôm sau và lờ đờ tự hỏi mình đang ở đâu. Bản tính cậu luôn nhẹ nhàng và lịch sự. Cậu đã sống gần hai mươi năm mà không gặp phải cú sốc tinh thần, trạng thái căng thẳng, sự thù ghét hay cơn loạn thần kinh nào cả, đây chính là bằng chứng cho Yossarian thấy thực sự cậu ta điên tới mức nào. Tuổi thơ của cậu cũng thật dễ chịu, mặc dù phải sống trong khuôn khổ. Cậu sống hòa đồng với các anh chị em của mình, cậu không căm ghét bố mẹ, mặc dù cả hai người bọn họ đều rất tốt với cậu.

Nately được nuôi dạy để thấy ghê tởm những người như Aarfy, những kẻ mà mẹ cậu xếp vào loại hãnh tiến, và như Milo, những kẻ mà cha cậu gọi là trục lợi, nhưng cậu không bao giờ biết tại sao, vì cậu không bao giờ được phép tới gần họ. Theo như cậu nhớ được thì nhà của cậu ở Philadelphia, New York, Maine, Palm Beach, Southampton, London, Deauville, Paris và miền Nam nước Pháp luôn chỉ toàn những quý ông quý bà không hãnh tiến cũng không trục lợi. Mẹ Nately, hậu duệ của dòng họ Thornton ở New England, còn là một thành viên của hội Con gái của Cách mạng Mỹ. Cha cậu là một thành viên của hội Con trai của Chó cái.

“Hãy luôn nhớ,” mẹ thường xuyên nhắc cậu, “rằng con là một người của dòng họ Nately. Con không thuộc dòng họ Vanderbilt, những kẻ chỉ có được gia sản dựa vào một viên thuyền trưởng tàu kéo tầm thường, hay Rockefeller, những kẻ tích lũy sự giàu có từ việc đầu cơ dầu thô một cách vô đạo đức; không phải là những

Reynold hay Duke với thu nhập lấy từ việc bán cho đám đông ngờ nghệch những sản phẩm mà ai cũng biết là có chứa nhựa thông và hắc ín gây ung thư; và dĩ nhiên con cũng không thuộc dòng họ Astor, những kẻ mà mẹ tin là giờ vẫn còn cho thuê phòng. Con là một Nately, và dòng họ Nately chưa từng làm bất cứ điều gì để kiếm tiền cả."

"Ý của mẹ là như này, con trai ạ," một lần cha cậu niềm nở chen vào với vẻ phong nhã và khiêm nhường mà Nately vô cùng ngưỡng mộ, "rằng tiền lâu đời thì tốt hơn là tiền mới kiếm và đám mới giàu sẽ không bao giờ được quý trọng như những kẻ mới nghèo. Như vậy có đúng không em yêu?"

Cha Nately luôn có đầy những lời khuyên thông thái và hiểu đời như vậy. Nhìn ông sôi nổi và hồng hào như rượu vang đỏ được hâm nóng, Nately cực thích ông dù cậu chẳng thích rượu vang đỏ hâm nóng chút nào. Khi chiến tranh nổ ra, gia đình Nately quyết định rằng cậu sẽ nhập ngũ bởi vì cậu còn quá trẻ để có thể thu xếp cho một chân trong ngành ngoại giao, và bởi vì cha cậu quả quyết rằng nước Nga sẽ sụp đổ trong vài tuần hoặc vài tháng, và rằng tất cả đám Hitler, Churchill, Roosevelt, Mussolini, Ghandi, Franco, Peron và Nhật hoàng ấy sau đó sẽ ký một hiệp ước hòa bình và từ đó mãi mãi sống hạnh phúc bên nhau. Chuyện Nately gia nhập không quân là ý của cha cậu, tại đó cậu sẽ được huấn luyện mà không gặp nguy hiểm gì trong khi chờ người Nga đầu hàng có điều kiện và mọi chi tiết trong thỏa thuận đình chiến được thương lượng xong, và tại đó, với tư cách một sĩ quan, cậu sẽ chỉ giao du với các quý ông.

Nhưng thay vì thế, cậu lại đang cùng Yossarian, Dunbar và Hungry Joe ở trong một nhà thổ ở Rome, yêu say đắm một cô gái

bất cần ở đó - rốt cuộc thì tới sáng cậu cũng được nằm với cô sau một đêm ngủ một mình trong phòng khách, chỉ để bị chen ngang gần như ngay lập tức bởi đứa em gái hư hỏng của cô, con bé cứ thế tự dưng phi thẳng vào phòng, lao lên giường với đầy vẻ ghen tuông sao cho Nately cũng phải ôm nó mới chịu. Cô gái điếm của Nately bật dậy gầm gừ điên tiết đánh đập con bé, đoạn túm tóc ấn đầu nó xuống chân. Con nhóc mười hai tuổi ngước mắt nhìn Nately như một chú gà trụi lông hay một cành cây bị lột sạch vỏ: cơ thể non nớt của nó trong những nỗ lực già trước tuổi để bắt chước người lớn khiến tất cả mọi người đều bối rối, và lần nào nó cũng bị đuổi đi mặc quần áo vào và bị bắt ra đường chơi với lũ trẻ ngoài đó. Hai chị em giờ đều đang hung dữ chửi thề và nhổ nước bọt vào mặt nhau, tạo ra một vụ ồn ào hùng tráng đinh tai nhức óc tới mức đã kéo được cả một đám đông khán giả vui nhộn tràn vào phòng. Nately giận dữ bỏ cuộc. Cậu bảo cô gái của mình mặc quần áo vào và đưa cô xuống nhà đi ăn sáng. Con bé em gái bám đuôi, và Nately có cảm giác như người chủ đầy tự hào của một gia đình khi ba người bọn họ nghiêm trang ăn uống trong một quán ăn ngoài trời gần đó. Nhưng khi họ bắt đầu đi về thì cô điếm của Nately đã phát ngán và cô quyết định đi dạo phố với hai cô gái khác thay vì dành thêm với gian với cậu. Nately và con bé em gái kia rón rén bám theo sau chừng một đoạn phố, con bé đầy tham vọng đó thì là để thu nhặt những kinh nghiệm quý giá, còn Nately thì chỉ để tự giày vò trong thẫn thờ tuyệt vọng, và cả hai đều trở nên buồn bã khi các cô gái bị một chiếc xe quân sự chặn lại và lái đưa đi mất.

Nately quay lại quán ăn và mua cho con bé một que kem sô cô la cho nó vui vẻ trở lại, rồi đi cùng nó về căn hộ, tại đó Yossarian và Dunbar đang vạ vật ngủ trong phòng khách cùng Hungry Joe đang

kiệt sức nhưng vẫn mang trên khuôn mặt nhàu nhĩ nụ cười đắc thắng, sung sướng, đờ đẫn đã ngự trên đó suốt từ lúc gã ra khỏi cái hậu cung đồ sộ của mình xuất hiện trở lại vào sáng hôm đó, tập tễnh như một kẻ đã bị gãy vô số xương. Lão già dâm đãng và suy đồi rất vui khi nhìn thấy cái miệng há hốc và cặp mắt thâm tím của Hungry Joe. Lão nồng nhiệt chào Nately, vẫn mặc nguyên bộ quần áo nhàu nát từ tối hôm trước. Nately ghét cay ghét đắng bộ dạng tồi tàn bất hảo đó của lão, và mỗi khi đến căn hộ này cậu đều ước sao lão già đồi bại vô đạo đức này chịu mặc vào một chiếc áo sơ mi sạch sẽ hiệu Brooks Brothers, cạo râu, chải tóc, khoác bên ngoài áo vét vải tuýt, và nuôi một bộ ria trắng bảnh bao để Nately không phải khốn khổ trong nỗi xấu hổ rối bời mỗi lần cậu nhìn lão mà cứ nhớ tới cha.

24 MILO

Tháng Tư là tháng tốt nhất đối với Milo. Cây tử đinh hương nở hoa tím tháng Tư và trên những cây dây leo quả đều đã chín. Nhịp tim nhanh hơn và những khao khát cũ đã thanh tân trở lại. Vào tháng Tư, sắc hoa diên vỹ cũng đổi thay mà ánh lên thắm tươi hơn trên cánh chim câu bóng sáng. Tháng Tư là mùa xuân, và vào mùa xuân trí tưởng tượng của Milo Minderbinder đã nhẹ nhàng hướng về những quả quýt.[57]

"Quả quýt ư?"

"Vâng thưa sếp."

"Người của tôi thích ăn quýt lắm," viên đại tá ở Sardinia, chỉ huy của bốn phi đoàn B-26 thú nhận.

"Với số tiền ông có thể lấy từ quỹ nhà ăn để trả thì sẽ có đủ quýt cho bọn họ ăn chán thì thôi," Milo cam đoan.

"Thế còn dưa vàng?"

"Đang rẻ như cho ở Damascus."

"Điểm yếu của tôi là những quả dưa vàng. Tôi luôn yếu lòng trước những quả dưa vàng."

"Cứ cho tôi mượn mỗi phi đoàn một chiếc máy bay, chỉ một chiếc, và sếp sẽ có dưa vàng để ăn đến khi hết tiền trả thì thôi."

“Ta mua từ xanh đi ca cả à?”

“Và tất cả mọi người đều có phần.”

“Thật là tuyệt, quá tuyệt. Làm sao anh có thể làm được điều đó?”

“Khả năng mua với số lượng lớn sẽ đem lại lợi thế lớn đấy. Ví dụ như với món thịt bê cốt lết bọc bột cà mì.”

“Tôi không mê thịt bê cốt lết lắm,” chỉ huy trưởng B-25 ở Bắc Corsica lầm bầm trong nghi ngại.

“Thịt bê cốt lết bọc bột cà mì rất giàu dinh dưỡng,” Milo lễ độ động viên ông ta. “Trong món đó có cả lòng đỏ trứng và vụn bánh mì. Cả món thịt cừu cũng vậy.”

“A, thịt cừu,” viên chỉ huy trưởng B-25 hưởng ứng. “Thịt cừu ngon chứ?”

“Hàng ngon nhất,” Milo nói, “mà chợ đen chào bán.”

“Thịt cừu non chứ?”

“Và gói trong những tờ giấy hồng như những chiếc quần lót nhỏ nhắn xinh xắn nhất mà ông từng được thấy. Đang rẻ như cho không ở Bồ Đào Nha.”

“Tôi không thể điều máy bay tới Bồ Đào Nha được. Tôi không có quyền.”

“Tôi thì có thể đấy, miễn là ông cho tôi mượn một chiếc. Và một phi công để lái. Đừng quên rằng - ông sẽ có tướng Dreedle.”

“Tướng Dreedle sẽ lại ăn trưa ở nhà ăn của chúng tôi ư?”

“Như một con lợn, khi ông cho ông ấy ăn những quả trứng tươi trắng trẻo tốt nhất của tôi được rán bằng bơ tinh khiết của tôi. Ngoài

ra còn có quýt, dưa vàng, dưa bở, cá bơn Dover phi lê, bánh kem lạnh Alaska, trai và sò.”

“Và tất cả mọi người đều có phần chứ?”

“Đó,” Milo nói, “chính là phần hay ho nhất của chuyện này.”

“Tôi không thích vụ này,” một chỉ huy trưởng phi đoàn máy bay chiến đấu khác làu bàu, không chịu hợp tác và cũng không thích Milo một chút nào.

“Có một chỉ huy trưởng phi đoàn máy bay chiến đấu ở phía Bắc cứ bất hợp tác và gây khó dễ cho tôi.” Milo than phiền với tướng Dreedle. “Chỉ cần một người cũng đủ làm hỏng tất cả, và như thế thì ông sẽ không được ăn trứng tươi của tôi rán với bơ tinh khiết của tôi nữa.”

Tướng Dreedle thuyên chuyển vị chỉ huy trưởng phi đoàn máy bay chiến đấu bất hợp tác kia tới quần đảo Solomon để đào mộ và thay ông ta bằng một viên đại tá lão suy viêm bao hoạt dịch mê ăn vải sấy, ông này đã giới thiệu Milo cho một viên tướng B-17 ở lục địa nghiện món xúc xích Ba Lan.

“Xúc xích Ba Lan đang bán ngang giá lạc ở Cracow,” Milo báo cho ông ta biết.

“Xúc xích Ba Lan,” viên tướng thở dài hoài cổ. “Anh biết đấy, tôi có thể đổi bất cứ thứ gì để có được một miếng xúc xích Ba Lan ngon. Gần như bất cứ thứ gì.”

“Ông không cần phải đổi bất cứ thứ gì. Chỉ cần cho tôi mỗi nhà ăn một máy bay và một phi công biết tuân lệnh. Và một lượng tiền ứng trước nho nhỏ cho những đơn đặt hàng đầu tiên để chứng tỏ sự tin tưởng lẫn nhau.”

“Nhưng Cracow nằm sâu trong lãnh thổ địch tới vài trăm dặm. Làm sao anh có thể mua được xúc xích?”

“Có một sàn giao dịch quốc tế cho xúc xích Ba Lan ở Geneva. Tôi sẽ chở lạc vào Thụy Sĩ và đổi lấy xúc xích Ba Lan theo giá chợ trời. Họ sẽ chở lạc về Cracow còn tôi chở xúc xích Ba Lan về cho ông. Qua xanh đi ca ông có thể mua bao nhiêu xúc xích Ba Lan tùy thích. Xanh đi ca có cả quýt nữa, chỉ ướp thêm một ít màu nhân tạo thôi. Và có cả trứng từ Malta, Scotch từ Sicily. Mua từ xanh đi ca thì coi như ông trả tiền cho chính mình thôi, bởi vì ông cũng có phần, do vậy ông sẽ có được mọi thứ ông mua mà không mất gì cả. Như vậy có hợp lý không?”

“Quả là thiên tài. Làm thế nào anh nghĩ ra được cái này?”

“Tên tôi là Milo Minderbinder. Tôi hai mươi bảy tuổi.”

Máy bay của Milo Minderbinder bay đến từ khắp nơi, những chiếc máy bay tiêm kích, máy bay ném bom và máy bay chở hàng lũ lượt hạ cánh xuống sân bay của đại tá Cathcart cùng với những phi công luôn sẵn sàng tuân lệnh. Những chiếc máy bay vốn trang trí đầy những phù hiệu hoa mỹ của các phi đoàn, minh họa cho những lý tưởng đáng khen như Dũng cảm, Sức mạnh, Công bằng, Sự thật, Tự do, Tình yêu, Danh dự và Lòng yêu nước, đã lập tức được các thợ cơ khí của Milo xóa sạch bằng hai lớp sơn trắng phủ lên rồi thay vào đó là một dòng chữ màu tím sặc sỡ CÔNG TY M&M, HOA QUẢ VÀ SẢN VẬT NGON. Cụm từ “M&M” trong “CÔNG TY M&M” là viết tắt của Milo & Minderbinder, ký tự được chèn vào, như Milo tiết lộ, là để bác bỏ đi bất cứ ấn tượng nào rằng xanh đi ca này chỉ do một người điều hành. Máy bay đến theo tiếng gọi của Milo từ những sân bay ở Ý, Bắc Phi và Anh, và từ những trạm chỉ huy không vận ở

Liberia, đảo Ascension, Cairo và Karachi. Những chiếc tiêm kích được dùng để đổi lấy thêm tàu chở hàng hoặc được giữ lại để cho những đơn đặt hàng khẩn và những dịch vụ có số lượng nhỏ cần gấp; xe tải và xe tăng được huy động từ các lực lượng trên bộ và được dùng vận chuyển hàng trong khoảng cách ngắn. Tất cả mọi người đều có phần, và người ta trở nên béo ú, đi lại ục ịch với những chiếc tăm ngậm giữa những cặp môi nhẫy mỡ. Milo đích thân giám sát toàn bộ các hoạt động mở rộng này. Những nếp nhăn sâu màu nâu rái cá đầy suy tư đã hằn vĩnh viễn lên khuôn mặt tiều tụy của gã và đem lại cho gã một vẻ khắc khổ vừa điềm đạm vừa hồ nghi. Tất cả mọi người ngoại trừ Yossarian đều nghĩ Milo là dở hơi, đầu tiên là vì gã đã tự nguyện làm sĩ quan chỉ huy nhà bếp và tiếp theo là vì gã làm việc đó quá nghiêm túc. Yossarian cũng nghĩ rằng Milo dở hơi; nhưng y cũng biết rằng Milo là một thiên tài.

Một lần Milo bay tới Anh để lấy một lô hàng kẹo halvah Thổ Nhĩ Kỳ và bay về từ Madagascar dẫn theo bốn chiếc máy bay ném bom của Đức chất đầy khoai lang, cải xoăn, cải mù tạt và đậu đen Grudia. Milo chết lặng khi bước xuống đất và thấy cả một đội quân cảnh có vũ trang đang đợi để tống giam các phi công Đức và sung công máy bay của họ. *Sung công!* Chỉ từ đó cũng đủ là một lời nguyền rủa đối với gã, Milo giận dữ đi tới đi lui chỉ trích dữ dội, ngón tay khiển trách run lên trỏ vào những gương mặt đầy vẻ tội lỗi của đại tá Cathcart, trung tá Korn và viên đại úy tội nghiệp người còn đầy vết tích chiến trận đang cầm súng máy chỉ huy đội quân cảnh.

“Đây là nước Nga đấy phỏng?” Milo gân cổ cuồng nộ tấn công. “*Sung công?*” gã rít lên, như thể không tin nổi vào chính tai mình. “Kể từ khi nào mà chính phủ Mỹ lại có chính sách sung công tài sản riêng của các công dân của nó vậy? Nhục thay cho các vị! Một ý

nghĩ kinh tởm như thế mà các vị cũng nghĩ ra được thì thật là nhục thay cho tất cả các vị.”

“Nhưng Milo,” thiếu tá Danby rụt rè ngắt lời, “chúng ta đang có chiến tranh với Đức, và đây là những chiếc máy bay Đức.”

“Làm gì có chuyện đó!” Milo phản kích dữ dội. “Những chiếc máy bay này thuộc về xanh đi ca và tất cả mọi người đều có phần. *Sung công?* Làm sao các vị có thể sung công chính tài sản tư của mình? *Sung công*, thiệt tình! Tôi chưa từng nghe được một thứ gì suy đồi đến vậy trong suốt cuộc đời mình.”

Và hiển nhiên là Milo đã đúng, bởi vì khi họ nhìn kỹ thì những thợ cơ khí của gã đã đè lên biểu tượng chữ thập ngoặc của Đức ở trên cánh, đuôi và thân máy bay bằng hai lớp sơn trắng và thay vào đó là dòng chữ CÔNG TY M&M, HOA QUẢ VÀ SẢN VẬT NGON. Ngay trước mắt họ, gã đã biến xanh đi ca của gã thành một các ten quốc tế.

Đội tàu bay buôn phong phú của Milo giờ đã bay kín trời. Những chiếc máy bay đổ về từ Na Uy, Đan Mạch, Pháp, Đức, Áo, Ý, Nam Tư, Rumani, Bungari, Thụy Điển, Phần Lan, Ba Lan - thực ra là từ khắp mọi nơi ở châu Âu, ngoại trừ Nga, Milo từ chối làm ăn với Nga. Khi tất cả mọi người đều đã tham gia Công ty M&M, Hoa Quả và Sản Vật Ngon, thì Milo đã tạo ra một công ty con, M&M Bánh Xịn, và nhận được nhiều máy bay và nhiều tiền hơn từ các quỹ nhà ăn cho bánh nướng và bánh xốp từ quần đảo Anh, những mận khô và pho mát Đan Mạch từ Copenhagen, bánh su dài, bánh su tròn, bánh Napoleon, và bánh *petit four* đến từ Paris, Reims và Grenoble, bánh *Kugelhopf*, bánh mì đen, và bánh quy nướng *Pfeferkuchen* từ Berlin, bánh *Linzer* và *Dobos Torten* từ Vienna, *Strudel* từ Hungary và

baklava từ Ankara. Mỗi sáng Milo điều máy bay đi khắp châu Âu và Bắc Phi kéo theo dải vải đỏ quảng cáo cho đặc sản trong ngày với những chữ cái in thật lớn: "MÔNG ĐÙI BÒ, 79 xu… CÁ MỐI, 21 xu." Gã còn tăng thu nhập tiền mặt cho xanh đi ca bằng cách cho các công ty Pet Milk, Gaines Dog Food và Noxzema thuê những dải vải quảng cáo đó. Để thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp với xã hội, gã cũng thường xuyên phân phối một lượng nhất định không gian quảng cáo trên không đó cho tướng Peckem để tuyên truyền đến công chúng một số thông điệp như GỌN GÀNG LÀ TỐT, DỤC TỐC BẤT ĐẠT, và NHỮNG GIA ĐÌNH CẦU NGUYỆN CÙNG NHAU THÌ SẼ SỐNG BÊN NHAU. Milo cũng bỏ tiền đăng một số tiết mục quảng cáo hằng ngày trên các đài phát thanh tuyên truyền Axis Sally và Lord Haw Haw ở Berlin để xúc tiến công việc. Công ty làm ăn phát đạt trên mọi mặt trận.

Hình ảnh những chiếc máy bay của Milo trở nên quen thuộc. Chúng có quyền tự do bay khắp mọi nơi, và một ngày kia Milo còn ký hợp đồng với các quan chức quân đội Mỹ để ném bom một cây cầu trên đường cao tốc do quân Đức kiểm soát ở Orvieto và ký hợp đồng với quan chức quân đội Đức để bảo vệ cây cầu trên đường cao tốc ở Orvieto bằng súng phòng không bắn lên chính máy bay tấn công của gã. Gã tính phí tấn công cây cầu cho Mỹ bao gồm toàn bộ chi phí tổ chức cộng thêm sáu phần trăm còn phí bảo vệ cây cầu mà gã tính cho phía Đức cũng là tổng chi phí cộng sáu phần trăm, cùng một khoản tiền thưởng một nghìn đô cho mỗi chiếc máy bay Mỹ mà gã bắn hạ. Khoản tiền thu được từ những hợp đồng này chính là biểu tượng cho một chiến thắng quan trọng của doanh nghiệp tư nhân, như gã đã chỉ ra, bởi vì quân đội của cả hai nước đều là những tổ chức đã được xã hội hóa. Khi hợp đồng được ký,

thì việc sử dụng nguồn lực của xanh đi ca để ném bom và để bảo vệ cây cầu là không cần thiết nữa, bởi vì cả hai chính phủ đều có thừa binh lính và cơ sở vật chất ngay tại đó để thực hiện nhiệm vụ và đều vui lòng đóng góp công sức, và cuối cùng thì Milo thu được lợi nhuận khổng lồ từ cả hai phía của dự án mà không phải làm gì ngoài việc ký tên hai lần.

Những thu xếp như vậy là công bằng cho cả hai bên. Bởi vì Milo có quyền đi lại khắp mọi nơi, nên máy bay của gã có thể lẻn tới tấn công bất ngờ mà không hề kinh động những tay súng phòng không Đức; và vì Milo đã biết về cuộc tấn công, gã có thể cảnh báo cho những tay súng phòng không Đức trước một khoảng thời gian đủ để họ có thể nổ súng đúng lúc máy bay lọt vào tầm ngắm. Đó là một vụ thu xếp lý tưởng cho tất cả mọi người trừ người chết ở trong lều của Yossarian, kẻ đã bị giết ngay trên bầu trời mục tiêu vào ngày đầu tiên xuất hiện ở phi đoàn.

“Tôi không giết anh ta!” Milo sốt sắng liến thoắng khi bị Yossarian giận dữ phản đối. “Hôm đó tôi thậm chí còn không có mặt, tôi nói thật đấy. Anh nghĩ là lúc đó tôi ở dưới đất mà nã súng phòng không khi máy bay bay tới đó ấy hả?”

“Nhưng anh đã tổ chức toàn bộ vụ việc này, có đúng không?” Yossarian mắng lại gã trong bóng tối tím thẫm khoác lên con đường dẫn qua đám xe cộ đang bất động trong bãi xe tới rạp chiếu phim ngoài trời.

“Tôi không tổ chức cái gì cả,” Milo phẫn nộ trả lời, hít một hơi thật dài qua cái mũi phì phò nhợt nhạt đang rần rật của mình. “Quân Đức có cây cầu, và chúng ta sẽ ném bom cây cầu đó, mặc cho có tôi hay không. Tôi chỉ thấy có một cơ hội tuyệt vời để kiếm lời từ nhiệm vụ

ném bom cây cầu này và tôi đã chộp lấy nó. Như vậy thì có gì mà kinh khủng?”

“Như vậy thì có gì mà kinh khủng? Milo ạ, trong lều của tôi có một người đã bị giết khi phải thực hiện nhiệm vụ này, trước cả khi anh ta kịp mở hành lý.”

“Nhưng tôi không giết anh ta.”

“Anh đã kiếm thêm một nghìn đô nhờ điều đó.”

“Nhưng tôi không giết anh ta. Để tôi nói lại này, tôi không có mặt ở đó. Tôi ở Barcelona mua dầu ô liu và thịt cá mòi lột da rút xương, tôi vẫn còn đơn đặt hàng để chứng minh đây. Và cũng không phải là tôi đã kiếm được một nghìn đô. Một nghìn đô đó là của xanh đi ca, và tất cả mọi người đều có phần, kể cả anh mà.” Milo nài nỉ Yossarian từ đáy lòng mình. “Nhìn này, tôi đâu có gây nên cuộc chiến này, Yossarian, mặc cho gã Wintergreen khốn kiếp đó nói gì. Tôi chỉ cố đặt nó trên cơ sở kinh doanh. Như vậy thì có gì sai? Anh biết đấy, một nghìn đô không phải là giá quá tệ cho một máy bay ném bom loại trung và một đội bay. Nếu tôi có thể thuyết phục quân Đức trả một nghìn đô cho mỗi chiếc máy bay mà họ bắn rơi thì tại sao tôi lại không thể nhận lấy?”

“Bởi vì anh đang làm ăn với kẻ thù, đó là lý do đấy. Anh không hiểu là chúng ta đang có chiến tranh à? Mọi người đang chết. Hãy nhìn quanh anh xem, Chúa ơi!”

Milo lắc đầu với sự kiên nhẫn đang dần cạn kiệt. “Người Đức không phải là kẻ thù của chúng ta,” gã tuyên bố. “Ồ tôi biết anh sẽ nói gì. Ừ thì đúng là chúng ta đang có chiến tranh với họ. Nhưng người Đức cũng là những thành viên tốt của xanh đi ca, và nhiệm vụ của tôi là bảo vệ quyền của họ với tư cách các cổ đông của tôi. Có

thể đúng là họ đã khai chiến, có thể họ đang giết hàng triệu người, nhưng họ đã thanh toán hóa đơn của mình nhanh hơn rất nhiều một số Đồng minh của chúng ta mà tôi có thể gọi tên ra ở đây. Anh không hiểu là tôi phải tôn trọng sự thiêng liêng trong hợp đồng của mình với Đức à? Anh không thể nhìn vụ việc dưới góc nhìn của tôi được sao?"

"Không," Yossarian cộc cằn cự tuyệt.

Milo cảm thấy nhói đau và chẳng buồn che giấu cảm giác tổn thương ấy. Đó là một đêm trăng nồng nực tràn ngập ruồi, muỗi và nhậy. Milo bất chợt nhấc cánh tay lên chỉ về phía rạp chiếu phim ngoài trời, nơi dòng tia sáng trắng đục đầy bụi túa ra theo chiều ngang từ chiếc máy chiếu chém một vệt hình nón vào đêm đen và khán giả ngồi đó, phủ trong một màng ánh sáng huỳnh quang, ngả ngốn trên ghế, đờ đẫn lún sâu, khuôn mặt họ hướng lên tập trung về phía màn chiếu nhôm. Mắt Milo long lên đầy vẻ kiên định, gương mặt chất phác và thanh liêm sáng bóng lên trong hỗn hợp mồ hôi và thuốc chống côn trùng.

"Hãy nhìn họ kia kìa," gã thốt lên, giọng nghẹn ngào cảm xúc. "Họ là những người bạn của tôi, những người đồng hương của tôi, những đồng đội của tôi. Người ta không thể có một nhóm bạn nào tốt hơn như vậy đâu. Anh nghĩ là tôi có thể làm điều gì đó để hại họ nếu như không ở tình thế bắt buộc ư? Chẳng lẽ tôi vẫn còn chưa có đủ chuyện phải lo nghĩ sao? Anh không thấy là hiện tôi đã đủ phiền não thế nào vì tất cả đống bông đang chất chồng trên các bến tàu Ai Cập rồi à?" Giọng Milo òa vỡ, gã túm lấy ngực áo Yossarian như thể đang chết đuối. Mắt gã rần rật thấy rõ như hai con sâu bướm nâu.

“Yossarian, tôi sẽ phải làm gì với một đống bông như vậy? Tất cả đều là lỗi của anh, anh đã để cho tôi mua chúng.”

Bông đang chất đống trên các bến tàu Ai Cập, và không ai muốn mua mảy may. Milo không thể ngờ rằng thung lũng sông Nile lại màu mỡ đến mức đó mà cũng chẳng thể ngờ rằng không có thị trường nào cho đống bông mà gã đã mua. Các nhà ăn trong xanh đi ca của gã không giúp được gì; họ nổi dậy không khoan nhượng chống lại đề nghị chia theo đầu người hòng buộc mỗi người phải giữ một phần bông Ai Cập. Ngay cả những người bạn Đức đáng tin cậy của gã cũng phản bội gã trong cuộc khủng hoảng này: họ thích đồ nhân tạo hơn. Các nhà ăn của Milo thậm chí còn không giúp gã trữ đống bông, và thế là chi phí thuê nhà kho đã tăng vọt và góp phần khiến gã cạn kiệt nguồn dự trữ tiền mặt. Lợi nhuận từ nhiệm vụ Orvieto bị hút sạch. Gã bắt đầu phải viết thư về nhà xin lại số tiền gã đã gửi về từ thuở làm ăn phát đạt; nhưng rồi khoản đó cũng sớm hết. Các kiện bông thì cứ lũ lượt đến các bến cảng ở Alexandria mỗi ngày. Mỗi lần gã chịu lỗ mà cố tống được đi một ít ra thị trường thế giới thì số bông đó lại bị bọn lái buôn Ai Cập khôn lỏi chộp lấy ở Levant rồi bán lại cho gã với giá gốc, vậy nên gã rơi vào tình trạng còn tồi tệ hơn trước nhiều.

Công ty M&M ở trên bờ vực phá sản. Milo tự nguyền rủa bản thân từng giờ vì tính tham lam và sự ngu dốt vô bờ bến của chính gã khi đã mua toàn bộ vụ mùa bông Ai Cập, nhưng hợp đồng là hợp đồng và phải tôn trọng nó, và một đêm, sau một bữa tối xa xỉ, tất cả máy bay chiến đấu và máy bay ném bom của Milo cất cánh, xếp thành đội hình ngay ở khoảng không ngay bên trên liên đoàn và bắt đầu thả bom. Gã đã ký thêm một hợp đồng với người Đức, lần này là để ném bom đơn vị của chính mình. Các máy bay của Milo được

điều phối rất chuẩn, chia nhau ra để tấn công và ném bom các kho nhiên liệu, kho quân nhu, khu nhà sửa chữa máy bay, và các máy bay ném bom B-25 đang nằm nghỉ trên khu vực đỗ hình kẹo que ở trên phi trường. Đội bay của gã chỉ chừa ra phần đường băng và các nhà ăn để họ có thể hạ cánh an toàn khi hoàn thành nhiệm vụ và có được bữa ăn nóng trước khi đi nghỉ. Họ ném bom mà vẫn bật cả đèn hạ cánh bởi vì không có ai bắn lại. Họ ném bom cả bốn phi đoàn, câu lạc bộ sĩ quan và tòa nhà trụ sở liên đoàn bay. Mọi người nhảy bổ ra khỏi lều của mình trong sợ hãi tột cùng mà không biết phải trốn đi đâu. Chẳng mấy chốc khắp nơi đã la liệt người bị thương nằm kêu khóc. Một chùm bom bi nổ trong sân câu lạc bộ sĩ quan, để lại những hố lởm chởm bên hông tòa nhà gỗ, trên bụng và lưng của một hàng các trung úy và đại úy đang đứng ở quầy bar. Họ đau đớn gập người rồi gục xuống. Những sĩ quan còn lại hoảng loạn bỏ chạy về phía hai cửa thoát hiểm và kẹt cứng không thể đi tiếp trên hai ngưỡng cửa như một đập chắn làm bằng thịt người.

Đại tá Cathcart cào cấu và lết đi trên hai cùi chỏ vật lộn tìm cách thoát ra khỏi đám đông bất kham và rối loạn cho tới khi ra được tới bên ngoài mà đứng lên. Gã trân trối nhìn lên bầu trời trong đờ đẫn kinh ngạc và kinh hoàng. Những chiếc máy bay của Milo, bình thản kéo đến mỗi lúc một đông như những khí cầu bên trên những ngọn cây đang nở hoa, với cửa khoang bom mở toang, cánh cụp, đèn hạ cánh lồi ra như mắt quái vật kỳ quái bật lên chói lóa, nhấp nháy dữ dội - đó là khung cảnh giống ngày tận thế nhất mà gã đã từng được chứng kiến. Đại tá Cathcart thở hắt ra một hơi hổn hển và sợ hãi, rồi cắm đầu phi thân về chiếc xe Jeep, gần như vừa chạy vừa nức nở. Gã tìm được chân ga, nổ máy và tăng tốc phóng về phi trường hết cái sức còm của chiếc xe đang rung lên bần bật, hai bàn tay to bự

mà nhũn nhẽo siết chặt vô lăng đến trắng nhợt hoặc bấm còi ầm ĩ. Có lúc gã suýt thì giết chết bản thân khi ngoặt tay lái với tiếng lốp rít lên kinh hoàng như tiếng nữ thần báo tử để tránh cày phải một đám người mặc quần áo lót đang điên cuồng chạy về phía đồi, những khuôn mặt kinh hãi cúi gằm xuống đất, những cánh tay khẳng khiu áp lên thái dương như những tấm giáp yếu ớt đáng thương. Lửa đỏ, cam, vàng cháy lên ở cả hai bên đường. Lều và cây đều đang bốc cháy, còn máy bay của Milo cứ liên tục bay tới không dứt với đèn hạ cánh trắng lóa nhấp nháy và cửa khoang bom mở toang. Chiếc xe Jeep suýt thì lật ngược vì đại tá Cathcart đạp phanh lúc tới đài kiểm soát không lưu. Gã nhảy ra khỏi xe khi nó vẫn đang trượt đi đầy nguy hiểm và sầm sập chạy lên các bậc thang bên trong tháp, ở đó đang có ba người bận rộn với các thiết bị và bàn điều khiển. Gã xô thẳng hai người sang một bên để giật lấy chiếc mic mạ kền, mắt gã long lên hoang dại và gương mặt gân guốc như méo đi vì stress. Gã man dại túm chặt chiếc mic và bắt đầu cuồng loạn hét lên hết cỡ.

“Milo, đồ khốn! Anh điên à? Anh đang làm trò quái gì vậy? Xuống ngay! Xuống ngay!”

“Làm ơn đừng có rống lên như vậy, có được không?” Milo đáp, đứng ngay đó cạnh đại tá trong đài kiểm soát không lưu và có một chiếc mic của riêng mình. “Tôi ở ngay đây.” Milo nhìn tay đại tá đầy vẻ khiển trách và quay lại với công việc của mình. “Tốt lắm, các bạn, tốt lắm,” gã véo von vào mic. “Nhưng tôi thấy có một kho quân nhu vẫn chưa cháy. Như vậy không được đâu, Purvis - tôi đã nói với anh về kiểu làm việc kém hiệu quả này rồi mà. Nào, anh hãy quay lại đó ngay lập tức và thử lại. Lần này thì tiếp cận chậm… thật chậm thôi đấy. Dục tốc bất đạt, Purvis. Dục tốc bất đạt. Nếu tôi từng nói với anh câu đó thì có nghĩa là tôi đã nói cả trăm lần rồi. Dục tốc bất đạt.”

Loa ở trên đầu đột nhiên kêu quang quác. “Milo, Alvin Brown đây. Tôi thả xong bom rồi. Giờ thì tôi phải làm gì?”

“Oanh tạc,” Milo nói.

“Oanh tạc ư?” Alvin Brown bị sốc.

“Chúng ta không có lựa chọn khác,” Milo thông báo với vẻ cực chẳng đã. “Điều đó nằm trong hợp đồng.”

“Ồ, vậy thì OK thôi,” Alvin Brown đồng ý. “Trong trường hợp đó thì tôi sẽ oanh tạc.”

Lần này thì Milo đã đi quá xa. Tự ném bom quân mình và máy bay của mình là một điều mà ngay cả những người bàng quang nhất cũng không thể chịu nổi, và có vẻ như với Milo thế là đã hết. Các quan chức cấp cao của chính phủ đổ về để điều tra. Báo chí đả phá Milo kịch liệt bằng những dòng tít giận dữ, các vị dân biểu lên án sự tàn bạo bằng những bài phát biểu sang sảng đầy phẫn nộ và ầm ĩ đòi trừng phạt. Các bà mẹ có con đi lính tập hợp lại thành các nhóm vũ trang và đòi trả thù. Không có ai cất tiếng bảo vệ gã. Những người tử tế ở mọi nơi đều cảm thấy như bị lăng nhục, và Milo tưởng như đã hoàn toàn suy sụp cho đến khi gã giở sổ sách công bố với công chúng khoản lợi nhuận khổng lồ mà gã đã kiếm được. Gã có thể bồi hoàn cho chính phủ tất cả những người và những tài sản vật chất mà gã đã hủy diệt mà vẫn còn đủ tiền để tiếp tục mua bông Ai Cập. Tất nhiên là tất cả mọi người đều có phần. Và điều hấp dẫn nhất trong toàn bộ thương vụ này là thực ra không hề cần phải bồi hoàn cho chính phủ.

“Trong nền dân chủ thì chính phủ là nhân dân,” Milo giải thích. “Chúng ta chính là nhân dân đây, có phải không? Vậy nên chúng ta

có thể giữ lại tiền và bỏ qua kẻ trung gian đi. Thực lòng mà nói, tôi chỉ muốn thấy chính phủ rút ra khỏi chiến tranh và để lại toàn bộ lĩnh vực này cho khu vực tư nhân. Nếu trả hết những gì ta nợ cho chính phủ thì ta sẽ chỉ khuyến khích sự kiểm soát của chính phủ và cản trở các cá nhân khác tự ném bom vào máy bay và quân mình. Chúng ta sẽ lấy mất động lực của họ.”

Milo đã đúng, tất nhiên rồi, bởi chẳng mấy chốc mọi người đều nhất trí với gã ngoại trừ một vài kẻ lập dị cay nghiệt như bác sĩ Daneeka, ông này nhấm nhẳng hờn dỗi và cằn nhằn những câu bóng gió công kích về đạo lý của toàn bộ vụ việc này cho đến khi Milo xoa dịu bằng một món quà tài trợ, dưới danh nghĩa của xanh đi ca, là một chiếc ghế vườn bằng nhôm nhẹ bẫng có thể gấp lại được để bác sĩ Daneeka có thể dễ dàng mang ra ngoài mỗi khi thượng sĩ White Halfoat vào trong lều và mang vào trong mỗi khi thượng sĩ White Halfoat ra ngoài lều. Bác sĩ Daneeka đã mất trí trong suốt trận ném bom vừa rồi của Milo; thay vì chạy đi tìm chỗ trú ẩn thì ông lại cứ ở ngoài trời mà thực hiện nhiệm vụ của mình, trườn sát mặt đất qua làn bom bi, bom oanh tạc, bom xăng như một con thằn lằn xảo trá, lén lút tới hết ca thương vong này đến ca thương vong khác, phân phát ga rô, morphinne, thanh nẹp, bột sulfar với vẻ mặt tối tăm sầu thảm, không nói thừa một lời, và coi mỗi vết thương xanh xám là một điềm gở về sự hủy hoại của chính ông. Ông làm việc liên tục đến kiệt sức khi đêm dài ấy còn chưa kết thúc và bị sổ mũi vào sáng hôm sau, một chứng bệnh đã khiến cho ông cáu kỉnh chạy vội vào lều quân y để Gus và Wes đo nhiệt độ và nhận một gói cao mù tạt cùng một bình xịt mũi.

Đêm đó bác sĩ Daneeka chăm sóc từng người bị thương đang nằm rên rỉ vẫn với tâm trạng đau buồn ủ rũ, sâu thẳm và hướng nội

mà ông đã thể hiện trên phi trường cái ngày diễn ra trận Avignon khi Yossarian trần truồng bước xuống từ máy bay, trong trạng thái sốc cực độ, vấy máu Snowden trên khắp gót chân, ngón chân, đầu gối, cánh tay, ngón tay trần, đoạn chỉ vào trong mà không nói một lời về phía tay súng trẻ đang nằm chết cóng trên sàn bên cạnh một tay súng khác trẻ hơn cứ ngất xỉu mỗi lần tỉnh dậy mở mắt ra và lại nhìn thấy Snowden đang chết.

Bác sĩ Daneeka lấy chăn khoác lên vai Yossarian, gần như dịu dàng, sau khi Snowden được đưa ra khỏi máy bay và chuyển vào xe cấp cứu trên một chiếc cáng. Ông dẫn Yossarian lên chiếc xe Jeep của mình. McWatt cũng giúp một tay, và ba người bọn họ im lặng lái xe về lều quân y của phi đoàn, tại đó McWatt và bác sĩ Daneeka đưa Yossarian ngồi xuống một chiếc ghế và rửa sạch dấu vết Snowden trên người y bằng những cục bông ướt và lạnh. Bác sĩ Daneeka cho y một viên thuốc và một mũi tiêm khiến y ngủ liền một giấc mười hai tiếng. Khi Yossarian tỉnh dậy và đến gặp, bác sĩ Daneeka lại đưa y một viên thuốc nữa và một mũi tiêm nữa để y lại ngủ thêm mười hai tiếng nữa. Khi Yossarian tỉnh dậy và đến gặp thêm một lần nữa, bác sĩ Daneeka cũng đã chuẩn bị sẵn cho y thêm một viên thuốc và một liều thuốc tiêm.

“Ông định cho tôi uống thuốc và tiêm cho tôi đến bao giờ?” Yossarian hỏi.

“Cho đến khi anh cảm thấy khỏe hơn.”

“Giờ thì tôi thấy khỏe rồi.”

Vầng trán rám nắng mỏng manh của bác sĩ Daneeka nhăn lại đầy ngạc nhiên. “Vậy thì tại sao anh không mặc quần áo vào? Sao anh đi khắp nơi trần truồng như vậy?”

“Tôi không muốn mặc quân phục nữa.”

Bác sĩ Daneeka chấp nhận lời giải thích và cất ống tiêm đi. “Anh có chắc là anh đã khỏe hẳn rồi không?”

“Tôi thấy ổn. Tôi chỉ hơi lờ phờ vì đống thuốc uống và thuốc tiêm ông đã cho tôi thôi.”

Yossarian tiếp tục công việc của mình mà không mặc quần áo trong suốt ngày hôm đó và vẫn trần truồng vào cuối buổi sáng hôm sau khi Milo, sau khi truy lùng khắp mọi nơi, cuối cùng đã tìm được y đang ngồi trên một cái cây không xa phía sau một nghĩa trang quân đội nhỏ xíu và kỳ cục nơi chôn Snowden. Milo mặc bộ đồ đi làm quen thuộc của gã - quần xanh ô liu nhạt, áo sơ mi mới xanh ô liu nhạt kèm cà vạt và một phù hiệu trung úy bạc lấp lánh trên cổ áo, mũ kê pi quân đội có lưỡi trai da cứng.

“Tôi cứ tìm anh khắp nơi mãi đấy,” Milo đứng ở dưới gọi với lên đầy vẻ trách móc.

“Lẽ ra anh phải tìm tôi ở cái cây này,” Yossarian trả lời. “Tôi ở trên này suốt buổi sáng.”

“Xuống đây nếm thử cái này đi rồi cho tôi biết xem có ngon không với. Quan trọng lắm đấy.”

Yossarian lắc đầu. Y tồng ngồng ngồi trên cành thấp nhất, hai cánh tay bám chặt lấy cành thẳng trên đầu để giữ thăng bằng. Y không chịu nhúc nhích và Milo chẳng còn lựa chọn nào khác ngoài nhăn nhó dang tay hết cỡ ra ôm lấy thân cây mà bắt đầu trèo. Gã chật vật vụng về leo lên, rên la và khò khè ầm ĩ, đến khi gã đu được người lên đủ cao để gác một chân lên cành cây nghỉ lấy hơi thì áo quần gã đã nhăn nhúm nhàu nát cả. Chiếc mũ kê pi bị lệch đi và

như sắp rơi đến nơi. Milo vội chộp ngay được chiếc mũ vừa kịp lúc nó bắt đầu trượt ra khỏi đầu. Những giọt mồ hôi lấp lánh như những viên ngọc trai trong suốt quanh hàng ria của gã và phình ra như những nốt rộp màu đá opal bên dưới mắt. Yossarian hờ hững quan sát gã. Milo thận trọng xoay người lại nửa vòng sao cho gã có thể đối diện với Yossarian. Gã gỡ lớp giấy bọc mỏng ra khỏi một thứ mềm, tròn và màu nâu, rồi đưa nó cho Yossarian.

“Làm ơn nếm thử và cho tôi biết ý kiến của anh. Tôi muốn cho mọi người ăn cái này.”

“Cái gì vậy?” Yossarian hỏi và cắn một miếng to.

“Bông bọc sô cô la.”

Yossarian ọe ra dữ dội và nhổ cả miệng đầy bông bọc sô cô la vào mặt Milo. “Đây, trả lại đấy!” y giận dữ phun ra. “Chúa ơi! Anh điên rồi à? Anh thậm chí còn không lấy những cái hạt chết tiệt ra.”

“Cố thử một lần đi, được không?” Milo cầu xin. “Nó không thể tệ như vậy được. Thực sự là nó tệ đến thế cơ à?”

“Thậm chí còn tệ hơn như thế ấy.”

“Nhưng tôi phải ép các nhà ăn cho mọi người ăn món này.”

“Họ sẽ không bao giờ nuốt được nó.”

“Họ phải nuốt trôi nó,” Milo ra lệnh với điệu bộ oai vệ độc đoán, và suýt ngã gãy cổ khi buông một tay ra để trỏ vào không trung một ngón tay chính nghĩa.

“Lại đây ra ngoài này đi,” Yossarian mời gã. “Anh sẽ an toàn hơn nhiều, và anh có thể nhìn được mọi thứ.”

Bám chặt cành cây ở trên đầu bằng cả hai tay, Milo nhích từng chút một dọc theo cành cây ra ngoài, thận trọng và e dè tột độ. Mặt gã cứng đơ vì căng thẳng nhưng rồi gã cũng được thở phào nhẹ nhõm khi thấy mình đã yên vị bên cạnh Yossarian. Gã vuốt ve cái cây âu yếm. “Thật là một cái cây tốt,” gã ngưỡng mộ nhận xét với vẻ biết ơn của một ông chủ.

“Nó chính là cây đời đấy,” Yossarian trả lời, ngọ nguậy ngón chân, “cũng là cây tri thức về thiện và ác nữa.”

Milo nheo mắt nhìn sát vào vỏ cây và các cành cây. “Không, không phải đâu,” gã đáp. “Nó là cây hạt dẻ. Tôi biết chứ. Tôi bán hạt dẻ mà.”

“Tùy anh.”

Họ ngồi trên cây không nói gì trong vài giây, chân đung đưa còn tay gần như giơ thẳng lên bám vào cành cây ở trên, một kẻ không gì che thân, chỉ có một đôi xăng đan đế kếp, kẻ kia chỉnh tề trong quân phục vải len xanh ô liu nhạt với cà vạt thắt chặt. Milo dè dặt liếc mắt nhìn Yossarian, ngập ngừng ướm lời.

“Tôi muốn hỏi anh vài điều,” cuối cùng gã nói. “Anh không mặc tấm áo manh quần nào. Tôi không muốn xía vào chuyện của anh hay gì, tôi chỉ muốn biết. Tại sao anh lại không chịu mặc quân phục?”

“Tôi không muốn.”

Milo gật đầu lia lịa như một con chim sẻ mổ thóc. “Tôi biết, tôi biết,” gã nhanh chóng tuyên bố với vẻ bối rối sâu sắc. “Tôi hoàn toàn hiểu. Tôi nghe Appleby và đại úy Black nói anh đã phát điên, và tôi

chỉ muốn xác nhận.” Gã lại lịch sự ngập ngừng đặt câu hỏi tiếp theo. “Anh định không bao giờ mặc lại quân phục nữa đấy à?”

“Tôi cho là vậy.”

Milo gật đầu với vẻ hăm hở giả dối để tỏ ra rằng gã vẫn hiểu và rồi ngồi im, trầm ngâm ủ ê với nỗi lo âu rối bời. Một con chim mào đỏ bay vụt qua bên dưới, đôi cánh thẫm màu cọ vào một bụi rậm rung rinh. Yossarian và Milo được che chở dưới những lớp lá xanh mỏng như giấy nghiêng dốc và bao quanh bởi mênh mông những cây hạt dẻ màu xám khác và một cây vân sam màu bạc. Mặt trời ở cao trên đầu giữa một bầu trời rộng lớn màu xanh ngọc bích điểm xuyết thảng hoặc những đám mây xốp trắng nõn thấp là là. Không một ngọn gió, và những chiếc lá cây ở trên đầu họ treo mình bất động. Bóng râm mượt như tơ. Tất cả đều ngoại trừ Milo, gã bất chợt đứng thẳng dậy, kêu lên một tiếng nghẹn ngào đoạn chỉ trỏ đầy khích động.

“Nhìn kìa!” gã thảng thốt. “Nhìn kìa! Dưới kia đang có một đám tang. Có vẻ như đó là một nghĩa địa, có phải không?”

Yossarian từ tốn trả lời, giọng không đổi tông. “Họ đang chôn thằng nhóc bị giết trên máy bay của tôi trong trận Avignon hôm đó. Snowden.”

“Chuyện gì đã xảy ra với cậu ta?” Milo hỏi, giọng thì thào vì kinh sợ.

“Cậu ta bị giết.”

“Kinh khủng quá,” Milo rầu rĩ, và cặp mắt to màu nâu của gã ầng ậng nước mắt. “Tội nghiệp thằng bé. Quá là kinh khủng.” Gã mím chặt cặp môi run run, và giọng gã to dần lên trong xúc động. “Và sẽ

còn tệ hơn nữa nếu như các nhà ăn không chịu mua bông của tôi. Yossarian. Bọn họ sao vậy? Họ không hiểu rằng xanh đi ca này là của họ hay sao? Họ không biết rằng tất cả bọn họ đều có phần hay sao?"

"Thế xác chết trong lều của tôi có phần không?" Yossarian chua cay hỏi gặng.

"Dĩ nhiên gã cũng có phần," Milo hào phóng cam đoan. "Tất cả mọi người trong phi đoàn đều có phần."

"Anh ta bị giết trước cả khi gia nhập phi đoàn này."

Milo khoác lên một vẻ mặt nhăn nhó đau khổ đầy thuần thục và quay đi. "Tôi xin anh đừng lấy xác chết trong lều của anh ra để kiếm chuyện với tôi nữa," gã cầu xin trong dằn dỗi. "Tôi đã bảo anh rằng tôi chẳng liên quan gì tới việc anh ta bị giết. Tôi thấy có cơ hội lớn khi đầu cơ bông Ai Cập nên mới khiến chúng ta lâm vào cảnh rắc rối này, thì liệu đấy có phải là lỗi của tôi không? Liệu tôi có phải biết trước rằng năm nay bông được mùa? Lúc đó tôi thậm chí còn không biết mùa có nghĩa là gì. Một cơ hội đầu cơ như vậy không xuất hiện thường xuyên đâu, và tôi phải khá khôn ngoan mới túm lấy nó ngay khi nó tới." Milo nén một tiếng rên khi thấy sáu người hộ tang mặc quân phục đang nhấc chiếc quan tài gỗ thông đơn sơ ra khỏi xe cấp cứu và nhẹ nhàng đặt nó xuống đất bên một huyệt mộ mới đào đang ngoác miệng sâu hoắm. "Còn giờ thì tôi không thể thoát khỏi cái đống không đáng một xu đó," gã rền rĩ.

Yossarian không mảy may xúc động trước những lời sáo rỗng khó hiểu của lễ tang lẫn cái tổn thất liểng xiểng của Milo. Giọng cha tuyên úy từ xa mỏng mảnh trôi tới chỗ y thành một dòng đều đều không sao hiểu nổi, hầu như không nghe ra, chỉ như tiếng rì rầm

phảng phất. Yossarian có thể nhận ra thiếu tá Major nhờ dáng cao lớn lênh khênh hơn hẳn mọi người và y nghĩ là y còn thấy thiếu tá Danby đang lau trán bằng một chiếc khăn tay. Từ sau vụ lùm xùm với tướng Dreedle tới giờ thiếu tá Danby vẫn chưa hết run. Xung quanh ba sĩ quan là những hàng lính trơn khuôn thành một vòng cung, tất cả đều bất động như gỗ, và bốn người đào huyệt kiệt sức chán nản đứng ườn ra hờ hững, chân gác lên xẻng bên một đống khủng khiếp, dị kỳ toàn đất đỏ tơi. Trong lúc Yossarian vẫn nhìn trân trối, cha tuyên úy trang trọng nâng ánh mắt về phía Yossarian làm động tác ấn ngón tay lên cầu mắt để thể hiện sự đau lòng, rồi lại ngó lên Yossarian dò xét, đoạn cúi đầu xuống và kết thúc cái mà Yossarian cho là phần cao trào của lễ tang. Bốn người đàn ông đang kiệt sức kia quàng dây nhấc chiếc quan tài lên và hạ nó xuống huyệt. Milo run rẩy dữ dội.

"Tôi không thể xem cảnh này," gã nấc lên, khổ sở quay mặt đi. "Tôi không thể cứ ngồi đây mà nhìn trong lúc mấy cái nhà ăn đó mặc cho xanh đi ca của tôi chết." Gã nghiến răng và lắc đầu trong nỗi thống khổ và oán giận cay đắng. "Nếu họ có chút lòng trung thành nào thì họ sẽ mua bông của tôi cho đến khi không thể chịu đựng nổi để rồi lại mua thêm bông của tôi cho đến khi không thể chịu được thêm một chút nữa. Họ sẽ mua lửa về mà đốt sạch đồ lót và quân phục mùa hè của họ để tăng cầu. Nhưng họ lại không làm gì. Yossarian, thử ăn nốt mấy viên bông bọc sô cô la này cho tôi xem nào. Biết đâu giờ nó lại ngon."

Yossarian đẩy tay gã ra. "Thôi đi Milo. Bông không ăn được."

Mặt Milo rúm lại đầy vẻ xảo trá. "Không hẳn là bông đâu," gã ngon ngọt. "Lúc nãy tôi đùa ấy mà. Thật ra là kẹo bông đó, kẹo bông

loại ngon. Nếm thử thì biết."

"Anh lại đang nói dối đấy."

"Tôi không bao giờ nói dối," Milo đáp với vẻ ngời ngời phẩm giá.

"Ngay lúc này anh đang nói dối đấy."

"Tôi chỉ nói dối khi cần thiết," Milo lấp liếm, mắt đánh sang chỗ khác một lúc rồi đắc thắng chớp chớp hàng mi. "Cái này còn ngon hơn kẹo bông, thật đấy. Nó được làm từ bông thật. Yossarian này, anh phải giúp tôi bắt mọi người ăn nó. Bông Ai Cập là loại bông tốt nhất thế giới đấy."

"Nhưng nó đâu có tiêu hóa được," Yossarian nhấn mạnh. "Nó sẽ khiến cho họ bị ốm, anh không hiểu à? Nếu đã không tin tôi thì sao anh không tự đi mà ăn thử?"

"Tôi thử rồi đấy chứ," Milo buồn bã thú nhận. "Và nó đã khiến cho tôi bị ốm."

Nghĩa địa vàng như cỏ khô và xanh như bắp cải nấu chín. Một lúc sau cha tuyên úy lùi lại, vòng cung lưỡi liềm màu be xếp bằng người bắt đầu chậm chạp vỡ ra, như những mảnh tàu vỡ trôi dạt. Mọi người tản ra không vội vàng, không một tiếng động để đi về những chiếc xe đang đỗ dọc theo con đường gập ghềnh bụi bặm. Đầu cúi xuống chán chường, cha tuyên úy, thiếu tá Major và thiếu tá Danby đi về phía những xe Jeep của họ như một nhóm những kẻ đi đày, mỗi người đều đơn độc giữ mình cách xa vài bước khỏi hai người còn lại.

"Thế là đã kết thúc cả rồi," Yossarian nhận xét.

"Thế là đã hết," Milo uể oải đồng ý. "Chẳng còn hy vọng nào nữa. Và tất cả là bởi vì tôi đã cho phép bọn họ tự quyết. Đó là một bài học

về tính kỷ luật cho lần sau nếu như tôi có làm một vụ tương tự như này nữa.”

“Tại sao anh không bán bông của anh cho chính phủ?” Yossarian thận trọng gợi ý, trong lúc nhìn bốn người đang chán nản kiệt sức kia trút những xẻng đất màu đỏ đồng trở lại huyệt.

Milo cộc cằn phủ quyết ý tưởng này. “Đây là vấn đề nguyên tắc,” gã giải thích chắc nịch. “Chính phủ không có việc gì để làm trong kinh doanh cả, và tôi sẽ không đời nào muốn để việc làm ăn của tôi phải dây với chính phủ. Nhưng công việc của chính phủ chính là chăm lo việc làm ăn,” gã chợt nhớ ra và tiếp tục phấn chấn nói. “Calvin Coolidge đã nói ý như thế, và Calvin Coolidge là tổng thống, do vậy nó phải đúng. Nên đúng ra thì chính phủ phải có trách nhiệm mua hết số bông Ai Cập mà tôi có nhưng không ai cần để cho tôi thu lời, có phải không?” Rồi mặt Milo lại sa sầm gần như ngay lập tức, và tâm trạng gã lại chìm vào bất an buồn bã. “Nhưng tôi phải làm thế nào để chính phủ làm việc đó?”

“Hối lộ,” Yossarian nói.

“Hối lộ!” Milo cảm thấy như bị xúc phạm đến suýt mất thăng bằng mà ngã lộn cổ như lần trước. “Anh thật đáng xấu hổ!” gã quở trách dữ dội, hít ngọn lửa đạo đức xuống rồi lại thổi nó lên vào bộ ria bạc màu gỉ sắt qua lỗ mũi căng phồng và cặp môi đứng đắn. “Hối lộ là phạm pháp, ta biết là vậy. Nhưng kiếm lời thì không phạm pháp, phải không? Do vậy nếu như tôi hối lộ cho ai đó để kiếm lời thì không thể nào là phạm pháp được, đúng không? Đúng, dĩ nhiên là không rồi!” Thế rồi gã lại rơi vào trầm tư, với vẻ buồn đau cam chịu, gần như đáng thương hại. “Nhưng tôi làm sao biết được nên hối lộ ai?”

“Ồ, chuyện đó thì anh đừng lo,” Yossarian an ủi gã với tiếng cười nhạt khi tiếng động cơ của những chiếc xe Jeep và xe cứu thương phá tan sự yên tĩnh uể oải và những chiếc xe ở phía sau bắt đầu lùi dần ra xa. “Anh chỉ cần hối lộ đủ nhiều thì họ sẽ tự tìm đến anh. Chỉ cần chắc chắn rằng anh làm mọi việc thật công khai. Cứ cho tất cả mọi người biết chính xác anh muốn gì và anh sẵn lòng trả bao nhiêu. Nếu anh hành xử như là có tội hoặc cảm thấy xấu hổ thì anh sẽ gặp rắc rối.”

“Giá mà anh đi cùng tôi thì hay biết mấy,” Milo nhận xét. “Tôi không cảm thấy yên tâm khi ở với những kẻ nhận hối lộ. Họ cũng chẳng tử tế gì hơn một lũ lừa đảo.”

“Anh sẽ ổn thôi,” Yossarian quả quyết trấn an gã. “Nếu anh gặp rắc rối thì cứ nói với tất cả mọi người rằng an ninh quốc gia đòi hỏi có một nền công nghiệp đầu cơ bông Ai Cập đủ mạnh.”

“Đúng vậy,” Milo nghiêm trang nói. “Một nền công nghiệp đầu cơ bông Ai Cập mạnh có nghĩa là một nước Mỹ mạnh hơn nhiều.”

“Tất nhiên rồi. Và nếu nói vậy cũng không ăn thua thì cứ chỉ ra một số lượng lớn các gia đình Mỹ đang kiếm sống nhờ nó.”

“Đúng là có rất nhiều gia đình Mỹ kiếm sống nhờ nó.”

“Thấy chưa?” Yossarian nói. “Anh làm việc đó giỏi hơn tôi nhiều. Nghe anh nói cứ như thật vậy.”

“Thì đó là sự thật mà,” Milo kêu lên, dấu vết ngạo mạn cũ lộ ra rõ nét.

“Ý tôi chính là như vậy đấy. Anh làm được việc đó với đủ sức thuyết phục.”

“Anh chắc là anh sẽ không đi cùng tôi chứ?”

Yossarian lắc đầu.

Milo sốt ruột muốn bắt đầu ngay. Gã nhét phần còn lại của cục bông bọc sô cô la vào túi áo rồi thận trọng men dọc theo cành cây về với cái thân cây xám nhẵn. Gã vụng về và hào phóng choàng tay ôm lấy thân cây và bắt đầu tụt xuống, đôi giày đế da của gã trượt liên tục khiến cho nhiều lần gã suýt ngã bị thương. Xuống được nửa đường, gã đổi ý và leo ngược trở lên. Những mẩu vỏ cây dính khắp ria gã, và gương mặt căng thẳng của gã đỏ lên vì quá sức.

“Tôi mong anh mặc quân phục vào thay vì đi khắp nơi trần truồng như vậy,” gã trầm ngâm tâm sự trước khi lại trèo xuống và vội vã rời đi. “Anh có thể tạo ra một xu hướng ăn mặc mới, mà nếu vậy thì tôi sẽ không bao giờ thoát được khỏi đống bông chết tiệt này mất.”

25 CHA TUYÊN ÚY

Đã một thời gian khá dài, cha tuyên úy vẫn tự hỏi về ý nghĩa của tất cả mọi thứ. Có Chúa không? Làm sao gã có thể tin chắc được? Trong những điều kiện tốt nhất thì làm một giáo sĩ dòng Anabaptist trong quân đội Mỹ đã chẳng dễ dàng gì; nhưng không có tín lý, đó còn là một việc gần như không thể chấp nhận nổi.

Những người nói to làm cho gã sợ. Những người can đảm, hung hăng thích động chân động tay như đại tá Cathcart khiến cho gã có cảm giác bất lực và cô đơn. Trong quân đội Mỹ, đi đến đâu gã cũng là người xa lạ. Cả lính trơn lẫn sĩ quan đều không cư xử với gã giống như cách họ cư xử với những binh sĩ và sĩ quan khác, thậm chí các cha tuyên úy khác cũng không thân thiện với gã như giữa họ với nhau. Trong một thế giới mà thành công là đức hạnh duy nhất, gã đã phải bất lực thu mình vào loại thất bại. Gã đau đớn nhận ra rằng gã thiếu sự tự tin cần thiết của một giáo sĩ và thiếu *savoir-faire*[(58)], thứ đã giúp cho rất nhiều đồng nghiệp của gã ở các tôn giáo khác và ở các giáo phái khác tiến thân. Đơn giản là gã không có tố chất để trở nên xuất sắc. Gã tự thấy bản thân rất xấu xí và ngày nào cũng chỉ muốn được về nhà với vợ.

Thực ra, cha tuyên úy cũng suýt thì được coi là đẹp trai, với một gương mặt dễ chịu, nhạy cảm, trắng xanh và mong manh dễ vỡ như

sa thạch. Gã rất cởi mở trong mọi chủ đề.

Có lẽ chính gã là Washington Irving, và có lẽ chính gã đã ký tên Washington Irving lên những lá thư thật mà không hề hay biết. Việc thỉnh thoảng bị mất trí nhớ như vậy cũng không phải là chuyện hiếm xảy ra trong lịch sử y học, gã biết điều đó. Không thể thực sự biết chắc chắn được một điều gì cả. Gã nhớ rất rõ - hoặc là cảm thấy nhớ rất rõ - cái cảm giác rằng gã đã gặp Yossarian đâu đó trước cái lần đầu tiên gặp Yossarian nằm trên giường bệnh viện. Gã cũng nhớ đã trải nghiệm cùng một cảm giác bồn chồn lo lắng đó khoảng hai tuần sau, khi Yossarian xuất hiện ở lều của gã để xin được miễn ra trận. Trước vụ đó, dĩ nhiên rồi, cha tuyên úy cũng đã gặp Yossarian, trong phòng bệnh kỳ cục dị giáo nơi dường như bệnh nhân nào cũng có tội ngoại trừ bệnh nhân bất hạnh bị bọc kín mít từ đầu tới chân trong băng và bột thạch cao trắng, kẻ mà một hôm bị phát hiện ra là đã chết với nhiệt kế trong miệng. Nhưng ấn tượng của cha tuyên úy về lần gặp gỡ trước đó nữa, lại là một dịp khác quan trọng và huyền bí hơn thế nhiều, một cuộc chạm trán vĩ đại với Yossarian ở một kỷ nguyên xa xôi, chìm khuất và có lẽ thậm chí thuần tinh thần mà ở đó gã đã đưa ra lời thú nhận đầy tính phán quyết rằng gã không thể, hoàn toàn không thể giúp được gì cho Yossarian.

Những nghi ngờ kiểu như vậy cứ không ngừng giày vò tấm thân mỏng mảnh khốn khổ của cha tuyên úy. *Liệu* có hay không chỉ một đức tin đích thực, hay kiếp sau? Có bao nhiêu thiên thần có thể nhảy múa trên đầu kim, và Chúa bận làm gì trong toàn bộ khoảng thời gian vô tận trước ngày Sáng thế? Tại sao lại cần phải có dấu bùa bảo vệ lên trán Cain[59] nếu như không có ai để làm nguy hại tới gã? Liệu Adam và Eva hồi đó có sinh ra cô con gái nào không? Đó là những câu hỏi vĩ đại, phức tạp về bản thể học luôn hành hạ gã.

Tuy vậy, với gã chúng cũng chưa cốt tử bằng câu hỏi về lòng tốt và hành vi tốt. Gã day dứt đến toát mồ hôi trong cái song đề nhận thức của những kẻ theo chủ nghĩa hoài nghi, không thể chấp nhận lời giải cho những bài toán không thể giải mà cũng không sẵn lòng coi chúng là không thể giải để mà bỏ qua. Gã không bao giờ không đau khổ, mà cũng không bao giờ không hy vọng.

"Có khi nào," hôm ấy, trong lều của mình, gã đã ngập ngừng hỏi Yossarian khi Yossarian ngồi đó hai tay ôm chai Coca còn ấm mà cha tuyên úy đã dùng cho y khuây khỏa, "anh ở trong tình huống mà anh cảm thấy như là từng trải qua nó rồi, mặc dù anh biết đó mới chỉ là lần trải nghiệm đầu tiên?" Yossarian gật đầu chiếu lệ, và nhịp thở của cha tuyên úy gấp dần lên vì hồi hộp trong lúc gã chuẩn bị tinh thần kết hợp sức mạnh ý chí với Yossarian trong một nỗ lực phi thường để cuối cùng có thể xé bỏ những khoảng tối khổng lồ đang che phủ lên những bí ẩn vĩnh hằng về hiện tồn. "Lúc này anh có cảm giác đó không?"

Yossarian lắc đầu và giải thích rằng *déjà vu* chỉ là một khoảng trễ vi tế trong quá trình vận hành của hai trung tâm thần kinh cảm giác mà thông thường luôn hoạt động đồng thời. Cha tuyên úy hầu như không để ý tới lời y. Gã đang thất vọng, nhưng không hề ngả về hướng tin Yossarian, bởi vì gã đã nhận được một dấu hiệu, một thị kiến bí mật và bí ẩn mà gã vẫn chưa đủ dũng cảm để tiết lộ ra. Những hàm ý phi thường trong sự mặc khải của cha tuyên úy là không thể nhầm lẫn: đó hoặc là một nhận thức thấu suốt có nguồn gốc siêu phàm hoặc là một ảo giác; gã hoặc là đã được thánh thần ban phước hoặc là đã mất trí. Cả hai khả năng này đều khiến gã sợ hãi và phiền muộn như nhau. Đó không phải là *déjà vu, presque vu* hay *jamais vu*. Có thể còn có những *vu* khác mà gã chưa từng biết

và có thể một trong những *vu* đó lại giải thích súc tích được hiện tượng biến ảo mà gã vừa là một chứng nhân vừa là người trong cuộc; thậm chí cũng có thể tất cả những gì gã nghĩ là đã xảy ra đều thực sự chưa từng xảy ra, và gã đang gặp phải những trục trặc trong trí nhớ chứ không phải trong nhận thức, và gã chưa bao giờ thực sự nghĩ rằng gã đã nhìn thấy, cái ấn tượng hiện tại của gã rằng gã đã từng một lần nghĩ như vậy chỉ đơn giản là một ảo ảnh của một ảo ảnh, và lúc này gã chỉ đang tưởng tượng rằng gã đã từng có lúc tưởng tượng mình nhìn thấy một người đàn ông trần truồng đang ngồi trên một cái cây ở nghĩa địa.

Giờ thì cha tuyên úy đã thấy rõ rằng gã không phù hợp với công việc của mình, và gã thường suy tư xem liệu gã có không hạnh phúc hơn nếu như làm gì khác, ví dụ như một binh nhì bộ binh hay pháo binh, hoặc thậm chí làm lính dù. Gã không có bạn bè đích thực. Trước khi gặp Yossarian, không có ai trong liên đoàn gã thấy dễ chịu khi gặp, và gã cũng hiếm khi thấy dễ chịu khi gặp Yossarian, bởi những hành động thiếu suy nghĩ và những cơn bùng nổ ngoan cố của Yossarian khiến gã gần như lúc nào cũng thấy áp lực và luôn trong trạng thái bối rối mơ hồ. Cha tuyên úy cảm thấy an toàn khi ngồi trong câu lạc bộ sĩ quan cùng với Yossarian và Dunbar, và thậm chí chỉ có Nately và McWatt cũng được. Khi ngồi cùng bọn họ, gã không cần phải ngồi cùng ai nữa; vấn đề tìm chỗ ngồi của gã đã được giải quyết và gã không phải ngồi cùng với những kẻ không mong muốn vẫn luôn nhiệt liệt chào đón gã đến và rồi lại sốt ruột ngồi đợi gã đi. Gã khiến cho quá nhiều người trở nên mất tự nhiên. Ai nấy đều luôn rất thân thiện với gã nhưng chẳng ai dễ thương cho lắm; ai nấy đều chuyện trò với gã nhưng chẳng ai nói ra cái gì cả. Yossarian và Dunbar thì dễ chịu hơn nhiều, và cha tuyên úy hiếm khi

không cảm thấy thoải mái khi ngồi cùng bọn họ. Họ thậm chí còn bảo vệ gã vào đêm đại tá Cathcart một lần nữa lại cố tống cổ gã khỏi câu lạc bộ sĩ quan, khi đó Yossarian đã hùng hổ đứng dậy can thiệp còn Nately thì hét toáng lên, "*Yossarian!*" để kiềm chế y. Đại tá Cathcart mặt trắng bệch ra khi nghe đến tên Yossarian và, trước sự kinh ngạc của mọi người, đã kinh hoàng cuống cuồng rút chạy tới mức va cả vào tướng Dreedle, ông này bực bội huých cùi chỏ xô đại tá ra rồi ra lệnh cho gã lập tức quay trở lại để ra lệnh cho cha tuyên úy tiếp tục đến câu lạc bộ sĩ quan hằng đêm.

Đối với cha tuyên úy, việc duy trì vị trí ở câu lạc bộ sĩ quan cũng khó khăn như việc nhớ được mình phải ăn bữa tiếp theo ở nhà ăn nào trong số mười nhà ăn của liên đoàn. Nếu không có niềm vui tìm được với những người bạn mới thì gã thà chịu cảnh bị đá ra ngoài câu lạc bộ sĩ quan đó còn hơn. Thực ra nếu gã không tới câu lạc bộ sĩ quan hằng tối thì cũng chẳng còn chỗ nào khác để đi. Gã có thể giết thời gian ở bàn của Yossarian và Dunbar bằng một nụ cười rụt rè kín đáo, hiếm khi nói trừ phi bị hỏi, một ly rượu vang ngọt đậm gần như không nhấp môi đặt trước mặt trong lúc gã lúng túng nghịch một tẩu thuốc lõi ngô nhỏ xíu mà gã e dè ưa thích và thỉnh thoảng lại nhồi thuốc vào đó mà hút. Gã thích nghe Nately nói, những lời than vãn ủy mị buồn vui lẫn lộn của Nately phản chiếu rất nhiều phần nỗi muộn phiền lãng mạn của chính gã và chưa từng thất bại trong việc làm trỗi dậy trong gã những cơn sóng lòng mang nỗi nhớ vợ con. Cha tuyên úy sẽ động viên Nately với những cái gật đầu đầy cảm thông hoặc đồng thuận, thích thú trước sự chất phác và non trẻ của Nately. Nately không quá hãnh diện phô trương khi cô nàng của cậu là gái điếm, và cha tuyên úy biết chuyện chủ yếu là từ đại úy Black, kẻ chưa từng ngật ngưỡng đi qua bàn họ mà không

có một cái nháy mắt đầy lộ liễu với cha tuyên úy cùng vài câu chế nhạo nhạt nhẽo và xúc phạm về cô gái đó với Nately. Cha tuyên úy không bằng lòng với cái kiểu ấy của đại úy Black và cảm thấy khó cưỡng được việc phải nguyền rủa gã ta.

Không có ai, ngay cả Nately, tỏ ra thực sự thấu hiểu rằng gã, cha tuyên úy Robert Oliver Shipman, không chỉ là một cha tuyên úy mà còn là con người, rằng gã còn có một người vợ quyến rũ, nồng nàn và xinh đẹp mà gã yêu gần như đến phát điên và có ba đứa con nhỏ mắt xanh biêng biếc với những khuôn mặt kỳ lạ đang bị gã dần lãng quên, những đứa trẻ mà một ngày nào đó sẽ lớn lên rồi coi gã như một kẻ lập dị và có lẽ còn không bao giờ tha thứ cho gã vì toàn bộ nỗi xấu hổ với xã hội mà nghề nghiệp của gã gây ra cho chúng. Tại sao không có ai hiểu được rằng gã không phải là một kẻ lập dị mà là một người trưởng thành bình thường, cô đơn đang cố sống một cuộc sống trưởng thành bình thường, cô đơn? Nếu họ đâm kim vào gã, gã không rỉ máu ư? Và nếu họ cù gã, gã không cười ư? Dường như họ chưa bao giờ nghĩ rằng gã, cũng giống như họ, cũng có mắt, có tay, có các bộ phận khác trên cơ thể, có các chiều kích, có các giác quan và có tình cảm, rằng gã cũng bị thương bởi cùng những loại vũ khí làm họ bị thương, cũng cảm thấy nóng bức hay mát lạnh bởi cùng những làn gió và cùng ăn một loại thức ăn, mặc dù, gã buộc phải thế, mỗi bữa gã lại ăn ở một nhà ăn khác. Người duy nhất tỏ ra biết rằng gã cũng có cảm xúc là hạ sĩ Whitcomb, kẻ vừa làm tổn thương toàn bộ số cảm xúc ấy bằng cách vượt cấp đến gặp đại tá Cathcart với đề nghị gửi những lá thư chia buồn theo mẫu tới gia đình của những người lính bị giết hoặc bị thương ngoài mặt trận.

Vợ là thứ duy nhất trên đời mà cha tuyên úy có thể tin tưởng, và giá như gã được sống suốt đời với cô ấy và những đứa con thì hẳn

như vậy đã là đủ. Vợ gã là một phụ nữ nhỏ bé, kín đáo và dễ chịu mới ngoài ba mươi, da rất sẫm màu và rất hấp dẫn, eo con kiến, đôi mắt bình thản thông minh, hàm răng nhỏ, trắng và nhọn trên khuôn mặt trẻ thơ lanh lợi và xinh xắn; còn mặt của những đứa con thì gã cứ quên hoài, và mỗi khi gã xem ảnh là lại thêm một lần như thấy mặt chúng lần đầu tiên. Cha tuyên úy yêu vợ và con với tình cảm mãnh liệt bất khả chế ngự tới mức nhiều khi gã muốn gục xuống đất trong tuyệt vọng và khóc nấc lên như một thằng tàn tật bị ruồng bỏ. Gã luôn bị hành hạ bởi những tưởng tượng chết chóc về họ, bởi những điềm báo thảm khốc, gớm ghiếc về bệnh tật và tai nạn. Các suy tưởng của gã bị ô uế bởi những nguy cơ bệnh chết người như u Ewing hay bệnh máu trắng; và gã thấy cậu con trai bé bỏng của mình chết hai hoặc ba lần mỗi tuần bởi vì gã chưa bao giờ dạy vợ cách xử trí khi bị chảy máu động mạch; và gã chứng kiến, trong lặng im đẫm nước mắt và tê liệt, cái cảnh cả nhà gã bị điện giật chết, từng người từng người một, ở chỗ ổ điện sát chân tường bởi vì gã chưa bao giờ bảo vợ rằng cơ thể con người có thể dẫn điện; cả bốn người bị chết cháy gần như mỗi đêm khi bình đun nước nóng bị nổ và thiêu rụi căn nhà gỗ hai tầng; và gã chứng kiến, rõ mồn một đến từng chi tiết rùng rợn, nhẫn tâm và ghê tởm, hình ảnh cơ thể thanh mảnh và mong manh của người vợ thân yêu xấu số bị nghiến nát vào bức tường gạch của một khu chợ thành một đám thịt bầy nhầy bởi một tay tài xế say xỉn mặt đỏ gay, đoạn lại chứng kiến cảnh cô con gái năm tuổi đang hoảng loạn bị kéo ra khỏi cảnh tượng kinh khủng đó bởi một quý ông trung niên tốt bụng với mái tóc bạc trắng, kẻ sau đó đã liên tục cưỡng hiếp và giết luôn con bé ngay khi lái xe đưa nó tới một sân chơi cát bỏ hoang, trong khi đó hai đứa em còn lại bị bỏ đói đến chết ở trong nhà sau khi bà ngoại, người trông nom

chúng, chết vì đau tim khi nghe thông báo về cái chết của vợ gã qua điện thoại. Vợ cha tuyên úy là một phụ nữ ngọt ngào, dịu dàng và ý tứ, và gã thèm khát lại được chạm vào làn da ấm áp ở cánh tay mảnh mai của cô, thèm được vuốt mái tóc đen mềm của cô, thèm được nghe giọng nói thân mật và đầy an ủi của cô. Cô mạnh mẽ hơn gã rất nhiều. Tuần nào gã cũng viết cho cô những lá thư ngắn gọn, bình yên, đôi khi một tuần hai lá. Gã cả ngày muốn viết cho cô những bức thư tình cuồng nhiệt, và muốn phủ lên những trang giấy bất tận những lời tự thú tuyệt vọng, không kiềm chế về sự sùng bái và nhu cầu hèn mọn của mình, và kèm theo đó là những hướng dẫn chi tiết cách hô hấp nhân tạo. Gã muốn giội tràn lên cô những dòng thác lũ thương thân mang theo tất cả những nỗi cô đơn và tuyệt vọng không sao chịu đựng nổi đồng thời nhắc nhở cô không bao giờ được để axít boric và thuốc aspirin trong tầm với của trẻ con và không được qua đường khi có đèn đỏ. Gã không muốn làm cho cô lo lắng. Vợ cha tuyên úy là một người rất nhạy cảm, dịu dàng, giàu lòng trắc ẩn và dễ cảm thông. Vậy nên điều gần như không thể tránh khỏi là những giấc mộng được tái hợp với cô đều kết thúc bằng những hành động làm tình cụ thể.

Cha tuyên úy nhận thấy rõ rệt nhất sự lừa dối của mình khi điều khiển các buổi lễ tang, và gã chẳng hề kinh ngạc khi nhận ra rằng bóng ma trên cây ngày đó chính là để biểu thị rằng Đấng Toàn Năng đã khiển trách gã vì những báng bổ và kiêu ngạo gắn liền với cái cách gã tiến hành buổi lễ. Đội lốt nghiêm trang, vờ vịt đau khổ và giả bộ có hiểu biết siêu việt về kiếp sau trong một hoàn cảnh đầy đáng sợ và bí hiểm như cái chết dường như là tội báng bổ nặng nhất. Gã nhớ lại - hoặc gần như tin chắc là đang nhớ lại - vẹn nguyên cái cảnh ở nghĩa trang hôm đó. Gã như vẫn còn thấy thiếu tá Major và

thiếu tá Danby đang ủ rũ đứng như hai cột đá vỡ hai bên mình, thấy gần như chính xác số lượng binh lính tham dự lễ tang và gần như chính xác vị trí đứng của họ, thấy bốn người với bốn cái xẻng đứng yên, cái quan tài kinh tởm và đống đất lớn, tơi, màu đỏ nâu ngạo nghễ, cùng bầu trời mênh mông, tĩnh lặng, thăm thẳm, ngột ngạt, trống rỗng và xanh kỳ quái đến mức gần như khiến ta nhiễm độc. Gã sẽ mãi nhớ, bởi vì tất cả đều là những phần không thể tách rời khỏi sự kiện lạ thường nhất từng xảy đến với gã, một sự kiện có lẽ còn phi thường, có lẽ còn bệnh hoạn - chứng kiến một người đàn ông trần truồng ở trên cây. Làm sao gã có thể giải thích được điều đó? Đó không phải là đã thấy hay chưa bao giờ thấy, và chắc chắn cũng không phải gần như thấy; cả *déjà vu*, *jamais vu* hay *presque vu* đều không đủ để hàm chứa nó. Đó có phải là một bóng ma? Một linh hồn người chết? Một thiên thần đến từ thiên đàng hay một tiểu quỷ từ địa ngục? Hay là toàn bộ hồi kịch kỳ quái này chỉ là điều bịa đặt đến từ một trí tưởng tượng bệnh hoạn, của chính gã, sinh ra từ một trí óc đang suy kiệt, một bộ não đang thối rữa? Cái khả năng rằng thực đã có một người đàn ông trần truồng ở trên cây - đúng ra là hai người, bởi vì ngay sau đó đã có người thứ hai với bộ ria nâu và trang phục tối màu đầy điềm gở từ đầu đến chân cúi gập mình về phía trước như đang hành lễ dọc theo một cành cây để đưa cho người đầu tiên thứ gì đó để uống trong một ly màu nâu - chưa từng sượt qua tâm trí gã.

Cha tuyên úy thực tâm rất thích giúp đỡ người khác, nhưng gã chưa từng giúp được ai, kể cả Yossarian khi gã cuối cùng đã quyết nhảy vào lửa mà bí mật tới gặp thiếu tá Major để tìm hiểu tình hình ở đó xem có đúng như Yossarian đã nói là mọi người ở liên đoàn do đại tá Cathcart chỉ huy đang bị ép phải bay chiến đấu nhiều hơn

những người khác hay không. Đó là một nước cờ mạo hiểm và bồng bột mà cha tuyên úy đã quyết định đi sau khi lại cãi nhau với hạ sĩ Whitcomb và phải dùng thứ nước nhạt nhẽo ở căng tin mà cố nuốt cho trôi bữa trưa ảm đạm chỉ có một chiếc Milky Way và một chiếc Baby Ruth. Gã đi bộ tới chỗ thiếu tá Major để hạ sĩ Whitcomb không biết gã đã đi, lén lút lẩn vào rừng không một tiếng động cho đến khi hai cái lều trong khu đất trống bị bỏ lại đằng sau, rồi nhảy xuống đi dưới hào đường tàu bỏ hoang vì ở đó có thể đứng vững hơn. Gã hối hả đi dọc theo những thanh tà vẹt gỗ hóa thạch đó với cơn giận muốn phản kháng càng lúc càng sôi lên sùng sục. Suốt buổi sáng hôm đó gã đã bị hăm dọa và bị làm nhục hết lần này tới lần khác bởi đại tá Cathcart, trung tá Korn và hạ sĩ Whitcomb. Gã phải cho người ta thấy mình cũng cần được tôn trọng một chút! Bộ ngực lép kẹp của gã chả mấy chốc đã phập phồng hổn hển. Gã không vùng chạy nhưng đi nhanh hết mức có thể, sợ rằng nếu đi chậm lại thì lòng quyết tâm cũng sẽ tan đi. Chẳng bao lâu sau gã chợt thấy một dáng người mặc quân phục đang đi giữa các đường ray gỉ sét về phía gã. Ngay lập tức gã trèo lên khỏi hào đường tàu và lom khom nấp sau những bụi cây thấp rậm rạp, đoạn tăng tốc nhằm hướng ban đầu theo một lối nhỏ hẹp phủ đầy rêu ngoằn ngoèo xuyên vào trong rừng thẳm. Như vậy khó đi hơn nhiều nhưng gã cứ xông lên với lòng quyết tâm đầy khinh suất và nỗi ám ảnh không suy suyển, liên tục trượt chân và vấp ngã, bàn tay trần bị cào xước khi nắm vào những cành cây cứng đầu cứng cổ chặn đường cho đến khi những bụi rậm và đám dương xỉ cao ở hai bên lối đi mở ra khoảng thoáng và gã loạng choạng đi qua một toa xe quân đội màu xanh ô liu xỉn đặt trên những khối bê tông xỉ than mà qua đám bụi cây giờ đang thưa dần hiện ra rất rõ. Gã đi tiếp qua cái lều có

một con mèo lông xám ngọc trai bóng sáng đang phơi nắng bên ngoài và đi qua một toa xe đặt trên những khối bê tông xỉ than nữa rồi xồng xộc chạy vào khu vực của phi đoàn Yossarian. Một giọt sương mặn mòi đã hình thành trên môi gã. Gã không dừng lại nghỉ mà sải bước thẳng qua khoảng sân trống vào phòng cần vụ, tại đó gã được chào đón bởi một trung sĩ vai gù dữ tợn với xương gò má nhô cao và mái tóc dài màu vàng rất nhạt nhã nhặn thông báo rằng gã có thể vào ngay lập tức, bởi vì thiếu tá Major đã ra ngoài.

Cha tuyên úy cảm ơn với một cái gật đầu cụt lủn và tiếp tục độc hành dọc lối đi giữa những bàn làm việc và máy đánh chữ tới vách ngăn bằng vải bạt cuối phòng. Gã lập bập chui qua khoảng mở hình tam giác trên tấm bạt và bước vào trong một căn phòng trống trải. Tấm che buông xuống đậy lại sau lưng gã. Gã thở dốc và mồ hôi vã ra như tắm. Căn phòng vẫn trống. Gã tưởng như đang nghe thấy những tiếng thì thầm lén lút. Mười phút trôi qua. Gã nhìn quanh bực bội nghiêm nghị, hai hàm gã cứ thế nghiến vào nhau không sao kiềm chế rồi bất chợt xụi lơ khi gã nhớ lại từng lời của tay trung sĩ: gã có thể vào ngay lập tức, bởi vì thiếu tá Major đã ra ngoài. *Bọn lính đang chơi khăm gã!* Cha tuyên úy kinh hãi rụt người lại khỏi tấm bạt ngăn, lệ đắng chợt trào lên mắt. Một tiếng rên thầm buột khỏi đôi môi đang run rẩy. Thiếu tá Major đã ra ngoài, còn mấy gã lính ở phòng kia đã biến gã thành nạn nhân của trò đùa ác bất nhân. Gã như có thể thấy bọn họ đợi sẵn ở phía bên kia vách ngăn vải bạt, túm tụm chờ đợi như một bầy dã thú săn mồi háu đói hả hê, chuẩn bị sẵn những tràng cười man rợ và những lời chế nhạo để hung hãn vồ lấy gã ngay khi gã quay ra. Gã tự nguyền rủa sự khờ khạo của mình và cuống cuồng cầu mong có được cái gì đó như một mặt nạ hoặc một cặp kính đen và một bộ ria giả để cải trang, hoặc có một

giọng nói sâu trầm và đầy uy lực của đại tá Cathcart và một bờ vai rộng, cuồn cuộn cơ bắp để gã có thể hiên ngang bước ra ngoài mà chế ngự những kẻ khủng bố ác độc kia bằng một thứ quyền uy và tự tin áp đảo sẽ khiến cho cả bọn run sợ và khiếp nhược lỉnh đi trong ăn năn hối hận. Gã không có đủ dũng khí để đối mặt với bọn họ. Lối thoát duy nhất còn lại là nhảy qua cửa sổ. Thấy không có ai, cha tuyên úy nhảy qua cửa sổ phòng làm việc của thiếu tá Major, ngoặt nhanh qua góc lều và nhảy xuống hào đường tàu trốn.

Gã khom người lúp xúp lỉnh đi, chủ định bóp méo khuôn mặt thành một nụ cười xã giao hờ hững, phòng khi gặp phải ai đó. Gã bỏ hào đường tàu lao vào rừng ngay khi thấy có người đang đi về phía mình từ hướng ngược lại và điên cuồng chạy qua khu rừng rậm rạp như thể bị ai đuổi, má nóng bừng vì xấu hổ. Gã nghe thấy hàng tràng ầm ĩ, man dại những tiếng cười nhạo báng vang lên khắp nơi xung quanh gã và bắt gặp thấp thoáng những gương mặt đồi bại, sặc mùi bia đang nhăn nhở cười ở xa xa phía sau trong những bụi cây và trên những tán lá. Những cơn đau rát đâm xuyên qua phổi buộc gã phải đi chậm lại, tập tễnh. Gã vẫn cố dấn tới và loạng choạng bước tiếp cho đến khi không thể đi được xa hơn nữa và đột ngột sụm xuống bên một cây táo xương xẩu, đầu gã đã đập vào thân cây trong lúc gã chúi về phía trước và gã phải dùng cả hai tay bấu chặt cây mới khỏi ngã nhào. Hơi thở khò khè rền rĩ của gã ầm ĩ vang vọng ngay trong chính tai gã. Sau vài phút đằng đẵng như thể hàng giờ gã mới nhận ra mình chính là nguồn cơn của tiếng ồn náo loạn đã khiến chính mình hoảng sợ ấy. Cơn đau ở ngực nguôi dần. Chả mấy chốc gã lại thấy đủ khỏe để có thể đứng dậy. Gã vểnh tai lên nghe ngóng. Rừng vẫn yên tĩnh. Không có tiếng cười ác quỷ, không có ai đang đuổi theo gã. Nhưng gã đã quá mệt, quá buồn và

bẩn thỉu nên chẳng thể thở phào nhẹ nhõm được nữa. Gã vuốt phẳng lại bộ quần áo xộc xệch bằng những ngón tay vẫn còn tê và run, rồi đi nốt quãng đường còn lại để tới khoảnh đất trống với vẻ bình tĩnh cứng cỏi. Cha tuyên úy vẫn thường xuyên lo nghĩ về nguy cơ đau tim.

Chiếc xe Jeep của họa sĩ Whitcomb vẫn đỗ ở đó. Cha tuyên úy rón rén đi vòng qua phía sau lều của họa sĩ Whitcomb chứ không đi qua cửa để tránh bị tay họa sĩ nhìn thấy và xúc phạm. Thở hắt ra một hơi nhẹ nhõm, gã lách nhanh vào trong lều của mình và thấy họa sĩ Whitcomb đang ngồi thu lu trên giường xếp, chân co lên. Đôi giày dính đầy bùn của họa sĩ Whitcomb đang ở trên chăn của cha tuyên úy, và gã đang vừa ăn một thanh kẹo của cha tuyên úy vừa lật giở một trong những cuốn *Kinh Thánh* của cha tuyên úy ra đọc đầy khinh bỉ.

“Anh đã ở đâu thế?” Whitcomb hạch sách, thô lỗ và thờ ơ, không thèm ngẩng mặt lên.

Cha tuyên úy đỏ mặt và quay đi lảng tránh. “Tôi đi dạo ở trong rừng.”

“Được rồi,” họa sĩ Whitcomb ngắt lời. “Đừng có tưởng là tôi tin. Mà cứ chờ xem tâm trạng của tôi thế nào đã.” Gã ngấu nghiến thanh kẹo của cha tuyên úy rồi tiếp tục nhồm nhoàm nói. “Lúc anh đi vắng thì có khách đấy. Thiếu tá Major.”

Cha tuyên úy ngạc nhiên quay ngoắt lại thốt lên: “Thiếu tá Major? Thiếu tá Major đã ở đây ư?”

“Chúng ta đều đang nói về người đó, không phải à?”

“Ông ta đâu rồi?”

"Ông ta nhảy xuống hào đường tàu rồi vọt đi như một con thỏ đang hoảng sợ." Hạ sĩ Whitcomb cười hinh hích. "Quả là một thằng điên!"

"Ông ta có nói là ông ta muốn gì không?"

"Ông ta nói rằng ông ta cần sự giúp đỡ của anh về một việc rất quan trọng."

Cha tuyên úy kinh ngạc. "Thiếu tá Major nói vậy ư?"

"Ông ta không nói vậy," hạ sĩ Whitcomb sửa lại đầy vẻ khinh miệt. "Ông ta viết nó trong một bức thư riêng có niêm phong gửi lại trên bàn của anh."

Cha tuyên úy đưa mắt về cái bàn chơi bridge được dùng làm bàn làm việc và chỉ nhìn thấy một quả cà chua mận hình quả lê màu đỏ cam kinh tởm mà gã đã nhận được từ tay đại tá Cathcart sáng nay, nó vẫn nằm nghiêng nghiêng tại chỗ gã đã bỏ lại rồi lãng quên như một biểu tượng màu máu bất khả phá hủy cho sự bất lực của gã. "Bức thư ở đâu?"

"Tôi đã vứt nó đi ngay sau khi mở ra và đọc nó." Hạ sĩ Whitcomb đóng sập cuốn *Kinh Thánh* lại và nhảy dựng lên. "Thế thì đã sao nào? Anh không tin tôi sao?" Gã bỏ ra ngoài. Rồi gã quay lại ngay và suýt còn đụng phải cha tuyên úy đang lao theo ra toan quay lại chỗ thiếu tá Major. "Anh không biết cách giao phó trách nhiệm cho người khác," hạ sĩ Whitcomb sưng sỉa nói. "Đó lại là một trong những điểm không ổn nữa ở anh."

Cha tuyên úy gật đầu đầy vẻ hối lỗi và vội vàng đi qua tay hạ sĩ, không cho phép mình dành thời gian để xin lỗi. Gã có thể cảm thấy đang bị bàn tay lão luyện của số phận sai khiến. Đã hai lần trong

ngày, giờ thì gã đã nhận ra, thiếu tá Major chạy về phía gã trong hào đường tàu; nhưng cả hai lần đó gã đều ngu ngốc trì hoãn cuộc gặp định mệnh bằng cách phi thẳng vào rừng. Gã sôi sục trách móc bản thân trong lúc gấp gáp sải bước quay trở lại dọc theo những thanh tà vẹt sứt mẻ, cách nhau lộn xộn của đường tàu. Sạn và sỏi trong giày và tất của gã như đang nghiền nát những đầu ngón chân gã. Gương mặt nhợt nhạt và gắng sức của gã vô thức rúm ró lại thành một vẻ nhăn nhó khó chịu cực độ. Buổi chiều đầu tháng Tám ấy mỗi lúc một nóng và ẩm hơn. Khoảng cách từ lều của gã tới phi đoàn của Yossarian là gần một dặm. Chiếc áo mùa hè của cha tuyên úy đã ướt đẫm mồ hôi khi gã tới nơi và không kịp thở nhảy xổ luôn vào lều cần vụ, ở đó gã bị chặn lại sỗ sàng bởi chính tay trung sĩ xảo trá nhỏ nhẹ với cặp kính tròn và gò má cao ban sáng, tay này đã đề nghị gã ở ngoài bởi vì thiếu tá Major đang ở trong lều và nói rằng gã phải chờ đến khi thiếu tá ra ngoài thì mới được phép vào trong. Cha tuyên úy sững sờ nhìn tay trung sĩ không thể tin nổi. Tại sao tay trung sĩ này lại căm ghét mình? gã tự hỏi. Môi gã trắng nhợt ra và run rẩy. Gã đang khát khô cổ. Mọi người bị sao vậy. Đời này còn chưa đủ bi kịch sao? Trung sĩ chìa tay ra tóm lấy cha tuyên úy.

“Rất tiếc, thưa sếp,” trung sĩ lấy làm tiếc mà nói, giọng trầm, buồn và nhã nhặn. “Nhưng đó là mệnh lệnh của thiếu tá Major. Thiếu tá không muốn gặp bất cứ ai.”

“Thiếu tá muốn gặp tôi,” cha tuyên úy nài nỉ. “Ông ấy đã đến lều của tôi đúng lúc tôi đang ở đây.”

“Thiếu tá Major làm vậy thật sao?”

“Đúng vậy. Anh vào hỏi đi thì biết.”

“Tôi e rằng tôi không thể vào được, sếp ạ. Ông ấy cũng không bao giờ muốn gặp tôi. Có lẽ sếp nên viết giấy nhắn lại.”

“Tôi không muốn viết lời nhắn. Ông ấy không bao giờ chấp nhận ngoại lệ sao?”

“Chỉ trong những trường hợp cực kỳ hãn hữu thôi. Lần cuối cùng ông ấy đi khỏi lều là để đến dự đám tang của một người lính. Lần cuối cùng ông ấy gặp ai đó trong phòng là do bị ép buộc. Một phi công cắt bom tên là Yossarian đã ép…”

“Yossarian?” cha tuyên úy bừng lên phấn khích trước sự trùng hợp mới này. Có phải lại có một phép lạ mới sắp xảy ra? “Tôi đang muốn nói chuyện với thiếu tá về chính người đó đấy! Có phải hai người họ nói về số trận mà Yossarian phải bay không?”

“Đúng thế, thưa sếp, chính xác là họ nói về chuyện đó. Đại úy Yossarian đã bay năm mươi mốt trận, và anh ta đã thỉnh cầu thiếu tá Major cho giải nhiệm để khỏi phải bay thêm bốn trận nữa. Đại tá Cathcart yêu cầu năm mươi lăm trận kia.”

“Thế thiếu tá Major nói sao?”

“Thiếu tá Major nói rằng ông ấy không thể làm được gì cả.”

Mặt cha tuyên úy xụ xuống. “Thiếu tá Major nói vậy thật à?”

“Vâng, thưa sếp. Thực ra thì ông ấy đã khuyên Yossarian tới gặp sếp để cầu cứu đấy. Sếp chắc là không cần để lại lời nhắn chứ? Tôi có bút chì và giấy ở ngay đây.”

Cha tuyên úy lắc đầu, buồn bã cắn bờ môi dưới khô nẻ, đoạn bước ra ngoài. Ngày mới trôi qua chưa được bao lâu, thế mà đã có ngần ấy chuyện xảy ra. Không khí ở trong rừng mát mẻ hơn. Cổ

họng gã khô và đau rát. Gã chậm rãi bước đi và đang rầu rĩ tự hỏi liệu còn có thể có điều xui xẻo nào nữa sắp rơi xuống đầu thì bất chợt bị một gã ẩn dật điên khùng từ trong bụi rậm nhảy xổ vào. Cha tuyên úy hét toáng lên.

Kẻ lạ mặt cao lớn nhợt nhạt như xác chết hoảng sợ lùi lại khi cha tuyên úy hét lên, đoạn gã ré lên, “Xin đừng đánh tôi!”

“Anh là ai?” cha tuyên úy hét lên.

“Làm ơn đừng đánh tôi!” kẻ kia cũng hét lại.

“Tôi là cha tuyên úy!”

“Vậy thì tại sao anh lại muốn đánh tôi?”

“Tôi không muốn đánh anh!” cha tuyên úy kiên nhẫn giải thích, đã hơi cáu, mặc dù gã vẫn đứng nguyên chỗ đó. “Hãy nói xem anh là ai và anh muốn gì ở tôi?”

“Tôi chỉ muốn biết thượng sĩ White Halfoat đã chết vì viêm phổi chưa,” kẻ kia vẫn hét. “Đó là tất cả những gì tôi muốn. Tôi sống ở đây. Tên tôi là Flume. Tôi thuộc phi đoàn nhưng tôi sống ở trong rừng. Không tin thì anh có thể hỏi bất cứ ai.”

Sự bình tĩnh của cha tuyên úy bắt đầu từ từ quay trở lại trong lúc gã chăm chú săm soi bộ dạng khúm núm đáng ngờ kia. Một cặp quân hàm đại úy gỉ sét đang treo lủng lẳng trên cổ áo tả tơi. Anh ta có một nốt ruồi đen sì mọc lông ở bên dưới một bên lỗ mũi và bộ ria bờm xờm màu vỏ cây dương.

“Nếu anh thuộc phi đoàn thì sao anh lại sống trong rừng?” cha tuyên úy tò mò hỏi.

“Tôi phải sống ở trong rừng,” tay đại úy gắt gỏng đáp, như thể cha tuyên úy lẽ ra phải biết rồi mới phải. Anh ta chậm rãi đứng thẳng dậy, vẫn cảnh giác nhìn cha tuyên úy mặc dù cao hơn cha tuyên úy cả một cái đầu. “Anh không nghe mọi người nói về tôi à? Thượng sĩ White Halfoat thề sẽ cắt cổ tôi vào một đêm nào đó khi tôi đang ngủ say, và tôi không dám nằm ngủ ở trong phi đoàn chừng nào anh ta vẫn còn sống.”

Cha tuyên úy nghe lời giải thích đáng ngờ này với vẻ không tin tưởng. “Nhưng không thể có chuyện đó được,” gã nói. “Như thế là tội giết người có âm mưu từ trước rồi. Tại sao anh không báo cáo vụ việc cho thiếu tá Major?”

“Tôi đã báo cho thiếu tá Major rồi đấy chứ,” tay đại úy buồn bã nói, “và thiếu tá Major bảo sẽ cắt cổ tôi nếu như tôi dám tới nói với ông ấy thêm một lần nữa.” Anh ta sợ sệt chăm chú nhìn cha tuyên úy. “Anh cũng sẽ cắt cổ tôi, có phải không?”

“Ồ, không, không, không,” cha tuyên úy trấn an. “Dĩ nhiên là không rồi. Anh sống trong rừng thật đấy à?”

Tay đại úy gật đầu, và cha tuyên úy trân trối nhìn dáng vẻ xanh xao nhợt nhạt vì kiệt sức và thiếu dinh dưỡng của anh ta với cảm giác pha trộn vừa thương hại và kính trọng. Cơ thể anh ta như một khung xương bên trong đám quần áo nhàu nát treo lên nó như một bộ sưu tập bao bố. Cỏ khô dính khắp người anh ta; và anh ta cần phải đi cắt tóc khẩn cấp. Dưới mắt anh ta là những quầng tím đen bự. Cha tuyên úy xúc động suýt phát khóc lên trước hình ảnh về một con người bị quấy rối, chà đạp mà tay đại úy đang trưng ra, và lòng gã chợt tràn ngập tôn kính và trắc ẩn khi nghĩ tới biết bao gian khổ nghiệt ngã mà anh chàng tội nghiệp này đã phải chịu đựng ngày

ngày. Bằng một giọng phảng phất nhún nhường, gã nói, “Thế ai giặt giũ cho anh?”

Gã đại úy trịnh trọng bĩu môi. “Có một phụ nữ chuyên giặt ủi ở một trong những nông trại trên đường làm việc đó cho tôi. Tôi vẫn giữ đồ của tôi trong toa xe chung với thượng sĩ White Halfoat và vẫn đột nhập vào đó một hoặc hai lần mỗi ngày để lấy khăn tay sạch hoặc để thay đồ lót.”

“Anh sẽ làm gì khi mùa đông tới?”

“Ồ, tôi hy vọng tới lúc đó thì tôi đã trở lại phi đoàn rồi,” tay đại úy trả lời với niềm tin mù quáng của một kẻ tử vì đạo. “Thượng sĩ White Halfoat luôn hứa với tất cả mọi người rằng anh ta sẽ chết vì bệnh viêm phổi, nên tôi e là tôi sẽ phải kiên nhẫn đợi đến khi thời tiết trở nên lạnh và ẩm hơn.” Anh ta nheo mắt băn khoăn nhìn cha tuyên úy. “Anh không biết tất cả những chuyện này sao? Anh không nghe bọn họ nói về tôi sao?”

“Tôi không nghĩ là tôi đã từng nghe ai đó kể về anh.”

“Chậc, tôi đúng là không thể hiểu nổi đấy.” Tay đại úy oán giận, nhưng vẫn cố làm ra vẻ lạc quan nói tiếp. “Dù sao thì cũng đã sắp tháng Chín rồi, nên chắc cũng không phải đợi quá lâu nữa. Lần sau nếu bất cứ ai trong bọn họ hỏi về tôi, ôi chà, thì cứ bảo với họ rằng tôi sẽ trở lại tiếp tục sòn sòn đẻ ra mấy thông cáo báo chí cũ rích ấy ngay khi thượng sĩ White Halfoat chết vì viêm phổi. Anh sẽ nói với họ như vậy chứ? Bảo rằng tôi sẽ trở lại phi đoàn ngay khi mùa đông tới và thượng sĩ White Halfoat chết vì viêm phổi. OK?”

Cha tuyên úy nghiêm trang ghi nhớ những lời như sấm truyền đó, bị mê hoặc bởi nội dung bí hiểm của nó. “Anh sống nhờ quả mọng, rau và rễ cây à?” gã hỏi.

“Không, tất nhiên không rồi,” tay đại úy ngạc nhiên đáp. “Tôi lẻn vào trong nhà ăn qua cửa sau rồi ăn luôn trong bếp. Milo cho tôi sandwich và sữa.”

“Khi trời mưa thì anh phải làm sao?”

Tay đại úy thật thà nói. “Tôi bị ướt chứ sao.”

“Anh ngủ ở đâu?”

Tay đại úy nhanh chóng cúi xuống lấy đà và bắt đầu lùi lại chạy ra xa. “Anh cũng vậy sao?” anh ta gào lên trong điên loạn.

“Ôi, không,” cha tuyên úy cũng gào lên. “Tôi thề với anh.”

“Thực sự anh cũng muốn cắt cổ tôi!” tay đại úy khăng khăng nói.

“Tôi xin đảm bảo với anh,” cha tuyên úy năn nỉ, nhưng đã quá muộn, bởi vì bóng ma lông lá thô kệch kia đã mất tích, anh ta tài tình mất hút vào trong đám bùng nhùng toe toét, lốm đốm và chắp vá của lá cây, ánh sáng và bóng râm khiến chưa gì cha tuyên úy đã bắt đầu nghi ngờ liệu có thật là anh ta từng ở đó. Có quá nhiều sự kiện kỳ quái xảy ra đến nỗi gã chẳng còn chắc chắn nổi sự kiện nào là kỳ quái, sự kiện nào đã thực sự xảy ra. Gã muốn làm rõ về gã điên trong rừng đó càng sớm càng tốt, muốn kiểm tra lại xem thực sự có đại úy Flume nào không, nhưng việc vặt đầu tiên của gã, gã vừa miễn cưỡng nhớ ra, là phải xoa dịu hạ sĩ Whitcomb vì đã lơ là không giao đủ trách nhiệm cho anh ta. Gã phờ phạc lê bước theo lối đi ngoằn ngoèo xuyên qua rừng, kẹt trong cơn khát và cảm thấy kiệt sức tới mức hầu như không thể đi tiếp. Gã thấy ân hận khi nghĩ tới hạ sĩ Whitcomb. Gã cầu trời khi về tới nơi thì tay hạ sĩ đã rời đi để gã có thể cởi quần áo mà không cảm thấy bối rối, có thể rửa kỹ tay, ngực và vai, có thể uống nước, thoải mái nằm xuống và thậm chí có

thể ngủ được vài phút; nhưng gã lại phải chịu thêm một lần thất vọng và thêm một cú sốc nữa, bởi vì khi gã về thì hạ sĩ Whitcomb đã trở thành trung sĩ Whitcomb, hơn thế còn đang cởi trần ngồi trong ghế cha tuyên úy để khâu quân hàm lên tay áo bằng kim và chỉ của chính cha tuyên úy. Hạ sĩ Whitcomb đã được đại tá Cathcart thăng cấp, và ông này muốn gặp cha tuyên úy ngay lập tức về chuyện những lá thư.

"Ôi không," cha tuyên úy rên lên, ngồi sụp xuống giường xếp mà chết sững. Bi đông đựng nước ấm của gã đã trống rỗng, và gã quá quẫn trí không thể nhớ ra túi nước đang treo ở ngoài bóng râm đoạn ở giữa hai lều. "Thật không thể tin nổi. Tôi thật không thể tin rằng có người lại nghiêm túc tin rằng tôi đã giả mạo tên Washington Irving."

"Không phải những lá thư đó," hạ sĩ Whitcomb đính chính, rành rành là khoái trá trước mối muộn phiền của cha tuyên úy. "Ông ấy muốn gặp anh về việc những lá thư gửi cho gia đình những người chết và bị thương ngoài chiến trường."

"Những lá thư đó ư?" cha tuyên úy ngạc nhiên hỏi.

"Đúng rồi," hạ sĩ Whitcomb hả hê. "Ông ấy sẽ đay nghiến anh vì đã từ chối cho tôi gửi những lá thư đó đi. Lẽ ra anh nên chứng kiến ông ấy đã vừa lòng như thế nào khi tôi đề xuất ý tưởng về những lá thư có chữ ký của ông ấy. Đó là lý do tại sao ông ấy thăng cấp cho tôi. Ông ấy tin chắc rằng ý tưởng đó sẽ giúp cho ông ấy lên được tờ *The Saturday Evening Post*."

Cơn mụ mị của cha tuyên úy lại dâng lên. "Nhưng làm sao ông ấy biết được chúng ta đang cân nhắc ý tưởng này?"

"Tôi đã đi tới phòng làm việc của ông ấy và nói cho ông ấy biết."

“Anh đã làm gì cơ?” cha tuyên úy rít lên chất vấn, và giậm chân với cơn thịnh nộ hiếm thấy. “Ý của anh là anh thực đã vượt mặt tôi để tới gặp đại tá mà không được phép của tôi ư?”

Hạ sĩ Whitcomb nhăn nhở cười trâng tráo với vẻ thỏa mãn đáng khinh bỉ. “Đúng rồi, thưa cha tuyên úy,” anh ta đáp lời. “Và tốt nhất là anh đừng có cố can thiệp vào việc này nếu như anh biết được điều gì tốt cho anh hơn.” Anh ta khẽ cười với vẻ thách thức ác ý. “Đại tá Cathcart sẽ không thích đâu nếu như ông ấy biết rằng anh trả đũa tôi vì đã đưa ý tưởng này của tôi tới chỗ ông ấy. Anh biết sao không, cha tuyên úy?” Hạ sĩ Whitcomb tiếp tục nói, đoạn khinh khỉnh dùng răng rứt đứt sợi chỉ đen đang khâu ra đánh phựt và cài cúc áo lại. “Lão khốn đần độn đó thực sự nghĩ rằng đó là một trong những ý tưởng hay nhất mà lão từng nghe.”

“Nó thậm chí có thể đưa được tôi lên tờ *The Saturday Evening Post*,” đại tá Cathcart cười nói huênh hoang trong phòng làm việc của mình, lắc lư hớn hở tiến lại gần cha tuyên úy. “Còn anh thì không đủ thông minh để trân trọng nó. Hạ sĩ Whitcomb rất được đấy, cha tuyên úy. Tôi hy vọng anh đủ thông minh để trân trọng điều đó.”

“Trung sĩ Whitcomb chứ,” cha tuyên úy sửa lại, không kịp kiềm chế.

Đại tá Cathcart trừng mắt. “Tôi cũng nói là trung sĩ Whitcomb,” gã đáp lời. “Giá mà thỉnh thoảng anh cố lắng nghe một lần thay vì lúc nào cũng bắt lỗi. Anh không muốn làm đại úy cả đời chứ, phải không?”

“Dạ thưa sếp?”

“Chậc, cứ theo kiểu này thì tôi không thể nào nghĩ anh lại có thể leo lên thành một cái gì đó khá hơn được. Hạ sĩ Whitcomb thấy các anh không có được ý tưởng nào mới trong suốt một ngàn chín trăm bốn mươi bốn năm qua, và tôi nghiêng về hướng nhất trí với anh ta. Một anh chàng sáng láng đấy, tay hạ sĩ Whitcomb ấy. Chậc, sẽ phải thay đổi hết lại thôi.” Đại tá Cathcart ngồi xuống bên bàn làm việc với vẻ kiên định và khoanh một khoảng trắng to trong sổ nháp. Xong xuôi, gã gõ nhẹ ngón tay lên đó. “Bắt đầu từ ngày mai,” gã nói, “tôi muốn anh và hạ sĩ Whitcomb thay tôi viết thư an ủi gửi tới bà con họ hàng thân thiết của mỗi người đã tử trận, bị thương hoặc bị bắt trong liên đoàn này. Tôi muốn đó phải là những lá thư chân thành. Tôi muốn chúng có đầy đủ những chi tiết cá nhân để không ai có thể nghi ngờ chuyện tôi thực tâm muốn nói những lời như các anh viết. Như vậy đã rõ chưa?”

Cha tuyên úy hấp tấp tiến lên một bước để phản đối. “Nhưng, thưa sếp, điều đó là không thể!” gã thốt lên. “Chúng ta đâu có hiểu người của mình đến mức đó.”

“Như vậy thì đã sao?” đại tá Cathcart hỏi lại, nở nụ cười thân ái. “Hạ sĩ Whitcomb đã đem cho tôi xem mẫu thư cơ bản có thể sử dụng cho gần như mọi trường hợp. Nghe này: ‘Kính gửi bà, ông, cô, hoặc kính gửi ông bà: Không từ ngữ nào có thể diễn tả được nỗi buồn đau sâu sắc mà cá nhân tôi đã trải qua khi chồng, con, cha, anh hoặc em của quý vị vừa bị giết, bị thương hoặc bị mất tích.’ Vân vân. Tôi nghĩ câu mở như vậy đã tóm được chính xác tình cảm của tôi. Nghe này, nếu anh không thấy nhiệt tình lắm thì có khi anh cứ để cho hạ sĩ Whitcomb đảm trách toàn bộ vụ này đi.” Đại tá Cathcart rút đót thuốc ra và dùng cả hai bàn tay gập nó lại như một cái rơi bằng ngà và mã não. “Đó là một trong những điểm không ổn ở anh, cha

tuyên úy ạ. Hạ sĩ Whitcomb nói với tôi rằng anh không biết cách giao trọng trách cho người khác. Anh ta nói rằng anh cũng chẳng bao giờ chủ động trong bất cứ việc gì. Anh không phản đối tôi chứ, phải không?”

“Vâng, thưa sếp.” Cha tuyên úy lắc đầu, gã cảm thấy mình thật tắc trách bởi vì gã không biết cách giao trọng trách và không chủ động, và bởi vì gã thực sự muốn phản đối ý kiến vừa rồi của đại tá. Đầu óc gã rối tinh lên. Ở bên ngoài mọi người đang bắn đĩa, và mỗi lần có tiếng súng nổ là một lần các giác quan của gã bị chấn động mạnh. Gã không thể nào quen được tiếng súng. Vây quanh gã là những giạ cà chua mận và gã suýt nữa tưởng là mình đã đứng ở trong phòng làm việc của đại tá Cathcart vào một dịp nào đó tương tự rất lâu rồi và khi đó gã cũng bị chính những cái giạ đựng chính thứ cà chua mận ấy vây quanh. Lại là *déjà vu*. Khung cảnh thật quen thuộc; nhưng lại cũng thật xa xôi. Quần áo gã sờ cáu bẩn và cũ nát, và gã sợ muốn chết rằng người gã đang bốc mùi.

“Anh luôn nghiêm trọng hóa vấn đề quá mức, cha tuyên úy ạ,” đại tá Cathcart lỗ mãng bảo gã như thể một bề trên. “Đó lại là một điểm không ổn nữa ở anh. Cái mặt chảy dài của anh khiến cho mọi người trầm cảm. Thỉnh thoảng cho tôi thấy anh cười một lần xem nào. Nào, cha tuyên úy. Cho tôi nghe một tiếng cười lớn đi rồi tôi sẽ cho anh cả một giạ cà chua mận.” Đại tá đợi một hoặc hai giây gì đó, quan sát, và rồi đắc thắng cười vang. “Anh thấy đó, cha tuyên úy, tôi nói đúng mà. Anh không thể cười lớn tiếng cho tôi nghe, phải không?”

“Đúng vậy, thưa sếp,” cha tuyên úy rụt rè thú nhận, khó nhọc nuốt khan. “Giờ thì không được đâu. Tôi đang rất khát.”

“Vậy thì anh lấy gì mà uống đi. Trung tá Korn có ít rượu bourbon ở bàn làm việc đấy. Một buổi tối nào đấy anh cũng nên thử đến câu lạc bộ sĩ quan với chúng tôi để vui chơi một chút xem sao. Thử lâu lâu lại say khướt một phát. Tôi hy vọng anh sẽ không cho rằng anh tốt đẹp hơn tất cả bọn tôi bởi vì cái nghề của anh.”

“Ồ không đâu sếp,” cha tuyên úy bối rối quả quyết. “Thực ra thì mấy buổi tối gần đây tôi đều tới câu lạc bộ sĩ quan.”

“Anh mới chỉ là một đại úy, anh biết đấy,” đại tá Cathcart tiếp tục nói mà không để ý tới câu trước của cha tuyên úy. “Anh có thể có nghề riêng, nhưng anh vẫn chỉ là một đại úy.”

“Vâng thưa sếp. Tôi biết.”

“Vậy thì được. Cũng may là lúc trước anh đã không phá lên cười. Bởi vì tôi cũng không định cho anh một giạ cà chua mận. Hạ sĩ Whitcomb nói với tôi rằng anh đã lấy một quả cà chua mận khi anh đến đây vào buổi sáng.”

“Sáng nay ư? Nhưng thưa sếp, chính sếp đã đưa nó cho tôi!”

Đại tá Cathcart nghi hoặc nghển mặt lên. “Tôi đâu có nói là tôi không đưa nó cho anh, đúng không? Tôi chỉ nói là anh đã lấy nó. Tôi không hiểu tại sao anh lại có thứ cảm giác tội lỗi ấy nếu như anh thực sự không lấy trộm nó. Có phải tôi đã đưa nó cho anh không thế?”

“Vâng, thưa sếp. Tôi thề là sếp đã đưa nó cho tôi.”

“Vậy thì tôi tin lời anh. Mặc dù tôi không thể tưởng tượng được tại sao tôi lại muốn đưa cho anh một quả cà chua mận.” Đại tá Cathcart chuyển cái chặn giấy tròn bằng thủy tinh từ rìa bên phải bàn làm việc sang rìa bên trái và cầm một cây bút chì đã được vót nhọn lên.

“Được rồi, cha tuyên úy, nếu không có chuyện gì nữa thì giờ tôi có rất nhiều việc quan trọng phải làm. Khi nào hạ sĩ Whitcomb gửi xong khoảng một chục thư thì anh báo lại cho tôi, và chúng ta sẽ liên lạc với các biên tập viên tờ *The Saturday Evening Post*.” Một cảm hứng bất chợt khiến cho gương mặt đại tá sáng bừng. “À! Tôi nghĩ có khi tôi sẽ xung phong điều liên đoàn ta tới Avignon một lần nữa. Như thế sẽ khiến cho mọi việc tiến triển nhanh hơn.”

“Tới Avignon ư?” trái tim cha tuyên úy như vừa bị hụt mất một nhịp, và toàn bộ da thịt gã bắt đầu râm ran sởn gai ốc.

“Đúng rồi,” đại tá hân hoan giải thích. “Chúng ta càng sớm có nhiều thương vong thì việc này càng sớm tiến triển. Nếu có thể thì tôi muốn được lên báo số Giáng sinh. Dịp đó chắc sẽ ra nhiều báo hơn bình thường.”

Và trước sự kinh hoàng của cha tuyên úy, đại tá nhấc điện thoại lên và xung phong cử liên đoàn của mình tới Avignon, rồi đến tối hôm ấy lại cố tống gã ra khỏi câu lạc bộ sĩ quan lần nữa chỉ một lát trước khi Yossarian say khướt đứng bật dậy, hất đổ cả ghế để khởi sự một cú đấm báo thù khiến cho Nately phải thét to tên y và khiến đại tá Cathcart tái mét mà rón rén chuồn đi, có điều lại va phải tướng Dreedle, giẫm tím cả chân ông này, bị ông ta kinh tởm xô ra rồi ra lệnh phải tống cha tuyên úy trở lại câu lạc bộ sĩ quan ngay lập tức. Đối với đại tá Cathcart tất cả thật là vô cùng đảo điên, đầu tiên là cái tên khiếp đảm *Yossarian!* vang lên như tiếng chuông báo hiệu ngày tận thế, sau đó là cái chân thâm tím của tướng Dreedle, và lại thêm một lỗi nữa của cha tuyên úy mà gã phát hiện ra: không thể đoán được phản ứng của tướng Dreedle mỗi khi gặp cha tuyên úy sẽ ra sao. Đại tá Cathcart không bao giờ quên được buổi tối đầu tiên

tướng Dreedle để ý thấy cha tuyên úy trong câu lạc bộ sĩ quan, khi ông ngẩng khuôn mặt đỏ gay, nhễ nhại, say xỉn lên mà trầm ngâm trân trối nhìn qua làn khói thuốc vàng vào cha tuyên úy đang đơn độc ngồi khuất chỗ gần tường.

“Ồ, quỷ tha ma bắt tôi đi,” tướng Dreedle khàn khàn kêu lên, cặp lông mày muối tiêu tua tủa dữ tợn nhướng lên khi nhận ra đó là ai. “Có phải tôi đang nhìn thấy cha tuyên úy ở đằng kia không? Quả là hay khi người phụng sự Chúa lại giao du ở nơi như này cùng với một đám cờ bạc và rượu chè thô bỉ.”

Đại tá Cathcart nghiêm trang mím chặt môi lại và bắt đầu đứng lên. “Tôi hoàn toàn đồng ý với sếp,” gã xun xoe hùa theo bằng giọng phản đối khoa trương. “Thật không hiểu nổi chuyện gì đang xảy ra với giới tăng lữ ngày nay nữa.”

“Họ đang trở nên tốt hơn, đó là chuyện đang xảy ra với họ đấy,” tướng Dreedle trịnh trọng gầm gừ.

Đại tá Cathcart cố nuốt cục ngượng và nhanh trí vớt vát. “Vâng thưa sếp. Họ đang trở nên tốt hơn. Đó cũng chính là những gì mà tôi đang nghĩ, thưa sếp.”

“Đây chính là nơi dành cho một cha tuyên úy, hòa mình với lính tráng khi họ đi nhậu và đánh bạc, như vậy mới có thể hiểu được họ và chiếm được lòng tin của họ. Nếu không thì làm thế quái nào anh ta khiến cho bọn họ tin vào Chúa được?”

“Đó cũng chính là điều mà tôi nghĩ, thưa sếp, khi tôi ra lệnh cho anh ta tới đây,” đại tá Cathcart từ tốn nói, sau đó bèn ra dắt cha tuyên úy tới một góc phòng, thân mật khoác vai và lạnh lùng nhỏ giọng ra lệnh cho gã từ giờ có nhiệm vụ đêm nào cũng phải trình diện tại câu lạc bộ sĩ quan để hòa mình với lính tráng khi họ nhậu

nhẹt và đánh bạc để có thể hiểu được họ và chiếm được lòng tin của họ.

Cha tuyên úy đồng ý và tối nào cũng trình diện ở câu lạc bộ sĩ quan để hòa nhập với những người muốn tránh mặt gã, cho đến buổi tối nổ ra vụ ẩu đả dữ dội ở bàn bóng bàn và thượng sĩ White Halfoat đột nhiên lao tới như một cơn lốc và vô cớ đấm thẳng vào mũi đại tá Moodus, hạ Moodus ngã dập mông và khiến cho tướng Dreedle bất thần rống lên cười ầm ĩ cho đến khi ông phát hiện ra cha tuyên úy đứng ở gần đó đang trố mắt ghê tởm nhìn ông với vẻ khó hiểu đau đớn. Tướng Dreedle đờ cả người khi trông thấy gã. Ông quắc mắt một lúc lâu nhìn cha tuyên úy với cơn giận trào dâng, tâm trạng vui vẻ bay đi sạch, đoạn ông cáu kỉnh quay lại quầy bar, đảo từ bên này sang bên kia như một thủy thủ chân ngắn vòng kiềng. Đại tá Cathcart sợ hãi lật đật chạy theo, lo lắng tuyệt vọng liếc trung tá Korn cầu cứu.

"Cũng hay ho đấy," tướng Dreedle càu nhàu ở quầy bar, bàn tay vạm vỡ tóm chặt ly rượu rỗng. "Quả là hay đấy, khi một người phụng sự Chúa bắt đầu giao du ở chỗ như này với một lũ cờ bạc và nát rượu thô bỉ."

Đại tá Cathcart thở phào. "Vâng, thưa sếp," gã reo lên tự hào. "Dĩ nhiên là hay ạ."

"Vậy thì tại cái quái gì mà anh không hề có hành động nào cả?"

"Sao cơ thưa sếp?" đại tá Cathcart hỏi, chớp mắt.

"Anh nghĩ rằng việc anh để cho cha tuyên úy tối nào cũng đến đây sẽ đem lại uy tín cho anh ư? Lần quái nào tôi tới đây cũng thấy có mặt anh ta."

“Sếp nói đúng, hoàn toàn đúng ạ,” đại tá Cathcart đáp. “Việc này chẳng đem lại cho tôi chút uy tín nào. Và tôi sẽ hành động ngay đây, ngay lập tức đây.”

“Không phải chính anh đã ra lệnh cho anh ta tới đây sao?”

“Không, thưa sếp, đó là trung tá Korn. Tôi cũng định trừng phạt anh ta thật nặng vì việc này.”

“Nếu anh ta không phải là cha tuyên úy,” tướng Dreedle lẩm bẩm, “thì tôi đã cho đưa anh ta ra ngoài xử bắn luôn rồi.”

“Anh ta không phải là cha tuyên úy đâu ạ, thưa sếp,” đại tá Cathcart xun xoe tư vấn.

“Không phải sao? Thế thì thế quái nào mà anh ta lại đeo cây thập giá đó trên cổ áo, nếu như anh ta không phải là cha tuyên úy?”

“Anh ta đâu có đeo hình thập giá nào trên cổ áo, thưa sếp. Anh ta đeo một lá bạc. Anh ta là trung tá mà.”

“Anh có một cha tuyên úy cấp bậc trung tá sao?” tướng Dreedle ngạc nhiên chất vấn.

“Ồ không thưa sếp. Cha tuyên úy của tôi thì mới chỉ là đại úy.”

“Nếu chỉ là đại úy thì thế quái nào mà anh ta lại đeo lá bạc trên cổ áo?”

“Anh ta không đeo lá bạc trên cổ áo, thưa sếp. Anh ta đeo hình thập giá.”

“Biến đi cho khuất mắt tôi, đồ chó đẻ,” tướng Dreedle nói. “Không tôi cho người đưa anh ra ngoài xử bắn bây giờ!”

“Vâng, thưa sếp.”

Đại tá Cathcart lo lắng nuốt nước bọt, rời khỏi tướng Dreedle để tống cổ cha tuyên úy ra khỏi câu lạc bộ sĩ quan, tình cảnh gần như y hệt hồi hai tháng sau, khi cha tuyên úy nỗ lực và thất bại thảm hại trong việc thuyết phục đại tá Cathcart rút lại lệnh tăng chỉ tiêu bay chiến đấu lên thành sáu mươi trận, và giờ thì cha tuyên úy đã sẵn sàng hoàn toàn buông xuôi vào tuyệt vọng nhưng đã bị ghìm lại bởi ký ức về người vợ, người gã yêu và nhớ nhưng thống thiết với sự nồng nhiệt nhục cảm và đắm say cao nhã, và bởi niềm tin suốt đời mà gã đã đặt vào sự thông thái và công bằng của một vị Chúa bất tử, toàn năng, toàn trí, nhân đức, phổ quát, mang hình người, nói tiếng Anh, gốc Anglo-Saxon, ủng hộ Mỹ; dù niềm tin ấy cũng đã bắt đầu lung lay. Có quá nhiều điều đang thách thức đức tin của gã. Tất nhiên là vẫn còn đó *Kinh Thánh*, nhưng *Kinh Thánh* chỉ là một cuốn sách, cũng chẳng khác gì mấy quyển truyện như *Bleak House, Đảo giấu vàng, Ethan Frame, người cuối cùng của bộ tộc Mohican*. Và nếu vậy thì liệu có thể chăng, như một lần gã nghe Dunbar hỏi, rằng câu trả lời cho những bí ẩn về Sáng thế đã được đưa ra bởi những kẻ ngu dốt tới mức không hiểu được cơ chế của mưa? Liệu có thật là đức Chúa toàn năng, với sự thông thái vô tận của Người, lại từng sợ rằng loài người có thể xây được tòa tháp lên tới tận thiên đường vào sáu nghìn năm trước? Thiên đường ở chỗ quái quỷ nào? Nó ở trên? Hay ở dưới? Không có trên hay dưới trong một vũ trụ hữu hạn đang dãn nở mà trong đó ngay cả vầng mặt trời khổng lồ, cháy bỏng, chói lòa và hùng vĩ kia cũng chỉ đang trong một tiến trình lụi tàn mà cuối cùng sẽ phá hủy luôn trái đất. Không có phép lạ; những lời nguyện cầu không được đáp ứng, và sự bất hạnh chà đạp lên cả đạo đức lẫn hủ bại tàn nhẫn như nhau; và cha tuyên úy, kẻ có cả lương tri lẫn nhân cách, hẳn đã đầu hàng trước lý lẽ mà từ bỏ niềm

tin vào đức Chúa cha ông gã hằng tin - thực sự từ bỏ cả nghề nghiệp lẫn phận sự của mình và tóm lấy cơ hội để trở thành một binh nhì trong bộ binh hay pháo binh, hoặc thậm chí, có lẽ chỉ là một hạ sĩ lính dù - nếu như không có những hiện tượng bí hiểm liên tiếp xảy ra như vụ người đàn ông trần truồng trong tán cây tại đám tang của cậu trung sĩ xấu số vài tuần trước đó và lời hứa bí ẩn, đầy ám ảnh và khích lệ của nhà tiên tri Flume trong rừng chiều hôm đó: *“Bảo với họ rằng tôi sẽ trở về khi mùa đông tới.”*

26 AARFY

Xét từ một góc độ nào đó thì tất cả đều tại Yossarian, bởi vì nếu y không dịch chuyển tuyến ném bom trong Trận Vây Thành Bologna Vĩ Đại thì thiếu tá …de Coverley có lẽ vẫn đang ở quanh đây để cứu y, và nếu y không nhét chật ních những cô gái không có nơi ở vào căn hộ dành cho lính thì Nately có lẽ đã chẳng hề yêu cô gái điếm của cậu khi cô ngồi để trần từ eo trở xuống trong căn phòng đông nghịt những gã chơi blackjack cục cằn chẳng buồn để ý gì tới cô. Nately lén lút nhìn cô từ cái ghế bành màu vàng nhồi quá chặt, háo hức chiêm ngưỡng vẻ buồn chán, phớt đời của cô khi cô chấp nhận bị đám đông kia chối bỏ. Cô ngáp, và cậu xúc động sâu sắc. Cậu chưa từng chứng kiến một tư thế nào oai hùng đến vậy.

Cô gái đã phải leo tới năm tầng cầu thang dốc để bán mình cho đám lính đã no xôi chán chè, những kẻ đã có đầy gái xung quanh; chẳng ai muốn cô dù bất cứ giá nào, ngay cả khi cô đã hờ hững thoát y để khiêu khích bọn họ bằng thân hình cao, rắn chắc, đầy đặn và thực sự rất gợi dục. Cô có vẻ mệt mỏi nhiều hơn là thất vọng. Giờ thì cô ngồi nghỉ với vẻ biếng nhác vô công rỗi nghề, tò mò lờ đờ quan sát ván bạc trong lúc chờ những năng lượng ngoan cố của mình tập hợp lại đủ để làm nốt cái việc vặt tẻ ngắt là mặc quần áo vào và trở lại với công việc. Được một lúc, cô ngọ nguậy. Một lúc

sau, cô đứng dậy cùng một tiếng thở hắt không cố tình rồi lờ phờ bước vào trong chiếc quần lót vải cotton chật ních và cái chân váy tối màu, sau đó cài khóa giày và bỏ đi. Nately lẻn ra ngoài theo cô; và gần hai giờ sau khi Yossarian và Aarfy bước vào căn hộ dành cho sĩ quan thì cô đã lại ở đó, lại đang bước chân vào trong quần lót và chân váy, tạo cảm giác gần giống như thứ cảm giác cứ trở đi trở lại với cha tuyên úy rằng ta đã từng trải qua một tình huống tương tự, chỉ khác ở Nately, kẻ đang rầu rĩ khôn nguôi, hai tay đút túi.

“Cô ấy muốn bỏ đi,” cậu nói bằng giọng yếu ớt, kỳ lạ. “Cô ấy không muốn ở lại.”

“Sao cậu không trả ít tiền để có cả ngày với cô ta?” Yossarian khuyên.

“Cô ấy trả lại tiền cho tôi,” Nately thú nhận. “Giờ cô ấy đã chán ngấy tôi và muốn đi tìm ai khác.”

Cô gái ngưng lại sau khi đã đi giày xong để liếc mắt mời chào Yossarian và Aarfy đầy hờn dỗi. Ngực cô nhọn và bự dưới lớp áo len không tay trắng mỏng bó siết lấy từng đường cong rồi xòe ra mềm mại nhờ hai chóp của bờ mông hấp dẫn. Yossarian hưởng ứng cái nhìn của cô và cảm thấy thực sự bị lôi cuốn. Y lắc đầu.

“Tiễn rác rưởi ra đi thanh thản luôn,” Aarfy phản ứng tỉnh bơ.

“Đừng nói về cô ấy như vậy!” Nately mãnh liệt phản đối, vừa trách móc vừa cầu xin. “Tôi muốn cô ấy ở lại với tôi.”

“Cô ta thì có gì mà đặc biệt thế?” Aarfy cười chế nhạo và giả đò tỏ vẻ ngạc nhiên. “Cô ta chỉ là một con điếm!”

“Và đừng có gọi cô ấy là con điếm!”

Cô gái thờ ơ nhún vai đợi thêm vài giây nữa rồi lững thững đi ra cửa. Nately khốn khổ nhảy bổ ra giữ cửa cho cô ta. Cậu thơ thẩn quay lại mà thẫn thờ tan nát, khuôn mặt nhạy cảm của cậu chất đầy nỗi đau.

“Đừng lo,” Yossarian khuyên bảo cậu ân cần hết mức có thể. “Rồi cậu sẽ tìm lại được cô ta. Chúng ta biết bọn điếm vẫn hay giao du ở đâu mà.”

“Làm ơn đừng gọi cô ấy như thế,” Nately cầu xin, trông cậu như sắp khóc.

“Tôi xin lỗi,” Yossarian lẩm bẩm.

Aarfy vẫn hân hoan ông ổng, “Có hàng trăm em điếm ngon không kém vẫn đang trườn bò khắp nơi trên phố mà. Cô ả đó thậm chí còn không xinh.” Gã dịu dàng cười khùng khục, âm vang vẻ khinh bỉ và bề trên. “Ôi, cậu chạy vội ra mở cửa như thể cậu đang yêu cô ta vậy.”

“Tôi nghĩ là tôi đã yêu cô ấy,” Nately lí nhí xấu hổ thú nhận.

Aarfy nhăn cái trán dô hồng hào mũm mĩm của mình lại làm ra vẻ bất ngờ hài hước. “Hố, hố, hố, hố!” gã phá lên cười, vỗ bành bạch vào hai bên sườn chiếc áo quân phục màu xanh lá đang phành ra của gã. “Tuyệt quá. Cậu đã yêu cô ta ư? Tuyệt quá đi mất.” Cùng buổi chiều hôm ấy Aarfy có hẹn với một cô gái thuộc hội Chữ thập đỏ từng học trường Smith, có ông bố sở hữu một nhà máy sản xuất magiê hyđrôxít quan trọng. “Nghe này, đó mới là loại gái cậu nên giao du, chứ không phải mấy em điếm đường như cô ả đó. Tại sao chứ, thậm chí trông cô ta còn chả được sạch sẽ.”

“Tôi chả quan tâm!” Nately hét lên tuyệt vọng. “Và tôi mong là anh hãy câm miệng lại, tôi không muốn nói chuyện này với anh.”

“Aarfy, thôi im đi,” Yossarian nói.

“Hố, hố, hố, hố!” Aarfy tiếp tục. “Tôi chỉ không thể tưởng tượng nổi cha mẹ cậu sẽ nói sao nếu họ biết con trai của họ đang chạy theo đồ đĩ điếm dơ dáy như cô ta. Cha cậu là một người rất có vai vế, cậu biết đấy.”

“Tôi sẽ không nói cho ông ấy biết,” Nately quả quyết. “Tôi sẽ không nói một lời nào về cô ấy với cha hay mẹ cho đến khi chúng tôi đã thành hôn.”

“Thành hôn?” vẻ thích thú hùa theo của Aarfy càng cồn lên dữ dội. “Hố, hố, hố, hố, hố! Giờ thì cậu đang nói ngu thật rồi đấy. Trời ạ, cậu thậm chí còn chưa đủ lớn để hiểu tình yêu đích thực là gì.”

Aarfy quả là có đủ thẩm quyền để nói về chủ đề tình yêu đích thực bởi vì gã đã thực lòng yêu cha của Nately và cả triển vọng được làm việc cho ông sau khi chiến tranh kết thúc ở vị trí quản lý như một sự tưởng thưởng vì đã kết bạn với Nately. Aarfy là một hoa tiêu trưởng vẫn chưa bao giờ tìm được bản thân kể từ khi tốt nghiệp đại học. Gã là một hoa tiêu trưởng tốt tính và cao thượng, luôn tha lỗi cho người khác trong phi đoàn vì đã lăng mạ gã kịch liệt mỗi lần gã lạc đường trong trận đánh và đưa họ tới vùng tập trung dày đặc hỏa lực phòng không. Chiều hôm ấy gã cũng lạc trên đường phố Rome và không thể tìm được cô gái hội Chữ thập đỏ từng học trường Smith có cái nhà máy magiê hyđrôxít quan trọng. Gã bị lạc trong nhiệm vụ bay tới Ferrara khi Kraft bị bắn rơi mà chết, gã lại lạc tiếp trong nhiệm vụ đưa sữa ngon ơ hằng tuần tới Parma, cố đưa máy bay qua thành phố Leghorn ra tận biển sau khi Yossarian đã

thả bom xuống mục tiêu không phòng thủ trong đất liền rồi ngả người ra sau tựa lên thành máy bay dày thư giãn, mắt nhắm lại, một điếu thuốc thơm kẹp giữa các đầu ngón tay. Bất chợt có đạn, và thình lình McWatt ré lên qua điện đàm, “Đạn! Đạn! Chúng ta đang ở chỗ chết tiệt nào vậy? Đang có chuyện chết tiệt gì vậy?”

Yossarian hốt hoảng mở choàng mắt ra và nhìn thấy một luồng đạn đen ngòm đang bất ngờ nã về phía họ từ trên cao và bản mặt-tròn-mắt-hí tự mãn của Aarfy chăm chăm nhìn với vẻ sửng sốt nhã nhặn vào những chùm đạn pháo nổ tung đang mỗi lúc một gần. Yossarian chết lặng. Chân y bỗng tê rần. McWatt bắt đầu cho máy bay lên cao thêm và choe chóe xin chỉ dẫn trên hệ thống điện đàm nội bộ. Yossarian phi lên trước xem họ đang ở đâu nhưng rồi vẫn ở nguyên chỗ đó. Y không sao di chuyển được. Rồi y phát hiện ra mình đang ướt sũng. Y nhìn xuống đũng quần với một cảm giác trĩu nặng và kinh hoàng. Một vệt đỏ thẫm hoang dại đang trườn lên rất nhanh dọc theo vạt trước áo y như một con quái vật biển khổng lồ đang trồi lên nuốt sống y. Y đã bị trúng đạn! Máu rỉ ra thành từng dòng nhỏ rồi tụ lại thành một vũng trên sàn qua một bên ống quần ướt đẫm như những đám giun đỏ nhung nhúc quằn quại bất khả ngăn chặn. Tim y như ngừng đập. Máy bay lại nhận cú đòn mạnh thứ hai. Yossarian rùng mình kinh hãi khi nhìn thấy vết thương quái dị của mình và hét toáng lên gọi Aarfy tới giúp.

“Tôi bị mất bi rồi! Aarfy, tôi bị mất bi!” Aarfy không nghe thấy, và Yossarian phải chúi về phía trước để giật giật tay gã. “Aarfy, cứu tôi với,” y cầu khẩn, gần như nức nở. “Tôi trúng đạn rồi! Tôi trúng đạn rồi!”

Aarfy chậm chạp quay lại với nụ cười toe nhu mì khó hiểu. “Gì cơ?”

“Tôi bị trúng đạn, Aarfy! Cứu tôi với!”

Aarfy lại cười toe và hòa nhã nhún vai. “Tôi không nghe thấy anh nói gì,” gã nói.

“Anh không thấy tôi à?” Yossarian kinh ngạc thốt lên, và y chỉ tay xuống vũng máu đang mỗi lúc một đặc, cảm thấy nó còn đang tóe ra khắp quanh y và bắt đầu tràn ra ngoài xuống dưới. “Tôi bị thương rồi! Cứu tôi với, vì Chúa! Aarfy, cứu tôi!”

“Tôi vẫn chẳng nghe thấy anh nói gì cả,” Aarfy kiên nhẫn than phiền, khum bàn tay chuối mắn ra sau vành tai trắng nhợt. “Anh nói gì vậy?”

Yossarian trả lời với giọng hụt hơi, đột nhiên thấy kiệt sức vì đã phải la hét quá nhiều, vì toàn bộ tình cảnh tuyệt vọng, điên tiết, lố bịch này. Y sắp chết mà chẳng ai buồn để ý. “Thôi bỏ đi.”

“Gì cơ?” Aarfy hét lên.

“Tôi nói là tôi đã mất bi! Anh không nghe thấy à? Tôi bị thương ở háng!”

“Tôi vẫn không nghe thấy,” Aarfy quở trách.

“Tôi nói thôi bỏ đi!” Yossarian hét toáng lên với cảm giác kinh hoàng thắt tim và bắt đầu run rẩy, đột nhiên cảm thấy rất lạnh và rất yếu.

Aarfy lại lắc đầu tỏ vẻ áy náy và ghé cái tai bẩn thỉu cóc cáy gần như sát vào mặt Yossarian. “Anh cần phải nói to lên, anh bạn. Anh cần phải nói to lên.”

“Mặc xác tôi đi đồ chết tiệt! Đồ chết tiệt đần độn, vô cảm, mặc xác tôi đi!” Yossarian khóc nấc lên. Y muốn cho Aarfy ăn liên hoàn đấm nhưng không đủ sức mà nhấc tay lên. Y quyết định ngủ, đoạn đổ nhào xuống ngất lịm ở lối đi.

Y bị thương ở đùi, và khi tỉnh lại y thấy McWatt đang quỳ cả hai chân xuống chăm sóc y. Y thở phào, mặc dù y vẫn nhìn thấy bộ mặt phì nộn ngây thơ của Aarfy đang treo bên trên vai McWatt với vẻ thích thú bình thản. Yossarian cười yếu ớt với McWatt, cảm thấy rất mệt và hỏi, “Ai đang điều khiển đấy?” McWatt không tỏ vẻ gì đã nghe thấy. Với nỗi kinh hoàng mỗi lúc một dâng lên, Yossarian ngừng lại lấy hơi và lặp lại từng chữ một, to hết mức có thể.

McWatt ngẩng lên. “Chúa ơi, tôi rất mừng là anh vẫn còn sống!” gã reo lên, thở hắt ra thật mạnh. Những nếp nhăn thân thiện, vui tươi quanh mắt gã đã bợt cả ra vì căng thẳng và nhẫy lên đầy cáu ghét trong lúc gã cứ gỡ mãi một cuộn băng dài bất tận để bọc quanh miếng bông ép to bự mà Yossarian cảm thấy đang được phiền phức dán bằng băng dính y tế vào mé trong một bên đùi mình. “Nately đang điều khiển. Thằng bé tội nghiệp gần như đã khóc rống lên khi nghe tin anh trúng đạn. Nó vẫn nghĩ là anh đã chết rồi đấy. Đạn đã bắn toác một bên động mạch đùi của anh, nhưng tôi nghĩ là tôi đã cầm máu được rồi. Tôi cũng đã cho anh ít morphine.”

“Cho tôi thêm ít nữa đi.”

“Giờ thì có lẽ hơi sớm. Khi nào anh lại bắt đầu thấy đau thì tôi sẽ cho thêm.”

“Ngay lúc này tôi đang đau đây.”

“Ồ, khỉ thật,” McWatt nói và tiêm thêm một liều morphine nữa vào cánh tay Yossarian.

“Khi anh bảo Nately rằng tôi ổn rồi…” Yossarian nói với McWatt, đoạn lại rơi vào bất tỉnh khi mọi thứ nhòa đi sau một tấm màng gelatin màu hồng dâu và một tiếng ù lớn không trầm không bổng nuốt chửng lấy y. Y hồi tỉnh trong xe cứu thương và mỉm cười động viên trước bộ dạng ủ rũ, u ám như một con mọt gạo của bác sĩ Daneeka trong khoảng một hoặc hai giây quay cuồng trước khi tất cả biến thành màu hồng trở lại và rồi chuyển thành đen kịt và tĩnh lặng thăm thẳm.

Yossarian tỉnh dậy trong bệnh viện và lại ngủ tiếp. Khi y tỉnh dậy vẫn ở trong bệnh viện thì mùi ê te đã hết và Dunbar mặc pyjama nằm trên giường bên kia lối đi đang khăng khăng nói rằng gã không phải là Dunbar mà là *A. Fortiori*[60]. Yossarian nghĩ gã dở hơi. Y bĩu môi nghi ngờ mẩu tin của Dunbar và lại ngủ chập chờn suốt một hoặc hai ngày gì đó, rồi tỉnh dậy trong lúc các y tá không có mặt và tự nhấc mình ra khỏi giường để đi tìm họ. Sàn nhà ngả nghiêng như một bè phao trên biển và những mũi khâu ở đùi trong vào thịt y như một hàm răng cá mập khi y tập tễnh bước qua lối đi để đọc tên trên bảng ghi nhiệt độ cơ thể ở đuôi giường Dunbar, nhưng hiển nhiên Dunbar đã đúng: gã không phải là Dunbar nữa mà là thiếu úy Anthony F. Fortiori.

“Chuyện chết tiệt gì đang xảy ra vậy?”

A. Fortiori ra khỏi giường và ra hiệu cho Yossarian đi theo. Tay bám vào bất cứ vật nào có thể, Yossarian lảo đảo theo gã ra hành lang, sang phòng bên cạnh và đi tới cái giường có một gã trai trẻ mệt mỏi mặt mụn cằm lẹm. Gã trai trẻ mệt mỏi vội chống khuỷu tay

ngồi dậy khi bọn họ lại gần. A. Fortiori rút ngón cái lên chĩa qua vai và nói, “Biến.” Gã trai trẻ mệt mỏi bèn nhảy ra khỏi giường chạy biến. A. Fortiori trèo lên giường và lại trở thành Dunbar.

“Đó là A. Fortiori,” Dunbar giải thích. “Họ không còn giường nào trống trong phòng của anh, do vậy tôi ỷ thế có quân hàm cao hơn để đuổi anh ta về đây nằm tại giường của tôi. Vụ cậy quân hàm này quả là một trải nghiệm thú vị. Anh thỉnh thoảng nên thử xem sao. Thực ra anh nên thử làm luôn bây giờ, bởi vì có vẻ như anh sắp ngã đến nơi rồi.”

Yossarian có cảm giác sắp ngã thật. Y quay sang một người đàn ông trung niên cằm nhô mặt như da thuộc đang nằm trên giường cạnh giường Dunbar, cũng rút ngón cái chĩa qua vai và nói “Biến.” Gã trung niên dữ tợn đanh mặt lại và trừng mắt lườm.

“Anh ta là thiếu tá mà,” Dunbar giải thích. “Sao anh không chọn mục tiêu là ai đó có quân hàm thấp hơn một chút và thử trở thành chuẩn úy Homer Lumley một lúc xem sao? Khi đó anh sẽ có một người cha nằm trong cơ quan lập pháp cấp bang và một cô em gái vừa đính hôn với một nhà vô địch trượt tuyết. Cứ bảo anh ta rằng anh là đại úy là được.”

Yossarian quay sang phía bệnh nhân đang giật mình hoảng hốt mà Dunbar vừa chỉ điểm. “Tôi là đại úy,” y nói, rồi nhấc ngón cái lên chĩa qua vai. “Biến.”

Bệnh nhân đang hoảng hốt kia vội nhảy xuống sàn nhà theo lệnh Yossarian và chạy biến. Yossarian leo lên giường của gã và trở thành chuẩn úy Homer Lumley, ngay lúc đó y thấy buồn nôn và đột nhiên mồ hôi túa ra dấp dính khắp người. Y ngủ một giờ rồi lại muốn làm Yossarian trở lại. Có một người cha trong cơ quan lập pháp cấp

bang và một cô em gái đính hôn với nhà vô địch trượt tuyết cũng chẳng có ý nghĩa gì mấy. Dunbar dẫn đường quay trở lại phòng của Yossarian, tại đó gã lại chĩa ngón tay cái qua vai để đuổi A. Fortiori ra khỏi giường để trở lại thành Dunbar một lát. Không thấy bóng dáng chuẩn úy Homer Lumley. Nhưng y tá Cramer thì đang ở đó, và đang cao đạo giận xì khói như một quả pháo ẩm. Cô ra lệnh cho Yossarian phải quay lại giường ngay lập tức nhưng lại đứng chặn đường khiến y không thể tuân theo. Gương mặt xinh đẹp của cô trở nên gớm ghiếc hơn bao giờ hết. Y tá Cramer là một người tốt tính, đa cảm, luôn vui vẻ vị tha trước mọi tin về đám cưới, đính hôn, sinh đẻ, lễ kỷ niệm ngay cả khi cô chẳng quen bất cứ ai liên quan.

“Anh điên à?” cô quở trách đầy đức hạnh, khua một ngón tay căm phẫn trước mắt anh. “Tôi đoán chừng là nếu anh có tự giết bản thân thì anh cũng chả thèm quan tâm, phải không?”

“Cái bản thân đó là của tôi mà,” y nhắc cho cô nhớ.

“Tôi đoán chừng là có mất một chân thì anh cũng chẳng thèm quan tâm, phải không?”

“Chân là của tôi mà.”

“Dĩ nhiên nó không phải là chân của anh!” y tá Cramer phản pháo. “Cái chân đó thuộc về chính phủ Mỹ. Nó không khác gì một món đồ hay một cái bô. Quân đội đã đầu tư rất nhiều tiền để biến anh thành phi công lái máy bay, và anh không có quyền trái lệnh bác sĩ.”

Yossarian không chắc liệu mình có thích được đầu tư không. Y tá Cramer vẫn đứng thẳng trước mặt khiến y không thể đi qua. Đầu y đang đau. Y tá Cramer hét vào y mấy câu hỏi nữa mà y không thể nào hiểu nổi. Y nhấc ngón tay cái chĩa qua vai và nói, “Biến.”

Y tá Cramer tát vào mặt y mạnh tới nỗi suýt nữa đã hạ gục y. Yossarian thu nắm tay lại đang định đấm vào quai hàm cô thì chân y khuỵu xuống và y bắt đầu ngã. Y tá Duckett bước tới đúng lúc để túm y lại. Cô hỏi cả hai người với vẻ kiên quyết.

“Có chuyện gì vậy?”

“Anh ta không quay lại giường của mình,” y tá Cramer sốt sắng báo cáo bằng giọng bị tổn thương. “Sue Ann, anh ta đã nói với tôi một điều quá kinh khủng. Ôi, tôi thậm chí còn không thể nhắc lại nó!”

“Cô ấy đã gọi tôi là một món đồ,” Yossarian càu nhàu.

Y tá Duckett không thông cảm. “Anh có quay lại giường không thì bảo,” cô nói, “hay là để tôi phải tóm tai anh lôi về đó?”

“Tóm tai tôi mà lôi về đi,” Yossarian thách thức.

Y tá Duckett bèn tóm lấy tai y và lôi y trở về giường.

27 Y TÁ DUCKETT

Y tá Sue Ann Duckett là một phụ nữ cao, to, trưởng thành, lưng thẳng với cặp mông nổi bật, tròn trịa, ngực nhỏ và những đường nét góc cạnh khắc khổ đậm chất New England vừa rất dễ thương vừa rất thô kệch. Da cô trắng hồng, mắt cô nhỏ, mũi và cằm mảnh và sắc. Cô rất có năng lực, nhanh nhẹn, nghiêm khắc và thông minh. Cô dám nhận trách nhiệm và giữ được bình tĩnh trong mọi cuộc khủng hoảng. Cô người lớn và tự lập, và cô chẳng cần điều gì ở ai. Yossarian thấy thương hại và quyết định phải giúp cô.

Sáng hôm sau trong khi cô đang cúi xuống vuốt lại ga ở đuôi giường y, y lén lút luồn tay vào khe hẹp giữa hai đầu gối cô và, thình lình, chớp nhoáng trượt hết cỡ lên trong váy cô. Y tá Duckett hét toáng lên và nhảy bắn lên không trung cả dặm, nhưng như vậy vẫn chưa đủ cao, nên cô vặn vẹo và nhảy nhót và giằng co tới lui quanh cái điểm tựa thiêng liêng của mình tới cả mười lăm giây mới giãy ra được và điên cuồng rút lui về lối đi với khuôn mặt tái mét và run rẩy. Cô đã lùi quá xa, và Dunbar, người đã chứng kiến vụ việc từ đầu, đột ngột từ trên giường xổ tới vung cả hai cánh tay ra chộp lấy ngực cô từ phía sau. Y tá Duckett hét toáng lên một lần nữa và vặn người đê thoát, đủ xa khỏi Dunbar để cho Yossarian phi tới vồ lấy cô một lần nữa. Y tá Duckett nhảy bật lên chạy thoát sang phía bên kia lối đi

thêm một lần nữa như một quả bóng bàn có chân. Dunbar đang chăm chú đợi, sẵn sàng chộp lấy. Cô kịp nhớ ra và nhảy tránh sang bên.

Dunbar vồ hụt và mất đà lao từ trên giường xuống sàn, tiếp đất bằng đầu thịch một cái nặng nề, ghê răng rồi bất tỉnh nhân sự.

Dunbar tỉnh dậy ở trên sàn với cái mũi chảy máu và các triệu chứng đau đầu khốn khổ y hệt như gã đã bốc phét suốt thời gian qua. Cả phòng chìm trong om sòm hỗn loạn. Y tá Duckett đang đầm đìa nước mắt và trên mép một chiếc giường Yossarian đang ngồi bên dỗ dành cô đầy vẻ biết lỗi. Đại tá chỉ huy giận dữ hét vào mặt Yossarian rằng ông không chấp nhận việc bệnh nhân vô lễ với y tá.

"Ông muốn gì ở anh ta?" Dunbar ai oán hỏi khi vẫn đang ở trên sàn, nhăn nhó vì những cơn đau rần rật trên thái dương khi nói. "Anh ta đâu có làm gì."

"Tôi đang nói với anh đấy!" ông đại tá gầy gò, tôn quý rống lên to hết mức có thể. "Anh sẽ bị trừng phạt vì những việc anh đã làm."

"Ông muốn gì ở anh ta chứ?" Yossarian lớn tiếng. "Anh ta chỉ làm mỗi một việc là ngã đập đầu xuống đất."

"Và tôi cũng đang nói với anh!" đại tá tuyên bố, xoay cơn giận sang phía Yossarian. "Anh sẽ phải ngoan ngoãn mà xin lỗi vì chuyện dám chộp ngực y tá Duckett."

"Tôi đâu có chộp ngực y tá Duckett," Yossarian nói.

"Tôi mới là người chộp ngực cô ấy," Dunbar nói.

"Cả hai anh điên rồi sao?" ông bác sĩ rít lên, và tái mặt bối rối lùi lại.

“Đúng vậy, anh ta điên thật đấy, thưa bác sĩ,” Dunbar đồng ý. “Đêm nào anh ta cũng mơ được cầm một con cá sống trong tay.”

Ông bác sĩ dừng khựng lại với vẻ kinh ngạc và ghê tởm một cách tao nhã, cả phòng im phăng phắc. “Anh ta làm sao?” ông gặng hỏi.

“Anh ta mơ được cầm một con cá đang sống ở trong tay.”

“Loài cá gì vậy?” ông bác sĩ nghiêm trang hỏi Yossarian.

“Tôi không biết,” Yossarian trả lời. “Tôi không phân biệt được cá này với cá khác.”

“Anh cầm cá bằng tay nào?”

“Cũng tùy,” Yossarian trả lời.

“Tùy theo loại cá,” Dunbar đóng góp thêm.

Ông bác sĩ quay lại và nheo mắt nhìn xuống Dunbar đầy ngờ vực. “Thật vậy sao? Làm sao mà anh lại có vẻ biết rõ như vậy?”

“Tôi ở trong giấc mơ đấy mà,” Dunbar đáp mà không hề bật ra cười.

Khuôn mặt bác sĩ đỏ ửng vì bối rối. Ông trừng mắt nhìn cả hai người với vẻ oán giận lạnh lẽo, không khoan nhượng. “Đứng lên khỏi sàn rồi về giường đi,” ông ra lệnh cho Dunbar qua cặp môi mỏng dính. “Và tôi không muốn nghe bất cứ ai trong số hai anh nói thêm một lời nào nữa về giấc mơ này. Tôi có một nhân viên chuyên nghe ngóng những chuyện nhảm nhí kinh tởm như thế này đấy.”

“Theo anh thì tại sao,” thiếu tá Sanderson, chuyên gia tâm thần học dịu dàng thấp đậm luôn mỉm cười mà ông đại tá đã ra lệnh cho Yossarian tới gặp, thận trọng hỏi, “đại tá Ferredge lại thấy giấc mơ của anh là kinh tởm?”

Yossarian kính cẩn đáp, “Tôi đoán hoặc là do có vấn đề gì đó ở giấc mơ hoặc là có vấn đề gì đó ở đại tá Ferredge.”

“Nói rất hay,” thiếu tá Sanderson vỗ tay, gã đi một đôi giày quân trang kêu cọt kẹt, tóc đen như than gần như dựng đứng. “Không hiểu sao,” gã tâm sự, “đại tá Ferredge luôn gợi tôi nhớ tới một con chim mòng biển. Ông ta cũng không mấy tin vào tâm thần học, anh biết đấy.”

“Anh không thích chim mòng biển, phải không?” Yossarian hỏi.

“Ừ, không thích mấy,” thiếu tá Sanderson thú nhận với một tiếng cười đanh, hồi hộp và âu yếm kéo kéo vào cái cằm thứ hai của mình như thể nó là một chòm râu dê. “Tôi nghĩ giấc mơ của anh rất thú vị, và tôi mong nó sẽ tiếp tục xảy ra thường xuyên để chúng ta có thể thảo luận về nó. Anh làm điếu thuốc chứ?” Gã mỉm cười khi Yossarian từ chối. “Theo anh thì tại sao,” gã ranh mãnh hỏi, “anh lại có ác cảm mạnh mẽ đến vậy với việc nhận một điếu thuốc từ tôi?”

“Tôi vừa hút một điếu xong. Nó vẫn đang cháy âm ỉ trong gạt tàn của anh kia kìa.”

Thiếu tá Sanderson cười khùng khục. “Quả là một lời giải thích tài tình. Nhưng tôi đồ rằng chúng ta sẽ sớm phát hiện ra lý do đích thực thôi.” Gã thắt dây giày đang tuột ra thành một nút nơ kép xộc xệch, đoạn lấy từ trên bàn một tập giấy kẻ màu vàng chanh đặt lên lòng. “Con cá mà anh mơ thấy. Ta nói về nó đi. Luôn là cùng một con cá, phải không?”

“Tôi không biết nữa,” Yossarian đáp lời. “Tôi không giỏi nhận dạng cá.”

“Con cá khiến anh nhớ tới điều gì?”

“Tới con cá khác.”

“Thế con cá khác khiến anh nhớ tới điều gì?”

“Tới con cá khác.”

Thiếu tá Sanderson thất vọng ngồi thẳng dậy. “Anh có thích cá không?”

“Không thích lắm.”

“Theo anh thì tại sao anh lại có ác cảm bệnh hoạn với cá đến vậy?” thiếu tá Sanderson đắc thắng hỏi.

“Chúng quá nhạt,” Yossarian trả lời. “Và quá nhiều xương.”

Thiếu tá Sanderson gật đầu thông cảm, với một nụ cười a dua giả lả. “Đó là một lời giải thích rất thú vị. Nhưng chúng ta sẽ sớm phát hiện ra lý do đích thực thôi, tôi nghĩ vậy. Anh có thích con cá cụ thể này không? Con cá anh đang nắm trong tay ấy?”

“Tôi không có chút cảm xúc nào với nó cả.”

“Anh có ghét con cá này không? Anh có cảm xúc thù địch hay bạo lực nào với nó không?”

“Không, không có chút nào. Thực ra, tôi khá là thích nó.”

“Vậy thì anh thích con cá này.”

“Ồ không. Tôi không có cảm xúc gì với nó cả.”

“Nhưng anh vừa nói là anh thích nó. Giờ anh lại nói là anh không có cảm xúc gì với nó cả. Tôi vừa phát hiện sự mâu thuẫn của anh. Anh có thấy vậy không?”

“Vâng thưa sếp. Tôi đồng ý là anh đã phát hiện ra sự mâu thuẫn trong tôi.”

Thiếu tá Sanderson kiêu hãnh viết chữ “Mâu thuẫn” lên tập giấy bằng bút chì đen nét đậm. “Theo anh thì tại sao,” gã tiếp tục khi đã viết xong, mắt nhìn lên, “anh lại có hai câu mô tả cảm xúc trái ngược nhau về con cá?”

“Tôi cho rằng tôi có thái độ nước đôi với nó.”

Thiếu tá Sanderson nhảy lên vui sướng khi nghe thấy cụm từ “thái độ nước đôi”. “Anh đã hiểu thật rồi!” gã hân hoan reo lên, siết chặt hai tay. “Ôi, anh không tưởng tượng được tôi đã cô đơn như thế nào đâu, khi cứ phải ngày qua ngày nói chuyện với những bệnh nhân không có chút kiến thức nào về tâm thần học, cố cứu chữa những người không có tí quan tâm nào tới tôi hoặc công việc của tôi! Điều đó đã đem lại cho tôi cảm giác hụt hẫng kinh khủng.” Một thoáng lo âu lướt qua mặt gã. “Tôi dường như không thể lay chuyển được thực tế ấy.”

“Thật vậy sao?” Yossarian hỏi, băn khoăn không biết nên nói gì tiếp. “Tại sao anh lại tự trách mình về lỗ hổng trong quá trình giáo dục của những người khác?”

“Thật ngốc nghếch, tôi biết vậy,” thiếu tá Sanderson ngượng nghịu đáp cùng một tiếng cười vui vẻ gượng gạo. “Nhưng tôi luôn bị phụ thuộc rất nhiều vào sự khen ngợi của người khác. Tôi dậy thì chậm hơn một chút so với bọn con trai cùng lứa, anh biết đấy, vụ đó đã đưa đến cho tôi một số - à không, đủ thứ vấn đề. Tôi biết ngay là tôi sẽ rất thích được thảo luận với anh về chúng mà. Tôi háo hức muốn bắt đầu tới mức ngay bây giờ đây, tôi gần như chẳng hề sẵn lòng lạc sang vấn đề của anh, nhưng e rằng tôi vẫn phải làm thôi. Đại tá Ferredge sẽ rất cáu nếu như ông ta biết chúng ta dành hết thời gian nói về tôi. Giờ tôi muốn cho anh xem một số vết mực để

tìm xem một số hình dạng và màu sắc sẽ khiến anh liên tưởng tới điều gì.”

“Anh có thể tiết kiệm thời gian và công sức cho mình, bác sĩ ạ. Tất cả đều khiến tôi liên tưởng đến tình dục.”

“Thật vậy sao?” thiếu tá Sanderson reo lên vui sướng, như thể không tin vào tai mình. “Giờ thì chúng ta *thực sự* đã đi được một quãng đường dài! Trước đây anh đã từng có giấc mơ đẹp nào về tình dục chưa?”

“Giấc mơ cá của tôi là giấc mơ tình dục.”

“Không, ý của tôi là những giấc mơ tình dục đích thực cơ - kiểu như anh tóm cổ một con ghệ trần truồng nào đó, véo và đấm vào mặt cô ta cho đến khi cô ta máu me đầm đìa thì nhảy vào cưỡng đoạt cô ta sau đó òa lên khóc vì anh vừa yêu vừa hận cô ta nhiều tới mức không biết phải làm gì tiếp. Đó là loại giấc mơ tình dục mà tôi muốn thảo luận. Anh đã từng có giấc mơ tình dục kiểu như vậy bao giờ chưa?”

Yossarian trầm tư suy nghĩ một lúc. “Đó là một giấc mơ cá,” y quả quyết.

Thiếu tá Sanderson rụt người lại như thể vừa bị ăn tát. “Ừ, tất nhiên rồi,” gã lạnh lùng chấp nhận, thái độ trở nên cáu kỉnh và như muốn phản kháng tự vệ. “Nhưng dù sao tôi vẫn muốn anh mơ một giấc kiểu như vậy chỉ để xem anh phản ứng như thế nào. Hôm nay thế là đủ rồi. Từ giờ đến mai, tôi muốn anh mơ về những câu trả lời cho một số câu hỏi mà tôi đã hỏi anh. Những buổi trị liệu này với tôi cũng chẳng dễ chịu gì hơn với anh đâu, anh biết đấy.”

“Tôi sẽ đề cập chuyện này với Dunbar,” Yossarian đáp lời.

“Dunbar?”

“Anh ta là người bắt đầu mọi chuyện. Đó là giấc mơ của anh ta.”

“Ồ, Dunbar.” Thiếu tá Sanderson cười khinh bỉ, sự tự tin đã trở lại. “Tôi đoán chừng Dunbar chính là kẻ xấu đã làm tất cả những điều xấu mà anh luôn phải chịu trách nhiệm, có phải không?”

“Anh ta không xấu đến vậy đâu.”

“Nhưng anh vẫn bảo vệ anh ta tới chết, đúng không?”

“Không đến mức vậy đâu.”

Thiếu tá Sanderson mỉm cười châm chọc và viết “Dunbar” lên tập giấy. “Tại sao anh lại đi khập khiễng?” gã đột ngột hỏi khi Yossarian đi tới cửa. “Và dải băng ấy đang làm cái chết tiệt gì trên chân anh vậy? Anh bị điên hay là sao?”

“Tôi bị thương ở chân. Đó là lý do tôi nằm viện.”

“Ồ không, anh không bị thương,” thiếu tá Sanderson hả hê đầy ác ý. “Anh nhập viện vì có sỏi ở tuyến nước bọt. Vậy ra anh cũng chả thông minh lắm, phải không? Anh thậm chí còn không biết anh nhập viện vì lý do gì.”

“Tôi nhập viện vì bị thương ở chân,” Yossarian khăng khăng.

Thiếu tá Sanderson phớt lờ ý kiến của y bằng một tiếng cười mỉa mai. “Thôi được rồi, cho tôi gửi lời hỏi thăm tới anh bạn Dunbar của anh. Và anh sẽ bảo anh ta mơ giấc mơ đó cho tôi, được chứ?”

Nhưng Dunbar đang buồn nôn và chóng mặt vì bệnh đau đầu như thường lệ nên không định hợp tác với thiếu tá Sanderson. Hungry Joe thì vẫn gặp ác mộng vì gã đã hoàn thành sáu mươi

nhiệm vụ và lại tiếp tục đợi để được về nhà, nhưng khi vào viện thăm mọi người gã cũng không muốn chia sẻ cơn ác mộng nào cả.

“Không ai có giấc mơ nào dành cho thiếu tá Sanderson à?” Yossarian hỏi. “Tôi không muốn làm anh ta thất vọng. Anh ta vốn đã cảm thấy bị từ chối đủ rồi.”

“Từ lúc biết anh bị thương tới giờ tôi cứ hay có một giấc mơ lạ lắm,” cha tuyên úy thú nhận. “Trước đây đêm nào tôi cũng mơ thấy vợ tôi sắp chết hay bị giết hoặc con cái tôi bị chết nghẹn khi ăn ngập mồm đồ ăn bổ dưỡng. Giờ thì tôi mơ tôi đang bơi ngoài khơi, nước ngập đầu và một con cá mập đang gặm chân trái của tôi, đúng chỗ anh bị băng.”

“Đó là một giấc mơ tuyệt vời,” Dunbar tuyên bố. “Tôi dám cá rằng thiếu tá Sanderson sẽ mê nó lắm.”

“Đó là một giấc mơ kinh khủng!” thiếu tá Sanderson kêu lên. “Nó tràn ngập đau đớn và tổn thương và cái chết. Tôi chắc rằng anh chỉ mơ ra nó để chọc tức tôi. Anh biết đấy, tôi thậm chí còn không chắc là anh có phù hợp với quân đội không, nếu anh có một giấc mơ đáng kinh tởm đến vậy.”

Yossarian chợt thấy một tia hy vọng. “Có lẽ anh đúng đấy, sếp,” y ranh mãnh gợi ý. “Có lẽ tôi cần phải bị giải nhiệm và quay trở lại Mỹ.”

“Anh đã bao giờ nghĩ rằng việc anh đi kiếm gái lung tung khắp nơi thực ra cũng chỉ là vì anh đang cố khỏa lấp nỗi sợ bị liệt dương trong tiềm thức?”

“Vâng, thưa sếp, đúng là vậy.”

“Thế thì tại sao anh lại làm vậy?”

“Để khỏa lấp nỗi sợ bị liệt dương trong tiềm thức.”

“Tại sao anh lại không tìm cho mình một thú vui lành mạnh khác?” Thiếu tá Sanderson quan tâm, thân thiện hỏi.

“Như câu cá chẳng hạn. Anh thấy y tá Duckett hấp dẫn thật đấy à? Tôi nghĩ cô ấy hơi bị xương xẩu. Khá là nhạt và nhiều xương. Như một con cá.”

“Tôi hầu như không biết mấy về y tá Duckett.”

“Vậy thì tại sao anh lại chộp ngực cô ấy? Chỉ vì cô ấy có ngực sao?”

“Dunbar làm đấy chứ.”

“Ồ, đừng lại bổn cũ soạn lại nữa,” thiếu tá Sanderson kêu lên đầy khinh bỉ và cay độc, rồi ném bút chì xuống với vẻ ghê tởm. “Anh thực sự nghĩ là mình có thể thoát tội bằng cách giả làm ai đó khác đấy à? Tôi không thích anh, Fortiori. Anh có biết điều đó không? Tôi không thích anh một chút nào.”

Yossarian cảm thấy như có một luồng gió sợ hãi lạnh lẽo, ẩm thấp thổi vào mình. “Tôi không phải là Fortiori, thưa sếp,” y rụt rè nói. “Tôi là Yossarian.”

“Anh là ai?”

“Tên tôi là Yossarian, thưa sếp. Và tôi nhập viện vì bị thương ở một chân.”

“Tên anh là Fortiori,” thiếu tá Sanderson hung hăng phản đối. “Và anh nhập viện vì có sỏi ở trong tuyến nước bọt.”

“Ôi, thôi đi mà thiếu tá!” Yossarian bùng nổ. “Tôi phải biết tôi là ai chứ.”

“Còn tôi có cả một bộ hồ sơ quân đội ở đây để chứng minh,” thiếu tá Sanderson vặc lại. “Anh cần phải hiểu rõ được bản thân mình là ai trước khi quá muộn. Đầu tiên anh là Dunbar. Giờ thì anh lại là Yossarian. Chớp mắt cái nữa thì chắc anh sẽ tuyên bố mình là Washington Irving mất. Anh có biết anh bị làm sao không? Anh bị tâm thần phân liệt, đó là bệnh của anh.”

“Có lẽ anh đúng, thưa sếp.” Yossarian lịch thiệp đồng ý.

“Tôi biết là tòi đúng mà. Anh có mặc cảm bị ngược đãi rất nặng. Anh nghĩ mọi người đang cố làm hại anh.”

“Mọi người đúng là đang cố làm hại tôi.”

“Anh thấy chưa? Anh coi thường cả quyền uy thái quá lẫn những truyền thống lỗi thời. Anh nguy hiểm và suy đồi, và anh cần bị đem ra ngoài xử bắn!”

“Anh đang nghiêm túc đấy à?”

“Anh là kẻ thù của nhân dân!”

“Anh điên hả?” Yossarian hét lên.

“Không, tôi không điên,” Dobbs gầm lên cuồng nộ từ cuối phòng, mà gã cứ nghĩ chỉ vừa thì thầm lén lút. “Hungry Joe đã tận mắt trông thấy bọn họ, thật đấy. Hôm qua khi bay tới Naples để lấy mấy cái máy điều hòa không khí chợ đen về cho trang trại của đại tá Cathcart, anh ta đã tận mắt thấy. Họ có một trung tâm điều chuyển người rất lớn ở đó và trong đó có hàng trăm phi công lái máy bay, phi công cắt bom, và phi công điều khiển súng đang trên đường về nhà. Bọn họ chỉ cần bay bốn mươi lăm trận, thế thôi! Vài người có huân chương Trái Tim Tím thậm chí còn phải bay ít hơn. Những đội bay thay thế đổ tới từ Mỹ rồi được xếp vào các liên đoàn bay khác.

Họ muốn tất cả mọi người đều phục vụ ở nước ngoài ít nhất một lần, kể cả nhân viên hành chính. Anh không đọc báo à? Chúng ta phải giết hắn ngay đi!”

“Anh chỉ cần bay thêm hai trận nữa là đủ mà,” Yossarian thấp giọng giải thích với gã. “Sao phải liều?”

“Tôi cũng có thể bị giết nếu tôi bay nốt những trận đó,” Dobbs hung hăng trả lời bằng giọng oang oang, run run và căng thẳng. “Chúng ta có thể giết hắn ngay sáng sớm mai khi hắn lái xe trở về từ trang trại. Tôi đã có sẵn một khẩu súng lục đây rồi.”

Yossarian trọn tròn mắt kinh ngạc khi Dobbs rút ra một khẩu súng từ trong túi và giơ nó lên cao để khoe. “Anh điên hả?” y cuống cuồng rít lên. “Cất nó đi ngay. Và hạ cái giọng ngu xuẩn của anh xuống.”

“Anh lo gì chứ?” Dobbs ngơ ngác hỏi với vẻ bị xúc phạm. “Đâu có ai nghe thấy chúng ta nói gì.”

“Này, bên đó tắt hết đài đi,” một giọng bắn ra từ góc xa. “Các anh không thấy là chúng tôi đang cố ngủ đây à?”

“Đồ chết tiệt nào đấy, một thằng cha hợm đời à?” Dobbs thét lên đáp trả và quay phắt lại với hai tay siết chặt lại thành nắm đấm, sẵn sàng choảng nhau. Gã phi lại phía Yossarian như một cơn lốc và, chưa kịp nói, đã phụt ra sáu cú hắt xì liên tục như sấm nổ, giữa mỗi cú lại loạng choạng dạt sang bên với cặp giò run rẩy và giơ hõm khuỷu tay lên để bịt cơn hắt xì lại mà không được. Mí đôi mắt đẫm nước của gã sưng phồng lên.

“Hắn ta nghĩ mình là ai chứ,” Dobbs chất vấn, sụt sịt từng cơn, đưa cổ tay lực lưỡng lên quệt mũi, “cớm à hay là gì khác?”

“Gã là người của C.I.D.,” Yossarian bình thản thông báo. “Chúng ta đang có ba người bọn họ ở đây và sẽ có thêm những người khác sắp tới. Ôi, đừng sợ. Mục tiêu của bọn họ là một kẻ mang tên giả Washington Irving kìa. Họ không quan tâm đến những kẻ giết người đâu.”

“Những kẻ giết người ư?” Dobbs cảm thấy bị lăng mạ. “Tại sao anh lại gọi chúng ta là những kẻ giết người? Chỉ vì chúng ta sắp giết đại tá Cathcart ư?”

“Trật tự đi, đồ khốn!” Yossarian ra lệnh. “Anh không thể thì thầm được à?”

“Tôi đang thì thầm mà. Tôi…”

“Anh vẫn đang hét toáng lên đấy.”

“Không, không phải. Tôi…”

“Này, bên đấy câm miệng lại được không thế?” bệnh nhân trong cả phòng bắt đầu rống lên với Dobbs.

“Tôi chiến hết các người bây giờ!” Dobbs gào lên đáp trả, đoạn đứng lên một chiếc ghế gỗ lung lay, tay vung súng loạn cả lên. Yossarian túm lấy cánh tay gã và giật mạnh lôi xuống. Dobbs lại bắt đầu hắt hơi. “Tôi bị dị ứng,” gã xin lỗi khi hắt hơi xong, nước mũi ròng ròng và mắt thì đẫm nước.

“Khổ quá nhỉ. Không bị như vậy thì có khi anh sẽ thành lãnh tụ vĩ đại cũng nên.”

“Đại tá Cathcart mới là kẻ giết người,” Dobbs khản đặc giọng càm ràm sau khi đã dúi biến đi một chiếc khăn tay vải kaki nhàu nát dính

đầy nước mũi. “Đại tá Cathcart chính là kẻ sẽ giết tất cả chúng ta nếu như chúng ta không làm điều gì đó để chặn hắn lại.”

“Biết đâu hắn sẽ không tăng số trận lên nữa. Biết đâu sáu mươi là con số cao nhất rồi.”

“Hắn sẽ luôn tăng số trận phải bay lên. Anh biết rõ chuyện đó hơn tôi mà.” Dobbs nuốt khan và ghé sát gương mặt căng thẳng vào sát mặt Yossarian, những thớ cơ trong quai hàm màu đồng thau, cứng như đá của gã dồn cục lại run rẩy. “Chỉ cần anh nói OK thì ngay sáng mai tôi sẽ tự làm tất. Anh có hiểu điều tôi đang nói với anh không nhỉ? Giờ thì tôi đang thì thầm, có phải vậy không?”

Yossarian giật mắt mình vùng khỏi ánh nhìn khẩn nài cháy bỏng mà Dobbs trói y vào. “Tại cái quái quỷ khốn nạn gì mà anh không tự đi mà làm việc đó luôn đi?” y phản đối. “Sao anh không thôi bàn bạc với tôi mà tự đi làm việc đó một mình?”

“Tôi sợ phải làm việc đó một mình. Tôi sợ làm bất cứ việc gì một mình.”

“Vậy thì bỏ tôi ra khỏi vụ này đi. Họa có bị điên thì giờ tôi mới đi dây vào một thứ như thế. Tôi đã có một vết thương triệu đô ở chân. Họ sẽ điều tôi về nhà.”

“Anh điên à?” Dobbs hét lên mà không tin nổi tai mình. “Tất cả những gì anh có chỉ là một vết xước. Hắn ta sẽ điều anh bay ra trận ngay khi anh xuất viện, sau khi trao cho anh Trái Tim Tím và đại loại thế.”

“Vậy thì khi đó tôi sẽ giết hắn,” Yossarian thề. “Tôi sẽ đến tìm anh và chúng ta sẽ cùng ra tay.”

“Vậy thì hãy ra tay luôn ngày mai đi khi chúng ta vẫn còn có cơ hội,” Dobbs cầu khẩn. “Cha tuyên úy bảo hắn ta lại tình nguyện đưa cả liên đoàn tới Avignon thêm một lần nữa. Tôi có thể bị giết trước khi anh xuất viện. Xem hai bàn tay tôi run đến mức nào đây này. Tôi không thể lái máy bay được nữa. Tôi không đủ khả năng.”

Yossarian sợ không dám nói đồng ý. “Tôi muốn đợi xem thế nào đã.”

“Vấn đề của anh là anh sẽ chẳng làm gì hết,” Dobbs điên tiết kêu ca, giọng vẫn khàn đặc.

“Tôi đang làm tất cả những gì có thể,” cha tuyên úy nhẹ nhàng giải thích với Yossarian sau khi Dobbs rời đi. “Tôi thậm chí còn đến lều quân y gặp bác sĩ Daneeka để nhờ ông ấy giúp anh.”

“Vâng, tôi biết.” Yossarian cố nén cười. “Rồi sao?”

“Họ đã bôi tím lợi của tôi,” cha tuyên úy ngượng ngùng đáp.

“Họ cũng bôi tím cả ngón chân anh ấy,” Nately phẫn nộ chêm vào. “Và rồi họ cho anh ấy uống thuốc xổ.”

“Nhưng sáng nay tôi vẫn quay lại gặp ông ấy.”

“Và họ lại bôi tím lợi anh ấy thêm một lần nữa,” Nately nói.

“Nhưng tôi đã thực sự nói chuyện được với ông ấy,” cha tuyên úy phản bác bằng giọng ai oán tự bào chữa. “Có vẻ như bác sĩ Daneeka là người bất hạnh lắm. Ông ấy nghi ngờ có ai đó đang âm mưu chuyển ông ấy tới Thái Bình Dương. Ông ấy đã định đến gặp tôi mong được giúp đỡ mãi đấy chứ. Khi tôi nói với ông ấy là tôi cần sự giúp đỡ của ông ấy, ông ấy tự hỏi chẳng lẽ tôi không thể gặp được một cha tuyên úy nào khác ư.” Cha tuyên úy nhẫn nại đợi chờ

trong chán ngán khi cả Yossarian và Dunbar cùng phá lên cười. “Tôi đã từng nghĩ rằng ai cảm thấy bất hạnh thì thật là vô đạo đức,” gã tiếp tục nói, dường như đang lớn tiếng than vãn trong cô đơn. “Giờ thì tôi không biết phải nghĩ gì nữa. Tôi muốn nói về chủ đề vô đạo đức vào buổi thuyết pháp Chủ nhật tuần này, nhưng tôi không chắc là mình có thể thuyết pháp được với bộ lợi tím này. Trung tá Korn rất ghét nó.”

“Cha tuyên úy này, tại sao anh không nhập viện ở cùng với bọn tôi một lát và thư giãn đi?” Yossarian mời mọc. “Anh sẽ thấy rất thoải mái ở đây.”

Vẻ tội lỗi hỗn xược trong lời đề nghị này đã cám dỗ và làm cho cha tuyên úy thích thú trong khoảng một hoặc hai giây. “Không, tôi không nghĩ vậy đâu,” gã miễn cưỡng từ chối. “Tôi muốn thu xếp một chuyến đi vào đất liền để gặp một bưu tín viên tên là Wintergreen. Bác sĩ Daneeka bảo rằng anh ta có thể giúp được.”

“Wintergreen có lẽ là người có ảnh hưởng nhất trên toàn bộ chiến trường. Anh ta không chỉ là một bưu tín viên, mà anh ta còn có quyền tiếp cận một máy in ronéo. Nhưng anh ta sẽ chẳng giúp ai đâu. Đó là một trong những lý do giúp anh ta tiến xa sau này đấy.”

“Dù sao thì tôi vẫn muốn nói chuyện với anh ta. Phải có ai đó có thể giúp các anh chứ.”

“Cứ giúp Dunbar thôi, cha tuyên úy ạ,” Yossarian chỉnh lại, vẻ trịch thượng phảng phất. “Tôi đã có một vết thương triệu đô ở đùi, và nó sẽ đưa tôi ra khỏi vòng chiến đấu. Nếu nó vẫn không ăn thua thì vẫn còn có một bác sĩ tâm thần cho rằng tôi không đủ điều kiện để ở trong quân đội.”

“Tôi mới chính là người không đủ điều kiện để ở trong quân đội,” Dunbar rên lên ghen tị. “Đó là giấc mơ của tôi mà.”

“Không phải là nhờ giấc mơ ấy đâu, Dunbar,” Yossarian giải thích. “Tay bác sĩ thích giấc mơ của anh. Nhưng cái chính là nhờ nhân cách của tôi. Anh ta nghĩ rằng nó bị phân tách.”

“Nó bị tách ở chính giữa,” thiếu tá Sandersons nói, gã đã buộc cả dây cho đôi giày quân đội gồ ghề và vuốt ẹp mái tóc đen màu than lờ nhờ bằng một thứ keo làm cứng và thơm phức cho riêng dịp này. Gã cười phô trương để thể hiện rằng mình rất hiểu lý lẽ và tốt bụng. “Tôi nói vậy không phải vì độc ác hay muốn xúc phạm anh,” gã tiếp tục nói với niềm vui độc ác và xúc phạm. “Tôi nói vậy không phải vì tôi ghét anh và muốn trả thù. Tôi nói vậy không phải vì anh đã từ chối tôi và làm tôi tổn thương nghiêm trọng. Không, tôi là một thầy thuốc, và tôi đang hoàn toàn khách quan. Tôi có một tin cực xấu cho anh đây. Anh có đủ dũng khí để đón nhận nó hay không?”

“Chúa ơi, không!” Yossarian thét lên. “Tôi sẽ tan nát mất.”

Thiếu tá Sanderson ngay lập tức phi thân vào lửa giận. “Anh không thể cư xử cho đúng dù chỉ một lần thôi sao?” gã nài nỉ, mặt đỏ tía như củ cải đường vì phật ý, hai tay đồng thời đấm mạnh xuống mặt bàn. “Vấn đề của anh nằm ở chỗ anh luôn cho rằng mình đứng trên mọi quy ước xã hội. Có lẽ anh còn đang nghĩ rằng anh đứng trên cả tôi, bởi vì tôi đã dậy thì muộn. Chậc, anh có biết anh là thứ gì không? Anh chỉ là một thằng nhóc thất bại, bất hạnh, vỡ mộng, vô kỷ luật và không biết thích nghi!” Thiếu tá Sanderson dường như dịu lại khi gã tuôn ra những tính từ không hay ho đó.

“Vâng, thưa sếp,” Yossarian thận trọng đồng ý. “Tôi cũng nghĩ là anh đúng.”

“Tất nhiên là tôi đúng. Anh chưa trưởng thành. Anh không thể thích nghi được với chiến tranh.”

“Vâng, thưa sếp.”

“Anh có ác cảm bệnh hoạn với cái chết. Có lẽ anh còn đang bực bội với cái thực tế rằng mình đang tham chiến và có thể bị bắn vỡ sọ bất cứ lúc nào.”

“Còn hơn cả bực bội, thưa sếp. Tôi điên tiết tột độ.”

“Anh có những mối lo âu sâu kín về sinh tồn. Và anh không thích những kẻ cuồng túi, những kẻ hay ức hiếp người khác, đám người hợm hĩnh hay đạo đức giả. Trong tiềm thức, anh ghét quá nhiều loại người.”

“Ý thức, thưa sếp, một cách có ý thức,” Yossarian đính chính, cố tỏ ra muốn giúp đỡ. “Tôi ghét bọn họ một cách có ý thức.”

“Anh luôn phản kháng cái ý tưởng bị cướp đoạt, bị lợi dụng, bị lột lon, bị làm nhục hoặc bị lừa gạt. Sự khổ cực làm anh trầm cảm. Sự ngu dốt làm anh trầm cảm. Sự ngược đãi làm anh trầm cảm. Bạo lực làm anh trầm cảm. Những khu nhà ổ chuột làm anh trầm cảm. Lòng tham làm anh trầm cảm. Tội ác làm anh trầm cảm. Tham nhũng làm anh trầm cảm. Anh biết không, tôi sẽ không ngạc nhiên nếu như anh là một kẻ rối loạn hưng-trầm cảm!”

“Vâng, thưa sếp. Có lẽ tôi là vậy.”

“Đừng cố chối bỏ nó.”

“Tôi không chối bỏ nó, thưa sếp,” Yossarian nói, tỏ ra hài lòng vì sự hòa hợp thần kỳ cuối cùng cũng đã xuất hiện trong mối quan hệ giữa họ. “Tôi đồng ý với tất cả những gì anh nói.”

“Vậy thì anh thừa nhận rằng anh bị điên, đúng không?”

“Điên ư?” Yossarian sốc. “Anh nói gì vậy? Tại sao tôi lại điên? Anh điên thì có!”

Mặt thiếu tá Sanderson lại đỏ phừng phừng vì nộ khí và gã đấm mạnh cả hai tay xuống đùi. “Bảo tôi là đồ điên,” gã hét lên trong cơn giận dữ phun trào, “chính là phản ứng hoang tưởng hận thù và tàn bạo điển hình! Anh đúng là điên rồi!”

“Thế thì sao anh không cho tôi về nhà?”

“Tôi đang chuẩn bị cho anh về nhà đây!”

“Họ đang chuẩn bị cho tôi về nhà!” Yossarian hân hoan thông báo khi tập tễnh trở lại phòng bệnh.

“Tôi cũng vậy!” A. Fortiori vui sướng nói. “Họ vừa vào phòng nói cho tôi biết.”

“Thế còn tôi thì sao?” Dunbar giận dỗi hỏi các bác sĩ.

“Anh ư?” họ cộc cằn đáp. “Anh sẽ đi với Yossarian. Quay trở lại chiến đấu ngay lập tức!”

Và thế là cả hai phải trở lại chiến đấu. Yossarian nổi khùng khi xe cứu thương đưa y trở lại phi đoàn, và y tập tễnh tới chỗ bác sĩ Daneeka để đòi công bằng, ông này chỉ rầu rĩ trân trối nhìn y vừa đau khổ vừa khinh khỉnh.

“Anh!” bác sĩ Daneeka ai oán thốt lên với vẻ ghê tởm buộc tội, hai bọng mắt hình trứng căng ra cương quyết và chê trách. “Từ trước đến giờ anh chỉ nghĩ đến bản thân anh. Đi mà xem tuyến ném bom nếu như anh muốn biết điều gì đã xảy ra trong lúc anh nhập viện.”

Yossarian giật mình hỏi. “Chúng ta đang thua à?”

“Thua ư?” bác sĩ Daneeka thét lên. “Toàn bộ tình hình chiến sự đã trở nên tồi tệ kể từ khi chúng ta chiếm được Paris. Tôi biết là chuyện này sẽ đến mà.” Ông tạm nghỉ lấy hơi, cơn giận dữ sưng sỉa đã chuyển thành nỗi u uất, và ông nhăn mặt khó chịu như thể tất cả đều là lỗi của Yossarian. “Lính Mỹ đang tấn công mạnh vào đất Đức. Người Nga đã lấy lại toàn bộ Romania. Chỉ mới hôm qua thôi người Hy Lạp trong tập đoàn quân số 8[61] đã chiếm được Rimini. Quân Đức đang bị dồn vào thế phải chống đỡ trên khắp các mặt trận!” Bác sĩ Daneeka lại nghỉ thêm một lần nữa và củng cố sức mạnh bằng một hơi thở thật dài để chuẩn bị cho một cú phóng xuất nỗi buồn nhức nhối. “Không còn chiếc Luftwaffe nào nữa!” ông rền rĩ. Chực òa khóc đến nơi. “Toàn bộ phòng tuyến Gothic đang có nguy cơ sụp đổ!”

“Vậy thì sao?” Yossarian hỏi. “Có gì không ổn chứ?”

“Có gì không ổn?” bác sĩ Daneeka ré lên. “Nếu không có gì thay đổi thì quân Đức có thể sẽ đầu hàng. Và sau đó thì tất cả chúng ta sẽ bị điều tới Thái Bình Dương!”

Yossarian trố mắt ra nhìn bác sĩ Daneeka trong một nỗi thất vọng kỳ cục. “Ông điên à? Ông có biết mình đang nói gì không?”

“Ờ, anh thì cười được rồi,” bác sĩ Daneeka móc mỉa.

“Làm đếch gì có ai cười?”

“Ít nhất anh còn có cơ hội. Anh còn được chiến đấu dù có thể bị giết. Nhưng còn tôi thì sao? Tôi chẳng còn gì để hy vọng nữa.”

“Ông mất mẹ nó trí rồi!” Yossarian hét lên mạnh mẽ, túm lấy vạt trước áo bác sĩ. “Ông có biết điều đó không? Giờ thì hãy ngậm ngay cái miệng ngu dốt của ông lại và nghe tôi nói đây.”

Bác sĩ Daneeka giật mạnh ra. “Anh dám nói với tôi kiểu đó à? Tôi là một bác sĩ có chứng chỉ hành nghề.”

“Vậy thì hãy ngậm ngay cái miệng ngu của thằng cha bác sĩ có chứng chỉ hành nghề lại và nghe những gì người ta bảo tôi ở bệnh viện đây này. Tôi bị điên. Ông có biết không?”

“Vậy thì sao?”

“Rất điên.”

“Vậy thì sao?”

“Tôi bị thần kinh. Chập mạch. Ông không hiểu à? Tôi dở hơi. Thế rồi họ gửi nhầm một kẻ khác về nhà thay vì tôi. Họ đã sai hẳn một bác sĩ tâm thần có chứng chỉ hành nghề ở trên viện để khám cho tôi rồi, và đó là kết luận của anh ta. Tôi điên thật mà.”

“Vậy thì sao?”

“Sao ư?” Yossarian bối rối trước sự chậm hiểu của bác sĩ Daneeka. “Ông không biết điều đó có nghĩa gì à? Giờ thì ông có thể cho tôi nghỉ chiến đấu và cho tôi về nhà. Họ không định điều một thằng điên ra trận để người ta giết nó chứ, phải vậy không?”

“Nếu không thì còn ai ra trận đây?”

28 DOBBS

McWatt ra trận, và McWatt không điên. Yossarian cũng vậy, trong khi vẫn đang tập tễnh, và khi Yossarian bay được thêm hai trận nữa thì lại bị đe dọa bởi tin đồn lại phải bay tới Bologna lần nữa, y bèn quyết chí tập tễnh đến lều của Dobbs vào đầu một buổi chiều nắng ấm, đưa một ngón tay lên miệng và "Suỵt!"

"Có gì mà phải suỵt vậy?" Kid Sampson nói, vừa dùng răng cửa bóc một quả quýt vừa ngâm cứu những trang truyện tranh quăn tít góc. "Anh ta có đang nói gì đâu."

"Biến," Yossarian bảo Kid Sampson, vung ngón tay chỉ qua vai về phía cửa lều.

Kid Sampson nhướng cặp lông mày vàng ra vẻ hiểu ý và ngoan ngoãn đứng lên. Gã huýt gió bốn lần, hướng luồng hơi lên cho xuyên qua bộ ria vàng cụp và vọt đi về phía rặng đồi trên chiếc xe mô tô mua lại móp vành cũ rích màu xanh lá mà gã đã mua được vài tháng trước. Yossarian đợi đến khi những dư âm của tiếng nổ cuối cùng của chiếc xe máy trôi xa hẳn. Trong lều mọi thứ có vẻ không bình thường lắm. nơi này quá gọn gàng. Dobbs đang tò mò quan sát y, miệng ngậm một điếu xì gà béo bự. Giờ khi Yossarian đã hạ quyết tâm phải can đảm, thì y lại cảm thấy sợ muốn chết.

“Được rồi,” y nói. “Mình giết đại tá Cathcart đi. Mình sẽ cùng làm việc đó.”

Dobbs bắn ra khỏi giường xếp với vẻ kinh hãi tột độ. “Suỵt!” gã rống lên. “Giết đại tá Cathcart? Anh nói gì vậy?”

“Nói nhỏ thôi, mẹ kiếp,” Yossarian càu nhàu. “Cả đảo nghe thấy bây giờ. Anh vẫn còn giữ khẩu súng đó chứ?”

“Anh điên à hay là sao?” Dobbs hét lên. “Tại sao tôi lại muốn giết đại tá Cathcart?”

“Tại sao ư?” Yossarian trừng mắt nhìn Dobbs giận dữ tới mức không thể tin nổi. “Tại sao ư? Đó là ý đồ của anh mà, không phải à? Không phải anh đã tới bệnh viện và dụ tôi tham gia đó sao?”

Dobbs từ tốn mỉm cười. “Nhưng đó là khi tôi mới chỉ bay xong có năm mươi tám trận,” gã giải thích, miệng rít xì gà đầy vẻ xa hoa. “Giờ thì tôi đã xếp đồ và đợi về nhà. Tôi đã hoàn thành đủ sáu mươi nhiệm vụ.”

“Vậy thì sao?” Yossarian đáp. “Hắn ta sẽ lại tăng con số lên.”

“Có thể lần này thì không.”

“Hắn luôn cho tăng số trận lên. Anh có vấn đề quái gì vậy hả Dobbs? Hỏi Hungry Joe xem anh ta đã xếp đồ tổng cộng bao nhiêu lần rồi?”

“Tôi phải đợi xem thế nào đã,” Dobbs tiếp tục ngoan cố. “Chỉ có điên thì tôi mới đi làm rối tung mọi thứ lên vào lúc này, khi tôi đã được nghỉ ra trận.” Gã vẩy tàn thuốc trên điếu xì gà xuống. “Không, và lời khuyên của tôi dành cho anh,” gã nói, “là anh cứ bay đủ sáu mươi nhiệm vụ như tất cả chúng tôi rồi đợi xem thế nào.”

Yossarian cố lắm mới kiềm chế không nhổ thẳng vào mặt gã. “Có thể tôi còn không sống sót nổi qua con số sáu mươi,” y vẫn cố làm gã mềm lòng gã bằng một giọng đều đều, bi quan. “Có tin đồn là hắn lại tình nguyện điều liên đoàn chúng ta tới Bologna thêm lần nữa.”

“Đó chỉ là tin đồn thôi mà,” Dobbs chỉ ra, phảng phất vẻ kẻ cả. “Anh không nên bạ tin đồn nào nghe thấy cũng tin chứ.”

“Anh có thể thôi đưa ra lời khuyên cho tôi được không?”

“Sao anh không thử nói chuyện với Orr xem?” Dobbs khuyên. “Tuần trước trong lần thứ hai đánh Avignon Orr lại vừa bị trúng đạn rơi xuống nước đấy. Có thể anh ta đã đủ bất mãn để sẵn lòng giết ông ta.”

“Orr thì không đủ thông minh để bất mãn đâu.”

Orr lại bị bắn rớt xuống nước trong lúc Yossarian vẫn đang nằm viện nhưng gã kịp giảm tốc đưa chiếc máy bay què quặt đó nhẹ nhàng đáp xuống mặt biển xanh biếc ngoài khơi Marseilles với một kỹ thuật hoàn hảo tới mức không ai trong số sáu thành viên của tổ bay bị mảy may trầy xước. Cửa thoát hiểm lập tức mở bung ra ở cả phía trước lẫn phía sau trong lúc mặt biển vẫn tung bọt trắng xóa và xanh biếc xung quanh máy bay, và mọi người thoát ra nhanh hết mức có thể trong những bộ áo phao Mae West ẻo lả màu da cam không căng lên được mà cứ lòng thòng rũ xuống vô dụng quanh cổ và eo họ. Những chiếc áo phao không thổi phồng lên được bởi vì Milo đã lấy mất cặp xi lanh CO2 ra khỏi áo để làm những cốc soda kem dâu và dứa dầm mà gã bán cho họ ở nhà ăn sĩ quan và thay vào đó bằng những tờ giấy in ronéo dòng chữ: “Những gì tốt cho M&M thì cũng tốt cho tổ quốc.” Orr là người cuối cùng thoát ra khỏi chiếc máy bay đang chìm.

“Anh phải chứng kiến cảnh đó cơ!” trung sĩ Knight phá lên cười khi thuật lại toàn bộ cảnh tượng ấy cho Yossarian. “Đó là cảnh tức cười khốn nạn nhất trần đời. Không có chiếc áo Mae West nào còn dùng được bởi vì Milo đã chôm mất CO2 để làm những cốc soda kem mà lũ khốn bọn anh vẫn uống ở nhà ăn dành cho sĩ quan. Nhưng hóa ra như vậy vẫn còn chưa tệ lắm. Chỉ có một người trong bọn tôi không biết bơi, và chúng tôi đã nhấc gã đó lên trên một bè cứu sinh mà Orr đã phải chật vật túm chặt dây thừng giữ nó sát thân máy bay, trong khi cả bọn vẫn đang đứng bên trong máy bay. Thằng cha lập dị đó hiển nhiên là rất cừ về những thứ kiểu như vậy. Thế rồi chiếc bè cứu sinh còn lại tuột ra và trôi mất, vì vậy rốt cuộc cả sáu đứa bọn tôi đã phải ngồi trên đúng một chiếc, khuỷu tay cẳng chân sát sạt tới mức hầu như không thể động đậy mà không xô luôn thằng bên cạnh xuống nước. Chúng tôi rời khỏi máy bay được khoảng ba giây thì nó chìm, và chỉ còn lại chúng tôi ở đó chơ vơ, và ngay sau đó khi chúng tôi bắt đầu mở nắp khoang đựng xi lanh khí của mấy áo phao Mae West ra xem nó bị làm sao thì tìm thấy mấy mẩu giấy khốn kiếp của Milo nói rằng những gì tốt cho gã thì cũng đủ tốt cho tất cả chúng ta. Thằng khốn! Chúa ơi, chúng tôi đều nguyền rủa gã, tất cả chúng tôi, ngoại trừ anh bạn của anh, Orr, anh ta cứ nhăn nhở cười như thể chẳng quan tâm quái gì tới việc cái gì tốt cho Milo có thể tốt cho tất cả chúng ta hay không.

“Tôi thề, anh phải chứng kiến anh ta ngồi đó ở rìa bè cứu sinh như một thuyền trưởng trong lúc cả bọn cứ nhìn và chờ anh ta bảo xem phải làm gì tiếp theo cơ! Cứ vài giây anh ta lại vỗ tay vào đùi một chập như thể bị mắc chứng run khi cai rượu và nói, ‘Giờ thì ổn rồi, ổn rồi,’ và cười rinh rích như một thằng dở, đoạn lại nói ‘Giờ thì ổn rồi, ổn rồi,’ và lại cười rinh rích như một thằng dở thêm một lúc

nữa. Cảm giác như đang nhìn một kẻ tâm thần. Trong suốt một vài phút đầu tiên, việc ngồi nhìn anh ta như vậy là điều duy nhất đã giúp cho chúng tôi không suy sụp tuyệt vọng cả lũ, cái cảm giác cứ đến mỗi khi có một con sóng giội qua chúng tôi tràn vào bè hay xô luôn vài thằng xuống biển để rồi lại phải trèo vội lên trước khi đợt sóng tiếp theo lại xô chúng tôi xuống. Cảnh đó vui lắm. Chúng tôi cứ bị ngã ra rồi lại trèo lên. Chúng tôi đã để gã không biết bơi ấy nằm soài ra dưới sàn bè, nhưng ngay cả ở đó thì anh ta cũng suýt chết đuối, bởi vì nước trong bè cũng đủ nhiều để liên tục tạt vào mặt anh ta. Ối giời ơi!

“Sau đó Orr mở các khoang chứa trong bè cứu sinh ra và lúc này mới thực sự là vui đây này. Đầu tiên anh ta tìm được một hộp sô cô la và chuyền tay chia cho mọi người, thế là chúng tôi ngồi đó ăn những thanh sô cô la mặn chát trong khi sóng biển vẫn liên tục xô chúng tôi khỏi bè xuống nước. Tiếp theo, anh ta tìm được mấy viên canh thịt cùng mấy cốc nhôm và làm cho chúng tôi một ít xúp. Rồi anh ta tìm được ít trà. Đương nhiên, anh ta phải pha trà! Anh có thể hình dung ra cảnh anh ta mời chúng tôi uống trà trong khi chúng tôi ngồi đó sũng nước đến tận mông không? Tôi thì văng luôn khỏi bè vì cười dữ quá. Cả bọn đều cười sằng sặc. Nhưng anh ta thì rất chi nghiêm túc, mỗi tội cứ cười rinh rích ngớ ngẩn và nhăn nhở điên rồ. Điên thế cơ chứ! Tìm được gì là anh ta liền dùng luôn. Tìm được chất đuổi cá mập, anh ta bèn rắc xuống nước ngay. Tìm thấy chất tạo màu để đánh dấu trên biển, anh ta lập tức ném xuống nước. Tiếp theo anh ta tìm được một dây câu và mồi khô, mặt anh ta sáng bừng lên như thể đội cứu hộ đã tới cứu được chúng tôi trước khi chúng tôi chết vì phơi thân trên biển hoặc trước khi quân Đức điều một chiếc tàu từ Spezia đến để bắt cả lũ làm tù binh hay nã cho một

tràng súng máy tiêu diệt sạch. Rất nhanh chóng, Orr tung sợi dây câu đó xuống biển, và hớn hở hát hò như một chú chim chiền chiện. ‘Trung úy, anh mong sẽ câu được cái gì vậy?’ tôi hỏi anh ta. ‘Cá tuyết,’ anh ta bảo tôi. Và anh ta nghiêm túc đấy. May mà anh ta không câu được con nào, vì nếu câu được thì chắc là anh ta đã ăn sống luôn nó, có khi còn bắt cả bọn ăn cùng nữa, bởi vì anh ta đã tìm được trong bè cứu sinh một tập sách nhỏ trong đó nói rằng có thể ăn sống cá tuyết.

“Tiếp đến anh ta tìm được một mái chèo màu xanh nhỏ xíu như chiếc thìa gỗ dùng một lần, và tất nhiên là anh ta bắt đầu chèo, như thể đang cố di chuyển cả đám nặng cỡ chín trăm pound[62] chúng tôi bằng cái que bé xíu đó. Anh có thể tưởng tượng nổi không? Sau đó anh ta lại tìm được một chiếc la bàn nhỏ và một tấm bản đồ chống nước lớn, anh ta bèn trải bản đồ ra trên đầu gối và đặt la bàn lên đó. Và đó là cách anh ta tiêu thời gian cho đến khi tàu cứu hộ tới đón chúng tôi vào khoảng ba mươi phút sau: ngồi đó với sợi dây câu đã buộc mồi buông xuống nước ở đằng sau, la bàn trong lòng và bản đồ trải ra trên đầu gối, và vận hết sức chèo đi bằng mái chèo màu xanh nhỏ xinh như thể đang tăng tốc thẳng tiến tới Majorca vậy. Chúa ơi!”

Trung sĩ Knight biết mọi thứ về Majorca, và Orr cũng vậy, bởi vì Yossarian đã thường xuyên kể cho họ về những nơi trú ẩn như Tây Ban Nha, Thụy Sĩ và Thụy Điển, chỉ cần bay tới những nơi đó là phi công Mỹ có thể sẽ bị giam giữ đến tận khi cuộc chiến kết thúc trong những điều kiện cực kỳ thoải mái và xa hoa. Yossarian là chuyên gia hàng đầu về các vụ giam giữ kiểu ấy của phi đoàn và lần nào phải bay vào miền cực Bắc nước Ý làm nhiệm vụ y cũng âm mưu làm một quả thoát thân khẩn cấp sang Thụy Sĩ. Tất nhiên là y thích Thụy

Điển hơn, nơi có trình độ dân trí cao và là nơi y có thể bơi khỏa thân cùng những cô gái đẹp nói giọng nhỏ nhẹ rụt rè rồi đẻ ra cả một bộ lạc những Yossarian nhí ngoài giá thú hạnh phúc và vô kỷ luật mà chính phủ sẽ trợ giúp trong suốt quá trình tạo ra chúng rồi đưa chúng vào đời không vết nhục; nhưng Thụy Điển lại ở quá xa, ngoài tầm với, và Yossarian cứ đợi một quả đạn phòng không phá hỏng một động cơ trên bầu trời dãy Alps nước Ý để y có cớ phi thẳng sang Thụy Sĩ. Thậm chí y sẽ không cho phi công biết y đang dẫn gã tới đó. Yossarian cũng hay nghĩ đến việc câu kết với phi công nào đấy mà y tin tưởng để cùng giả vờ bị hỏng động cơ và sau đó hủy sạch mọi bằng chứng giả mạo bằng một cú hạ cánh bằng bụng máy bay, có điều phi công duy nhất mà y thực sự tin tưởng là McWatt, mà gã này chỉ khoái nhất là được ở nguyên trạng và vẫn đang tìm được niềm vui lớn từ việc cho máy bay ù ù liệng trên lều của Yossarian hoặc ầm ầm lượn xuống trên đầu những người đang tắm ở bãi biển, thấp tới mức luồng gió dữ dội từ cánh quạt rạch thành những đường sẫm màu trên mặt nước và quật cho những mảng bụi nước bắn lên phần phật tới vài giây sau.

Dobbs và Hungry Joe thì không nói làm gì, cả Orr cũng vậy, gã này lại đang sửa van lò sưởi thì Yossarian tập tễnh chán nản quay lại lều sau khi bị Dobbs từ chối. Cái lò mà Orr đang chế tác từ một chiếc thùng hình ống bằng kim loại lật ngược đặt giữa nền xi măng nhẵn thín mà chính gã đã xây. Gã quỳ cả hai đầu gối xuống mà cần mẫn làm việc. Yossarian cố không để ý gì đến gã và mệt mỏi tập tễnh lê về giường xếp, rồi ngồi xuống với một tiếng rên khó nhọc kéo dài. Mồ hôi lấm tấm trên trán y giờ trở nên lạnh toát. Dobbs đã làm y chán nản. Bác sĩ Daneeka đã làm y chán nản. Khi y nhìn Orr thì một thị kiến đầy điềm gở về tận thế cũng làm y chán nản. Y bắt

đầu lập cập vì hàng loạt những cơn run rẩy từ bên trong. Những sợi dây thần kinh co giật, và mạch máu ở một bên cổ tay đã bắt đầu đập nhanh.

Orr ngoái lại quan sát Yossarian rất kỹ, cặp môi ẩm ướt phủ rút lại quanh hai hàng răng vẩu to đùng. Dịch sang bên, gã lôi một chai bia ấm ra khỏi tủ cá nhân và đưa nó cho Yossarian sau khi mở nắp. Không ai nói một lời nào. Yossarian nhấp bọt bia khỏi miệng chai và ngả đầu ra sau. Orr xảo trá nhìn y và nhăn nhở cười không thành tiếng. Yossarian cảnh giác liếc nhìn Orr. Orr cười khì khì và quay lại với công việc của gã, ngồi xổm xuống. Yossarian trở nên căng thẳng.

"Đừng," y cầu xin với giọng đầy hăm dọa, hai bàn tay siết chặt lấy chai bia. "Đừng lại loay hoay với cái lò nữa."

Orr khẽ khục khặc. "Tôi sắp xong rồi mà."

"Không, không phải. Anh mới bắt đầu thôi."

"Đây là cái van. Thấy không? Gần như đã nối được chúng với nhau rồi."

"Và anh sẽ lại gỡ chúng ra. Tôi biết anh đang làm gì, đồ chết tiệt. Tôi đã chứng kiến anh làm việc đó ba trăm lần rồi."

Orr run lên vì vui sướng. "Tôi muốn tìm được chỗ rò ở ống dẫn ga," gã giải thích. "Giờ thì tôi đã tìm được chỗ rồi."

"Cứ nhìn anh mãi như vậy tôi không chịu được," Yossarian yếu ớt thú nhận. "Nếu anh muốn làm thứ gì to thì được. Nhưng cái van đó toàn những mẩu nhỏ xíu, và lúc này đây tôi không có đủ kiên nhẫn để nhìn anh vất vả đến thế với những thứ nhỏ tí và vặt vãnh chết tiệt như thế này."

“Chỉ vì chúng nhỏ tí không có nghĩa là chúng vặt vãnh.”

“Tôi không quan tâm.”

“Nốt lần này thôi được không?”

“Chỉ khi nào tôi không có ở đây. Anh là một gã khờ vui vẻ và anh không hiểu nổi cảm xúc của tôi đâu. Khi anh cứ loay hoay với mấy thứ nhỏ tí đấy có nhiều thứ đã nảy ra trong tôi mà thậm chí tôi không biết phải giải thích từ đâu. Tôi phát hiện ra rằng tôi không thể chịu nổi anh. Tôi bắt đầu căm ghét anh, và chẳng mấy chốc nữa tôi sẽ nghiêm túc mà nghĩ tới việc đập cái chai này lên đầu anh hoặc lấy con dao săn đằng kia đâm vào cổ anh. Anh có hiểu không?”

Orr làm ra vẻ thông thái gật đầu. “Thế thì tôi sẽ không tháo cái van này ra nữa vậy,” gã nói, và bắt đầu gỡ nó ra, làm việc với độ chính xác cao một cách chậm rãi, không mệt mỏi, như thể không bao giờ kết thúc, gương mặt quê mùa, vụng về của gã cúi xuống sát sàn nhà, chịu khó nhón đầu ngón tay nhặt món đồ cơ khí nhỏ xíu ấy lên với một sự tập trung cật lực không bờ bến đến nỗi có vẻ như gã không hề suy nghĩ gì đến việc mình đang làm nữa.

Yossarian thầm nguyền rủa gã và hạ quyết tâm lờ gã đi. “Mà thế quái nào anh cứ phải vội vàng với cái lò sưởi đó vậy?” một lúc sau y buột miệng gắt lên. “Trời mùa này vẫn nóng. Tí nữa có khi chúng ta còn đi bơi. Anh cứ lo về cái lạnh làm gì chứ.”

“Ngày đang ngắn lại,” Orr nói đậm vẻ triết lý. “Tôi muốn hoàn thành tất cả những cái này cho anh trong khi vẫn có thời gian. Khi nào tôi xong thì anh sẽ có lò sưởi tốt nhất phi đoàn này. Nó sẽ cháy cả đêm với chiếc van mà tôi đang sửa, và những miếng kim loại này sẽ tỏa nhiệt ra khắp lều. Nếu anh để một mũ đựng đầy nước lên cái

này khi đi ngủ, thì đến khi tỉnh dậy anh sẽ có sẵn nước ấm để rửa ráy ngay. Như thế không tuyệt sao? Nếu anh muốn luộc trứng hay nấu xúp, tất cả những gì anh cần làm là đặt nồi lên đây và bật lửa.”

“Ý anh là sao, tôi thôi hả?” Yossarian muốn biết. “Thế còn anh sẽ ở đâu?”

Nửa trên thân hình còi cọc của Orr bất chợt run lên vì một cơn phấn khích nghẹt thở. “Tôi không biết nữa,” gã thốt lên, và một tiếng cười rúc rích kỳ cục, run rẩy bất ngờ vuột ra khỏi những chiếc răng bự chảng đang đánh vào nhau lập cập của gã như một cú bùng nổ cảm xúc tuôn trào. Gã vẫn cười khi nói tiếp, giọng nghẹn ngào bởi nước bọt. “Nếu họ cứ tiếp tục bắn rơi tôi như thế này thì tôi cũng không biết tôi sẽ ở đâu.”

Yossarian mủi lòng. “Tại sao anh không thử ngừng bay, Orr? Anh có lý do mà.”

“Tôi chỉ mới bay có mười tám trận.”

“Nhưng gần như lần bay nào anh cũng bị bắn rơi. Mỗi lần bay lên là một lần anh phải hạ cánh khẩn cấp hoặc hạ cánh xuống biển.”

“Ồ, tôi không ngại bay ra trận đâu. Tôi cho rằng như thế rất vui. Khi nào không phải bay dẫn đường anh nên thử bay với tôi vài lần xem. Chỉ để cười. Hê hê.” Orr ngước lên nhìn Yossarian qua khóe mắt với vẻ đùa giỡn cố ý phô ra.

Yossarian lảng tránh ánh mắt gã. “Họ lại bắt tôi bay dẫn đường.”

“Thì đợi đến khi nào anh không phải bay dẫn đầu. Còn nếu anh đủ thông minh, anh có biết là anh cần làm gì không? Anh hãy đến thẳng chỗ Piltchard và Wren, nói với họ rằng anh muốn bay cùng tôi.”

“Và bị rơi xuống cùng anh mỗi lần anh bay lên ư? Như thế thì có gì vui?”

“Đó chính là lý do tại sao anh nên làm như tôi nói,” Orr nài nỉ. “Tôi nghĩ tôi là phi công cừ nhất ở đây về khoản hạ cánh khẩn cấp hoặc hạ cánh xuống biển. Nó sẽ là cơ hội thực hành rất tốt cho anh.”

“Thực hành tốt cho cái gì cơ?”

“Thực hành tốt trong trường hợp anh phải hạ cánh xuống biển hoặc phải hạ cánh khẩn cấp. Hê hê hê.”

“Anh còn chai bia nào nữa cho tôi không?” Yossarian rầu rĩ hỏi.

“Anh có muốn đập nó lên đầu tôi không?”

Lần này Yossarian cũng phì cười. “Giống như cô điếm trong căn hộ ở Rome đó á?”

Orr cười khẩy đầy dâm dật, cặp má quả táo dại phồng lên khoái trá. “Anh có thực muốn biết tại sao cô ta nện giày vào đầu tôi như vậy không?”

“Tôi biết rồi,” Yossarian trêu lại. “Cô điếm của Nately đã nói cho tôi biết.”

Orr toét miệng cười như một tượng đầu người kệch cỡm. “Không, làm gì có chuyện cô ấy nói.”

Yossarian cảm thấy thương hại Orr. Orr quá nhỏ bé và xấu xí. Gã mà có sống được thì ai sẽ bảo vệ gã đây? Ai sẽ bảo vệ một thằng lùn tốt bụng và suy nghĩ giản đơn như Orr khỏi đám côn đồ, băng nhóm và những lực sĩ xì po như Appleby, những kẻ có ruồi trong mắt với vẻ tinh tướng và tự phụ nghênh ngang sẽ chà đạp gã ngay mỗi khi có thể? Yossarian thường xuyên lo lắng cho Orr. Ai sẽ bảo

vệ gã khỏi sự thù địch và lừa dối, khỏi những kẻ tham vọng và khởi sự hợm hĩnh đầy cay cú của bà vợ sếp, khởi sự sỉ nhục dơ dáy thối tha của động cơ lợi nhuận và khỏi tay hàng thịt thân thiện bán toàn hàng thứ phẩm gần đó? Orr là một gã ngốc vui vẻ và ngây thơ có mái tóc dày lượn sóng nhiều màu rẽ ngôi giữa. Với bọn họ gã chỉ là trò trẻ con. Họ sẽ lấy tiền của gã, ngủ với vợ gã và không có chút tử tế nào với đàn con của gã. Yossarian chợt thấy một dòng thác lũ thương xót gã giội qua người mình.

Orr là một gã tí hon lập dị, một chú lùn đồng bóng và dễ thương với đầu óc dâm ô cùng một nghìn kỹ năng quý giá sẽ giữ cho gã ở trong nhóm những người có thu nhập thấp trong suốt cuộc đời. Gã có thể sử dụng một mỏ hàn mà ghép hai tấm gỗ lại sao cho gỗ không hề nứt và đinh không bị cong. Gã có thể khoan lỗ. Gã đã làm được rất nhiều đồ ở trong lều trong thời gian Yossarian nằm viện. Gã đã giũa và đục một rãnh hoàn hảo vào lớp xi măng sao cho ống dẫn ga mảnh mai kia không bị trồi lên khỏi mặt sàn khi nó chạy từ bể chứa gã xây từ trước trên một bục cao bên ngoài tới lò. Gã đã tạo ra vỉ lò từ những mảnh bom thừa và chất đầy lên đó những khúc củi mập mạp màu bạc, và gã làm khung cho những bức hình mấy cô ngực khủng xé ra từ tạp chí khiêu dâm để treo lên trên bệ lò sưởi. Orr có thể mở được một hộp sơn. Gã có thể pha trộn sơn, làm loãng sơn, xóa sơn. Gã có thể chặt gỗ và đo đạc mọi thứ bằng thước. Gã biết cách dựng bếp lửa trại. Gã có thể đào hố, và gã có biệt tài mang nước về cho những cái hố ấy bằng cả ca lẫn bi đông từ các bể nước chỗ nhà ăn. Gã có thể mê mải trong những việc vụn vặt hàng giờ mà không sốt ruột hoặc chán, miễn nhiễm với mệt mỏi như một gốc cây, và cũng lầm lì y như thế. Gã có hiểu biết phi thường về cuộc

sống hoang dã và không sợ chó hay mèo hay bọ cánh cứng hay nhậy, hay những món ăn như cá tuyết hay lòng bò.

Yossarian thở dài ủ rũ và bắt đầu lo phiền về tin đồn lại phải bay tới Bologna. Cái van mà Orr đang tháo ra có kích cỡ của một ngón tay cái và có khoảng ba mươi bảy mảnh khác nhau, chưa kể vỏ, rất nhiều mảnh trong số đó nhỏ tới mức Orr phải dùng đầu móng tay kẹp chặt trong lúc cẩn thận đặt chúng xuống sàn thành hàng theo đúng thứ tự và chủng loại, giữ cho mọi cử động của mình không nhanh lên không chậm đi, không mệt mỏi, không ngừng lại trong toàn bộ quá trình đơn điệu, trật tự, liên tục đó nếu không phải là để liếc Yossarian với vẻ láu cá điên rồ. Yossarian cố không nhìn gã. Y đếm số lượng các chi tiết của cái van và nghĩ nhờ đó y có thể quên đi mọi thứ. Y quay đi, nhắm mắt lại, nhưng như thế còn tệ hơn, bởi vì giờ thì chỉ còn lại những âm thanh, những tiếng lách cách khe khẽ, dứt khoát, không biết mỏi mệt, khiến người ta phát điên và tiếng sột soạt của bàn tay cùng những chi tiết nhẹ tênh. Tiếng thở nhịp nhàng của Orr nghe như một tiếng rống kinh tởm. Yossarian siết chặt nắm tay và nhìn về phía con dao săn dài có cán bằng xương đựng trong bao súng bên trên giường của người chết trong lều. Y chỉ vừa nghĩ tới việc đâm Orr thì nỗi căng thẳng của y liền dịu bớt. Ý nghĩ giết Orr ngớ ngẩn tới mức y bắt đầu nghiêm túc xem xét nó với một sự háo hức kỳ dị. Y săm soi gáy Orr tìm vị trí hành tủy. Chỉ cần một cú chọc thanh nhã nhất vào đó cũng đủ giết chết gã và giải quyết được bao nhiêu vấn đề nghiêm trọng và khốn khổ cho cả hai người bọn họ.

“Có đau không?” Orr hỏi đúng lúc đó, như thể có bản năng tự vệ xui khiến.

Yossarian nhìn kỹ gã. “Cái gì đau cơ?”

“Chân anh,” Orr nói với một tiếng cười lạ kỳ, bí hiểm. “Anh vẫn còn hơi tập tễnh.”

“Chỉ là thói quen ấy mà, tôi nghĩ vậy,” Yossarian nói, và thở phào nhẹ nhõm. “Tôi sẽ sớm khỏi thôi.”

Orr chống một bên đầu gối xuống sàn nhổm dậy, mặt hướng về Yossarian. “Anh có nhớ,” gã ề à trầm ngâm, có vẻ như phải cố gắng lắm, “cái cô cứ nện vào đầu tôi hồi ở Rome không?” Gã cười khoái trá khi thấy Yossarian mắc bẫy mà bất giác kêu lên một tiếng bực bội. “Tôi sẽ làm một kèo với anh về cô gái đó nhé. Tôi sẽ cho anh hay tại sao hôm đó cô ta cứ lấy giày nện lên đầu tôi nếu như anh chịu trả lời một câu hỏi.”

“Câu hỏi gì?”

“Anh đã từng ngủ với cô gái của Nately bao giờ chưa?” Yossarian phá lên cười ngạc nhiên. “Tôi ư? Không. Giờ thì nói cho tôi biết sao cô gái kia dùng giày đánh anh đi.”

“Không phải là câu hỏi đó,” Orr thông báo với niềm vui chiến thắng. “Đó chỉ là nói chuyện phiếm. Cô ta cư xử như thể là anh đã ngủ với cô ta.”

“Ồ, không phải mà. Cô ta cư xử như thế nào?”

“Cô ta cư xử như thể cô ta không thích anh.”

“Cô ta chẳng thích ai cả.”

“Cô ta thích đại úy Black,” Orr nhắc.

“Đó là vì hắn đối xử với cô ta không ra gì. Bất cứ ai cũng có thể kiếm được một cô gái theo cách đó.”

“Cô ta đeo một vòng nô lệ ghi tên Black ở cổ chân.”

“Gã bắt cô ta đeo nó để chọc tức Nately ấy mà.”

“Cô ta thậm chí còn cho Black một ít tiền kiếm được từ Nately.”

“Này, anh muốn gì ở tôi?”

“Anh đã từng ngủ với cô gái của tôi bao giờ chưa?”

“Gái của anh? Gái của anh là em quái nào vậy?”

“Chính là em đã nện giày lên đầu tôi đó.”

“Tôi đã từng ngủ với cô ta mấy lần,” Yossarian thú nhận. “Cô ta trở thành cô gái của anh từ khi nào vậy? Anh đang có ý đồ gì đấy?”

“Cô ta cũng chẳng thích anh.”

“Thế quái nào mà tôi lại quan tâm xem cô ta thích mình hay không? Cô ta thích tôi cũng nhiều như thích anh thôi.”

“Cô ta đã bao giờ lấy giày nện lên đầu anh chưa?”

“Orr, tôi mệt rồi. Sao anh không cho tôi yên?”

“Hê hê hê. Thế còn nữ bá tước mảnh mai ở Rome và cô con dâu mảnh mai của bà ấy thì sao?” Orr cứ nhằng nhẵng, càng lúc càng hứng thú. “Anh đã ngủ với bọn họ bao giờ chưa?”

“Ồ, giá mà được như vậy,” Yossarian thật thà thở dài, và vừa nghe câu hỏi đó đã lập tức tưởng tượng ra cảm giác khát khao, quen thuộc, đồi trụy khi đôi bàn tay của y được vuốt ve những bộ ngực và những cặp mông mềm mại, nhỏ xíu đó.

“Họ cũng chẳng thích anh,” Orr bình luận. “Họ thích Aarfy, và họ thích Nately, nhưng họ không thích anh. Phụ nữ có vẻ như không thích anh. Tôi đoán họ cho anh là người có ảnh hưởng xấu.”

“Phụ nữ thật là điên rồ,” Yossarian trả lời, và toét miệng cười trong lúc chờ câu hỏi tiếp theo mà y đã đoán được.

“Thế cô gái kia của anh thì sao?” Orr hỏi, mặt trầm ngâm ra vẻ tò mò. “Cô béo ú? Bị hói ấy? Anh biết đấy, cô béo ú bị hói Ở Sicily đội khăn turban cứ vã mồ hôi ra khắp người chúng ta suốt cả đêm ấy? Cô ta cũng điên à?”

“Không phải cô ta cũng không thích tôi sao?”

“Sao anh có thể làm vậy với một cô gái không có tóc?”

“Sao tôi biết được là cô ta không có tóc?”

“Tôi biết,” Orr khoác lác, “tôi biết ngay mà.”

“Anh biết là cô ta bị hói á?” Yossarian ngạc nhiên thốt lên.

“Không, tôi biết là chiếc van này sẽ không hoạt động nếu như tôi bỏ quên một bộ phận ở ngoài,” Orr trả lời, mặt đỏ bừng hãnh diện vì đã bịp được Yossarian thêm một lần nữa. “Anh có thể đưa giùm tôi vòng đệm nhỏ đang nằm lăn ở góc kia được không? Nó ở ngay sát chân anh đó.”

“Không, không có.”

“Đây này,” Orr nói và lấy đầu móng tay gắp lên một cái gì đó vô hình và giương lên cho Yossarian nhìn. “Giờ thì tôi lại phải lắp lại từ đầu.”

“Tôi sẽ giết anh nếu như anh làm điều đó. Tôi sẽ xử anh ngay tại đây.”

“Tại sao anh không bao giờ bay với tôi?” Orr bất chợt hỏi, và lần đầu tiên nhìn thẳng vào mắt Yossarian. “Đây chính là câu hỏi mà tôi muốn anh trả lời. Tại sao anh không bao giờ bay với tôi?”

Yossarian quay mặt đi, bối rối và xấu hổ dữ dội. “Tôi đã nói với anh rồi. Hầu như lần nào họ cũng bắt tôi phải làm người cắt bom trưởng dẫn đường.”

“Đó không phải là lý do,” Orr nói và lắc đầu. “Anh đã tới gặp Piltchard và Wren sau trận Avignon đầu tiên và bảo với họ rằng anh không bao giờ muốn bay cùng với tôi. Đó mới là lý do, có phải không?”

Yossarian cảm thấy da mặt nóng bừng lên. “Không, tôi không làm vậy,” y nói dối.

“Có đấy, anh đã làm vậy đấy,” Orr trầm tĩnh quả quyết. “Anh đã đòi họ không được xếp anh lên bất cứ máy bay nào có tôi lái, hoặc có Dobbs hay Huple bởi vì anh không tin tưởng chúng tôi. Và Piltchard và Wren đã nói rằng họ không thể biệt đãi anh bởi vì như thế thì sẽ không công bằng với tất cả những người phải bay cùng chúng tôi.”

“Vậy thì sao?” Yossarian nói. “Như thế thì chẳng có gì khác nhau cả, có phải không?”

“Nhưng họ đã không bao giờ bắt anh bay với tôi.” Orr nói, rồi lại quỳ cả hai chân xuống để làm việc, nói câu đó với Yossarian không chút cay đắng hay trách móc, mà với vẻ cam chịu đầy tổn thương, đương nhiên như vậy còn gây đau khổ cho người chứng kiến hơn nhiều, mặc dù gã vẫn đang nhăn nhở và khúc khích, cứ như thể toàn bộ tình huống này thật hoạt kê. “Anh thực sự nên bay với tôi, thật đấy. Tôi là một phi công khá cừ, và tôi sẽ lo cho anh. Tôi có thể bị bắn hạ rất nhiều lần, nhưng đó không phải là lỗi của tôi, và chưa từng có ai trong máy bay tôi lái bị thương cả. Đúng đấy, sếp ạ - nếu anh có chút đầu óc, anh sẽ biết là anh cần làm gì. Anh sẽ đi tới gặp

Piltchard và Wren, và bảo với họ rằng anh muốn bay với tôi trong mọi trận.”

Yossarian chồm người về phía trước và nhòm sát vào cái mặt nạ bí hiểm đầy những xúc cảm trái ngược của Orr. “Có phải là anh đang cố nói cho tôi một điều gì đó không?”

“Hê hê hê hê,” Orr đáp. “Tôi đang cố nói cho anh biết tại sao hôm ấy cô gái cao lớn đó lại nện giày lên đầu tôi. Nhưng anh cứ không cho tôi nói.”

“Thì nói đi.”

“Anh bay với tôi nhé?”

Yossarian phá lên cười và lắc đầu. “Anh sẽ lại bị rơi xuống nước thôi.”

Orr đúng là lại bị bắn rơi xuống nước khi bọn họ thực sự phải bay tới Bologna lần hai như tin đồn, và gã đã cho chiếc máy bay chỉ còn một động cơ hạ cánh với một tiếng ầm chói tai xuống những ngọn sóng của mặt biển động lộng gió đang tung lên cao rồi rơi xuống bên dưới những đám mây dông đen sì hung hãn đang vần vũ trên đầu. Gã đã rời khỏi máy bay trễ và rốt cuộc chỉ có một mình trên một chiếc bè cứu sinh đang dần trôi ra xa khỏi chiếc bè mà những người còn lại đã yên vị và rồi khuất dạng từ trước cả khi tàu cứu hộ cày qua gió và màn mưa xối xả tới đón. Khi họ trở về phi đoàn thì trời đã tối. Không có tin tức gì về Orr.

“Đừng lo,” Kid Sampson vỗ về, người vẫn được bọc trong chăn dày và áo mưa mà đội cứu hộ đã quấn lên gã lúc ở trên boong. “Nếu chưa chết chìm trong cơn bão đó thì có khi anh ta cũng đã được

cứu rồi. Bão sẽ không kéo dài đâu mà. Tôi cá là anh ta sẽ thò mặt ra bất cứ lúc nào."

Yossarian đi về lều để đợi Orr thò mặt ra bất cứ lúc nào và nhóm lửa lên để giữ ấm lều chờ gã. Lò sưởi hoạt động rất tốt, với ngọn lửa mạnh, rừng rực mà y có thể điều chỉnh mức độ bằng cách xoay cái núm mà Orr cuối cùng cũng đã sửa xong. Trời đang mưa nhẹ, tí tách rơi xuống căn lều, cây cối, mặt đất. Yossarian nấu một lon xúp nóng chờ Orr và rồi ăn hết khi thời gian cứ trôi đi mãi. Y luộc mấy quả trứng cho Orr và rồi cũng lại ăn hết. Rồi y ăn luôn cả một hộp pho mát Cheddar trong gói khẩu phần ăn quân đội.

Mỗi lần lo lắng thì y lại tự trấn an rằng Orr có thể làm được mọi thứ và rồi lặng lẽ phì cười khi nghĩ tới hình ảnh Orr ở trên bè cứu sinh như lời miêu tả của trung sĩ Knight, Orr gập người về phía trước với một nụ cười mê mải, tập trung cao độ bên trên tấm bản đồ và cái la bàn trong lòng, vừa liên tục nhồi hết thanh sô cô la ướt này tới thanh sô cô la ướt khác vào cái miệng toe toét cười khúc khích vừa mải miết chèo chiếc bè qua mưa bão sấm chớp bằng cái mái chèo đồ chơi vô dụng màu xanh dương sáng, kéo theo phía sau gã một dây câu mắc mồi khô. Yossarian thực sự không nghi ngờ gì khả năng sống sót của Orr. Nếu có thể câu được cá bằng cái dây câu ngớ ngẩn đó, thì Orr sẽ bắt cá và nếu đã định câu cá tuyết thì Orr sẽ tóm được cá tuyết, mặc dù từ trước đến giờ chưa từng có ai câu được cá tuyết ở vùng biển đó. Yossarian nấu thêm một bát xúp nữa và lại ăn hết khi nó vẫn còn nóng. Mỗi khi có tiếng sập cửa xe ô tô, y lại nở một nụ cười hy vọng và quay về phía cửa mong ngóng, lắng nghe tiếng chân đi. Y biết là bất cứ lúc nào Orr đều có thể bước vào lều với cặp mắt to, lấp lánh và ướt sũng nước mưa, má phình và răng thỏ, nhìn lố bịch như một tay bắt sò vui tính vùng New England

trong chiếc mũ đi mưa vải dầu vàng và chiếc áo mưa quá rộng so với gã, rồi đứng đó kiêu hãnh khoe với Yossarian con cá tuyết bự chảng đã chết mà gã câu được. Nhưng điều đó đã không xảy ra.

29 PECKEM

Ngày hôm sau vẫn không có tin gì về Orr, và trung sĩ Whitcomb, với sự nhanh nhẹn đáng khen và niềm hy vọng lớn, đã thả một tờ nhắc việc vào hồ sơ nhật ký của mình để không quên gửi thư theo mẫu với chữ ký của đại tá Cathcart cho người họ hàng thân thiết nhất của Orr sau chín ngày nữa. Tuy nhiên, lại có tin từ trụ sở của tướng Peckem, và Yossarian bị hút vào một đám đông hỗn loạn các sĩ quan và binh lính mặc quần soóc và quần bơi đang ầm ĩ vây quanh bảng tin ở bên ngoài phòng cần vụ.

"Tôi muốn biết Chủ nhật *này* thì có gì khác cơ chứ?" Hungry Joe om sòm hỏi thượng sĩ White Halfoat. "Tại sao Chủ nhật này lại hủy diễu binh, khi mà có phải Chủ nhật nào ta cũng diễu binh đâu? Hử?"

Yossarian chen lên trước và buông ra một tiếng thở dài đau đớn khi đọc những dòng thông báo ngắn ngủi ở đó:

Vì những lý do nằm ngoài khả năng kiểm soát của tôi, sẽ không có diễu binh lớn vào chiều Chủ nhật tuần này.

Đại tá Scheisskopf

Dobbs đã đúng. Họ thực sự đang điều toàn quân ra nước ngoài, kể cả Scheisskopf, kẻ đã đem tất cả sức lực và trí tuệ của mình ra để chống lại lệnh điều động mà không thành và đành đến văn phòng tướng Peckem nhận nhiệm vụ trong tâm trạng đưa đám bất mãn.

Tướng Peckem nồng nhiệt đón chào Scheisskopf lúc này đã trở thành đại tá và nói rằng rất vui khi có được sự phục vụ của gã. Thêm một sĩ quan cấp tá dưới quyền cũng có nghĩa là bây giờ ông có thể bắt đầu vận động để có thêm hai thiếu tá, bốn đại úy, mười sáu trung úy và một số lượng lớn chưa đếm được các binh lính, nhân viên đánh máy, bàn làm việc, tủ đựng tài liệu, ô tô cùng những vật dụng, thiết bị trọng yếu khác để góp phần làm nâng cao uy thế và tăng sức tấn công trong cuộc chiến của ông với tướng Dreedle. Giờ thì ông đã có hai đại tá; trong khi tướng Dreedle chỉ có năm, mà bốn trong số đó đã là chỉ huy chiến trường. Một cách hầu như không hề gây chú ý, tướng Peckem đã thực hiện xong một thủ đoạn mà cuối cùng sẽ làm tăng gấp đôi sức mạnh của ông. Còn tướng Dreedle càng ngày càng nát rượu. Tương lai quả là rất xán lạn, và tướng Peckem đắm đuối ngắm viên đại tá sáng sủa mới toanh của mình với một nụ cười ngời rạng.

Xét về mọi mặt thì tướng P.P. Peckem là một người có óc thực tế, ông thường tự nhận xét như vậy mỗi khi chuẩn bị công khai phê bình công việc của một trợ lý thân cận nào đó. Ông đẹp trai, hồng hào, năm mươi ba tuổi. Cách cư xử của ông luôn rất tự nhiên và thoải mái, quân phục của ông được thửa riêng. Tóc ông bạc xám, mắt cận nhẹ, môi mỏng trề ra khêu gợi. Ông là người hiểu biết, thanh nhã, sành điệu luôn nhạy cảm với nhược điểm của tất cả mọi người trừ chính ông, và luôn thấy ngoài mình ra ai cũng ngớ ngẩn cả. Tướng Peckem luôn cảnh vẻ nhấn rất mạnh mấy chuyện nhỏ nhặt như khẩu vị và phong cách. Ông luôn *cường điệu hóa* mọi thứ. Các sự kiện sắp diễn ra không bao giờ *đang đến* mà là *sắp đến*. Không phải ông viết các *memorandums* để tự ngợi ca bản thân và khuyến nghị nên tăng thêm quyền hạn cho ông, cho phép ông quản

cả các nhiệm vụ chiến đấu; ông chỉ viết *memoranda*[63]. Và hành văn trong memoranda của các sĩ quan khác thì luôn là *khoa trương, giả tạo*, hoặc *tối nghĩa*. Lỗi của những người khác luôn là rất *đáng chỉ trích*. Các quy định đều rất *nghiêm ngặt* và dữ liệu của ông không bao giờ *được lấy từ một nguồn tin đáng tin cậy* mà luôn phải là *có được từ một nguồn tin đáng tin cậy*. Tướng Peckem hay bối rối. Mọi thứ với ông thường đều là phận sự, và ông thường hành động với sự miễn cưỡng vô cùng. Ông không bao giờ quên được rằng cả đen và trắng đều không phải là màu, và không bao giờ dùng chữ *verbal* khi ý của ông là *oral*[64]. Ông có thể liên tục đưa ra các trích dẫn nổi tiếng của Plato, Nietzsche, Montaigne, Theodore Roosevelt, Marquis de Sade và Warren G. Harding. Một thính giả mới ngây thơ như đại tá Scheisskopf đúng là con gà béo cho tướng Peckem, một cơ hội đầy kích thích để mở toang cánh cửa vào kho báu uyên bác chói lòa những chơi chữ, lối châm biếm, những lời phỉ báng, những bài thuyết pháp, những giai thoại, tục ngữ, thơ trào phúng, cách ngôn, lời vàng ý ngọc và những châm ngôn sắc sảo khác. Ông tươi cười lịch sự khi đưa đại tá Scheisskopf đi giới thiệu xung quanh.

"Khuyết điểm duy nhất của tôi," ông nhận xét với vẻ hài hước, mắt quan sát tác động của từng từ một, "là tôi không có khuyết điểm gì cả."

Đại tá Scheisskopf không phá lên cười, khiến tướng Peckem kinh ngạc. Một mối ngờ vực nặng nề chợt đè nát sự nhiệt tình của ông. Ông vừa mở bài với một trong những nghịch lý đáng tin cậy nhất của mình, thì đã lập tức rơi vào tình trạng báo động khi không có một dấu hiệu tán dương nào dù là nhỏ nhất lóe lên trên gương mặt trơ lì kia, gương mặt bất chợt lại gợi cho ông nhớ đến, ở cả màu sắc và kết cấu, một cục tẩy cỡ bự chưa dùng. Có lẽ đại tá Scheisskopf

đang mệt, tướng Peckem tự an ủi; anh ta đã đi một chặng đường dài và mọi thứ đều khác lạ. Thái độ của tướng Peckem đối với cấp dưới, cả sĩ quan lẫn binh lính, đều thể hiện rõ nét một tinh thần khoan dung, dễ dãi như nhau. Ông thường xuyên nói rằng chỉ cần ai đó dưới quyền đi nửa quãng đường để gặp ông, thì ông lại đi quá nửa quãng đường để gặp họ, và kết quả là, ông luôn nói thêm với một tiếng cười tinh quái, suy nghĩ của cả hai lại chẳng gặp được nhau. Peckem tự cho bản thân là một nhà trí thức có óc thẩm mỹ. Khi mọi người không đồng ý với ông thì ông giục họ phải *khách quan* hơn.

Và quả là tướng Peckem đã rất khách quan khi nhìn chằm chằm vào đại tá Scheisskopf đầy khích lệ và tiếp tục công cuộc truyền đạo của mình với một thái độ vị tha cao thượng. “Anh đến với chúng tôi thật đúng lúc, Scheisskopf. Đợt tổng tấn công mùa hè đang dần mất đi sức mạnh, nhờ cả vào đám chỉ huy kém cỏi được phân cho các đội quân của chúng ta, và tôi khẩn thiết cần một sĩ quan bất khuất, giàu kinh nghiệm và giàu năng lực như anh để giúp tạo ra những memoranda mà nhờ đó mọi người mới biết được chúng ta tốt tới đâu và chúng ta đã phải làm việc nhiều như thế nào. Tôi hy vọng anh là một tay viết có năng suất cao.”

“Tôi có biết viết lách gì đâu,” đại tá Scheisskopf sưng sỉa vặc lại.

“Ồ, đừng để cho chuyện đó làm phiền lòng anh.” Tướng Peckem tiếp tục nói, khẽ xua tay ra chiều không để tâm. “Chỉ cần chuyển công việc mà tôi giao cho anh tới ai đó rồi trông chờ vào thần may mắn thôi. Chúng tôi gọi đó là ủy thác trách nhiệm. Đâu đó ở cấp thấp nhất trong cái tổ chức phối hợp mà tôi đang điều hành này là những người sẽ thực hiện mọi việc mà họ được giao, và tất cả đều

xoay xở tốt để vận hành trơn tru mà tôi không phải tốn quá nhiều sức lực. Tôi cho rằng đó là vì tôi là một nhà điều hành tốt. Không có việc gì trong tổ chức khổng lồ này lại thực sự quá quan trọng, nên ta không việc gì phải vội. Mặt khác, điều quan trọng là phải cho mọi người biết ta đã làm rất nhiều việc. Hãy cho tôi biết nếu như anh thấy thiếu người. Tôi đã ra lệnh cho hai thiếu tá, bốn đại úy và mười sáu trung úy giúp anh một tay. Mặc dù chẳng có việc gì chúng ta làm là quá quan trọng, điều quan trọng là chúng ta phải cho người khác thấy mình làm rất nhiều việc. Anh có đồng ý không?"

"Thế còn các buổi diễu binh thì sao?" đại tá Scheisskopf chen ngang.

"Diễu binh nào cơ?" tướng Peckem hỏi với cảm giác rằng sự lịch thiệp của ông chưa được đón nhận đầy đủ.

"Tôi sẽ không thể tổ chức diễu binh vào chiều Chủ nhật hằng tuần sao?" đại tá Scheisskopf nóng nảy gặng hỏi.

"Không. Tất nhiên là không rồi. Cái khỉ gì đã cho anh ý tưởng đó thế?"

"Nhưng họ đã nói là tôi có thể."

"Ai nói là anh có thể?"

"Những người đã điều tôi tới đây. Họ bảo với tôi rằng nếu muốn thì tôi sẽ có thể điều tất cả binh lính đi diễu binh."

"Họ nói dối anh đấy."

"Như thế không công bằng, thưa sếp."

"Tôi rất tiếc, Scheisskopf. Tôi sẵn lòng làm mọi thứ có thể để giúp anh được vui vẻ ở đây, nhưng diễu binh thì không được. Chúng ta

không có đủ người để diễu binh, và những đơn vị chiến đấu sẽ công khai nổi loạn ngay nếu như ta bắt họ diễu binh. Tôi e rằng anh sẽ phải chờ cho đến khi chúng ta hoàn toàn nắm quyền kiểm soát. Sau đó thì anh có thể làm bất cứ chuyện gì anh muốn."

"Thế còn vợ tôi thì sao?" đại tá Scheisskopf tiếp tục gặng hỏi với vẻ nghi hoặc bực bội. "Tôi vẫn có thể điều cô ấy tới đây được chứ, phải không?"

"Vợ anh ư? Tại sao anh lại muốn điều đó?"

"Vợ chồng nên ở cùng nhau."

"Việc đó cũng không được."

"Nhưng họ đã nói rằng tôi có thể điều cô ấy đến!"

"Họ lại nói dối anh rồi."

"Họ không có quyền nói dối tôi!" đại tá Scheisskopf phản đối, mắt long lên vì phẫn nộ.

"Tất nhiên là họ có quyền," tướng Peckem ngắt lời với một vẻ dữ dội lạnh lùng được tính toán kỹ lưỡng, quyết tâm thử thách dũng khí của viên đại tá này dưới áp lực ngay và luôn. "Đừng có ngu ngốc như vậy, Scheisskopf. Mọi người có quyền làm bất cứ việc gì không bị luật pháp cấm, và không có luật nào cấm nói dối anh. Giờ thì đừng bao giờ làm phí thời gian của tôi với mấy câu nói nhạt nhẽo ủy mị như thế nữa. Anh có nghe rõ không?"

"Dạ vâng, thưa sếp," đại tá Scheisskopf lầm bầm nói.

Đại tá Scheisskopf rũ xuống thảm hại, và tướng Peckem cảm ơn số phận đã đưa tới dưới trướng ông đồ yếu đuối như vậy. Chứ nếu là một kẻ gan góc thì không biết sẽ ra sao. Sau khi đã chiến thắng,

tướng Peckem mủi lòng. Ông không thích làm nhục quân của mình. "Nếu vợ anh là quân nhân, thì tôi cũng có thể điều chuyển cô ấy tới đây. Nhưng tôi chỉ có thể giúp được đến vậy thôi."

"Cô ấy có một người bạn là nữ quân nhân," đại tá Scheisskopf tràn trề hy vọng đề xuất.

"Tôi e rằng như vậy chưa đủ. Hãy cho bà Scheisskopf nhập ngũ nếu như cô ấy muốn, và tôi sẽ đưa cô ấy tới đây. Nhưng trong lúc chờ đợi, đại tá thân mến ạ, ta hãy quay lại với cuộc chiến nhỏ bé của mình. Đây, một cách ngắn gọn, là tình hình chiến sự mà chúng ta đang đối mặt." Tướng Peckem đứng dậy bước tới một giá xoay toàn những tấm bản đồ màu khổng lồ.

Đại tá Scheisskopf tái cả mặt. "Không phải là chúng ta sẽ ra trận đấy chứ?" gã kinh hoàng thốt lên.

"Ồ không, tất nhiên là không rồi," tướng Peckem dịu dàng dỗ dành gã, bật cười thân mật. "Làm ơn tin tưởng tôi một chút chứ, có được không? Đó chính là lý do tại sao chúng ta vẫn ở đây, tại Rome. Tất nhiên là tôi cũng muốn chuyển lên Florence, tại đó tôi có thể liên lạc chặt chẽ hơn với cựu binh nhất Wintergreen. Nhưng Florence vẫn hơi gần chiến trường quá theo tiêu chuẩn của tôi." Tướng Peckem cầm thanh gỗ chỉ lên bản đồ và vui vẻ di đầu cao su của nó qua nước Ý, từ bờ biển bên này sang bờ biển bên kia. "Đây, Scheisskopf ạ, là quân Đức. Chúng chui rất sâu vào trong những dãy núi này dọc theo phòng tuyến Gothic, và may ra phải đến cuối mùa xuân sang năm mới bị đánh bật ra, mặc dù điều đó cũng không ngăn được lũ ngốc chỉ huy của chúng ta cố công đánh vào đó. Như vậy sẽ cho phép chúng ta, Lực lượng Đặc nhiệm, có khoảng chín tháng để đạt được mục tiêu. Và mục tiêu là phải thâu tóm tất cả các

liên đoàn máy bay ném bom của Không lực Hoa Kỳ. Rốt cuộc thì," tướng Peckem vừa nói vừa cười khoái trá với âm lượng được điều chỉnh rất vừa phải, "nếu thả bom xuống quân địch mà không đặc biệt thì tôi tự hỏi cái gì trên đời này mới là đặc biệt nữa. Anh có đồng ý không?" Đại tá Scheisskopf không tỏ vẻ gì là gã đồng ý cả, nhưng tướng Peckem đã quá chìm đắm trong cơn ba hoa của mình nên không để ý thấy. "Vị trí hiện tại của chúng ta là tuyệt vời. Lực lượng tiếp viện như chính anh vẫn liên tục đổ về, và chúng ta có thừa thời gian để hoạch định chiến lược tổng thể thật chu đáo. Mục tiêu trước mắt của chúng ta," ông nói, "ở ngay đây." Và tướng Peckem vung thanh gỗ xuống phía Nam chỉ vào đảo Pianosa và gõ mạnh lên một từ khá to được ghi lên đó bằng bút chì dầu màu đen. Từ đó là DREEDLE.

Đại tá Scheisskopf nheo mắt, tiến lại sát bản đồ, và lần đầu tiên kể từ lúc bước vào phòng này một tia sáng hiểu chuyện mới lờ mờ hắt lên gương mặt đù đờ của gã. "Tôi nghĩ là tôi hiểu rồi," gã thốt lên. "Đúng, tôi biết là tôi đã hiểu. Nhiệm vụ đầu tiên của chúng ta là giữ lấy Dreedle, không cho kẻ địch bắt. Có phải không ạ?"

Tướng Peckem bật cười nhân hậu. "Không, Scheisskopf. Dreedle ở cùng chiến tuyến với chúng ta, nhưng Dreedle là kẻ địch. Tướng Dreedle chỉ huy bốn liên đoàn ném bom mà chúng ta cần phải thâu tóm được để tiếp tục cuộc tổng tấn công. Chinh phục được tướng Dreedle, chúng ta sẽ có máy bay và những căn cứ quan trọng mà chúng ta cần để mở rộng tiến công sang các khu vực khác. À mà trận chiến đó cũng sắp thắng đến nơi rồi." Tướng Peckem lướt về phía cửa sổ, lại cười khùng khục, và tựa vào bậu cửa sổ, hai tay khoanh lại, hết sức thỏa mãn với sự dí dỏm và vẻ vô sỉ tỉnh khô, lịch duyệt của mình. Ông lựa chọn từ ngữ rất khéo léo, những từ ông

chọn đều có sức khơi gợi sắc sảo. Tướng Peckem thích được nghe bản thân mình nói, nhất là khi bản thân ông lại tự nói về chính mình. “Tướng Dreedle đơn giản là không biết làm sao để đối chọi với tôi,” ông nổ. “Tôi liên tục lấn chiếm phạm vi quyền lực của ông ta bằng những bình luận và những chỉ trích, tất cả chúng thực ra đều chẳng thuộc phận sự của tôi, nhưng ông ta cũng không biết phải làm gì để đối phó. Khi ông ta tố cáo tôi đang cố ngầm phá hoại ông ta, thì tôi chỉ trả lời rằng mục đích duy nhất của tôi khi đưa ra ánh sáng những lỗi lầm của ông ta là để củng cố sức chiến đấu của quân ta nhờ loại bỏ đi những gì không hiệu quả. Sau đó tôi vờ ngây thơ hỏi ông ta xem liệu ông ta có chống lại việc tăng cường sức chiến đấu không. Ồ, ông ta gầm gừ, tóc tai dựng ngược rồi rống lên, nhưng ông ta thực sự là bất lực. Đơn giản là ông ta đã hết thời. Ông ta thực đã biến thành một con sâu rượu, anh biết đấy. Thằng đần đáng thương đó lẽ ra không nên làm tướng. Ông ta chẳng có phong thái, chẳng có phong thái gì hết. Ơn Chúa ông ta sẽ không còn tồn tại được bao lâu nữa.” Tướng Peckem thích thú khùng khục cười tự mãn, rồi phơi phới lướt tới lối ẩn dụ cao siêu mà ông yêu thích: “Đôi khi tôi nghĩ mình là Fortinbras - ha ha - trong vở *Hamlet* của William Shakespeare, kẻ suốt diễn biến vở kịch chỉ loanh qua loanh quanh, cho đến khi tất cả mọi thứ vỡ tan thành từng mảnh, và rồi đến cuối vở thì lững thững bước tới gom nhặt toàn bộ cho bản thân. Shakespeare thật đúng là…”

“Tôi không biết gì về kịch,” đại tá Scheisskopf thẳng thừng ngắt lời.

Tướng Peckem sửng sốt nhìn gã. Chưa bao giờ một tham chiếu tới vở *Hamlet* thiêng liêng của Shakespeare lại bị phớt lờ và chà đạp lên với sự bàng quan thô bạo đến vậy. Ông bắt đầu băn khoăn, thực

lòng lo lắng không biết Lầu Năm Góc lại lén lút đổ lên đầu ông loại bã đậu gì thế này. “Vậy thì anh biết gì?” ông gay gắt hỏi.

“Diễu binh,” đại tá Scheisskopf hồ hởi đáp. “Tôi có thể thông báo về chuyện diễu binh được không?”

“Miễn là anh đừng lên lịch diễu binh thật là được.” Tướng Peckem trở lại ghế của mình, mày vẫn chau. “Và miễn là chúng không ảnh hưởng đến nhiệm vụ chính của anh là đề nghị tăng quyền hạn cho Lực lượng Đặc nhiệm tới mức chỉ huy cả những hoạt động ngoài chiến trường.”

“Liệu tôi có được lên lịch diễu binh rồi sau đó hủy đi không?”

Mặt tướng Peckem lập tức bừng sáng. “Ồ, quả là một ý tưởng tuyệt vời! Nhưng chỉ cần mỗi tuần lại thông báo hoãn diễu binh là đủ. Đừng mất công lên lịch làm gì. Như vậy chỉ tổ rối thêm.” Tướng Peckem trở nên tươi tỉnh sinh động và thân thiện trở lại. “Đúng rồi, Scheisskopf,” ông nói, “tôi nghĩ anh vừa có được ý tưởng quá hay. Rốt cuộc thì các chỉ huy chiến trường có thể càm ràm được gì nếu như chúng ta chỉ báo cho họ rằng sẽ không có diễu binh vào Chủ nhật tới? Chúng ta chỉ đơn giản đưa ra một thực tế mà mọi người đều biết. Nhưng hàm ý của nó thì tuyệt đẹp. Phải, đích thị là tuyệt đẹp. Chúng ta hàm ý rằng chúng ta có thể lên lịch một cuộc diễu binh nếu như chúng ta muốn. Tôi bắt đầu thích anh rồi đó, Scheisskopf. Ghé qua tự giới thiệu mình với đại tá Cargill đi và nói với anh ta việc anh định làm. Tôi tin là hai người bọn anh sẽ thích nhau.”

Đại tá Cargill sầm sập ùa vào phòng làm việc của tướng Peckem một phút sau đó trong một cơn bùng nổ cảm xúc vừa oán giận vừa

rụt rè. “Tôi ở đây lâu hơn Scheisskopf mà,” gã than phiền. “Tại sao tôi không được là người thông báo đình chỉ các cuộc diễu binh?”

“Bởi vì Scheisskopf đã có kinh nghiệm về diễu binh, còn anh thì không. Anh có thể đình chỉ các buổi diễn của U.S.O. nếu anh muốn. Ờ mà tại sao anh lại không làm điều đó nhỉ? Cứ nghĩ đến việc một hôm nào đó mọi nơi đều tuyệt nhiên không có buổi diễn nào của U.S.O. nữa. Nghĩ đến những nơi không có ngôi sao giải trí nào ghé thăm. Phải đó, Cargill, tôi nghĩ anh vừa có ý tưởng quá hay. Tôi nghĩ anh vừa mở ra cả một lĩnh vực hoạt động mới cho chúng ta. Bảo với đại tá Scheisskopf rằng tôi muốn anh ta làm việc dưới sự giám sát của anh trong vụ này. Và hướng dẫn anh ta xong xuôi thì cử anh ta tới gặp tôi nhé.”

“Đại tá Cargill nói rằng ông bảo anh ta là ông muốn tôi làm việc dưới sự giám sát của anh ta trong dự án U.S.O,” đại tá Scheisskopf than phiền.

“Tôi đâu có bảo anh ta cái gì như vậy,” tướng Peckem đáp. “Bí mật nhé, Scheisskopf, tôi không thực sự hài lòng với đại tá Cargill. Anh ta quá quan cách và lề mề. Tôi muốn anh để mắt tới công việc của anh ta và xem xem liệu anh có thể giúp anh ta làm việc năng suất hơn được không.”

“Anh ta cứ thò mũi vào,” đại tá Cargill phản đối. “Anh ta không để cho tôi làm được một việc nào ra hồn cả.”

“Có cái gì đấy rất kỳ cục ở Scheisskopf,” tướng Peckem trầm ngâm đồng tình. “Hãy để mắt kỹ tới anh ta xem anh có phát hiện được ý đồ của anh ta là gì không.”

“Giờ thì anh ta cứ thò mũi vào công việc của tôi!” đại tá Scheisskopf gào lên.

“Đừng để việc đó làm phiền lòng anh, Scheisskopf,” tướng Peckem nói, tự chúc mừng bản thân vì đã khéo léo tuyệt vời trong việc khép đại tá Scheisskopf vào lề lối làm việc của mình. Hai tay cấp tá dưới quyền ông giờ đã gần như không nói chuyện được với nhau. “Đại tá Cargill đố kỵ với anh vì kết quả công việc của anh trong vụ diễu binh thật là ngoạn mục. Anh ta sợ tôi sẽ giao cho anh phụ trách việc thả bom theo mẫu.”

Đại tá Scheisskopf dỏng hết cả tai lên. “Thả bom theo mẫu nghĩa là sao?”

“Thả bom theo mẫu ư?” tướng Peckem nhắc lại, nháy mắt vui vẻ tự mãn. “Nó là một khái niệm tôi vừa nghĩ ra mấy tuần trước. Nó chả có nghĩa gì cả, nhưng anh sẽ ngạc nhiên nếu thấy nó lan nhanh tới mức độ nào. Ôi, tôi đã thuyết phục được đủ loại người tin rằng chuyện ném bom sao cho các quả bom nổ gần nhau và tạo nên một bức ảnh gọn gàng nếu chụp từ trên xuống là rất quan trọng. Có một tay đại tá ở Pianosa giờ thậm chí còn không buồn quan tâm xem bom có được thả trúng mục tiêu hay không nữa. Hôm nay ta bay tới đó chơi với anh ta luôn đi. Việc này sẽ khiến cho đại tá Cargill ghen tị, và tôi biết được từ Wintergreen sáng nay rằng tướng Dreedle sẽ bay đi Sardinia. Tướng Dreedle chắc sẽ phát điên lên nếu biết được tôi đã thanh tra một trong những cơ sở của ông ta trong khi ông ta đi thanh tra nơi khác. Chúng ta có thể còn kịp tới đó vào giờ lên kế hoạch tác chiến. Họ sẽ ném bom một ngôi làng nhỏ không phòng thủ, biến toàn bộ chỗ đó thành gạch vụn. Tôi nhận được tin từ Wintergreen - giờ là cựu binh nhất Wintergreen, rằng toàn bộ nhiệm vụ này là không cần thiết. Mục đích duy nhất của nó là ngăn viện binh của quân Đức vào lúc mà chúng ta thậm chí còn chưa lên kế hoạch tấn công. Nhưng đó là những gì sẽ xảy ra khi anh đưa những

kẻ xoàng lên nắm quyền.” Ông uể oải chỉ về phía tấm bản đồ Ý khổng lồ. “Ôi, ngôi làng miền núi tí xíu này vớ vẩn tới mức nó còn chẳng có trên bản đồ.”

Họ đã tới liên đoàn của đại tá Cathcart quá trễ nên không thể tham dự buổi lên kế hoạch tác chiến sơ bộ và không nghe thấy thiếu tá Danby khăng khăng, “Nhưng nó ở đó mà, tôi đảm bảo đấy. Nó ở đó, nó ở đó.”

“Nó ở đâu?” Dunbar bướng bỉnh gặng hỏi, giả bộ như không nhìn thấy.

“Nó ở ngay trên bản đồ, chỗ con đường này hơi lượn sang một bên kia kìa. Anh không thấy khúc uốn này ở trên bản đồ của anh à?”

“Không, tôi không thấy.”

“Tôi thì thấy,” Havermeyer không ai hỏi đã nói, và đánh dấu điểm ấy trên bản đồ của Dunbar. “Và đây là những bức ảnh khá rõ về ngôi làng đó. Tôi hiểu toàn bộ vụ này rồi. Mục đích của nhiệm vụ này là đẩy toàn bộ ngôi làng đó trượt xuống núi để tạo nên vật cản đường mà quân Đức sẽ phải dọn sạch. Có phải như vậy không?”

“Đúng rồi,” thiếu tá Danby nói, lấy khăn lau vầng trán đẫm mồ hôi. “Tôi rất mừng là ở đây có người cũng đã bắt đầu hiểu ra vấn đề. Hai sư đoàn thiết giáp sẽ tiến xuống từ Áo để đi vào nước Ý theo con đường này. Ngôi làng được xây dựng trên một sườn núi dốc đến nỗi toàn bộ số gạch vụn từ đám nhà cửa bị các anh phá hủy trên đó tất nhiên sẽ đổ ập xuống và chất đống ở giữa đường.”

“Thế thì khác quái gì?” Dunbar gặng hỏi, trong khi đó Yossarian hồ hởi quan sát gã với một hỗn hợp cảm xúc vừa kính sợ vừa xun xoe. “Họ sẽ chỉ mất mấy ngày để dọn xong đống đó thôi.” Thiếu tá

Danby đang cố tránh phải tranh luận. “À nhưng hiển nhiên là trên tổng lại nghĩ khác,” gã đáp, giọng cầu hòa. “Tôi đoán đấy chính là lý do họ ra lệnh này.”

“Người trong làng đã được cảnh báo chưa?” McWatt hỏi.

Thiếu tá Danby thất vọng vì McWatt cũng gia nhập bên chống đối. “Chưa, tôi cho là vậy.”

“Chúng ta chưa rải bất cứ truyền đơn nào báo cho họ rằng lần này chúng ta sẽ bay tới tấn công họ sao?” Yossarian hỏi. “Chúng ta không thể báo tin cho họ biết để họ có thể tránh đi được à?”

“Không, tôi nghĩ là không.” Thiếu tá Danby chửi thề thêm một lúc nữa, cặp mắt bồn chồn đảo quanh. “Làm thế thì quân Đức có thể phát hiện ra và đi đường khác. Tôi không chắc chắn đâu nhé, tôi chỉ đang đưa ra các giả định.”

“Họ thậm chí sẽ không thèm đi kiếm chỗ trú ẩn,” Dunbar cay đắng lập luận. “Họ sẽ tràn ra đường để vẫy chào khi thấy máy bay chúng ta tới, tất cả trẻ con, chó mèo, và người già. Chúa ơi! Tại sao chúng ta lại không thể để cho họ yên?”

“Tại sao chúng ta không tạo ra vật cản đường ở chỗ khác?” McWatt hỏi. “Tại sao nó cứ nhất định phải ở đó?”

“Tôi không biết,” thiếu tá Danby rầu rĩ trả lời. “Tôi không biết. Này, các anh, chúng ta cần phải tin vào cấp trên, những người đã ra lệnh cho chúng ta. Họ biết họ đang làm gì.”

“Họ thì làm cái con tườu,” Dunbar nói.

“Có vấn đề gì vậy?” trung tá Korn hỏi, nhẩn nha đi ngang phòng tác chiến, áo rộng thùng thình màu cát cháy, hai tay đút túi quần.

“Ồ, không có vấn đề gì đâu, thưa trung tá,” thiếu tá Danby nói, căng thẳng cố lấp liếm. “Chúng tôi chỉ đang thảo luận về nhiệm vụ.”

“Họ không muốn ném bom ngôi làng đó,” Havermeyer cười hinh hích, bán đứng thiếu tá Danby.

“Đồ khốn!” Yossarian nói với Havermeyer.

“Để cho Havermeyer yên đi,” trung tá Korn xẵng giọng ra lệnh cho Yossarian. Gã đã nhận ra Yossarian chính là gã say đã sỗ sàng bắt chuyện với gã ở câu lạc bộ sĩ quan đêm trước trận Bologna lần đầu, đoạn gã thận trọng quăng sự không hài lòng sang phía Dunbar. “Tại sao anh không muốn ném bom ngôi làng đó?”

“Như vậy rất độc ác, tại vì thế đấy.”

“Độc ác ư?” trung tá Korn hỏi với vẻ hòa nhã lạnh lùng, vẻ thù địch mãnh liệt bất khả kiềm tỏa của Dunbar khiến gã sợ, nhưng chỉ trong một thoáng. “Liệu có bớt độc ác hơn chút nào nếu như chúng ta để cho hai sư đoàn quân Đức đi xuống đánh nhau với quân ta? Mạng sống của người Mỹ chúng ta cũng đang bị đe dọa đấy, anh biết rồi chứ hả. Anh thích nhìn máu người Mỹ đổ xuống hơn à?”

“Máu của người Mỹ đằng nào chả đang đổ. Còn những người kia đang yên ổn sống trên đó. Tại sao chúng ta không thể để cho họ yên mẹ nó đi?”

“Phải, anh nói thì rất dễ,” trung tá Korn chế giễu. “Anh rất an toàn ở Pianosa này. Với anh thì việc đội viện binh Đức đó có bị cản hay không cũng chẳng khác biệt gì, có phải không?”

Dunbar đỏ bừng vì bối rối và đáp bằng giọng đột nhiên thủ thế. “Tại sao chúng ta không thể tạo vật cản đường ở chỗ khác? Chúng

ta không thể ném bom vào sườn núi hoặc chính con đường ấy được à?"

"Các anh muốn quay lại trận Bologna sao?" Câu hỏi nhẹ nhàng, nhưng vang lên như một tiếng súng và làm dấy lên trong phòng một khoảng lặng lúng túng đầy đe dọa. Yossarian điên cuồng cầu nguyện, trong xấu hổ, mong sao Dunbar ngậm miệng lại. Dunbar cụp mắt, và trung tá Korn biết mình đã thắng. "Không, tôi nghĩ rằng không đâu," gã nói tiếp với vẻ khinh miệt không che giấu. "Các anh biết đấy, đại tá Cathcart và tôi đã phải khó khăn lắm mới đem về cho các anh một chuyến đưa sữa như thế này. Nếu các anh thích bay ra trận Bologna, Spezia và Ferrara hơn, thì chúng tôi cũng có thể điều các anh ra đó, không vấn đề gì đâu." Mắt gã lóe lên nguy hiểm sau cặp kính không tròng, còn quai hàm xám xịt của gã bạnh ra và đanh lại. "Cứ cho tôi biết ý các anh."

"Tôi muốn," Havermeyer háo hức đáp, cùng một tiếng cười hi hí huênh hoang nữa. "Tôi muốn bay thẳng tới Bologna và chúi đầu vào máy ngắm mà lắng nghe toàn bộ thứ âm thanh của đạn phòng không tới tấp nã lên quanh tôi. Tôi mê mẩn cái cảm giác sau trận đánh bị mọi người ào đến buộc tội và gọi tôi là đồ này đồ nọ. Ngay cả lính cũng cay cú tới mức chửi rủa tôi và muốn đập tôi."

Trung tá Korn vui vẻ day nhẹ vào cằm Havermeyer, phớt lờ gã, đoạn quay sang nói với Yossarian và Dunbar giọng đều đều khô khốc. "Các anh tin tôi đi. Không ai lo lắng cho mấy gã Ý lợn tệ hại ở trên núi đó hơn đại tá Cathcart và tôi đâu. *Mais c'est la guerre*[65]. Hãy cố nhớ rằng không phải chúng ta mà chính nước Ý mới là kẻ gây chiến. Rằng không phải chúng ta mà chính nước Ý mới là kẻ gây hấn. Và rằng chúng ta không thể nào gây ra nhiều tổn hại cho

những người Ý, người Đức, người Nga, và người Trung Quốc bằng những gì bọn họ gây ra cho nhau.” Trung tá Korn thân thiện siết nhẹ vai thiếu tá Danby dù nét mặt vẫn nguyên vẻ không thân thiện. “Tiếp tục buổi chỉ dẫn tác chiến đi Danby. Và hãy đảm bảo chắc chắn rằng bọn họ hiểu được tầm quan trọng của việc ném bom theo mẫu thật sát nhau.”

“Ồ không, thưa trung tá,” thiếu tá Danby buột miệng, chớp mắt ngước lên. “với mục tiêu này thì không đâu ạ. Tôi đã bảo họ ném bom sao cho mỗi quả cách nhau chừng mười tám mét để chúng ta có vật cản đường là cả một ngôi làng chứ không phải chỉ là một điểm. Nếu để cản đường thì ném bom thưa tốt hơn nhiều.”

“Tôi không quan tâm đến vật cản đường,” trung tá Korn báo cho gã biết. “Đại tá Cathcart chỉ muốn sau trận này có những bức ảnh gọn gàng được chụp từ trên không xuống để cho ông ta không thấy xấu hổ khi gửi chúng đi. Đừng quên là tướng Peckem sẽ có mặt ở đây vào buổi lên kế hoạch tác chiến chính thức, và anh biết ông ta để ý tới việc ném bom theo mẫu như thế nào rồi đấy. Tiện đây, thiếu tá này, anh cần nói nhanh lên và biến khỏi đây trước khi ông ta tới. Tướng Peckem không chịu nổi anh.”

“Ồ không, thưa trung tá,” thiếu tá Danby ngoan ngoãn sửa lại. “Tướng Dreedle mới là người không chịu nổi tôi chứ.”

“Cả tướng Peckem cũng không chịu nổi anh. Thực ra thì không ai có thể chịu nổi anh. Làm nốt việc anh đang dở rồi biến nhanh đi, Danby. Tôi sẽ điều khiển buổi lên kế hoạch tác chiến.”

“Thiếu tá Danby đâu?” đại tá Cathcart hỏi sau khi lái xe tới dự buổi lên kế hoạch tác chiến chính thức cùng với tướng Peckem và đại tá Scheisskopf.

“Anh ta xin nghỉ ngay khi thấy anh tới,” trung tá Korn trả lời. “Anh ta sợ tướng Peckem sẽ không thích anh ta. Dù sao thì tôi cũng sẽ điều khiển buổi tác chiến này. Tôi làm việc này tốt hơn nhiều.”

“Tuyệt!” đại tá Cathcart nói. “Mà không!” Đại tá Cathcart phản lệnh của chính mình chỉ sau đó một thoáng, gã nhớ ra trung tá Korn đã làm tốt việc đó như thế nào trước tướng Dreedle trong lần tác chiến trận Avignon đầu tiên. “Đích thân tôi sẽ làm việc đó.”

Đại tá Cathcart tự lên dây cót tinh thần rằng mình là một trong những kẻ được tướng Peckem ưu ái rồi đảm nhiệm việc điều hành buổi họp, và với vẻ cứng rắn và thản nhiên chôm được từ tướng Dreedle gã bắn ra những lời quả quyết tới khán giả là các sĩ quan dưới quyền đang chăm chú lắng nghe bên dưới. Gã biết mình đã tạc nên một hình ảnh đẹp ở đó trên bục với chiếc áo mở khuy cổ, đót thuốc lá, và mái tóc đen xoăn cắt ngắn lốm đốm bạc. Gã lướt đi trên bục một cách duyên dáng, gã thậm chí còn bắt chước một số lỗi phát âm của tướng Dreedle, gã chẳng thèm e dè tay đại tá mới của tướng Peckem cho đến khi gã chợt nhớ ra rằng tướng Peckem ghét tướng Dreedle. Thế rồi giọng gã rạn vỡ, và toàn bộ lòng tự tin bỏ gã ra đi. Gã vấp váp nói tiếp theo bản năng trong cảm giác nhục nhã ê chề cháy bỏng. Đột nhiên gã kinh sợ đại tá Scheisskopf. Thêm một sĩ quan cấp tá ở đây có nghĩa là có thêm một đối thủ, thêm một kẻ thù, thêm một người căm ghét gã. Và gã này rất khó nhai! Một ý nghĩ kinh hoàng chợt đến trong đầu đại tá Cathcart: nhỡ đại tá Scheisskopf đã mua chuộc tất cả mọi người ở trong phòng để họ bắt đầu rên lên, giống như ở trận Avignon đầu tiên, thì làm sao gã có thể khiến cho họ im lặng được? Đó sẽ là một vết đen tệ hại! Đại tá Cathcart bị nỗi hoảng sợ chiếm hữu tới mức suýt thì gã đã lại vẫy tay cầu cứu trung tá Korn. Nhưng rồi bằng cách nào đó gã cũng

bình tĩnh lại và đến được đoạn khớp đồng hồ cho mọi người. Khi làm xong việc đó, gã biết là mình đã thắng, bởi vì giờ thì gã có thể ngừng bất cứ lúc nào. Gã đã vượt qua được một cơn khủng hoảng. Gã muốn cười vào mặt đại tá Scheisskopf với sự đắc thắng và trêu ngươi. Gã đã chứng tỏ bản lĩnh của mình dưới sức ép một cách xuất sắc, và gã đã kết thúc buổi họp tác chiến bằng một bài diễn văn giàu cảm hứng mà trực giác mách bảo gã rằng đó là một màn trình diễn bậc thầy của sự tinh tế và khéo léo hùng hồn.

“Nào, anh em,” gã hô hào. “Hôm nay chúng ta có một vị khách rất đặc biệt, tướng Peckem từ Lực lượng Đặc nhiệm, người đã đem lại cho chúng ta tất cả những gậy chơi bóng mềm, truyện tranh, và những buổi trình diễn của U.S.O. Tôi muốn dành tặng trận này cho ông ấy. Hãy bay tới đó ném bom - vì tôi, vì đất nước của chúng ta, vì Chúa, và vì một người Mỹ vĩ đại, tướng P.P. Peckem. Và thử xem các anh có thể ném tất cả số bom ấy xuống cách nhau đúng một khoảng nhỏ bằng đồng xu không nhé!”

30 DUNBAR

Yossarian cóc thèm quan tâm xem bom của y rơi xuống đâu nữa, mặc dù y không tới mức như Dunbar, gã này thả bom cách ngôi làng cả vài trăm thước và có thể bị ra tòa án binh nếu người ta chứng minh được rằng gã cố tình làm điều đó. Không thèm nói một câu, thậm chí là cả với Yossarian, Dunbar đã phủi tay khỏi nhiệm vụ này. Cú ngã trong bệnh viện hoặc đã khai sáng hoặc làm y loạn trí; chẳng rõ là như thế nào.

Dunbar chẳng mấy khi cười nữa và dường như đang ngày càng tiều tụy. Gã gầm gừ đầy hiếu chiến với các sĩ quan cấp trên, thậm chí cả với thiếu tá Danby, cộc cằn, cáu kỉnh và báng bổ ngay cả trước mặt cha tuyên úy, giờ thì cha tuyên úy đã rất sợ Dunbar và dường như cũng đang ngày càng tiều tụy. Chuyến hành hương của cha tuyên úy tới chỗ Wintergreen đã chính thức chết yểu; thêm một ngôi đền nữa trở nên trống rỗng. Wintergreen quá bận nên không thể trực tiếp gặp mặt cha tuyên úy. Một gã trợ lý hỗn xược đã đem tặng cho cha tuyên úy cái bật lửa Zippo chôm được từ đâu đó và kẻ cả thông báo cho gã biết rằng Wintergreen quá bận với những công việc thời chiến nên không thể để tâm đến những chuyện vặt vãnh như tổng số trận mà mọi người phải bay. Cha tuyên úy lo lắng cho Dunbar và còn nghĩ ngợi nhiều hơn về Yossarian khi giờ Orr đã không còn ở đó. Đối với cha tuyên úy, người đang sống một mình ở

trong gian lều rộng rãi với nóc nhọn niêm phong gã trong nỗi cô đơn u ám mỗi đêm như một cái nắp mộ, thì việc Yossarian thích sống một mình và không muốn có bạn ở cùng là một điều không thể tin nổi.

Lại với vai trò là người cắt bom trưởng, Yossarian có McWatt làm phi công lái máy bay, và đó mà một điều an ủi đối với y mặc dù y vẫn hoàn toàn không được bảo vệ. Không có cách nào để phản vệ. Y thậm chí còn không thể nhìn thấy McWatt và người lái phụ từ vị trí của y trong khoang mũi máy bay. Tất cả những gì y có thể nhìn thấy là Aarfy với gương mặt tròn xoe, ngờ nghệch và kém cỏi mà cuối cùng đã rút sạch sự kiên nhẫn của y, và đã có những phút trên bầu trời y giận dữ và tuyệt vọng khổ sở tới mức khát khao bị giáng cấp xuống bay trong máy bay hộ tống với một khẩu súng máy nạp đầy đạn trong ụ súng thay vì máy ngắm với độ chính xác cao mà thực sự y chẳng cần tới làm gì này, một khẩu súng máy hạng nặng đạn .50 mà y có thể tóm chặt lấy bằng cả hai tay với toàn bộ hờn căm và man rợ quay nòng về phía những con quỷ đang hành hạ y: vào chính những luồng khói đạn phòng không đen sì; vào những tay súng phòng không người Đức bên dưới mà y còn không nhìn thấy và có lẽ cũng không thể làm hại được bằng khẩu súng máy ấy ngay cả khi y có khai hỏa thật; vào Havermeyer và Appleby ở trong máy bay đi đầu vì họ đã bay thẳng không chút sợ hãi trong trận Bologna thứ hai mà tại đó đạn từ hai trăm hai mươi bốn khẩu pháo đã hạ gục một động cơ của Orr mãi mãi và đẩy gã xuống vùng biển giữa Genoa và La Spezia ngay trước khi cơn dông ập tới.

Thực ra thì y cũng chẳng làm được gì nhiều với khẩu súng máy hỏa lực mạnh đó ngoại trừ việc nạp đạn và bắn thử vài vòng. Với y nó cũng vô dụng như cái máy ngắm. Y thực có thể ngắm nó về phía

những máy bay chiến đấu của quân Đức, nhưng giờ thì chẳng còn máy bay chiến đấu của quân Đức nữa, và y không thể quay ngoặt nó về phía gương mặt vô vọng của đám phi công như Huple và Dobbs mà ra lệnh cho họ cẩn thận quay lại mặt đất bởi vì y đã có lần ra lệnh cho Kid Sampson quay lại, và y cũng muốn ra lệnh đó cho Dobbs và Huple trong trận Avignon gớm guốc đầu tiên vào khoảnh khắc y nhận ra mình đang trong cảnh bất hạnh kỳ quái tới mức nào, khoảnh khắc y phát hiện ra mình đang ở trên cao trong một máy bay hộ tống với Dobbs và Huple trong một đội bay do Havermeyer và Appleby dẫn đầu. Dobbs và Huple ư? Huple và Dobbs? Họ là ai vậy? Sự điên rồ lố bịch nào đã khiến y trôi trong không khí loãng ở độ cao hai dặm trong một khối kim loại dày cỡ ba bốn phân, chống đỡ với thần chết nhờ kỹ năng và trí khôn còi cọc của hai kẻ xa lạ nhạt nhẽo - một thằng nhóc chưa có ria là Huple và một gã điên hay hoảng sợ là Dobbs, kẻ đã thực sự phát điên ngay trong máy bay, lồng lên trên đầu mục tiêu mà không rời khỏi ghế phụ lái và giật lấy cần điều khiển từ tay Huple để cả bọn bổ nhào xuống đột ngột tới mức làm tung cả tai nghe của Yossarian ra và đưa bọn họ quay lại đúng chỗ có mật độ đạn phòng không dày đặc mà trước đó họ đã gần như thoát được. Điều tiếp theo mà y biết, một kẻ xa lạ khác, một tay súng tên là Snowden, đang hấp hối ở phía đuôi máy bay. Không thể nói chắc rằng Dobbs đã giết chết cậu, bởi vì khi Yossarian cắm tai nghe lại thì trên điện đàm Dobbs đã cầu khẩn ai đó đi lên đằng trước và giúp người cắt bom. Và gần như ngay lúc đó thì Snowden chen ngang vào rên rỉ, “Cứu tôi. Làm ơn cứu tôi. Tôi lạnh. Tôi lạnh.” Và Yossarian chậm chạp bò ra khỏi khoang mũi, leo lên khoang chứa bom và lách xuống phần đuôi máy bay - bò qua mấy hộp đựng đồ sơ cứu trên đường và phải quay lại lấy - để cứu Snowden nhưng

đã nhầm vết thương, một cái hố toang hoác đầy thịt sống hình quả dưa to như một trái bóng bầu dục ở mé ngoài đùi, những thớ cơ đẫm máu chưa bị cắt bên trong phập phồng kỳ dị như những sinh vật mù có sinh mạng riêng, vết thương hình ô van trần trụi dài đến ba chục phân đã khiến cho Yossarian rên lên trong choáng váng và thương cảm ngay khi y trông thấy nó rồi suýt nôn ọe. Còn một tay súng nhỏ con nữa nằm trên sàn bên cạnh Snowden, hoàn toàn bất tỉnh, mặt gã trắng bệch như khăn tay mà dù khiếp sợ Yossarian vẫn phải nhảy vội tới để cứu trước.

Đúng vậy, về lâu về dài thì y sẽ an toàn hơn nhiều nếu như bay cùng McWatt, nhưng ngay cả khi bay với McWatt y vẫn không được an toàn, bởi vì gã này rất thích bay và ngay trên đường về sau chuyến bay tập để đào tạo gã cắt bom thay thế Orr trong đội bay mới mà đại tá Cathcart đã giành được, gã đã liều lĩnh cho máy bay bay chỉ cách mặt đất tầm chục phân, trong khi Yossarian vẫn nguyên trong khoang mũi. Địa điểm tập ném bom là ở phía bên kia đảo Pianosa, và trên đường bay về, McWatt đã gí bụng chiếc máy bay ù lì vô công nghề vào gần như sát sạt những đỉnh núi ngăn giữa đảo, và sau đó, thay vì giữ nguyên cao độ thì gã cho tăng tốc cả hai động cơ lên hết mức, nghiêng cánh tròng trành vút lên, và trong sự kinh hãi của Yossarian, bắt đầu rơi xuống đất nhanh hết mức có thể, hoan hỉ vỗ cánh và lướt đi trong một tiếng gầm inh tai nhức óc qua rặng núi đá trập trùng như một con mòng biển say xỉn bay trên những ngọn sóng nâu hoang dại. Yossarian sợ chết điếng. Gã cắt bom mới e dè ngồi bên y, toét miệng cười thích thú và huýt sáo inh ỏi, còn Yossarian chỉ muốn nhoài ra mà đấm một phát vào bộ mặt ngu ngốc đó trong lúc vẫn nhăn mặt rúm người tránh những tảng đá, những gò đất, những cành cây tua tủa lù lù hiện ra ở trên, ở trước

mặt, rồi vụt qua y chỉ để lại một vệt mờ nôn nao. Không ai có quyền mạo hiểm dễ sợ đến vậy với mạng sống của y.

“Bay lên đi, lên đi, lên đi!” y cuống quýt hét với McWatt, ghét cay ghét đắng gã, nhưng trong hệ thống điện đàm nội bộ McWatt còn đang vui vẻ hát ca và có lẽ không hề nghe thấy gì cả. Yossarian, bừng bừng nổi giận và muốn trả thù đến gần như phát khóc, phi người xuống lối trườn và khó nhọc trườn đi dưới sức cản của trọng lực và quán tính cho đến khi tới được khoang chính và đu được dậy bên bàn lái, người vẫn run lên bần bật đằng sau ghế của McWatt. Y tuyệt vọng tìm quanh xem có khẩu súng nào không, một khẩu súng lục tự động .45 màu xám đen để y có lên đạn và làm một phát vào ngay gáy McWatt. Chẳng có khẩu súng nào. Cũng chẳng có dao săn, và không có vũ khí nào khác để y có thể đánh hoặc đâm, nên Yossarian chộp lấy cổ áo McWatt mà giật mạnh bằng hai nắm tay siết chặt và hét toáng lên bảo gã bay lên, bay lên. Mặt đất vẫn đang lướt nhanh bên dưới và lấp loáng phía trên đầu ở cả hai bên. McWatt quay lại nhìn Yossarian và ngoác miệng cười vui vẻ như thể Yossarian đang chia vui cùng gã. Yossarian chuồi cả hai bàn tay quanh cổ McWatt mà bóp. McWatt cứng đờ:

“Bay lên,” Yossarian nghiến răng ra lệnh, gằn rõ từng chữ với một giọng trầm đầy đe dọa. “Không thì tôi sẽ giết anh.”

Sợ đến đờ người, McWatt giảm bớt tốc lực và từ từ cho máy bay bay lên. Bàn tay Yossarian từ từ nới lỏng quanh cổ McWatt rồi buông thõng xuống vai gã. Y không còn giận dữ nữa. Y đang xấu hổ. Khi McWatt quay lại, y còn lấy làm tiếc vì đó là tay của mình và ước gì có chỗ nào để chôn chúng xuống. Chúng như đã chết.

McWatt nhìn xoáy vào y. Không có chút thân thiện gì trong ánh mắt đó. “Này anh,” gã lạnh lùng nói, “chắc là anh đang ở trong tình trạng tồi tệ lắm. Anh cần phải về nhà đi.”

“Họ sẽ không cho tôi về đâu,” Yossarian đáp, tránh ánh mắt của gã, rồi lỉnh đi.

Yossarian bước xuống từ khoang lái và ngồi bệt xuống sàn, gục đầu xuống đầy tội lỗi và ăn năn. Người y ướt đẫm mồ hôi.

McWatt lái thẳng về sân bay. Yossarian tự hỏi liệu McWatt có đi tới lều chỉ huy để gặp Piltchard và Wren rồi yêu cầu họ không xếp Yossarian bay cùng gã nữa, cũng giống như khi Yossarian lén lút tới nói với họ về Dobbs, Huple và Orr, và cả Aarfy nữa nhưng đã không thành công. Y chưa bao giờ nhìn thấy McWatt bất bình tới vậy, chưa bao giờ thấy gã trong bất cứ tâm trạng nào ngoài hân hoan nhẹ nhõm, và y tự hỏi liệu có phải y vừa mất thêm một người bạn nữa không.

Nhưng McWatt đã nháy mắt trấn an y khi gã leo xuống máy bay và vui vẻ bỡn cợt gã phi công và tay cắt bom mới nhẹ dạ trên xe Jeep trên đường quay về phi đoàn, mặc dù gã không nói một lời nào với Yossarian cho đến khi cả bốn người bọn họ trả xong dù và giải tán, và hai người đi bên nhau về dãy lều của mình. Lúc đó gương mặt rám nắng lốm đốm tàn hương Scotland-Ai Len của McWatt chợt nở nụ cười và gã đùa nghịch thụi một nắm tay vào sườn Yossarian như thể đang đấm.

“Đồ chấy rận,” gã phá lên cười. “Anh muốn giết tôi ở trên đó thật đấy à?”

Yossarian nhăn nhở cười hối hận và lắc đầu. “Không, tôi không nghĩ vậy đâu.”

“Tôi đã không nhận ra rằng tình trạng của anh tệ đến vậy đấy. Trời ạ! Sao anh không nói chuyện với ai về vấn đề này đi?”

“Tôi nói với tất cả mọi người rồi. Anh làm sao đấy? Anh chưa nghe thấy tôi nói chuyện này bao giờ à?”

“Chắc là tôi chưa từng thực sự tin anh.”

“Anh chưa từng sợ sao?”

“Có lẽ tôi cũng nên biết sợ.”

“Ngay cả trong các trận đánh cũng không sợ à?”

“Chắc là tôi chưa đủ thông minh.” McWatt bẽn lẽn cười.

“Đã có quá nhiều cách để tôi bị giết rồi,” Yossarian bình luận, “thế mà anh lại còn cố tìm thêm một cách nữa.”

McWatt lại mỉm cười. “Vậy thì, tôi cá là anh đã rất sợ khi tôi vù máy bay qua lều của anh, phỏng?”

“Trò đó làm tôi chết khiếp. Tôi đã bảo anh rồi mà.”

“Tôi tưởng anh than phiền chỉ vì tiếng ồn,” McWatt nhún vai đầu hàng, “ồ thôi được rồi,” gã ngân nga. “Chắc là tôi sẽ phải bỏ trò đó thôi.”

Nhưng McWatt quả là không thể sửa chữa nổi, và dù gã không bao giờ bay vù qua sát nóc lều của Yossarian nữa, thì gã không bao giờ bỏ lỡ cơ hội để cho máy bay sà xuống mà gầm lên một tiếng như sấm tầm thấp hung tợn ngay phía trên bè gỗ hay cái hõm cát hẻo lánh nơi Yossarian chọn để nằm sờ mó y tá Duckett hoặc chơi bài với Nately, Dunbar và Hungry Joe. Yossarian gặp y tá Duckett

gần như mọi buổi chiều khi cả hai cùng rảnh rỗi và đi cùng với cô tới bãi biển ở phía bên kia đụn cát cao tới ngang vai để ngăn cách họ với khu vực mà các binh lính và sĩ quan khác đang tắm truồng. Nately, Dunbar và Hungry Joe cũng hay tới đó. McWatt thỉnh thoảng cũng gia nhập bọn họ, và cả Aarfy nữa, gã này thường xuyên lũn cũn xuất hiện trong bộ quân phục chỉnh tề và không bao giờ cởi bất cứ thứ gì ngoại trừ giày và mũ; Aarfy không bao giờ bơi. Những người khác thì mặc quần bơi để tỏ sự tôn trọng với y tá Duckett, và cũng để tỏ lòng tôn trọng với y tá Cramer, người luôn đi cùng với y tá Duckett và Yossarian tới bãi biển rồi kiêu căng ngồi một mình cách xa họ tới mười thước. Không ai ngoài Aarfy nói đến những người đang nồng nỗng tắm nắng ở bãi biển đằng xa hoặc đang nhảy cầu từ cái bè trắng toát khổng lồ ghép từ những thùng dầu rỗng bập bềnh xa bên ngoài bãi cát phù sa. Y tá Cramer ngồi một mình bởi vì cô đang giận Yossarian và thất vọng với y tá Duckett.

Y tá Sue Ann Duckett khinh miệt Aarfy, và đó là một trong rất nhiều nét quyến rũ chết người của y tá Duckett mà Yossarian thích thú. Y thích cặp chân dài trắng trẻo và bộ mông mẩy mềm mại của y tá Sue Ann Duckett; và y thường quên mất rằng cô khá gầy và mỏng manh từ eo trở lên mà vô tình làm cô đau trong những khoảnh khắc đam mê khi y siết cô quá chặt. Y yêu thái độ phục tùng đầy ngái ngủ của cô khi họ nằm trên bãi biển lúc hoàng hôn. Ở gần cô y cảm thấy khuây khỏa và bình tĩnh trở lại. Y lúc nào cũng khao khát được đụng chạm da thịt cô, để duy trì mối kết giao thể xác. Y thích được dùng ngón tay xoa tròn quanh mắt cá chân cô trong lúc chơi bài với Nately, Dunbar và Hungry Joe, thích được dùng bề mặt móng tay để nhẹ nhàng âu yếm mơn trớn làn da mềm mại trên cặp đùi trắng mịn của cô hoặc là, một cách mơ màng, đẫm nhục cảm, gần như vô

thức, kính cẩn lướt bàn tay sở hữu lên dọc theo gờ xương sống cứng như vỏ sò bên dưới quai áo thun của bộ đồ bơi hai mảnh mà cô luôn mặc để che lấy bộ ngực tí xíu núm dài của mình. Y yêu cái cách y tá Duckett đáp lại y, điềm thản và hãnh diện, cái cảm giác gắn bó với y mà cô luôn tự hào thể hiện ra. Hungry Joe cũng khát khao được mơn trớn y tá Duckett, và đã hơn một lần phải dằn lại vì bị Yossarian quắc mắt nghiêm cấm. Y tá Duckett tán tỉnh Hungry Joe chỉ để giữ cho y luôn thèm khát cô, và cặp mắt tròn màu nâu nhạt của cô lấp lánh láu lỉnh mỗi lần Yossarian thúc mạnh cùi chỏ hoặc dùng nắm đấm để bắt cô thôi cái trò đó đi.

Mấy người đàn ông chơi bài trên một cái khăn, áo lót hoặc một miếng chăn, còn y tá Duckett có nhiệm vụ trộn bài, lưng tựa vào một đụn cát. Khi không trộn bài, cô ngồi đó ngắm vuốt với một chiếc gương bỏ túi nhỏ xíu, chải mascara lên hàng mi cong màu hung đỏ trong một nỗ lực ngốc nghếch hòng kéo dài chúng ra vĩnh viễn. Thỉnh thoảng cô cũng có thể xếp bài ăn gian hoặc để lộ quân bài bằng một cách nào đó mà mãi đến khi chơi được nửa ván mọi người mới biết, khi đó cô phá lên cười, mặt ngời lên vẻ khoái chí hân hoan khi cả bọn phẫn nộ quăng bài xuống và bắt đầu vừa đấm vào chân tay cô vừa gọi cô là đồ này đồ nọ, đoạn cảnh cáo cô đừng có nghịch như vậy nữa. Cô sẽ nói líu lo vớ vẩn trong lúc họ cố tập trung suy nghĩ, và một thứ ánh hồng hoan hỉ cứ ửng lên trên má cô khi họ đấm mạnh hơn vào tay chân cô và bảo cô câm miệng lại. Y tá Duckett thích thú khi được chú ý như vậy và vui vẻ vuốt mái tóc ngắn màu hạt dẻ khi Yossarian và mọi người tập trung nhìn vào cô. Việc biết rằng có rất nhiều đàn ông con trai trần truồng rảnh rỗi đang ở rất gần, ngay phía bên kia những đụn cát mang lại cho cô một cảm giác kỳ lạ vừa ấm áp vừa hạnh phúc trông mong. Cô chỉ cần

nghẩn cổ hoặc kiếm cớ đứng lên là có thể thấy được từ hai mươi tới bốn mươi ông không quần áo đang nằm ườn hoặc đang chơi bóng dưới ánh mặt trời. Cơ thể cô là một thứ quá quen thuộc và không có gì đặc biệt đối với cô tới mức thấy khó hiểu trước cảm giác mê say cuồng khích mà đàn ông có thể tìm được từ nó, trước cái ham muốn mãnh liệt và buồn cười của họ được chạm vào nó, vội vàng vươn tới ấn vào nó, siết chặt nó, cấu véo nó, chà xát nó. Cô không hiểu được ham muốn của Yossarian; nhưng cô sẵn lòng tin lời y về nó.

Vào các buổi tối khi Yossarian thấy thèm muốn thì y lại đưa y tá Duckett ra bãi biển với hai cái chăn và thích làm tình với cô trong khi vẫn gần như mặc đầy đủ quần áo hơn là làm tình với tất cả các cô gái hừng hực trần như nhộng chẳng có ý thức gì về luân lý ở Rome. Họ cũng hay đi tới bãi biển vào buổi đêm nhưng không làm tình, mà chỉ nằm ôm nhau run rẩy trong chăn để xua đi hơi lạnh ẩm ướt từ lồng lộng gió vây quanh. Những đêm tối như mực mỗi lúc một lạnh hơn, những ngôi sao trên trời mỗi ngày một giá băng và thưa thớt. Cái bè gỗ dập dềnh đu đưa trong dải ánh trăng ma quái, và trông nó như thể đang trôi đi. Một dấu hiệu rõ nét về thời tiết giá lạnh đã xuyên qua bầu không khí. Mọi người khi đó mới bắt đầu làm lò sưởi và suốt ngày đến lều của Yossarian để chiêm ngưỡng tay nghề tuyệt vời của Orr. Y tá Duckett phấn khích vô ngần khi thấy Yossarian không thể rời tay khỏi cô khi họ bên nhau, mặc dù cô không cho y thò tay vào trong quần bơi ban ngày khi có người ở gần chứng kiến, ngay cả khi nhân chứng duy nhất chỉ có y tá Cramer ngồi ở phía bên kia đụn cát hếch mũi lên trời bất mãn và giả đò không trông thấy gì.

Y tá Cramer đã thôi nói chuyện với y tá Duckett, bạn thân nhất của cô, vì mối quan hệ của y tá Duckett với Yossarian, nhưng vẫn cùng Duckett đi khắp nơi bởi vì cô ấy từng là bạn thân nhất của cô.

Cô không chấp nhận Yossarian hay bạn bè y. Khi họ đứng dậy đi bơi với y tá Duckett thì y tá Cramer cũng đứng dậy đi bơi, vẫn giữ nguyên khoảng cách mười thước giữa họ, và giữ nguyên thái độ im lặng, lạnh nhạt với họ ngay cả khi ở dưới nước. Khi họ cười đùa và té nước, cô cũng cười đùa và té nước; khi họ lặn, cô cũng lặn; khi họ bơi lên doi cát nằm nghỉ, cô cũng bơi lên doi cát nằm nghỉ. Khi họ về, cô cũng về, dùng khăn của mình để lau khô vai và lại ngồi tách ra một chỗ riêng như cũ, lưng thẳng, một vòng ánh nắng phản chiếu phủ lên mái tóc vàng nhạt của cô như một vầng hào quang. Y tá Cramer luôn sẵn sàng nói chuyện trở lại với y tá Duckett nếu như Duckett biết ăn năn và nhận lỗi. Y tá Duckett thì thích như thế này hơn. Bởi vì trong suốt một thời gian dài, cô vẫn luôn muốn cho y tá Cramer một trận để cô này câm miệng lại.

Y tá Duckett thấy Yossarian thật tuyệt vời và đang cố gắng thay đổi y. Cô thích được nhìn y ngủ những giấc ngắn, mặt úp xuống và cánh tay choàng qua người cô, hoặc khi y chán chường đăm đắm nhìn những con sóng bất tận nhạt nhẽo, hiền hòa nối nhau xô tới như lũ chó con chạy về bờ, nhẹ nhàng phi lên mặt cát một, hai bước rồi thủng thẳng rút đi. Cô thấy bình yên khi y im lặng. Cô biết mình không làm y chán, cô tỉ mẩn tỉa tót hoặc tô sơn móng tay trong lúc y ngủ hoặc suy tư giữa những làn gió chiều ấm áp thảng hoặc lại rộn ràng lướt trên mặt biển. Cô thích được nhìn tấm lưng dài, rộng và vạm vỡ với làn da màu đồng trơn láng của y. Cô thích khiến cho y phát cuồng lên ngay lập tức bằng cách bất chợt ngậm trọn vành tai y và trườn bàn tay đi xuống tận cùng thân trước y. Cô thích khiến y rừng rực và khốn khổ cho đến tận khi trời tối, rồi mới thỏa mãn y. Rồi mới âu yếm hôn y bởi vì cô đã đem lại cho y những gì vui sướng nhất.

Yossarian không bao giờ cô đơn khi ở bên y tá Duckett, bởi vì cô thực sự rất biết cách kiệm lời và chỉ bốc đồng vừa đủ. Y bị ám ảnh và đày đọa bởi đại dương bao la, vô tận. Y rầu rĩ băn khoăn, trong khi y tá Duckett tỉa tót móng tay, về tất cả những người đã chết dưới nước. Chắc chắn là phải có tới hơn một triệu người rồi. Giờ họ đang ở đâu? Lũ sâu bọ nào đã ăn da thịt họ? Y tưởng tượng ra cảm giác bất lực khủng khiếp khi cứ hít vào hàng lít hàng lít nước. Yossarian dõi theo những chiếc thuyền đánh cá nhỏ, những tàu quân sự ngược xuôi chạy ngoài khơi xa và thấy chúng dường như phi thực; đám tàu thuyền ấy chẳng có vẻ gì là đang chở những người đàn ông trưởng thành ở trên boong, đang đi về đâu đó. Y nhìn về phía Elba lạnh lẽo, và mắt y tự động đưa lên tìm kiếm phía trên đầu đám mây trắng xốp hình củ cải nơi Clevinger đã biến mất. Y chăm chú nhìn đường chân trời mờ hơi nước của Ý và nghĩ về Orr. Clevinger và Orr. Họ đã đi đâu? Yossarian từng có một lần đứng trên cầu tàu lúc bình minh mà xem một khúc gỗ tròn bám đầy bùi nhủi theo sóng triều dạt về phía y bất chợt hóa thành khuôn mặt trương phềnh của một người chết đuối; đó là người chết đầu tiên y thấy. Y khát khao sự sống và vươn ra ngấu nghiến vồ lấy và siết chặt da thịt y tá Duckett. Y sợ hãi săm soi tất cả những gì trôi trên mặt nước tìm xem có dấu hiệu kinh khủng nào của Clevinger và Orr không, sẵn sàng đón nhận bất cứ cú sốc kinh hoàng nào ngoại trừ cú sốc mà McWatt mang lại cho y vào một ngày khi chiếc máy bay của gã từ tĩnh lặng xa xăm thình lình gầm gào xuất hiện và ầm ầm hung hăng quần thảo dọc bờ biển, rống lên nhức óc trên cái bè bập bềnh nơi Kid Sampson tóc vàng xanh xao, nhìn từ rất xa cũng thấy hai bên sườn gã trơ hết cả xương, đang loi choi nhảy lên như một chú hề để chạm vào nó đúng vào lúc một cơn gió tình cờ hay một tính toán nhầm

nho nhỏ của trí khôn McWatt đã khiến cho chiếc máy bay với tốc độ kinh hồn đó tụt xuống thấp vừa đủ để một cánh quạt máy bay cắt đôi người gã.

Thậm chí những người không có mặt ở đó cũng nhớ rất rõ những điều gì đã xảy ra sau đó. Có một tiếng *xoẹt!* cực gọn, cực êm lọt qua tiếng rú ầm ĩ áp đảo của động cơ máy bay, và rồi chỉ còn hai cẳng chân xanh xao gầy guộc của Kid Sampson, bằng cách nào đó vẫn dính với nhau bởi đám dây nhợ chỗ hông bị cắt ngang be bét máu, vẫn đứng nguyên trên bè phải đến tròn một phút hay hai rồi mới đổ ngửa ra sau rơi xuống nước trong một tiếng tõm yếu ớt vang vọng rồi lộn ngược xuống hoàn toàn, chỉ còn thấy những ngón chân kỳ cục và lòng bàn chân trắng nhởn của Kid Sampson.

Trên bãi biển, mọi thứ trở nên hỗn loạn. Y tá Cramer đột nhiên xuất hiện như từ trên trời rơi xuống và nức nở khóc dữ dội trên ngực Yossarian trong khi Yossarian ôm lấy vai cô mà dỗ dành. Cánh tay còn lại của y thì đang làm chỗ dựa cho y tá Duckett, cũng đang run rẩy và khóc thút thít, gương mặt dài và nhọn của cô trắng bệch như xác chết. Tất cả mọi người ở trên bãi biển đều thét lên và tháo chạy, đàn ông cũng the thé như đàn bà. Họ cuống cuồng nhốn nháo thu dọn đồ, vội vã rạp người xuống và ngờ vực nhìn từng đợt sóng dịu dàng, cao tới đầu gối đang tung bọt xô bờ như thể sợ sẽ có một bộ phận xấu xí, đỏ máu, ghê tởm nào đó như một lá gan, hoặc một lá phổi có thể bị sóng đánh dạt lên thẳng vào người họ. Những người đang ở dưới nước thì cố thoát ra, trong lúc vội đã quên bơi, mà cứ vừa kêu khóc vừa lội bộ nhưng cứ bị mặt biển nhớt nhát dai dẳng níu chân như gió buốt.

Kid Sampson đã rơi xuống khắp nơi như mưa. Những kẻ phát hiện ra máu thịt gã trên tay chân hoặc người mình đều co rúm trong kinh hoàng khiếp sợ, như thể đang cố rút khỏi làn da ghê tởm của chính họ. Ai nấy đều ì ạch chạy tán loạn, liếc về phía sau bằng những ánh mắt khốn khổ, khiếp hãi, lấp đầy khu rừng thăm thẳm, tối tăm, xào xạc bằng những tiếng hổn hển và khóc kêu ri rỉ. Yossarian điên cuồng lùa cả hai cô nàng đang loạng choạng, lập cập trước mặt y đi, đẩy họ, thúc vào lưng họ để họ khẩn trương lên, sau đó lại phải chửi thề mà phi ngược lại giúp Hungry Joe khi gã vấp phải chăn hay túi máy ảnh mà gã vẫn mang theo và ngã sấp mặt xuống bùn.

Khi trở về phi đoàn thì tất cả đều đã biết chuyện. Lính tráng trong quân phục đàng hoàng cũng đang kêu thét và chạy tán loạn ở đó, không thì lại đứng một chỗ bất động, chôn chân trong kinh sợ, như trung sĩ Knight và bác sĩ Daneeka, rầu rĩ nghển đầu quan sát chiếc máy bay tội lỗi, chao nghiêng, đơn độc, với McWatt bên trong, chầm chậm lượn hết vòng này đến vòng khác và nâng dần độ cao lên.

“Ai đấy?” Yossarian bồn chồn hét lên hỏi bác sĩ Daneeka khi y chạy tới, thở dốc và tập tễnh, cặp mắt u sầu của y bỏng rát một nỗi thống khổ mơ hồ mà dữ dội. “Ai đang ở trong máy bay?”

“McWatt,” trung sĩ Knight nói. “Anh ta đang cho hai phi công mới bay tập. Bác sĩ Daneeka cũng ở trên đó.”

“Tôi ở ngay đây,” bác sĩ Daneeka phản đối, giọng khác lạ và rối loạn, ném cho trung sĩ Knight một cái nhìn đầy lo âu.

“Tại sao anh ta không xuống đây?” Yossarian thốt lên tuyệt vọng. “Sao anh ta cứ bay lên mãi thế?”

“Có lẽ anh ta sợ phải xuống,” trung sĩ Knight trả lời, mắt vẫn không rời khỏi chiếc máy bay cô đơn vẫn đang tiếp tục nâng độ cao của McWatt. “Anh ta biết rằng mình đã gây ra một vụ nghiêm trọng tới mức nào.”

Và McWatt cứ bay cao, bay cao nữa, hướng mũi chiếc máy bay kêu ù ù của gã lên trên theo một đường xoáy trôn ốc chậm rãi, hướng về phía Nam ra tận ngoài khơi xa, trở lại lượn thêm một vòng quanh bãi hạ cánh rồi nhằm phương Bắc bay vào tận rặng đồi đất nâu đỏ. Chẳng mấy chốc gã đã lên tới độ cao một nghìn năm trăm mét. Tiếng động cơ giờ nghe nhỏ như tiếng thì thầm. Một chiếc dù trắng bất chợt mở bung. Một chiếc dù khác mở tiếp sau đó vài phút và rơi xuống, giống như cái đầu tiên, vào giữa khoảng đất trống trên bãi đáp. Trên mặt đất không thấy gì di chuyển. Chiếc máy bay tiếp tục về phía Nam khoảng ba mươi giây nữa, vẫn theo lộ trình đó, giờ đã quen thuộc và có thể đoán được, đoạn McWatt nhấc một bên cánh lên, duyên dáng nghiêng máy bay lượn đi.

“Vẫn còn hai người nữa,” trung sĩ Knight nói. “McWatt và bác sĩ Daneeka.”

“Tôi ở ngay đây mà, trung sĩ Knight,” bác sĩ Daneeka ai oán nói. “Tôi không ở trên máy bay.”

“Tại sao bọn họ không nhảy ra?” trung sĩ Knight hỏi, rên rỉ với chính mình. “Tại sao họ không nhảy ra?”

“Thật vô lý,” bác sĩ Daneeka rầu rĩ nói, cắn môi. “Đúng thật là vô lý.”

Nhưng Yossarian chợt hiểu tại sao McWatt không nhảy ra, và y bèn chạy như điên dọc suốt phi đoàn đuổi theo máy bay của

McWatt, khua tay, hét toáng lên nài nỉ bảo McWatt xuống đi, xuống đi; nhưng dường như chẳng có ai nghe thấy, tất nhiên McWatt cũng không, và một tiếng rên to, tắc nghẹn xé toạc cổ họng Yossarian vang lên khi McWatt trở lại thêm một lần nữa, nghiêng cánh một lần để chào, và kiên quyết, ôi chao, thế đấy, chết tiệt thật, bay thẳng vào một quả núi.

Đại tá Cathcart quá đau buồn vì cái chết của Kid Sampson và McWatt tới mức gã tăng chỉ tiêu bay lên thành sáu mươi lăm.

31 BÀ DANEEKA

Khi đại tá Cathcart biết được tin bác sĩ Daneeka cũng đã chết trên máy bay của McWatt, gã cho tăng chỉ tiêu lên con số bảy mươi.

Người đầu tiên trong phi đoàn phát hiện ra bác sĩ Daneeka đã chết là trung sĩ Towser, trước đó anh ta đã được người ở đài kiểm soát thông báo rằng tên của bác sĩ Daneeka đã được McWatt kê vào danh sách đội bay trước khi cất cánh. Trung sĩ Towser đành gạt nước mắt mà gạch tên bác sĩ Daneeka ra khỏi danh sách nhân sự của phi đoàn. Với cặp môi vẫn còn run run, anh ta đứng dậy và ngập ngừng chậm chạp lê bước ra ngoài để báo tin buồn cho Gus và Wes, kín đáo tránh nói chuyện với chính bác sĩ Daneeka khi lướt qua dáng hình tang thương mảnh khảnh của ông bác sĩ không quân đang ủ rũ ngủ trên chiếc ghế đẩu dưới ánh chiều chạng vạng giữa phòng cần vụ và lều quân y. Tim trung sĩ Towser trĩu nặng; giờ trong tay anh ta đã có những hai người chết - Mudd, xác chết trong lều của Yossarian, kẻ thậm chí còn không có ở đó, và bác sĩ Daneeka, người mới chết trong phi đoàn, người gần như chắc chắn vẫn còn ở đó và như vậy rõ ràng là sẽ còn gây ra cho anh ta một vấn đề hành chính khó nhằn hơn.

Gus và Wes lắng nghe trung sĩ Towser với vẻ ngạc nhiên kìm nén và không nói một lời nào về mất mát của họ với bất cứ ai cho đến

khi chính bác sĩ Daneeka bước vào một tiếng sau đó để đo nhiệt độ lần thứ ba trong ngày và kiểm tra huyết áp. Nhiệt kế chỉ ở mức thấp hơn nửa độ so với thân nhiệt 36 độ vốn đã thấp của ông thường ngày. Bác sĩ Daneeka hốt hoảng. Cái nhìn trân trân, trống rỗng và đờ đẫn của hai trợ lý thậm chí còn khó chịu hơn mọi khi.

"Chết tiệt," ông nhẹ nhàng phê bình với vẻ giận dữ hơn thường lệ, "hai anh sao vậy? Một người lúc nào cũng có thân nhiệt thấp và ngạt mũi như vậy thì không thể ổn được." Bác sĩ Daneeka phì một hơi rầu rĩ và thương thân, rồi chán chường thả bộ sang phía lều quân y tự lấy vài viên aspirin và sulphur để uống và nhỏ Argyrol xuống họng. Gương mặt chán nản trở nên mong manh và cô độc như mặt con chim én, ông nhịp nhàng xoa xoa lên mặt sau cánh tay mình. "Xem giờ tôi đang lạnh tới mức nào đây này. Các anh chắc là không giấu tôi điều gì chứ?"

"Ông đã chết, thưa sếp," một trong hai trợ lý giải thích.

Bác sĩ Daneeka ngẩng vội đầu lên với vẻ kinh ngạc phẫn nộ. "Cái gì cơ?"

"Ông đã chết, thưa sếp," tay trợ lý kia lặp lại. "Có lẽ đó là lý do tại sao lúc nào ông cũng thấy lạnh."

"Đúng vậy, thưa sếp. Có lẽ suốt thời gian qua ông đã chết mà chúng tôi không phát hiện ra."

"Cả hai anh đang nói cái chết tiệt gì vậy?" bác sĩ Daneeka ré lên, chết điếng với cảm giác một thảm họa không thể tránh được đang ập đến.

"Đúng vậy, thưa sếp," một trong hai trợ lý nói. "Các báo cáo đều nói rằng ông đã lên máy bay của McWatt để có thêm giờ bay. Ông

đã không rơi xuống bằng dù, do vậy nhất định ông đã chết khi máy bay nổ.”

“Đúng vậy, thưa sếp,” trợ lý kia nói. “Ông nên mừng vì giờ ông sẽ không còn thân nhiệt nữa.”

Đầu óc bác sĩ Daneeka quay cuồng bối rối. “Cả hai anh đều điên hết rồi à?” ông hỏi gặng. “Tôi sẽ báo cáo toàn bộ vụ bất tuân thượng lệnh này cho trung sĩ Towser.”

“Chính trung sĩ Towser cho chúng tôi biết chuyện này mà,” một trong hai gã, Gus hoặc Wes, lại nói. “Bộ Chiến tranh thậm chí còn đang chuẩn bị báo tin cho vợ ông.”

Bác sĩ Daneeka ré lên một tiếng rồi chạy ra ngoài lều quân y để phản kháng trung sĩ Towser, còn anh ta chỉ né người tránh ông với vẻ ghê tởm và khuyên ông nên tránh mặt tối đa cho đến khi có quyết định về việc thu xếp hài cốt của ông.

“Trời ạ, tôi chắc là ông ấy đã chết thật rồi,” một trong hai trợ lý của ông buồn bã nói, hạ giọng đầy tôn kính. “Tôi sẽ nhớ ông ấy lắm. Ông ấy là một người khá tuyệt, nhỉ?”

“Ừ, chắc chắn rồi,” tay trợ lý còn lại nói giọng tiếc thương. “Nhưng tôi cũng mừng là thằng cha đáng ghét đó đã thăng. Tôi chán phát ốm lên vì lúc nào cũng phải đo huyết áp cho hắn.”

Bà Daneeka, vợ của bác sĩ Daneeka, thì lại chẳng vui mừng chút gì về việc bác sĩ Daneeka ra đi và đã phá tan màn đêm yên bình của khu Staten Island New York bằng những tiếng than khóc rền rĩ khi nhận được điện tín của Bộ Chiến tranh báo tin chồng bà chết trận. Chị em phụ nữ tới an ủi bà, chồng họ gọi điện tới chia buồn với mong muốn sâu kín rằng bà sẽ sớm chuyển nhà đi chỗ khác và tha

cho họ khỏi nghĩa vụ phải liên tục chia sẻ nỗi đau với bà. Người phụ nữ đáng thương này đã hoàn toàn quẫn trí trong suốt gần một tuần liền. Rồi một cách từ từ, anh dũng, bà đã tìm được sức mạnh để suy ngẫm về tương lai ngập ngụa những vấn đề tàn khốc cho chính bà và con cái. Ngay khi bà sắp thúc thủ trước mất mát, thì người đưa thư tới bấm chuông mang theo một tiếng sét ngang tai - một lá thư gửi từ nước ngoài về với chữ ký của chồng bà, cuống quýt giục bà đừng có tin bất cứ tin xấu nào về ông ấy. Bà Daneeka chết lặng. Không thể đọc được ngày ghi trên thư. Chữ viết thì run rẩy và cẩu thả, nhưng văn phong rất giống với chồng bà, giọng văn buồn bã, thương thân cũng rất quen thuộc, mặc dù nó còn thê lương hơn bình thường. Bà Daneeka vui mừng tột độ và nấc lên khóc không sao kìm nén vì nhẹ nhõm và hôn lên tờ thư V-mail[66] mỏng dính nhăn nhúm bẩn thỉu đó một nghìn lần. Bà viết nhanh một bức thư đầy biết ơn cho chồng để gặng hỏi cho tường tận chi tiết và gửi một bức điện tới Bộ Chiến tranh để báo cho họ rằng họ đã nhầm lẫn. Bộ Chiến tranh trả lời đầy cảm động rằng không có nhầm lẫn nào hết và rằng chắc chắn bà là nạn nhân của một kẻ giả mạo tàn ác, thần kinh nào đó trong phi đoàn của chồng bà. Bức thư gửi tới chồng bà bị trả lại nguyên si, và bị đóng một cái dấu ĐÃ CHẾT TRẬN.

Bà Daneeka lại bị biến thành góa phụ một cách tàn nhẫn lần nữa, nhưng lần này nỗi đau của bà đã được xoa dịu đi phần nào nhờ một thông báo đến từ Washington rằng bà là người thụ hưởng duy nhất đối với khoản tiền bảo hiểm 10.000 đô theo chính sách, và bà có thể yêu cầu nhận ngay số tiền này. Việc nhận ra rằng mình và con cái vẫn chưa phải đối mặt với cảnh chết đói ngay tức khắc đã mang lại một nụ cười can đảm trên mặt và đánh dấu một bước ngoặt trong nỗi đau của bà. Ngay ngày hôm sau hội Cựu chiến binh lại gửi thư

thông báo cho bà rằng bà sẽ được nhận lương hưu từ giờ đến cuối đời do có chồng hy sinh, và cả khoản trợ cấp mai táng cho ông ấy là 250 đô. Kèm theo bức thư đó là một tờ séc chính phủ trị giá 250 đô. Dần dần, vững chắc, tương lai của bà đã xán lạn hơn. Một bức thư khác được gửi đến cũng trong tuần đó từ Phòng An sinh Xã hội nói rằng, theo các điều khoản trong luật Bảo hiểm cho người cao tuổi và người thân của binh lính chết trận ban hành năm 1935, bà sẽ nhận được khoản trợ cấp hằng tháng cho bản thân và cho con cái cho tới khi chúng mười tám tuổi, và một khoản trợ cấp mai táng 250 đô. Sử dụng những bức thư của chính phủ làm bằng chứng về cái chết của chồng, bà nộp đơn xin lĩnh ba khoản tiền bảo hiểm nhân mạng mà chồng bà đã mua, mỗi khoản trị giá 50.000 đô, và đơn của bà đã được trân trọng xử lý nhanh chóng. Mỗi ngày lại mang tới cho bà những kho báu mới. Một chìa khóa mở một hòm ký gửi đã đem lại cho bà khoản tiền bảo hiểm thứ tư trị giá 50.000 đô và 18.000 đô tiền mặt chưa từng trả thuế và cũng không cần phải trả. Một hiệp hội mà ông tham gia đã cho bà một khoảnh đất để mai táng. Một tổ chức nữa mà ông là thành viên cũng gửi cho bà khoản trợ cấp mai táng 250 đô. Hiệp hội bác sĩ của hạt cũng cho bà khoản trợ cấp mai táng 250 đô.

Chồng những bà bạn thân nhất của bà đã bắt đầu tán tỉnh bà. Bà Daneeka quá vui trước những gì diễn ra và đã đi nhuộm tóc. Sự giàu có tuyệt vời của bà cứ ngày càng chất ngất, và bà phải tự nhắc bản thân mình mỗi ngày rằng hàng trăm nghìn đô mà bà đang nhận được ấy chẳng hề đáng một xu vì không có chồng bà cùng chia sẻ. Bà kinh ngạc khi có nhiều tổ chức sẵn lòng muốn giúp đỡ việc chôn cất bác sĩ Daneeka đến vậy, trong khi ở tận Pianosa, ông này vẫn

đang phải khốn khổ cố giữ mình khỏi bị đào sâu chôn chặt thật và rầu rĩ tự hỏi tại sao vợ ông không trả lời thư ông viết.

Ông phát hiện ra mình đã bị tẩy chay trong phi đoàn bởi những người nguyền rủa hương hồn ông một cách độc địa vì đã kích thích đại tá Cathcart tăng số trận lên. Những báo cáo xác nhận cái chết của ông nảy nở nhanh như trứng côn trùng và xác thực cho nhau kín kẽ tới mức không ai có thể tranh cãi được. Ông không còn cả lương lẫn khẩu phần và phải nhờ cả vào sự hảo tâm của trung sĩ Towser và Milo, cả hai người này đều biết là ông đã chết. Đại tá Cathcart từ chối gặp ông, còn trung tá Korn chuyển lời qua thiếu tá Danby rằng gã sẽ cho hỏa thiêu bác sĩ Daneeka ngay tại chỗ nếu như ông xuất hiện ở trụ sở liên đoàn. Thiếu tá Danby tiết lộ rằng liên đoàn đang rất giận dữ với tất cả các bác sĩ không quân vì Stubbs, tay bác sĩ luộm thuộm, bù xù, cầm xệ thuộc phi đoàn của Dunbar đã cố tình và ngang ngược bày mưu âm thầm chia rẽ nội bộ chỗ đó bằng cách cho tất cả những người đã bay đủ sáu mươi trận được nghỉ theo đúng thủ tục nhưng đã bị liên đoàn căm phẫn gạt đi bằng lệnh yêu cầu tất cả những phi công, hoa tiêu, người cắt bom và người điều khiển súng máy đó trở lại chiến trường. Nhuệ khí ở đó đang sụt giảm nhanh chóng và Dunbar đang bị giám sát. Liên đoàn rất mừng là bác sĩ Daneeka đã bị giết và không có ý định nhận người thay thế.

Ngay cả cha tuyên úy cũng không thể đưa bác sĩ Daneeka trở lại cuộc sống trong hoàn cảnh này. Sự hoảng hốt chuyển thành cam chịu, và càng ngày bác sĩ Daneeka trông càng giống như một con chuột phiền não. Bọng mắt ông trũng sâu và thâm lại, ông thất thểu lướt qua bóng tối lặng lẽ như một con ma ám quẻ khắp nơi. Ngay cả đại úy Flume cũng rúm người lại khi bác sĩ Daneeka vào rừng tìm gã

nhờ giúp đỡ. Còn Gus và Wes thì nhẫn tâm đuổi ông ra khỏi lều quân y mà thậm chí còn không cho ông dù chỉ một chiếc nhiệt kế để an ủi, và khi ấy, chỉ khi ấy, ông mới nhận ra rằng, xét trên mọi góc cạnh, ông thực sự đã chết, và rằng ông cần phải nhanh chóng làm một điều gì đó nếu như ông muốn cứu lấy bản thân mình.

Chẳng biết trông vào đâu nữa ngoài vợ mình, ông nguệch ngoạc viết một lá thư đầy xúc động xin bà hãy đưa cảnh ngộ tuyệt vọng của ông tới Bộ Chiến tranh và giục bà liên lạc ngay lập tức với chỉ huy liên đoàn, đại tá Cathcart, để được đảm bảo rằng - bất kể bà đã nghe được điều gì - người đang van vỉ với bà đây là chính ông, chồng của bà, bác sĩ Daneeka, chứ không phải là một xác chết hay là một kẻ mạo danh nào khác. Bà Daneeka choáng váng vì chiều sâu của cảm xúc trong lá thư gần như không thể nào đọc được đó. Bà bị giằng xé trong nỗi ăn năn và đã suýt xiêu lòng mà làm theo yêu cầu của ông, nhưng bức thư bà nhận được ngay sau đó cũng chính từ đại tá Cathcart, chỉ huy liên đoàn chồng bà, lại đã viết:

“Kính gửi bà, ông, cô, hoặc kính gửi ông bà Daneeka: Không từ ngữ nào có thể diễn tả được nỗi buồn đau sâu sắc mà cá nhân tôi đã trải qua khi chồng, con, cha, anh hoặc em của quý vị vừa bị giết, bị thương hoặc bị mất tích trong khi làm nhiệm vụ.”

Bà Daneeka cùng con cái chuyển tới sống ở Lansing, Michigan và không để lại địa chỉ mới.

32 NHỮNG BẠN CÙNG LỀU CỦA YO-YO

Yossarian vẫn ấm khi trời trở lạnh và những đám mây hình cá voi là là trôi tới trên bầu trời nhem nhuốc, xám xịt, gần như bất tận, như hàng đàn máy bay ném bom B-17 và B-24 sắt thép, sầm sì, ù ù đến từ những căn cứ không quân tầm xa ở Ý vào cái ngày đổ bộ vào miền Nam nước Pháp hai tháng trước. Tất cả mọi người trong phi đoàn đều biết rằng cặp giò gầy trơ xương của Kid Sampson đã dạt lên bờ cát ướt và nằm đó thối rữa ra như một chạc xương gà cong queo tím ngắt. Chẳng ai ra gom chúng về, Gus không, Wes không, thậm chí cả tay quản lý nhà xác bệnh viện cũng không; tất cả mọi người đều cố tin rằng chân Kid Sampson không hề ở đó, và rằng chúng đã bập bềnh trôi theo thủy triều về phương Nam vĩnh viễn như Clevinger và Orr. Và giờ khi đã xấu trời, gần như chẳng ai còn lẻn ra ngoài một mình mà nhòm qua bụi rậm vào đống mục ruỗng đó như một tên biến thái làm gì.

Không còn nữa những ngày đẹp trời. Không còn nữa những nhiệm vụ dễ xơi. Chỉ có mưa cóng buốt và sương mù giá băng mờ đục, và cách cả tuần trời những người lính mới lại phải bay, mỗi khi trời quang hơn một chút. Gió hú về đêm. Những thân cây cằn cỗi khẳng khiu kẽo kẹt rên rỉ dồn những suy nghĩ của Yossarian, mỗi buổi sáng trước cả khi y tỉnh ngủ hẳn, về với đôi cẳng chân trơ

xương trương phềnh và thối rữa của Kid Sampson, đều đặn chính xác như một cái đồng hồ tích tắc, trong mưa giá và cát ướt suốt những đêm tháng Mười mù mịt, lạnh căm, ào ào gió thổi. Sau đôi chân của Kid Sampson, y lại nghĩ về thằng nhóc Snowden tội nghiệp, rên rỉ, lạnh dần đến chết ở phần đuôi máy bay, giữ kín cái bí mật vĩnh cửu, bất khả đổi thay của mình trong chiếc áo giáp chống đạn cho đến khi Yossarian khử trùng và băng bó xong vết thương ở chân - đó không phải vết thương chí tử - để rồi sau đó bất ngờ để trào nó ra khắp sàn. Đêm đêm khi cố gắng ngủ, Yossarian lại điểm danh tất cả những người đàn ông, đàn bà và trẻ nhỏ y từng quen biết nhưng giờ đã chết. Y cố nhớ lại tất cả những người lính, và y phục sinh hình ảnh của tất cả những người già mà y từng biết hồi nhỏ - tất cả những cô dì chú bác, hàng xóm, ông bà cha mẹ, của y và của tất cả những người khác, cùng tất cả những người bán hàng thảm hại và gian dối vẫn luôn mở những cửa hàng nhỏ bé bụi bặm của họ từ sáng sớm và ngu ngốc làm việc quần quật ở đó đến tận nửa đêm. Tất cả bọn họ cũng đã chết. Số lượng những người chết dường như càng ngày càng tăng. Và quân Đức vẫn còn đang chiến đấu. Chết là tất yếu, y ngờ là vậy, và y bắt đầu sợ rằng mình sắp thua.

Yossarian vẫn thấy ấm khi trời trở lạnh là nhờ chiếc lò sưởi tuyệt diệu của Orr, và lẽ ra y đã có thể sống khá thoải mái trong căn lều ấm áp ấy nếu không có những ký ức về Orr, và không có một lũ bạn cùng phòng nhốn nháo một hôm bỗng tràn vào chiếm cứ, những thành viên của nguyên hai phi đội chiến đấu mà đại tá Cathcart đã xin về - và nhận được luôn trong vòng chưa đầy bốn mươi tám tiếng - để thay thế cho Kid Sampson và McWatt. Khi Yossarian mệt mỏi lê bước vào lều sau một trận đánh và phát hiện ra bọn họ đã ở trong

đó, y chỉ còn biết phản đối bằng cách thở hắt ra một hơi lớn tiếng, thật dài và ai oán.

Bọn họ có bốn người, và đều đang vui vẻ hớn hở giúp nhau dựng giường xếp. Họ tung tăng khắp lều. Ngay khi nhìn thấy họ, Yossarian đã biết là không thể chịu nổi họ. Họ nghịch ngợm, háo hức và hồ hởi, và họ đều đã là bạn của nhau từ bên Mỹ. Họ đơn giản là không thể tưởng tượng nổi.

Họ là những cậu nhóc hai mươi mốt tuổi ồn ào, đầu rỗng và thừa tự tin. Họ đã học đại học và đã đính hôn với những cô gái xinh đẹp, sạch sẽ có ảnh đã được bày lên bệ lò sưởi xi măng của Orr. Họ từng lái xuồng cao tốc và chơi tennis. Họ từng cưỡi ngựa. Một người trong bọn họ từng lên giường với phụ nữ nhiều tuổi hơn. Họ quen biết cùng một loại người ở nhiều nơi trên nước Mỹ và cùng đi học với anh chị em họ của nhau. Họ đã từng nghe tường thuật giải bóng chày World Series và thực lòng quan tâm xem đội bóng bầu dục nào thắng. Họ đần độn nhưng đầy nhuệ khí. Họ mừng rỡ vì chiến tranh đã kéo dài đủ để cho họ biết thế nào là chiến trận. Họ dỡ được một nửa số đồ thì Yossarian tống cổ họ ra ngoài.

Họ đơn giản là không thể chịu đựng nổi, Yossarian cứng rắn giải thích như vậy với trung sĩ Towser, và gã mặt ngựa bủng beo ấy bèn chán nản mà báo cho Yossarian biết rằng y sẽ phải tiếp nhận đám sĩ quan mới. Trung sĩ Towser không được phép yêu cầu liên đoàn cấp thêm một lều cho sáu người nữa trong khi Yossarian vẫn sống một mình trong lều này.

“Tôi đâu có sống một mình trong lều này,” Yossarian sưng sỉa nói. “Có một người chết ở trong này với tôi. Tên anh ta là Mudd.”

“Làm ơn đi sếp,” trung sĩ Towser cầu xin, thở dài mệt mỏi, liếc xéo về phía bốn sĩ quan mới đang nín lặng kinh ngạc lắng nghe ngay ngoài cửa. “Mudd đã bị giết trong trận Orvieto. Anh biết chuyện đó mà. Anh ta bay ngay bên cạnh anh.”

“Vậy thì tại sao anh lại không chuyển đồ của anh ta đi?”

“Bởi vì anh ta thậm chí chưa từng tới đây. Đại úy, làm ơn đừng nói lại chuyện đó nữa. Anh có thể chuyển tới ở cùng với trung úy Nately nếu anh muốn. Tôi thậm chí sẽ điều vài người từ phòng cần vụ tới giúp anh chuyển đồ.”

Nhưng bỏ lều của Orr cũng có nghĩa là bỏ Orr, Orr hẳn sẽ cảm thấy bị hắt hủi và sỉ nhục bởi bốn gã sĩ quan ngớ ngẩn chỉ chờ được chuyển vào này. Thật không công bằng khi những gã trai ồn ào, non choẹt này lại xuất hiện sau khi mọi việc đã xong xuôi và được phép sở hữu cái lều đáng mong ước nhất trên đảo. Nhưng đó là luật, trung sĩ Towser giải thích, và tất cả những gì Yossarian có thể làm là vừa trừng mắt hung tợn xin lỗi họ vừa dọn chỗ cho họ và tình nguyện bóng gió tỏ ý ăn năn suốt trong khi họ xâm nhập không gian riêng tư của y và tự nhiên như ở nhà mình.

Họ là nhóm người đau đầu nhất mà Yossarian từng ở cùng. Lúc nào tinh thần họ cũng phấn chấn. Cái gì cũng khiến họ cười được. Họ đùa cợt gọi y là “Yo-Yo”, họ về nhà lúc nửa đêm khi đã ngà ngà say và làm y thức giấc bằng nỗ lực giữ im lặng vụng về, lóng ngóng, rúc rích cười, rồi oanh tạc y bằng những tiếng reo hò ngu xuẩn của tình ái hữu tốt đẹp, hoan hỉ trong lúc y vừa ngồi dậy vừa chửi bới phàn nàn. Mỗi lần như vậy y chỉ muốn đồ sát cả bọn. Họ gợi cho y nhớ tới lũ cháu của vịt Donald. Họ sợ Yossarian và không ngừng hành hạ y bằng cái kiểu hào phóng lèo nhèo và bằng việc cứ nhằng

nhẵng đòi giúp y những việc nhỏ. Họ khinh suất, trẻ con, dễ thương, ngây thơ, tự phụ, cung kính và ầm ĩ. Họ ngu ngốc và họ chẳng than phiền về điều gì. Họ ngưỡng mộ đại tá Cathcart và họ thấy trung tá Korn thật khôn ngoan. Họ sợ Yossarian nhưng lại chẳng mảy may sợ con số bảy mươi nhiệm vụ của đại tá Cathcart. Họ là bốn thằng nhóc sáng sủa luôn hớn hở, và họ khiến cho Yossarian phát điên. Y không thể khiến cho bọn họ hiểu được rằng y là một kẻ cổ hủ kỳ quặc đã hai mươi tám tuổi, rằng y thuộc thế hệ khác, kỷ nguyên khác, thế giới khác, rằng ba cái trò vui vẻ đã làm y phát chán và thấy chẳng đáng bỏ công, và rằng bọn họ cũng làm cho y phát chán. Y không thể bắt bọn họ câm miệng lại được; bọn họ còn tệ hơn cả đàn bà. Họ không đủ thông minh mà hướng nội và kiềm chế.

Bạn nối khố của họ ở các phi đoàn khác bắt đầu ghé chơi không biết ngượng và sử dụng căn lều làm nơi tụ tập. Thường thì không còn đủ chỗ cho y. Tệ nhất là y không thể đem y tá Duckett về đó ăn nằm nữa. Và giờ khi thời tiết đã quá tệ, y làm gì còn chỗ nào khác để đi! Y không lường trước được quả tai ương này, và y muốn đấm toác đầu mấy gã cùng lều ấy hoặc túm lấy đũng quần hay gáy bọn họ, lần lượt từng đứa một, mà liệng đi, một lần và mãi mãi, vào trong đám cỏ dại ẩm ướt dai nhách mọc quanh năm chỗ giữa bệ đi tiểu gỉ sét với những lỗ nhỏ dưới đáy và nhà xí gỗ thông lồi lõm của phi đoàn sừng sững như một phòng thay đồ bãi biển cách đó không xa.

Nhưng thay vì đấm toác đầu bọn họ, y chỉ giậm bước trong ủng cao su và áo mưa đen mà lặn lội xuyên qua bóng tối mưa phùn để tới mời thượng sĩ White Halfoat chuyển đến ở cùng, những mong xua sạch mấy thằng khốn sạch sẽ cảnh vẻ kia ra khỏi lều bằng những lời đe dọa và thói lỗ mãng của gã. Nhưng thượng sĩ White Halfoat đang thấy lạnh và đã lên kế hoạch nhập viện để chết vì bệnh

viêm phổi. Bản năng mách bảo thượng sĩ White Halfoat rằng sắp đến lúc rồi. Ngực gã đau và gã ho liên tục. Rượu whisky không làm cho gã ấm lên được nữa. Khốn nạn nhất là, đại úy Flume đã trở lại. Đó là một điềm gở chẳng thể lẫn vào đâu.

“Anh ta bắt buộc phải trở về thôi mà,” Yossarian lập luận trong nỗ lực tuyệt vọng nhằm an ủi gã da đỏ rầu rĩ vạm vỡ, khuôn mặt nâu đỏ chắc nịch một thời của gã đã nhanh chóng thoái hóa thành một màu xám xịt xơ xác cằn cỗi như đá vôi. “Anh ta sẽ chết nếu cứ phơi mình ngoài rừng trong thời tiết này.”

“Không, ngay cả điều đó cũng không thể khiến cho thằng cha nhát cáy đó quay lại,” thượng sĩ White Halfoat ương bướng cãi lại. Gã vỗ tay lên trán đầy suy tư bí hiểm. “Không, sếp ạ. Anh ta biết được điều gì đó. Anh ta biết được rằng đã đến lúc tôi chết vì viêm phổi, anh ta biết như vậy đấy. Và đó là lý do tại sao tôi biết thời điểm đó đã đến.”

“Thế bác sĩ Daneeka nói sao?”

“Tôi không được phép nói bất cứ điều gì,” bác sĩ Daneeka sầu muộn nói vọng ra từ trên chiếc ghế đẩu khuất trong góc tối, khuôn mặt thon nhỏ nhẵn nhụi của ông xanh xao dưới ánh nến bập bùng. Mọi thứ như có mùi ẩm mốc. Bóng điện trong lều đã bị cháy từ mấy ngày trước đó, và không ai trong số cả hai người đàn ông gom nổi năng lực mà đi thay. “Tôi không được phép khám bệnh nữa,” bác sĩ Daneeka nói thêm.

“Ông ấy chết rồi mà,” thượng sĩ White Halfoat hả hê, với một tiếng cười hí lên như ngựa quyện trong đờm dãi. “Buồn cười quá.”

“Tôi thậm chí còn không nhận được lương nữa.”

“Buồn cười quá,” thượng sĩ White Halfoat lặp lại. “Suốt thời gian qua ông ấy xúc phạm lá gan của tôi, giờ thì hãy xem điều gì đã xảy đến với ông ấy. Ông ấy đã chết. Bị giết bởi lòng tham của chính mình.”

“Đó không phải là thứ đã giết tôi,” bác sĩ Daneeka nhận xét với giọng nói bình tĩnh và dứt khoát. “Tham lam thì có gì sai. Tất cả chỉ tại gã khốn Stubbs ấy đã kích động đại tá Cathcart và trung tá Korn chống lại tất cả bác sĩ của các phi đoàn. Hắn đã làm nghề y mang tiếng xấu bằng cái trò đứng lên bảo vệ nguyên tắc đạo đức ấy. Nếu không cẩn thận thì sẽ còn bị hiệp hội y khoa của bang hắn tẩy chay và bị cấm hành nghề trong các bệnh viện nữa kìa.”

Yossarian quan sát thượng sĩ White Halfoat cẩn thận rót whisky vào ba chai nước gội đầu rỗng rồi cất kỹ trong túi quân dụng đựng hành lý đang xếp dở.

“Anh có thể ghé vào lều của tôi một chút trên đường tới bệnh viện và đấm cho mỗi gã ở đó một cú vào mũi được không?” y nói to suy nghĩ. “Có những bốn gã, và tụi đó cậy đông mà sắp dồn tôi ra hẳn khỏi lều đến nơi rồi.”

“Anh biết không, chuyện tương tự như vậy từng xảy ra với cả bộ lạc của tôi,” thượng sĩ White Halfoat vui vẻ nhận xét, ngồi xuống giường xếp mà cười khùng khục. “Sao anh không nhờ đại úy Black đuổi bọn nhóc đó đi? Đại úy Black rất thích đuổi mọi người đi.”

Chỉ nghe đến tên đại úy Black là Yossarian đã nhăn nhó, kẻ chuyên bắt nạt những phi công mới mỗi khi họ tới lều quân báo để lấy bản đồ hoặc thông tin. Chỉ nhớ tới đại úy Black thôi cũng khiến cho thái độ của Yossarian với mấy gã bạn cùng phòng trở nên khoan dung và bao bọc. Đâu phải lỗi của họ khi họ trẻ trung và vui

vẻ, y tự nhắc mình trong lúc vung vẩy cái đèn pin xuyên màn đêm về lều. Y ước gì mình cũng được trẻ trung và vui vẻ như vậy. Và cũng đâu phải lỗi của họ khi họ dũng cảm, tự tin và vô tư. Y chỉ cần kiên nhẫn với bọn họ cho tới khi một hoặc hai người bị giết và đám còn lại thì bị thương, và rồi cả bọn sẽ ổn hết thôi. Y thề sẽ khoan dung và rộng lượng hơn, nhưng khi y chui vào trong lều với thái độ thân thiện hơn thì một ngọn lửa lớn chợt bùng lên trong lò sưởi, và y đã hãi hùng thở dốc. *Những khúc củi gỗ bạch dương tuyệt đẹp của Orr đang bốc khói mù mịt!* Mấy gã cùng lều với y đã đốt chúng! Y há hốc miệng nhìn bốn gương mặt vô cảm nóng bừng kia và muốn thét lên chửi rủa. Y muốn túm lấy đầu bọn họ mà nện vào nhau khi họ lớn tiếng reo lên vui vẻ chào y và hào phóng mời y kéo ghế ra ngồi cùng ăn hạt dẻ và khoai tây nướng với họ. Y phải làm sao với họ đây?

Và ngay sáng hôm sau họ đã giải quyết được xác chết trong lều của y! Cứ như không, họ tống thẳng nó đi! Họ đã đem giường xếp và tất cả đồ đạc của gã ra ngoài bụi rậm và đơn giản là vứt chúng ở đó, rồi sau đó họ sải bước trở về, sôi nổi đập tay khen nhau làm tốt. Yossarian sửng sốt trước sức sống và nhiệt huyết quá đỗi của họ, trước năng lực thực tế và trực diện của họ. Chỉ trong vài khoảnh khắc họ đã hăng hái loại bỏ được một vấn đề mà Yossarian và trung sĩ Towser vật lộn mãi không xong trong suốt nhiều tháng qua. Yossarian trở nên cảnh giác - y sợ họ có thể sẽ loại bỏ y cũng nhanh như vậy - và y chạy tới chỗ Hungry Joe, rồi cùng gã chuồn tới Rome một ngày trước khi cô gái điếm của Nately cuối cùng đã có được một giấc ngủ ngon và thức dậy trong yêu thương.

33 CÔ ĐIẾM CỦA NATELY

Ở Rome y nhớ y tá Duckett. Cũng chẳng còn mấy việc để làm sau khi Hungry Joe đã rời đi làm nhiệm vụ đưa thư. Yossarian nhớ y tá Duckett nhiều đến nỗi y phải lùng sục khắp các đường phố tìm Luciana, cô gái có tiếng cười và vết sẹo vô hình mà y chưa bao giờ quên được, hoặc cô điếm lờ đờ, rũ rượi, say bí tỉ mặc nịt vú trắng tí xíu và chiếc áo cánh satin màu cam không cài khuy, có nhẫn đá chạm bẩn thỉu màu cá hồi mà Aarfy đã nhẫn tâm ném đi qua cửa sổ xe của cô. Ôi y thèm khát cả hai cô biết bao! Y đi tìm họ trong vô vọng. Y đã yêu họ sâu sắc, và y biết sẽ chẳng bao giờ gặp lại cả hai. Nỗi tuyệt vọng gặm nhấm y. Những ảo mộng bủa vây y. Y muốn có y tá Duckett mặc nguyên quần áo, chỉ để trần từ cặp giò thon thả cho tới hông. Y nện một cô điếm đứng đường gầy gò ho như cuốc đã vẫy được y ở một ngõ nhỏ giữa các khách sạn, nhưng vụ đó chẳng vui vẻ gì nên y lại vội vã trở về căn hộ dành cho lính để tìm cô giúp việc mập mạp thân thiện mặc quần lót màu vàng chanh, cô này rất hân hoan khi thấy y nhưng cũng chẳng thể làm cho y có hứng. Y lên giường rất sớm và ngủ một mình. Y ngủ dậy trong thất vọng và nện một cô gái xấc xược, thấp lùn và mũm mĩm mà y gặp trong căn hộ sau bữa sáng, nhưng cảm giác cũng chỉ khá hơn trước một chút, y đã đuổi cô đi khi xong việc

và lại lăn ra ngủ. Y ngủ đến tận bữa trưa rồi dậy đi ra ngoài mua quà cho y tá Duckett cùng một chiếc khăn cho cô giúp việc mặc quần lót màu vàng chanh, cô này đã ôm chặt y với vẻ biết ơn dạt dào tới mức chẳng mấy chốc y lại thấy thèm khát y tá Duckett và lại dâm dật chạy đi tìm Luciana. Nhưng y chỉ tìm thấy Aarfy, kẻ đã hạ cánh xuống Rome khi Hungry Joe trở về cùng Dunbar, Nately và Dobbs, cũng là kẻ mà đêm hôm đó đã không chịu cùng bọn họ say xỉn mà đột nhập vào một khách sạn để giải cứu cô gái điếm của Nately khỏi đám sĩ quan cấp cao tuổi trung niên đang giữ cô trong đó vì cô không chịu gọi "chú".

"Tại sao tôi lại phải liều mạng chỉ để cứu cô ta ra?" Aarfy ngạo mạn cao giọng hỏi. "Nhưng đừng bảo Nately rằng tôi đã nói như thế. Cứ bảo cậu ta rằng tôi phái tới một cuộc hẹn với một số anh em chiến hữu rất chi quan trọng."

Đám sĩ quan cấp cao tuổi trung niên sẽ không chịu để cho cô điếm của Nately đi cho đến khi ép được cô gọi là "chú".

"Gọi chú đi em," họ nói với cô.

"Chú," cô nói.

"Không, không. Gọi chú đi em."

"Chú," cô nói.

"Cô ta vẫn không hiểu."

"Em vẫn không hiểu, phỏng? Nếu em muốn gọi chú thì việc em gọi bọn anh là chú thực sự không phải do bọn anh ép buộc. Em không hiểu à? Đừng có gọi chú khi anh bảo em gọi chú chứ. OK? Gọi chú đi."

"Chú," cô nói.

“Không, đừng có gọi chú. Gọi chú đi.”

Cô không gọi chú.

“Tốt!”

“Rất tốt.”

“Đó là bước đầu tiên. Giờ gọi chú đi.”

“Chú,” cô nói.

“Thế không được.”

“Phải, thế cũng không được. Cô ta đúng là không thấy chúng ta có gì ấn tượng cả. Nếu cô ta chẳng quan tâm xem chúng ta có bắt cô ta gọi là chú hay không thì việc bắt cô ta gọi là chú còn vui gì nữa.”

“Phải, có khi cô ta thực sự không quan tâm đấy nhỉ? Em nói ‘chân’ xem nào.”

“Chân.”

“Thấy chưa? Chúng ta làm gì cô ta cũng chẳng quan tâm.

Cô ta không quan tâm tới chúng ta. Bọn anh không có ý nghĩa gì đối với em, có phải không?”

“Chú,” cô nói.

Cô không mảy may thèm quan tâm tới họ, và điều đó khiến cho họ buồn bực kinh khủng. Họ lắc mạnh cô mỗi khi cô ngáp. Cô dường như chẳng thèm quan tâm tới bất cứ điều gì, ngay cả khi họ dọa sẽ ném cô ra ngoài cửa sổ. Họ là một lũ đàn ông suy đồi đạo đức hiếm thấy. Cô chán nản, thờ ơ và thèm ngủ vô cùng. Cô đã làm việc trong suốt hai mươi hai giờ đồng hồ và cô thiểu não vì đám

người này vẫn chưa cho cô rời đi với hai cô đồng nghiệp - có ba cô gái lúc bữa tiệc trác táng này bắt đầu. Cô mơ màng tự hỏi tại sao họ lại muốn cô cười khi họ cười, và tại sao họ lại muốn cô thích khi họ làm tình với cô. Cô thấy tất cả đều rất bí hiểm, và rất chán.

Cô không chắc họ muốn gì ở cô nữa. Mỗi khi cô lim dim gục xuống thì họ lại lay cho cô tỉnh và lại bắt cô gọi “chú”. Mỗi lần cô gọi “chú” thì họ lại thất vọng. Cô tự hỏi “chú” có nghĩa là gì. Cô ngồi trên ghế sofa trong tình trạng lơ mơ, lờ phờ thụ động, miệng há ra, toàn bộ quần áo của cô đang nhàu nhĩ nằm một đống ở góc nhà, tự hỏi không biết họ sẽ còn nồng nỗng ngồi quanh cô và bắt cô gọi chú trong phòng suite tao nhã của khách sạn này bao lâu nữa. Cùng lúc ấy, cô bạn gái cũ của Orr vừa khúc khích cười như điên trước mấy trò hề say khướt của Yossarian và Dunbar vừa dẫn đường cho Nately cùng những thành viên khác của đội giải cứu ô hợp tới đó.

Dunbar bóp mông cô bạn gái cũ của Orr đầy vẻ biết ơn và đẩy cô lại với Yossarian, y đặt cả hai tay lên hông cô mà dồn cô tựa vào khung cửa và dâm dật chui vào trong cô cho đến khi Nately tóm tay y lôi ra khỏi cô và tống y sang phòng đợi màu xanh, nơi Dunbar đã bắt đầu quăng sạch mọi thứ trong tầm mắt xuống sân qua cửa sổ. Dobbs thì đang đập nát đồ đạc bằng một trụ gạt tàn có chân. Một gã trần truồng, lố bịch với vết sẹo mổ cắt ruột thừa đỏ ửng chợt xuất hiện ở cửa và rống lên.

“Chuyện gì đang xảy ra ở đây thế?”

“Ngón chân của ông bẩn thế,” Dunbar nói.

Gã bèn dùng cả hai tay để che hạ bộ và rúm người tránh đi. Dunbar, Dobbs và Hungry Joe cứ tiếp tục vứt mọi thứ có thể ra cửa sổ cùng những tiếng reo hò hú hét inh ỏi đầy sung sướng. Chẳng

mấy chốc họ đã vứt xong mớ quần áo trên mấy cái sofa và hành lý trên sàn, họ đang lục lọi một tủ gỗ tuyết tùng thì cửa vào phòng trong lại mở và một gã trông rất đáng kính từ cổ trở lên hống hách bước tới trên đôi chân trần.

“Này, các anh, dừng ngay lại,” gã gầm lên. “Các anh có biết mình đang làm gì không?”

“Ngón chân của ông bẩn thế,” Dunbar nói với gã.

Gã lại che hạ bộ giống như người đầu tiên và biến mất. Nately đuổi theo gã, nhưng bị vướng phải tay sĩ quan đầu tiên đang lệt sệt trở vào, giữ chặt cái gối che phía trước, như một vũ công múa bóng.

“Này, mấy người các anh!” gã rống lên giận dữ. “Thôi ngay!”

“Thôi ngay,” Dunbar đáp lời.

“Đó là điều tôi đã nói.”

“Đó là điều tôi đã nói,” Dunbar nói.

Tay sĩ quan bực bội giậm chân, chuyển sang xụi lơ vì bất lực. “Anh đang cố tình lặp lại mọi điều tôi nói đấy phỏng?”

“Ông đang cố tình lặp lại mọi điều tôi nói đấy phỏng?”

“Tôi sẽ dần cho anh một trận.” Gã giơ nắm đấm lên.

“Tôi sẽ dần cho ông một trận,” Dunbar lạnh lùng cảnh cáo.

“Ông là gián điệp Đức, tôi sẽ đem ông ra xử bắn.”

“Gián điệp Đức? Tôi là một đại tá Mỹ.”

“Ông trông không giống một đại tá Mỹ. Ông trông giống một gã béo ú với chiếc gối che đằng trước. Nếu ông là một đại tá Mỹ thì quân phục của ông đâu?”

“Các anh vừa vứt hết ra ngoài cửa sổ rồi.”

“Được rồi, các chiến hữu,” Dunbar nói. “Còng tên khốn ngớ ngẩn này lại. Đưa tên khốn ngớ ngẩn này xuống đồn cảnh sát và vứt chìa khóa đi.”

Tay đại tá mặt tái nhợt vì hoảng sợ. “Tất cả các anh điên rồi sao? Quân hàm của các anh đâu? Này anh kia! Quay lại đây!”

Nhưng gã đã lao tới quá chậm nên không chặn được Nately, cậu này đã nhìn thấy cô gái của mình đang ngồi trên sofa trong phòng bên kia và phi qua cửa sau lưng gã. Những người còn lại cũng theo cậu ùa vào giữa đám sếp quân đội đang trần truồng. Hungry Joe phá lên cười như điên khi nhìn thấy họ, kinh ngạc chỉ từ mặt người này sang mặt người khác mà vò đầu bứt tai. Hai gã ngồn ngộn hùng hổ tiến tới cho đến khi họ phát hiện ra vẻ căm ghét và thù địch ở cả Dobbs lẫn Dunbar, và thấy Dobbs vẫn hai tay vung vẩy trụ gạt tàn chân sắt uốn như một cái chùy nặng trịch mà nãy giờ Dobbs vẫn dùng để đập đồ trong phòng chờ. Nately đã tới bên cạnh cô gái của mình. Cô trừng mắt nhìn cậu vài giây mà không nhận ra. Rồi cô mỉm cười yếu ớt và nhắm mắt gục đầu vào vai cậu. Nately sung sướng tột độ; cô chưa từng mỉm cười với cậu bao giờ.

“Filpo,” một gã gầy gò, điềm đạm, trông uể oải, nãy giờ vẫn ngồi nguyên trên ghế bỗng nói. “Anh đã không tuân lệnh. Tôi đã bảo anh đuổi bọn họ ra, anh đi rồi đưa bọn họ vào. Anh không thấy sự khác biệt à?”

“Họ đã ném đồ của chúng ta ra ngoài cửa sổ, thưa đại tướng.”

“Họ giỏi đấy. Cả quân phục của chúng ta à? Rất thông minh. Nếu không có quân phục thì chúng ta sẽ chẳng thể thuyết phục ai rằng

chúng ta là thượng cấp.”

“Ta lấy tên của họ đi, Lou, và…”

“Ôi, Ned, bình tĩnh nào,” gã gầy gò lại nói với vẻ mệt mỏi lão luyện. “Anh có thể rất giỏi trong việc điều động các sư đoàn thiết giáp ra trận, nhưng anh gần như vô dụng trong các tình huống giao tiếp xã hội. Chẳng sớm thì muộn chúng ta sẽ lấy lại được quân phục thôi mà, và khi đó chúng ta sẽ lại là thượng cấp của bọn họ ngay. Mà họ đã vứt sạch quân phục của chúng ta đi thật đấy à? Đó quả là một chiến thuật tuyệt vời.”

“Họ đã ném đi mọi thứ.”

“Cả những thứ trong tủ?”

“Họ đã ném cả cái tủ đó đi, thưa đại tướng. Đó chính là tiếng động mà chúng ta đã nghe thấy khi chúng ta tưởng họ đến để giết chúng ta.”

“Và tiếp theo tồi sẽ ném nốt các ông ra,” Dunbar đe dọa.

Viên tướng hơi tái mặt. “Anh ta điên tiết như thế là tại cái quỷ gì vậy?” gã hỏi Yossarian.

“Anh ta nói thật đấy,” Yossarian nói. “Các ông nên để cho cô gái đi đi.”

“Trời ạ, đem cô ta đi luôn đi,” viên tướng thốt lên nhẹ nhõm. “Tất cả những gì cô ta làm chỉ là khiến cho bọn tôi bất an. Ít nhất với cả trăm đô la bọn tôi đã trả cho cô ta thì cô ta cũng phải tỏ thái độ không thích hoặc căm thù bọn tôi chứ. Nhưng cô ta còn không chịu làm thế. Anh bạn trẻ đẹp trai của anh ở kia dường như rất gắn bó với cô ta. Cứ xem cái cách mà anh ta nấn ná ngón tay bên trong đùi cô ta trong lúc vờ kéo tất cô ta lên thì biết.”

Nately, bị bắt quả tang, đỏ mặt lên xấu hổ và đẩy nhanh các bước mặc nốt quần áo cho cô. Cô đang ngủ rất say và thở đều đặn tới mức như thể cô đang ngáy.

"Mình tấn công cô ta ngay đi, Lou!" một sĩ quan khác giục. "Chúng ta đã có thêm người, và chúng ta có thể bao vây…"

"Ồ không, Bill," viên tướng thở dài. "Anh có thể là một thầy phù thủy trong việc chỉ huy một thế trận gọng kìm trong thời tiết tốt ở địa hình bằng phẳng khi quân địch đã sử dụng hết lực lượng dự phòng, nhưng ở chỗ khác thì không phải lúc nào anh cũng suy nghĩ được mạch lạc như vậy. Chúng ta muốn giữ cô ta để làm gì?"

"Đại tướng, chúng ta đang ở một vị thế bất lợi về mặt chiến lược. Chúng ta đang không có một mảnh vải che thân, và sẽ rất mất thể diện và xấu hổ cho người nào phải xuống gác rồi đi qua sảnh để lấy quần áo lên."

"Đúng rồi, Filpo, anh nói rất đúng," viên tướng nói. "Đó cũng chính là lý do tại sao anh sẽ là người làm việc đó. Đi luôn đi."

"Trần truồng như này ư, thưa sếp?"

"Đem theo gối nếu anh muốn. Và khi nào xuống gác lấy quần và đồ lót cho tôi thì lấy thêm ít thuốc lá nữa nhé."

"Tôi sẽ đem mọi thứ lên cho ông," Yossarian đề nghị.

"Đó, thưa đại tướng," Filpo thở phào. "Giờ thì tôi sẽ không phải đi nữa."

"Filpo, anh thật ngu đần. Anh không thấy là anh ta đang nói dối sao?"

"Anh đang nói dối ư?"

Yossarian gật đầu, và niềm tin của Filpo tan nát. Yossarian cười phá lên, đoạn giúp Nately dắt cô gái của cậu ra hành lang vào thang máy. Cô mỉm cười như thể đang mơ một giấc mơ ngọt ngào trong khi cô vẫn ngủ tựa đầu lên vai Nately. Dobbs và Dunbar chạy ra ngoài phố bắt một chiếc taxi.

Cô điếm của Nately ngước mắt nhìn lên khi bọn họ xuống xe. Cô nuốt khan vài lần trong suốt chặng đường gian khổ leo cầu thang lên căn hộ của mình, nhưng khi Nately cởi đồ cho cô và đưa cô lên giường thì cô đã lại ngủ rất say. Cô ngủ suốt mười tám tiếng đồng hồ, trong khi Nately phải phi khắp căn hộ suốt buổi sáng hôm sau để suỵt bất cứ ai cậu thấy trong tầm mắt, và khi cô tỉnh dậy thì cô đã yêu cậu say đắm. Phân tích cho cùng thì đó là tất cả những gì cần để giành được trái tim cô - một giấc ngủ ngon.

Cô gái mỉm cười hài lòng khi mở mắt ra và nhìn thấy cậu, và rồi, uể oải duỗi cặp chân dài ra dưới lớp chăn sột soạt, ra hiệu cho Nately vào giường nằm bên cô với vẻ ngớ ngẩn ngây ngốc của một phụ nữ đang ham muốn. Nately tiến về phía cô trong mê man hạnh phúc, choáng ngợp trong say mê tới mức hầu như chẳng bận tâm khi con bé em gái cô lại phá đám tiếp bằng cách nhảy vào phòng, quăng mình lên giường nằm giữa bọn họ. Cô điếm của Nately tát và chửi mắng nó, nhưng lần này là với tiếng cười yêu thương độ lượng, còn Nately đĩnh đạc mãn nguyện mỗi tay vòng ôm lấy một người, cảm thấy mình thật mạnh mẽ và bảo bọc được người khác. Bọn họ sẽ tạo thành một gia đình tuyệt vời, cậu quả quyết. Đứa em sẽ đi học đại học khi đủ tuổi, trường Smith, Radcliffe hay Bryn Mawr - cậu có thể nhìn thấy điều đó. Nately nhảy ra khỏi giường vài phút sau đó để cao giọng thông báo tin mừng cho bạn bè. Cậu hân hoan gọi bọn họ tới phòng để rồi đóng sập cửa ngay trước mặt họ ngay

khi họ tới. Lúc ấy cậu mới nhớ ra cô gái của mình vẫn chưa mặc quần áo.

“Mặc đồ vào đi em,” cậu ra lệnh cho cô, tự chúc mừng bản thân vì đã kịp cảnh giác.

“*Perchè?*” cô tò mò hỏi.

“*Perchè* à?” cậu hỏi lại, khẽ bật cười khoan dung. “bởi vì anh không muốn họ nhìn thấy em không mặc quần áo.”

“*Perchè* không?” cô hỏi.

“*Perchè không* à?” cậu kinh ngạc nhìn cô. “Bởi vì sẽ là không phải nếu như có người đàn ông khác nhìn thấy em trần truồng, đó là lý do tại sao.”

“*Perchè* không?”

“Bởi vì anh bảo là không!” Nately thét lên trong tuyệt vọng. “Giờ thì đừng có cãi anh nữa. Anh là đàn ông và em sẽ phải làm bất cứ gì anh nói. Từ giờ trở đi, anh cấm em ra khỏi phòng này nếu như chưa mặc đầy đủ quần áo. Đã rõ chưa?”

Cô điếm của Nately nhìn cậu như thể cậu đang bị điên. “Anh điên à? *Che succede*?”

“Anh không nói đùa một chữ nào đâu.”

“*Tu sei pazzo!*” cô phẫn nộ hét lên với cậu, và nhảy bật ra khỏi giường. Miệng làu bàu gì đó không rõ, cô chộp lấy quần lót và sải bước ra cửa.

Nately đứng thẳng dậy với đầy vẻ quyền uy nam tính. “Anh cấm em ra khỏi phòng như thế,” cậu báo cho cô biết.

"*Tu sei pazzo!*" cô phản kích cậu, lắc đầu không muốn tin. "*Idiota! Tu sei un pazzo imbecille!*"

"*Tu sei pazzo*," đứa em gái gầy guộc cũng nói, theo chị đi ra ngoài cũng với những bước chân ngạo mạn như thế.

"Em quay lại đây," Nately ra lệnh cho con bé. "Anh cũng cấm em đi ra ngoài như vậy!"

"*Idiota!*" đứa em gái ngoái lại đàng hoàng mắng cậu như vậy sau khi đã hối hả đi qua. "*Tu sei un pazzo imbecille*."

Nately tức đến phát rồ trong cảm giác bất lực quẫn trí suốt vài giây đồng hồ và rồi phóng hết tốc lực ra ngoài phòng chờ để cấm bạn bè nhìn bạn gái mình trong lúc cô vẫn đang kể lể than phiền về chính cậu với độc một chiếc quần lót che thân.

"Tại sao lại không?" Dunbar hỏi.

"Tại sao lại không ư?" Nately thốt lên. "Bởi vì cô ấy giờ đã là bạn gái của tôi, và sẽ thật không phải nếu như các anh nhìn cô ấy trừ phi cô ấy mặc đầy đủ quần áo."

"Tại sao lại không?" Dunbar hỏi.

"Anh thấy chưa?" cô gái của Nately nhún vai nói. "*Lui è pazzo!*"[(67)]

"*Si, è molto pazzo,*"[(68)] đứa em gái hùa theo.

"Vậy thì hãy bắt cô ấy mặc quần áo vào nếu như cậu không muốn chúng tôi nhìn thấy cô ấy như vậy," Hungry Joe cãi. "Cậu muốn cái quái gì ở chúng tôi đây?"

"Cô ấy không chịu nghe lời tôi," Nately bẽn lẽn thú nhận. "Do vậy từ giờ trở đi tất cả các anh phải nhắm mắt lại hoặc nhìn đi chỗ khác khi cô ấy đi tới như thế này, được không?"

“*Madonn’!*”[69] cô gái của cậu điên tiết hét lên và giậm chân bước ra khỏi phòng.

“*Madonn’!*” đứa em gái cũng hét lên và giậm chân bước ra theo chị.

“*Lui è pazzo*,” Yossarian nhận xét đầy thiện ý. “Hiển nhiên là tôi cũng phải thừa nhận điều đó.”

“Này, cậu bị điên à hay làm sao?” Hungry Joe chất vấn Nately. “Thế này thì chả mấy chốc cậu sẽ cố bắt cô ấy bỏ nghề mất thôi.”

“Từ giờ trở đi,” Nately nói với cô gái của mình, “anh cấm em ra ngoài kiếm tiền nữa.”

“*Perchè?*” cô tò mò hỏi.

“*Perchè?*” cậu hét lên kinh ngạc. “Bởi vì như thế không hay, đó là lý do!”

“*Perchè* không?”

“Bởi vì đơn giản là không hay!” Nately khăng khăng. “Việc một cô gái xinh xắn như em phải đi tìm những người đàn ông khác để lên giường với họ đơn giản là không đúng đắn một chút nào. Anh sẽ cho em toàn bộ tiền mà em cần, do vậy em sẽ không cần phải làm chuyện đó nữa.”

“Vậy thì suốt cả ngày em sẽ làm gì đây?”

“Làm ư?” Nately nói. “Em sẽ làm những gì mà tất cả bạn bè của em đang làm.”

“Bạn bè của em đều đi tìm những người đàn ông khác để lên giường với họ.”

“Vậy thì hãy kiếm những người bạn khác! Đằng nào thì anh cũng chẳng muốn em giao du với mấy cô gái như thế. Mãi dâm là xấu! Ai cũng biết điều đó, kể cả ông ta.” Cậu tự tin quay sang phía lão già lịch duyệt đang ngồi đó. “Tôi nói vậy có đúng không?”

“Anh sai rồi,” lão già trả lời. “Mãi dâm đã cho cô ấy cơ hội gặp mọi người. Nó đem lại không khí trong lành và sự vận động lành mạnh, và nó còn giúp cô ấy tránh được nhiều rắc rối.”

“Từ giờ trở đi,” Nately nghiêm nghị tuyên bố với bạn gái của cậu, “anh cấm em dính líu gì tới lão già đồi bại đó.”

“*Va fongul!*”[(70)] cô gái của cậu đáp lời, ngước cặp mắt bối rối lên trên trần nhà. “Anh ta muốn gì ở tôi vậy?” cô gái cầu khẩn, dứ dứ hai nắm đấm. “*Lasciami!*”[(71)] cô nói với cậu, vừa năn nỉ vừa hăm dọa. “*Stupido!* Nếu anh nghĩ bạn bè em xấu tới vậy thì hãy đi mà bảo bạn anh đừng có lúc nào cũng tới mà phang với phịch họ nữa!”

“Từ giờ trở đi,” Nately nói với bạn bè, “tôi nghĩ rằng các anh phải thôi chơi bời với bạn của cô ấy và đĩnh đạc lại đi.”

“*Madonn’!*” bạn bè của cậu kêu lên, ngước những cặp mắt đầy bối rối của họ lên trần nhà.

Rõ ràng là Nately đã mất trí. Cậu muốn tất cả bọn họ phải có người yêu ngay lập tức và phải tổ chức đám cưới luôn. Dunbar có thể cưới cô điếm của Orr, còn Yossarian có thể yêu y tá Duckett hay bất cứ ai mà y thích. Sau chiến tranh tất cả bọn họ có thể đến làm việc cho cha của Nately và nuôi dạy con cái ở cùng một khu ngoại ô. Nately hình dung ra mọi thứ thật rõ ràng. Tình yêu đã biến cậu thành một thằng ngốc lãng mạn, và đến khi cậu tiếp tục cãi vã với bạn gái về vụ đại úy Black thì họ đành tống cả hai trở lại phòng ngủ. Cô

đồng ý không lên giường với đại úy Black nữa và không cho gã tiền của Nately nữa, nhưng cô không chịu nhượng bộ một ly về tình bạn của cô với lão già xấu xí, cóc cáy, phóng đãng, đầu óc thô tục đó, kẻ đã chứng kiến toàn bộ mối tình bừng nở của Nately với sự nhạo báng đầy xúc phạm và không chịu thừa nhận rằng Quốc hội Mỹ là cơ quan lập pháp vĩ đại nhất thế giới.

"Từ giờ trở đi," Nately đanh thép ra lệnh cho bạn gái, "anh cấm tiệt em, chỉ nói chuyện với lão già ghê tởm đó cũng không được."

"Lại chuyện ông già đó ư?" cô rền rĩ kêu lên vì không hiểu gì cả. "*Perchè* không?"

"Lão ta không thích Hạ viện."

"*Mamma mia!* Anh bị sao vậy?"

"*È pazzo*," đứa em gái thản nhiên nhận xét. "Anh ta bị thế đấy."

"*Si*," cô chị đồng ý ngay lập tức, dùng cả hai tay bứt mái tóc nâu dài. "*Lui è pazzo*."

Nhưng cô lại nhớ Nately khi cậu không có ở đó và điên tiết với Yossarian khi y dồn hết sức đấm vào mặt Nately khiến cho cậu phải nhập viện với cái mũi gãy.

34 LỄ TẠ ƠN

Thực ra là tại trung sĩ Knight mà Yossarian đấm vỡ mũi Nately trong ngày Tạ ơn, sau khi tất cả mọi người trong phi đoàn đã khúm núm cảm ơn Milo vì đã cho mọi người ăn một bữa thịnh soạn hoành tráng đủ cho cả sĩ quan lẫn binh lính ngốn ngấu tọng suốt cả chiều và vì đã thoải mái phân phát một lượng nhiều không kể xiết rượu whisky rẻ tiền nguyên chai cho bất cứ ai hỏi xin. Chưa đến tối mà những gã lính đã bợt bạt cả mặt mà nôn tóe khắp nơi và say quắc cần câu lăn quay ra đất. Không khí bốc mùi. Những người khác thì càng uống càng bốc, và buổi lễ kỷ niệm không có mục đích và hỗn loạn đó vẫn tiếp diễn. Đó là một buổi ăn uống trác táng thô tục, bạo liệt, ngỗ ngược trào qua rừng lan tới câu lạc bộ sĩ quan và tràn lên đồi tới tận bệnh viện và những ụ súng phòng không. Có xảy ra một số vụ choảng nhau ở trong phi đoàn và một vụ đâm nhau bằng dao. Hạ sĩ Kolodny tự bắn xuyên chân trong lều quân báo khi đang nghịch một khẩu súng đã nạp đạn, và khi nằm trong chiếc xe cứu thương phóng đi vun vút, máu vẫn phụt ra xối xả từ vết thương, gã được bôi thuốc tím vào ngón chân và lợi. Những người bị đứt tay, vỡ đầu, đau dạ dày hay vỡ mắt cá rầu rĩ lê lết tới lều quân y cũng được Gus và Wes bôi thuốc tím vào ngón chân và lợi, rồi được cấp thuốc nhuận tràng chỉ để vứt vào bụi rậm. Lễ kỷ niệm vui vẻ này kéo dài suốt đêm, sự tĩnh lặng thường xuyên bị phá vỡ bởi những tiếng la dữ dội, hoan hỉ và bởi tiếng kêu của những

người đang sướng vui hoặc ốm yếu. Liên tục có tiếng nôn ọe và rên rỉ, tiếng cười, chào hỏi, đe dọa và chửi thề, và tiếng chai vỡ khi va vào đá. Tiếng những bài hát thô tục văng vẳng từ xa. Còn tệ hơn cả đêm giao thừa.

Yossarian đi ngủ sớm cho lành và chẳng mấy chốc đã mơ thấy mình đang cắm đầu chạy trốn xuống một cầu thang gỗ bất tận, gót giày nện ầm ầm chát chúa. Rồi y lơ mơ tỉnh dậy và nhận thấy có ai đó đang chĩa súng máy vào y. Một tiếng nức nở đau đớn và kinh hoàng thoát ra từ cổ họng y. Ý nghĩ đầu tiên của y là Milo lại đang tấn công phi đoàn, và y lăn ra khỏi giường xếp xuống sàn rồi cuộn tròn người run rẩy nằm đó cầu nguyện, tim đập thình thịch như một máy rập khuôn, người y vã mồ hôi lạnh đầm đìa như tắm. Không có tiếng máy bay. Một tiếng cười hạnh phúc và say khướt vẳng tới từ xa. "Chúc mừng năm mới, chúc mừng năm mới!" một giọng nói quen thuộc hoan hỉ vang lên từ trên cao xen giữa những chùm đạn súng máy, và Yossarian hiểu ra rằng ai đó đã định trêu đùa mà leo lên một trong những ụ súng máy bằng những túi cát Milo dựng lên trên đồi sau trận đột kích vào phi đoàn và cử người của gã lên đó trông coi.

Yossarian điên tiết và căm hận muốn bốc khói khi y thấy mình là nạn nhân của một trò đùa vô trách nhiệm đã hủy hoại giấc ngủ của y và biến y thành một đống run rẩy thút thít. Y muốn chém giết, y muốn giết người. Y giận dữ hơn bao giờ hết, thậm chí còn hơn cả khi y vòng tay siết cổ McWatt. Súng máy lại khai hỏa. Lại những tiếng ré "Chúc mừng năm mới!" và tiếng cười hể hả tràn xuống từ đỉnh đồi qua đêm tối như một khúc hoan ca của phù thủy, xỏ giày lười, vẫn nguyên bộ áo liền quần, Yossarian phóng ra khỏi lều đi báo thù với khẩu súng lục .45, nạp đạn vào báng và rồi giật khóa nòng

lên đạn rầm rầm. Y gạt chốt an toàn và sẵn sàng bắn. Y nghe tiếng Nately đuổi theo gọi tên y để ngăn y lại. Súng máy nổ thêm một lần nữa từ một ụ súng đen bên trên bãi đỗ xe, và luồng đạn lửa màu cam xẹt qua các mái lều phủ bóng tối như những dấu gạch ngang tầm thấp vun vút lướt đi, gần như phạt rời phần chóp. Những tràng cười thô thiển lại rống lên xen giữa những lần đạn nổ gần như liên tiếp. Yossarian cảm thấy nỗi oán giận sôi lên như a xít bên trong; họ đang đe dọa mạng sống của y, lũ khốn ấy! Trong thịnh nộ và quyết tâm điên cuồng, mù quáng, y phi ngang qua phi đoàn qua bãi đỗ xe, nhanh hết mức có thể, và khi y đang nện gót rầm rập chạy lên đồi dọc theo một lối hẹp ngoằn ngoèo thì rốt cuộc Nately cũng đuổi kịp, miệng vẫn gọi “Yo-Yo! Yo-Yo!” đầy nài nỉ lo âu và van xin y dừng lại. Cậu chộp lấy vai Yossarian và cố giữ y lại. Yossarian vặn người thoát ra và quay lại. Nately tiếp tục với tới và Yossarian đấm thẳng vào khuôn mặt trẻ trung thanh tú của Nately mạnh hết mức có thể, chửi rủa cậu, và còn vung tay toan đấm nữa, nhưng Nately đã sụp xuống khỏi tầm mắt y mà rên rỉ, nằm cuộn tròn dưới đất, hai tay ôm lấy đầu, máu chảy trào ra qua các kẽ ngón tay. Yossarian quay phắt đi và tiếp tục lao lên mà không ngoảnh đầu nhìn lại.

Trong chốc lát y đã nhìn thấy khẩu súng máy. Hai bóng người nhảy lên khi nghe tiếng y và chuồn vào trong bóng đêm với tiếng cười chế giễu trước khi y kịp tới đó. Y đã tới quá muộn. Tiếng chân họ xa dần, bỏ lại vòng tròn bao cát trống trải và im lìm dưới ánh trăng thanh tịnh. Y chán nản nhìn quanh. Tiếng cười chế nhạo lại vọng tới, từ rất xa. Tiếng một nhành cây khẽ gãy gần đó. Yossarian quỳ sụp xuống, rùng mình hồi hộp và giương súng lên ngắm. Y nghe tiếng lá cây xào xạc ở phía bên kia những bao cát và bắn nhanh hai phát. Ai đó bắn trả lại y, và y đã nhận ra.

“Dunbar phải không?” y lớn tiếng.

“Yossarian à?”

Hai người ra khỏi chỗ nấp và bước tới gặp nhau ở khoảng đất trống đầy vẻ thất vọng, súng chĩa xuống đất. Cả hai đều đang hơi run vì không khí lạnh và thở phì phò vì mệt sau khi chạy một mạch lên đồi.

“Lũ khốn,” Yossarian nói. “Chúng đã chạy thoát.”

“Chúng làm tôi tổn thọ phải đến cả chục năm,” Dunbar thốt lên. “Tôi cứ tưởng thằng chó đẻ Milo lại ném bom chúng ta. Tôi chưa bao giờ sợ đến vậy. Giá mà tôi biết được bọn khốn đó là những đứa nào.”

“Một trong số đó là trung sĩ Knight.”

“Mình đi giết gã đi.” Răng Dunbar va vào nhau lập cập.

“Gã không có quyền làm cho chúng ta sợ tới vậy.”

Yossarian đã không còn muốn giết bất cứ ai nữa. “Trước hết hãy giúp Nately đã. Hình như tôi đã làm cậu ta bị thương ở dưới chân đồi.”

Nhưng suốt dọc đường xuống vẫn không thấy bóng dáng Nately đâu, mặc dù Yossarian đã định vị được chỗ xảy ra chuyện nhờ vết máu dây trên đá. Nately cũng không ở trong lều, và họ không gặp được cậu cho đến tận sáng hôm sau khi họ nhập viện với tư cách bệnh nhân sau khi họ biết được cậu đã nhập viện vì gãy mũi vào đêm hôm trước. Nately tươi cười trong ngạc nhiên sợ hãi khi họ chân dép lê người khoác áo choàng bệnh viện theo sau y tá Cramer bước vào phòng và được phân giường bệnh. Mũi Nately bị bó bột

thành một khối to đùng, và hai mắt thâm tím. Cậu cứ luống cuống đỏ mặt ngượng ngùng xấu hổ và nói xin lỗi khi Yossarian tới xin lỗi vì đã đánh cậu. Yossarian thấy áy náy khủng khiếp; y gần như không thể chịu được khi nhìn vào diện mạo thảm thương của Nately, mặc dù trông cậu buồn cười tới mức y phải nhịn để không phá lên cười hô hố. Dunbar thì kinh tởm sự ủy mị của cả hai, và ba người bọn họ đều nhẹ cả người khi Hungry Joe đột ngột sấn sổ bước vào với chiếc máy ảnh màu đen rắc rối của gã và những triệu chứng giả của bệnh viêm ruột thừa để được ở gần Yossarian tới mức có thể chụp được cảnh y đang sờ soạng y tá Duckett. Cũng như Yossarian, gã đã sớm phải thất vọng. Y tá Duckett đã quyết định cưới một bác sĩ - bất cứ bác sĩ nào, bởi vì tất cả bọn họ đều kiếm được nhiều tiền - và không dại để xảy ra điều gì khi đang ở gần người mà rất có thể sau này sẽ trở thành chồng cô. Hungry Joe cay cú khôn nguôi cho đến khi cha tuyên úy - trong số bao nhiêu người lại là tay này - được dẫn vào với bộ áo choàng tắm nhung kẻ màu nâu sẫm, rạng rỡ như một ngọn hải đăng trơ xương với một nụ cười toe chói lóa tự mãn dữ dội tới mức bất khả che giấu. Cha tuyên úy đã nhập viện vì một cơn đau tim mà đám bác sĩ cho rằng đó là tại khí ga trong dạ dày cộng thêm bệnh zona Wisconsin biến chứng nặng.

“Zona Wisconsin là quái gì vậy?” Yossarian hỏi.

“Đó cũng chính là điều các bác sĩ muốn biết!” cha tuyên úy tự hào buột miệng, đoạn phá lên cười. Chưa ai thấy gã bông đùa, hay vui vẻ tới vậy. “Không có cái gì gọi là bệnh zona Wisconsin cả. Các anh không hiểu sao? Tôi bịa ra đấy. Tôi đã thỏa thuận với các bác sĩ. Tôi hứa sẽ báo cho họ khi nào tôi khỏi bệnh zona Wisconsin ấy, nếu họ hứa sẽ không làm gì để chữa nó. Trước đây tôi chưa từng nói dối đâu. Như vậy mới tuyệt làm sao, nhỉ?”

Cha tuyên úy đã mắc tội, và thấy như vậy thật hay. Lương tri bảo với gã rằng nói dối và trốn nhiệm vụ là tội lỗi. Mặt khác, ai cũng biết tội lỗi là xấu xa, và rằng chẳng có gì tốt đến từ điều xấu cả. Nhưng gã thực sự cảm thấy rất hay; gã cảm thấy đích thực là tuyệt vời. Do đó, xét theo logic thì nói dối và trốn việc không thể là tội lỗi. Cha tuyên úy đã luyện được, trong một khoảnh khắc siêu phàm của trực giác, kỹ năng tiện dụng là hợp lý hóa mọi thứ để bảo vệ bản thân, và phát hiện ấy khiến gã vô cùng hoan hỉ. Thật là diệu kỳ. Gã mới nhận ra rằng gần như không cần có chút mưu mẹo nào cũng có thể biến sự đồi bại thành đức hạnh, lời vu khống thành sự thật, bất lực thành tiết chế, tự mãn thành khiêm nhường, cướp bóc thành làm từ thiện, trộm cắp thành vinh quang, báng bổ thành thông thái, tàn bạo thành yêu nước và tàn ác thành công lý. Ai cũng có thể làm được; mà chẳng cần gì đến đầu óc. Cũng không cần có cá tính. Với vẻ hoạt bát sôi nổi, cha tuyên úy đã điểm qua toàn bộ những điều phi đạo đức theo quan điểm chính thống, trong khi Nately đã ngồi dậy trên giường, mặt đỏ bừng vì hân hoan, sửng sốt trước sự xuất hiện của đám đông bọn điên rồ đang vây quanh cậu. Cậu cảm thấy vừa tự hào vừa sợ hãi, chắc mẩm rằng chẳng mấy chốc nữa sẽ có vài sĩ quan nghiêm khắc hiện ra tống cổ cả đám đi như một lũ vô công rồi nghề. Nhưng không có ai làm phiền họ gì cả. Đến tối cả bọn bèn khoái chí diễu ra ngoài để xem một bộ phim màu Hollywood phóng túng rẻ tiền, và khi bọn họ khoái chí diễu trở về sau buổi xem phim Hollywood phóng túng rẻ tiền ấy thì lại thấy gã lính trắng xóa ở đó, và Dunbar thét lên hoảng loạn.

“Anh ta đã trở lại!” Dunbar thét lên. “Anh ta đã trở lại! Anh ta đã trở lại!” Yossarian chết cứng tại chỗ, đờ người bởi cả tiếng ré kỳ quái của Dunbar lẫn bởi cảnh quen thuộc, trắng xóa, bệnh hoạn

trước mắt: một binh sĩ kín mít từ đầu đến chân toàn băng với bột. Một âm thanh kỳ lạ, run rẩy chợt lúng búng bung ra từ cổ họng Yossarian.

“Anh ta đã trở lại!” Dunbar lại thét lên.

“Anh ta đã trở lại!” một bệnh nhân khác đang mê sảng vì sốt cũng tự động kinh hoàng thét lên theo.

Ngay lập tức tất cả phòng bệnh loạn lên thành một trại tâm thần. Đám đông hỗn tạp những thương bệnh binh bắt đầu kêu la loạn xạ, chạy và nhảy trên lối đi cứ như thể tòa nhà đang có hỏa hoạn. Một bệnh nhân chỉ còn một chân và một cái nạng cứ cuống quýt nhảy tới nhảy lui và kêu lên hoảng hốt, “Chuyện gì vậy? Chuyện gì vậy? Cháy nhà à? Cháy nhà à?”

“Anh ta đã trở lại!” ai đó hét vào tai gã. “Anh không nghe thấy à? Anh ta đã trở lại! Anh ta đã trở lại!”

“Ai trở lại cơ?” một người khác hét lên. “Ai cơ?”

“Như vậy là sao? Chúng ta phải làm gì?”

“Đang cháy hả?”

“Đứng dậy chạy đi, mẹ kiếp! Tất cả đứng dậy chạy đi!”

Tất cả mọi người bèn ra khỏi giường và bắt đầu chạy từ đầu này tới đầu kia của phòng bệnh lớn. Một gã C.I.D. đi tìm súng để bắn một gã C.I.D. khác vì bị gã đó huých khuỷu tay vào mắt. Cả phòng rơi vào hỗn loạn. Bệnh nhân bị sốt cao đến mê sảng nhảy vào lối đi và suýt xô lộn cổ bệnh nhân cụt một chân, khiến cho gã này phải tì vội đầu cao su đen bọc gốc nạng lên bàn chân trần của gã sốt mê sảng, nghiến phải mấy ngón chân. Gã sốt mê sảng cùng bàn chân trần bị nghiến bèn lăn ra sàn khóc lóc vì đau đớn khi những kẻ khác

liên tục vấp phải gã và làm gã thêm đau trong cuộc tháo chạy mù quáng, khốn khổ, tán loạn của họ. “Anh ta đã trở lại!” tất cả đều lầm bầm và rì rầm và hét toáng lên cuồng loạn câu đó trong lúc chạy tứ tung. “Anh ta đã trở lại, anh ta đã trở lại!” Y tá Cramer bất ngờ xuất hiện giữa chỗ đó như một cảnh sát đang xoay như chong chóng cố lập lại trật tự trong tuyệt vọng rồi òa khóc bất lực khi cố mà không thành. “Yên nào, làm ơn đứng yên nào,” cô yếu ớt nài nỉ vô ích qua những tiếng nức nở ầm ĩ. Cha tuyên úy, tái mét như bóng ma, không hiểu chuyện gì đang xảy ra. Nately cũng không hiểu, cậu này cứ đứng sát không rời Yossarian, níu chặt lấy khuỷu tay y, Hungry Joe cũng không, gã chỉ theo đuôi đầy nghi hoặc, hai bàn tay xương xẩu siết chặt thành nắm đấm và láo liên liếc mắt sang hai bên với vẻ mặt hoảng sợ.

“Này, có chuyện gì đấy?” Hungry Joe nài nỉ hỏi. “Có chuyện quái gì đang xảy ra vậy?”

“Vẫn người đó!” Dunbar rống lên với gã, nhấn mạnh bằng một tông giọng vượt lên trên hẳn đám âm thanh hỗn loạn ầm ĩ xung quanh. “Anh không hiểu à? Vẫn người đó!”

“Vẫn người đó!” Yossarian nghe thấy mình nhắc lại, run lên vì một cảm giác hồi hộp thẳm sâu đầy điềm gở mà y không sao kiểm soát, và theo Dunbar xô qua dòng người bước tới giường của binh sĩ trắng xóa.

“Bình tĩnh nào, các bạn,” gã Texas yêu nước lùn tịt niềm nở khuyên, với một nụ cười nhăn nhở ngập ngừng. “Không việc gì phải loạn lên. Sao tất cả chúng ta không bình tĩnh thôi?”

“Vẫn người đó!” những người khác bắt đầu lầm bầm, rì rầm và hét toáng lên.

Đột nhiên y tá Duckett cũng xuất hiện. “Có chuyện gì vậy?” cô đanh thép hỏi.

“Anh ta đã trở lại!” y tá Cramer ré lên, lao vào vòng tay Duckett. “Anh ta đã trở lại, anh ta đã trở lại!”

Đúng thật, vẫn là gã đó. Gã đã lùn đi vài phân và tăng thêm ít cân, nhưng Yossarian vẫn nhận ra gã ngay lập tức nhờ hai cánh tay cứng đờ và hai chân cứng đờ, to đùng, vô dụng, tất cả đang bị treo ngược lên không gần như thẳng đứng nhờ những sợi dây căng cùng những quả nặng hình trụ bằng chì mắc vào đám ròng rọc phía trên gã, và nhờ cả lỗ đen ngòm tua rua xơ vải giữa đám băng gạc trên miệng gã. Gã, trên thực tế, hầu như không hề thay đổi. Vẫn cái ống kẽm mọc ra từ khối cứng như đá chỗ hạ bộ gã nối với một bình thủy tinh trong suốt trên sàn. Vẫn bình thủy tinh trong suốt treo trên cột nhỏ chất lỏng vào người gã qua hõm khuỷu tay. Yossarian có thể nhận ra gã ở bất cứ đâu. Y tự hỏi gã là ai vậy.

“Không có ai ở bên trong đâu!” Dunbar bất chợt hét vào mang tai y.

Yossarian thấy tim mình hụt mất một nhịp và chân y bủn rủn. “Anh nói gì cơ?” y thét lên khiếp đảm, sửng sốt trước vẻ thống khổ phờ phạc lóe lên trong mắt Dunbar và nét mặt loạn trí do sốc và kinh sợ của gã. “Anh điên rồi hay sao? Ý anh là cái quái gì cơ, không có ai ở bên trong?”

“Họ đã lén đưa anh ta đi rồi!” Dunbar thét lại. “Bên trong anh ta trống rỗng, như món đồ chơi hình thằng lính bằng sô cô la. Đơn giản là họ đã đưa anh ta đi và bỏ lại đống băng trắng.”

“Họ làm vậy để làm gì chứ?”

“Tại sao họ lại có thể làm bất cứ điều gì cơ chứ?”

“Họ đã lén đưa anh ta đi!” ai đó thét lên, và khắp phòng lại rộn lên tiếng la hét, “Họ đã lén đưa anh ta đi. Họ đã lén đưa anh ta đi!”

“Về giường đi các anh,” y tá Duckett nài nỉ Dunbar và Yossarian, yếu ớt đẩy ngực Yossarian. “Làm ơn hãy quay lại giường.”

“Anh điên rồi!” Yossarian giận dữ hét vào mặt Dunbar. “Cái quái gì đã khiến anh nói như thế?”

“Đã nhìn thấy anh ta chưa?” Dunbar hăng hái chất vấn một cách đầy nhạo báng.

“Em đã nhìn thấy anh ta, có phải không?” Yossarian nói với y tá Duckett. “Em bảo Dunbar rằng trong đó có người đi.”

“Bên trong là trung úy Schmulker,” y tá Duckett nói. “Anh ta bị bỏng toàn thân.”

“Cô ta đã nhìn thấy anh ta thật hả?”

“Em đã nhìn thấy anh ta thật hả?”

“Ông bác sĩ băng bó cho anh ta đã nhìn thấy anh ta.”

“Em làm ơn đi gọi ông ấy tới đây được không? Bác sĩ nào vậy?”

Y tá Duckett há hốc mồm kinh ngạc trước câu hỏi đó. “Ông bác sĩ đó thậm chí còn không ở đây!” cô thốt lên. “Bệnh nhân đó được đưa tới đây trong tình trạng băng bó như vậy từ một bệnh viện chiến trường.”

“Thấy chưa?” y tá Cramer kêu lên. “Không có ai ở bên trong!”

“Không có ai ở bên trong!” Hungry Joe choe chóe, và bắt đầu giậm chân thình thịch lên sàn.

Dunbar xô qua bọn họ và hung dữ nhảy lên giường binh sĩ trắng xóa để đích thân kiểm chứng, hau háu gí một mắt sáng quắc vào lỗ đen xơ xác giữa lớp vỏ băng gạc trắng. Gã đang cúi xuống với một mắt trừng trừng nhìn vào khoảng trống tối tăm và im lìm nơi mồm của binh sĩ trắng xóa ấy thì các bác sĩ và quân cảnh chạy tới giúp Yossarian lôi gã ra. Các bác sĩ đều đeo súng lục ở ngang hông. Quân cảnh thì đem theo súng các bin và súng trường để đẩy dồn đám đông bệnh nhân đang xôn xao lùi lại. Một xe cáng xuất hiện, và binh sĩ trắng xóa được khéo léo nhấc ra khỏi giường chuyển lên đó rồi đẩy đi khuất chỉ trong vài giây. Đám bác sĩ và quân cảnh đi khắp phòng để trấn an mọi người rằng tất cả mọi việc đều ổn cả.

Y tá Duckett cấu cánh tay Yossarian và lén lút thì thầm bảo y ra buồng để chổi ngoài hành lang gặp cô. Nghe vậy Yossarian mừng lắm. Y tưởng y tá Duckett cuối cũng đã muốn làm tình nên vừa khi chỉ còn hai bọn họ trong buồng để chổi y đã tốc luôn váy cô lên, nhưng cô đẩy y ra. Cô có tin khẩn về Dunbar.

“Họ sẽ cho biến mất anh ta,” cô nói.

Yossarian nheo mắt nhìn cô không hiểu. “Họ làm gì cơ?” y ngạc nhiên hỏi, gượng bật cười. “Nghĩa là sao cơ?”

“Em không biết. Em nghe thấy họ đóng cửa nói với nhau như vậy.”

“Ai?”

“Em không biết. Em không nhìn thấy bọn họ. Chỉ nghe họ nói rằng họ sẽ cho biến mất Dunbar.”

“Tại sao họ lại cho biến mất anh ta?”

“Em không biết.”

“Vô lý. Thậm chí nói như vậy còn không đúng ngữ pháp lắm. Cho biến mất một người nghĩa là quái gì?”

“Em không biết.”

“Chúa ơi, em thật là hữu ích quá đấy!”

“Sao anh lại nhạo báng em thế?” y tá Duckett phản đối với vẻ bị tổn thương, và bắt đầu sụt sịt nuốt nước mắt. “Em chỉ muốn giúp đỡ. Không phải lỗi tại em khi họ muốn cho biến mất anh ta, có phải không? Lẽ ra em không nên nói cho anh mới phải.”

Yossarian choàng tay ôm cô vào lòng đầy âu yếm và hối lỗi. “Anh xin lỗi,” y nói và trân trọng hôn lên má cô, rồi chạy nhanh đi báo cho Dunbar, nhưng đã không thấy gã đâu cả.

35 MILO CHIẾN BINH

Lần đầu tiên trong đời Yossarian phải cầu xin. Sau khi thượng sĩ White Halfoat chết trong bệnh viện vì viêm phổi thật và Nately nộp đơn xin thế chỗ, y đã quỳ xuống mà cầu xin Nately đừng xung phong bay nhiều hơn bảy mươi trận. Nhưng Nately đơn giản là không chịu nghe lời.

"Tôi cần phải bay nhiều hơn nữa," Nately vụng về quả quyết với một nụ cười rụt rè. "Không thì họ cho tôi về vườn mất."

"Vậy thì sao?"

"Tôi không muốn về chừng nào chưa thể đưa được cô ấy cùng về."

"Cô ta đối với cậu quan trọng tới vậy cơ à?"

Nately chán nản gật đầu. "Tôi có thể sẽ chẳng bao giờ được gặp lại cô ấy nữa."

"Vậy thì xin nghỉ bay luôn đi," Yossarian thúc giục. "Cậu đã hoàn thành đủ số trận, mà cậu cũng đâu có cần tiền thù lao bay. Nếu đã chịu đựng được việc làm trợ lý cho đại úy Black thì sao cậu không xin làm ở vị trí của thượng sĩ White Halfoat ấy?"

Nately lắc đầu, má sạm đi vì xấu hổ và tủi nhục tiếc nuối. "Họ sẽ không giao việc đó cho tôi đâu. Tôi đã nói với trung tá Korn rồi đấy

chứ, và ông ấy bảo tôi rằng tôi sẽ phải bay thêm, không thì họ sẽ cho tôi về nhà.”

Yossarian cáu tiết chửi bậy. “Như thế thật là hèn hạ.”

“Tôi cũng chả ngại đâu. Tôi đã bay bảy mươi trận mà vẫn lành lặn đây. Bay thêm mấy trận nữa cũng được thôi.”

“Đừng manh động cho đến khi tôi nói chuyện với ai đó về vụ này nhé,” Yossarian quyết định và đi nhờ Milo giúp đỡ, gã này lại lập tức tới gặp đại tá Cathcart để xin được bay ra trận nhiều hơn.

Milo đã và đang nhận được rất nhiều biệt đãi. Gã đã anh dũng bay vào hiểm nguy và vào vòng chỉ trích khi bán xăng và vòng bi cho quân Đức với giá cả hợp lý để kiếm lời đồng thời giúp giữ cân bằng lực lượng giữa các bên tham chiến. Nghị lực của gã trong lửa đạn thật phong nhã và vô hạn. Với lòng tận tụy vì mục đích trên và nằm ngoài mức nghĩa vụ, sau đó gã còn tăng giá thức ăn trong các nhà ăn của mình lên cao tới mức tất cả các sĩ quan và binh lính đã phải cống sạch tiền lương cho gã chỉ để được ăn. Lựa chọn khác của họ - tất nhiên là luôn có lựa chọn khác, bởi vì Milo căm ghét sự ép buộc và là một chiến sĩ hết mình tranh đấu vì quyền tự do lựa chọn - là chết đói. Mỗi khi cuộc tấn công này gặp phải một làn sóng chống đối của kẻ thù, gã luôn cố thủ tại vị trí, không màng đến sự an toàn hay danh tiếng của bản thân mà chỉ gan dạ viện tới luật cung cầu. Và khi có ai đó ở chỗ nào đó nói không, Milo mới bất đắc dĩ mà lùi bước, dũng cảm bảo vệ, ngay cả khi phải rút lui, cho cái quyền lâu đời của con người tự do là được trả nhiều hết mức cần thiết cho những gì họ cần để sinh tồn.

Milo từng bị bắt quả tang ăn cướp của đồng đội, và kết quả là giá trị cổ phiếu của gã tăng cao chưa từng thấy. Gã đã chứng tỏ mình

nói được làm được khi một thiếu tá xương xẩu quê Minnesota bĩu môi phản đối và đòi nhận được phần của mình trong xanh đi ca mà Milo luôn miệng nói tất cả mọi người đều sở hữu. Milo đã giải quyết thách thức đó bằng việc viết luôn "Một cổ phiếu" lên mảnh giấy gần nhất vớ được rồi chuyển nó đi với vẻ khinh bỉ đầy đức hạnh giúp cho gã giành được lòng ngưỡng mộ lẫn sự đố kỵ của gần như tất cả những ai quen biết gã. Gã đang ở trên tột đỉnh vinh quang và đại tá Cathcart, người luôn biết và ngưỡng mộ thành tích chiến đấu của gã, đã rất kinh ngạc trước sự nhún nhường cung kính mà Milo thể hiện tại trụ sở liên đoàn trong lúc đưa ra một lời thỉnh cầu không tưởng là được giao thêm nhiều nhiệm vụ nguy hiểm hơn nữa.

"Anh muốn bay ra trận thêm nữa ư?" đại tá Cathcart há hốc miệng. "Để làm quái gì cơ?"

Milo bẽn lẽn trả lời, mặt ngoan hiền cúi xuống, "Tôi muốn thực hiện nghĩa vụ của mình, thưa sếp. Đất nước đang có chiến tranh và tôi muốn chiến đấu để bảo vệ nó như tất cả các chiến hữu của mình."

"Nhưng Milo, anh cũng đang làm nhiệm vụ của mình," đại tá Cathcart thốt lên cùng một tiếng cười rền vang sảng khoái. "Tôi không thể tìm được ai làm được nhiều việc có ích cho mọi người hơn anh. Ai đã mang lại cho bọn họ món bông bọc sô cô la kia chứ?"

Milo chậm rãi lắc đầu buồn bã. "Nhưng trong thời chiến mà chỉ làm một sĩ quan cấp dưỡng tốt thôi thì không đủ, thưa đại tá Cathcart."

"Tất nhiên là đủ chứ, Milo. Tôi không biết sao anh lại nghĩ vậy."

“Tất nhiên là không đủ, thưa đại tá,” Milo phản đối, giọng có phần cương quyết, ngước đôi mắt quỵ lụy lên một cách chủ ý, vừa đủ để bắt được ánh mắt của đại tá Cathcart. “Vài người đã bắt đầu nói ra nói vào.”

“Ồ, vậy sao? Cho tôi biết tên bọn họ đi nào, Milo. Hãy cho tôi biết tên bọn họ, tôi sẽ để mắt sao cho họ phải bay tất cả những trận nguy hiểm nhất của liên đoàn.”

“Đừng, thưa đại tá, tôi e rằng họ đã đúng,” Milo nói, đầu lại rũ xuống. “Tôi được điều tới đây với tư cách một phi công, và đáng ra tôi phải bay ra trận nhiều hơn và dành ít thời gian hơn cho nhiệm vụ sĩ quan cấp dưỡng.”

Đại tá Cathcart ngạc nhiên nhưng cũng sẵn lòng hợp tác. “Chặc, Milo, nếu anh thực sự cảm thấy như vậy thì chúng ta cũng có thể thu xếp việc đó theo bất cứ kiểu gì anh muốn. Anh đã ở nước ngoài được bao lâu rồi nhỉ?”

“Mười một tháng, thưa sếp.”

“Và anh đã bay được bao nhiêu trận?”

“Năm.”

“Năm ư?” đại tá Cathcart hỏi.

“Năm, thưa sếp.”

“Năm ấy hả?” đại tá Cathcart trầm ngâm vuốt má. “Như vậy thì chưa được tốt lắm, nhỉ?”

“Thật vậy sao?” Milo hỏi bằng giọng sắc lẹm, mắt lại ngước lên.

Đại tá Cathcart nao núng. “Trái lại, như vậy là rất tốt, Milo ạ,” gã vội vàng sửa lại. “Không tệ một chút nào.”

“Không, thưa đại tá,” Milo nói, với một tiếng thở dài đăm chiêu héo úa, “như vậy thì không được tốt lắm. Mặc dù sếp quả là rất rộng lượng khi nói rằng như vậy đã tốt rồi.”

“Nhưng như vậy thực sự không tệ, Milo. Không tệ chút nào, khi xem xét tới tất cả những đóng góp giá trị khác của anh. Năm trận ư, anh nói vậy đúng không? Chỉ có năm?”

“Chỉ năm, thưa sếp.”

“Chỉ năm.” Đại tá Cathcart trở nên trầm cảm nặng nề một lúc lâu vì không biết Milo thực sự đang nghĩ gì, và không biết có phải mình vừa gây ra một vết đen mếch lòng gã không. “Năm là rất tốt, Milo,” gã hồ hởi bình luận, chợt thấy một tia hy vọng. “Như vậy là trung bình hai tháng một trận. Và tôi cá là anh chưa tính tới lần anh ném bom chúng ta.”

“Tính rồi, thưa sếp. Đã tính rồi.”

“Vậy ư?” đại tá Cathcart hỏi, hơi băn khoăn. “Nhưng thực ra vụ đó anh không trực tiếp ở trên máy bay, có phải không? Nếu tôi nhớ không nhầm thì anh ở trên đài kiểm soát cùng với tôi, có phải không?”

“Nhưng đó vẫn là trận của tôi,” Milo phản đối. “Tôi đã tổ chức nó, và chúng ta đã sử dụng máy bay và quân nhu của tôi. Tôi đã vạch kế hoạch và giám sát toàn bộ trận đánh.”

“Ồ, dĩ nhiên rồi, Milo, dĩ nhiên rồi. Tôi đâu có phản đối gì. Tôi chỉ kiểm tra các con số để đảm bảo rằng anh không bỏ sót những gì anh xứng đáng hưởng. Anh cũng đã tính cả lần mà chúng tôi ký hợp đồng để anh ném bom cây cầu ở Orvieto rồi chứ?”

“Ồ không thưa sếp. Tôi không nghĩ là có thể tính cả vụ đó vào được, bởi vì hồi đó tôi đã điều khiển hỏa lực phòng không ở Orvieto chứ không ở trên máy bay.”

“Tôi thấy như vậy cũng chẳng ảnh hưởng gì, Milo. Đó vẫn là trận của anh. Phải nói là một trận rất tốt nữa là khác. Chúng ta không hạ được cây cầu, nhưng chúng ta đã có được ảnh chụp hình bom nổ rất đẹp. Tôi nhớ tướng Peckem đã bình luận về điều đó. Không, Milo, tôi nhất định phải đề nghị anh tính cả trận Orvieto vào nữa.”

“Nếu như sếp cứ khăng khăng như vậy, thưa sếp.”

“Tôi thật lòng đề nghị đấy, Milo. Giờ thì, xem nào, anh đã có tổng cộng sáu trận, cực kỳ tốt, Milo ạ, cực kỳ tốt, thật vậy đấy. Trong vòng vài phút đã tăng được từ năm lên sáu trận, tức là tăng hai mươi phần trăm, không tệ chút nào, Milo, không tệ chút nào.”

“Rất nhiều người đã bay được bảy mươi trận,” Milo chỉ ra.

“Nhưng họ chưa bao giờ làm ra món bông bọc sô cô la, đúng không? Milo, anh đã làm được nhiều hơn phần của mình.”

“Nhưng họ đang giành hết mọi vinh quang và cơ hội,” Milo tiếp tục nói với vẻ hờn dỗi viền trong tiếng sụt sùi. “Thưa sếp, tôi muốn lên đó và chiến đấu như tất cả các chiến hữu khác. Đó là lý do tại sao tôi ở đây. Tôi cũng muốn giành được huân huy chương.”

“Phải, Milo, tất nhiên rồi. Tất cả chúng ta đều muốn dành nhiều thời gian hơn để chiến đấu. Nhưng những người như anh và tôi lại phụng sự theo kiểu khác. Nhìn vào bảng thành tích của tôi mà xem,” đại tá Cathcart bật ra một tiếng cười cầu tài. “Tôi cá là mọi người ít ai biết được, Milo, rằng bản thân tôi chỉ bay có bốn trận, phải vậy không?”

“Không, thưa sếp,” Milo trả lời. “Nói chung mọi người đều tưởng ông chỉ mới bay được có hai trận. Và một trong hai trận là khi Aarfy vô tình điều khiển máy bay đưa ông vào vùng địch trong lúc hai người đang tới Naples mua một cái tản nhiệt nước ở chợ đen.”

Đại tá Cathcart, mặt đỏ lên vì xấu hổ, đành từ bỏ ý định tiếp tục tranh cãi. “Được rồi, Milo. Tôi không thể bày tỏ sao cho hết lòng ngưỡng mộ trước điều anh đang muốn làm. Nếu thực sự việc ấy quan trọng với anh đến vậy thì tôi sẽ bảo thiếu tá Major phân cho anh bay thêm sáu mươi tư trận nữa để anh cũng có được bảy mươi trận.”

“Cảm ơn đại tá, cảm ơn sếp. Sếp không biết điều này có ý nghĩa như thế nào đâu.”

“Ồ đừng nhắc đến làm gì, Milo. Tôi hiểu rất rõ mà.”

“Không, đại tá, tôi không cho rằng sếp hiểu được điều này có ý nghĩa như thế nào đâu.” Milo phản đối kịch liệt. “Sẽ phải có ai đó thay tôi điều hành xanh đi ca ngay. Việc đó phức tạp lắm, và tôi có thể bị bắn rơi bất cứ khi nào.”

Vừa nghĩ đến chuyện đó mặt đại tá Cathcart đã lập tức ngời lên và gã bắt đầu xoa hai tay vào nhau với vẻ thích thú thèm thuồng. “Anh biết đấy, Milo, tôi nghĩ trung tá Korn và tôi có lẽ sẽ sẵn lòng điều hành xanh đi ca thay anh,” gã buột miệng đề xuất, thiếu điều còn liếm môi thèm muốn. “Kinh nghiệm của chúng tôi về cà chua mận ở chợ đen sẽ rất có ích. Chúng tôi có thể bắt đầu từ đâu nhỉ?”

Milo điềm tĩnh quan sát đại tá Cathcart với vẻ ôn tồn, ngây thơ. “Cảm ơn sếp, sếp quả rất tốt bụng. Hãy bắt đầu với một bữa ăn

không muối cho tướng Peckem và một bữa không chất béo cho tướng Dreedle.”

“Đợi tôi lấy bút chì đã. Tiếp theo sẽ là gì?”

“Những cây tuyết tùng.”

“Cây tuyết tùng?”

“Từ Li Băng.”

“Li Băng?”

“Chúng ta có những cây tuyết tùng từ Li Băng cần phải chuyển đến nhà máy cưa ở Oslo để chế biến thành ván ốp cho nhà thầu ở Cape Cod. Trả tiền khi nhận hàng. Sau đó sẽ là đậu Hà Lan.”

“Đậu Hà Lan?”

“Chúng đang ở vùng biển quốc tế. Chúng ta đang có nhiều tàu chở đậu Hà Lan ở vùng biển quốc tế trên đường từ Atlanta tới Hà Lan dùng để thanh toán cho số hoa tulip đã được chuyển tới Geneva để đổi lấy số pho mát đang vận chuyển tới Vienna M.I.F.”

“M.I.F. là sao?”

“Trả tiền trước. Nhà Hapsburgs ở Áo không được ổn định lắm.”

“Milo.”

“Và đừng quên số kẽm mạ trong nhà kho ở Flint. Phải đưa bốn xe chở kẽm từ Flint bằng máy bay tới chỗ các thợ rèn ở Damascus trước buổi trưa ngày mười tám, giá F.O.B. Calcutta[(72)] hai phần trăm mười ngày E.O.M.[(73)] Một chiếc tiêm kích Messerschmitt chở đầy cây gai dầu đến hạn thanh toán ở Belgrade bằng một chiếc C-47 rưỡi chà là tách hạt từ Khartoum. Dùng tiền kiếm được nhờ bán cá cơm ở Lisbon để trả tiền bông Ai Cập bị trả lại từ Mamaroneck và mua

càng nhiều cam càng tốt ở Tây Ban Nha. Luôn trả tiền mặt cho *naranja*."

"*Naranja?*"

"Đó là từ mà người ta dùng để gọi cam ở Tây Ban Nha, và đó là cam Tây Ban Nha. À - tí quên. Còn có hóa thạch người Piltdown."

"Hóa thạch người Piltdown ư?"

"Vâng, hóa thạch người Piltdown[(74)]. Viện Smithsonian lần này không thể mua được người Piltdown thứ hai với mức giá chúng ta đưa ra, nhưng họ đang mong chờ cái chết của một nhà hảo tâm giàu có và được yêu mến, và…"

"Milo."

"Nước Pháp muốn có tất cả mùi tây của chúng ta, và tôi nghĩ chúng ta nên bán cho bọn họ, bởi vì chúng ta cần đồng franc để đổi lấy đồng lire để đổi lấy đồng mark dùng để mua chà là. Tôi cũng đã đặt một lượng lớn gỗ bấc Peru để phân phối cho mỗi nhà ăn trong xanh đi ca theo cổ phần."

"Gỗ bấc ư? Nhà ăn thì cần gỗ bấc để làm gì?"

"Thời buổi này không dễ kiếm được gỗ bấc tốt đâu, thưa đại tá. Tôi chỉ nghĩ không nên bỏ lỡ cơ hội mua được chúng."

"Đúng là không nên," đại tá Cathcart ngờ ngợ nói, vẫn mơ mơ hồ hồ, với vẻ mặt của một kẻ đang say sóng. "Và tôi đồ rằng giá cũng rất hời."

"Giá," Milo nói, "thì hơi ác liệt - đúng là cắt cổ! Nhưng vì ta đã mua từ một trong những chi nhánh của mình nên chúng ta vui lòng trả giá đó. Và nhớ trông nom số da sống nữa."

“Tổ ong[75] ư?”

“Da sống.”

“Da sống ư?”

“Da sống. Ở Buenos Aires. Chúng cần được phơi nắng.”

“Phơi nắng ư?”

“Ở Newfoundland. Và phải được chuyển tới Helsinki N.M.I.F trước khi tuyết tan đầu mùa xuân. Tất cả những gì chuyển tới Phần Lan trước khi tuyết tan đầu xuân đều theo kiểu N.M.I.F.”

“Không tiền trước ư?” đại tá Cathcart đoán.

“Đúng, thưa đại tá. Ông có khiếu đấy ạ, thưa sếp. Tiếp theo là nút bần.”

“Nút bần?”

“Cái đó phải chuyển tới New York, giày thì tới Toulouse, thịt giăm bông tới Thái Lan, mua đinh từ Wales và bán quýt cho New Orleans.”

“Milo.”

“Chúng ta còn có than ở Newcastle, thưa sếp.”

Đại tá Cathcart vung hai bàn tay lên. “Milo, ngừng lại ngay!” gã kêu lên, gần như bật khóc. “Không cần nữa. Anh cũng như tôi - là không thể thiếu được!” Gã đặt bút chì sang một bên và cuồng nộ đứng bật dậy. “Milo, anh không thể bay thêm sáu mươi tư trận nữa. Anh thậm chí không thể bay thêm dù chỉ một trận. Cả hệ thống sẽ tan tành nếu anh có mệnh hệ nào.”

Milo điềm đạm gật đầu với vẻ khoan khoái tự mãn. “Thưa sếp, có phải sếp đang không cho tôi bay thêm một trận nào nữa không ạ?”

“Milo, tôi cấm anh bay thêm bất cứ trận nào nữa,” đại tá Cathcart tuyên bố với giọng chắc nịch đầy quyền uy.

“Nhưng như thế thì không công bằng, thưa sếp,” Milo nói. “Thế còn thành tích của tôi thì sao? Những người khác giành được danh vọng, huân chương và được mọi người biết đến. Tại sao tôi lại bị trừng phạt thế này chỉ vì tôi làm một sĩ quan cấp dưỡng giỏi đến thế?”

“Milo, như thế quả là không công bằng. Nhưng tôi cũng không biết phải làm sao nữa.”

“Có lẽ chúng ta kiếm người khác bay ra trận thay cho tôi chăng?”

“Nhưng có lẽ chúng ta có thể kiếm được người khác bay ra trận thay cho anh,” đại tá Cathcart gợi ý. “Những công nhân mỏ than đang đình công ở Pennsylvania và West Virginia có được không?”

Milo lắc đầu. “Thế thì sẽ mất quá nhiều thời gian để đào tạo bọn họ. Sao không sử dụng những người trong phi đoàn của chúng ta luôn, thưa sếp? Rốt cuộc thì tôi làm việc này là vì bọn họ. Bù lại bọn họ cũng phải sẵn lòng làm việc gì đó cho tôi chứ.”

“Nhưng tại sao lại không sử dụng những người trong phi đoàn nhỉ, Milo?” đại tá Cathcart thốt lên. “Rốt cuộc thì anh làm tất cả những việc này là vì bọn họ. Bù lại bọn họ cũng phải sẵn lòng làm việc gì đó cho anh chứ.”

“Vậy là công bằng.”

“Vậy là công bằng.”

“Họ có thể lần lượt, thưa sếp.”

“Họ thậm chí có thể lần lượt thay phiên nhau bay ra trận thay cho anh, Milo.”

“Ai sẽ là người được tính thành tích?”

“Anh sẽ được tính thành tích, Milo. Và nếu ai đó giành được huân chương khi bay một trong những trận của anh thì anh sẽ có huân chương đó.”

“Ai sẽ chết nếu như anh ta bị giết?”

“Ôi, anh ta chết, dĩ nhiên rồi. Xét cho cùng, Milo này, vậy là công bằng mà. Mỗi tội là…”

“Ông sẽ phải tăng chỉ tiêu lên.”

“Tôi có lẽ sẽ phải tăng chỉ tiêu lên một lần nữa, và tôi không chắc người của tôi sẽ chịu bay tiếp. Họ vẫn đang rất cay cú bởi vì tôi đã nâng chỉ tiêu lên mức bảy mươi. Nhưng nếu tôi có thể bắt được một trong số những sĩ quan thông thường bay thêm thì đám còn lại có lẽ cũng sẽ chịu thôi.”

“Nately sẽ bay thêm, thưa sếp,” Milo nói. “Tôi vừa được tiết lộ một tin cực kỳ mật là cậu ta sẽ làm bất cứ điều gì có thể để ở lại nước ngoài với cô gái mà cậu ta yêu.”

“Nhưng Nately sẽ bay thêm!” đại tá Cathcart tuyên bố, và ông vỗ hai tay vào nhau thành một tràng pháo tay vang dội của niềm vui chiến thắng. “Đúng vậy, Nately sẽ bay thêm. Và lần này tôi sẽ tăng chỉ tiêu vọt hẳn tám mươi luôn, điều đó sẽ là một cú đấm lòi mắt tướng Dreedle ra. Và đây cũng là cách hay để đưa con chuột cống

chấy rận Yossarian đó trở lại chiến trường để biết đâu người ta có thể bắn chết gã."

"Yossarian ư?" Một cú rùng mình quan tâm sâu sắc chợt lướt qua nét mặt đơn thuần, chất phác của Milo, và gã trầm ngâm gãi gãi mép bộ ria màu nâu đỏ của mình.

"Ờ, Yossarian. Tôi nghe nói gã đang đi khắp nơi rêu rao rằng gã đã hoàn thành hết nhiệm vụ và chiến tranh đã kết thúc với gã. Chậc, có lẽ gã đã hoàn thành chỉ tiêu nhiệm vụ của mình. Nhưng gã vẫn chưa hoàn thành chỉ tiêu nhiệm vụ của anh, có phải không? Ha! Ha! Gã sẽ ngạc nhiên lắm đây!"

"Thưa sếp, Yossarian là bạn của tôi," Milo phản đối. "Tôi ghét phải chịu trách nhiệm cho bất cứ điều gì khiến cho anh ta phải quay lại chiến trường. Tôi nợ Yossarian rất nhiều. Liệu có cách nào tách riêng được trường hợp của anh ta không?"

"Ồ, không, Milo." Đại tá Cathcart tặc lưỡi lên mặt dạy dỗ, tỏ ra sốc trước lời đề nghị của Milo. "Chúng ta không bao giờ được phép thiên vị bất cứ ai. Chúng ta cần phải đối xử công bằng với tất cả mọi người."

"Tôi sẽ trao tất cả những gì tôi có cho Yossarian," Milo liều lĩnh kiên trì kháng cự nhân danh Yossarian. "Nhưng vì tôi không có gì cả nên tôi không thể trao cho anh ta cái gì, có phải không? Do vậy anh ta sẽ phải mạo hiểm mà làm như tất cả những người khác thôi, nhỉ?"

"Như vậy là công bằng, Milo."

"Vâng, thưa sếp, như vậy là công bằng," Milo đồng ý.

"Yossarian không tốt hơn những người khác, và anh ta không có quyền mong đợi chút đặc quyền nào cả, có phải không?"

“Đúng là không, Milo. Như vậy là công bằng.”

Và chẳng còn thời gian để Yossarian tự cứu bản thân nữa khi đại tá Cathcart đã ra thông báo tăng chỉ tiêu lên tám mươi trận ngay cuối buổi chiều hôm đó, chẳng còn thời gian để thuyết phục Nately đừng bay nữa, hoặc ngay cả để bàn lại với Dobbs kế hoạch giết đại tá Cathcart cũng không, bởi vì còi báo động đã bất ngờ hụ lên vào sáng sớm hôm sau và mọi người chưa kịp ăn sáng cho tử tế đã bị dồn lên những chiếc xe tải lao với tốc độ tối đa tới phòng tác chiến rồi ra phi trường, nơi những chiếc xe tải chuyên chở nhiên liệu ồn ã vẫn đang bơm xăng vào máy bay và các đội phụ trách vũ khí đạn dược vẫn đang láo nháo làm việc hết công suất để chuyển những quả bom hủy diệt nặng hàng nghìn pound vào khoang chứa bom. Ai nấy đều đang chạy, và động cơ máy bay được bật và khởi động ngay khi các xe nhiên liệu làm xong việc.

Theo tin tình báo thì sáng hôm đó quân Đức sẽ kéo một tàu tuần dương hỏng của Ý từ ụ khô một xưởng tàu ở La Spezia tới một con kênh cửa ngõ cảng rồi đánh đắm nó ở đó hòng khiến cho quân Đồng minh có chiếm được thành phố cũng không thể sử dụng được cảng nước sâu ấy. Riêng lần này thì tin tình báo lại chính xác. Chiếc tàu lớn đó đi nửa đường ngang qua cảng thì họ bay tới từ phía Tây và phá tan nó bằng những đòn trực diện từ tất cả các máy bay, khiến trong lòng tất cả bọn họ đều trào dâng những làn sóng cả dạt dào của tự hào mãn nguyện tập thể cho tới khi họ phát hiện ra mình đang chìm trong hàng rào đạn phòng không dữ dội bắn lên từ mọi khúc quanh của vùng đất núi non hình móng ngựa khổng lồ bên dưới. Ngay cả Havermeyer cũng phải dụng đến bài chuồn quyết liệt nhất có thể khi gã thấy cái khoảng cách mênh mông mà gã cần phải vượt qua để thoát thân, và Dobbs, đang ở vị trí phi công điều khiển

trong đội hình bay, đã rẽ trái thay vì rẽ phải, khiến cho máy bay của gã sượt vào một máy bay khác kế bên, và ngoạm mất đuôi của nó. Cánh máy bay của gã thì rụng đến sát sườn, và chiếc máy bay rơi xuống như một tảng đá rồi gần như ngay lập tức biến mất khỏi tầm nhìn. Không có lửa, không có khói, và không có đến cả một tiếng động nghịch tai. Chiếc cánh còn lại nặng nề quay tròn như một máy trộn xi măng trong lúc máy bay cắm mũi xuống dưới theo phương thẳng đứng với tốc độ mỗi lúc một nhanh cho đến khi nó đâm vào mặt nước, cú va chạm làm mặt nước tung bọt nở bung như một đóa hoa súng trắng trên nền biển xanh thẳm, rồi lắng lại thành một suối phun nước nóng những bọt nước màu xanh táo khi máy bay chìm. Tất cả chỉ diễn ra trong vài giây. Không có chiếc dù nào. Và Nately, ở trong chiếc máy bay kia, cũng đã bị giết chết.

36 TẦNG HẦM

Cái chết của Nately gần như đã giết chết cha tuyên úy. Cha tuyên úy Shipman đang yên vị trong lều, vật lộn với đống giấy tờ qua cặp kính mắt, thì chuông điện thoại reo và tin từ phi trường về vụ va chạm máy bay trên không đã đến với gã. Ngay lập tức ruột gan gã như biến thành đất sét khô. Tay gã run rẩy khi đặt điện thoại xuống. Bàn tay còn lại cũng bắt đầu run. Thảm họa này khủng khiếp tới mức gã không dám nghĩ gì thêm về nó. Mười hai người đã bị giết - quá rùng rợn, quá, quá kinh khủng! Cảm giác kinh hoàng trong gã cứ tăng dần lên. Theo bản năng gã cầu nguyện cho Yossarian, Nately, Hungry Joe và những người bạn khác của gã không bị liệt kê vào danh sách nạn nhân, sau đó lại ân hận tự nhiếc móc bản thân, bởi vì cầu cho họ được an toàn cũng có nghĩa là cầu cho cái chết đến với những chàng trai trẻ mà gã không quen biết khác. Giờ thì đã quá muộn để cầu nguyện rồi; nhưng gã chỉ biết làm mỗi một việc đó thôi. Tim gã đập với một kiểu tiếng ồn như thể đến từ nơi nào đó ngoại thân, và gã biết sẽ chẳng bao giờ còn có thể ngồi trên ghế khám răng, chẳng bao giờ liếc nhìn những dụng cụ mổ, chẳng bao giờ chứng kiến một vụ tai nạn ô tô hoặc nghe một tiếng thét lúc nửa đêm, mà không phải trải qua cảm giác trống ngực dồn dữ dội ấy và khiếp sợ rằng mình sắp chết. Gã sẽ chẳng bao giờ xem một vụ đánh nhau nào nữa mà không sợ rằng mình sẽ ngất xỉu và đập đầu xuống vỉa hè mà vỡ sọ, hoặc bị đau tim

hay xuất huyết não. Gã tự hỏi liệu mình có thể gặp được vợ và ba đứa con nhỏ nữa hay không. Gã tự hỏi liệu mình có *nên* gặp lại vợ nữa hay không, khi mà đại úy Black đã gieo vào đầu gã mối nghi ngờ mãnh liệt về sự chung thủy và nhân cách của tất cả phụ nữ. Có quá nhiều người đàn ông khác, gã cảm thấy, có thể thỏa mãn nhu cầu tình dục của cô ấy tốt hơn gã. Khi nghĩ tới cái chết vào lúc này, gã luôn nghĩ về vợ, và khi nghĩ về vợ, gã luôn nghĩ tới việc để mất cô.

Một phút sau, cha tuyên úy mới cảm thấy đủ khỏe để có thể đứng dậy và ủ rũ miễn cưỡng lê bước sang lều bên cạnh tìm trung sĩ Whitcomb. Họ cùng đi trên chiếc xe Jeep của trung sĩ Whitcomb. Cha tuyên úy nắm chặt tay lại để giữ cho chúng khỏi run lên trên lòng gã. Gã nghiến chặt răng và cố không nghe trung sĩ Whitcomb hớn hở ríu rít nói về sự kiện bi thảm này. Mười hai người chết có nghĩa là sẽ có thêm mười hai bức thư chia buồn theo mẫu sẽ được gửi trong cùng một gói tới người thân của người chết với chữ ký của đại tá Cathcart, mang lại cho trung sĩ Whitcomb hy vọng có được một bài báo về đại tá Cathcart trên tờ *The Saturday Evening Post* đúng dịp lễ Phục sinh.

Ở phi trường sự câm lặng nặng nề bao phủ, chế ngự mọi chuyển động như một bùa chú tàn ác, nhẫn tâm đang áp chế những sinh linh có thể phá vỡ nó. Cha tuyên úy kinh sợ. Gã chưa bao giờ chứng kiến một sự câm lặng vĩ đại và hãi hùng tới vậy. Gần hai trăm con người mệt mỏi, thê lương, cúi đầu, cầm bộ dù, đứng thành một đám đông buồn rười rượi lặng lẽ bên ngoài phòng tác chiến, khuôn mặt họ bần thần nhìn theo các góc độ khác nhau nhưng đều chung vẻ thất vọng choáng váng. Dường như họ không muốn rời đi, không thể di chuyển. Cha tuyên úy nghe rất rõ tiếng động yếu ớt mà những

bước đi của gã tạo ra khi tiến lại chỗ họ. Mắt gã vội vã, cuống cuồng lục tìm khắp cái mớ hỗn độn bất động toàn những hình hài ủ rũ ấy. Cuối cùng gã cũng soi ra được Yossarian, lòng gã mừng mênh mang, nhưng rồi mồm gã từ từ há hốc ra trong nỗi kinh hoàng khôn kham khi thấy rõ ở y vẻ phờ phạc, u ám của nỗi tuyệt vọng thẳm sâu, đờ đẫn. Gã lập tức hiểu ra, chùn lại vì đau đớn và lắc đầu nhăn nhó vừa cự tuyệt vừa van lơn không muốn tin, rằng Nately đã chết. Nhận thức này đã giáng cho gã một cú sốc đến tê liệt. Một tiếng nức nở bật ra từ gã. Chân gã như cạn máu, và gã tưởng mình sắp sụm xuống đến nơi. Nately đã chết. Mọi hy vọng rằng mình đã nhầm của gã bị cuốn sạch đi khi tên Nately nổi lên rất rõ, lặp đi lặp lại, trên nền những tiếng rì rầm vốn không thể nghe rõ mà lần đầu tiên gã chợt nghe thấy. Nately đã chết: thằng bé đã bị giết chết. Một tiếng thút thít dâng lên trong cổ họng cha tuyên úy, và quai hàm gã bắt đầu rung rung. Mắt gã ầng ậng nước và gã khóc. Gã rón rén tiến lại gần Yossarian để khóc than bên cạnh y, chia sẻ với y nỗi buồn đau không lời. Vào khoảnh khắc ấy, một bàn tay chợt tóm chặt lấy cánh tay gã và một giọng nói lỗ mãng vang lên, “Cha tuyên úy Shipman phải không?”

Gã ngạc nhiên quay lại đối mặt với một đại tá béo mập, hung hăng, đầu to, để ria, da nhẵn nhụi, bóng nhẫy. Gã chưa từng gặp người này. “Đúng vậy. Có chuyện gì thế?” Những ngón tay túm chặt lấy cánh tay của cha tuyên úy tới mức làm gã đau, và gã cố vặn vẹo thoát ra trong tuyệt vọng.

“Đi theo tôi.”

Cha tuyên úy rúm người lại trong bối rối sợ hãi. “Đi đâu? Tại sao? Mà ông là ai đấy?”

“Cha nên đi theo chúng tôi, thưa Cha,” một viên thiếu tá gầy gò, mặt diều hâu xuất hiện ở phía bên kia cha tuyên úy véo von xen vào với vẻ buồn rầu tôn kính. “Chúng tôi là người của chính phủ. Chúng tôi muốn hỏi Cha vài câu.”

“Câu hỏi kiểu gì cơ? Có chuyện gì vậy?”

“Anh không phải là cha tuyên úy Shipman sao?” viên đại tá béo phì gặng hỏi.

“Chính là anh ta đó,” trung sĩ Whitcomb trả lời.

“Đi theo họ đi,” đại úy Black lớn tiếng nói với sang phía cha tuyên úy cùng một nụ cười khẩy thù địch và khinh bỉ. “Vào trong xe đi nếu anh biết điều gì là tốt cho anh.”

Những bàn tay kéo cha tuyên úy đi mà gã không thể cưỡng lại được. Gã muốn hét lên nhờ Yossarian giúp nhưng dường như y ở quá xa không thể nghe thấy. Một số người ở gần đó đã bắt đầu như hồi tỉnh mà nhìn gã với vẻ tò mò. Cha tuyên úy cúi đầu giấu mặt đi, đỏ bừng vì xấu hổ, mặc cho người ta dẫn mình tới cửa sau một chiếc xe công vụ và bắt ngồi xuống giữa viên đại tá mập ú mặt tròn hồng hào và viên thiếu tá gầy gò, ủ ê và ngọt xớt. Gã tự động chìa hai cổ tay ra cho hai người đó, băn khoăn trong một thoáng rằng liệu họ có muốn gông gã lại hay không. Một sĩ quan khác đã ngồi sẵn ở ghế trước. Một quân cảnh cao lớn đầu đội mũ sắt trắng miệng huýt sáo vào xe ngồi sau vô lăng. Cha tuyên úy không dám ngước mắt lên cho tới khi chiếc xe đã đóng chặt cửa lắc lư rời khỏi khu vực phi trường và những bánh xe ỉ ôi tăng tốc trên con đường nhựa gồ ghề.

“Các ông đưa tôi đi đâu vậy?” gã hỏi, giọng thỏ thẻ vì e dè và tội lỗi, mắt vẫn chưa dám nhìn thẳng. Gã nghĩ họ bắt gã để kết tội gã về

vụ va chạm trên không và cái chết của Nately. “Tôi đã làm gì?”

“Tại sao anh không câm mồm lại và để cho chúng tôi hỏi?” viên đại tá nói.

“Đừng nói với anh ta kiểu đó,” viên thiếu tá nói. “Không cần phải tỏ ra thiếu tôn trọng như vậy.”

“Vậy thì hãy bảo anh ta câm miệng lại và để cho chúng ta hỏi đi.”

“Thưa Cha, làm ơn câm miệng lại và để cho chúng tôi hỏi,” viên thiếu tá thúc giục với vẻ cảm thông. “Như vậy sẽ tốt hơn cho Cha.”

“Không cần phải gọi tôi là Cha,” cha tuyên úy nói. “Tôi không phải là người theo Công giáo Roma.”

“Tôi cũng vậy, thưa Cha,” viên thiếu tá nói. “Chỉ đơn giản tôi là một người rất mộ đạo, và tôi thích gọi tất cả những người phụng sự Chúa là Cha.”

“Anh ta thậm chí còn không tin có những gã vô thần ở trong các hố cá nhân,” viên đại tá chế giễu, thân thiện huých khuỷu tay vào sườn cha tuyên úy. “Nào, cha tuyên úy, nói cho anh ta đi. Trong các hố cá nhân có bọn vô thần phải không?”

“Tôi không biết, thưa sếp,” cha tuyên úy trả lời. “Tôi chưa từng ở trong một hố cá nhân nào.”

Viên sĩ quan ở ghế trước quay ngoắt xuống, lộ mặt gây sự. “Anh cũng chưa từng ở thiên đường, có phải không? Nhưng anh vẫn biết là có thiên đường, đúng chứ hả?”

“Hay là không?” viên đại tá nói.

“Cha đã phạm tội rất nặng, thưa Cha,” viên thiếu tá nói.

“Tội gì cơ?”

“Giờ thì chúng tôi vẫn chưa biết,” viên đại tá nói. “Nhưng chúng tôi sẽ tìm ra. Và chúng tôi tin chắc rằng đó là một tội rất nghiêm trọng.” Chiếc xe ngoặt khỏi đường lớn rẽ vào trụ sở liên đoàn, bánh xe rít lên, chỉ hơi giảm tốc một chút và tiếp tục phi vòng qua bãi để xe tới phía sau tòa nhà. Ba sĩ quan cùng cha tuyên úy ra khỏi xe. xếp thành một hàng, họ dẫn cha tuyên úy tới cầu thang gỗ ọp ẹp đi xuống tầng hầm và đưa gã vào một căn phòng ẩm ướt, u ám với trần xi măng thấp và những bức tường đá dang dở. Góc nào cũng chăng đầy mạng nhện. Một con rết lớn đang bò qua sàn tới ẩn mình dưới một ống nước. Họ đẩy cha tuyên úy tới ngồi trên một chiếc ghế cứng, lưng thẳng đặt sau một chiếc bàn nhỏ, trống trơn.

“Cứ tự nhiên nhé, cha tuyên úy,” viên đại tá thân mật yêu cầu, bật một chiếc đèn rọi lên và chiếu thẳng vào mặt cha tuyên úy. Gã đặt một bộ tay gấu[76] bằng đồng và một hộp diêm lên bàn. “Chúng tôi muốn anh thư giãn.”

Mắt cha tuyên úy như lồi ra trong kinh ngạc. Răng gã va vào nhau lập cập và tay chân bỗng nhũn như chi chi. Gã chẳng còn chút sức lực nào. Họ có thể làm bất cứ điều gì họ muốn với gã, gã chợt nhận ra; những kẻ tàn bạo này có thể đánh gã đến chết ở ngay tại đây dưới tầng hầm này, mà không có ai can thiệp để cứu gã, không có ai, có lẽ, ngoài viên thiếu tá mộ đạo đáng mến mặt xương đang mở cho vòi nước nhỏ tong tong ồn ã vào bồn rồi quay lại chỗ cái bàn đặt xuống một khúc ống cao su dài nặng bên cạnh bộ tay gấu bằng đồng.

“Mọi thứ sẽ ổn thôi, cha tuyên úy,” viên thiếu tá động viên. “Cha không có gì phải sợ nếu như Cha không có tội. Cha sợ gì chứ? Cha đâu có tội, phải không?”

“Chắc chắn là anh ta có tội rồi,” viên đại tá nói. “Tội lỗi kinh khủng luôn.”

“Tội gì cơ?” cha tuyên úy nài nỉ, cảm thấy mỗi lúc một hoang mang mà không biết mình phải cầu xin ơn huệ của ai trong đám bọn họ. Viên sĩ quan thứ ba không đeo quân hàm và im lặng ẩn mình sang một bên. “Tôi đã làm gì nào?”

“Đó chính là những gì mà chúng tôi sẽ tìm ra,” viên đại tá trả lời, đẩy một tập giấy và một chiếc bút chì qua bàn tới chỗ cha tuyên úy. “Hãy viết tên của anh cho chúng tôi, được không? Viết bằng chữ viết tay của anh.”

“Chữ viết tay của tôi ư?”

“Đúng thế. Viết vào bất cứ chỗ nào trên trang giấy cũng được.” Khi cha tuyên úy viết xong, viên đại tá lấy tập giấy lại và cầm nó lên đối chiếu với một tờ giấy khác mà gã vừa lấy ra từ một cặp hồ sơ. “Thấy không?” gã nói với viên thiếu tá, kẻ đã tới bên gã và đang long trọng nhòm qua vai.

“Chúng không phải là một, phải vậy không?” viên thiếu tá thừa nhận.

“Tôi đã bảo anh là chính anh ta làm chuyện đó mà.”

“Làm chuyện gì?” cha tuyên úy hỏi.

“Cha tuyên úy, điều này quả là một cú sốc lớn đối với tôi đấy,” viên thiếu tá buộc tội bằng một giọng buồn đau trĩu nặng.

“Điều gì cơ?”

“Cha không thể biết được tôi đã thất vọng vì Cha tới mức nào.”

“Thất vọng vì cái gì?” cha tuyên úy hỏi, càng cuống hơn. “Tôi đã làm gì?”

“Vì cái này,” viên thiếu tá đáp, và, với một vẻ ghê tởm vỡ mộng, ném lên bàn tập giấy mà cha tuyên úy vừa viết lên. “Đây không phải là chữ viết tay của Cha.”

Cha tuyên úy chớp mắt lia lịa vì kinh ngạc. “Nhưng đó tất nhiên là chữ viết tay của tôi mà.”

“Không, đó không phải, cha tuyên úy. Cha lại nói dối rồi.”

“Nhưng tôi vừa viết đó thôi!” cha tuyên úy giận dữ kêu lên. “Anh vừa thấy tôi viết còn gì.”

“Chính thế,” viên thiếu tá cay đắng trả lời. “Tôi đã nhìn thấy cha viết. Cha không thể chối là Cha đã viết. Một người đã dối trá đến cả chữ viết tay của mình thì chuyện gì cũng sẽ dối trá được.”

“Nhưng ai đã dối trá về chữ viết tay của tôi cơ?” cha tuyên úy chất vấn, thoáng quên nỗi sợ hãi trong làn sóng giận dữ và phẫn nộ đột ngột dâng trào. “Anh điên rồi hả? Cả hai người đang nói về cái gì vậy?”

“Chúng tôi đã bảo Cha viết tên của mình bằng chữ viết tay của mình. Và Cha đã không làm điều đó.”

“Nhưng hiển nhiên là tôi đã viết. Nếu không phải là chữ viết tay của tôi thì còn là chữ viết tay của ai khác đây?”

“Của ai đó.”

“Ai?”

“Đó chính là điều mà chúng tôi sẽ tìm ra,” viên đại tá đe dọa.

“Nói đi, cha tuyên úy.”

Cha tuyên úy nhìn từ người này sang người kia với sự hoài nghi và cơn kích động mỗi lúc một tăng. “Chữ viết tay đó là của tôi,” gã kịch liệt khẳng định. “Nếu đó không phải thì đâu là chữ viết tay của tôi?”

“Ngay đây,” viên đại tá trả lời. Và với một vẻ đậm chất bề trên, gã thảy xuống bàn bản sao của một mẫu V-mail với tất cả nội dung thư đã bị xóa đi ngoại trừ dòng “Mary thân yêu” còn viên sĩ quan kiểm duyệt thì viết, “Anh khát khao em đến nát tan. R.O. Shipman, Cha tuyên úy, Quân đội Mỹ, R.O. Shipman, Cha tuyên úy, Quân đội Mỹ.” Viên đại tá mỉm cười khinh bỉ khi nhìn gương mặt cha tuyên úy đỏ ửng lên. “Thế nào, cha tuyên úy? Anh có biết ai viết dòng đó không?”

Khá lâu sau cha tuyên úy mới trả lời; gã đã nhận ra đó là chữ viết tay của Yossarian. “Không.”

“Anh biết đọc chứ, có phải không?” viên đại tá châm chọc. “Tác giả đã viết tên của mình lên đó.”

“Đó là tên của tôi.”

“Thế thì chính anh đã viết ra nó. Q.E.D.[77]”

“Nhưng tôi không viết ra nó. Đó cũng không phải là chữ viết tay của tôi.”

“Vậy thì anh đã lại ký tên của anh bằng chữ viết tay của ai đó,” viên đại tá nhún vai bác bỏ. “Chuyện là thế đấy.”

“Ôi, thật lố bịch!” cha tuyên úy hét lên, đột ngột cạn sạch kiên nhẫn. Gã đứng bật dậy trong lửa giận bừng bừng, hay nắm tay siết chặt lại. “Tôi sẽ không chịu đựng chuyện này thêm một chút nào nữa đâu! Các người có nghe thấy không? Mười hai người vừa bị giết, và

tôi không có thời gian cho những câu hỏi ngớ ngẩn như này. Các người không có quyền giữ tôi ở đây, tôi sẽ không chấp nhận điều đó."

Không nói một lời, viên đại tá đẩy mạnh ngực cha tuyên úy một cái khiến cho gã rơi lại xuống ghế, và đột nhiên cha tuyên úy lại cảm thấy yếu ớt và sợ hãi vô cùng. Viên thiếu tá cầm khúc ống cao su lên và bắt đầu đập đập nó lên lòng bàn tay đầy đe dọa. Viên đại tá nhấc bao diêm lên, lấy ra một que và tì nó lên mặt đánh lửa, mắt sáng quắc chờ đợi hành vi chống đối tiếp theo của cha tuyên úy. Cha tuyên úy tái mét và sợ đến cứng người. Ánh đèn rọi sáng chói cuối cùng cũng khiến gã quay mặt đi; tiếng nước nhỏ giọt ngày càng to và gây khó chịu tới mức gần như không chịu nổi. Gã ước họ cho gã biết họ muốn gì để gã còn biết đường mà thú tội. Gã căng thẳng chờ đợi khi viên sĩ quan thứ ba, nhận được dấu hiệu từ viên đại tá, lững thững bước tới từ phía bức tường và ngồi xuống bên bàn, chỉ cách cha tuyên úy có vài xăng ti mét. Mặt gã vô cảm, mắt gã soi mói và lạnh lùng.

"Tắt đèn đi," gã ngoái lại nói với giọng trầm, điềm tĩnh. "Nhìn rất khó chịu."

Cha tuyên úy quay sang gã mỉm cười biết ơn. "Cảm ơn sếp. Và làm ơn tắt cả vòi nước nữa."

"Vòi nước thì cứ để đấy," viên sĩ quan này nói. "Tôi thấy không sao." Gã kéo ống quần lên một chút, như thể để gìn giữ mấy đường li điệu đà. "Cha tuyên úy này," gã thân mật hỏi, "anh theo giáo phái nào?"

"Tôi theo dòng Anabaptist, thưa sếp."

"Đó là một giáo phái đầy khả nghi, có phải không nhỉ?"

“Đầy khả nghi ư?” cha tuyên úy ngạc nhiên ngơ ngác hỏi. “Tại sao lại thế, thưa sếp?”

“À thì tôi chả biết một chút gì về nó. Anh cũng phải thừa nhận thế chứ, phải không? Chẳng phải riêng việc tôi chả biết chút gì về nó cũng đã khiến nó khá là khả nghi rồi sao?”

“Tôi không biết nữa, thưa sếp,” cha tuyên úy trả lời đầy khách sáo, hơi lắp bắp mất tự nhiên. Gã bối rối trước việc tay này không đeo quân hàm và thậm chí còn không biết là gã có phải nói “thưa sếp” nữa hay không. Tay này là ai vậy? Và hắn có quyền được tra hỏi gã không?

“Cha tuyên úy, tôi đã từng học tiếng Latin. Tôi nghĩ việc tôi cảnh báo trước anh như thế sẽ công bằng hơn đối với anh trước khi tôi hỏi câu tiếp theo. Từ Anabaptist có nghĩa rằng anh không phải là một giáo sĩ Baptist, phải vậy không?”

“Ồ không thưa sếp. Không chỉ đơn giản có vậy.”

“Anh có phải là một giáo sĩ Baptist không?”

“Không thưa sếp.”

“Vậy thì anh không phải là một giáo sĩ Baptist, có phải không?”

“Thế thì sao ạ, thưa sếp?”

“Tôi không hiểu tại sao anh lại tranh cãi với tôi về điểm này. Anh vừa thừa nhận xong. Giờ, cha tuyên úy, việc anh không phải là giáo sĩ Baptist cũng không nói được điều gì về anh, có phải vậy không? Anh có thể là bất cứ thứ gì hay bất cứ ai.” Gã rướn người về phía trước một chút, cử chỉ của gã khoác thêm vẻ sắc sảo và trịnh trọng. “Anh thậm chí còn có thể là,” gã nói, “Washington Irving, nhỉ?”

“Washington Irving?” cha tuyên úy ngạc nhiên hỏi lại.

“Thôi đi nào, Washington,” viên đại tá béo ú cáu kỉnh chen vào. “Tại sao anh không thành khẩn thú tội đi cho xong? Chúng tôi biết anh đã trộm trái cà chua mận đó.”

Sau một lúc im lặng vì bị sốc, cha tuyên úy thở phào và cười khúc khích. “Ồ, hóa ra là chuyện đó hả!” gã thốt lên. “Giờ thì tôi đã bắt đầu hiểu rồi. Tôi không trộm trái cà chua mận đó, thưa sếp. Đại tá Cathcart đã đưa nó cho tôi. Ông có thể hỏi lại ông ấy nếu như không tin tôi.”

Cửa mở ở bức tường phía bên kia phòng và đại tá Cathcart bước vào tầng hầm như thể chui ra từ trong tủ.

“Xin chào đại tá. Thưa đại tá, anh ta tuyên bố rằng ông đã đưa cho anh ta trái cà chua mận đó. Có đúng vậy không?”

“Tại sao tôi lại phải đưa cho anh ta một trái cà chua mận?” đại tá Cathcart nói.

“Xin cảm ơn đại tá. Đó là tất cả những gì chúng tôi cần hỏi.”

“Rất hân hạnh, thưa đại tá,” đại tá Cathcart đáp, rồi bước ra khỏi tầng hầm và đóng cửa lại.

“Thế nào, cha tuyên úy. Giờ thì anh có gì để nói?”

“Ông ta đã đưa nó cho tôi thật mà!” cha tuyên úy rít qua kẽ răng trong giận dữ và sợ hãi. “Ông ta đã đưa nó cho tôi thật mà!”

“Anh không định kết tội một thượng cấp của anh là kẻ nói dối chứ, cha tuyên úy?”

“Tại sao thượng cấp của anh lại phải đưa cho anh một quả cà chua mận, cha tuyên úy?”

“Có phải đó là lý do tại sao anh cố đưa nó cho trung sĩ Whitcomb không, cha tuyên úy? Bởi vì nó là một quả cà chua ăn cắp được?”

“Không, không, không,” cha tuyên úy phản đối, khổ sở tự hỏi tại sao bọn họ lại không thể hiểu. “Tôi muốn tặng nó cho trung sĩ Whitcomb bởi vì tôi không muốn nó.”

“Nếu anh không muốn thì tại sao anh lại đánh cắp nó từ chỗ đại tá Cathcart?”

“Tôi không đánh cắp nó từ chỗ đại tá Cathcart!”

“Vậy nếu anh không đánh cắp nó thì tại sao anh lại có tội?”

“Tôi không có tội!”

“Nếu anh không có tội thì tại sao chúng tôi lại phải tra hỏi anh?”

“Ôi tôi không biết,” cha tuyên úy rên lên, các ngón tay vặn chặt lấy nhau ở trong lòng, lắc cái đầu khốn khổ đang cúi gằm “Tôi không biết.”

“Anh ta cho rằng chúng ta thừa thời gian đấy,” viên thiếu tá khịt mũi khinh bỉ.

“Cha tuyên úy,” viên sĩ quan không đeo quân hàm tiếp tục hỏi với nhịp độ từ tốn hơn, rút ra một tờ giấy màu vàng có chữ đánh máy từ cặp tài liệu, “Tôi có ở đây một bản tuyên bố có chữ ký của đại tá Cathcart khẳng định rằng anh đã lấy trộm quả cà chua mận đó từ chỗ ông ấy.” Gã đặt úp tờ giấy đó xuống một bên cặp tài liệu, rồi lấy thêm tờ thứ hai. “Và tôi có một bản khai có tuyên thệ được công chứng của trung sĩ Whitcomb, trong đó anh ta tuyên bố rằng anh ta biết quả cà chua đó là đồ ăn cắp từ cái cách mà anh đã cố đẩy nó sang cho anh ta.”

“Tôi xin thề trước Chúa rằng tôi không lấy trộm nó, thưa sếp,” cha tuyên úy van vỉ trong cùng quẫn, gần như phát khóc. “Tôi xin thề độc với ông rằng đó không phải là một quả cà chua ăn cắp.”

“Cha tuyên úy, anh có tin Chúa không?”

“Có, thưa sếp. Dĩ nhiên là có tin rồi.”

“Thế thì quả là kỳ cục, cha tuyên úy ạ,” viên sĩ quan nói, lấy ra thêm một tờ giấy màu vàng có chữ đánh máy nữa, “bởi vì lúc này trong tay tôi đang có một bản tuyên bố nữa của đại tá Cathcart mà trong đó ông ta thề rằng anh đã từ chối hợp tác với ông ta trong việc tổ chức cầu nguyện tại phòng tác chiến trước mỗi trận đánh.”

Sau một hồi ngơ ngác, cha tuyên úy gật đầu nhớ ra. “Ồ, điều đó không hoàn toàn chính xác, thưa sếp,” gã sốt sắng giải thích. “Chính đại tá Cathcart cũng đã từ bỏ ý nghĩ đó khi ông ta nhận ra rằng lính cũng cầu nguyện tới cùng một Chúa như sĩ quan.”

“Ông ta làm gì cơ?” viên sĩ quan thốt lên kinh ngạc.

“Thật là nhảm nhí!” viên đại tá mặt mũi đỏ gay tuyên bố, và bực bội đạo mạo quay mặt đi.

“Anh ta hy vọng chúng ta sẽ tin điều đó thật ư?” viên thiếu tá kêu lên như không thể tin nổi.

Viên sĩ quan không có quân hàm khùng khục cười nhạo báng. “Cha tuyên úy, chẳng phải là anh đang đi hơi quá xa rồi ư?” gã hỏi với một nụ cười khoan dung nhưng lạnh nhạt.

“Nhưng, thưa sếp, đó là sự thật, thưa sếp! Tôi xin thề đó là sự thật.”

“Tôi không thấy chuyện đó có phải sự thật hay không thì có nghĩa lý gì,” viên sĩ quan thờ ơ đáp và lại với sang cặp tài liệu đầy giấy má. “Cha tuyên úy, có phải để trả lời câu hỏi của tôi, anh đã nói rằng anh có tin vào Chúa? Tôi không nhớ nữa.”

“Vâng, thưa sếp. Tôi đã nói vậy, thưa sếp. Tôi rất tin Chúa.”

“Vậy thì quả là rất kỳ cục, cha tuyên úy, bởi vì tôi có ở đây một bản khai có tuyên thệ của đại tá Cathcart trong đó khẳng định rằng anh đã từng nói với ông ta rằng vô thần thì không phải là phạm pháp. Anh có nhớ mình đã từng nói như vậy với ai không?”

Cha tuyên úy gật đầu không chút do dự, giờ thì đã cảm thấy vững tin hơn. “Vâng, thưa sếp. Đúng là tôi đã nói như vậy. Tôi nói vậy bởi vì điều đó là đúng. Vô thần không phải là phạm pháp.”

“Nhưng chẳng có lý do gì để tự dưng tuyên bố như vậy, phải không, cha tuyên úy?” viên sĩ quan gay gắt mắng, mặt cau lại không tán thành, rồi lại lấy ra một tờ đánh máy, có công chứng. “Và đây là một bản tuyên bố có tuyên thệ của trung sĩ Whitcomb với nội dung là anh đã phản đối kế hoạch gửi thư chia buồn với chữ ký của đại tá Cathcart tới người thân của những người bị thương hoặc bị chết trận. Có phải vậy không?”

“Vâng, thưa sếp, đúng là tôi đã phản đối kế hoạch đó,” cha tuyên úy trả lời. “Và tôi tự hào vì mình đã làm điều đó. Những bức thư đó không chân thành và không trung thực. Mục đích duy nhất của chúng là đem lại vinh quang cho đại tá Cathcart.”

“Nhưng điều đó thì có khác gì?” viên sĩ quan đáp lời. “Chúng vẫn đem lại sự khuây khỏa và niềm an ủi cho những gia đình nhận thư,

có phải vậy không? Cha tuyên úy, thực sự là tôi không thể hiểu được lối suy nghĩ của anh."

Cha tuyên úy rơi vào thế bí và không thể kiếm được câu trả lời. Gã cúi đầu, cảm thấy cứng lưỡi và ngu ngốc.

Viên đại tá mập mạp hồng hào mạnh mẽ bước tới với một ý tưởng bất ngờ. "Sao chúng ta không nện cho phòi bộ óc đáng nguyền rủa của anh ta ra nhỉ?" gã hào hứng nhiệt thành gợi ý.

"Đúng, chúng ta có thể nện cho phòi bộ óc đáng nguyền rủa của anh ta ra, phải không?" viên thiếu tá mặt diều hâu nhất trí. "Anh ta chỉ là một giáo sĩ Anabaptist."

"Không, trước hết chúng ta cần phải chứng minh được anh ta có tội đã," viên sĩ quan không có quân hàm thận trọng từ tốn phẩy tay gạt đi. Gã nhẹ nhàng chuồi người xuống sàn và đi vòng sang phía bên kia bàn, chống bàn tay lên mặt bàn đối mặt với cha tuyên úy. Vẻ mặt gã sầm sì và nghiêm khắc, kiên nghị và hãm tài. "Cha tuyên úy," gã đanh thép tuyên bố như tòa án, "chúng tôi chính thức buộc anh tội giả danh Washington Irving và đã tùy tiện kiểm duyệt, một cách đồng bóng và trái phép, thư từ của các sĩ quan và binh lính. Anh có tội hay vô tội?"

"Vô tội, thưa sếp." Cha tuyên úy lè cái lưỡi khô ra liếm cặp môi khô và căng thẳng rướn người ra phía trước, ngồi mím trên mép ghế.

"Có tội," viên đại tá nói.

"Có tội," viên thiếu tá nói.

"Vậy là có tội," viên sĩ quan không đeo quân hàm kết luận và viết một từ lên một trang giấy trong cặp hồ sơ. "Cha tuyên úy," gã tiếp

tục nói, mắt ngước lên nhìn, “chúng tôi cũng buộc anh tội đã gây ra những tội ác và vi phạm mà thậm chí chúng tôi còn chưa phát hiện ra. Có tội hay vô tội?”

“Tôi không biết, thưa sếp. Làm sao tôi biết được nếu như ông không nói cho tôi xem đó là những tội gì?”

“Làm sao chúng tôi có thể nói cho anh biết được khi chúng tôi cũng không biết?”

“Có tội,” viên đại tá quyết định.

“Tất nhiên là anh ta có tội,” viên thiếu tá hùa theo. “Nếu đó là những tội lỗi và vi phạm của anh ta thì chắc chắn là anh ta đã gây ra chúng.”

“Vậy là có tội,” viên sĩ quan không đeo quân hàm lầm rầm, rồi lại tránh sang một bên phòng. “Giờ thì anh ta thuộc về anh đó, đại tá.”

“Cảm ơn,” viên đại tá tán thành. “Anh làm việc cừ lắm.” Gã quay sang phía cha tuyên úy. “Được rồi, cha tuyên úy, trò chơi kết thúc rồi. Đi dạo chút đi.”

Cha tuyên úy không hiểu. “Ông muốn tôi làm gì cơ?”

“Thôi nào, biến đi, tôi đã bảo anh rồi!” viên đại tá gầm lên, điên tiết trỏ ngón cái qua vai ra dấu. “Biến khỏi đây ngay lập tức!”

Cha tuyên úy sốc trước lời nói và giọng điệu hiếu chiến đó và, trước sự kinh ngạc và hoang mang của chính gã, gã thực sự thất vọng vì bọn họ sắp thả gã đi. “Không phải là các ông định trừng phạt tôi à?” gã ngạc nhiên càu nhàu hỏi.

“Chết tiệt, anh nói đúng rồi đấy, bọn tôi sẽ trừng phạt anh. Nhưng dĩ nhiên là bọn tôi sẽ không để cho anh lảng vảng ở đây trong khi

bọn tôi quyết định xem sẽ trừng phạt anh như thế nào và vào lúc nào. Nên là đi đi. Phắn đi.”

Cha tuyên úy rón rén đứng dậy thử bước đi vài bước. “Tôi được tự do đi thật hả?”

“Tạm thời thì là vậy. Nhưng đừng có cố trốn khỏi đảo này. Chúng tôi đã ghi sổ anh rồi, cha tuyên úy. Cứ nhớ rằng chúng tôi đang giám sát anh hai mươi bốn giờ một ngày là được.”

Không thể hiểu nổi tại sao họ lại cho phép gã rời đi. Cha tuyên úy dè dặt bước về phía lối ra, sẵn sàng tinh thần bất cứ lúc nào cũng có thể bị một giọng hống hách ra lệnh cho quay lại hoặc sẽ bị chặn lại giữa đường bởi một cú đấm mạnh vào vai hoặc vào đầu. Nhưng họ chẳng làm gì như vậy. Gã tìm đường qua những hành lang cũ kỹ, tối tăm, ẩm thấp để tới cầu thang. Gã loạng choạng và hổn hển leo hết các bậc thang ra ngoài trời. Ngay khi vừa thoát được, một cảm giác giận dữ mang tính đạo đức chợt ập tới tràn ngập trong gã. Gã điên tiết, điên tiết trước những sự việc bạo tàn xảy ra trong ngày hôm ấy hơn mọi điều gã từng cảm thấy trong suốt cuộc đời mình trước đó. Gã lướt qua cái sảnh mênh mông vang vọng của tòa nhà trong tâm trạng oán giận hừng hực và bất khả dung thứ. Gã không thể chịu đựng chuyện này thêm một chút nào nữa, gã tự nhủ, đơn giản là gã sẽ không thể chịu đựng chuyện này nữa. Khi gã ra tới lối vào tòa nhà, gã phát hiện thấy, với cảm giác may mắn, trung tá Korn đang một mình nhảy nước kiệu lên những bậc thang rộng. Hít một hơi dài để lấy dũng khí, gã dũng cảm tiến tới chặn tay trung tá lại.

“Thưa trung tá, tôi không thể chấp nhận chuyện này thêm một chút nào nữa,” gã tuyên bố với vẻ quyết tâm dữ dội, và thất vọng

nhìn tay trung tá tiếp tục nhảy lên các bậc thang mà thậm chí còn không để ý gì tới gã. “Trung tá Korn!”

Cái dáng người béo phệ của viên sĩ quan cấp trên dừng, quay lại và từ từ nhảy từng bậc xuống. “Có chuyện gì vậy, cha tuyên úy?”

“Trung tá Korn, tôi muốn nói chuyện với ông về vụ va chạm sáng nay. Đó quả là một điều khủng khiếp, khủng khiếp!” Trung tá Korn im lặng một lúc, nhìn cha tuyên úy, thoáng vẻ thích thú giễu cợt. “Phải, cha tuyên úy ạ, dĩ nhiên là nó thật khủng khiếp,” cuối cùng gã cũng nói. “Tôi không biết làm sao có thể viết báo cáo về vụ này mà không khiến cho chúng ta mất mặt.”

“Ý tôi không phải là như vậy,” cha tuyên úy gắt gỏng không chút sợ hãi. “Trong số mười hai người đó đã có vài người hoàn thành bảy mươi trận.”

Trung tá Korn phá lên cười. “Liệu có bớt khủng khiếp hơn chút nào không nếu như tất cả bọn họ đều là lính mới?” gã châm chọc hỏi lại.

Một lần nữa cha tuyên úy lại bí. Thứ logic phi đạo đức này dường như lần nào cũng khiến gã rối trí. Khi gã tiếp tục nói thì đã không còn tự tin như trước, giọng gã hơi run. “Thưa sếp, đơn giản là chúng ta không thể bắt người của mình bay tới tám mươi trận trong khi người ở những liên đoàn khác được trở về nhà chỉ sau có năm mươi, năm mươi lăm trận.”

“Chúng tôi sẽ xem xét chuyện này,” trung tá Korn chán nản thờ ơ nói, và lại bước đi. “*Adios*[78], Cha.”

“Nghĩa là sao, thưa sếp?” cha tuyên úy không bỏ cuộc, giọng đã gần như rít lên.

Trung tá Korn khó chịu dừng lại và lùi lại một bước. “Có nghĩa là chúng tôi sẽ suy nghĩ về chuyện đó, Cha ạ,” gã trả lời, châm biếm và khinh miệt. “Anh không muốn chúng tôi làm bất cứ điều gì mà không suy nghĩ đấy chứ, phải không?”

“Không, thưa sếp, tôi thì chắc là không. Nhưng không phải là các ông vẫn đang suy nghĩ về chuyện đó rồi sao?”

“Đúng vậy, Cha ạ, chúng tôi đã và đang nghĩ về chuyện đó. Nhưng để cho anh vui, chúng tôi sẽ nghĩ thêm, và anh sẽ là người đầu tiên chúng tôi nói cho biết nếu như chúng tôi ra được quyết định mới. Còn giờ thì, *adios*.” Trung tá Korn lại quay đi và bước vội lên các bậc cầu thang.

“Trung tá Korn!” Tiếng kêu của cha tuyên úy khiến trung tá Korn dừng lại thêm một lần nữa. Gã chầm chậm quay đầu lại về phía cha tuyên úy với vẻ sốt ruột rầu rĩ. Lời lẽ phụt ra từ cha tuyên úy thành một dòng hồi hộp. “Thưa sếp, tôi muốn xin phép sếp được đưa vấn đề này lên tướng Dreedle. Tôi muốn đưa kháng nghị của mình lên Không đoàn.”

Quả quai hàm bự chảng u ám của trung tá Korn chợt phình ra vì phải cố nén một tiếng cười hô hố, và phải mất một lúc gã mới đáp được lời. “Được thôi, Cha ạ,” gã hân hoan ranh mãnh trả lời, phải cố lắm mới giữ được mặt nghiêm chỉnh. “Tôi cho phép Cha nói chuyện với tướng Dreedle.”

“Xin cảm ơn sếp. Tôi nghĩ sẽ là công bằng hơn khi tôi muốn báo trước rằng tôi cũng có chút ảnh hưởng tới tướng Dreedle.”

“Cha thật tốt khi cảnh báo trước cho tôi như vậy. Và tôi cũng nghĩ sẽ công bằng hơn khi tôi cảnh báo trước rằng Cha sẽ không gặp

được tướng Dreedle ở Không đoàn đâu.” Trung tá Korn nhăn nhở cười hiểm ác rồi phá lên cười hô hố. “Tướng Dreedle đi rồi, thưa Cha. Và tướng Peckem đã tới. Chúng ta có Không đoàn trưởng mới.”

Cha tuyên úy kinh ngạc. “Tướng Peckem!”

“Đúng vậy, thưa Cha. Cha có ảnh hưởng gì tới ông ta không?”

“Ôi tôi thậm chí còn không biết tướng Peckem,” cha tuyên úy khốn khổ nói.

Trung tá Korn lại cười sằng sặc. “Thế thì chán quá, cha tuyên úy ạ, bởi vì đại tá Cathcart lại rất thân thiết với ông ấy.” Trung tá Korn hể hả khùng khục cười trong một vài giây, rồi đột ngột dừng lại. “À mà này, thưa Cha,” gã lạnh lùng cảnh báo, gí ngón tay vào ngực cha tuyên úy đẩy nhẹ. “Trò mèo giữa Cha và bác sĩ Stubbs thế là hết rồi nhé. Chúng tôi biết rõ rằng chính ông ta đã cử Cha tới đây hôm nay.”

“Bác sĩ Stubbs ư?” Cha tuyên úy kinh ngạc lắc đầu phản đối. “Tôi chưa gặp bác sĩ Stubbs bao giờ, thưa trung tá. Tôi bị ba sĩ quan lạ mặt đưa tới đây, rồi họ đẩy tôi xuống tầng hầm dù không được phép, rồi họ tra hỏi và sỉ nhục tôi.”

Trung tá Korn lại trỏ vào ngực cha tuyên úy một lần nữa. “Cha biết quá rõ rằng bác sĩ Stubbs vẫn bảo với người trong phi đoàn của ông ta rằng họ không phải bay quá bảy mươi trận.” Gã cười cay nghiệt. “Chậc, thưa Cha, họ sẽ phải bay quá bảy mươi trận thật đấy, bởi vì chúng tôi đã chuyển bác sĩ Stubbs tới Thái Bình Dương. Vậy nên là, *adios*, Cha. *Adios*.”

37 TƯỚNG SCHEISSKOPF

Dreedle đã đi, và tướng Peckem đã đến, nhưng trong khi tướng Peckem hầu như còn chưa kịp ngồi hẳn vào phòng làm việc của tướng Dreedle thế chỗ ông ta thì chiến thắng quân sự tuyệt vời này bắt đầu tan tành thành từng mảnh.

"*Tướng* Scheisskopf ư?" ông thật thà hỏi khi viên trung sĩ ở văn phòng mới thông báo cho ông về lệnh mới tới sáng hôm đó. "Ý anh là *đại tá* Scheisskopf, có phải không?"

"Không, thưa sếp, tướng Scheisskopf. Sáng nay ông ấy đã được thăng lên hàm tướng, thưa sếp."

"Ồ, thú vị quá nhỉ! Scheisskopf ư? Tướng ấy hả? Cấp nào?"

"Trung tướng, thưa sếp, và…"

"Trung tướng cơ đấy!"

"Vâng, thưa sếp, và ông ấy muốn sếp không được đưa ra mệnh lệnh nào cho bất cứ ai dưới quyền mà không thông qua ông ấy trước."

"Ồ, khốn nạn cái thân tôi," tướng Peckem trầm ngâm sửng sốt, và chửi thề rõ to, có lẽ là lần đầu tiên trong đời. "Cargill, anh có nghe thấy không? Scheisskopf đã được thăng vượt cấp lên tới hàm trung

tướng. Tôi cá vụ thăng cấp đó là để dành cho tôi, nhưng họ lại chuyển nhầm cho gã.”

Đại tá Cargill vẫn đang xoa cái cằm rắn rỏi của gã trong suy tưởng. “Tại sao gã lại được phép ra lệnh cho chúng ta?”

Khuôn mặt mỡ màng, trơn láng và nổi bật của tướng Peckem cau lại. “Đúng vậy, trung sĩ,” ông chầm chậm nói, nhíu mày khó hiểu. “Tại sao gã lại được phép ra lệnh cho chúng ta nếu như gã vẫn ở trong Lực lượng Đặc nhiệm còn chúng ta là đơn vị chiến đấu?”

“Đó lại là một thay đổi nữa vào sáng nay, thưa sếp. Tất cả các đơn vị chiến đấu bây giờ đều được đặt dưới quyền chỉ huy của Lực lượng Đặc nhiệm. Tướng Scheisskopf giờ là chỉ huy mới của chúng ta.”

Tướng Peckem buột ra một tiếng thét. “Ôi Chúa ơi!” ông rền rĩ, và toàn bộ sự điềm tĩnh có được của ông đã nổ tung thành bấn loạn. “Scheisskopf cầm quyền ư? *Scheisskopf?*” Ông kinh hoàng ấn nắm đấm tay vào mắt. “Cargill, cho tôi nói chuyện với Wintergreen! *Scheisskopf* ư? Không thể là *Scheisskopf* được!”

Tất cả điện thoại cùng đổ chuông một lúc. Một hạ sĩ chạy vào giơ tay chào.

“Thưa sếp, có một cha tuyên úy ở ngoài đang muốn gặp sếp báo về một vụ việc bất công đang xảy ra ở phi đoàn của đại tá Cathcart.”

“Tống cổ hắn đi, tống cổ hắn đi! Chúng ta đã có đủ bất công ở đây rồi. Wintergreen đâu?”

“Thưa sếp, tướng Scheisskopf đang trên đường dây điện thoại. Ông ấy muốn nói chuyện với sếp ngay lập tức.”

“Bảo với gã rằng tôi vẫn chưa chuyển đến. Chúa ơi!” tướng Peckem thét lên, như thể lần đầu tiên gặp phải một thảm họa kinh khủng. “*Scheisskopf?* Gã đó là một thằng đần! Tôi hơn đứt gã đầu đất đó, và giờ thì gã là thượng cấp của tôi. Ôi, Chúa ơi! Cargill! Cargill, đừng bỏ rơi tôi! Wintergreen đâu?”

“Thưa sếp, cựu binh nhất Wintergreen đang đợi trên đường dây điện thoại thứ hai của sếp. Anh ta đã cố gọi cho sếp cả sáng nay.”

“Thưa sếp, tôi không thể kết nối được với Wintergreen,” đại tá Cargill hét lên. “Điện thoại của anh ta đang bận.”

Khi chộp được chiếc điện thoại thứ hai thì tướng Peckem đã đổ mồ hôi ròng ròng.

“Wintergreen!”

“Peckem, đồ chó đẻ…”

“Wintergreen, anh có biết họ đã làm gì không?”

“… ông đã làm gì vậy, đồ con hoang đần độn kia?”

“Họ đã đưa Scheisskopf lên nắm toàn quyền ở đây!”

Wintergreen ré lên giận dữ và hoảng loạn. “Ông và đống *memorandums* chết tiệt của ông! Chúng đã khiến cho các đơn vị chiến đấu giờ lại đặt dưới quyền Lực lượng Đặc nhiệm!”

“Ồ không,” tướng Peckem rên lên. “Có phải đó là lý do không? Đống *memoranda* của tôi? Có phải đó là lý do họ cho Scheisskopf lên nắm quyền? Tại sao họ không cho tôi lên?”

“Bởi vì ông không còn nằm trong Lực lượng Đặc nhiệm nữa. Ông đã chuyển đi để lại gã nắm quyền chứ còn gì. Và ông có biết gã

khốn đó muốn gì không? Ông có biết thằng con hoang đó muốn tất cả chúng ta làm gì không?”

“Thưa sếp, tôi nghĩ là ông nên nói chuyện với tướng Scheisskopf,” viên trung sĩ căng thẳng nài nỉ. “Ông ấy cứ khăng khăng muốn gặp ai đó.”

“Cargill, hãy thay tôi tiếp chuyện Scheisskopf. Tôi không thể làm được điều đó. Tìm hiểu xem gã muốn gì?”

Đại tá Cargill lắng nghe tướng Scheisskopf một lúc và mặt trở nên trắng bệch. “Ôi Chúa ơi!” gã kêu lên, điện thoại rời khỏi tay. “Sếp có biết gã muốn gì không? Gã muốn chúng ta diễu binh. Gã muốn tất cả mọi người phải diễu binh!”

38 ĐỨA EM GÁI

Yossarian đi diễu binh giật lùi với súng ở ngang hông và không chịu bay thêm một trận nào nữa. Y diễu binh giật lùi là bởi vì y cứ vừa đi vừa liên tục xoay người để đảm bảo chắc chắn rằng không có ai rình rập sau lưng. Mỗi tiếng động từ phía sau y đều là một lời cảnh báo, mỗi người y đi qua đều là một sát thủ tiềm năng. Y luôn giữ chắc báng súng và không cười với ai ngoài Hungry Joe. Y bảo đại úy Piltchard và đại úy Wren rằng y bay đủ rồi. Đại úy Piltchard và đại úy Wren đã bỏ tên y ra khỏi danh sách bay trận tới rồi báo lên liên đoàn vụ việc này.

Trung tá Korn bình tĩnh bật cười. “Ý anh là cái quái gì vậy, anh ta sẽ không bay thêm trận nào nữa là thế nào?” gã mỉm cười hỏi, trong khi đại tá Cathcart lẻn vào một góc mà rầu rĩ nghĩ về chuyện ý nghĩa quái gở của cái tên Yossarian lại đang trồi lên để quấy rầy gã một lần nữa. “Tại sao anh ta không chịu bay nữa?”

“Cậu bạn Nately của anh ta đã chết trong vụ rơi máy bay ở Spezia. Chắc đấy là lý do.”

“Anh ta nghĩ mình là ai chứ - Achilles à?” Trung tá Korn tỏ ra hài lòng với cách so sánh này và thầm ghi nhớ trong lòng rằng sẽ lặp lại vào lần tới khi có mặt tướng Peckem. “Anh ta phải bay thêm. Anh ta không có lựa chọn nào khác. Cứ về bảo với anh ta rằng anh sẽ báo cáo chuyện này lên chúng tôi nếu như anh ta không chịu đổi ý.”

“Chúng tôi đã nói với anh ta đúng như vậy rồi, thưa sếp. Không ăn thua gì cả.”

“Thế thiếu tá Major nói sao?”

“Chúng tôi chẳng bao giờ gặp được thiếu tá Major. Anh ta dường như đã biến mất.”

“Giá mà chúng ta có thể cho anh ta biến mất luôn đi!” đại tá Cathcart cáu kỉnh buột miệng nói từ góc phòng. “Giống như cái cách mà họ đã xử gã Dunbar ấy.”

“Ồ, chúng ta có rất nhiều cách khác để giải quyết vụ này,” trung tá Korn tự tin vỗ về Cathcart, và tiếp tục nói với Piltchard và Wren. “Bắt đầu bằng cách tử tế nhất trước đi. Cho anh ta tới Rome nghỉ ngơi vài ngày. Có lẽ là cái chết của cậu bạn đã thực sự khiến anh ta hơi đau đớn.”

Cái chết của Nately, trên thực tế, suýt giết chết Yossarian theo đúng nghĩa đen, bởi vì khi y báo tin này cho cô điếm của Nately ở Rome, cô đã bật ra một tiếng thét thấu tim, đứt ruột, rồi cố đâm chết y bằng một con dao gọt khoai tây.

“*Bruto*!” cô cuồng nộ và khích động nhằm mặt y mà rống lên trong lúc y túm lấy tay cô giương lên cao, bẻ ngoặt ra sau và từ từ vặn cho đến khi cô buông rơi con dao xuống. “*Bruto! Bruto!*” Bàn tay còn lại với những ngón tay móng dài nhọn hoắt đã quất nhanh vào mặt y, để lại những vết xước trên má. Cô nhổ nước bọt vào mặt y đầy căm thù.

“Làm sao thế?” y ngạc nhiên thét lên vì buốt đau và khó hiểu, xô mạnh một phát khiến cô văng tuốt sang tận bức tường bên kia căn phòng. “Cô muốn gì ở tôi?”

Cô tiếp tục phi thân về phía y đấm tới tấp bằng cả hai tay khiến miệng y bị dính một cú nặng tới mức chảy máu trước khi y túm được cổ tay và giữ chặt cô lại. Tóc cô xù ra như phải bão. Nước mắt chảy thành từng dòng từ đôi mắt rừng rực căm thù trong lúc cô vật lộn dữ dội chống lại y với sự bạo liệt phi lý của một sức mạnh điên, gầm gừ và hung hãn nguyền rủa và hét lên "*Bruto! Bruto!*" mỗi khi y cố công giải thích. Sức mạnh khủng khiếp của cô khiến y ngạc nhiên, và y mất thăng bằng. Cô cao gần bằng y, và trong vài khoảnh khắc kỳ quái đầy kinh hoàng, y gần như đã tin rằng cô sẽ áp đảo y bằng lòng quyết tâm điên cuồng ấy, đè nghiến y xuống sàn rồi xé xác y ra thành từng mảnh không thương tiếc vì một tội ác đáng ghê tởm nào đó mà y không hề mắc phải. Y muốn kêu cứu khi họ điên cuồng vật lộn với nhau, tay khóa tay trong bế tắc, gầm gừ và hổn hển. Cuối cùng thì cô cũng đuối sức, và y đã có thể ép ngược lại cô, và cầu xin cô cho y nói, thề với cô rằng cái chết của Nately không phải là lỗi của y. Cô lại nhổ vào mặt y, và y đẩy mạnh cô ra trong cơn giận dữ kinh tởm và tuyệt vọng. Vừa thoát khỏi y cô đã lại nhào mình xuống phía con dao gọt khoai tây. Y lại nhảy tới giữ cô lại, và họ phải lăn lộn với nhau vài vòng trên sàn nhà thì y mới có thể đẩy được con dao ra xa. Cô lại đẩy ngã y khi y loạng choạng đứng lên và cào mắt cá chân rách một miếng đau điếng. Y đau đớn nhảy sang phía bên kia căn phòng và ném con dao ra ngoài cửa sổ. Khi thấy mình đã an toàn, y thở hắt ra một hơi dài nhẹ nhõm.

"Nào, xin hãy để tôi giải thích cho cô," y dỗ dành với giọng chín chắn, đầy lý lẽ và nghiêm chỉnh.

Cô đá luôn vào hạ bộ y. *Hự!* không khí như trút sạch khỏi phổi y, đoạn y sụp xuống tru tréo méo giật, gập người ôm đầu gối trong đớn đau bấn loạn, phì phò hớp lấy từng hơi thở. Cô điếm của Nately

chạy ra khỏi phòng. Yossarian lảo đảo cố đứng lên, còn chưa kịp vững thì cô đã từ bếp quay lại tấn công y bằng hẳn một con dao cắt bánh mì dài ngoẳng. Một tiếng rên kinh hoàng sửng sốt khẽ bật ra trên môi y trong lúc y, hai tay vẫn đang tóm chặt lấy mớ lòng mề vẫn rần rật, đụng vào là đau và bỏng rát trong bụng mình, buông toàn bộ trọng lượng cơ thể xuống ngang ống quyển cô và ngáng chân cô từ bên dưới. Cô bay vọt qua đầu y và rơi rầm một phát xuống, khuỷu tay chống sàn. Con dao văng ra, y nhanh chóng gạt nó văng vào gầm giường. Cô cố nhào theo nó, y túm được cánh tay cô giật lại. Cô cố đá thêm phát nữa vào hạ bộ y, y quẳng cô ra xa với một tiếng chửi thề dữ dội. Cô văng vào tường, mất thăng bằng, đoạn tóm một chiếc ghế giơ cao rồi lẳng mạnh sang, chẳng may trúng phải bàn trang điểm khiến đống lược, bàn chải tóc và chai lọ mỹ phẩm la liệt trên mặt bàn đổ vỡ sạch. Một bức tranh lồng khung rơi xuống sàn, mặt kính vỡ tung tóe.

“Cô *muốn* gì ở tôi?” y hét lên với cô, vừa cáu tiết vừa rên rỉ vì bối rối. “Tôi đâu có giết cậu ta.”

Cô ném một gạt tàn thuốc bằng thủy tinh nặng trịch vào đầu y. Khi cô lại xông tới tấn công y lần nữa, y siết nắm tay muốn thụi cho cô một phát vào bụng, nhưng y sợ cú đó sẽ làm cô bị thương. Y cũng muốn gọn ghẽ táng một phát ngay cằm cô rồi chạy ra khỏi phòng, nhưng không dễ gì ngắm trúng đích, y chỉ kịp nhảy tránh ra vào giây chót và bồi thêm một cú đẩy mạnh để cô lao thẳng qua y nhanh hơn. Cô va mạnh vào tường. Giờ thì cô đang đứng chắn cửa. Cô ném một cái bình to vào y. Rồi cô cầm một chai rượu vang đầy lao tới nện thẳng vào thái dương y, khiến y phải khuỵu xuống, chống một đầu gối xuống đất, suýt bất tỉnh. Tai y ong ong, mặt y tê dại. Trên hết, y cảm thấy xấu hổ. Y cảm thấy kỳ cục vì cô sắp giết y. Y đơn

giản là không thể hiểu được chuyện gì đang xảy ra. Y không biết *phải làm gì*. Nhưng y biết rất rõ rằng y cần phải tự cứu mình, nên y bật người vọt về phía trước khi thấy cô giơ chai rượu vang lên định phang y phát nữa và phi thẳng vào cơ hoành của cô trước khi cô kịp xuống tay. Vẫn còn đà, y tiếp tục đẩy cô thật lực cho tới khi kheo chân cô vấp phải cạnh giường, cô ngã lên đệm còn y sõng soài trên người cô, giữa hai chân. Cô thọc móng tay vào cạnh cổ y muốn chọc thủng nó trong lúc y chật vật trườn lên trên cơ thể tròn trịa, phì nhiêu, đầy núi đồi và mạch quặng của cô cho tới khi cả người y đè lên cô và ép cô phải khuất phục, những ngón tay y kiên định theo đuổi cánh tay giãy giụa của cô cho tới khi chúng đến được chai rượu vang và tước được nó. Cô vẫn đang đá chân, chửi rủa và cào cấu kịch liệt. Cô cố cắn y một miếng thật ác, cặp môi thô dày và khêu gợi của cô kéo lên bên trên bộ răng như môi một con quái vật ăn tạp đang giận dữ. Giờ khi cô đang nằm đó, bị khóa chặt sát dưới người y, y lại tự hỏi làm sao thoát khỏi cô mà không bị đánh. Y cảm nhận được mặt trong đang giạng ra, căng cứng của cặp đùi cùng đầu gối vẫn cố giãy giụa của cô đang siết lấy và vần quanh một chân y. Cảm giác hứng tình khiến cho y xấu hổ. Y cảm thấy rất rõ da thịt khêu gợi của một cơ thể phụ nữ trẻ trung, rắn chắc đang căng ra và dập vào người y như một ngọn sóng triều ẩm ướt, mướt mát, ngon lành, dồn dập, bụng và bộ ngực ấm áp, sống động và mềm mại của cô đang mãnh liệt dấn lên người y, gợi lên trong y cơn thèm muốn vừa ngọt ngào vừa đáng sợ. Hơi thở cô nóng bỏng. Ngay lập tức y nhận ra - mặc dù tình trạng quẫn quại giãy giụa bên dưới y vẫn chẳng hề được cải thiện - rằng cô đã không còn ghì lấy y nữa, y run lên khi thấy cô không còn chống cự mà đang thúc hông lên người y không khoan nhượng theo nhịp điệu bản năng ngây ngất, nguyên

sơ, mãnh liệt của cuồng nhiệt và phóng túng dục tình. Y thở dốc trong ngạc nhiên vui sướng. Gương mặt cô - lúc này đã trở nên đẹp như một đóa hoa dần mãn khai trong mắt y - đang biến dạng vì một kiểu tra tấn mới, các mô dưới da cô dịu dàng căng phồng lên, cặp mắt nhắm hờ của cô mờ đi và đờ đẫn vì ham muốn.

"*Caro,*" cô khàn khàn lẩm bẩm như thể từ trong sâu thẳm của cơn say đắm bình yên và khoái lạc. "Ôi, *caro mio*."

Y vuốt tóc cô. Cô đưa miệng lên ngấu nghiến mặt y trong đam mê hoang dại. Y liếm cổ cô. Cô vòng tay quanh người y mà ôm siết. Y cảm thấy mình đang rơi , đang ngây ngất mà sa xuống lưới tình với cô khi cô hôn y tới tấp bằng cặp môi vừa nóng bỏng vừa ướt át vừa mềm vừa cứng, âu yếm lúng búng với y những âm thanh trầm sâu rời rạc trong cơn mê đắm lãng quên tất cả, một bàn tay ve vuốt lưng y, khéo léo luồn vào cạp quần trong khi bàn tay còn lại vẫn bí mật và xảo trá dò dẫm trên sàn nhà tìm con dao cắt bánh mì và cuối cùng đã tìm được. Y chỉ vừa kịp thoát. Cô vẫn muốn giết y! Y choáng váng và sửng sốt trước sự gian trá suy đồi của cô khi giật con dao ra khỏi tay cô và ném nó đi. Y bật dậy khỏi giường và đứng lên. Vẻ mặt y còn chưa hết xáo động vì bối rối và vỡ mộng. Y không biết nên phi qua cửa mà đến với tự do hay lại sụm xuống giường mà sa lưới tình với cô và khốn khổ đặt số phận mình vào cô một lần nữa. Cô miễn cho y khỏi phải làm cả hai việc đó bằng cách bất chợt òa lên khóc. Y lại chết sững.

Lần này trong tiếng nức nở của cô chẳng có cảm xúc nào ngoài nỗi buồn đau, nỗi buồn đau sâu sắc, kiệt quệ, tầm thường, hoàn toàn quên sạch sự có mặt của y. Vẻ buồn thương của cô càng thê thảm khi cô ngồi đó, mái đầu bão táp, xinh đẹp, kiêu hãnh cúi gằm,

vai thõng xuống, thất thần. Lần này thì nỗi thống khổ của cô rõ ràng không lẫn vào đâu được. Những tiếng khóc nức nở ồn ã làm cô tắc nghẹn và người cô rung lên. Cô không còn để ý tới y, chẳng thèm quan tâm nữa. Y đã có thể an toàn bước ra khỏi phòng. Nhưng y chọn ở lại để an ủi và giúp đỡ cô.

“Nào,” y lập bập lên tiếng, tay y choàng qua vai cô, buồn đau nhớ lại mình đã cảm thấy lập bập và yếu đuối ra sao trên chiếc máy bay trở về từ Avignon khi Snowden cứ rên rỉ với y rằng tôi lạnh, tôi lạnh, và tất cả những gì Yossarian có thể làm được cho cậu ta là “Ngoan nào, ngoan nào”. “Ngoan nào,” y lặp lại với cô đầy cảm thông. “Ngoan nào, ngoan nào.”

Cô tựa người vào y mà khóc cho tới khi dường như cô đuối sức đến không thể khóc thêm nữa, chẳng thèm nhìn y lấy một lần đến tận khi cô khóc xong và y chìa khăn tay của y ra. Cô lau sạch má, thoáng mỉm cười lịch sự rồi đưa lại chiếc khăn tay cho y, miệng thì thầm “*Grazie, grazie*”[79] với vẻ nhu mì, ngoan ngoãn gái tơ, và rồi, không mảy may báo trước về sự thay đổi cảm xúc, bất ngờ cào lên mắt y bằng cả hai tay. Cô ra đòn với từng mắt, đoạn buột ra một tiếng thét đắc thắng.

“Ha! *Assassino*[80]!” cô ré lên, và vui sướng băng ngang qua bên kia phòng lấy con dao cắt bánh mì để kết liễu y.

Vẫn mù dở, y nhổm dậy loạng choạng chạy theo cô. Một tiếng động phía sau khiến y quay người lại. Mọi giác quan của y quay cuồng trong kinh hoàng trước những gì nhìn thấy. Đứa em gái cô điếm của Nately, không hiểu ở đâu xông ra, đang lao tới y cũng với một con dao cắt bánh mì dài ngoẳng!

“Ôi không,” y rùng mình rền rỉ, rồi hất văng con dao bằng một cú đấm dứt khoát giáng thẳng xuống cổ tay con bé. Y đã mất sạch kiên nhẫn với toàn bộ trận giáp lá cà quái dị và không thể hiểu nổi này. Không thể biết được ai sẽ là người tiếp theo xông vào y qua cửa kia với một con dao cắt bánh mì dài ngoẳng khác, thế là y nhấc luôn đứa em gái cô điếm của Nately lên khỏi sàn nhà quăng vào cô điếm của Nately rồi chạy ra khỏi phòng, ra khỏi căn hộ và chạy xuống cầu thang. Hai chị em đuổi theo y tới hành lang. Y nghe tiếng chân họ tụt dần, tụt dần lại phía sau và rồi biến mất hẳn. Y nghe tiếng khóc ở ngay phía trên đầu. Ngước mắt nhìn lên giếng cầu thang, y nhìn thấy cô điếm của Nately đang ngồi thu lu trên một bậc, úp mặt vào cả hai tay khóc nức nở, trong khi đứa em gái ngoại đạo bất trị kia đang cúi người chênh vênh qua lan can cầu thang nhằm mặt y mà hân hoan hét lên “*Bruto! Bruto!*” và khua dao về phía y như thể đó là một món đồ chơi mới đầy kích thích mà nó hồ hởi muốn dùng.

Yossarian đã thoát, nhưng trong cuộc rút lui qua phố, y vẫn thỉnh thoảng lo âu ngoái lại nhìn. Mọi người cứ nhìn y chòng chọc lạ lùng, càng khiến y thêm sợ hãi. Y căng thẳng hối hả bước đi, tự hỏi không biết bề ngoài mình có gì mà ai nấy đều chú ý tới vậy. Khi y sờ tay vào một chỗ đau trên trán, các ngón tay dấp dính máu, và y đã hiểu ra. Y dùng khăn tay chấm nhẹ lên mặt và cổ. Cứ chấm vào đâu là lại có thêm vết bẩn màu đỏ mới. Y bị chảy máu khắp nơi. Y vội vàng chạy vào tòa nhà hội Chữ thập đỏ xuống hai lượt cầu thang dốc bằng cẩm thạch trắng để chui vào phòng rửa mặt của nam, tại đó y rửa ráy và chăm sóc vô số vết thương mà y nhìn thấy bằng nước lạnh và xà phòng, kéo thẳng lại cổ áo và chải lại tóc. Y chưa bao giờ nhìn thấy một khuôn mặt nào lại bầm giập và trầy xước như khuôn

mặt vẫn đang chớp mắt nhìn y từ trong gương với vẻ bực bội đầy choáng váng và kinh hoàng. Cô ta muốn cái quái gì ở *y* đây?

Khi y rời phòng rửa mặt, cô điếm của Nately đã chờ sẵn bên ngoài để phục kích. Cô núp sát tường gần chân cầu thang và bổ nhào tới y như một con diều hâu với một con dao ăn bít tết sáng loáng trong tay. Y bẻ gãy sức mạnh chính của cuộc tấn công này bằng một cùi chỏ giơ lên và tặng cô một cú đấm gọn ghẽ vào hàm. Cặp mắt cô quay tròn. Y đỡ được cô trước khi cô ngã rồi nhẹ nhàng đặt cô ngồi xuống. Rồi y chạy lên các bậc thang, ra khỏi tòa nhà và dành suốt cả ba tiếng tiếp theo đi tìm Hungry Joe khắp thành phố để y có thể trốn khỏi Rome trước khi cô tìm thấy y thêm lần nữa. Phải đến khi máy bay cất cánh thì y mới thấy an toàn thực sự. Nhưng khi họ vừa hạ cánh xuống Pianosa, cô điếm của Nately, hóa trang trong bộ quần áo màu xanh của thợ cơ khí, đã đợi sẵn với con dao ăn bít tết đúng ở chỗ máy bay dừng lại, và thứ duy nhất đã cứu mạng y lúc cô đâm dao vào ngực y trên đôi giày đế da cao gót là một viên sỏi dưới chân khiến cô bị trượt. Yossarian, chưa hết sửng sốt, đã lôi tuột cô lên máy bay, khóa cả hai tay để giữ cô bất động trên sàn trong lúc Hungry Joe báo cho đài kiểm soát không lưu xin phép quay trở lại Rome. Tại sân bay ở Rome, Yossarian đẩy cô ra khỏi máy bay ngay khi máy bay còn đang chạy trên đất sau khi hạ cánh rồi Hungry Joe, không tắt động cơ, vội cất cánh đi Pianosa ngay lập tức. Hầu như nín thở, Yossarian cảnh giác soi mói từng dáng người khi y cùng Hungry Joe đi bộ qua phi đoàn trở về lều của mình. Hungry Joe nhìn y thật lâu với vẻ nực cười.

“Anh có chắc là anh không tưởng tượng ra mọi thứ không?” Hungry Joe dè dặt hỏi sau khi đắn đo một lúc.

“Tưởng tượng ra ư? Anh cũng ở ngay đó với tôi mà, có phải không? Anh vừa mới bay đưa cô ta quay lại Rome.”

“Có thể tôi cũng tưởng tượng ra tất cả chuyện này. Tại sao cô ta lại muốn giết anh?”

“Cô ta chưa từng thích tôi. Có thể là do tôi đã đánh vỡ mũi cậu ta, hoặc có thể là do tôi là người duy nhất trong tầm mắt cô ta lúc cô ta nhận được tin. Anh có nghĩ là cô ta sẽ trở lại không?”

Đêm đó, Yossarian đến câu lạc bộ sĩ quan và ở lại đến rất khuya. Trên đường về lại lều, y thận trọng quan sát xem cô điếm của Nately có ở đâu không. Y dừng lại khi thấy cô đang nấp trong bụi rậm gần bên hông lều, tay nắm chắc một con dao xả thịt bự chảng, cải trang thành một nông dân Pianosa. Yossarian rón rén bước vòng ra phía sau không một tiếng động, đoạn túm chặt lấy cô từ đằng sau.

“*Caramba*!”[81] cô kêu lên giận dữ và chống cự như một con mèo hoang khi y lôi cô vào trong lều và ném cô xuống sàn.

“Này, có chuyện gì vậy?” một trong số bạn cùng lều của y ngái ngủ hỏi.

“Giữ cô ta cho đến khi tôi quay trở lại nhé,” Yossarian ra lệnh, lôi gã kia ra khỏi giường đè lên người cô rồi y chạy ra ngoài. “Giữ cô ta lại!”

“Để cho tôi giết anh ta thì tôi sẽ cho tất cả các anh được phịch,” cô đề nghị.

Những người khác nhảy bật ra khỏi giường xếp ngay khi họ thấy đó là một cô gái và cố thuyết phục cô phịch bọn họ trước đã. Trong khi đó, Yossarian chạy tới chỗ Hungry Joe, lúc này đang ngủ say như em bé. Yossarian nhấc con mèo của Huple trên mặt Hungry Joe

ra và lay gã dậy. Hungry Joe nhanh chóng mặc đồ. Lần này họ bay lên phía Bắc, vượt khá sâu vào trong vùng địch. Khi họ đến một vùng đất bằng phẳng thì họ khoác dù lên cô điếm của Nately và đẩy cô ra khỏi cửa thoát hiểm. Yossarian chắc mẩm rằng cuối cùng thì y cũng đã thoát được cô và thở phào nhẹ nhõm. Khi gã tiến về gần lều của mình ở Pianosa thì một bóng hình chợt trồi lên trong bóng tối ngay bên cạnh đường khiến y suýt ngất. Y gắng gượng ngồi xuống đất và chờ cho con dao xỉa qua người, gần như sẵn sàng đón chào đòn trí mạng ấy để đổi lại là sự bình yên. Nhưng thay vào đó, một bàn tay thân thiện đã giúp y đứng dậy. Bàn tay thuộc về một phi công ở phi đoàn của Dunbar.

“Anh thấy thế nào rồi?” viên phi công hỏi thì thầm.

“Khá ổn,” Yossarian trả lời.

“Tôi vừa thấy anh gục xuống. Tôi tưởng anh có chuyện gì.”

“Có lẽ tôi đã bị xỉu.”

“Ở phi đoàn của tôi đang có tin đồn rằng anh đã bảo bọn họ rằng anh sẽ không bay thêm một trận nào nữa.”

“Thật đấy.”

“Sau đó có người từ liên đoàn xuống và bảo chúng tôi rằng đó là tin đồn thất thiệt, rằng anh chỉ đùa thôi.”

“Nói dối đấy.”

“Anh có nghĩ là họ sẽ bỏ qua cho anh vụ này không?”

“Tôi không biết.”

“Họ sẽ làm gì với anh?”

“Tôi không biết.”

“Anh có nghĩ là họ sẽ đưa anh ra tòa án binh vì tội bỏ trốn khi đối đầu với địch không?”

“Tôi không biết.”

“Tôi hy vọng anh sẽ qua được vụ này,” viên phi công ở phi đoàn của Dunbar nói, và lại lẩn vào trong bóng tối. “Hãy cho tôi biết tình hình của anh nhé.”

Yossarian nhìn theo gã vài giây rồi tiếp tục đi về lều của mình.

“Suỵt!” một giọng nói vang lên cách đó vài bước chân. Đó là Appleby, đang nấp sau thân cây. “Anh thế nào?”

“Khá ổn,” Yossarian nói.

“Tôi nghe nói người ta sẽ dọa đưa anh ra tòa án binh vì tội bỏ trốn khi đối đầu với địch. Nhưng họ sẽ không cố theo đuổi nó bởi vì ngay cả họ cũng không chắc chắn có đủ bằng chứng để chống lại anh mà khởi tố, và cũng vì việc này dễ khiến cho họ xấu mặt với các sĩ quan chỉ huy mới. Ngoài ra, anh vẫn là một người hùng vì đã bay đi bay lại tới hai lần trên cây cầu đó ở Ferrara. Theo tôi thì anh vẫn là người hùng vĩ đại nhất mà chúng ta có được ở liên đoàn này. Tôi nghĩ anh sẽ thích nếu biết rằng họ chỉ hù dọa thôi.”

“Cảm ơn nhé, Appleby.”

“Tôi lại bắt chuyện với anh chỉ vì mỗi thế thôi, để cảnh báo cho anh.”

“Tôi rất trân trọng điều đó.”

Appleby bẽn lẽn di mũi giày xuống đất. “Tôi rất tiếc vì bữa đó chúng ta đã đánh nhau ở câu lạc bộ sĩ quan, Yossarian.”

“Không sao đâu.”

“Nhưng tôi không phải là người gây sự. Tôi nghĩ đó là lỗi của Orr vì anh ta đã dùng vợt bóng bàn phang vào mặt tôi. Anh ta làm vậy để làm gì nhỉ?”

“Tại vì anh luôn thắng anh ta.”

“Vậy tôi không được phép thắng anh ta ư? Có phải vậy không? Giờ thì anh ta đã chết, tôi nghĩ việc tôi chơi bóng bàn giỏi hơn anh ta hay không cũng chả còn quan trọng nữa, phải không?”

“Tôi đồ là vậy.”

“Và tôi rất tiếc vì đã nhặng xị lên về những viên thuốc Atabrine. Nếu anh muốn dính bệnh sốt rét thì đó là việc của anh, phải không?”

“Không sao đâu, Appleby.”

“Nhưng tôi chỉ cố làm nhiệm vụ của mình. Tôi luôn tuân lệnh. Tôi luôn được dạy phải tuân lệnh.”

“Không sao đâu.”

“Anh biết không, tôi đã nói với trung tá Korn và đại tá Cathcart rằng tôi nghĩ họ không nên ép anh phải bay thêm trận nào nếu như anh không muốn, và họ đã nói rằng họ rất thất vọng với tôi.”

Yossarian mỉm cười vừa thích thú vừa rầu rĩ. “Tôi cá là họ thất vọng thật.”

“Ồ, tôi chả quan tâm. Trời ạ, anh đã bay tới bảy mươi mốt trận rồi. Như vậy là quá đủ. Anh có nghĩ là họ sẽ bỏ qua cho anh vụ này không?”

“Không.”

“Giả như họ bỏ qua cho anh vụ này, họ sẽ phải bỏ qua cho tất cả chúng tôi, đúng không?”

“Bởi thế họ không thể bỏ qua cho tôi được.”

“Anh nghĩ họ sẽ làm gì đây?”

“Tôi không biết.”

“Anh có nghĩ là họ sẽ cố đưa anh ra tòa án binh không?”

“Tôi không biết.”

“Anh có sợ không?”

“Có.”

“Anh có bay thêm trận nào nữa không?”

“Không.”

“Tôi hy vọng anh sẽ qua được vụ này,” Appleby thì thầm đầy tin tưởng. “Tôi thực lòng mong thế.”

“Cảm ơn anh, Appleby.”

“Này!” một giọng thì thầm, quả quyết vang lên từ những cây bụi trụi lá cao ngang hông mọc bên cạnh lều của y sau khi Appleby rời đi. Havermeyer đang ngồi chồm hỗm nấp ở đó. Gã đang ăn kẹo lạc, đám mụn trứng cá và những lỗ chân lông to đùng nhẫy dầu trên mặt gã trông như những chiếc vảy đen. “Anh sao rồi?” gã hỏi khi Yossarian đi về phía gã.

“Khá ổn.”

“Anh có bay thêm trận nào nữa không?”

“Không.”

“Chắc là họ sẽ ép anh?”

“Tôi sẽ không cho phép họ làm điều đó.”

“Anh hèn nhát phải không?”

“Ừ.”

“Họ sẽ đưa anh ra tòa án binh à?”

“Chắc là họ sẽ cố làm thế.”

“Thiếu tá Major nói sao?”

“Thiếu tá Major biến mất rồi.”

“Có phải họ đã cho ông ta biến mất?”

“Tôi không biết.”

“Anh sẽ làm gì nếu bọn họ quyết định làm cho anh biến mất?”

“Tôi sẽ cố ngăn họ lại.”

“Họ không đề nghị cho anh cái gì nếu anh chịu tiếp tục bay à?”

“Piltchard và Wren nói rằng họ sẽ thu xếp để tôi chỉ phải đi đưa sữa.”

Havermeyer trở nên hoạt bát hẳn. “Thế á, thỏa thuận như vậy nghe cũng được đấy chứ. Là tôi thì tôi sẽ chẳng phản đối một đề nghị như thế. Tôi cá là anh đồng ý ngay tắp lự.”

“Tôi đã từ chối.”

“Ngốc thật.” Gương mặt xám xịt lờ đờ của Havermeyer nhăn lại trong cảm giác rụng rời. “Nói thế nào nhỉ, dàn xếp như vậy thì không công bằng lắm đối với tất cả những người khác nhỉ? Nếu anh chỉ phải bay những trận kiểu đưa sữa thì ai đó trong số bọn tôi sẽ phải bay phần của anh trong những trận khó nhằn, có phải không?”

“Đúng rồi.”

“Vậy thì tôi không thích,” Havermeyer thốt lên, phẫn nộ đứng lên chống nạnh. “Tôi chẳng thích như vậy chút nào. Đó đích thị là một vố tráng lệ mà họ đang chuẩn bị tặng cho tôi chỉ vì anh quá hèn không chịu bay thêm trận nào nữa, nhỉ?”

“Đi mà ý kiến với họ ấy,” Yossarian nói và cảnh giác đưa tay cầm lấy súng.

“Không, tôi đâu có đổ lỗi gì cho anh,” Havermeyer nói, “mặc dù tôi chẳng ưa gì anh. Anh biết đấy, giờ thì tôi cũng chả mấy thích thú việc phải bay quá nhiều trận nữa. Liệu có cách nào để tôi thoát thân không nhỉ?”

Yossarian chua chát cười khẩy và trêu, “Cầm súng lên và bắt chước tôi.”

Havermeyer trầm ngâm lắc đầu. “Không, tôi không thể làm vậy được. Nếu tôi cư xử như một kẻ hèn thì có thể sẽ đem lại tiếng xấu cho vợ con. Không ai thích kẻ hèn nhát. Hơn nữa, tôi muốn ở lại lực lượng dự bị khi chiến tranh kết thúc. Làm quân dự bị thì anh sẽ kiếm được năm trăm đô một năm.”

“Thế thì giờ bay ra trận đi vậy.”

“Ừ, chắc phải vậy thôi. Chậc, anh nghĩ liệu có cửa nào để họ cho anh nghỉ bay chiến đấu mà về nhà không?”

“Không”

“Nhưng nếu có và họ cho phép anh chọn thêm một người đi cùng thì anh chọn tôi nhé? Đừng chọn người như Appleby. Hãy chọn tôi.”

“Vì lý do quái gì mà họ lại phải làm như thế kia chứ?”

“Tôi không biết. Nhưng nếu họ làm vậy, hãy nhớ là tôi đã xin anh trước, được không? Và hãy báo cho tôi tình hình của anh. Tôi sẽ đợi anh ở những bụi cây này hằng đêm. Có lẽ nếu họ không làm điều gì tệ với anh thì tôi cũng sẽ chẳng phải bay thêm trận nào nữa. OK?”

Suốt buổi tối hôm sau, người cứ liên tục xổ ra từ bóng tối để hỏi thăm y thế nào, xin y tiết lộ tin mật cho họ, với những khuôn mặt nhăn nhó, mệt mỏi, dựa trên một mối thân tình thậm thụt và bệnh hoạn mà y chưa từng mảy may hay biết có tồn tại. Những người y gần như không quen biết trong phi đoàn cứ như từ trên trời rơi xuống nhảy vào tầm mắt y và hỏi thăm xem y thế nào. Ngay cả người ở các phi đoàn khác cũng lần lượt núp trong bóng tối rồi nhảy xổ ra. Mọi nơi y bước tới sau khi mặt trời lặn đều có ai đó đang chờ nhảy xổ ra và hỏi thăm xem y thế nào. Người ta nhảy ra từ cây cối và bụi rậm, từ những đường hào và đám cỏ dại mọc cao, từ quanh các góc lều và từ phía sau chắn bùn của những xe hơi đang đỗ. Ngay cả một trong những bạn cùng lều với y cũng nhảy ra hỏi y sao rồi và nài nỉ y đừng nói với những người cùng lều khác rằng gã đã nhảy ra. Yossarian tiến đến gần từng bóng đen dáo dác ra dấu gọi y với bàn tay luôn đặt sẵn trên súng, không biết cái bóng nào rốt cuộc sẽ tráo trở biến thành cô điếm của Nately hoặc, tệ hơn, biến thành một ai đó có thẩm quyền được cử tới để nện y bằng dùi cui túi bụi đến khi y bất tỉnh. Đã bắt đầu có vẻ như họ sẽ phải làm việc gì đó như vậy thật. Họ không muốn đưa y ra tòa án binh vì tội bỏ trốn khi đối đầu với địch bởi vì khoảng cách một trăm ba mươi lăm dặm khó có thể coi là đang đối đầu với quân địch, và bởi vì Yossarian chính là người rốt cuộc đã hạ được cây cầu ở Ferrara vì đã bay qua bay lại tới hai lần trên đầu mục tiêu và đã giết chết Kraft - y hầu như luôn quên mất Kraft mỗi lần đếm số người chết mà y quen. Nhưng họ

chắc chắn phải làm gì đó với y, và ai nấy đều nghiêm trang chờ đợi xem nó có thể là thứ kinh khủng tới mức nào.

Ban ngày họ tránh mặt y, thậm chí cả Aarfy, và Yossarian hiểu rằng dưới ánh sáng mặt trời thì họ đều là những người khác so với khi một mình trong bóng tối. Y chẳng hề quan tâm tới họ trong lúc đi giật lùi loanh quanh tay đặt trên súng và chờ đợi những lời nịnh hót, đe dọa và dụ dỗ mới từ liên đoàn mỗi khi đại úy Piltchard và Wren lái xe trở về sau những cuộc hội đàm khẩn cấp với đại tá Cathcart và trung tá Korn. Hungry Joe hầu như mất dạng, và ngoài Hungry Joe ra thì người duy nhất nói chuyện với y là đại úy Black, kẻ cứ gọi y là “Lão Hăng Máu”[82] bằng giọng hân hoan châm chọc mỗi lần gã chào y, cũng là kẻ vừa trở về từ Rome để báo cho y biết rằng cô điếm của Nately đã biến mất. Yossarian chợt tiếc, lòng nhói lên một nỗi khát khao pha thương cảm. Y nhớ cô.

“Biến mất ư?” y nhắc lại với giọng khô không khốc.

“Ừ, biến mất,” đại úy Black phá lên cười, cặp mắt lờ đờ khép lại vì mệt mỏi và bộ mặt nhọn hoắt, xương xẩu của gã như thường lệ đang mọc ra đám râu thưa lún phún màu hung đỏ. Gã dùng cả hai nắm tay dụi lên bọng mắt. “Lúc ấy tôi còn nghĩ hay là nhân tiện đang ở Rome mình lại làm một nháy với cô em đần độn đó để tưởng nhớ những ngày xưa êm đềm. Anh biết đấy, chỉ để cho thằng nhóc Nately đó dù nằm trong mồ cũng không được yên ấy mà, ha ha! Còn nhớ cái cách tôi châm chọc cậu ta không? Nhưng giờ nơi đó đã trống hoác không còn ai.”

“Cô ta không để lại lời nhắn nào à?” Yossarian bật ra hỏi, nãy giờ y vẫn miên man nghĩ về cô, băn khoăn không biết cô đang phải chịu đựng đau khổ nhiều tới mức nào, và bỗng cảm thấy gần như là cô

đơn và bị bỏ rơi khi thiếu vắng những trận tấn công dữ dội bất khả xoa dịu của cô.

“Không có ai ở đó,” đại úy Black vui vẻ kêu lên, cố làm cho Yossarian hiểu ra vấn đề. “Anh không hiểu à? Bọn họ đã biến sạch. Toàn bộ nơi đó đã bị khám xét.”

“Biến sạch?”

“Ừ, biến sạch. Bị lùa thẳng ra ngoài đường.” Đại úy Black lại cười hả hê, và cục yết hầu nhọn hoắt của gã cứ hân hoan lên xuống trong cổ họng xương xẩu. “Ổ điếm đó giờ sạch trơn. Quân cảnh đã càn sạch tòa nhà và đuổi hết lũ điếm đó ra. Buồn cười không?”

Yossarian sợ hãi và bắt đầu run rẩy. “Tại sao họ lại làm thế?”

“Có lý do hay không thì có khác gì?” đại úy Black hồ hởi nói. “Họ đã quét sạch ra đường. Anh thấy hay không? Tất cả.”

“Thế còn đứa bé gái thì sao?”

“Cũng bị lùa đi luôn,” đại úy Black cười sằng sặc. “Bị lùa đi cùng với lũ điếm. Ra hết ngoài đường.”

“Nhưng nó mới chỉ là một đứa trẻ!” Yossarian mạnh mẽ phản đối. “Nó chả quen biết ai khác trong cả thành phố ấy. Nó sẽ ra sao chứ?”

“Việc quái gì tôi phải quan tâm?” đại úy Black đáp với một cái nhún vai thờ ơ, và bất chợt trố mắt ra nhìn Yossarian với sự ngạc nhiên, và với một nỗi hoan hỉ tọc mạch ánh lên láu cá. “Sao, thế có chuyện gì? Nếu biết chuyện này lại khiến anh buồn bực tới vậy thì tôi đã đến gặp và nói ngay cho anh rồi, chỉ để cho anh tức chết đi. Này, anh đi đâu thế? Quay lại xem nào! Quay lại đây mà tức chết đi chứ!”

39 THÀNH PHỐ VĨNH CỬU[83]

Chưa xin phép chính thức nhưng Yossarian vẫn đi cùng Milo, kẻ, trong lúc chiếc máy bay lướt về phía Rome, cứ lắc đầu trách móc và, cặp môi đạo đức giả bĩu ra, nói cho Yossarian với giọng giảng đạo rằng gã hổ thẹn vì y. Yossarian gật đầu. Yossarian đã tự biến mình thành một thứ kỳ quan thô lỗ bằng cách cứ đi loanh quanh giật lùi với khẩu súng gắn chặt bên hông và từ chối bay ra trận, Milo nói. Yossarian gật đầu. Như thế là bất trung với phi đoàn và làm xấu mặt thượng cấp. Y cũng đang đặt Milo vào một thế khó. Yossarian lại gật đầu. Mọi người đã bắt đầu cằm ràm. Thật không công bằng khi Yossarian chỉ quan tâm tới sự an toàn của bản thân trong khi những người như Milo, đại tá Cathcart, trung tá Korn và cựu binh nhất Wintergreen luôn sẵn lòng làm mọi điều có thể để giành được chiến thắng trong cuộc chiến này. Những người đã bay hết bảy mươi trận cũng bắt đầu cằm ràm bởi vì họ phải bay tới tám mươi trận, và rất có khả năng ai đó trong số họ cũng sẽ cầm lấy súng và bắt đầu đi giật lùi. Tinh thần chiến đấu đang sa sút và tất cả đều là lỗi của Yossarian. Đất nước đang nguy khốn; y đang hủy hoại quyền tự do và độc lập vốn có của mình bằng cách dám thực thi chúng.

Yossarian cứ gật đầu lia lịa trong ghế phụ lái và cố không nghe Milo lảm nhảm. Trong đầu y chỉ có cô điếm của Nately và Kraft và Orr và Nately và Dunbar, và Kid Sampson và McWatt, và tất cả những người nghèo khổ bệnh tật ngu ngốc y từng thấy ở Ý, Ai Cập, Bắc Phi và từng biết ở những vùng khác trên thế giới, cả Snowden và đứa em gái cô điếm của Nately nữa cũng đang đè nặng lương tâm y. Yossarian nghĩ y đã biết tại sao cô điếm của Nately đổ trách nhiệm cho y về cái chết của Nately và muốn giết y. Việc quái gì cô lại không làm thế cơ chứ? Đây là một thế giới của loài người, cô và tất cả những ai trẻ hơn cô đều có quyền đổ lỗi cho y và tất cả những người già hơn vì bất cứ thảm họa phi tự nhiên nào giáng lên đầu họ; cũng như việc cô, thậm chí ngay cả khi đau buồn, phải chịu trách nhiệm cho mọi khổ đau nhân tạo mà em gái cô và mọi đứa trẻ khác nhỏ hơn cô phải gánh chịu. Ai đó phải làm một việc gì đó vào một lúc nào đó. Mỗi nạn nhân là một thủ phạm, mỗi thủ phạm lại là một nạn nhân, và ai đó vào lúc nào đó cần phải đúng dậy phá vỡ chuỗi tệ hại của những lề thói truyền đời đang dồn tất cả tới tình trạng hiểm nghèo ấy. Ở nhiều vùng thuộc châu Phi vẫn có những người lớn làm nghề buôn nô lệ đi bắt cóc những bé trai để bán cho những kẻ sẽ phanh thây, ăn thịt chúng. Yossarian kinh ngạc trước việc trẻ em có thể chịu những thứ giết chóc man rợn đến vậy mà không hề tỏ ra sợ hãi hay đau đớn. Y tự cho rằng những đứa trẻ đó đã phục tùng trong bình thản. Nếu không thì, y lý luận, phong tục đó chắc chắn đã mất đi, bởi vì, y cảm thấy, không có nỗi khao khát giàu sang hay bất tử nào có thể lớn đến nỗi phải dựa trên nỗi đau của trẻ con để tồn tại.

Y đang làm chìm thuyền, Milo nói, và Yossarian lại gật đầu thêm lần nữa. Y không phải là một thành viên tốt của cả đội, Milo nói.

Yossarian gật đầu và nghe Milo bảo với y rằng điều tử tế nhất nên làm nếu y không thích cái cách đại tá Cathcart và trung tá Korn điều hành liên đoàn là chạy tới Nga thay vì khuấy lên bao rắc rối. Đại tá Cathcart và trung tá Korn đều vốn rất tốt với Yossarian, Milo nói; chẳng phải họ đã trao cho y huân chương sau trận Ferrara và thăng cấp cho y lên đại úy đó sao? Yossarian gật đầu. Chẳng phải họ cho y ăn và trả lương cho y đều đặn hằng tháng sao? Yossarian lại gật đầu. Milo chắc mẩm rằng họ sẽ rất khoan dung nếu như y tới gặp họ để xin lỗi, công khai bỏ cuộc và hứa sẽ tiếp tục bay cho tới tám mươi trận. Yossarian nói y sẽ suy nghĩ, và rồi y nín thở, cầu nguyện sao cho được hạ cánh an toàn khi Milo cho hạ bánh xuống và đưa máy bay trượt vào đường băng. Thật nực cười khi y đã thực sự trở nên ghét bay tới vậy.

Rome là một đống hoang tàn, y thấy vậy khi máy bay hạ cánh. Sân bay đã bị ném bom từ tám tháng trước, những phiến đá trắng vỡ gồ ghề đã bị ủi lại thành các đống phẳng ngọn ở cả hai bên lối vào xuyên qua hàng rào kẽm gai bao quanh. Đấu trường La Mã là một lớp vỏ đổ nát, và Khải hoàn môn đã bị đánh sập. Căn hộ của cô điếm của Nately chỉ còn là một mớ hỗn độn. Các cô gái đã biến mất, người duy nhất còn lại là bà cụ già. Các cửa sổ đã vỡ cả. Bà nhồi mình trong nhiều lớp áo len dài tay và nhiều lớp chân váy, trên đầu quấn khăn choàng tối màu. Bà ngồi trên một chiếc ghế gỗ gần bếp điện, tay khoanh lại, đang đun nước trong một chiếc nồi nhôm cũ nát. Bà đang to tiếng nói chuyện một mình lúc Yossarian bước vào nhưng vừa trông thấy y bà đã bắt đầu rền rĩ.

“Đi rồi,” bà rền rĩ trước cả khi y kịp hỏi. Nắm chặt khuỷu tay, bà đung đưa trên chiếc ghế kẽo kẹt. “Đi rồi.”

“Ai cơ?”

“Cả đám. Cả đám mấy con bé tội nghiệp ấy.”

“Đi đâu?”

“Đi mất rồi. Bị đuổi ra ngoài đường. Tất cả đều đã đi mất. Tất cả mấy con bé tội nghiệp ấy.”

“Ai đuổi họ đi cơ? Ai đã làm chuyện đó?”

“Mấy thằng lính cao to hèn hạ đội mũ cứng màu trắng tay cầm dùi cui. Cả lũ *carabinieri*(84) của chúng tôi nữa. Tụi nó mang dùi cui tới đuổi mấy con bé đi. Thậm chí tụi nó còn không để mấy đứa kịp mặc áo khoác. Khổ thân mấy đứa. Tụi nó cứ thế xua chúng vào trong giá lạnh.”

“Tụi nó có bắt họ không?”

“Tụi nó đuổi mấy đứa đi. Chỉ đuổi đi thôi.”

“Tại sao tụi nó lại làm thế nếu như tụi nó không bắt các cô ấy?

“Tôi không biết,” bà già nức nở. “Tôi không biết. Ai sẽ chăm sóc tôi đây? Giờ thì ai sẽ chăm sóc tôi khi tất cả mấy con bé trẻ trung tội nghiệp ấy đã đi mất? Ai sẽ chăm sóc tôi đây?”

“Phải có một lý do nào đó chứ,” Yossarian khăng khăng nói, tay này đấm vào tay kia. “Tụi nó không thể nào lại tự nhiên xông vào đây và đuổi mọi người ra được.”

“Chả có lý do gì hết,” bà già khóc than. “Không có.”

“Thế tụi nó lấy quyền gì?”

“Bẫy-22.”

“*Cái gì*?” Yossarian đứng sững lại vì sợ hãi và cảnh giác, đột nhiên cảm thấy gai hết cả người. “Bà nói *cái gì* cơ?”

“Bẫy-22,” bà già lặp lại, đầu cứ gật lên gật xuống. “Bẫy-22. Bẫy-22 nói rằng tụi nó có quyền làm bất cứ điều gì chúng ta không cản trở được.”

“Bà đang nói cái quái gì vậy?” Yossarian hét toáng lên phản đối trong giận dữ và bối rối. “Làm sao bà biết được về Bẫy-22? Thằng chó nào đã bảo với bà rằng đó là Bẫy-22?”

“Mấy thằng lính đội mũ trắng cầm dùi cui chứ ai. Lúc ấy đám con gái đang khóc lóc, nói ‘Bọn em đã làm gì sai sao?’ Mấy thằng kia bảo không rồi cứ thế gí đầu dùi cui vào tụi nó lùa ra khỏi cửa. ‘Vậy thì sao mấy anh lại đuổi tụi em đi?’ mấy đứa nói. ‘Bẫy-22,’ lũ kia bảo. ‘Các anh có quyền gì?’ mấy đứa nói. ‘Bẫy-22,’ lũ kia bảo. Tất cả những gì tụi kia nói chỉ là ‘Bẫy-22, Bẫy-22.’ Thế Bẫy-22 có nghĩa gì vậy? Bẫy-22 là cái gì?”

“Tụi nó không cho bà xem à?” Yossarian hỏi, giận dữ và tuyệt vọng nện gót đi quanh. “Bà không bắt tụi nó đọc cho nghe à?”

“Tụi nó không cần phải cho chúng tôi xem Bẫy-22,” bà già đáp. “Pháp luật quy định tụi nó không bắt buộc phải làm vậy.”

“Luật nào quy định thế?”

“Bẫy-22.”

“Ôi, trời đánh thánh vật!” Yossarian thốt lên cay đắng. “Tôi cá là nó thậm chí còn không tồn tại.” Y thôi không đi lại nữa và buồn bã nhìn quanh phòng. “Lão già đâu?”

“Mất rồi,” bà già than thở.

“Mất rồi?”

“Chết,” bà già nói, gật đầu trong ai oán chất ngất, bàn tay trỏ vào đầu. “Có cái gì đó bị vỡ ở bên trong. Một phút trước lão ấy còn đang sống, một phút sau lão ta đã chết.”

“Nhưng ông ta không thể chết!” Yossarian kêu lên, khăng khăng cãi lại. Nhưng tất nhiên y biết rằng đó là sự thật, rằng như vậy là hợp lý và đúng đắn; một lần nữa lão già đã đi đều bước với số đông.

Yossarian quay đi và nặng nề lết từng bước ra khỏi căn hộ, cau có ủ dột, săm soi khắp các căn phòng với sự tò mò bi quan. Mọi thứ bằng thủy tinh đều đã tan tành dưới dùi cui. Chăn ga cùng rèm cửa rách nát nằm chất đống trên sàn. Bàn ghế và các bàn trang điểm bị lật ngược. Tất cả những gì có thể vỡ đều đã bị đập vỡ. Một cuộc phá hủy toàn diện. Không kẻ phá hoại hoang dại nào có thể triệt để tới vậy. Tất cả các cửa sổ đều bị đập vỡ, bóng tối như những đám mây mực tràn vào mỗi căn phòng qua các tấm kính vỡ. Yossarian có thể tưởng tượng ra những bước chân nặng nề, rầm rập dộng xuống của những gã quân cảnh đội mũ cứng trắng. Y có thể hình dung ra sự hoan hỉ hung hăng và hiểm ác trong lúc họ tạo nên đổ nát này, cùng cái ý thức cao đạo và tàn nhẫn về lẽ phải và sự cống hiến của họ. Tất cả những cô gái trẻ trung đáng thương đó đều đã biến mất. Tất cả đều đã biến mất ngoại trừ bà già đang khóc trong những lớp áo len dài tay dày cộp màu nâu, màu xám, đầu quấn chiếc khăn đen, và ngay cả bà cũng sẽ biến mất chẳng chóng thì chầy.

“Đi mất rồi,” bà đau khổ nói, khi y bước trở lại, chưa kịp nói gì. “Giờ thì ai sẽ chăm sóc tôi đây?”

Yossarian lờ tịt câu hỏi đó. “Cô bạn gái của Nately - có ai nghe tin gì về cô ta không?” y hỏi.

“Đi rồi.”

“Tôi biết là cô ta đã đi rồi. Nhưng có ai nghe tin gì về cô ta không? Có ai biết cô ta đang ở đâu không?”

“Đi rồi.”

“Thế còn đứa em gái. Chuyện gì đã xảy ra với con bé?”

“Đi rồi.” Giọng của bà già không hề thay đổi.

“Bà có biết tôi đang nói gì không đấy?” Yossarian gay gắt hỏi, trừng mắt nhìn xem có phải bà đang nói chuyện với y trong vô thức không. Y cao giọng. “Chuyện gì đã xảy ra với đứa em gái đó, con bé con đó?”

“Đi rồi, đi rồi,” bà già cáu kỉnh nhún vai trả lời, bực mình trước sự dai dẳng của y. Tiếng rền rĩ của bà mỗi lúc một to lên. “Bị đuổi đi cùng những người khác, bị đuổi ra ngoài đường. Tụi nó còn không để cho con bé lấy áo khoác.”

“Con bé đi đâu?”

“Tôi không biết. Tôi không biết.”

“Ai sẽ chăm sóc nó?”

“Ai sẽ chăm sóc tôi?”

“Con bé không quen biết ai cả, có phải không?”

“Ai sẽ chăm sóc tôi?”

Yossarian để lại tiền vào lòng bà già - thật kỳ lạ khi dường như tiền có thể sửa chữa biết bao sai trái - và rồi sải từng bước ra khỏi căn hộ, kịch liệt chửi rủa Bẫy-22 trong lúc xuống cầu thang, mặc dù y biết là chẳng có cái gì gọi là Bẫy-22 cả. Bẫy-22 không tồn tại, y có

thể khẳng định được điều đó, nhưng cũng chẳng thay đổi được gì. Quan trọng là ai nấy đều nghĩ rằng nó tồn tại, và như thế thì còn tệ hơn nhiều, bởi vì như vậy thì không có vật thể hay văn bản nào để mọi người có thể nhạo báng hay phủ định, buộc tội, chỉ trích, tấn công, sửa đổi, căm thù, sỉ vả, nhổ nước bọt, xé vụn, giậm nát hay đốt cháy.

Ngoài trời rất lạnh, tối và một màn sương mù tẻ nhạt ri rỉ phình ra trong không khí và luồn xuống những khối nhà lớn bằng đá thô kệch cùng những bệ tượng đài. Yossarian vội vã trở lại với Milo và xuống nước. Y nói là y rất tiếc và, biết mình đang nói dối, hứa sẽ bay thêm bao nhiêu trận tùy ý đại tá Cathcart, chỉ cần Milo sử dụng ảnh hưởng của gã tại Rome để tìm xem em gái cô điếm của Nately đang ở đâu.

“Nó mới chỉ là một con bé mười hai tuổi trinh nguyên, Milo,” y hồi hộp giải thích, “và tôi muốn tìm được nó trước khi quá muộn.”

Milo đáp lại yêu cầu của y bằng một nụ cười nhân hậu. “Tôi đang có đúng một trinh nữ mười hai tuổi mà anh đang tìm đấy,” gã vui vẻ tuyên bố. “Em trinh nữ mười hai tuổi này thực ra mới có ba mươi tư, nhưng cô ta được bố mẹ nuôi dưỡng nghiêm khắc với chế độ ăn kiêng ít đạm và không ngủ với đàn ông cho tới…”

“Milo, tôi đang nói về một con bé!” Yossarian ngắt lời với vẻ sốt ruột đầy tuyệt vọng. “Anh không hiểu à? Tôi không muốn ngủ với nó. Tôi muốn giúp nó. Anh cũng có con gái. Con bé này chỉ là một đứa bé con, và hiện nó chỉ có một mình trong thành phố này mà không có ai chăm sóc. Tôi muốn bảo vệ nó khỏi hiểm nguy. Anh có biết tôi đang nói gì không thế?”

Milo hiểu và chợt cảm động sâu sắc. “Yossarian, tôi rất tự hào về anh,” gã xúc động mãnh liệt thốt lên. “Tôi thực sự rất tự hào. Anh không biết là tôi vui mừng đến mức nào khi thấy rằng không phải lúc nào với anh, mọi thứ cũng chỉ là chuyện tình dục. Anh cũng có những nguyên tắc của mình. Tất nhiên là tôi có con gái, và tôi hiểu rất rõ anh đang nói gì. Chúng ta sẽ tìm được cô bé đó. Anh đừng lo. Anh đi với tôi rồi chúng ta sẽ tìm được cô bé đó, cho dù có phải lật tung cả thành phố này lên chăng nữa. Đi nào.”

Yossarian đi cùng trong chiếc xe công vụ M&M của Milo Minderbinder phóng nhanh tới trụ sở cảnh sát để gặp một tay cảnh sát trưởng luộm thuộm da ngăm đen để ria đen mỏng, mặc quân phục không cài cúc và đang ỡm ờ với một phụ nữ to mập hai cằm và mặt đầy mụn cơm, tay này chào Milo với vẻ ngạc nhiên nồng nhiệt, rồi rạp người khúm núm với một vẻ cúc cung tởm lợm cứ như thể Milo là một hầu tước sang trọng nào đó không bằng.

“A, hầu tước Milo,” ông ta dõng dạc với một niềm vui dào dạt, xô người đàn bà mập kia ra ngoài cửa mà không thèm nhìn theo, mặc cô ta càu nhàu. “Sao ông không báo cho tôi biết là ông tới? Tôi đã có thể mở đại tiệc để đón chào ông. Mời vào, mời vào, thưa hầu tước. Ông gần như đã không còn đến thăm chúng tôi nữa.”

Milo biết là không thể lãng phí thêm chút thời gian nào nữa. “Chào Luigi,” gã nói, gật đầu mạnh tới mức gần như là thô lỗ. “Luigi, tôi cần anh giúp. Bạn tôi muốn tìm một cô bé.”

“Một cô bé ư, thưa hầu tước?” Luigi nói, trầm ngâm gãi mặt. “Có rất nhiều gái ở Rome. Với một sĩ quan Mỹ thì việc có được một cô bé thật không khó chút nào.”

“Không, Luigi, anh không hiểu. Đây là một trinh nữ mười hai tuổi mà anh ta cần phải tìm thấy ngay lập tức.”

“À vâng, giờ thì tôi hiểu,” Luigi sắc sảo nói. “Một trinh nữ thì quả là hơi mất thời gian một chút. Nhưng nếu anh ta đợi ở bến xe buýt nơi mà các thôn nữ tới để tìm việc, tôi…”

“Luigi, anh vẫn chưa hiểu,” Milo sốt ruột cáu kỉnh ngắt lời cộc cằn tới mức khiến tay cảnh sát đỏ hết cả mặt, ông ta đứng phắt dậy chăm chú lắng nghe và bắt đầu bối rối cài cúc áo lại. “Cô bé này là một người bạn, một người bạn cũ của gia đình, và chúng tôi muốn giúp nó. Nó mới chỉ là một đứa trẻ. Nó chỉ có một mình đâu đó trong thành phố này, và chúng tôi cần phải tìm được nó trước khi nó bị ai đó hãm hại. Giờ thì anh đã hiểu chưa? Luigi, điều này rất quan trọng với tôi. Tôi cũng có một đứa con gái cùng độ tuổi với cô bé này, và lúc này với tôi không có gì trên thế giới này quan trọng hơn việc cứu giúp đứa nhỏ đáng thương đó trước khi quá muộn. Anh có giúp được không?”

“*Si*, thưa hầu tước, giờ thì tôi đã hiểu,” Luigi nói. “Và tôi sẽ làm tất cả những gì có thể để tìm cô bé ấy. Nhưng tối nay tôi không có người. Tối nay, tất cả người của tôi đều đang bận phá đường dây buôn lậu thuốc lá.”

“Thuốc lá lậu ư?” Milo hỏi.

“Milo,” Yossarian yếu ớt kêu lên, tim y như chùng xuống, ngay lập tức cảm thấy thôi thế là hết.

“*Si*, thưa hầu tước,” Luigi nói. “Lợi nhuận của thuốc lá lậu đã cao tới mức gần như không thể kiểm soát nổi việc buôn lậu.”

“Có thực là thuốc lá lậu có lời đến vậy không?” Milo chăm chú hỏi, cặp lông mày màu gỉ sắt của gã say sưa nhướng lên sống động, lỗ mũi bèn khụt khịt.

“Milo,” Yossarian gọi. “Hãy nghe tôi nói đây, có được không?”

“*Si*, thưa hầu tước,” Luigi trả lời. “Thuốc lá lậu rất lời. Việc buôn thuốc lá lậu đã thành vấn nạn quốc gia, thưa hầu tước, thực sự là một nỗi hổ thẹn quốc gia.”

“Thật vậy sao?” Milo bình luận với một nụ cười lơ đãng và bắt đầu đi ra cửa như thể đang bị dính bùa.

“Milo!” Yossarian hét toáng, nhảy lên trước để chặn gã lại. “Milo, anh phải giúp tôi.”

“Thuốc lá lậu,” Milo giải thích với ánh mắt thèm khát như phát cuồng, vật lộn quyết liệt hòng thoát ra. “Buông tôi ra. Tôi phải đi buôn lậu thuốc lá.”

“Ở lại đây giúp tôi tìm con bé đã,” Yossarian nài nỉ. “Mai anh có thể buôn lậu thuốc lá sau.”

Nhưng Milo đã điếc và cứ nhoài lên phía trước, không bạo lực nhưng không sao cưỡng lại, mồ hôi đổ ròng ròng, cặp mắt của gã, như thể đang bị khống chế gắn chặt vào một điểm không rõ là gì, đang rực cháy dữ dội, miệng gã rần rật nhểu dãi. Gã khẽ rên lên như thể đang trong cơn đau đớn bản năng và xa xôi nào đó, miệng cứ lặp đi lặp lại, “Thuốc lá lậu, thuốc lá lậu.” Yossarian rốt cuộc đành nhượng bộ và tránh ra khi thấy nói lý với gã giờ là một việc vô vọng ra sao. Milo mất hút như một viên đạn. Tay cảnh sát lại cởi cúc áo ra và nhìn Yossarian khinh bỉ.

“Anh muốn gì ở đây?” ông ta lạnh lùng hỏi. “Anh muốn tôi bắt anh à?”

Yossarian đi ra khỏi phòng xuống cầu thang ra ngoài một con phố tối tăm như hầm mộ, lúc qua hành lang thì lướt qua người đàn bà to mập hai cằm, mặt đầy mụn cơm đang trên đường quay trở lại. Không có dấu hiệu nào của Milo ở bên ngoài. Không có ánh đèn trong bất cứ ô cửa sổ nào. Vỉa hè hoang vắng liên tục dốc lên suốt một đoạn vài khối nhà. Y có thể nhìn thấy ánh sáng bừng lên từ phía đại lộ ở đầu con đường dài trải đá cuội. Đồn cảnh sát gần như ở dưới chân dốc; những bóng đèn vàng treo ở cổng kêu lèo xèo trong không khí ẩm như những ngọn đuốc ướt. Trời đang mưa lay phay, lạnh cóng. Y bắt đầu bước đi chậm chạp, cố sức ngược lên đồi. Chẳng mấy chốc y đã tới một nhà hàng yên tĩnh, ấm áp, mời gọi với rèm nhung đỏ sau cửa sổ và bảng hiệu đèn neon xanh gần cửa với dòng chữ: NHÀ HÀNG TONY. ẨM THỰC HẢO HẠNG. CẤM VÀO. Những chữ trên bảng hiệu đèn neon xanh đó chỉ khiến y thoáng ngạc nhiên trong chốc lát. Dường như không thứ lệch lạc nào còn là kỳ quái nữa trong khung cảnh kỳ lạ, méo mó xung quanh y. Nóc các tòa nhà cao vút nghiêng một góc lạ lùng, siêu thực, và phố dường như cũng nghiêng. Y dựng cổ chiếc áo khoác len ấm áp lên và quấn chặt quanh mình. Đêm rét căm căm. Một thằng nhóc vận chiếc áo mỏng cùng chiếc quần rách nát mỏng manh đi ra từ bóng tối trên đôi chân trần. Nó có mái tóc đen, cần được cắt tóc và còn cần cả giày và tất nữa. Gương mặt ốm yếu của nó nhợt nhạt và buồn bã. Khi nó bước qua, bàn chân nó tạo nên những âm thanh non nớt, khẽ khàng và khủng khiếp trên những vũng nước mưa vỉa hè, và Yossarian bị lay động bởi một mối xót thương cho cảnh nghèo của nó mãnh liệt tới mức y còn muốn đấm nát khuôn mặt nhợt nhạt, buồn bã và đau

ốm ấy và đấm bay nó ra khỏi cõi đời này bởi vì nó khiến y nghĩ tới tất cả lũ trẻ nhợt nhạt, buồn bã và ốm đau ở Ý vào đêm nay, những đứa trẻ cũng cần phải được cắt tóc, cần có giày và tất. Nó khiến Yossarian nghĩ tới những người tàn tật và đàn ông, đàn bà đói rét, và tới tất cả những bà mẹ lặng câm, thụ động và thành tâm với những cặp mắt đờ đẫn cũng đang ở ngoài trời đêm nay cho con bú bầu vú động vật để trần mặc kệ trời mưa giá rét. Những con bò cái. Gần như ngay lúc ấy, một bà mẹ bế đứa con nhỏ mặc đồ như giẻ rách đen chợt lướt qua, và Yossarian cũng muốn đập cho cô một trận, bởi vì cô đã khiến y nhớ tới thằng bé đi chân trần mặc áo quần rách nát mỏng manh, và tới tất cả những khốn khổ đến rùng mình, sửng sốt trong một thế giới chưa bao giờ cung cấp đủ hơi ấm, thức ăn và sự công bằng cho tất cả mọi người mà chỉ cho một nhúm người láu cá và vô đạo đúc. Quả là một trái đất kinh tởm! Y tự hỏi ngay trong đêm nay hiện có bao nhiêu người đang phải sống trong nghèo túng, thậm chí ở ngay chính đất nước phồn vinh của y, bao nhiêu mái ấm chỉ là những túp lều lụp xụp, bao nhiêu người chồng đang say khướt và bao nhiêu người vợ bị đánh đập, bao nhiêu trẻ em bị bắt nạt, bị ngược đãi hay bị bỏ rơi? Bao nhiêu gia đình đói vì không đủ tiền mua thức ăn? Bao nhiêu trái tim tan vỡ? Đêm nay bao nhiêu vụ tự tử sẽ xảy ra và bao nhiêu người sẽ phát điên? Bao nhiêu con gián và bao nhiêu chủ đất sẽ chiến thắng? Bao nhiêu người chiến thắng sẽ thành chiến bại, thành công thành thất bại, bao nhiêu người giàu sẽ trở nên nghèo? Bao nhiêu gã thông thái sẽ trở nên ngu dốt? Bao nhiêu kết thúc có hậu lại trở nên bi thảm? Bao nhiêu người trung thực là những kẻ nói dối, người dũng cảm lại hèn nhát, bao nhiêu người nhận được sự ủy thác nhưng lại bán linh hồn cho những đồ đê tiện chỉ vì những đồng tiền vặt vãnh, bao nhiêu

người chưa từng có linh hồn? Bao nhiêu con đường thẳng và hẹp bỗng trở thành cong queo? Bao nhiêu gia đình tốt nhất lại trở nên tồi tệ nhất, bao nhiêu người tốt lại trở thành kẻ xấu? Khi ta cộng tất cả lại rồi trừ đi, sẽ chỉ còn lại trẻ em, và có lẽ có thêm Albert Einstein, và một tay vĩ cầm hoặc một nhà điêu khắc già ở đâu đó. Yossarian bước đi một mình trong day dứt, cảm thấy xa lạ, và không thể gột ra khởi đầu hình ảnh thằng bé chân trần với đôi gò má ốm yếu cho đến khi rốt cuộc y rẽ ở cuối phố để đi vào đại lộ và gặp một người lính Đồng minh đang co giật trên mặt đất, một trung úy trẻ với gương mặt ngây thơ, nhỏ bé và nhợt nhạt. Sáu người lính đến từ những nước khác nhau đang vật lộn với từng bộ phận trên cơ thể cậu ta, cố gắng giúp đỡ và giữ cậu nằm yên. Cậu ta kêu rên không thành lời qua hàm răng nghiến chặt, mắt trợn ngược. “Đừng để cho anh ta cắn đứt lưỡi,” một trung sĩ thấp lùn đứng gần Yossarian nhanh trí đưa ra lời khuyên, và thế là người thứ bảy nhảy vào vật lộn với gương mặt ốm yếu của viên trung úy. Đột nhiên tất cả những người tham gia vật lộn bỗng giành chiến thắng và họ quay sang nhìn nhau ngập ngừng, bởi vì giờ khi họ đã giữ chặt được viên trung úy, họ không biết phải làm gì tiếp với cậu. Một cơn rùng mình hoảng loạn ngây ngốc truyền từ gương mặt căng thẳng cục súc này sang gương mặt căng thẳng cục súc khác. “Sao các anh không nhấc cậu ta để lên ca pô cái xe kia nhỉ?” một hạ sĩ đứng sau lưng Yossarian lè nhè nói. Nghe có vẻ có lý, thế là bảy người bọn họ bèn nhấc viên trung úy trẻ đó lên và cẩn thận đặt cậu ta lên nắp ca pô một chiếc ô tô đang đỗ gần đó, trong lúc ấy vẫn phải ghì chặt từng bộ phận đang vùng vẫy trên người cậu ta. Đặt được cậu ta thẳng đơ trên nóc ca pô rồi, họ lại tiếp tục nhìn nhau trân trối, vì họ lại không biết phải làm gì tiếp theo. “Sao các anh không nhấc cậu ta khỏi ca pô mà cho

xuống đất nhỉ?" viên hạ sĩ đứng sau Yossarian lại lè nhè. Nghe có vẻ vẫn có lý, thế là họ lại bắt đầu chuyển cậu ta trở lại vỉa hè, nhưng trước khi họ làm xong việc đó thì một xe Jeep đã phi tới với đèn đỏ nhấp nháy bên hông và hai quân cảnh trên ghế trước.

"Có chuyện gì vậy?" người lái xe lớn tiếng.

"Cậu ta đang bị co giật," một trong những người đang giữ chặt tay chân viên trung úy trẻ đáp lời. "Chúng tôi đang cố giữ chặt cậu ta lại."

"Vậy tốt. Cậu ta đã bị bắt."

"Chúng tôi nên làm gì với cậu ta?"

"Cứ tiếp tục bắt giữ cậu ta!" tay quân cảnh hét lên, gập cả người lại mà cười lên khùng khục trước câu đùa của chính gã, rồi phóng xe đi.

Yossarian nhớ ra rằng y không có giấy nghỉ phép và thận trọng lướt qua đám người xa lạ đó về phía những giọng nói nghèn nghẹt phát ra từ trong bóng tối âm u ở đằng xa phía trước. Đại lộ rộng lớn và loang lổ những vệt nước mưa cứ nửa đoạn phố lại được thắp sáng bởi một cây đèn đường thấp có đầu uốn cong phát ra những tia sáng mờ kỳ quái bọc trong quầng sương mù dày màu nâu. Từ một cửa sổ phía trên y nghe thấy một giọng nữ buồn rầu đang cầu khẩn. "Làm ơn đừng. Làm ơn đừng." Một cô gái trẻ phiền muộn mặc áo mưa đen, làn tóc đen xõa tung vương trên mặt bước qua với đôi mắt cụp xuống. Ở đoạn phố tiếp theo, chỗ Bộ Nội vụ, một cô gái say khướt đang bị một người lính say khướt dồn vào một trong những cái cột kiểu Corinth, trong khi ba chiến hữu say khướt của gã ngồi trên mấy bậc thang gần đó chống mắt xem với những chai rượu dựng giữa hai chân. "*Lờm* ơn đừng," cô gái say khướt cầu xin. "Giờ

tôi muốn về nhà. *Lờm* ơn đừng.” Một trong mấy gã đang ngồi bèn hung hăng chửi và lẳng luôn một chai rượu vào Yossarian khi y quay sang nhìn. Chai rượu văng tuốt ra xa vô hại rồi vỡ vụn một tiếng gọn gàng hầu như không nghe thấy. Yossarian tiếp tục bước đi với vẻ lờ phờ, chậm rãi, tay đút túi quần. “Làm tới đi cưng,” y nghe tiếng người lính say khướt kia đang kiên quyết thúc giục. “Giờ thì đến lượt tôi.” “*Lờm* ơn, đừng,” cô gái say khướt kia van xin. “*Lờm* ơn, đừng.” Ngay tại góc phố tiếp theo, từ sâu trong bóng tối đặc quánh bất khả xuyên thủng của một con phố nhỏ hẹp quanh co, y nghe thấy tiếng ai đó dọng tuyết, âm thanh bí hiểm, không lẫn vào đâu được. Tiếng sàn sạt đều đặn, nặng nhọc, gây ra nhiều liên tưởng của chiếc xẻng sắt cà xuống sàn bê tông khiến da thịt y sởn hết lên khiếp hãi suốt từ lúc bước xuống vỉa hè qua bên kia con ngõ nhỏ nhiều điềm gở đó rồi vội vã đi tiếp cho tới khi những âm thanh ám ảnh, phi lý ấy tụt hẳn lại đằng sau. Giờ thì y biết mình đang ở đâu: nếu y cứ đi thẳng thì chẳng mấy chốc sẽ tới một vòi phun nước đã khô cạn ở giữa đại lộ, sau đó sẽ tới căn hộ dành cho sĩ quan cách đó bảy đoạn phố. Bỗng y nghe thấy những tiếng gầm gừ không phải tiếng người rạch toang bóng tối ma quái phía trước. Bóng điện trên cây đèn góc phố đã cháy, đổ tối tăm tràn qua nửa phố, xô mọi thứ mắt nhìn thấy được vào tròng trành. Ở phía bên kia ngã tư, một gã đàn ông đang đánh đập con chó bằng gậy giống như kẻ cứ lấy roi vụt con ngựa trong giấc mơ của Raskolnikov[85]. Yossarian tuyệt vọng gồng mình để không nghe, không nhìn. Con chó rên ư ử và ré lên trong cơn cuồng loạn súc vật đã bị làm cho chết lặng ở đầu kia một sợi dây chão bện cũ kỹ, nằm phủ phục và rạp bụng lê lết không chút phản kháng, nhưng gã kia vẫn cứ liên tục nện cây gậy nặng và dẹt đó xuống nó. Một đám người đang đứng xem. Một bà lùn mập bước lên

xin gã dừng tay. “Không phải việc của bà,” gã thô lỗ quạc lại, giơ cây gậy lên như muốn đánh cả bà ta, và bà đành ngoan ngoãn rút lui trong khốn khổ ê chề. Yossarian rảo bước để thoát đi, gần như chạy. Đêm tràn ngập những cảnh ghê rợn, và giờ y nghĩ y đã biết Chúa có cảm giác như thế nào khi ngài đi bộ qua thế giới, như bác sĩ tâm thần đi qua một phòng bệnh toàn thằng điên, như một nạn nhân đi qua một nhà tù toàn kẻ trộm. Một thằng hủi hẳn vẫn là một cảnh đón chào đẹp hơn! Ở góc phố tiếp theo, một gã đàn ông đang nện nhừ tử một thằng nhóc giữa một đám đông bất động gồm toàn những người lớn giương mắt nhìn mà không ai buồn động tay can thiệp. Yossarian chùn lại vì chợt kinh sợ nhận ra. Y chắc chắn mình đã chứng kiến cùng cảnh tượng khủng khiếp ấy đâu đó từ trước rồi. *Déjà vu* ư? Sự trùng hợp hung hiểm này khiến cho y sốc và đổ đầy lòng y những nghi ngờ và khiếp sợ. Chính là cái cảnh mà y đã chứng kiến ở đoạn phố trước, mặc dù mọi thứ trong đó dường như cũng có khác. Điều quái gì đang xảy ra trên thế giới này đây? Liệu lại có một bà thấp lùn nào bước ra xin gã kia ngừng lại không? Liệu gã có giơ tay lên dọa đánh và bà ta sẽ lại rút lui? Không một ai động đậy. Đứa trẻ khóc liên hồi như thể uống phải bả khổ đau. Gã đàn ông liên tục đánh ngã nó bằng những cú tát mạnh vào đầu nghe rõ cả tiếng, sau đó giật nó đứng dậy để lại nện nó ngã xuống. Không ai trong đám đông rầu rĩ, rúm ró kia có vẻ quan tâm tới thằng bé đang bị nện tới mức bất tỉnh đó đủ nhiều để can thiệp. Đứa trẻ không quá chín tuổi. Một người đàn bà nhếch nhác đang lặng lẽ khóc vào một khăn lau bát bẩn thỉu. Thằng bé gầy gò và cần cắt tóc. Máu đỏ tươi đang trào ra thành dòng từ cả hai bên tai. Yossarian nhanh chóng bước sang phía bên kia đại lộ rộng lớn này để tránh cảnh tượng buồn nôn đó và chợt thấy mình đang giẫm lên những chiếc răng

người nằm trên vỉa hè sũng nước, lấp lánh gần những vết máu vẫn giữ được độ dính nhóp nhờ những giọt mưa trút xuống tới tấp như những chiếc vuốt sắc chọc vào. Răng hàm và răng cửa vỡ vương vãi khắp nơi. Y rón rén đi vòng qua đám mảnh vụn kinh tởm đó tới gần một ngưỡng cửa có người lính đang cầm một chiếc khăn tay sũng nước bịt lấy miệng mà khóc, gần như khuỵu hẳn vào hai người lính khác đang rầu rĩ sốt ruột chờ một chiếc xe cấp cứu quân y rốt cuộc cũng ầm ĩ tới với đèn sương mù ánh vàng vẫn bật nhưng rồi lại phi vèo qua chỗ bọn họ để đến chỗ xảy ra vụ cãi lộn ở quãng phố tiếp theo giữa một thường dân Ý với mấy cuốn sách và một bầy cảnh sát với còng tay và dùi cui. Thường dân đang kêu gào vật lộn kia là một người đàn ông đen đúa với gương mặt đã trắng như bột vì sợ hãi. Cặp mắt anh ta cứ giật giật vì tuyệt vọng cùng cực, chớp mở liên tục như cánh dơi vỗ, trong lúc đám cảnh sát cao to ấy túm chặt cánh tay, cẳng chân và nhấc anh ta lên. Mấy cuốn sách của anh ta rơi tràn xuống mặt đất. “Cứu!” anh ta thét lên thất thanh bằng một thứ giọng bị chính cảm xúc của nó bóp nghẹt trong khi cảnh sát đưa anh ta tới cửa sau đang mở sẵn của xe cấp cứu và ném anh ta vào trong. “Cảnh sát! Cứu! Cảnh sát!” Cửa đóng sập và cài chặt, chiếc xe cấp cứu phóng đi. Quả là một sự mỉa mai thiếu hài hước khi mà trong cơn hoảng loạn đến lố bịch của mình, người đàn ông kia đã gọi cảnh sát để kêu cứu trong khi xung quanh anh ta đang toàn là cảnh sát. Yossarian nhăn nhó cười khẩy khi nghe thấy tiếng kêu cứu vô ích và ngớ ngẩn đó, để rồi chợt thấy những từ đó rất mơ hồ, và hoảng hốt nhận ra rằng có lẽ chúng không phải là để gọi cảnh sát đến cứu mà là một lời cảnh báo quả cảm từ dưới mồ của một người bạn đã bị kết liễu tới bất cứ ai không phải là cảnh sát mang dùi cui và súng được hỗ trợ bởi một đám côn đồ những cảnh sát

mang dùi cui và súng khác. “Cứu! Cảnh sát!” người đàn ông đó đã kêu lên như thế, và có lẽ anh ta đã kêu để báo hiệu sự nguy hiểm. Yossarian đáp lại ý nghĩ ấy bằng cách rón rén chuồn xa đám côn đồ cảnh sát và suýt thì giẫm lên chân một bà chị lực lưỡng khoảng bốn mươi tuổi đang vội vã bước qua ngã tư phố đầy vẻ tội lỗi, ném những cú liếc lén lút, thù hận ra đằng sau về phía một bà già tám mươi tuổi cổ chân băng bó dày hự đang lẩy bẩy đuổi theo trong vô vọng. Bà già vừa hổn hển thở vừa cà nhắc đi, lẩm bẩm một mình trong lo âu quẫn trí. Bản chất của cảnh này thật không thể lẫn vào đâu được: đó là một cuộc đuổi bắt. Bà thứ nhất đắc thắng vì đã qua được quá nửa đại lộ khi bà thứ hai còn chưa tới được lề đường. Nụ cười hơi nhếch, độc ác, hả hê mà chị ta ném nhanh về phía sau cho bà già đang chật vật kia có vẻ vừa xấu xa lại vừa sợ hãi. Yossarian biết y có thể giúp được bà già, chỉ cần bà ta kêu lên, y biết y có thể nhào tới tóm gọn bà to khỏe thứ nhất kia và đem tới chỗ đám cảnh sát gần đó nếu bà thứ hai cho phép y làm điều đó bằng một tiếng thét tuyệt vọng. Nhưng bà già chỉ đi qua mà thậm chí không thèm nhìn y, chỉ lẩm bẩm trong bực bội khủng khiếp và bi thương, và chẳng mấy chốc bà thứ nhất biến mất vào những tầng bóng tối mỗi lúc một thăm thẳm bỏ lại bà già đứng bất lực giữa tâm con đường lớn, rợn ngợp, không biết sẽ đi tiếp về đâu, trơ trọi. Yossarian dứt mắt mình khỏi bà và vội vã bước đi trong hổ thẹn vì đã chẳng làm gì để giúp. Y lén lút phóng những cú liếc tội lỗi về phía sau trong ê chề, sợ rằng bà già giờ có thể sẽ bắt đầu đi theo y, và y vui mừng vì được ẩn náu trong thứ bóng tối ảm đạm lay phay mưa, dập dềnh, không một ánh đèn, gần như mờ đục ấy. Lũ côn đồ… lũ côn đồ cảnh sát - tất cả mọi nơi ngoại trừ nước Anh đều nằm trong tay lũ côn đồ,

lũ côn đồ, lũ côn đồ. Lũ côn đồ tay cầm dùi cui đang nắm quyền kiểm soát khắp mọi nơi.

Mặt ngoài cổ áo và vai áo khoác của Yossarian sũng nước. Tất chân của y ướt và lạnh. Cây cột đèn tiếp theo cũng bị cháy bóng, lớp vỏ thủy tinh chụp ngoài đã vỡ. Những tòa nhà và những hình thù không rõ nét dập dềnh trôi qua y lặng lẽ như thể được đưa đi nguyên vẹn trên bề mặt một ngọn thủy triều hôi thối và vĩnh cửu. Một thầy tu cao lớn đi qua, khuôn mặt ông ta hoàn toàn mất hút trong chiếc mũ trùm đầu tồi tàn màu xám, đến cả cặp mắt cũng bị che khuất. Có tiếng bước chân bì bõm từ từ tiến lại gần y qua một vũng nước và y sợ rằng đó lại là một đứa trẻ chân trần. Y lướt qua một người đàn ông hốc hác, nhợt nhạt, có vẻ đáng tin cậy trong bộ áo mưa đen với vết sẹo hình ngôi sao trên má và một vết lõm do bị thương bóng loáng cỡ quả trứng ở một bên thái dương. Trên đôi dép cói lép nhép, một cô gái trẻ hiện ra với gương mặt bị biến dạng bởi một vết bỏng loang lổ màu hồng ghê rợn bắt đầu từ cổ kéo thành một đám sần sùi nhăn nhúm lên tận hai bên má, vòng qua cả mắt! Yossarian không chịu nổi dù là nhìn, đoạn y rùng mình. Không ai có thể yêu được cô. Tinh thần y trở nên nặng nề; y thèm được nằm xuống cùng với một cô gái nào đó mà y có thể yêu, người có thể xoa dịu được y, làm cho y hứng khởi và đưa y vào giấc ngủ. Một tay côn đồ cầm dùi cui đang đợi y ở Pianosa. Tất cả các cô gái đều đã đi mất. Nữ bá tước và cô con dâu không còn làm cho y hứng thú; y đã quá già để đùa vui, và y không còn có thời gian nữa. Luciana đã đi mất, chết rồi cũng có khi; nếu chưa thì cũng sẽ sớm thôi. Cô điếm đẫy đà của Aarfy đã biến mất cùng với chiếc nhẫn có đá chạm bẩn thỉu, còn y tá Duckett lại lấy làm xấu hổ vì y đã từ chối bay ra trận và chuyện đó sẽ gây ra tai tiếng. Cô gái duy nhất y biết đang ở

gần đó là em giúp việc xoàng xĩnh trong căn hộ dành cho sĩ quan, chưa từng có tay sĩ quan nào chịu ngủ với cô. Tên cô là Michaela, nhưng đám lính thường gọi cô với những cái tên tục tĩu bằng giọng êm ái, nịnh đầm mà cô chỉ cười khúc khích trong niềm vui thơ ngây bởi vì cô không hiểu tiếng Anh và tưởng rằng họ đang khen ngợi cô và đang đùa những câu vô hại. Mọi thứ phóng túng cô từng thấy họ làm đều khiến cô say đắm trong niềm vui. Cô là một cô gái vui vẻ, giản đơn và chăm chỉ, không biết đọc và hầu như không viết nổi tên mình. Mái tóc thẳng của cô có màu rơm mục. Cô có làn da tái và đôi mắt cận, và chưa từng có tay sĩ quan nào ngủ với cô bởi vì không có ai thèm muốn cô, không có ai ngoại trừ Aarfy, gã này đã hiếp cô vào cùng buổi tối hôm đó và sau đó nhốt cô vào trong tủ quần áo gần hai tiếng đồng hồ, tay bịt miệng cô cho đến khi có tiếng còi giới nghiêm hú lên và nếu cô ra ngoài thì sẽ là phạm pháp.

Sau đó gã ném cô ra ngoài cửa sổ. Xác cô vẫn nằm trên vỉa hè khi Yossarian đến và lịch sự mở đường đi qua một đám hàng xóm mặt mày nghiêm trọng cầm những cây đèn pin lờ mờ, họ vừa lùi lại cho y qua vừa trừng trừng nhìn độc địa và cay đắng chỉ trỏ lên cửa sổ tầng hai trong khi nghiêm nghị rì rầm riêng với nhau những mẩu hội thoại tố cáo. Tim Yossarian đập thình thịch trong kinh hãi và khiếp đảm khi tận mục sở thị cái xác thảm thương, gớm ghiếc và đẫm máu ấy. Y lủi nhanh vào trong sảnh và phi lên cầu thang vào căn hộ, tại đó y thấy Aarfy đang bứt rứt đi đi lại lại với một nụ cười phô trương, hơi gượng gạo. Aarfy có vẻ hơi bồn chồn khi tay gã cứ xoay mãi tẩu thuốc và quả quyết với Yossarian rằng mọi việc sẽ ổn thôi. Không có gì phải lo lắng cả.

"Tôi chỉ hiếp cô ta một lần," gã giải thích.

Yossarian thất kinh. “Nhưng anh đã giết cô ta, Aarfy! Anh đã giết cô ta!”

“Ồ, tôi phải làm thế sau khi đã hiếp cô ta,” Aarfy trả lời với vẻ nhún nhường hết mức có thể. “Tôi không thể thả cô ta đi để nói xấu chúng ta được, phải không?”

“Tại sao anh lại phải chạm vào cô ta cơ chứ, đồ con hoang đần độn kia?” Yossarian hét lên. “Nếu muốn thì tại sao anh không thể tự kiếm cho mình một em ở ngoài đường kia chứ? Thành phố này đầy gái điếm mà.”

“Ồ không, tôi thì không,” Aarfy khoác lác. “Cả đời tôi không bao giờ phải trả tiền để làm chuyện đó.”

“Aarfy, anh điên rồi à?” Yossarian gần như nghẹn họng. “Anh *đã giết* một cô gái. Họ sẽ cho anh đi tù!”

“Ồ không,” Aarfy trả lời, nặn ra một nụ cười. “Tôi thì không. Họ sẽ không cho một Aarfy già cả tốt bụng như thế này đi tù. Vì tội giết *cô ta* thì không.”

“Nhưng anh đã ném cô ta ra ngoài cửa sổ. Cô ta đang nằm chết ở dưới đường.”

“Cô ta đâu có quyền ở đó,” Aarfy trả lời. “Đã đến giờ giới nghiêm.”

“Đồ ngu! Anh không nhận thức được mình đã làm gì ư?” Yossarian muốn túm chặt lấy cái bả vai no đủ và mềm như sâu bướm của gã mà lắc cho đến khi nào gã hiểu ra vấn đề. “Anh vừa giết một con người. Họ sẽ cho anh đi tù. Thậm chí họ còn có thể *treo cổ* anh!”

“Ồ, tôi không nghĩ là họ sẽ làm vậy,” Aarfy đáp cùng một tiếng cười khùng khục khoái trá, mặc dù các triệu chứng lo lắng của gã mỗi lúc một gia tăng. Gã làm tràn hết cả vụn thuốc lá ra ngoài tẩu mà không hề hay biết khi những ngón tay ngắn củn của gã lóng ngóng với cái nõ tẩu. “Không đâu. Không thể làm vậy với Aarfy già cả tốt bụng này.” Gã lại cười khành khạch. “Cô ta chỉ là một con ở. Tôi nghĩ họ sẽ khó lòng xé to một vụ việc chỉ dính dáng tới một con ở người Ý trong khi ngày nào chả có hàng đống mạng sống đang mất đi. Có phải không?”

“Nghe này!” Yossarian kêu lên, gần như vui sướng. Y dỏng tai lên và quan sát máu rút dần khỏi khuôn mặt Aarfy khi có tiếng còi hú rền rĩ từ đằng xa, tiếng còi cảnh sát, rồi gần như ngay lập tức nó tăng lên thành một điệu nhạc rú rít, the thé, dồn dập của thứ âm thanh lộng óc dường như đang ập vào căn phòng từ tứ phía. “Aarfy, họ đang đến tìm anh đấy,” y nói, lòng trắc ẩn trào dâng, hét lên để át tiếng ồn. “Họ đang tới bắt anh. Aarfy, anh không hiểu sao? Anh không thể lấy đi mạng sống của một con người khác mà thoát tội được, ngay cả khi đó chỉ là một con ở nghèo khó. Anh không thấy sao? Anh không hiểu sao?”

“Ồ không,” Aarfy khăng khăng nói, miệng cười yếu ớt. “Họ sẽ không đến bắt tôi. Không phải Aarfy già cả tốt bụng này.”

Đột nhiên trông gã như phát ốm. Gã run rẩy choáng váng ngồi phịch xuống một chiếc ghế, hai bàn tay mập mạp èo uột run lên trong lòng. Tiếng những chiếc xe phanh kít dừng lại bên ngoài. Lập tức đèn pha rọi thẳng vào cửa sổ. Tiếng loa vang lên chói tai. Aarfy xanh mặt. Gã cứ máy móc lắc đầu với một nụ cười kỳ cục đờ đẫn, và đều đều lặp đi lặp lại một cách yếu ớt và trống rỗng rằng không

phải họ đến bắt gã, không phải Aarfy già cả tốt bụng này, không đâu, cứ cố tự thuyết phục mình như thế ngay cả khi những bước chân huỳnh huỵch đã phi lên cầu thang, nện xuống chiếu nghỉ, ngay cả khi những nắm đấm đã nện vào cửa tới bốn lần kiên quyết, đinh tai. Rồi cửa căn hộ bật mở toang, và hai quân cảnh to khỏe, cơ bắp, mắt băng giá và quai hàm vạm vỡ mím chặt nhanh chóng bước vào, sải bước qua phòng, và bắt giữ Yossarian.

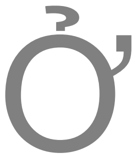
Họ bắt Yossarian vì đã đến Rome mà không có giấy phép.

Họ xin lỗi Aarfy vì đã xông vào, rồi hai người kẹp Yossarian ở giữa giải đi, các ngón tay cứng như xiềng thép thọc xuống dưới cánh tay y giữ chặt. Họ không nói gì với y trên đường xuống cầu thang. Hai quân cảnh cao lớn khác với dùi cui và mũ cứng trắng đang đợi ở bên ngoài một chiếc xe đã đóng cửa. Họ đẩy y vào ghế sau, chiếc xe rồ máy phóng đi, len lỏi qua mưa và sương mù dày đặc về đồn cảnh sát. Họ nhốt y suốt đêm trong một phòng giam với bốn bức tường đá. Sáng sớm họ đưa cho y một cái xô để đi vệ sinh rồi lái xe đưa y ra sân bay, nơi có thêm hai tay quân cảnh khổng lồ nữa với dùi cui và mũ cứng trắng đang đợi trên một chiếc máy bay vận tải đã khởi động sẵn, những chiếc vỏ động cơ hình trụ màu xanh lá đang rỉ ra những hạt nước rung bần bật. Không ai trong số đám quân cảnh nói chuyện với nhau. Họ thậm chí còn không gật đầu. Yossarian chưa từng nhìn thấy khuôn mặt nào lại giống đá tảng đến vậy. Chiếc máy bay bay về Pianosa. Lại thêm hai quân cảnh câm lặng nữa đang đợi ở đường băng. Giờ tổng cộng đã là tám, và với kỷ luật không lời, chính xác, họ xếp hàng chui vào hai chiếc xe tăng tốc phóng vù vù qua bốn phi đoàn về tòa nhà trụ sở liên đoàn, tại đó lại có thêm hai quân cảnh nữa đang đợi ở bãi đỗ. Tất cả mười người cao, khỏe, quả quyết, câm lặng vây quanh y khi họ bước về

phía cửa tòa nhà. Bước chân của họ nện thành một bản hợp xướng ầm ĩ trên mặt sân gạch xỉ. Y có cảm giác mọi sự càng lúc càng khẩn trương. Y kinh sợ. Mỗi người trong số mười viên quân cảnh kia đều đủ khỏe để đấm y một phát chết luôn. Họ chỉ cần ấn những bờ vai đồ sộ, rắn như đá vào y là đủ ép sạch sự sống ra khỏi cơ thể y. Y không thể làm được gì để tự cứu mình. Y thậm chí còn không thể nhìn thấy được hai người nào trong số bọn họ đang xốc nách y giải đi rất nhanh giữa hai hàng lừng lững thẳng tắp mà họ vừa xếp thành. Nhịp bước của họ mỗi lúc một nhanh và y có cảm giác như mình đang bay lên khỏi mặt đất khi họ bước theo một nhịp quyết liệt lên cái cầu thang đá cẩm thạch rộng rãi tới chiếu nghỉ tầng trên, tại đó vẫn còn có thêm hai quân cảnh bí hiểm, mặt rắn đanh đang đợi để dẫn tất cả bọn họ đi với tốc độ còn nhanh hơn nữa xuống ban công dài đỡ bằng mút chìa treo bên trên đại sảnh thênh thang. Những tiếng chân đi đều nện lên sàn lát gạch xỉn rền vang như tiếng trống kinh hoàng dồn dập qua phần trung tâm trống rỗng của tòa nhà khi họ đi với tốc độ và độ chính xác còn cao hơn nữa tới phòng làm việc của đại tá Cathcart, và những cơn gió hoảng loạn bắt đầu thổi vào tai Yossarian khi họ đưa y đến sự phán quyết cuối cùng của mình ở bên trong căn phòng ấy, nơi trung tá Korn đang thoải mái đặt mông lên một góc bàn làm việc của đại tá Cathcart, chờ sẵn để chào đón y với một nụ cười thân ái và nói,

“Chúng tôi sẽ cho anh về nhà.”

40 BẪY-22



đây, tất nhiên rồi, có một cái bẫy.

"Bẫy-22?" Yossarian hỏi.

"Tất nhiên," trung tá Korn vui vẻ trả lời sau khi đã đuổi hết đám vệ sĩ hoành tráng gồm toàn những gã quân cảnh to khỏe ra ngoài bằng một cú phẩy tay vô tâm và một cái gật đầu hơi khinh bỉ - thoải mái nhất, như thường lệ, là khi gã có thể cay độc nhất. Đôi kính mắt không gọng tròng vuông ánh lên quỷ quyệt khi gã nhìn Yossarian. "Rốt cuộc thì, chúng tôi đâu thể cho anh về nhà chỉ vì anh không chịu bay ra trận nữa và bắt tất cả những người khác ở lại, phải không? Như vậy thì chẳng công bằng đối với họ chút nào."

"Anh nói quá đúng!" đại tá Cathcart buột miệng, huỳnh huỵch đi qua đi lại một cách thô thiển như một con bò tót hụt hơi, phì phò thở và trề môi giận dữ. "Tôi muốn trói gô chân tay anh ta lại, ném lên máy bay, đưa thẳng ra trận, tất cả các trận. Tôi muốn làm như thế đấy."

Trung tá Korn ra hiệu cho đại tá Cathcart im lặng và mỉm cười với Yossarian. "Anh biết đấy, anh thực sự đã gây khó dễ cho đại tá Cathcart," gã nhận xét, tươi cười hơi bỡn cợt, như thể chuyện này chẳng hề khiến gã khó chịu. "Mọi người đang không vui và tinh thần bắt đầu xuống dốc. Và tất cả là lỗi của anh."

“Lỗi của các ông thì có,” Yossarian cãi lại, “vì đã tăng số nhiệm vụ lên.”

“Không, đó là lỗi của anh vì đã từ chối bay thêm,” trung tá Korn trả đũa. “Mọi người đã từng hoàn toàn bằng lòng bay bao nhiêu trận cũng được tùy ý chúng tôi, miễn là họ nghĩ họ không có lựa chọn nào khác. Giờ thì anh đã cho họ hy vọng, và thế là họ trở nên không vui. Thế nên lỗi tại anh cả.”

“Anh ta không biết rằng đang có chiến tranh à?” đại tá Cathcart, vẫn giậm chân đi tới đi lui, khinh khỉnh hỏi mà không thèm nhìn mặt Yossarian.

“Tôi khá chắc rằng anh ta có biết,” trung tá Korn đáp. “Có lẽ đó cũng chính là lý do anh ta không chịu bay ra trận.”

“Biết là đang có chiến tranh, thế mà vẫn không ăn thua gì với anh ta?”

“Việc biết rằng đang có chiến tranh có làm quyết định không tham chiến của anh suy suyển gì không?” trung tá Korn hỏi với vẻ nghiêm túc đầy châm biếm, nhại lại ý của đại tá Cathcart.

“Không, thưa sếp,” Yossarian đáp, gần như mỉm cười lại với trung tá Korn.

“Tôi cũng đã e là như vậy,” trung tá Korn bình phẩm với một tiếng thở dài tinh vi, các ngón tay thoải mái đan vào nhau ở trên đỉnh mái đầu da nâu bự chảng, nhẵn thín, hói lọi, bóng lộn của mình. “Anh biết đấy, công bằng mà nói thì chúng tôi cũng đâu đối xử với anh quá tệ, có phải không? Chúng tôi đã cho anh ăn và đã trả lương anh đúng hạn. Chúng tôi còn trao anh huân chương và thậm chí thăng cấp cho anh thành đại úy.”

“Đáng ra tôi không bao giờ nên cho anh ta làm đại úy,” đại tá Cathcart cay đắng thốt lên. “Đáng ra tôi nên đưa anh ta ra tòa án binh vì đã làm hỏng trận Ferrara đó và bay đi bay lại tới hai vòng.”

“Tôi đã bảo anh *đừng* có thăng cấp cho anh ta mà,” trung tá Korn nói, “nhưng anh đâu có thèm nghe.”

“Không, anh đâu có nói. Anh đã bảo tôi thăng cấp cho anh ta mà, phải không?”

“Tôi đã bảo anh *đừng* thăng cấp cho anh ta. Nhưng anh chẳng thèm nghe.”

“Đáng ra tôi nên nghe lời anh.”

“Anh chẳng bao giờ nghe lời tôi cả,” trung tá Korn thích thú dai dẳng. “Đó là lý do tại sao chúng ta đang lâm vào cảnh này.”

“Được rồi, giời ạ. Đừng có xát muối vào vết thương nữa, được chứ?” đại tá Cathcart thọc hai nắm đấm tay vào sâu trong túi quần và ủ rũ quay đi. “Thay vì xỉa xói tôi, tại sao anh không nghĩ xem cần phải làm gì với anh ta đi.”

“Tôi e rằng chúng tôi sắp phải cho anh về nhà.” Trung tá Korn khoái trá cười đắc thắng khi gã rời đại tá Cathcart quay sang Yossarian. “Yossarian này, chiến tranh với anh thế là đã kết thúc. Chúng tôi sẽ cho anh về nhà. Anh thực sự không xứng một chút nào, anh biết đấy, và đó là một trong những lý do tôi sẽ cho anh về mà chẳng hề thấy lăn tăn. Bởi vì tại thời điểm này chúng tôi không thể mạo hiểm làm gì khác với anh, chúng tôi quyết định trả anh về Mỹ. Chúng tôi đã soạn ra một giao kèo nho nhỏ này…”

“Giao kèo kiểu gì vậy?” Yossarian chất vấn với vẻ nghi hoặc đầy thách thức.

Trung tá Korn hất hàm lên và bật cười. “Ồ, đó sẽ là một giao kèo vô cùng ti tiện, không có gì phải nghi ngờ về điều đó. Nó cực kỳ kinh tởm. Nhưng anh sẽ nhanh chóng chấp nhận nó thôi.”

“Không nên quá tự tin như vậy.”

“Tôi không có chút nghi ngờ nào về việc anh sẽ chấp thuận, ngay cả khi nó có thối um lên tận trời. Ồ mà này. Anh chưa bảo với ai rằng anh đã từ chối bay ra trận tiếp chứ, phải không?”

“Chưa, thưa sếp,” Yossarian lập tức đáp.

Trung tá Korn gật đầu hài lòng. “Vậy thì tốt. Tôi thích cách anh nói dối đấy. Anh sẽ tiến xa trong cuộc đời này đấy nếu như anh có thêm chút tham vọng.”

“Anh ta không biết rằng đang có chiến tranh à?” đại tá Cathcart bất chợt lại ré lên, và phì ra một hơi thật mạnh vào đầu cái đót thuốc như thể quá bất ngờ.

“Tôi khá chắc là anh ta biết,” trung tá Korn gay gắt đáp, “bởi vì anh vừa mới nói với anh ta hệt như vậy.” Trung tá Korn cau mày chán chường bảo vệ Yossarian, cặp mắt da nâu của gã hấp háy sự khinh miệt thách thức kín đáo. Nắm chặt rìa bàn làm việc của đại tá Cathcart bằng cả hai tay, gã đẩy bộ mông nhão nhoét của mình vào sâu trong ghế để có thể ngồi sao cho cả hai cẳng chân ngắn cũn đung đưa thoải mái. Đôi giày của gã khẽ đá vào tấm gỗ sồi màu vàng, đôi tất màu nâu bùn, rão hết nịt, tụt xuống thành những vòng tròn xộc xệch bên dưới đôi mắt cá, thật ngạc nhiên, rất nhỏ và trắng. “Anh biết đấy, Yossarian,” gã thân thiện trầm ngâm, vẻ như vừa nhạo báng vừa chân thành, “thực lòng tôi cũng có chút khâm phục anh. Anh là một người thông minh, có đạo đức tốt đã dám dũng cảm

bảo vệ lập trường. Tôi cũng là một người thông minh nhưng lại chẳng có chút đạo đức nào cả, vậy nên tôi đang ở một vị trí lý tưởng để đánh giá cao nó."

"Đây là giai đoạn then chốt," đại tá Cathcart nóng nảy quả quyết nói từ một góc xa căn phòng, không chú ý gì tới trung tá Korn.

"Quả đúng là giai đoạn then chốt," trung tá Korn bình thản gật đầu. "Chúng ta vừa có sự thay đổi ở cấp chỉ huy chóp bu, và chúng ta không muốn ở trong tình trạng có thể gây ra ấn tượng xấu đối với cả tướng Scheisskopf và tướng Peckem. Có phải đấy là ý của anh không, đại tá?"

"Anh ta không có chút lòng yêu nước nào sao?"

"Anh không định chiến đấu cho tổ quốc của mình à?" trung tá Korn chất vấn, nhại lại cái giọng thô lỗ luôn tự cho là đúng của đại tá Cathcart. "Anh không định hy sinh mạng sống của mình cho đại tá Cathcart và tôi sao?"

Yossarian như căng lên vì kinh ngạc và cảnh giác khi y nghe được những từ cuối của trung tá Korn. "Cái gì vậy?" y thốt lên. "Ông và đại tá Cathcart thì có liên quan gì tới tổ quốc của tôi? Chẳng có gì giống nhau cả."

"Làm sao anh có thể tách biệt ra như vậy được chứ?" trung tá Korn hỏi với vẻ bình thản đầy mỉa mai.

"Phải đó," đại tá Cathcart ré lên dứt khoát. "Hoặc là anh theo hoặc là anh chống chúng tôi. Không có nước đôi."

"Tôi e rằng ông ta đã bắt thóp được anh rồi," trung tá Korn hùa vào. "Hoặc là anh theo chúng tôi hoặc là anh chống lại tổ quốc của mình. Chỉ đơn giản có vậy."

“Ồ không thưa trung tá. Tôi không chấp nhận điều đó.”

Trung tá Korn không chút bối rối. “Thực lòng mà nói thì tôi cũng vậy, nhưng tất cả những người khác sẽ chấp nhận nó. Do vậy anh cũng phải như thế.”

“Anh là một sự sỉ nhục đối với bộ quân phục mà anh đang mặc!” đại tá Cathcart ầm ầm phẫn nộ tuyên bố, đoạn xông tới đối mặt với Yossarian lần đầu tiên. “Tôi muốn biết làm sao anh lên được tới hàm đại úy.”

“Anh đã thăng cấp cho anh ta chứ sao,” trung tá Korn ngọt ngào nhắc, miệng phì cười. “Anh không nhớ à?”

“Chậc, đáng ra tôi không bao giờ nên làm thế.”

“Thì tôi đã bảo anh đừng làm,” trung tá Korn nói. “Nhưng anh có chịu nghe đâu.”

“Giời ạ, anh đừng xát muối vào vết thương nữa có được không?” đại tá Cathcart kêu than. Gã nhíu mày và quắc mắt nhìn trung tá Korn đầy ngờ vực, hai nắm tay chống mạnh lên hông. “Nào, nói xem anh theo phe nào?”

“Phe anh, thưa đại tá. Tôi còn có thể ở phe nào khác được đây?”

“Vậy thì đừng có xỉa xói tôi nữa, được chứ hả? Tha cho tôi đi, được không?”

“Tôi ở phe anh, thưa đại tá. Lòng tôi chan chứa tình yêu nước.”

“Ờ, vậy thì cố mà nhớ lấy điều đó.” Đại tá miễn cưỡng quay đi sau chút ngập ngừng, chưa yên tâm lắm, rồi lại bắt đầu sải bước trên sàn, tay mân mê đót thuốc. Gã chĩa một ngón tay cái về phía Yossarian. “Giải quyết vụ này với anh ta đi. Tôi biết mình muốn làm

gì với anh ta rồi. Tôi muốn đem anh ta ra ngoài xử bắn luôn. Đó là điều tôi muốn làm với anh ta. Đó là điều tướng Dreedle sẽ làm với anh ta."

"Nhưng tướng Dreedle đâu còn ở đây với chúng ta nữa," trung tá Korn nói, "do vậy chúng ta không thể đem anh ta ra ngoài xử bắn được." Giờ thì những giây phút căng thẳng với đại tá Cathcart đã qua, trung tá Korn thư giãn trở lại và tiếp tục đá nhẹ vào bàn làm việc của đại tá Cathcart. Gã trở lại với Yossarian. "Vậy nên chúng tôi sẽ cho anh về nhà. Cũng phải suy nghĩ một chút, nhưng cuối cùng chúng tôi cũng đã cho ra được cái kế hoạch nhỏ bé ghê tởm này để có thể cho anh về nhà mà không khiến cho những người bạn mà anh bỏ lại đằng sau quá bất mãn. Như vậy anh hài lòng không?"

"Kếhoạch kiểu gì cơ? Tôi không chắc là mình sẽ thích nó."

"Tôi biết là anh sẽ không thích nó," trung tá Korn cười, lại đan hai bàn tay đặt lên đỉnh đầu với vẻ mãn nguyện. "Anh sẽ căm ghét nó. Nó thực sự rất tởm lợm và tất nhiên là sẽ xúc phạm lương tâm anh. Nhưng anh sẽ sớm đồng ý thôi. Anh sẽ đồng ý bởi vì nó sẽ đưa anh về nhà bình an vô sự trong vòng hai tuần nữa, và bởi vì anh không có lựa chọn nào khác. Hoặc là như thế hoặc là ra tòa án binh. Tùy anh chọn."

Yossarian khịt mũi. "Đừng lừa tôi nữa, trung tá. Ông không thể đưa tôi ra tòa án binh vì đã đào ngũ khi đối đầu với quân địch. Nó sẽ khiến cho ông mang tiếng, mà có lẽ ông cũng chẳng đủ cơ sở kết tội tôi được."

"Nhưng giờ thì chúng tôi đã có thể đưa anh ra tòa án binh vì tội trốn tránh nhiệm vụ, vì anh đã tới Rome mà không có phép. Và chúng tôi có thể kết tội được. Nếu anh suy nghĩ khoảng một phút

thôi, anh sẽ thấy rằng anh đã không cho chúng tôi có lựa chọn nào khác. Chúng tôi đơn giản là không thể để cho anh cứ đi lại quanh đây công khai kháng lệnh mà không trừng phạt anh. Tất cả những người khác cũng sẽ ngừng bay chiến đấu. Không, tôi có thể đảm bảo với anh. Chúng tôi sẽ đưa anh ra tòa án binh nếu anh từ chối giao kèo này, mặc dù nó sẽ làm nảy sinh ra rất nhiều câu hỏi và sẽ là một vết đen thậm tệ dành cho đại tá Cathcart."

Đại tá Cathcart nhăn mặt khi nghe thấy từ "vết đen" và đột ngột cay cú quẳng đót thuốc mảnh mai làm từ mã não và ngà xuống mặt bàn gỗ. "Chúa ơi!" gã thình lình hét lên. "Tôi ghét cái đót thuốc trời đánh thánh vật này!" Cái đót thuốc nẩy lên khỏi mặt bàn rồi bắn về phía tường, bật ngang qua bậu cửa sổ rơi xuống sàn và dừng lại ở ngay chỗ gã đang đứng. Đại tá Cathcart trừng mắt nhìn nó, cau có cáu kỉnh. "Không biết nó được cái tích sự gì cho tôi nữa."

"Đó là một mốc son của anh trước tướng Peckem, nhưng lại là một vết đen của anh trước tướng Scheisskopf," trung tá Korn bỏ nhỏ với vẻ ngây thơ láu cá.

"Chậc, thế tôi cần phải lấy lòng tướng nào?"

"Cả hai."

"Lấy lòng cả hai thế quái nào được? Họ thù nhau mà. Đời nào tôi mới có thể kiếm được một mốc son từ tướng Scheisskopf mà không phải nhận lấy một vết đen từ tướng Peckem?"

"Diễu binh đi."

"Ờ, diễu binh. Đó là cách duy nhất làm cho ông ta hài lòng. Diễu binh. Diễu binh." Đại tá Cathcart ủ rũ nhăn nhó. "Có vài ông tướng! Họ là sự sỉ nhục đối với bộ quân phục mà họ đang mặc. Nếu người

như hai gã này có thể lên chức tướng, tôi không hiểu tại sao tôi lại không được."

"Anh sẽ còn tiến xa," trung tá Korn vỗ về bằng giọng không chút tin tưởng, đoạn quay lại khoái trá cười với Yossarian, niềm vui khinh khỉnh của gã càng tăng lên khi nhìn thấy vẻ mặt trân trân vừa phản kháng vừa ngờ vực của y. "Và đây là điểm mấu chốt của vấn đề: Đại tá Cathcart muốn lên tướng và tôi thì muốn làm đại tá, đó là lý do tại sao chúng tôi sẽ cho anh về nhà."

"Tại sao ông ta lại muốn lên tướng?"

"Tại sao ư? Cùng một lý do tại sao tôi muốn làm đại tá. Chúng ta còn cần phải làm gì khác kia chứ? Ai nấy đều dạy dỗ chúng ta phải biết khao khát những thứ cao hơn. Tướng thì cao hơn tá, và đại tá thì cao hơn trung tá. Do vậy, cả hai chúng tôi đều rất khao khát. Và anh biết đấy, Yossarian, may cho anh là bọn tôi như vậy đấy. Anh đã chọn thời điểm chính xác một cách hoàn hảo, và tôi đồ rằng ngay cả yếu tố này cũng đã nằm trong tính toán của anh rồi."

"Tôi không tính toán gì đâu," Yossarian cãi.

"Có chứ, tôi thực sự rất thích cách anh nói dối," trung tá Korn trả lời. "Anh không tự hào sao khi sĩ quan chỉ huy của mình được thăng lên cấp tướng - khi biết rằng anh đã phục vụ một đơn vị có số trận bay trung bình trên đầu người cao nhất? Anh không muốn có thêm những tuyên dương, có thêm những chùm lá sồi[86] trên huân chương không lực của mình sao? *Esprit de corps*[87] của anh ở đâu rồi? Anh không muốn tiếp tục cống hiến thêm cho kỷ lục này bằng việc tiếp tục bay ra trận ư? Đây là cơ hội cuối cùng để anh nói có."

"Không."

“Vậy thì anh đã ép chúng tôi vào thế bí rồi…” trung tá Korn nói không chút thù oán.

“Anh ta phải tự lấy làm xấu hổ!”

“… và chúng tôi phải cho anh về nhà. Chỉ cần anh làm vài việc nho nhỏ cho chúng tôi, và…”

“Việc kiểu gì vậy?” Yossarian ngắt lời với vẻ nghi ngại đầy thù địch.

“Ồ, toàn những việc nhỏ xíu vặt vãnh. Thực sự đây là một giao kèo vô cùng béo bở mà chúng tôi dành cho anh. Chúng tôi sẽ ra lệnh đưa anh quay về Mỹ - thật đấy, chúng tôi sẽ làm điều đó - và tất cả những gì anh phải làm để đền đáp lại là…”

“Là gì? Tôi phải làm gì?”

Trung tá Korn cười cộc lốc. “Thích chúng tôi.”

Yossarian nháy mắt vì ngạc nhiên. “Thích các ông?”

“Thích chúng tôi.”

“Thích các ông?”

“Đúng rồi,” trung tá Korn gật đầu, hài lòng vô cùng khi thấy vẻ ngạc nhiên và hoang mang chân thật của Yossarian. “Thích chúng tôi. Hợp tác với chúng tôi. Làm bạn của chúng tôi. Nói những điều tốt đẹp về chúng tôi ở đây và khi quay về nước Mỹ. Trở thành một gã trai ngoan ngoãn. Nào, đó không phải là đòi hỏi gì quá đáng chứ, phải không?”

“Các ông chỉ muốn tôi thích các ông thôi à? Tất cả chỉ có vậy sao?”

“Tất cả chỉ có vậy.”

“Tất cả chỉ có vậy?”

“Chỉ cần tìm được trong lòng chút yêu thích dành cho chúng tôi.”

Yossarian muốn phá lên cười sảng khoái khi y kinh ngạc nhận ra đúng là trung tá Korn đang nói thật. “Chỉ vậy thôi cũng không quá dễ đâu,” y nói mỉa.

“Ồ, sẽ dễ hơn anh nghĩ rất nhiều đó,” trung tá Korn nhạo lại, không chút nao núng trước câu châm chọc của Yossarian. “Anh sẽ ngạc nhiên khi thấy thích chúng tôi dễ tới mức nào một khi anh bắt đầu làm điều đó.” Trung tá Korn xốc lại lưng chiếc quần rộng bùng nhùng. Những vạch hằn sâu đen đúa ngăn cách khuôn cằm vuông của gã với nọng mỡ bên dưới nó lại bị uốn cong thành một tiếng cười nhạo báng. “Anh thấy đấy, Yossarian, chúng tôi sẽ không làm khó anh. Chúng tôi sẽ thăng cấp cho anh lên thiếu tá, thậm chí còn tặng cho anh thêm một huân chương nữa. Đại úy Flume đã bắt đầu soạn một thông cáo báo chí huy hoàng để mô tả lòng dũng cảm của anh trong trận Ferrara, lòng trung thành sâu sắc và bất diệt của anh với đơn vị của mình, và sự cống hiến tột bậc của anh trong công việc. Nhân tiện, mấy cụm từ này đều là trích thẳng ra từ thông cáo. Chúng tôi sẽ ngợi ca anh và cho anh về nhà trong tư thế một anh hùng, anh sẽ được Lầu Năm Góc gọi tham gia hoạt động quảng bá hình ảnh và nâng cao sĩ khí. Anh sẽ sống như một nhà triệu phú. Mọi người sẽ đối đãi với anh như với danh nhân. Anh sẽ có những buổi diễu binh chỉ để vinh danh cho anh, và anh sẽ có những bài diễn văn để quyên tiền mua trái phiếu chiến tranh. Cả một thế giới giàu sang xa xỉ mới đang chờ đón anh ngay khi anh trở thành bạn của chúng tôi. Thế không tuyệt sao?”

Yossarian thấy mình đang chăm chú lắng nghe từng chi tiết hấp dẫn được giải thích rõ ràng. “Tôi không chắc mình có thích đọc diễn văn không.”

“Thế thì chúng ta quên vụ diễn văn đi. Quan trọng là anh nói gì với mọi người ở đây.” Trung tá Korn nghiêm túc nhô người về phía trước, không còn mỉm cười nữa. “Chúng tôi không muốn bất cứ ai trong liên đoàn này biết được rằng chúng tôi cho anh về bởi vì anh không chịu tiếp tục bay ra trận nữa. Và chúng tôi cũng không muốn tướng Peckem hay tướng Scheisskopf nghe được chút gì về những trục trặc xảy ra giữa chúng tôi và anh. Đó là lý do tại sao chúng tôi và anh sẽ trở thành những người bạn tốt của nhau.”

“Tôi sẽ nói gì với những người hỏi tại sao tôi không chịu tiếp tục bay ra trận?”

“Hãy nói với họ rằng anh đã được mật báo rằng anh sẽ được đưa về Mỹ và rằng anh không muốn đánh bạc với mạng sống của mình chỉ vì một hoặc hai trận nữa. Chỉ là một chút bất đồng giữa những người bạn, vậy thôi.”

“Liệu họ có tin không?”

“Dĩ nhiên là họ sẽ tin, khi mà họ thấy được chúng ta trở thành những người bạn tuyệt vời tới mức nào, khi họ thấy thông cáo báo chí ấy và đọc được những lời có cánh mà anh sẽ phải nói về tôi và đại tá Cathcart. Anh không phải lo về bọn họ. Sẽ dễ dàng điều khiển và siết chặt kỷ luật bọn họ khi mà anh đã đi. Chỉ khi anh vẫn còn ở đây thì họ mới khó xử lý như vậy. Anh biết đấy, một quả táo tốt có thể làm hư hỏng cả cây,” trung tá Korn kết luận, cố ý mỉa mai. “Anh biết đấy - như này có lẽ sẽ rất tuyệt - anh có thể còn trở thành niềm cảm hứng để họ bay thêm nhiều trận nữa.”

“Nếu tôi tố cáo các ông khi trở về Mỹ thì sao?”

“Sau khi anh đã nhận huân chương, được thăng cấp và tất cả những sự phô trương hoành tráng đó ư? Sẽ không có ai tin anh, quân đội sẽ không cho phép anh, và tại vì cái quái gì mà anh phải làm điều đó? Anh sẽ là một gã trai ngoan ngoãn, nhớ chứ? Anh sẽ hưởng thụ một cuộc sống giàu sang, thỏa mãn, xa xỉ, nhiều đặc ân. Anh sẽ chỉ là một thằng ngu nếu như vứt tất cả đi chỉ vì một nguyên tắc đạo đức, mà anh thì đâu có ngu. Nhất trí nhé?”

“Tôi không biết nữa.”

“Hoặc là như thế hoặc là ra tòa án binh.”

“Như thế là tôi đã chơi mọi người ở phi đoàn một vố cặn bã nhỉ, có phải không?”

“Ghê tởm,” trung tá Korn hòa nhã đồng ý, và chờ đợi, kiên nhẫn quan sát Yossarian, mắt kín đáo ánh lên niềm vui thích.

“Nhưng, chết tiệt thật!” Yossarian thốt lên. “Nếu họ không muốn tiếp tục bay ra trận thì họ sẽ phải đứng dậy và làm gì đó giống như tôi đã làm. Có phải không?”

“Tất nhiên rồi,” trung tá Korn nói.

“Không có lý do nào tôi phải đặt cược mạng sống của mình cho bọn họ cả, đúng không?”

“Tất nhiên rồi.”

Yossarian đi đến quyết định, toét miệng cười chóp nhoáng. “Nhất trí!” y vui vẻ tuyên bố.

“Tuyệt,” trung tá Korn nói với vẻ kém thân mật hơn Yossarian kỳ vọng, đoạn gã trượt khỏi bàn làm việc của đại tá Cathcart để đứng

trên sàn. Gã giật giật gỡ mớ nếp gấp vải quần và quần lót khỏi giắt vào háng rồi chìa bàn tay ẻo lả ra cho Yossarian bắt. “Mừng anh nhập hội.”

“Cảm ơn trung tá. Tôi…”

“Cứ gọi tôi là Blackie, John. Chúng ta giờ đã là bạn bè.”

“Tất nhiên rồi, Blackie. Bạn tôi hay gọi tôi là Yo-Yo. Blackie này, tôi…”

“Bạn bè anh ta gọi anh ta là Yo-Yo,” trung tá Korn nói với sang chỗ đại tá Cathcart. “Sao anh không chúc mừng Yo-Yo về nước đi vô cùng hợp lý mà anh ấy đã chọn nhỉ?”

“Đó quả là một nước đi vô cùng hợp lý, Yo-Yo,” đại tá Cathcart nói, lắc lắc bàn tay Yossarian với vẻ nhiệt huyết vụng về.

“Cảm ơn ông, đại tá, tôi…”

“Cứ gọi ông ấy là Chuck,” trung tá Korn nói.

“Tất nhiên rồi, cứ gọi tôi là Chuck,” đại tá Cathcart nói rồi phá lên cười thân mật và ngượng nghịu. “Tất cả chúng ta giờ đều đã là bạn.”

“Tất nhiên rồi, Chuck.”

“Hãy cười chào sâu khấu nào,” trung tá Korn nói, tay đặt lên vai cả hai người còn lại khi cả ba bước ra cửa.

“Khi nào có dịp hãy đến ăn tối với chúng tôi nhé, Yo-Yo,” đại tá Cathcart niềm nở mời. “Tối nay luôn được không? Tại phòng ăn của liên đoàn?”

“Rất hân hạnh, thưa sếp.”

“Chuck chứ,” trung tá Korn sửa lại đầy vẻ trách móc.

“Xin lỗi Blackie. Chuck. Tôi chưa quen.”

“Không sao đâu anh bạn.”

“Tất nhiên rồi, anh bạn.”

“Cảm ơn nhé, anh bạn.”

“Có gì đâu mà, anh bạn.”

“Tạm biệt nhé, anh bạn.”

Yossarian thân ái vẫy tay chào tạm biệt những người bạn mới của mình và tản bộ dọc theo lối đi ngoài ban công, gần như òa lên hát mừng ngay khoảnh khắc được ở một mình. Y đã được tự do trở về nhà: y đã vượt khó thành công; hành động chống đối của y đã thắng lợi; y đã an toàn, và y không có gì phải xấu hổ với bất cứ ai. Y đi về phía cầu thang trong vẻ hân hoan, khoái chí. Một binh nhì mặt xanh rớt vì kiệt sức giơ tay chào y. Yossarian vui vẻ chào lại, tò mò nhìn chằm chằm gã. Gã trông quen đến kỳ lạ. Khi Yossarian chào lại, binh nhì mặt xanh rớt vì kiệt sức ấy bất chợt biến thành cô điếm của Nately và nhảy xổ vào toan sát hại y bằng một con dao bếp có cán bằng xương và đã đâm trúng người y, chỗ phía dưới cánh tay mà y giơ lên chào. Yossarian hét lên rồi gục xuống sàn, mắt nhắm chặt lại trong nỗi kinh hoàng choáng ngợp khi y thấy cô gái nhấc dao lên để đâm y thêm phát nữa. Khi trung tá Korn và đại tá Cathcart lao ra khỏi phòng để cứu y bằng cách xua cô ta đi thì y đã bất tỉnh.

41 SNOWDEN

"Cắt," một bác sĩ nói.

"Anh cắt đi," một bác sĩ khác nói.

"Đừng có cắt," Yossarian nói, giọng khàn đặc, nặng nề.

"Xem ai đang xen vào này," một trong hai bác sĩ than phiền. "Lại nói leo các cụ. Chúng ta sẽ mổ hay là không đây?"

"Gã không cần mổ," người kia cằn nhằn. "Nó chỉ là một vết thương nhỏ. Tất cả những gì chúng ta cần làm là cầm máu, sát trùng và khâu vài mũi."

"Nhưng tôi chưa bao giờ có dịp nào được mổ cả. Dao mổ là cái nào nhỉ? Có phải cái này không?"

"Không, cái kia mới là dao mổ. Thôi được, tới luôn đi, thích thì cắt luôn. Rạch một đường đi vậy."

"Như thế này à?"

"Không phải ở đó, đầu đất!"

"Đừng có rạch," Yossarian nói, nhận thức được qua làn sương mù che phủ tri giác lúc này đã dần tan đi rằng có hai người lạ đang chuẩn bị cắt vào người y.

"Lại nói leo các cụ," tay bác sĩ đầu tiên mỉa mai càm ràm. "Anh ta sẽ huyên thuyên như thế suốt trong lúc tôi mổ anh ta à?"

“Anh không thể mổ anh ta nếu như tôi chưa cho anh ta nhập viện,” một viên thư ký nói.

“Anh không thể cho anh ta nhập viện nếu như tôi chưa cho phép,” một trung tá béo ú, thô lỗ với hàng ria và bộ mặt hồng hào bự chảng đang cúi xuống rất gần Yossarian, người gã tỏa nhiệt hầm hập như đáy một chiếc chảo rán khổng lồ. “Anh sinh ra ở đâu vậy?”

Viên trung tá béo ú thô lỗ này làm Yossarian nhớ tới viên trung tá béo ú thô lỗ đã tra khảo cha tuyên úy và kết tội gã ta. Yossarian chầm chầm nhìn gã qua một lớp màng trong suốt. Mùi hương giả tạo của formaldehyde và cồn xức thơm bầu không khí.

“Trên chiến trường,” y đáp.

“Không, không. Anh sinh ra ở bang nào vậy?”

“Ở tình trạng[88] vô tội.”

“Không, không, anh không hiểu.”

“Để tôi xử lý anh ta cho,” tiếng thúc giục của một gã mặt lưỡi rìu, mắt trũng sâu cay độc và miệng mỏng dính hiểm ác. “Anh tự cho mình thông minh hơn người phải không?” gã hỏi Yossarian.

“Anh ta đang mê sảng,” một bác sĩ nói. “Sao ông không cho chúng tôi đem anh ta vào trong và chữa trị cho anh ta?”

“Nếu anh ta đang mê sảng thì cứ để anh ta ở ngay tại đây. Anh ta có thể buột miệng nói vài câu thú tội.”

“Nhưng anh ta vẫn đang chảy máu rất nhiều. Ông không thấy sao? Anh ta thậm chí có thể chết.”

“Thế thì tốt cho anh ta!”

“Như thế là đáng đời thằng khốn thối tha đó,” viên trung tá béo ú, thô lỗ nói. “Được rồi, John, nói ra đi. Chúng tôi muốn biết sự thật.”

“Mọi người gọi tôi là Yo-Yo.”

“Chúng tôi muốn anh hợp tác với chúng tôi, Yo-Yo. Chúng tôi là bạn anh và chúng tôi muốn anh tin tưởng chúng tôi. Chúng tôi ở đây là để giúp anh. Chúng tôi sẽ không hại anh.”

“Thử thọc ngón tay vào vết thương của anh ta và móc ra coi,” gã mặt rìu đề xuất.

Yossarian để cho hai mi mắt nhắm lại và hy vọng họ sẽ tưởng y đã bất tỉnh.

“Anh ta lại ngất đi rồi,” y nghe tiếng một bác sĩ nói. “Chúng ta cần phải chữa trị ngay không thì sẽ là quá muộn. Anh ta có thể sẽ chết, thật đấy.”

“Thôi được rồi, nhận anh ta đi vậy. Hy vọng thằng khốn này chết quách luôn đi.”

“Các anh không thể chữa trị cho anh ta nếu như tôi chưa cho anh ta nhập viện,” viên thư ký nói.

Yossarian nhắm tịt mắt giả chết trong khi viên thư ký cho y nhập viện bằng cách sột soạt với vài tờ giấy, rồi sau đó y được từ từ đẩy vào một căn phòng ngột ngạt, tối tăm với những đèn rọi thiêu đốt trên trần, ở đó mùi formaldehyde và cồn thậm chí còn nặng hơn. Cái mùi hôi dễ chịu và ngập ngụa đó rất độc hại. Y cũng ngửi được cả mùi ê te, và nghe lanh canh tiếng thủy tinh. Y lắng nghe hơi thở nặng nề của hai bác sĩ với niềm vui kín đáo và tự đại. Y vui vì họ tưởng rằng y đang bất tỉnh và không biết y đang lắng nghe. Y thấy tất cả đều có vẻ rất ngớ ngẩn cho đến khi một trong hai bác sĩ nói,

“Này, anh có nghĩ là chúng ta nên cứu sống anh ta không? Họ có thể tức giận nếu như chúng ta làm vậy.”

“Mình cứ mổ đã,” bác sĩ kia nói. “Mổ phanh anh ta ra và giải quyết dứt điểm các vấn đề luôn thể. Anh ta luôn than phiền về gan của mình. Gan của anh ta nhìn khá nhỏ khi chụp X-quang.”

“Đó là lá lách của anh ta, đồ ngu. Đây mới là gan.”

“Không, không phải. Đó là tim đấy chứ. Tôi cá với anh một hào rằng đây là gan. Tôi sẽ mổ để xem nó là gì. Có cần rửa tay trước khi mổ không nhỉ?”

“Đừng có mổ,” Yossarian nói, mắt mở ra và cố ngồi dậy.

“Lại nói leo các cụ,” một trong hai bác sĩ phẫn nộ nhạo báng. “Không thể cho anh ta câm miệng lại được à?”

“Chúng ta có thể gây mê toàn thân cho anh ta luôn. Ê te ở ngay đây này.”

“Đừng gây mê,” Yossarian nói.

“Lại nói leo các cụ,” một bác sĩ nói.

“Gây mê toàn thân và cho anh ta gục hẳn đi. Sau đó chúng ta có thể làm gì với anh ta tùy thích.”

Họ đã gây mê toàn thân và cho Yossarian gục hẳn. Y tỉnh dậy miệng khô không khốc trong một phòng riêng, chìm trong hơi ê te. Trung tá Korn ở đó bên cạnh giường, thong thả ngồi ghế chờ trong bộ quần áo rộng thùng thình vải len màu xanh xám. Một nụ cười nhạt nhẽo và lạnh lùng treo trên khuôn mặt da nâu xồm xoàm râu khắp hai bên má, và gã đang nhẹ nhàng đánh bóng cái đầu hói của mình bằng hai lòng bàn tay. Gã nhô người về trước cười khúc khích

khi thấy Yossarian tỉnh dậy, và đảm bảo với y trong một giọng dịu dàng hết mức có thể rằng giao kèo giữa bọn họ vẫn còn giá trị nếu Yossarian không chết. Yossarian nôn mửa, và trung tá đứng bật dậy ngay khi có tiếng ho và bỏ chạy trong kinh tởm, thành ra có vẻ như đúng là trong cái rủi cũng có cái may, Yossarian suy ngẫm trong lúc lại trôi dần vào hôn mê ngột ngạt. Chợt một bàn tay với những ngón tay sắc nhọn lắc cho y tỉnh. Y trở mình, mở mắt và nhìn thấy một người xa lạ mặt đầy ác ý đang cau có bĩu môi nhìn y và oang oang nói, “Chúng tôi đã tóm được bạn của anh rồi, anh bạn ạ. Chúng tôi đã tóm được bạn của anh.”

Yossarian chợt lạnh toát, choáng váng và túa mồ hôi ròng ròng.

“Ai là bạn của tôi?” y hỏi và thấy cha tuyên úy đang ngồi ở đúng chỗ trung tá Korn vừa ngồi.

“Chắc là tôi đấy,” cha tuyên úy trả lời.

Nhưng Yossarian không nghe thấy gã nói và nhắm mắt lại. Ai đó đã đưa nước cho y uống rồi rón rén đi ra. Y ngủ một giấc và tỉnh dậy rất dễ chịu cho đến khi y quay đầu lại để mỉm cười với cha tuyên úy thì lại nhìn thấy Aarfy ở đó. Yossarian rên lên và nhăn mặt lại khó chịu tột độ khi Aarfy cười như nắc nẻ và hỏi han sức khỏe y. Aarfy có vẻ lúng túng khi Yossarian hỏi tại sao gã không ở trong tù. Yossarian nhắm mắt lại để cho gã biến đi. Khi y lại mở mắt ra, Aarfy đã đi và cha tuyên úy lại ở đó. Yossarian phá lên cười khi vừa hé mắt trông thấy nụ cười rộng ngoác vui vẻ của cha tuyên úy, đoạn hỏi gã có cái quái gì mà hạnh phúc vậy.

“Tôi hạnh phúc vì anh,” cha tuyên úy đáp, vô tư và vui sướng. “Tôi nghe nói ở liên đoàn rằng anh đã bị thương nặng và rằng nếu qua khỏi thì anh cũng sẽ phải về nhà. Trung tá Korn nói rằng tình

trạng của anh rất nguy kịch. Nhưng tôi vừa mới biết qua một trong các bác sĩ rằng vết thương của anh rất nhẹ và rằng anh sẽ có thể xuất viện trong một hoặc hai ngày tới. Không có gì nguy hiểm cả. Như vậy không tệ chút nào.”

Yossarian lắng nghe những gì cha tuyên úy nói và thở phào nhẹ nhõm. “Thế thì tốt.”

“Ừ,” cha tuyên úy nói, thoáng ửng hồng do một niềm vui quái đản chợt luồn vào má gã. “Ừ, thế thì tốt.”

Yossarian bật cười, và nhớ lại lần đầu nói chuyện với cha tuyên úy. “Anh biết đấy, lần đầu tôi gặp anh cũng là ở trong bệnh viện. Và giờ tôi lại nằm viện. Có vẻ như gần đây lần duy nhất tôi nhìn thấy anh là ở trong bệnh viện nhỉ. Anh trốn ở đâu vậy?”

Cha tuyên úy nhún vai. “Tôi đã cầu nguyện rất nhiều,” gã thú nhận. “Tôi cố ở trong lều của mình nhiều hết mức có thể, tôi cầu nguyện mỗi khi trung sĩ Whitcomb rời đi để cho anh ta không bắt gặp.”

“Thế có ích gì không?”

“Nó giúp tâm trí tôi đỡ phiền muộn,” cha tuyên úy trả lời và nhún vai thêm lần nữa. “Và nó giúp cho tôi có việc gì đó để làm.”

“Ồ thế thì tốt, phải không?”

“Ừ,” cha tuyên úy háo hức gật đầu, như thể ý nghĩ đó chưa từng xuất hiện trong đầu gã. “Ừ, như vậy chắc là tốt.” Gã bất thình lình nhỏm người về trước, ngượng nghịu bày tỏ sự quan tâm. “Yossarian, anh có cần tôi giúp gì trong lúc anh ở đây không, có cần tôi lấy gì cho anh không?”

Yossarian vui vẻ trêu chọc gã. “Chẳng hạn như đồ chơi, kẹo hay kẹo cao su à?”

Cha tuyên úy lại đỏ mặt, toét miệng cười ngượng ngập và rồi trở nên rất nghiêm túc. “Ví dụ như sách, hay bất cứ thứ gì khác. Giá mà tôi làm được gì đó để cho anh hạnh phúc. Anh biết đấy, Yossarian, tất cả chúng tôi đều rất tự hào về anh.”

“Tự hào?”

“Ừ, dĩ nhiên. Vì anh đã mạo hiểm mạng sống để chặn tên sát thủ phát xít đó lại. Đó là một việc rất cao quý.”

“Tên sát thủ phát xít nào cơ?”

“Cái gã tới định ám sát đại tá Cathcart và trung tá Korn ấy. Và anh đã cứu mạng họ. Hắn đã có thể đâm chết anh lúc anh vật lộn với hắn chỗ ban công. Thật may mắn là anh vẫn còn sống!”

Yossarian mỉa mai cười thầm khi y hiểu ra vấn đề. “Làm gì có sát thủ phát xít nào.”

“Tất nhiên phải có chứ. Trung tá Korn đã nói vậy.”

“Đó là cô bạn gái của Nately. Và cô ta truy lùng tôi, chứ không phải đại tá Cathcart và trung tá Korn. Lúc nào cô ta cũng cố giết tôi kể từ khi tôi báo cho cô ta biết tin Nately đã chết.”

“Nhưng sao có thể như thế được?” cha tuyên úy phản đối, cáu tiết và bối rối. “Cả đại tá Cathcart và trung tá Korn đều chứng kiến hắn chạy đi. Biên bản chính thức nói rằng anh đã ngăn chặn được sát thủ phát xít ám sát họ.”

“Đừng tin vào biên bản chính thức,” Yossarian cộc lốc khuyên. “Đó là một phần trong giao kèo.”

“Giao kèo gì cơ?”

“Giao kèo của tôi với đại tá Cathcart và trung tá Korn. Họ sẽ cho tôi về nhà với tư thế một anh hùng vĩ đại nếu tôi nói những điều tốt đẹp về họ với mọi người và không bao giờ chỉ trích họ với bất cứ ai về việc họ đã bắt mọi người ở đây tiếp tục bay ra trận.”

Cha tuyên úy thất kinh, gần như đứng bật dậy khỏi ghế. Gã sửng cồ vì thất vọng đến mức muốn gây gổ. “Nhưng thế thì quá tệ! Đó là một giao kèo đáng xấu hổ, tai tiếng, phải không?”

“Ghê tởm,” Yossarian trả lời, mắt đờ đẫn nhìn lên trần nhà, cả đầu chỉ có phần gáy đang tựa lên gối. “Tôi nghĩ ‘ghê tởm’ chính là từ mà chúng tôi đã chọn.”

“Thế thì sao anh lại đồng ý?”

“Hoặc là thế hoặc là ra tòa án binh, cha tuyên úy ạ.”

“Ôi,” cha tuyên úy thốt lên với vẻ thương xót không che giấu, mu bàn tay che miệng. Gã khó nhọc từ từ ngồi xuống ghế. “Lẽ ra tôi không nên nói gì.”

“Họ sẽ nhốt tôi vào tù cùng với một đám tội phạm.”

“Tất nhiên rồi. Thế thì anh phải làm bất cứ cái gì anh cho là đúng.” Cha tuyên úy tự gật đầu như thể đang tự tranh cãi với bản thân rồi chìm vào lặng im xấu hổ.

“Đừng lo,” sau một hồi, Yossarian nói với một tiếng cười buồn bã. “Tôi không định làm vậy đâu.”

“Nhưng anh phải làm,” cha tuyên úy khăng khăng nói, người nhổm về phía trước đầy lo lắng. “Thực sự là anh phải làm. Tôi

không có quyền gây ảnh hưởng tới anh. Tôi thực sự không có quyền nói bất cứ điều gì.”

“Anh đâu có gây ảnh hưởng gì đến tôi.” Yossarian nặng nề trở nghiêng và lắc đầu giễu cợt mà không hề cười. “Chúa ơi, Cha tuyên úy ạ! Anh có thể tưởng tượng ra đó là một tội lỗi lớn đến nhường nào không? Cứu mạng đại tá Cathcart! Đó là một tội mà tôi không bao giờ muốn mắc phải.”

Cha tuyên úy thận trọng quay lại chủ đề chính. “Thay vào đó thì anh sẽ làm gì? Anh không thể để bọn họ đưa anh vào tù được.”

“Tôi sẽ tiếp tục bay ra trận. Hoặc thậm chí tôi sẽ đào ngũ thật và để cho họ tóm được tôi. Có thể họ sẽ tóm được.”

“Và rồi họ sẽ cho anh vào tù. Mà anh thì không muốn vào tù.”

“Thế thì chắc là tôi sẽ tiếp tục bay ra trận cho đến khi chiến tranh kết thúc. Phải có ai đó trong số chúng ta còn sống sót chứ.”

“Nhưng anh có thể sẽ bị giết.”

“Vậy thì chắc là tôi sẽ không tiếp tục bay ra trận nữa.”

“Thế anh sẽ làm gì?”

“Tôi không biết.”

“Hay anh lại để cho họ đưa anh về nhà?”

“Tôi không biết nữa. Ngoài trời có nóng không? Ở trong này bức quá.”

“Ngoài trời lạnh lắm,” cha tuyên úy nói.

“Anh biết không,” Yossarian nhớ lại, “có một chuyện rất buồn cười đã xảy ra - cũng có thể là tôi đã mơ thấy nó. Tôi nghĩ lúc trước đã có

một người lạ tới đây và bảo tôi rằng ông ta đã tóm được bạn tôi. Không biết có phải tôi đã tưởng tượng ra chuyện đó không.”

“Tôi không nghĩ vậy đâu,” cha tuyên úy nói. “Lần trước khi tôi ghé thăm thì anh đã bắt đầu kể với tôi về ông ta rồi.”

“Vậy thì đúng là ông ta đã nói vậy. ‘Chúng tôi đã tóm được bạn anh rồi, anh bạn ạ,’ ông ta nói như thế. ‘Chúng tôi đã tóm được bạn anh.’ Tôi chưa từng thấy ai có vẻ hiểm ác như ông ta. Tôi tự hỏi bạn tôi là ai đây.”

“Tôi muốn nghĩ rằng tôi là bạn anh, Yossarian ạ,” cha tuyên úy nói chân thành và khiêm nhường. “Và tất nhiên là họ đã tóm được tôi. Họ đã nắm được tẩy tôi, đã theo dõi tôi, và họ đã tóm được tôi ở đúng chỗ họ muốn. Đó là điều mà họ đã nói với tôi trong lúc thẩm vấn.”

“Không, tôi không cho rằng ông ta có ý ám chỉ anh là bạn tôi,” Yossarian quả quyết. “Tôi nghĩ đó phải là ai đấy như Nately hoặc Dunbar. Anh biết đấy, ai đó đã bị giết trong chiến tranh, như Clevinger, Orr, Dobbs, Kid Sampson hoặc McWatt.” Yossarian thở dốc một hơi hoảng hốt và lắc đầu. “Tôi vừa mới nhận ra,” y thốt lên. “Họ đã tóm được tất cả bạn bè tôi, có phải không? Chỉ còn lại tôi và Hungry Joe.” Y gai người khiếp sợ khi thấy mặt cha tuyên úy trở nên tái mét. “Cha tuyên úy, có chuyện gì vậy?”

“Hungry Joe cũng bị giết rồi.”

“Chúa ơi, không! Khi chiến đấu à?”

“Anh ta chết trong giấc ngủ khi đang mơ. Họ đã tìm thấy một con mèo ở trên mặt anh ta.”

“Thằng khốn tội nghiệp,” Yossarian nói và bắt đầu khóc, giấu nước mắt vào hõm vai. Cha tuyên úy bỏ đi mà không nói lời tạm biệt. Yossarian ăn một chút rồi lăn ra ngủ. Một bàn tay lay y dậy vào giữa đêm. Y mở mắt ra và thấy một người đàn ông gầy gò, độc ác mặc quần pyjamas khoác áo choàng tắm dành cho bệnh nhân đang nhìn y với nụ cười nhếch mép ác ý và giễu cợt.

“Chúng tôi đã tóm được bạn anh, anh bạn ạ. Chúng tôi đã tóm được bạn anh.”

Yossarian mất hết can đảm. “Ông đang nói cái *quái* gì vậy?” giọng y van vỉ, chớm hoảng loạn.

“Rồi anh sẽ biết, anh bạn ạ. Rồi anh sẽ biết.”

Yossarian nhào tới toan tóm lấy họng kẻ đang hành hạ y bằng một tay, nhưng người đàn ông đó đã rút êm ra khỏi tầm với và biến mất vào hành lang cùng một tiếng cười ác hiểm. Yossarian nằm đó run rẩy, tim nện thình thịch. Người y đầm đìa mồ hôi lạnh. Y tự hỏi bạn mình là ai. Bệnh viện lúc đó rất tối và hoàn toàn tĩnh lặng. Y không có đồng hồ nên không biết lúc đó là mấy giờ. Y đã hoàn toàn tỉnh giấc, và biết mình đã trở thành tù nhân của một trong những đêm mất ngủ trên giường dằng dặc mãi mới tan thành ánh bình minh. Một cơn ớn lạnh rần rật luồn lên khắp chân y. Y cảm thấy lạnh, và y nhớ tới Snowden, người chưa từng là bạn y mà chỉ là một thằng nhóc quen biết sơ sơ đang bị thương rất nặng và lạnh run tới chết trong một vũng nắng vàng rực đang hắt tung tóe vào mặt y xuyên qua ụ súng khi y trườn qua khoang chứa bom vào đuôi máy bay sau lời cầu xin qua điện đàm của Dobbs rằng y hãy tới giúp tay súng, làm ơn giúp tay súng. Vừa trông thấy cảnh rùng rợn ấy dạ dày của Yossarian đã muốn lộn tùng phèo; y ghê sợ tột độ, đến mức

phải kinh hoảng mất một lúc rồi mới có thể lại tiếp tục khom xuống, chống tay và đầu gối trườn trong đường ống nhỏ hẹp bên trên khoang chứa bom bên hộp các tông niêm kín đựng đồ cứu thương. Snowden nằm ngửa thẳng cẳng trên sàn, vẫn gánh trên mình cồng kềnh áo giáp, mũ sắt, bộ dây dù và nàng Mae West[(89)] của cậu ta. Cách đó không xa trên sàn, là tay súng nhỏ con phụ trách phần đuôi máy bay đang sóng sượt bất tỉnh, vết thương mà Yossarian nhìn thấy là ở mé ngoài đùi Snowden, có vẻ như to và sâu như một quả bóng bầu dục. Không thể biết được chỗ nào là những mảnh rách đẫm máu của bộ áo giáp, chỗ nào là da thịt tan nát của cậu ta.

Không có morphine trong hộp đựng đồ sơ cứu, không có gì bảo vệ Snowden khỏi đau đớn ngoại trừ chính cơn choáng váng tê liệt do chính vết thương toang hoác đó gây ra. Mười hai ống tiêm đựng sẵn morphine đã bị chôm mất và thay vào đó là một mảnh giấy ghi rõ dòng chữ nắn nót: “Điều gì tốt cho hãng M&M thì cũng tốt cho đất nước. Milo Minderbinder.” Yossarian chửi rủa Milo và lấy ra hai viên aspirin nhưng cặp môi xám ngoét đã không thể hớp lấy được. Y vội vàng buộc ga rô vòng quanh đùi Snowden bởi vì y không nghĩ ra phải làm gì khác trong những khoảnh khắc hỗn loạn đầu tiên ấy khi tri giác của y đang rối bời, khi y biết mình phải hành động thật thành thạo ngay lập tức nhưng cũng sợ rằng mình sẽ vỡ tan ra thành từng mảnh. Snowden trân trối quan sát y, không nói gì cả. Không có động mạch nào đang phụt máu, nhưng Yossarian vẫn giả vờ mình đang tập trung hoàn toàn vào việc băng ga rô, bởi vì đó là việc y biết làm. Y làm ra vẻ thiện nghệ và bình tĩnh, cảm thấy ánh mắt lờ đờ của Snowden dõi theo. Y khôi phục được khả năng kiểm soát bản thân trước khi băng ga rô xong, và ngay lập tức nới lỏng ga rô để giảm nguy cơ hoại tử. Giờ thì đầu óc y hoàn toàn tỉnh táo, và y biết mình

cần phải làm tiếp như thế nào. Y lục trong hộp đồ sơ cứu để tìm kéo.

“Tôi lạnh,” Snowden nói khẽ. “Tôi lạnh.”

“Cậu sẽ ổn thôi, nhóc,” Yossarian nhoẻn miệng cười động viên. “Cậu sẽ ổn thôi.”

“Tôi lạnh,” Snowden lại nói tiếp, giọng yếu ớt, như một đứa trẻ. “Tôi lạnh.”

“Ngoan nào, ngoan nào,” Yossarian nói, bởi vì y không biết nói gì khác. “Ngoan nào, ngoan nào.”

“Tôi lạnh,” Snowden thút thít. “Tôi lạnh.”

“Ngoan nào, ngoan nào. Ngoan nào, ngoan nào.”

Yossarian sợ hãi và trở nên khẩn trương hơn. Cuối cùng y cũng tìm được một chiếc kéo và bắt đầu cẩn thận cắt bộ áo chiến đấu liền quần của Snowden từ trên cao bên trên vết thương, chỉ dưới đũng quần một chút. Y cắt thẳng một mạch qua lớp vải gabardine dày bao quanh đùi. Tay súng nhỏ con ở đuôi máy bay tỉnh dậy trong khi Yossarian đang dùng kéo cắt, nhìn thấy y, và lại ngất đi. Snowden nghẹo đầu sang bên kia để có thể nhìn Yossarian trực diện. Một tia sáng mờ đục, trống rỗng ánh lên trong cặp mắt yếu ớt và vô hồn của cậu ta. Yossarian, bối rối, không nhìn cậu nữa. Y bắt đầu cắt dọc theo đường may xuống dưới, vết thương đang ngoác miệng - có phải y vừa trông thấy một ống xương nhầy nhụa chạy sâu trong dòng máu tươi đỏ thắm dưới những sợi cơ kỳ cục đang co giật? - đang rỉ máu ra thành nhiều dòng nhỏ, như tuyết đang tan trên mái hiên, chỉ có điều màu đỏ và dữ dội hơn, vừa rơi xuống đã bắt đầu đông lại. Yossarian cứ cắt tận ra đằng sau và xé toạc lớp vải khỏi cái

chân bị thương nghiêm trọng. Miếng vải rơi bịch xuống sàn, để lộ ra gấu một ống quần lót vải kaki đang thấm máu như thể khát nước. Yossarian sững sờ trước cái cẳng chân trần èo uột và kinh tởm của Snowden, trước sự gớm ghiếc, thiếu sinh khí và bí hiểm của những sợi lông vàng mềm, mịn, xoăn tít trên ống đồng và bắp chân kỳ lạ, trắng nhợt của cậu ta. Vết thương, lúc này y đã thấy, không to như một quả bóng bầu dục nữa, mà dài rộng cỡ bàn tay y, quá be bét và sâu không thể kiểm tra cho kỹ được. Những thớ cơ trầy trụa bên trong rần rật như một miếng thịt bò xay sống. Một hơi thở phào nhẹ nhõm chầm chậm thoát khỏi miệng Yossarian khi y thấy Snowden không có nguy cơ tử vong. Máu đã đông lại ở bên trong vết thương, và giờ chỉ cần băng bó và giữ cho cậu ta bình tĩnh cho đến khi máy bay hạ cánh nữa là được. Y lấy ra mấy gói sulfanilamide. Snowden run lên khi Yossarian nhẹ nhàng đẩy cho cậu ta nằm hơi nghiêng lên.

"Tôi có làm cậu đau không?"

"Tôi lạnh," Snowden thút thít. "Tôi lạnh."

"Ngoan nào, ngoan nào," Yossarian nói. "Ngoan nào, ngoan nào."

"Tôi lạnh. Tôi lạnh."

"Ngoan nào, ngoan nào. Ngoan nào, ngoan nào."

"Tôi bắt đầu thấy đau," Snowden chợt kêu lên, mặt nhăn nhó ai oán và khẩn thiết.

Yossarian lại cuống cuồng lục trong hộp đồ sơ cứu để tìm morphine và lại chỉ thấy mảnh giấy của Milo và một lọ aspirin. Y chửi rủa Milo và đưa hai viên aspirin cho Snowden. Không có nước. Snowden từ chối aspirin, đầu lắc nhẹ tới mức gần như không thấy.

Mặt cậu tái nhợt và xanh xao. Yossarian tháo mũ chống đạn ra và đặt đầu cậu xuống sàn.

"Tôi lạnh," Snowden rên lên với cặp mắt gần như đã nhắm. "Tôi lạnh."

Quanh miệng cậu đã tím ngắt. Yossarian chết điếng. Y không biết có nên giật dây dù của Snowden cho dù bung ra rồi lấy vải dù đắp kín cho cậu ta hay không. Trong máy bay rất nóng. Đột nhiên Snowden mở mắt ngước lên và hé với y một nụ cười nhợt nhạt đầy hợp tác và xoay hông một chút để Yossarian có thể rắc sulfanilamide lên vết thương. Yossarian làm tiếp với niềm lạc quan và tự tin trở lại. Máy bay giật lắc mạnh khi rơi vào một túi không khí, và y giật mình nhớ ra mình đã để quên dù ở tận khoang mũi máy bay. Nhớ vậy thôi chứ chẳng để làm gì cả. Y trút hết túi giấy này đến túi giấy khác cái thứ bột trắng tinh lấp lánh vào vết thương máu me hình oval cho đến khi không nhìn thấy chút gì màu đỏ ở đó nữa, rồi hít vào một hơi thật sâu đầy lo sợ, cắn chặt răng lại lấy thêm dũng khí đưa bàn tay trần chạm vào mớ thịt bầy nhầy đang khô dần để nhét nó ngược trở lại vào vết thương. Y nhanh chóng phủ lên toàn bộ vết thương lại bằng một miếng gạc to rồi giật tay ra. Đoạn y mỉm cười bồn chồn khi thử thách ngắn ngủi này đã kết thúc. Tiếp xúc trực tiếp với da thịt chết thực ra không quá ghê tởm như y hình dung, và y có cớ để tiếp tục sờ lên vết thương hết lần này đến lần khác để tự thuyết phục bản thân về lòng dũng cảm của chính mình.

Tiếp theo, y cố định miếng gạc bằng một cuộn băng quấn quanh. Đến vòng thứ hai quanh đùi Snowden, y phát hiện ra một lỗ nhỏ ở trên phần thịt, chỗ mảnh đạn đã xuyên qua - một vết thương nhăn nhúm hình tròn cỡ đồng xu với rìa tím ngắt và tâm đen sì vì máu khô

đóng cục. Yossarian lại rắc đầy sulfanilamide lên nó và tiếp tục băng quanh đùi cho đến khi cố định được miếng gạc. Sau đó y dùng kéo cắt cuộn băng, và xé đôi theo chiều dọc đầu cuối băng. Y buộc chặt tất cả lại bằng một nút kép gọn gàng. Băng như vậy rất tốt, y biết điều đó, và y ngồi xổm xuống đầy tự hào, quẹt mồ hôi trên trán, và bất giác thân thiện cười toe với Snowden.

“Tôi lạnh,” Snowden rên lên. “Tôi lạnh.”

“Cậu sẽ ổn thôi, nhóc,” Yossarian vỗ nhẹ lên cánh tay cậu ta để trấn an. “Mọi thứ đã được kiểm soát rồi.”

Snowden yếu ớt lắc đầu. “Tôi lạnh,” cậu ta lặp lại, mắt đờ đẫn và đục mờ như đá. “Tôi lạnh.”

“Ngoan nào, ngoan nào,” Yossarian nói, cảm giác hồ nghi và dao động đang tăng dần. “Ngoan nào, ngoan nào. Chỉ lát nữa thôi chúng ta sẽ trở lại mặt đất và bác sĩ Daneeka sẽ chăm sóc cậu.”

Nhưng Snowden cứ lắc đầu, và rốt cuộc đã ra hiệu, bằng một cái hất hàm rất khẽ xuống phía nách. Yossarian cúi xuống ghé mắt nhìn và thấy một vệt màu rất lạ đang rỉ qua bộ áo liền quần ở ngay trên lỗ tay áo của bộ giáp chống đạn. Yossarian cảm thấy tim y ngừng đập, rồi lại đập dữ dội tới mức khiến y khó thở. Snowden đã bị thương ở phía bên trong áo giáp. Yossarain xé toang áo giáp của Snowden ra và nghe thấy chính mình thét lên điên loạn khi ruột gan phèo phổi của Snowden tuột xuống sàn thành một đống nhão nhoét và máu cứ thế chảy ra thành dòng. Một mảnh đạn gần mười phân đã bắn vào từ một bên người cậu ta, chỗ ngay dưới tay và phạt thẳng qua thân, kéo nó theo cả lít nhầy nhụa nội tạng ra ngoài qua một lỗ khổng lồ ở mạng sườn nơi nó văng ra. Yossarian thét lên lần thứ hai và lấy cả hai tay bịt chặt mắt. Răng y lập cập va vào nhau trong kinh hoàng. Y

gắng hết sức nhìn lại một lần nữa. Vậy đấy, sự thừa mứa tầm cỡ Chúa Trời là đây, Yossarian cay đắng nghĩ khi y trân trối nhìn - gan, phổi, thận, sườn, dạ dày, và cả những vụn khoai tây hầm mà Snowden đã ăn vào bữa trưa hôm đó. Yossarian căm ghét khoai tây hầm, y quay mặt đi choáng váng, và bắt đầu nôn mửa, tay giữ chặt lấy cổ họng đang bỏng rát. Tay súng ở đuôi máy bay tỉnh dậy trong khi Yossarian đang nôn, nhìn thấy cảnh ấy, và lại ngất đi. Yossarian rũ rượi vì kiệt sức, đau đớn và tuyệt vọng khi nôn xong. Y yếu ớt quay lại với Snowden, hơi thở của cậu đang yếu đi và ngày càng gấp gáp, mặt cậu còn tái hơn trước. Y tự hỏi làm thế quái nào mà cứu cậu ta được nữa

“Tôi lạnh,” Snowden thút thít. “Tôi lạnh.”

“Ngoan nào, ngoan nào,” Yossarian lầm bầm nói như máy, tiếng nhỏ tới mức gần như không nghe thấy gì. “Ngoan nào, ngoan nào.”

Yossarian cũng lạnh, và người run lên bần bật. Y cảm thấy gai ốc râm ran sởn lên khắp người khi y ủ ê nhìn xuống cái bí mật gớm ghiếc mà Snowden đã xổ ra khắp sàn. Quá dễ để đọc được thông điệp trong lòng cậu ta. Con người là vật chất, đó là bí mật của Snowden. Thả anh ta ra ngoài cửa sổ, anh ta sẽ rơi xuống. Đốt anh ta, anh ta sẽ cháy. Chôn anh ta, anh ta sẽ thối rữa, như đủ thứ rác rưởi khác. Hồn đã mất thì người chính là rác rưởi. Đó là bí mật của Snowden. Sự chín muồi là tất cả[90].

“Tôi lạnh,” Snowden nói. “Tôi lạnh.”

“Ngoan nào, ngoan nào,” Yossarian nói. “Ngoan nào, ngoan nào.” Y giật dây dù của Snowden và bọc lấy cơ thể của cậu ta trong tấm vải dù trắng.

“Tôi lạnh.”

“Ngoan nào, ngoan nào.”

42 YOSSARIAN

"Trung tá Korn bảo," thiếu tá Danby nói với Yossarian với một nụ cười cầu tài kiểu cách, "rằng giao kèo vẫn có giá trị. Mọi thứ vẫn tiến triển tốt đẹp."

"Không, không phải vậy đâu."

"Ồ, đúng, đúng vậy mà," thiếu tá Danby ôn tồn khăng khăng. "Thực ra thì mọi thứ còn tốt hơn nhiều. Chuyện anh suýt bị cô gái đó giết quả là may mắn. Giờ thì giao kèo có thể được hoàn thành mỹ mãn."

"Tôi đâu có ký giao kèo nào với trung tá Korn."

Niềm lạc quan sôi sục của thiếu tá Danby bốc hơi trong nháy mắt, gã lập tức rơi vào một cơn lo lắng sục sôi. "Nhưng đúng là anh có một giao kèo với ông ta mà, có phải không?" gã khổ sở bối rối hỏi. "Không phải là các anh đã có thỏa thuận với nhau à?"

"Tôi đang phá vỡ thỏa thuận đó."

"Nhưng các anh đã bắt tay nhau rồi, có phải không? Anh đã nói lời quân tử với ông ta mà."

"Tôi đang nuốt lời đây."

"Ôi trời," thiếu tá Danby thở dài, và bắt đầu lấy chiếc khăn tay đã gấp màu trắng chấm nhẹ lên vầng trán lo âu. "Nhưng tại sao vậy

Yossarian? Giao kèo họ dành cho anh rất tốt mà.”

“Đó là một giao kèo đê tiện, Danby. Đó là một giao kèo ghê tởm.”

“Ôi trời,” thiếu tá Danby bứt rứt, đưa bàn tay trần lên vuốt mái tóc đen, cứng, đẫm mồ hôi đến tận ngọn những lọn xoăn cắt sát đầu. “Ôi trời.”

“Danby, anh không nghĩ là nó ghê tởm ư?”

Thiếu tá Danby nghĩ rất lung một lúc. “Ừ, tôi đồ rằng nó ghê tởm thật,” gã miễn cưỡng thừa nhận. Cặp mắt trố của gã bối rối. “Nhưng tại sao anh lại chấp nhận giao kèo nếu như anh không thích nó?”

“Tôi đã đồng ý trong một phút yếu lòng,” Yossarian bông lơn nói, với sự mỉa mai rầu rĩ. “Tôi chỉ cố cứu lấy mạng mình.”

“Giờ thì anh không muốn cứu mạng mình nữa à?”

“Đó là lý do tôi sẽ không để cho họ bắt tôi tiếp tục bay ra trận.”

“Vậy thì hãy để cho họ đưa anh về nhà và anh sẽ không còn gặp hiểm nguy nào nữa.”

“Hãy để cho họ đưa tôi về nhà vì tôi đã bay nhiều hơn năm mươi trận,” Yossarian nói, “chứ không phải là vì tôi đã bị cô gái đó đâm, hoặc là vì tôi đã trở thành một thằng chó đẻ cứng đầu cứng cổ.”

Thiếu tá Danby lắc đầu quầy quậy, thực lòng bối rối. “Nếu họ làm vậy thì họ sẽ phải đưa gần như tất cả mọi người về nhà. Hầu hết mọi người đều đã bay nhiều hơn năm mươi trận. Đại tá Cathcart không thể đòi thêm quá nhiều đội bay lính mới tới thay thế mà không bị điều tra. Ông ta sẽ bị mắc kẹt trong chính cái bẫy của mình.”

“Đó là vấn đề của ông ta.”

“Không, không, không, Yossarian,” thiếu tá Danby sốt sắng phản đối. “Đó là vấn đề của anh. Bởi vì nếu anh không thực hiện giao kèo, họ sẽ đưa anh ra tòa án binh ngay khi anh xuất viện.”

Yossarian hỉ mũi vào thiếu tá Danby và cười sằng sặc tự mãn. “Thách họ đấy! Đừng có lừa tôi, Danby. Họ không dám làm đâu.”

“Nhưng tại sao lại không chứ?” thiếu tá Danby hỏi, mắt chớp chớp vì kinh ngạc.

“Bởi vì giờ thì tôi thực sự đã đẩy được họ vào thế khó. Có một biên bản chính thức nói rằng tôi bị đâm bởi một sát thủ phát xít toan ám sát họ. Nếu đưa tôi ra tòa án binh sau vụ đó thì quả là ngớ ngẩn.”

“Nhưng, Yossarian này!” thiếu tá Danby thốt lên. “Cũng có một biên bản chính thức khác nói rằng anh bị một cô gái ngây thơ đâm trong quá trình thực hiện các hoạt động chợ đen trên quy mô lớn, liên quan tới phá hoại ngầm và bán bí mật quân sự cho kẻ thù.”

Yossarian cực kỳ chưng hửng vì ngạc nhiên và thất vọng. “Một biên bản chính thức khác à?”

“Yossarian, họ muốn có bao nhiêu biên bản chính thức mà chẳng được, và họ có thể chọn bất cứ biên bản nào để sử dụng trong bất kỳ tình huống nào mà họ thích. Anh không biết điều đó sao?”

“Ôi trời,” Yossarian lầm bầm rên lên chán ngán, máu dần rút sạch khỏi mặt. “Ôi trời.”

Thiếu tá Danby hăm hở tiến về phía trước với vẻ thiện chí của một con kền kền. “Yossarian, hãy làm những gì họ muốn và để cho họ đưa anh về nhà. Như vậy sẽ tốt nhất cho tất cả mọi người.”

“Tốt nhất cho Cathcart, Korn và tôi, không phải cho tất cả mọi người.”

“Cho tất cả mọi người,” thiếu tá Danby khăng khăng. “Nó sẽ giải quyết toàn bộ vấn đề.”

“Liệu như thế có phải là tốt nhất cho những người đang phải tiếp tục bay ra trận trong liên đoàn này không?”

Thiếu tá Danby nao núng và bối rối quay mặt đi một giây. “Yossarian,” gã đáp, “sẽ chẳng ích gì cho ai nếu như anh ép đại tá Cathcart đưa anh ra tòa án binh và chứng minh rằng anh có tội, tất cả các tội mà họ gán cho anh. Anh sẽ đi tù trong một thời gian dài, và cả đời anh sẽ bị hủy hoại.”

Yossarian lắng nghe với cảm giác lo lắng mỗi lúc một tăng. “Họ sẽ buộc cho tôi những tội gì?”

“Thiếu năng lực trong trận Ferrara, bất tuân mệnh lệnh, chống lệnh, không chịu giao chiến với địch ngoài chiến trường, và đào ngũ.”

Yossarian mút hai má hóp lại trầm ngâm. “Họ có thể buộc cho tôi tất cả những tội đó được không? Họ đã trao cho tôi một huân chương vì trận Ferrara. Làm sao giờ họ lại có thể cáo buộc tôi vì thiếu năng lực được?”

“Aarfy sẽ thề rằng anh và McWatt nói dối trong biên bản chính thức của các anh.”

“Tôi cá là thằng khốn đó sẽ làm vậy!”

“Họ cũng sẽ kết án anh,” thiếu tá Danby liệt kê, “vì tội hiếp dâm, hoạt động ngoài chợ đen, phá hoại và bán bí mật quân sự cho kẻ

thù.”

“Làm thế nào mà họ chứng minh được tất cả những tội ấy? Tôi chẳng làm bất cứ điều gì trong số đó.”

“Nhưng họ có nhân chứng thề rằng anh đã làm. Họ có thể có được tất cả nhân chứng mà họ muốn chỉ bằng cách đơn giản là thuyết phục họ rằng việc tiêu diệt anh là vì lợi ích của đất nước. Và dưới một góc độ nào đó thì như vậy đúng là sẽ tốt cho đất nước.”

“Dưới góc độ nào cơ?” Yossarian gặng hỏi, chống một khuỷu tay từ từ nâng người lên với vẻ bực tức đang cố nén.

Thiếu tá Danby lùi lại một chút và lại bắt đầu lau mồ hôi trên trán. “Chậc, Yossarian này,” gã lắp bắp ra điều hối lỗi, “sẽ chẳng ích gì cho những nỗ lực giành chiến thắng nếu như đem lại tiếng xấu cho đại tá Cathcart và trung tá Korn lúc này. Hãy nhìn thẳng vào sự thật, Yossarian - gì thì gì, liên đoàn này đúng là đang có thành tích rất tốt. Nếu anh bị đưa ra tòa án binh và được trắng án thì những người khác có lẽ cũng sẽ không chịu bay ra trận nữa. Đại tá Cathcart sẽ bị hạ nhục và hiệu suất chiến đấu của đơn vị chúng ta sẽ bị hủy hoại. Do vậy, dưới góc độ này, việc anh bị kết tội và đi tù đúng là vì lợi ích của đất nước, ngay cả khi anh vô tội *thật*.”

“Anh có cách diễn giải mọi chuyện thật bùi tai đấy!” Yossarian ngắt lời với vẻ ai oán chua chát.

Thiếu tá Danby đỏ bừng mặt, bối rối vặn vẹo người và nhìn xiên đi chỗ khác. “Xin đừng đổ lỗi cho tôi,” gã bào chữa với vẻ liêm chính đầy lo âu. “Anh biết đấy không phải là lỗi của tôi. Tất cả những gì tôi làm là cố nhìn nhận sự việc một cách khách quan và tìm ra giải pháp cho một tình huống cực kỳ khó khăn.”

“Tôi không tạo ra tình huống đó.”

“Nhưng anh có thể giải quyết được nó. Và anh còn có thể làm được gì khác đây? Anh không muốn tiếp tục bay ra trận.”

“Tôi có thể chạy trốn.”

“Chạy trốn ư?”

“Đào ngũ. Cất cánh. Tôi có thể quay lưng lại với cả đám lộn xộn chết tiệt này và bắt đầu chạy trốn.”

Thiếu tá Danby sốc. “Chạy đi đâu? Anh có thể đi đâu được?”

“Tôi có thể dễ dàng tới được Rome. Và tôi có thể lẩn trốn ở đó.”

“Và sống suốt đời trong mối lo sợ tùng phút một rằng họ sẽ tìm được anh ư? Không, không, không, không, Yossarian. Làm thế thì quá thảm hại và ô nhục. Chạy trốn khỏi vấn đề không bao giờ là cách giải quyết nó. Làm ơn hãy tin tôi. Tôi chỉ đang cố giúp anh thôi.”

“Đó cũng là những gì mà gã điều tra viên tốt bụng mặt rìu kia đã nói trước khi hắn ta quyết định thọc tay vào vết thương của tôi,” Yossarian châm biếm bật lại.

“Tôi không phải điều tra viên,” thiếu tá Danby phẫn nộ đáp lời, má gã lại đỏ ửng lên. “Tôi là một giáo sư đại học với ý thức cao về đúng và sai, và tôi không cố đánh lừa anh. Tôi không nói dối với bất cứ ai.”

“Anh sẽ làm gì nếu ai đó trong liên đoàn hỏi anh về cuộc nói chuyện này?”

“Tôi sẽ nói dối anh ta.”

Yossarian cười mai mỉa, và thiếu tá Danby, bất chấp đôi má vẫn đỏ bừng bối rối, bèn ngả lưng ra ghế thư giãn, như thể chấp nhận chút thời gian nghỉ ngơi mà sự thay đổi tâm trạng của Yossarian hứa hẹn sẽ đem lại. Yossarian nhìn gã trong cảm giác lẫn lộn giữa thương hại và khinh miệt kín đáo. Y ngồi dậy, tựa lưng vào đầu giường, châm một điếu thuốc, thoáng mỉm cười với vẻ thích thú giễu cợt, đoạn nhìn chằm chằm với niềm cảm thông kỳ quái vào nỗi kinh hoàng mắt lồi sống động đã bén rễ vĩnh viễn trên mặt thiếu tá Danby vào ngày đánh trận Avignon, khi tướng Dreedle ra lệnh đưa gã ra ngoài xử bắn. Những nếp nhăn gây ra do thất kinh ấy vẫn luôn còn đó, như những vết sẹo sâu trên lưng, và Yossarian cảm thấy thương hại kẻ lý tưởng chủ nghĩa trung tuổi, đạo đức và hiền lành này, cũng như y thấy thương hại biết bao người khác chỉ có những khuyết điểm nhỏ bé và những rắc rối nhẹ tênh.

Với vẻ thân thiện chủ động y nói, “Danby, làm sao anh có thể làm việc được với những người như Cathcart và Korn? Nó không khiến anh lộn mửa sao?”

Thiếu tá Danby có vẻ ngạc nhiên trước câu hỏi của Yossarian. “Tôi làm vậy để giúp tổ quốc,” gã đáp, như thể đó là một câu trả lời hiển nhiên. “Đại tá Cathcart và trung tá Korn là thượng cấp của tôi, và tuân lệnh họ là điều duy nhất tôi có thể đóng góp cho cuộc chiến này. Tôi làm cùng họ bởi vì đó là nhiệm vụ của tôi. Và,” gã hạ giọng nói thêm, mắt cụp xuống, “bởi vì tôi không phải là một người quá xông xáo.”

“Tổ quốc không cần anh giúp nữa,” Yossarian phản biện. “Do vậy tất cả những gì anh làm là để giúp bọn họ.”

“Tôi cố không nghĩ tới điều đó,” thiếu tá Danby thẳng thắn thừa nhận. “Nhưng tôi cố chỉ tập trung vào toàn cục và cố quên đi rằng họ cũng đang ngày một thành đạt nhờ thế. Tôi cố tỏ ra rằng họ không quan trọng.”

“Đó là khó khăn của tôi, anh biết đấy,” Yossarian suy tư đầy vẻ cảm thông, khoanh tay lại. “Giữa tôi và mọi lý tưởng tôi luôn thấy những Scheisskopf, Peckem, Korn và Cathcart. Và có lẽ điều đó đã làm thay đổi lý tưởng.”

“Anh phải cố không nghĩ về bọn họ,” thiếu tá Danby quả quyết khuyên nhủ. “Và anh không bao giờ được cho phép họ thay đổi các giá trị của anh. Lý tưởng là tốt, nhưng đôi khi con người lại không được tốt lắm. Anh phải cố hướng mắt lên mà nhìn vào toàn cục.”

Yossarian hoài nghi lắc đầu chối bỏ lời khuyên đó. “Khi tôi hướng mắt lên mà nhìn, tôi chỉ thấy toàn người đang kiếm lời. Tôi không thấy thiên đường hay thánh hay thần gì cả. Tôi thấy người ta kiếm lời từ mọi động cơ tử tế và từ từng bi kịch con người.”

“Nhưng anh phải cố không được nghĩ về điều đó,” thiếu tá Danby khăng khăng. “Và anh phải cố không để cho điều đó làm anh buồn bực.”

“Ồ, nó cũng chẳng làm tôi buồn bực mấy. Điều thực sự khiến tôi buồn bực là họ lại nghĩ tôi là thằng ngu. Họ nghĩ rằng họ thông minh, và rằng cả đám chúng ta đều đần độn. Và, anh biết không, Danby, ngay lúc này đây, lần đầu tiên tôi nghĩ là có thể họ đã đúng.”

“Nhưng anh phải cố không nghĩ về cả điều đó nữa,” thiếu tá Danby cãi. “Anh chỉ được nghĩ về lợi ích của đất nước và phẩm giá của con người.”

“Ờ,” Yossarian nói.

“Tôi nói thật đấy, Yossarian. Đây là không phải là Thế chiến thứ nhất. Anh không được quên rằng chúng ta đang có chiến tranh với những kẻ xâm lược, những kẻ sẽ chẳng bao giờ để cho bất cứ ai trong chúng ta được sống nếu như chúng thắng.”

“Tôi biết điều đó,” Yossarian đáp ngắn gọn, và cơn giận chợt bùng lên. “Chúa ơi, Danby này, huân chương ấy là tự tôi kiếm được, bất kể bọn họ trao nó cho tôi vì cái gì. Tôi đã bay tới bảy mươi trận khốn nạn. Đừng có nói với tôi về việc chiến đấu bảo vệ tổ quốc. Tôi đã chiến đấu suốt thời gian qua để bảo vệ tổ quốc mình rồi. Giờ thì tôi cần phải chiến đấu một chút để bảo vệ mạng sống của tôi. Tổ quốc không còn lâm nguy nữa, nhưng tôi thì có.”

“Chiến tranh vẫn chưa kết thúc. Quân Đức đang tiến về Antwerp.”

“Quân Đức sẽ bị đánh bại trong vài tháng nữa. Và tiếp đó vài tháng quân Nhật cũng sẽ bị đánh bại. Nếu giờ tôi phải từ bỏ mạng sống của mình thì đó không phải là để phục vụ tổ quốc nữa. Mà chỉ để phục vụ cho Cathcart và Korn thôi. Do đó tôi sẽ từ bỏ máy ngắm bom của mình cho đến khi chiến tranh kết thúc. Từ giờ trở đi tôi sẽ chỉ nghĩ về mình mà thôi.”

Thiếu tá Danby trả lời đầy khoan dung với nụ cười kẻ cả. “Nhưng, Yossarian này, nếu như tất cả mọi người cùng nghĩ vậy thì sao?”

“Thì chắc chắn tôi sẽ là một thằng đần chết tiệt nếu nghĩ khác, có phải không?” Yossarian ngồi thẳng dậy, biểu cảm kỳ quặc. “Anh biết không, tôi có một cảm giác kỳ cục rằng tôi đã từng nói với ai đó chuyện hệt như thế này. Giống hệt như cha tuyên úy, anh ta từng bảo có cảm giác như chuyện gì anh ta cũng trải qua đến hai lần.”

“Cha tuyên úy muốn anh cứ để họ đưa anh về nhà,” thiếu tá Danby nhận xét.

“Cha tuyên úy có thể biến mẹ đi cho tôi nhờ.”

“Ôi trời.” Thiếu tá Danby thở dài, lắc đầu thất vọng. “Anh ta e rằng anh ta có thể đã làm ảnh hưởng tới anh.”

“Anh ta không ảnh hưởng gì tới tôi. Anh biết tôi có thể sẽ làm gì không? Tôi có thể sẽ ở lại ngay đây, trên chiếc giường bệnh này và sống một cuộc đời đơn điệu. Tôi có thể sống đơn điệu rất thoải mái ở ngay đây và để cho những người khác ra quyết định.”

“Anh phải ra quyết định,” thiếu tá Danby phản đối. “Một người không thể sống như rau cỏ được.”

“Tại sao lại không?”

Một chút ấm áp xa xăm chợt ánh lên trong mắt thiếu tá Danby. “Sống như rau cỏ chắc sẽ hay lắm nhỉ,” gã khao khát thừa nhận.

“Sẽ rất tệ hại,” Yossarian trả lời.

“Không, được thoát khỏi tất cả những nghi ngờ và áp lực này thì hẳn sẽ dễ chịu lắm,” thiếu tá Danby khăng khăng đáp. “Tôi nghĩ là tôi thích được sống như rau cỏ và không phải ra bất cứ quyết định quan trọng nào.”

“Loại rau cỏ nào đây, Danby?”

“Dưa chuột hoặc cà rốt.”

“Dưa chuột loại gì? Tốt hay xấu?”

“Ồ, tất nhiên là loại tốt rồi.”

“Thế thì họ sẽ hái anh ngay lúc anh đang trong kỳ hoàng kim nhất rồi thái anh ra trộn xa lát.”

Mặt thiếu tá Danby xị xuống. “Thế thì loại xấu vậy.”

“Họ sẽ để cho anh thối rữa ra thành phân bón cho loại tốt sinh trưởng.”

“Thế thì thôi chắc tôi chả muốn sống như rau cỏ nữa,” thiếu tá Danby cười buồn cam chịu.

“Danby, thế là tôi sẽ phải để cho họ đưa tôi về nhà thật đấy à?” Yossarian nghiêm túc hỏi.

Thiếu tá Danby nhún vai. “Đó là một cách để cứu bản thân anh.”

“Đó là một cách để đánh mất bản thân tôi, Danby. Anh cần phải biết điều đó.”

“Anh có thể có rất nhiều thứ anh muốn.”

“Tôi không muốn có rất nhiều thứ tôi muốn,” Yossarian đáp, và rồi đấm mạnh xuống đệm trong vỡ òa giận dữ và tuyệt vọng. “Chết tiệt, Danby! Nhiều người bạn của tôi đã bị giết trong cuộc chiến này. Giờ tôi không thể đi ký giao kèo được. Bị con khốn đó đâm chính là điều tốt nhất đã từng xảy ra với tôi.”

“Anh thà đi tù còn hơn à?”

“Nếu là anh thì anh có để cho họ đưa anh về nhà không?”

“Tất nhiên là có!” thiếu tá Danby dõng dạc tuyên bố. “Dĩ nhiên là có,” lúc sau gã nói thêm, lần này bớt chắc chắn hơn. “Ừ, chắc là tôi sẽ để cho họ đưa tôi về nhà nếu như tôi ở vị trí của anh,” gã gượng gạo kết luận, sau khi chìm đắm trong suy nghĩ rất lung. Sau đó gã quay ngoắt mặt đi trong khổ đau dữ dội và buột ra một tràng, “Ồ

vâng, tất nhiên là tôi thì sẽ để cho họ đưa mình về nhà! Nhưng tôi vốn là một thằng hèn khủng khiếp đến mức tôi không thể nào lại thực sự ở vị trí của anh được.”

“Nhưng giả sử anh không hèn?” Yossarian truy hỏi, soi gã thật kỹ. “Giả sử anh có lòng dũng cảm để bất chấp điều gì đó?”

“Thế thì tôi sẽ *không* để cho họ đưa tôi về nhà,” thiếu tá Danby hùng hồn tuyên thệ với niềm vui và nhiệt huyết mãnh liệt. “Nhưng dĩ nhiên tôi cũng sẽ không để cho họ đưa tôi ra tòa án binh.”

“Thế anh có chịu bay tiếp ra trận không?”

“Không, tất nhiên là không rồi. Như thế thì là đầu hàng toàn diện rồi còn gì. Và tôi có thể sẽ bị giết.”

“Vậy thì anh sẽ bỏ chạy?”

Thiếu tá Danby toan kiêu hãnh độp lại, nhưng đột ngột dừng lại giữa chừng, bộ hàm chưa kịp mở ra hết cỡ đã méo xệch rồi ngậm kín lại. Gã trề môi chán nản. “Tôi đoán là sẽ chẳng có tí hy vọng nào cho tôi, phải không?”

Trán và cặp nhãn cầu trố trắng nhởn của gã chẳng mấy chốc đã lấp lánh ướt vì căng thẳng. Gã vắt tréo hai cổ tay ẻo lả đặt vào trong lòng và cơ hồ gần như không thở khi ngồi đó với cặp mắt cụp xuống sàn chấp nhận thất bại. Bóng tối đen đặc, ngập ngụa đổ nghiêng vào phòng từ cửa sổ. Yossarian trang nghiêm quan sát gã, và không có ai trong số hai người động đậy khi có tiếng ầm ĩ của một chiếc xe đang phóng nhanh phanh kít dừng lại ở bên ngoài và âm thanh của những bước chân vội vã thình thịch chạy về phía tòa nhà.

“Có, có hy vọng dành cho anh,” Yossarian nhớ ra, chậm chạp hít vào. “Milo có thể giúp anh. Anh ta to hơn cả đại tá Cathcart, và anh

ta có nợ tôi một chút ân tình.”

Thiếu tá Danby lắc đầu và trả lời buồn bã. “Milo và đại tá Cathcart giờ đã là bạn của nhau. Anh ta biến đại tá Cathcart thành phó chủ tịch và hứa hẹn cho ông ta một vị trí quan trọng sau khi chiến tranh kết thúc.”

“Vậy thì cựu binh nhất Wintergreen sẽ giúp chúng ta,” Yossarian thốt lên. “Anh ta căm ghét cả hai người bọn họ, và chuyện này sẽ khiến anh ta tức điên.”

Thiếu tá Danby lại chán nản lắc đầu. “Milo và cựu binh nhất Wintergreen đã kết hợp với nhau tuần trước. Tất cả bọn họ giờ đều là thành viên của công ty M&M.”

“Vậy thì chẳng còn hy vọng nào nữa cho chúng ta, phải không?”

“Không chút hy vọng.”

“Không chút hy vọng nào cả, phải không?”

“Ừ, không chút hy vọng nào,” thiếu tá Danby thừa nhận. Một lát sau gã chợt ngước lên với một ý niệm vừa nhen nhóm. “Giá mà họ cũng cho chúng ta biến mất giống như cách bọn họ cho những người khác biến mất và giải thoát cho chúng ta khỏi tất cả những gánh nặng trí mạng này thì hay nhỉ?”

Yossarian nói không. Thiếu tá Danby âu sầu gật đầu đồng ý, lại cụp mắt xuống, và chẳng hề có chút hy vọng nào cho cả hai người bọn họ cho đến khi tiếng bước chân đột ngột bùng lên ngoài hành lang và cha tuyên úy, hét to hết mức có thể, ùa vào phòng với một tin giật gân về Orr, bị niềm phấn khích hoan hỉ làm cho choáng ngợp tới mức gã cứ cà lăm suốt một, hai phút liền. Những giọt nước mắt

mừng vui lấp lánh trong mắt gã, và Yossarian nhảy bật khỏi giường thét lên kinh ngạc khi rốt cuộc y cũng hiểu ra vấn đề.

"*Thụy Điển* ư?" y reo lên.

"Orr!" cha tuyên úy reo lên.

"Orr?" Yossarian reo lên.

"Thụy Điển!" cha tuyên úy reo lên, gật đầu lia lịa trong hân hoan tột độ và nhảy nhót tưng bừng như đồ điên không sao ngừng lại, miệng cười toe toét. "Đúng là một phép lạ, chắc luôn! Một phép lạ! Tôi lại tin ở Chúa rồi. Thực sự tin. Dạt vào bờ biển Thụy Điển sau bao nhiêu tuần trôi dạt! Đó là một phép lạ!"

"Dạt vào bờ á, còn lâu!" Yossarian tuyên bố, y cũng nhảy nhót loạn lên và rống lên cười hớn hở với những bức tường, với trần nhà, với cha tuyên úy và thiếu tá Danby. "Không phải là anh ta bị *dạt* vào bờ biển Thụy Điển. Anh ta *đã chèo* tới đó! Anh ta *đã chèo* tới đó, cha tuyên úy ạ, anh ta *đã chèo* tới đó."

"Chèo tới đó ư?"

"Anh ta đã *lên kế hoạch* như thế! Anh ta đã chủ động tới Thụy Điển."

"Ồ, tôi không quan tâm!" cha tuyên úy đáp trả, nhiệt huyết không hề suy giảm. "Đó vẫn là một phép lạ, một phép lạ của trí thông minh và sức chịu đựng của con người. Cứ nhìn xem anh ta đã thành công tới mức nào thì biết!" Cha tuyên úy ôm chặt đầu bằng cả hai tay và cười tới mức gập cả người lại. "Các anh không thể hình dung được à?" gã thốt lên kinh ngạc. "Các anh không thể hình dung ra anh ta trên cái bè màu vàng, chèo qua eo Gibraltar buổi đêm bằng cái mái chèo nhỏ xíu màu xanh dương đó…"

“Với sợi dây câu buông ở phía sau, ăn cá tuyết sống suốt trên đường đi Thụy Điển và thưởng trà một mình mỗi buổi chiều…”

“Tôi có thể hình dung ra!” cha tuyên úy reo lên, dừng màn ăn mừng lại một chút để thở. “Đó là phép lạ của sức bền con người, thực sự luôn! Và đó chính là điều mà tôi sẽ bắt đầu làm từ ngày hôm nay trở đi! Tôi sẽ bền bỉ. Phải, tôi sẽ bền bỉ.”

“Anh ta luôn biết mình làm gì trong suốt con đường đó, từng bước một!” Yossarian hoan hỉ nói, hai tay bàn siết chặt thành nắm đấm giơ lên cao đắc thắng như muốn vắt thiên khải ra khỏi chúng. Y quay một vòng sang phía thiếu tá Danby. “Danby, đồ ngốc! Có hy vọng đấy, sau tất cả. Anh không thấy sao? Cả Clevinger có khi cũng đang sống ở đâu đó giữa những đám mây của anh ta, trốn trong đó cho đến khi có thể bay ra an toàn.”

“Anh đang nói gì vậy?” thiếu tá Danby bối rối hỏi. “Cả hai anh đang nói chuyện gì vậy?”

“Mang cho tôi táo, Danby, và cả hạt dẻ nữa. Chạy, Danby, hãy chạy đi. Đem cho tôi táo dại và hạt dẻ trước khi quá muộn, và cũng lấy cho anh một ít nữa.”

“Hạt dẻ? Táo dại? Để làm quái gì cơ?”

“Để nhét vào trong má, tất nhiên rồi.” Yossarian vung cánh tay lên trời trong một động tác tự trách dữ dội và tuyệt vọng. “Ôi, tại sao tôi lại không nghe lời anh ta chứ? Tại sao tôi không có chút niềm tin?”

“Anh điên rồi à?” thiếu tá Danby hỏi gặng, hoảng hốt và hoang mang. “Yossarian, làm ơn cho tôi biết anh đang nói về cái gì?”

“Danby này, Orr đã lên kế hoạch như thế. Anh không hiểu à - anh ta đã lên kế hoạch ngay từ đầu. Anh ta thậm chí còn tập bị bắn rơi.

Anh ta tập luyện như thế trong tất cả các nhiệm vụ mà anh ta tham gia. Và tôi thì đã không chịu đi cùng anh ta! Ô, sao tôi lại không lắng nghe kia chứ? Anh ta đã rủ tôi đi cùng, và tôi đã không chịu đi với anh ta! Danby, hãy đem cho tôi cả mấy chiếc răng thỏ chìa ra ấy nữa nhé, một cái van để sửa và một vẻ ngốc nghếch vô tội để chẳng ai thèm nghi ngờ gì. Tôi cần tất cả. Ô, sao tôi lại không chịu nghe lời anh ta! Giờ thì tôi đã hiểu anh ta đã cố bảo với tôi điều gì rồi. Tôi thậm chí còn hiểu được tại sao cô gái đó cứ nện giày vào đầu anh ta như vậy."

"Tại sao?" cha tuyên úy hỏi nhanh.

Yossarian ào tới như một cơn lốc và tóm lấy vạt trước áo của cha tuyên úy mà nài nỉ. "Cha tuyên úy ơi, hãy giúp tôi! Xin hãy giúp tôi. Mang quần áo tới cho tôi với. Và nhanh lên, có được không? Tôi cần quần áo ngay lập tức."

Cha tuyên úy cảnh giác lùi lại. "Được, Yossarian, tôi sẽ giúp. Nhưng quần áo của anh ở đâu? Tôi lấy chúng bằng cách nào?"

"Cứ hăm dọa và nạt nộ bất cứ ai muốn ngăn anh lại. Cha tuyên úy, lấy cho tôi bộ quân phục nhé! Nó ở đâu đó trong bệnh viện này thôi. Hãy thành công, ít nhất một lần trong đời."

Cha tuyên úy đứng thẳng dậy đầy quyết tâm, quai hàm siết chặt. "Đừng lo, Yossarian. Tôi sẽ lấy quân phục cho anh. Nhưng tại sao cô gái đó lại nện giày lên đầu Orr? Làm ơn cho tôi biết đi."

"Bởi vì anh ta đã trả tiền để cô ấy làm việc đó, đó là lý do tại sao! Nhưng cô ấy không được đánh anh ta quá mạnh, để anh ta còn có sức chèo tới Thụy Điển. Cha tuyên úy, tìm cho tôi bộ quân phục để tôi có thể ra khỏi đây đi. Hỏi y tá Duckett ấy. Cô ấy sẽ giúp anh. Cô ấy sẽ làm mọi thứ để thoát được tôi."

“Anh sẽ đi đâu?” thiếu tá Danby lo lắng hỏi sau khi cha tuyên úy phi ra khỏi phòng. “Anh sẽ làm gì?”

“Tôi sẽ chạy trốn,” Yossarian tuyên bố với giọng vui vẻ, rõ ràng, tay đã bắt đầu mở cúc trên bộ pyjama.

“Ồ không,” thiếu tá Danby rên lên, và bắt đầu lia lịa vỗ vỗ cả hai lòng bàn tay trần lên khuôn mặt đẫm mồ hôi. “Anh không thể chạy trốn. Anh có thể chạy đi đâu được đây? Anh có thể tới đâu?”

“Tới Thụy Điển.”

“Tới Thụy Điển ư?” thiếu tá Danby kinh ngạc thốt lên. “Anh định chạy đến Thụy Điển ư? Anh có điên không?”

“Orr đã làm được điều đó.”

“Ồ, không, không, không, không, không,” thiếu tá Danby nài nỉ. “Không, Yossarian, anh sẽ chẳng bao giờ tới được đó. Anh không thể chạy trốn tới Thụy Điển. Anh thậm chí còn không biết chèo thuyền.”

“Nhưng tôi có thể tới Rome nếu như anh câm miệng lại khi anh rời khỏi đây và cho tôi cơ hội bắt được chiếc xe nào đó. Anh đồng ý chứ?”

“Nhưng họ sẽ tìm được anh,” thiếu tá Danby tuyệt vọng phản biện, “và họ sẽ đưa anh trở lại, và trừng phạt anh còn nặng hơn bây giờ nhiều nữa.”

“Lần này muốn bắt được tôi thì họ sẽ phải cố hộc bơ đấy.”

“Họ sẻ cố hộc bơ thật đấy. Và ngay cả nếu họ không tìm được anh, sống như thế thì có ra gì? Anh sẽ luôn một mình. Không ai

cùng phía với anh, và lúc nào anh cũng sẽ phải sống trong cảnh lo sợ bị phản bội.”

“Giờ tôi cũng đang sống như vậy rồi đây.”

“Nhưng anh không thể cứ thế mà quay lưng lại với mọi trách nhiệm của mình và chạy trốn khỏi chúng như vậy,” thiếu tá Danby khăng khăng nói. “Như thế thật là tiêu cực. Như thế là thoát ly thực tế.”

Yossarian cười xòa không chấp và lắc đầu. “Tôi không chạy trốn trách nhiệm của mình. Tôi đang chạy tới chúng. Không có gì tiêu cực khi ta chạy trốn để tự cứu lấy mạng mình. Anh biết những kẻ thoát ly thực tế là ai không, Danby? Không phải tôi và Orr.”

“Cha tuyên úy, làm ơn hãy nói chuyện với anh ta đi, được không? Anh ta sắp đào ngũ. Anh ta muốn chạy trốn tới Thụy Điển.”

“Tuyệt quá!” cha tuyên úy reo lên, kiêu hãnh ném lên giường một vỏ gối đầy căng quần áo của Yossarian. “Chạy tới Thụy Điển luôn đi, Yossarian. Còn tôi sẽ ở lại đây và bền bỉ. Phải. Tôi sẽ bền bỉ. Tôi sẽ lải nhải và quấy rầy đại tá Cathcart và trung tá Korn mỗi khi tôi gặp họ. Tôi không sợ. Tôi thậm chí sẽ chọc ngoáy cả tướng Dreedle.”

“Tướng Dreedle biến rồi,” Yossarian nhắc, kéo quần lên và vội vàng nhét đuôi áo vào trong. “Giờ là tướng Peckem.”

Trong một thoáng lòng tự tin bá láp của cha tuyên úy không chút suy suyển. “Thế thì tôi sẽ chọc ngoáy cả tướng Peckem, thậm chí cả tướng Scheisskopf nữa luôn. Và các anh có biết tôi sẽ làm gì nữa không? Tôi sẽ đấm vỡ mũi đại úy Black ngay khi gặp hắn ta. Phải, tôi sẽ đấm thẳng vào mũi. Tôi sẽ làm thế khi có nhiều người chứng kiến để cho hắn ta không có cơ hội đánh lại tôi.”

“Hai người bọn anh điên cả rồi phải không?” thiếu tá Danby phản đối, cặp mắt trố càng lồi ra trong hốc mắt trong kinh sợ và cáu tiết. “Hai người bọn anh cho trí khôn đi nghỉ hết rồi hả? Yossarian, nghe này…”

“Đó là một phép lạ, thực sự đấy,” cha tuyên úy tuyên bố, chộp lấy eo thiếu tá Danby, khuỷu tay mở rộng và lôi gã cùng nhảy một điệu waltz khắp phòng. “Một phép lạ đích thực. Nếu Orr có thể chèo đến Thụy Điển, thì tôi có thể thắng được đại tá Cathcart và trung tá Korn, chỉ cần bền bỉ.”

“Cha tuyên úy này, anh có thể làm ơn câm miệng lại được không?” thiếu tá Danby lịch thiệp khẩn nài, vùng ra khỏi vòng tay của cha tuyên úy, đoạn lại lẩy bẩy vỗ vỗ vầng trán đẫm mồ hôi. Gã quay người về phía Yossarian, lúc này đang với tay lấy đôi giày. “Thế còn đại tá…”

“Tôi không quan tâm.”

“Nhưng thực sự thì việc anh làm thế này lại có thể…”

“Quỷ tha ma bắt cả hai người bọn họ đi!”

“Thực sự thì việc anh làm thế này lại có thể có ích cho bọn họ đấy,” thiếu tá Danby cương quyết nói. “Anh đã nghĩ tới điều đó chưa?”

“Mặc cho lũ con hoang đó thăng tiến đi, tôi chả thèm quan tâm, bởi vì tôi không thể làm gì để chặn được bọn họ ngoài việc khiến cho họ xấu hổ vì tôi chạy trốn. Giờ thì tôi cũng có trách nhiệm của riêng tôi chứ, Danby. Tôi cần phải tới được Thụy Điển.”

“Anh sẽ không bao giờ tới được đó. Điều đó là không thể. Xét về địa lý mà nói thì không thể đi được từ đây tới đấy.”

“Kệ xác, Danby, tôi biết chứ. Nhưng ít nhất tôi cũng sẽ thử xem sao. Tôi cũng muốn cứu một cô bé ở Rome nữa, nếu như tôi có thể tìm được nó. Tôi sẽ đưa nó đi cùng tới Thụy Điển, nếu tôi tìm được nó, như vậy thì chuyện này không hoàn toàn là ích kỷ, đúng chưa?”

“Thật là tột độ điên rồ. Lương tâm anh sẽ luôn cắn rứt cho xem.”

“Chúa sẽ phù hộ cho nó.” Yossarian cười thành tiếng. “Tôi không muốn sống mà không có mối lo gì lớn. Phải vậy không, cha tuyên úy?”

“Tôi sẽ đấm ngay mũi đại úy Black ngay khi tôi gặp hắn ta,” cha tuyên úy hãnh diện nói, tương hai cú thọc tay trái vào không khí, sau đó là một đòn quyết định vụng về. “Như thế này này.”

“Thế còn sự nhục nhã thì sao?” thiếu tá Danby chất vấn.

“Sự nhục nhã nào? Giờ tôi còn đang sống nhục nhã hơn đây.” Yossarian buộc chặt nốt dây chiếc giày thứ hai rồi đứng bật dậy. “Danby này, tôi sẵn sàng rồi. Anh nói sao? Anh có giữ miệng và cho tôi cơ hội bắt được một chuyến xe nào đấy không?”

Thiếu tá Danby chăm chú nhìn Yossarian trong im lặng, với một nụ cười buồn, kỳ lạ. Gã đã ngưng đổ mồ hôi và dường như đang hoàn toàn bình tĩnh. “Nếu tôi cố chặn anh lại thật thì anh sẽ làm gì?” gã hỏi với vẻ giễu cợt sầu thảm. “Đánh tôi à?”

Yossarian đáp lại với vẻ ngạc nhiên tự ái. “Không, tất nhiên là không rồi. Tại sao anh lại nói vậy?”

“Tôi thì sẽ đánh anh,” cha tuyên úy khoác lác, rồi nhún nhảy lướt tới rất gần thiếu tá Danby và làm động tác đấm bốc vào không khí. “Anh và đại úy Black, thậm chí cả trung sĩ Whitcomb. Có tuyệt không khi tôi thấy mình không có gì phải sợ trung sĩ Whitcomb nữa?”

“Vậy anh định chặn tôi lại hả?” Yossarian hỏi thiếu tá Danby, nhìn gã chăm chú.

Thiếu tá Danby nhảy một bước tránh xa khỏi cha tuyên úy và ngập ngừng thêm một lúc lâu. “Không, tất nhiên là không rồi!” đoạn gã thốt lên, và bất chợt vẫy cả hai tay về phía cửa với vẻ khẩn trương hồ hởi. “Tất nhiên là tôi sẽ không ngăn anh lại. Đi đi, vì Chúa, và nhanh lên! Anh có cần tiền không?”

“Tôi có một ít tiền rồi.”

“Chậc, có thêm một ít đây.” với vẻ nhiệt tình mãnh liệt và phấn khích, thiếu tá Danby dúi một nắm dày cộp tiền Ý cho Yossarian, hai tay gã siết chặt hai tay Yossarian, vừa để giữ yên những ngón tay run rẩy của chính gã vừa để động viên Yossarian. “Giờ ở Thụy Điển hẳn là hay lắm,” gã thèm khát nói. “Con gái thì rất ngọt ngào. Còn con người thì rất văn minh.”

“Tạm biệt, Yossarian,” cha tuyên úy nói lớn. “Và chúc may mắn. Tôi sẽ ở lại đây và bền bỉ, và chúng ta sẽ gặp lại khi hết đánh nhau.”

“Chào nhé, cha tuyên úy. Cảm ơn anh, Danby.”

“Anh cảm thấy sao, Yossarian?”

“Ổn. À không, tôi sợ lắm.”

“Vậy thì tốt,” thiếu tá Danby nói. “Điều đó chứng tỏ anh vẫn đang sống. Sắp tới sẽ không vui vẻ gì đâu.”

Yossarian bắt đầu đi. “Sẽ vui vẻ chứ.”

“Tôi nói thật đấy, Yossarian. Ngày nào anh cũng phải nhớ luôn cảnh giác đến từng phút. Họ sẽ xới tung cả đất cả trời lên để tóm được anh.”

“Tôi sẽ cảnh giác đến từng phút.”

“Anh phải chuồn đi thật nhanh đấy!”

“Tôi sẽ chuồn thật nhanh.”

“Đi đi!” thiếu tá Danby hét lên.

Yossarian phi ra ngoài. Cô điếm của Nately đang nấp ở ngay ngoài cửa. Con dao đâm xuống, chỉ cách người y vài phân, và y cất cánh.

NHÃ NAM | KINH ĐIỂN



Trên một hòn đảo ngoài khơi nước Ý thời Thế chiến II có một liên đoàn không quân Mỹ. Một trong số lãnh đạo của họ là đại tá Cathcart, kẻ khao khát muốn gây ấn tượng với cấp trên bằng cách ép lính đi ném bom mỗi lúc một nhiều hơn. Nhân vật chính của chúng ta, Yossarian, mỗi lần đủ chỉ tiêu giải nhiệm thì lại phải đối mặt với chỉ tiêu mới. Trước sự chết chóc kinh hoàng của cuộc đại chiến, tất cả những gì y mong muốn là toàn mạng trở về. Nhưng mỗi khi chỉ tiêu ra trận tăng lên, xác suất sống sót của y lại giảm xuống. Y không có cách nào thoát ra, bởi ở đó có một cái bẫy. Bẫy-22.

THỨ LOGIC VỪA GIẢN DỊ VỪA ĐIÊN RỒ CỦA BẪY-22 CHI PHỐI SUỐT NGÓT 600 TRANG SÁCH VỚI HÀNG CHỤC NHÂN VẬT, QUA CHIẾN TRƯỜNG QUA ĐẠN BOM, QUA BỆNH VIỆN QUÂN Y VÀ NHÀ BẾP HẬU CẦN, QUA TƯỚNG LĨNH VÀ LÍNH TRÁNG, QUA CẢ NHỮNG SỐ PHẬN TAN NÁT VÀ NHỮNG KẺ TRỤC LỢI TỪ CHIẾN TRANH. SỰ ĐIÊN RỒ CHẢY QUA MỌI ĐỐI THOẠI, SỰ NGỚ NGẨN THẤM ĐẪM MỌI NHÂN VẬT, CHO TỚI TẬN CÚ NHẢY KẾT CỤC CUỐI CÙNG. BỘ MẶT CỦA CHIẾN TRANH HIỆN RA KHỦNG KHIẾP TRONG SỰ NỰC CƯỜI, PHI LÝ. BẪY-22 HÀI HƯỚC MỘT CÁCH TRẦN TRỤI, MỘT CÁCH DỮ DỘI, MỘT CÁCH CAY ĐẮNG, MỘT CÁCH MAN RỢ, NHƯNG NHỮNG AI CÓ THỂ CHỊU ĐỰNG ĐƯỢC NÓ THÌ HẲN SẼ KHÔNG THỂ NÀO LÃNG QUÊN.

nhã nam
www.nhanam.vn
ISBN: 978-604-53-9315-4
9786045393154
Giá: 162.000đ
8935235215467